

HỒ SƠ MỜI THẦU

TẬP 3-CÁC BẢN VẼ

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Gói 09-BLVC2: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt VTTB công trình Đường dây 110kV Bạc Liêu 2-Vĩnh Châu (Đoạn tuyến từ vị trí 53 đến vị trí 112)

Dự án/dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Công trình: Đường dây 110kV Bạc Liêu 2-Vĩnh Châu

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Nam

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Uyên Nhật

BIÊN CHẾ E-HSMT:

E-HSMT “Gói 09-BLVC2: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt VTTB công trình Đường dây 110kV Bạc Liêu 2-Vĩnh Châu (Đoạn tuyến từ vị trí 53 đến vị trí 112): bao gồm VTTB phần đường dây, VTTB phần mở rộng ngăn lộ (phần thiết bị ngoài trời, tủ bảng điện, tủ đấu dây, TTLL, SCADA,...), thí nghiệm hiệu chỉnh toàn bộ VTTB mở rộng ngăn lộ, tính toán chỉnh định role lập phương thức đóng điện, vận hành và xử lý sự cố phần mở rộng ngăn lộ, phát quang hành lang tuyến” được biên chế thành các tập như sau:

- TẬP 1: CHỈ DẪN NHÀ THẦU
- TẬP 2: YÊU CẦU KỸ THUẬT
- TẬP 3: CÁC BẢN VẼ

LIỆT KÊ CÁC BẢN VẼ

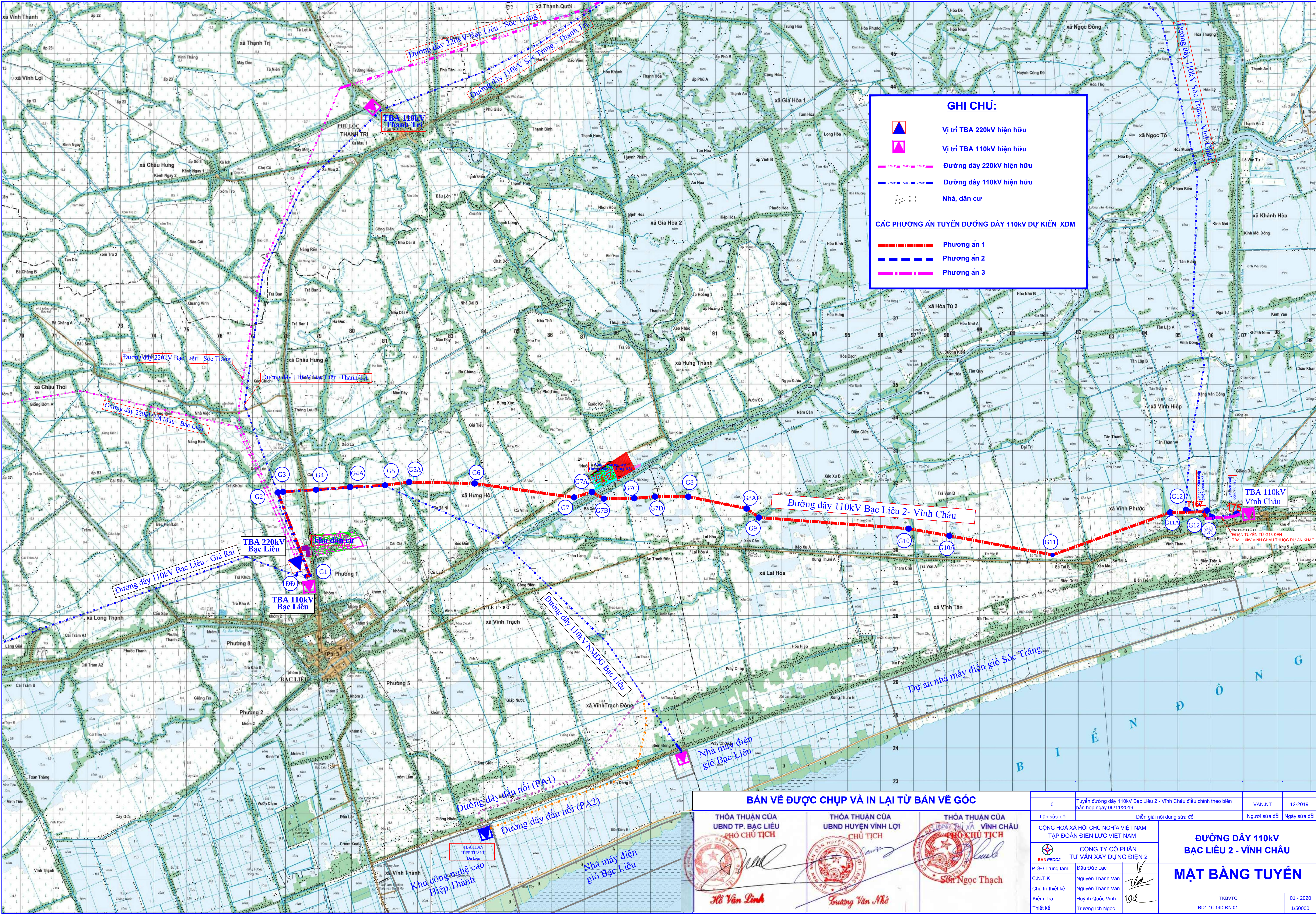
STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
PHẦN A: ĐƯỜNG DÂY 110kV		
I. CÁC BẢN VẼ PHẦN ĐIỆN		
1	MẶT BẰNG TUYẾN	ĐD1-16-14D.ĐN-01
2	BÌNH ĐỒ ĐẦU NỐI TẠI TBA	ĐD1-16-14D.ĐN-02
	BÌNH ĐỒ ĐẦU NỐI 110kV HIỆN HỮI TẠI TBA 220kV BẠC LIÊU	ĐD1-16-14D.ĐN-02/1
	BÌNH ĐỒ MỞ RỘNG NGĂN VÀ ĐẦU NỐI 110kV TẠI TBA 220kV BẠC LIÊU	ĐD1-16-14D.ĐN-02/2
	BÌNH ĐỒ ĐẦU NỐI TẠI TBA 110kV VĨNH CHÂU	ĐD1-16-14D.ĐN-02/3
3	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ ĐẦU NỐI ĐD VÀO HTĐ	ĐD1-16-14D.ĐN-03
4	BỐ TRÍ CỘT TRÊN MẶT CẮT DỌC (Bao gồm 8 bản vẽ từ --.ĐN.04/1--> --.ĐN.04/8)	
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN TC-ĐD-G2	ĐD1-16-14D.ĐN-04/1
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G2-G5	ĐD1-16-14D.ĐN-04/2
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G5-G6	ĐD1-16-14D.ĐN-04/3
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G6-G7B	ĐD1-16-14D.ĐN-04/4
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G7B-G8A	ĐD1-16-14D.ĐN-04/5
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G8A-G10	ĐD1-16-14D.ĐN-04/6
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G10-G11	ĐD1-16-14D.ĐN-04/7
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G11-G13	ĐD1-16-14D.ĐN-04/8
5	CÁC BẢN VẼ CHUỖI CÁCH ĐIỆN (Bao gồm các bản vẽ từ --.ĐN.05/1--> --.ĐN.05/11)	
	CHUỖI CĐ ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN DDD.1-70(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/1
	CHUỖI CĐ ĐÔI KÉP DÂY DẪN ĐIỆN DDD.2-70(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/2
	CHUỖI CĐ ĐÔI LÈO DÂY DẪN ĐIỆN DLD.1-70(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/3
	CHUỖI CĐ NÉO ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN NDD.1-210(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/4
	CHUỖI CĐ NÉO KÉP DÂY DẪN ĐIỆN NDD.2-210(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/5

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
	CHUỖI CĐ NÉO ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN NDD.1-120	ĐD1-16-14D.ĐN-05/6
	CHUỖI CĐ ĐỖ LÈO DÂY DẪN ĐIỆN DLD.1-70	ĐD1-16-14D.ĐN-05/7
	CHUỖI ĐỖ CHỐNG SÉT DCS-70	ĐD1-16-14D.ĐN-05/8
	CHUỖI NÉO DÂY CHỐNG SÉT NCS-120	ĐD1-16-14D.ĐN-05/9
	CHUỖI ĐỖ CHỐNG SÉT CÁP QUANG DCQ-70	ĐD1-16-14D.ĐN-05/10
	CHUỖI NÉO CHỐNG SÉT CÁP QUANG NCQ-70	ĐD1-16-14D.ĐN-05/11
6	BẢN VẼ TIẾP ĐỊA	
	TIẾP ĐẤT TĐ-B2	ĐD1-16-14D.ĐN-06
7	BIÊN BÁO - BIÊN SỐ (Bao gồm các bản vẽ từ --.ĐN.07/1--> --.ĐN.07/3)	
	BIÊN BÁO NGUY HIỂM CỘT THÉP	ĐD1-16-14D.ĐN-07/1
	BIÊN SỐ CỘT THÉP	ĐD1-16-14D.ĐN-07/2
	BIÊN SỐ VÀ PHÂN MẠCH CỘT THÉP	ĐD1-16-14D.ĐN-07/3
8	BIÊN BÁO VƯỢT ĐƯỜNG, VƯỢT SÔNG (Bao gồm 5 bản vẽ từ --.ĐN.08/1--> --.ĐN.08/6)	
	CHI TIẾT BIÊN BÁO VƯỢT SÔNG C4.1 & C2.1-1200	ĐD1-16-14D.ĐN-08/1
	CHI TIẾT BIÊN BÁO CẮM ĐỖ C1.4 & C5.5-1200	ĐD1-16-14D.ĐN-08/2
	CHI TIẾT BIÊN BÁO VƯỢT SÔNG C4.1 & C2.1-1500	ĐD1-16-14D.ĐN-08/3
	CHI TIẾT BIÊN BÁO CẮM ĐỖ C1.4 & C5.5-1500	ĐD1-16-14D.ĐN-08/4
	CHI TIẾT MÓNG BB VƯỢT SÔNG VÀ CẮM ĐỖ (1500)	ĐD1-16-14D.ĐN-08/5
	BIÊN BÁO VƯỢT ĐƯỜNG	ĐD1-16-14D.ĐN-08/6
II. CÁC BẢN VẼ PHẦN XÂY DỰNG		
1	SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI CỘT TRÊN TUYẾN (Bao gồm 14 bản vẽ từ --.XD.01/01--> --.XD.01/14)	
	CỘT ĐỖ 110kV 02 MẠCH Đ1.2-30	ĐD1-16-14D.XD-01/01
	CỘT ĐỖ 110kV 02 MẠCH Đ1.2-34	ĐD1-16-14D.XD-01/02
	CỘT ĐỖ 110kV 02 MẠCH Đ1.2-38	ĐD1-16-14D.XD-01/03
	CỘT ĐỖ 110kV 02 MẠCH Đ1.2-42	ĐD1-16-14D.XD-01/04
	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 30° N1.2-28(30)	ĐD1-16-14D.XD-01/05

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 45° N1.2-28(45)	ĐD1-16-14D.XD-01/06
	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 60° N1.2-32(60)	ĐD1-16-14D.XD-01/07
	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 60° N1.2-45(60)	ĐD1-16-14D.XD-01/08
	CỘT NÉO CUỐI 110KV 2 MẠCH N1.2 – 28(NC)	ĐD1-16-14D.XD-01/09
	CỘT NÉO CUỐI 110KV 2 MẠCH TẬN DỤNG N110-2T+9(90)	ĐD1-16-14D.XD-01/10
	CỘT ĐỖ 110KV 3 MẠCH Đ1.3 - 42	ĐD1-16-14D.XD-01/11
	CỘT ĐỖ 110KV 3 MẠCH Đ1.3 - 50	ĐD1-16-14D.XD-01/12
	CỘT NÉO GÓC 110KV 3 MẠCH ĐẾN 90° N1.3-37.5(90)	ĐD1-16-14D.XD-01/13
	CỘT NÉO HẦM 110KV 3 MẠCH N1.3-41.5(H)	ĐD1-16-14D.XD-01/14
2	SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN (Bao gồm 18 bản vẽ từ --.XD.02/01--> --.XD.02/18)	
	CÁC LOẠI BULONG NEO	ĐD1-16-14D.XD-02/01
	CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-30 – MÓNG BẢN VẼ MB3.74-10.5x12.5	ĐD1-16-14D.XD-02/02
	CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-34 – MÓNG BẢN VẼ MB4.3-11.5x13	ĐD1-16-14D.XD-02/03
	CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-38 – MÓNG BẢN VẼ MB4.8-12x13.5	ĐD1-16-14D.XD-02/04
	CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-42 – MÓNG BẢN VẼ MB5.33-12.5x14	ĐD1-16-14D.XD-02/05
	CỘT NÉO GÓC N1.2-28(30) – MÓNG BẢN VẼ MB6.3-13x15.5	ĐD1-16-14D.XD-02/06
	CỘT NÉO GÓC N1.2-28(45) – MÓNG BẢN VẼ MB6.3-15x17	ĐD1-16-14D.XD-02/07
	CỘT NÉO GÓC N1.2-32(60) – MÓNG BẢN VẼ MB7.5-16.5x18.5	ĐD1-16-14D.XD-02/08
	CỘT NÉO GÓC N1.2-45(60) – MÓNG BẢN VẼ MB11.4-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-02/09
	CỘT NÉO CUỐI N1.2-28(NC) – MÓNG BẢN VẼ MB6.3-15.5x17.5	ĐD1-16-14D.XD-02/10
	CỘT NÉO GÓC N110-2T+9(90) – MÓNG BẢN MB7.5-16x18	ĐD1-16-14D.XD-02/11
	CỘT ĐỖ THẲNG D1.3-42 – MÓNG BẢN MMB5.97-12.5x14.5	ĐD1-16-14D.XD-02/12
	CỘT ĐỖ THẲNG D1.3-50 – MÓNG BẢN MMB7.63-14x16	ĐD1-16-14D.XD-02/13

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
	CỘT NÉO GÓC N1.3-37.5(90) – MÓNG BẢN MB8.56-22x22	ĐD1-16-14D.XD-02/14
	CỘT NÉO HẪM N1.3-41.5(H) – MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-02/15
	BẢN VẼ DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT MÓNG BẢN CỘT THÉP	ĐD1-16-14D.XD-02/16
	BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT VĨNH VIỄN VÀ ĐẤT MƯỢN TẠM ĐỂ THI CÔNG	ĐD1-16-14D.XD-02/17
	BIỆN PHÁP THI CÔNG CÁC VỊ TRÍ MÓNG NẪM TRONG AO TÔM	ĐD1-16-14D.XD-02/18
3	LIÊN KẾT CỘT VÀ MÓNG BULONG NÉO (Bao gồm 05 bản vẽ từ --.XD.03/01--> --.XD.03/05)	
	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL48-250	ĐD1-16-14D.XD-03/1
	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL64-400	ĐD1-16-14D.XD-03/2
	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL72-400	ĐD1-16-14D.XD-03/3
	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL90-400	ĐD1-16-14D.XD-03/4
	SƠ ĐỒ BỐ TRÍ STUR-BAR SỬ DỤNG CHO CỘT N1.3-37.5(90)	ĐD1-16-14D.XD-03/5
4	BẢN VẼ CHI TIẾT CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN (Bao gồm 14 bản vẽ từ --.XD.04/01--> --.XD.04/14) từ 1/2	
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5	ĐD1-16-14D.XD-04/1
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13	ĐD1-16-14D.XD-04/2
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5	ĐD1-16-14D.XD-04/3
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14	ĐD1-16-14D.XD-04/4
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5	ĐD1-16-14D.XD-04/5
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15x17	ĐD1-16-14D.XD-04/6
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5	ĐD1-16-14D.XD-04/7
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/8
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5	ĐD1-16-14D.XD-04/9
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16x18	ĐD1-16-14D.XD-04/10
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5	ĐD1-16-14D.XD-04/11
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.63-14x16	ĐD1-16-14D.XD-04/12
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-22x22	ĐD1-16-14D.XD-04/13

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/14
5	BẢN VẼ CHI TIẾT CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN (Bao gồm 14 bản vẽ từ --.XD.04/01--> --.XD.04/14) tờ 2/2	
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5	ĐD1-16-14D.XD-04/1
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13	ĐD1-16-14D.XD-04/2
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5	ĐD1-16-14D.XD-04/3
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14	ĐD1-16-14D.XD-04/4
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5	ĐD1-16-14D.XD-04/5
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15x17	ĐD1-16-14D.XD-04/6
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5	ĐD1-16-14D.XD-04/7
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/8
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5	ĐD1-16-14D.XD-04/9
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16x18	ĐD1-16-14D.XD-04/10
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5	ĐD1-16-14D.XD-04/11
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.63-14x16	ĐD1-16-14D.XD-04/12
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-22x22	ĐD1-16-14D.XD-04/13
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/14



BẢN VẼ ĐƯỢC CHỤP VÀ IN LẠI TỪ BẢN VẼ GỐC

THỎA THUẬN CỦA UBND TP. BẠC LIÊU
PHÓ CHỦ TỊCH

THỎA THUẬN CỦA UBND HUYỆN VINH LỢI
CHỦ TỊCH

THỎA THUẬN CỦA UBND THỊ XÃ VINH CHÂU
PHÓ CHỦ TỊCH

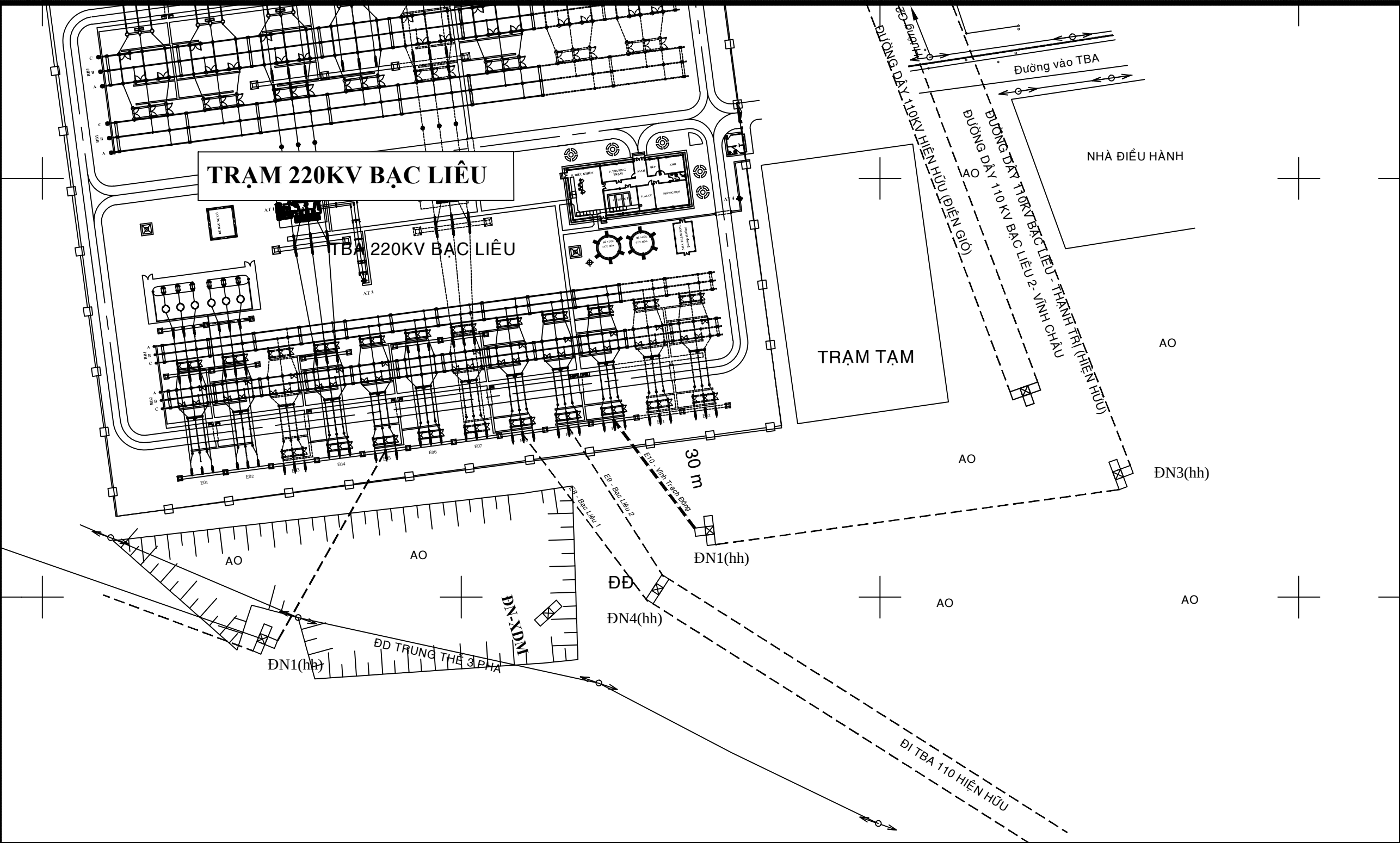

Hồ Văn Linh


Trương Văn Nhỏ

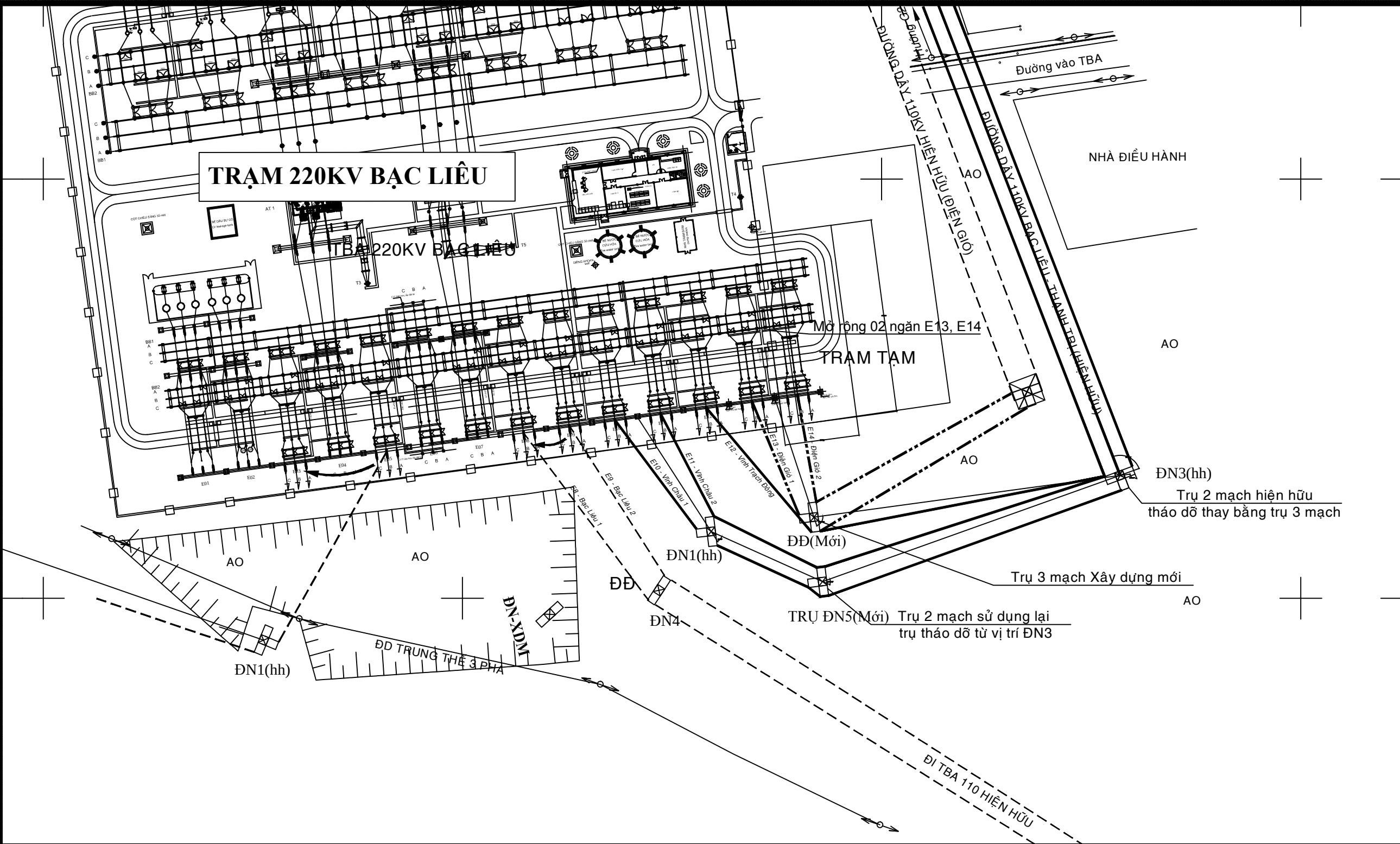

Sơn Ngọc Thạch

01	Tuyến đường dây 110kV Bắc Liêu 2 - Vĩnh Châu điều chỉnh theo biên bản họp ngày 06/11/2019.	VAN.NT	12-2019
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi

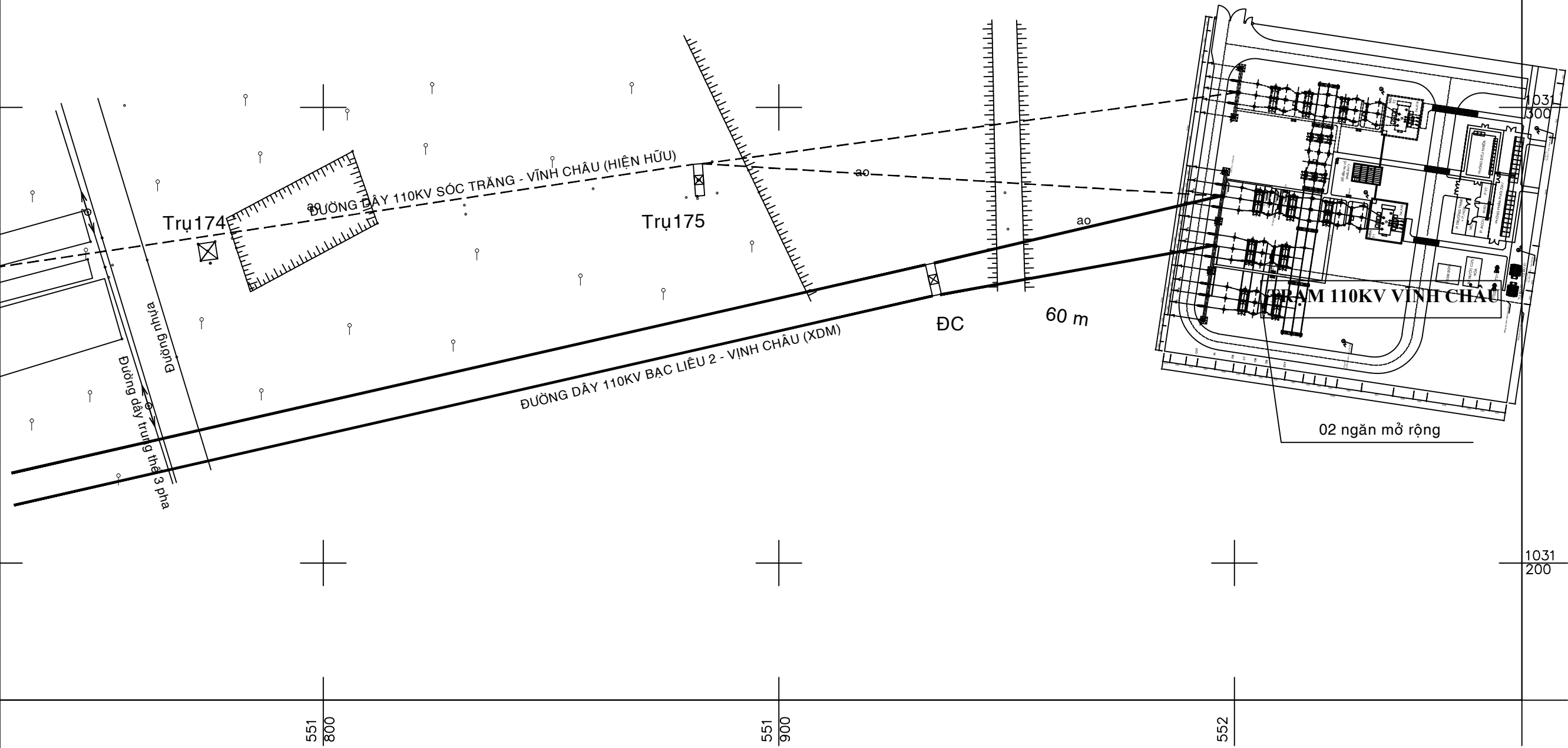
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MẶT BẰNG TUYẾN	
P.GD Trung tâm	Đầu Đức Lạc	TKBVC	01 - 2020
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn	ĐD1-16-14D-ĐN.01	1/50000
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm Tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ích Ngọc		



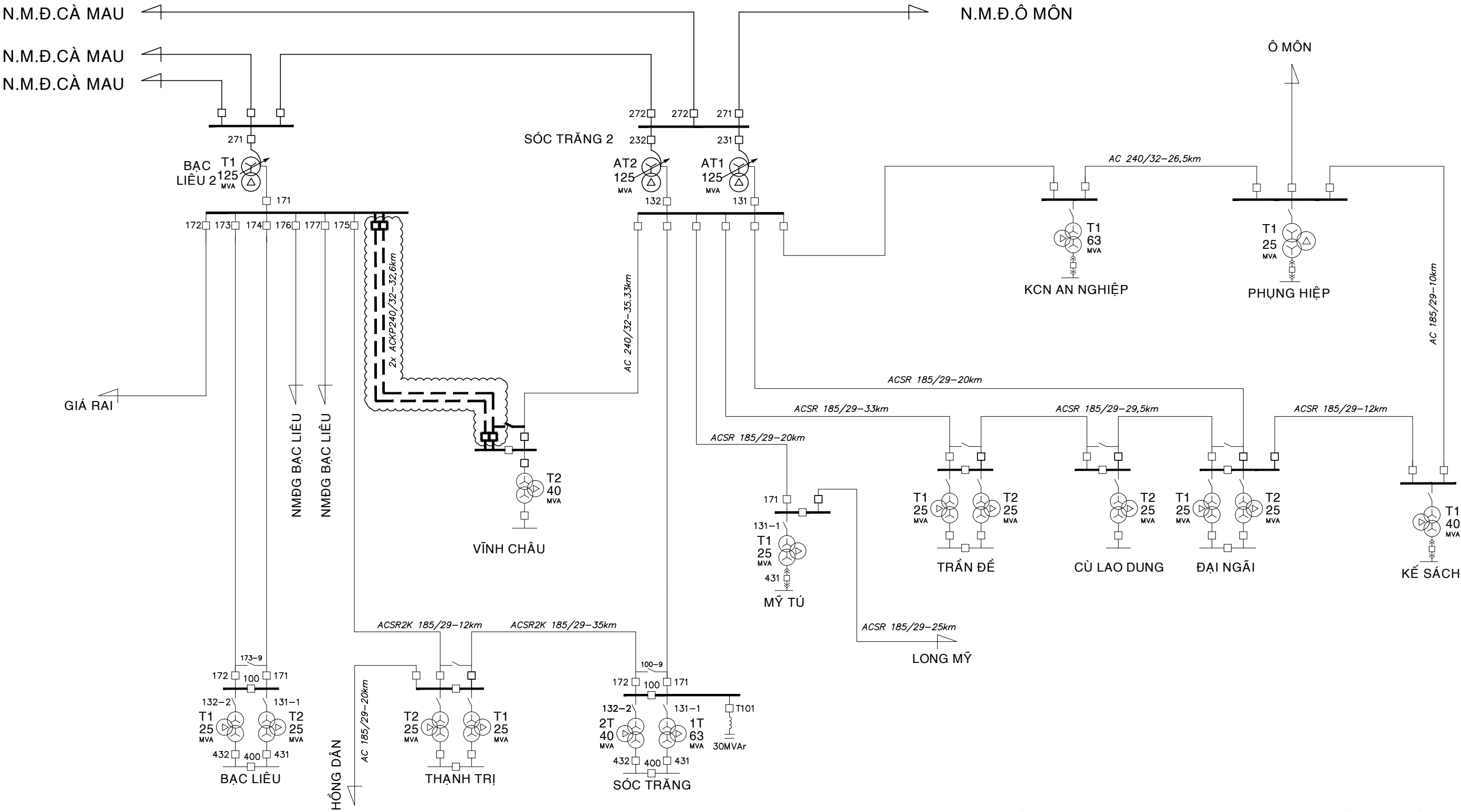
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.GĐ Trung tâm	Đậu Đức Lạc	BÌNH ĐỒ ĐẦU NỐI 110kV HIỆN HỮU TẠI TBA 220kV BẠC LIÊU	
CNLDA	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	8 - 2019
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD1-16-14D.ĐN-02/1	



Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU BÌNH ĐỒ MỞ RỘNG NGĂN VÀ ĐẦU NỐI 110KV TẠI TBA 220KV BẠC LIÊU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.GĐ Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNLDA	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD1-16-14D.ĐN-02/2	
		01 - 2019	



Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi Ngày sửa đổi	
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				
P.GĐ Trung tâm	Đậu Đức Lạc		BÌNH ĐỒ ĐẦU NỐI TẠI TBA 110KV VĨNH CHÂU	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			
CTTK	Nguyễn Thành Văn			
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2019
Thiết kế	Trương Ích Ngọc		ĐD1-16-14D.ĐN-02/3	



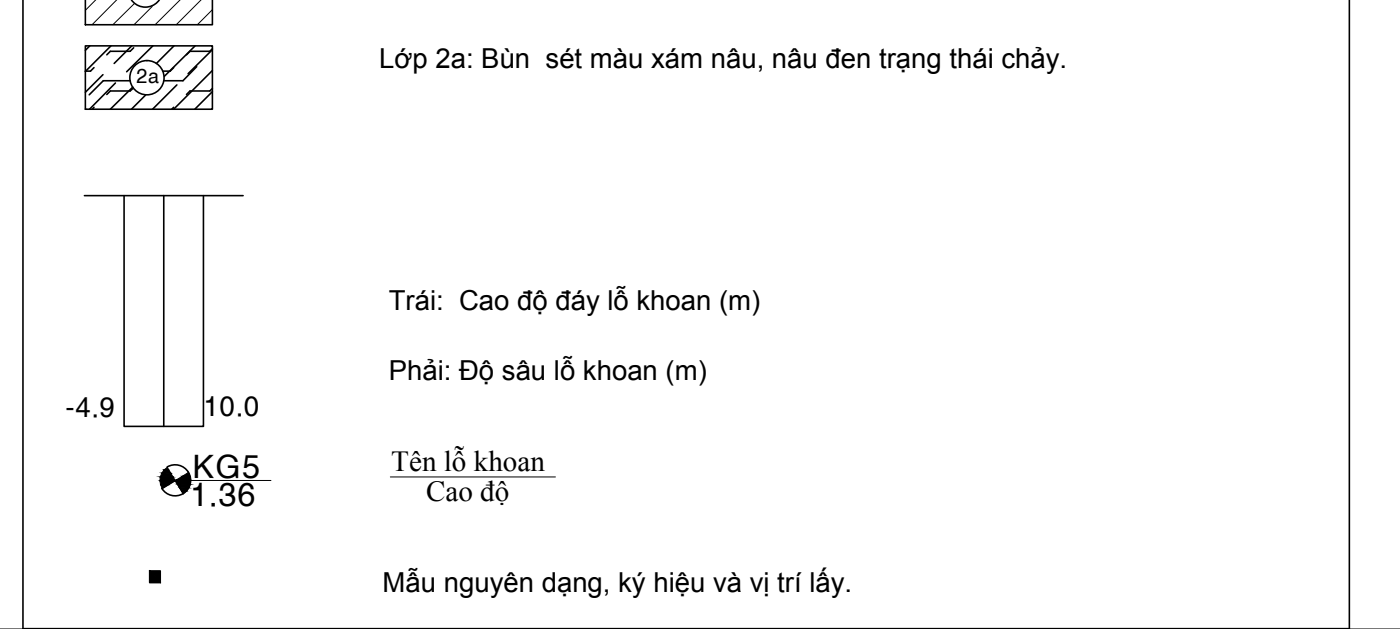
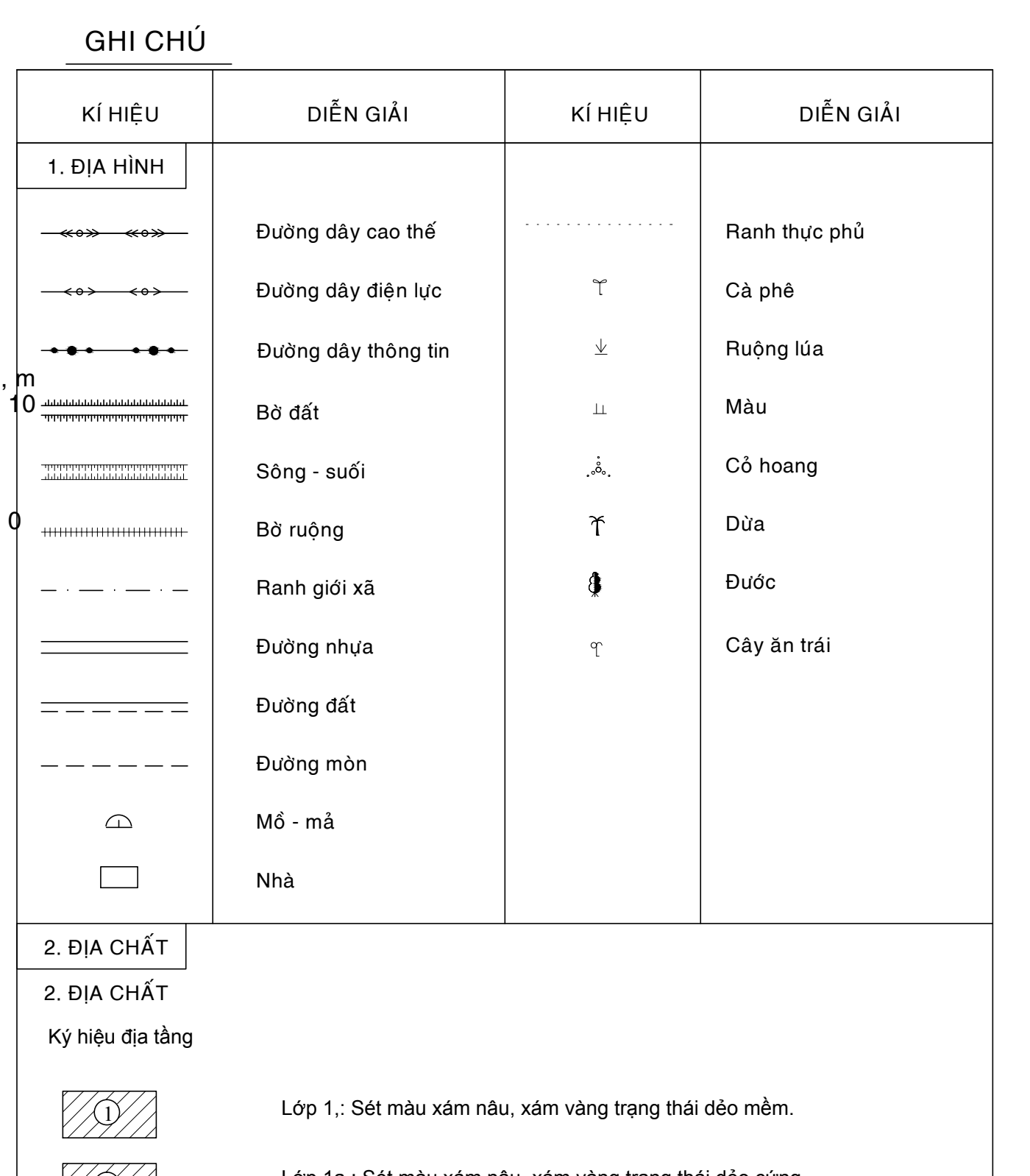
GHI CHÚ:

===== - ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM 220kV HIỆN HỮU

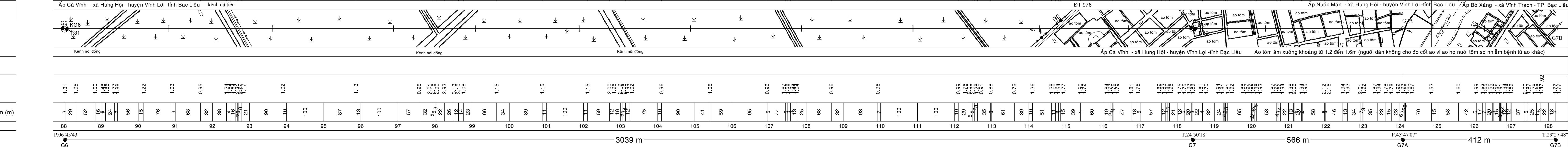
===== - ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM 110kV HIỆN HỮU

===== - ĐƯỜNG DÂY 110KV THUỘC PHẠM VI DỰ ÁN

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ ĐẦU NỐI ĐD VÀO HỆ THỐNG ĐIỆN	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
		ĐD.1-16-14D-ĐN.03	

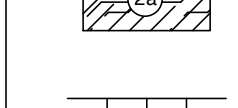


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G5-G6	
PGĐ Trung tâm	Đậu Đức Lạc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DD1-16-14D.ĐN-04/3	01-2020 1/500 - 1/50000
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTKT	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương kế Ngọc		



n (m)	

Lớp 2a: Bùn sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.



Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)

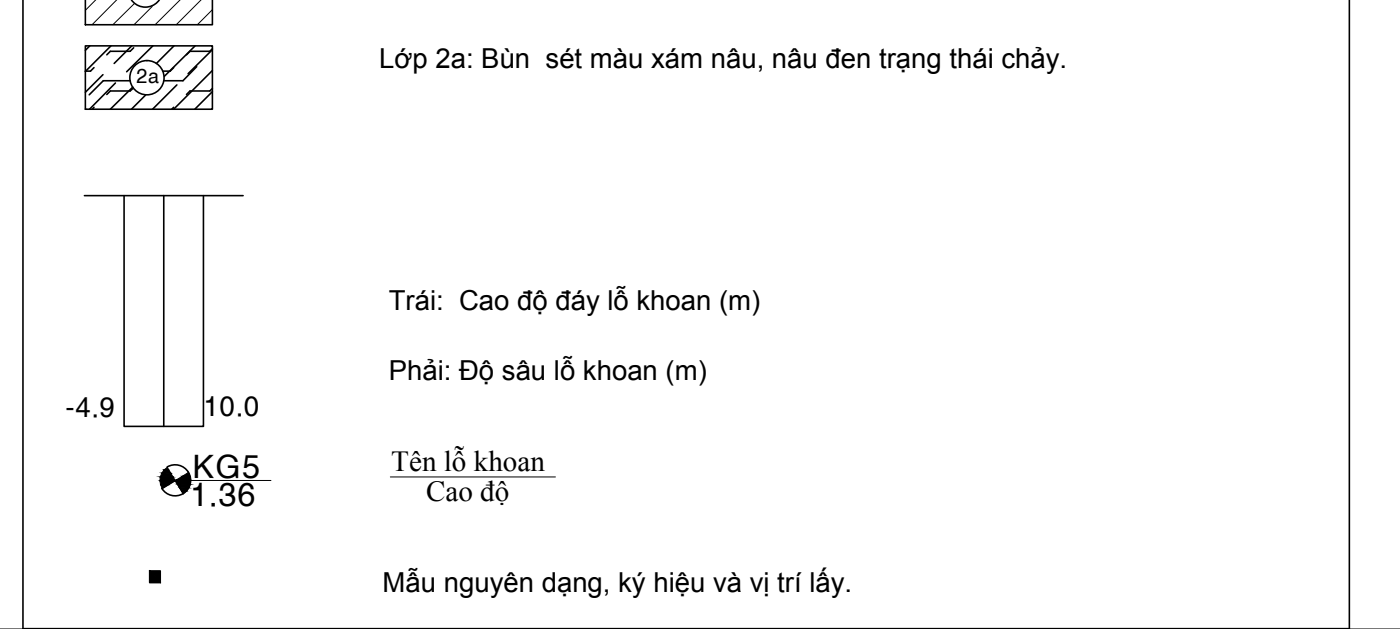
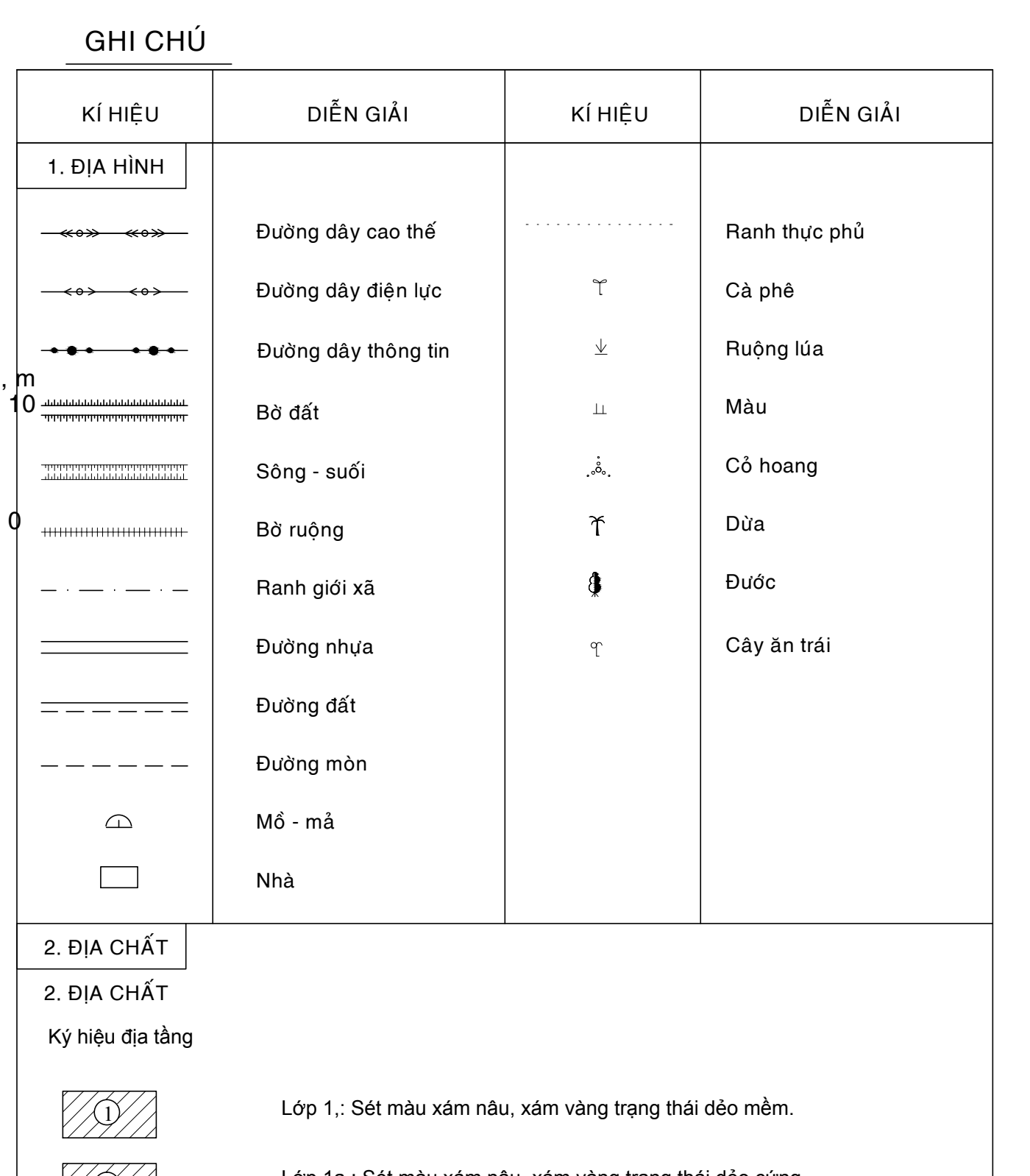
Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)

Tên lỗ khoan	Cao độ
 KG5	1.36

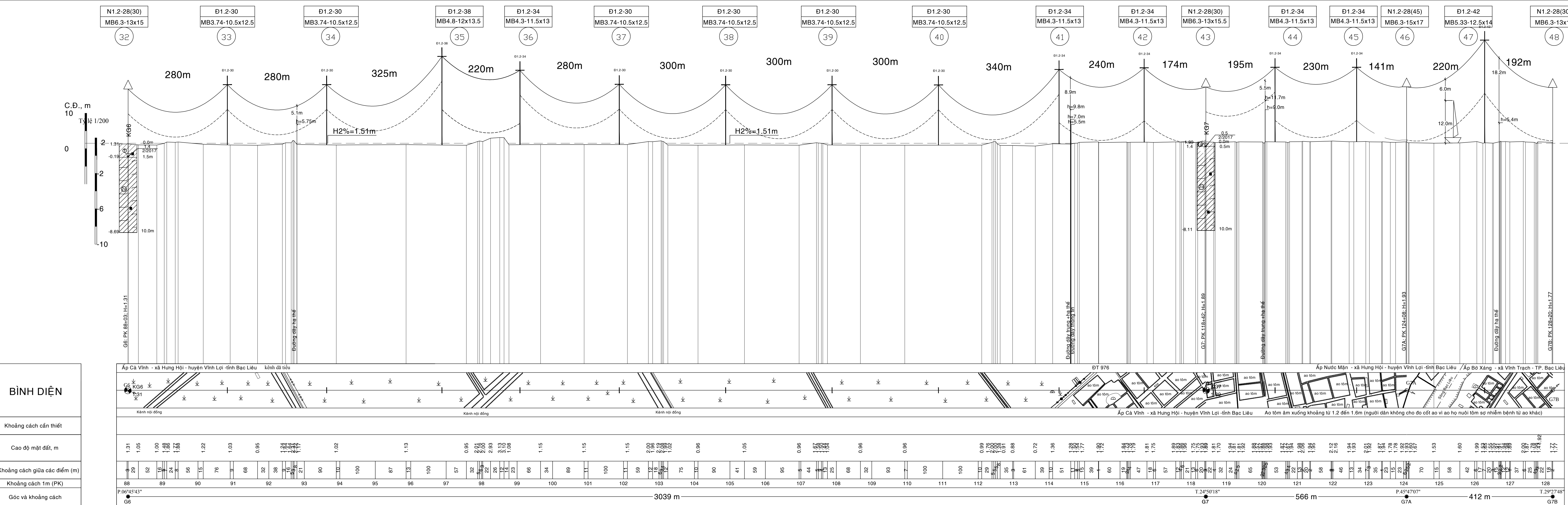
■ Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.

Áp lực chịu tải tiêu chuẩn R ₀ (kG/cm ²)	1.08	1.98	0.36
--	------	------	------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CH	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				
PGD Trung tâm	Đầu Đức Lạc		MẬT CẮT DỌC ĐOẠN G6-G7-G7A-G	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			
CTTK	Nguyễn Thành Văn			
Kiểm tra	Huyền Quốc Vinh			
Thiết kế	Tư vấn Ich Ngọc		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DD1-16-14D ĐN-04/4	1/



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G5-G6	
PGĐ Trung tâm	Đầu Đức Lạc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DD1-16-14D.DN-04/3	01-2020 1/500 - 1/5000
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huyền Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ich Ngọc		



GHI CHÚ

KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
1. ĐỊA HÌNH			
	Đường dây cao thế		Ranh thực phủ
	Đường dây điện lực		Cà phê
	Đường dây thông tin		Rượu lúa
	Bờ đất		Màu
	Sông - suối		Cỏ hoang
	Bờ ruộng		Dừa
	Ranh giới xã		Đước
	Đường nhựa		Cây ăn trái
	Đường đất		
	Đường mòn		
	Mố - mả		
	Nhà		

2. ĐỊA CHẤT

Ký hiệu địa tầng

	Lớp 1.: Sét màu xám nâu, xám vàng trạng thái dẻo mềm.
	Lớp 1a.: Sét màu xám nâu, xám vàng trạng thái dẻo cứng.
	Lớp 2a: Bùn sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.

Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)
Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)

Tên lỗ khoan
Cao độ

Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.

GHI CHÚ CỘT

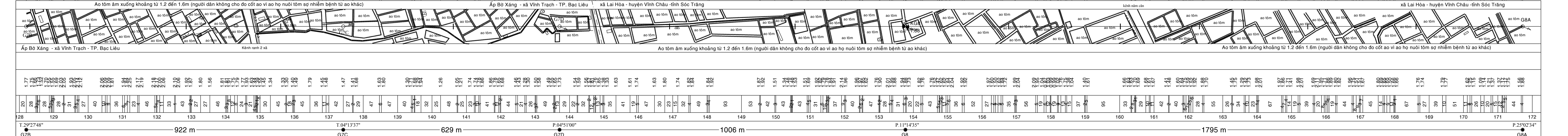
	CỘT ĐỒ THẲNG		CỘT NÉO GÓC		CỘT NÉO CUỐI		CỘT CỐNG TBA
--	--------------	--	-------------	--	--------------	--	--------------

N1.3-41.5 MB6.56-20x22 6	Ký hiệu cột Ký hiệu móng Số hiệu cột
--------------------------------	--

BẢNG CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT

Tên lớp đất	Lớp 1 Sét mềm	Lớp 1a Sét cứng	Lớp 2a Bùn sét
Đặc trưng cơ lý đất			
Độ ẩm tự nhiên (W%)	43.2	30	66.6
Dung trọng tự nhiên γ _n (g/cm³)	1.8	1.9	1.6
Dung trọng khô γ _d (g/cm³)	1.2	1.5	1.0
Tỷ trọng Δ (g/cm³)	2.8	2.8	2.7
Độ lỗ rỗng n%	55.1	46.4	64.6
Hệ số rỗng e _s	1.2	0.9	1.8
Độ bão hoà G%	96.5	95.9	97.2
Độ sụt B	0.5	0.2	1.4
Hệ số nén lún a (cm²/kg)	0.054	0.028	0.556
Góc ma sát trong φ _o	09°05'	15°55'	02°29'
Lực dính C (kg/cm²)	0.186	0.284	0.050
Mô đun tổng biến dạng E _o (kg/cm²)	39.7	154	4.57
Áp lực chu tải tiêu chuẩn R _o (kg/cm²)	1.08	1.98	0.36

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VINH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MẬT CẮT DỌC ĐOẠN G6-G7-G7A-G7B	
PGB Trung tâm	Đầu Đức Lạc		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Thiết kế	Trương Lịch Ngọc	ĐD1-16-14D.DN-04/4	
		01-2020	
		1/500 - 1/5000	



BÌNH DIỆN
Khoảng cách cần thiết
Cao độ mặt đất, m
Khoảng cách giữa các điểm (m)
Khoảng cách 1m (PK)
Góc và khoảng cách

Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)

Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)

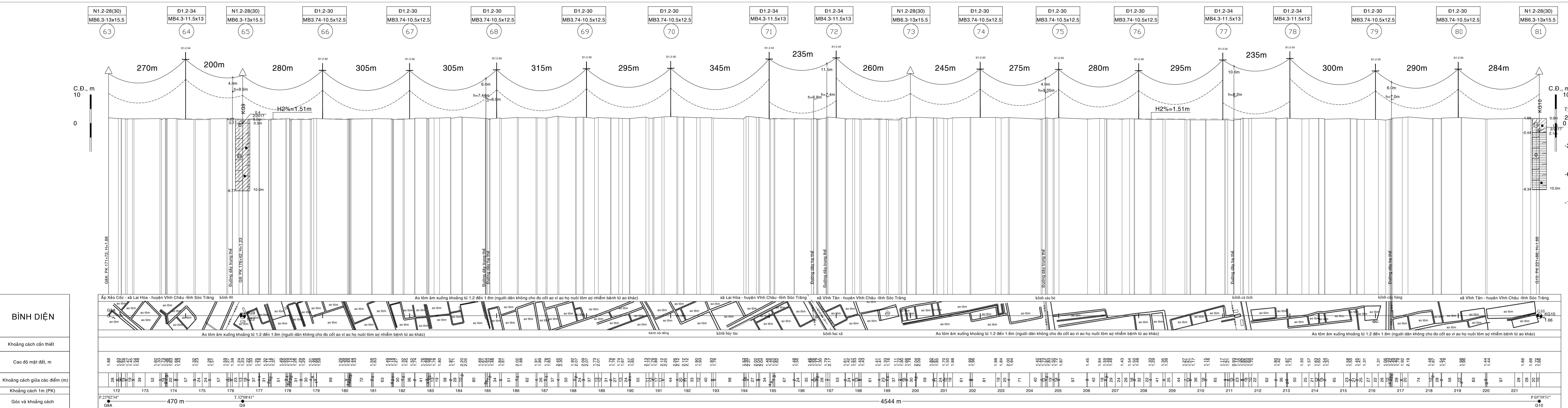
10.0

KG5
1.36

Tên lỗ khoan
Cao độ

Áp lực chủ tải theo chuẩn K0 (kg/cm ²)		1.98	0.36
TỔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH C	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G7B-G7C-G7D-G	
9 Trung tâm	Đầu Đục Lạc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D DN-04/5	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huyền Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ich Ngọc		

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CỎ	
CÔNG TÁC CỐ PHẢN TỬ VÁN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MẬT CÁT ĐỘC ĐOẠN G7B-G7C-G7D-G	
Trung tâm CNTT CNTT Kiểm tra Thiết kế	Đội Đào Luyện Nguyễn Thành Văn Nguyễn Thành Văn Huỳnh Quốc Vinh Trương Ich Nho:	THIẾT KẾ BÀN VẪM THÍ CÔNG DDI-1.6-14D DN-04/5	



GHI CHÚ			
KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
1. ĐỊA HÌNH			
	Đường dây cao thế		Ranh thực phủ
	Đường dây điện lực		Cà phê
	Đường dây thông tin		Ruộng lúa
	Bờ đất		Màu
	Sông - suối		Cỏ hoang
	Bờ ruộng		Dừa
	Ranh giới xã		Đước
	Đường nhựa		Cây ăn trái
	Đường đất		
	Mô - má		
	Nhà		
2. ĐỊA CHẤT			
Ký hiệu địa tầng			
	Lớp 1.: Sét màu xám sẫm trạng thái dẻo mềm.		
	Lớp 1a.: Sét màu xám sẫm trạng thái nửa cứng.		
	Lớp 2: Bùn á sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Lớp 2a: Bùn sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)		
	Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)		
	Tên lỗ khoan		
	Cao độ		
	Mẫu nước, ký hiệu và vị trí lấy.		
	Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.		
	Mức nước ngầm		
	Độ sâu, m		
	Tháng-năm đo		

GHI CHÚ CỘT

CỘT ĐỒ THẲNG

CỘT NÉO GÓC

CỘT NÉO CUỐI

CỘT CỐNG TBA

N1.3-41.5

MB8.56-20x22

6

Ký hiệu cột

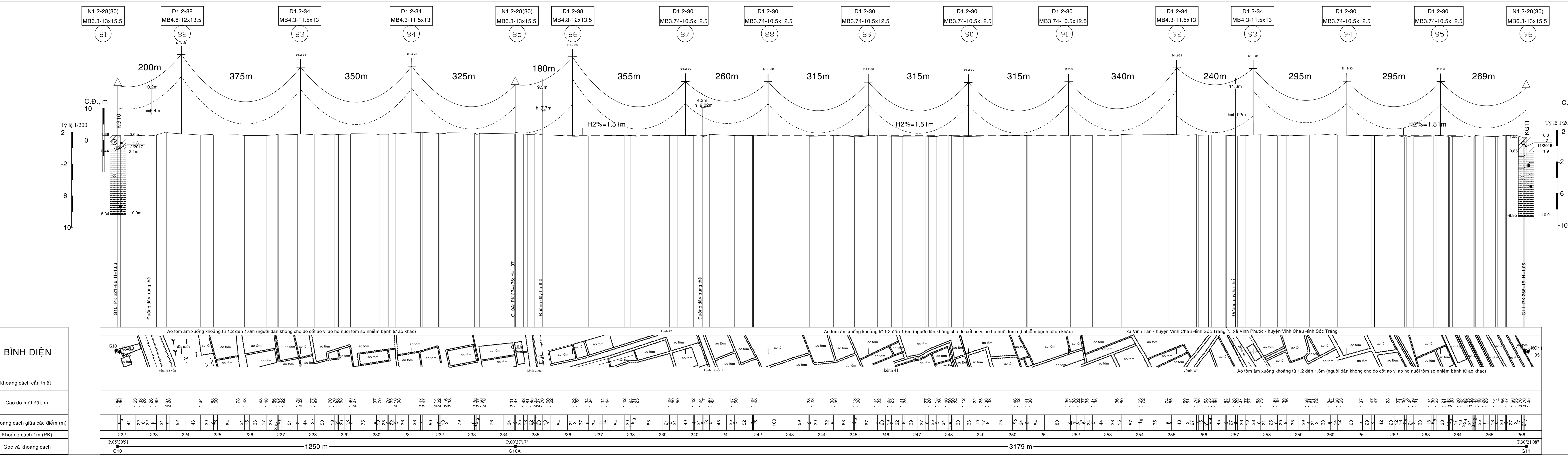
Ký hiệu móng

Số hiệu cột

Tên lớp đất	Lớp 1 Sét mềm	Lớp 1a Sét cứng	Lớp 2 Bùn á sét	Lớp 2a Bùn sét
Độ ẩm tự nhiên (W%)	43.2	30	42.9	66.6
Dung trọng tự nhiên γ_n (g/cm ³)	1.8	1.9	1.7	1.6
Dung trọng khô γ_k (g/cm ³)	1.2	1.5	1.2	1.0
Tỷ trọng Δ (g/cm ³)	2.8	2.8	2.7	2.7
Độ lỗ rỗng n%	55.1	46.4	54.4	64.6
Hệ số rỗng e_0	1.2	0.9	1.2	1.8
Độ bão hòa G%	96.5	95.9	96.1	97.2
Độ sét B	0.5	0.2	1.6	1.4
Hệ số nén lún a (cm ² /kG)	0.054	0.028	0.270	0.556
Góc ma sát trong ϕ	09°05'	15°55'	05°25'	02°29'
Lực dính C (kG/cm ²)	0.186	0.284	0.062	0.050
Mô đun tổng biến dạng E_0 (kG/cm ²)	39.7	154	11.2	4.57
Áp lực chịu tải tiêu chuẩn R_0 (kG/cm ²)	1.08	1.98	0.48	0.36

Nước ngầm tại lỗ khoan KG10: Nước Clorua, Sulfate-Sodium, Magneium, Ăn mòn bề tông yếu SO_4^{2-} và CO_2 ăn mòn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
	CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2	MẬT CẮT ĐỌC ĐOẠN G8A-G9-G10	
PGĐ Trung tâm	Đầu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ich Ngọc		
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01-2020
		ĐD1-16-14D-ĐN-04/6	1/500 - 1/5000



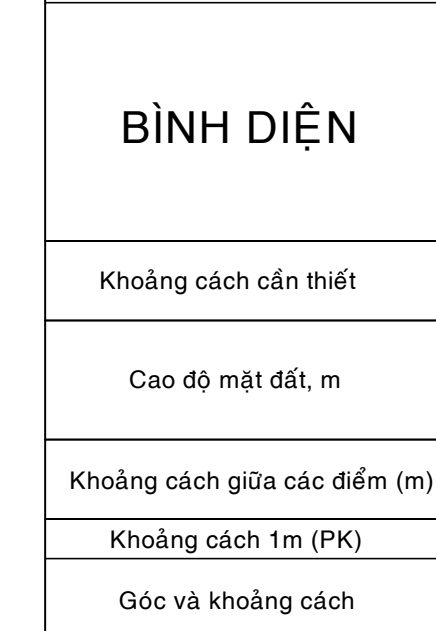
GHI CHÚ			
KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
1. ĐỊA HÌNH			
	Đường dây cao thế		Ranh thực phủ
	Đường dây điện lực		Cà phê
	Đường dây thông tin		Ruộng lúa
	Bờ đất		Màu
	Sông - suối		Cỏ hoang
	Bờ ruộng		Dừa
	Ranh giới xã		Đước
	Đường nhựa		Cây ăn trái
	Đường đất		
	Đường mòn		
	Mỏ - mỏ		
	Nhà		
2. ĐỊA CHẤT			
Ký hiệu địa tầng			
	Lớp 1.: Sét màu xám sẫm trạng thái dẻo mềm.		
	Lớp 1a.: Sét màu xám sẫm trạng thái nửa cứng.		
	Lớp 2: Bùn á sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)		
	Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)		
	Tên lỗ khoan		
	Cao độ		
	Mẫu nước, ký hiệu và vị trí lấy.		
	Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.		
	Mức nước ngầm		
	Độ sâu, m		
	Thăng-năm đo		

GHI CHÚ CỘT			
	CỘT ĐỒ THẲNG		CỘT NÉO GÓC
	CỘT NÉO CUỐI		CỘT CỐNG TBA
	N1.3-41.5 MB8.56-20x22		Ký hiệu cột Ký hiệu móng Số hiệu cột

BẢNG CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT			
Tên lớp đất	Lớp 1 Sét mềm	Lớp 1a Sét cứng	Lớp 2 Bùn á sét
Độ ẩm tự nhiên (W%)	43.2	30	42.9
Dung trọng tự nhiên γ_n (g/cm ³)	1.8	1.9	1.7
Dung trọng khô γ_d (g/cm ³)	1.2	1.5	1.2
Tỷ trọng Δ (g/cm ³)	2.8	2.8	2.7
Độ lún rỗng n%	55.1	46.4	54.4
Hệ số rỗng e_0	1.2	0.9	1.2
Độ bão hoà G%	96.5	95.9	96.1
Độ sét B	0.5	0.2	1.6
Hệ số nắn lún a (cm ² /kG)	0.054	0.028	0.270
Góc ma sát trong ϕ	09°05'	15°55'	05°25'
Lực dính C (kG/cm ²)	0.186	0.284	0.062
Mô đun tổng biến dạng E_0 (kG/cm ²)	39.7	154	11.2
Áp lực chịu tải tiêu chuẩn R_0 (kG/cm ²)	1.08	1.98	0.48

Nước ngầm tại lỗ khoan KG10: Nước Clorua, Sulfate-Sodium, Magneium, Ăn mòn bê tông yếu SO_4^{2-} và CO_2 ăn mòn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VINH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MẬT CẮT ĐỌC ĐOẠN G10-G10A-G11	
PGĐ Trung tâm		Đầu Đức Lạc	
CNTK		Nguyễn Thành Văn	
CTTK		Nguyễn Thành Văn	
Kiểm tra		Huỳnh Quốc Vinh	
Thiết kế		Trương Ich Ngọc	
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
		ĐD1-16-14ID.DN-04/7	
		01-2020	
		1/500 - 1/5000	



Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)

Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)

Tên lỗ khoan

Cao độ

Mẫu nước, ký hiệu và vị trí lấy.

Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.

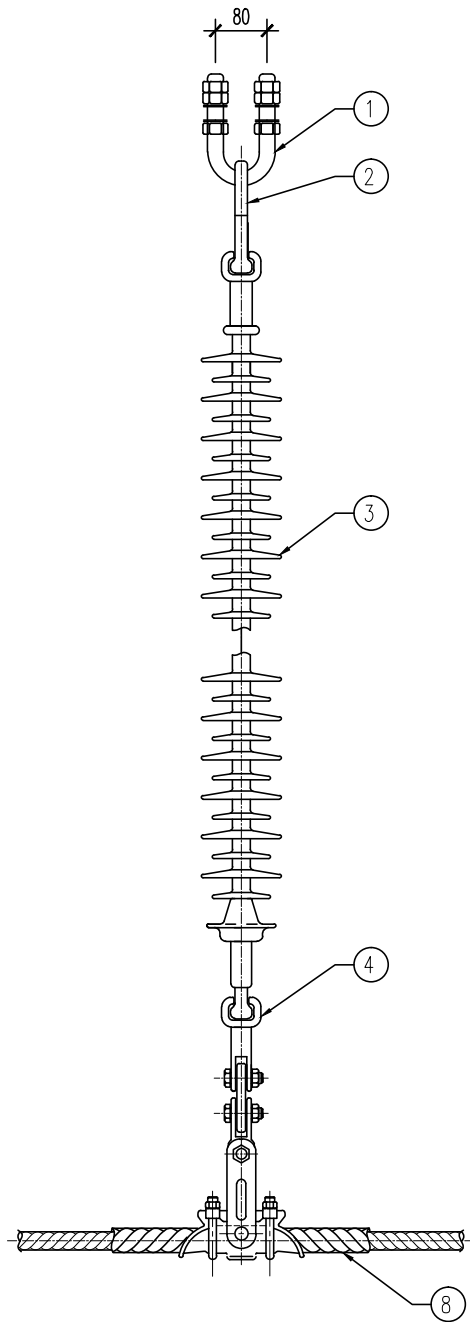
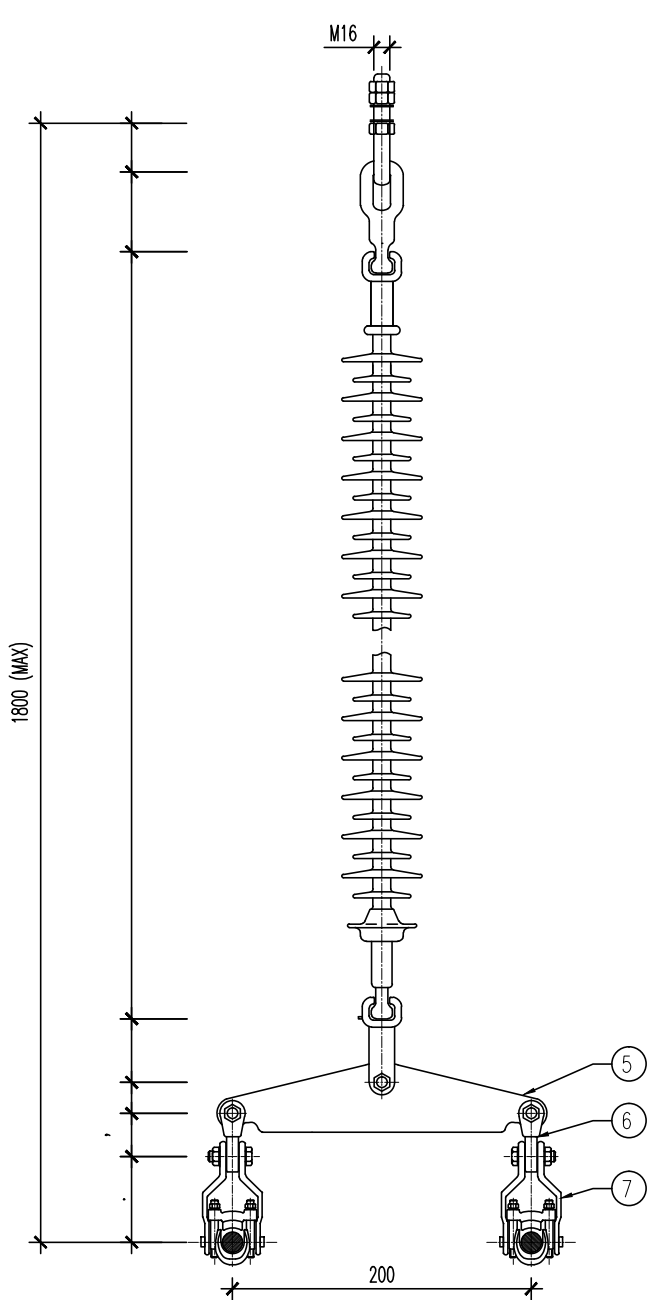
Mức nước ngầm

Độ sâu_m

Tháng-năm đo

Thước tỷ lệ 1/200

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VINH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
 PGD Trung tâm	Đầu Đức Lạc	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G11-G13	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huyền Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ich Ngọc		
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14Đ.ĐN-04/8	01-2020 1/500 - 1/50

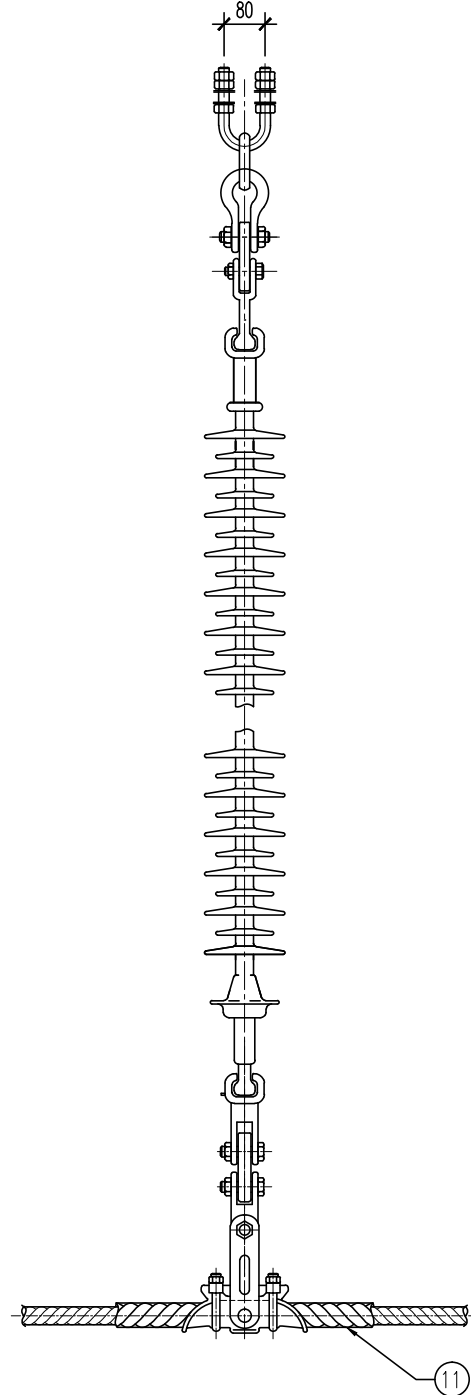
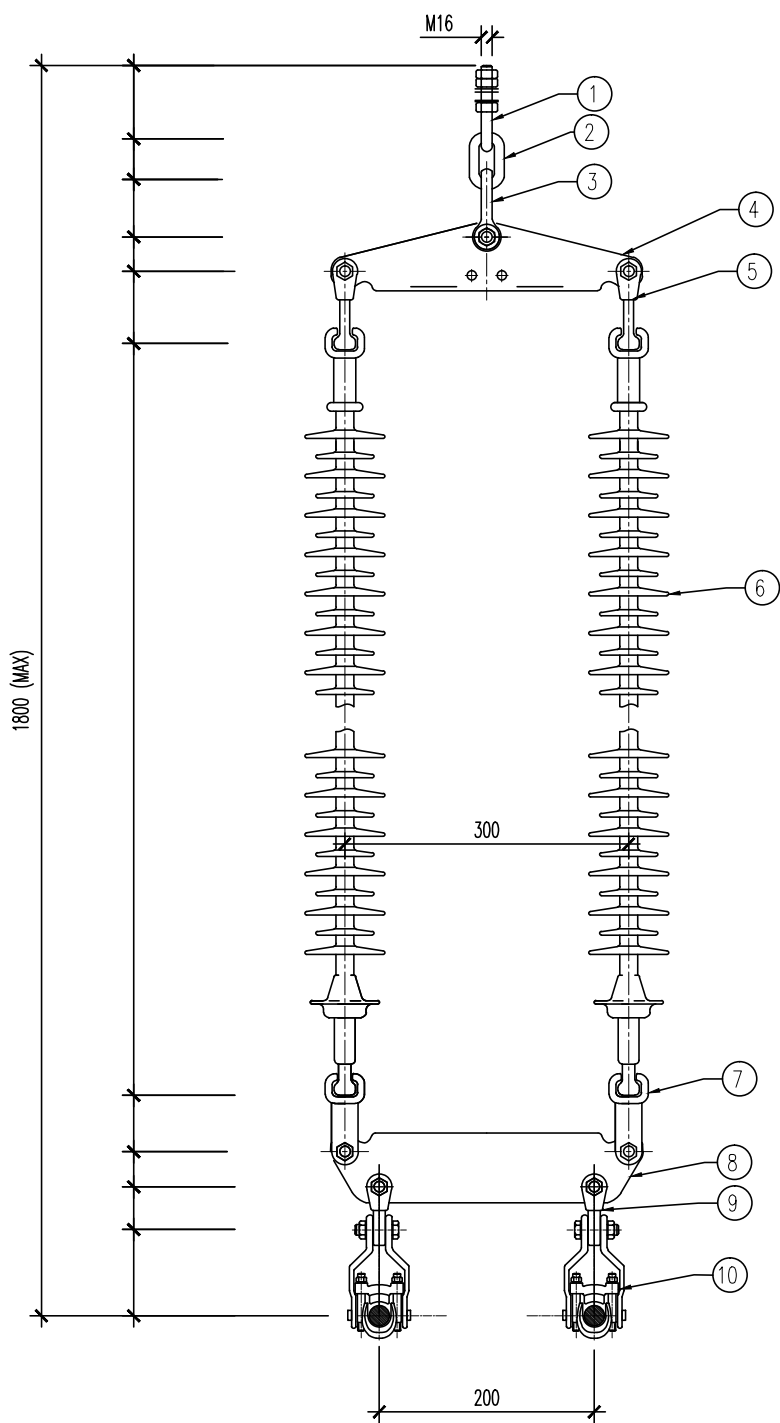


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (KN)	GHI CHÚ
1	Bu lông U		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Cách điện Composite 110kV - 70kN		01	70	
4	Mắt nối đơn		01	70	
5	Khánh		01	70	
6	Vòng treo kép		02	70	
7	Khóa đỡ dây		02	70	
8	Đệm dây		02		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỠ ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN DDD.1-70(F2)	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/1	

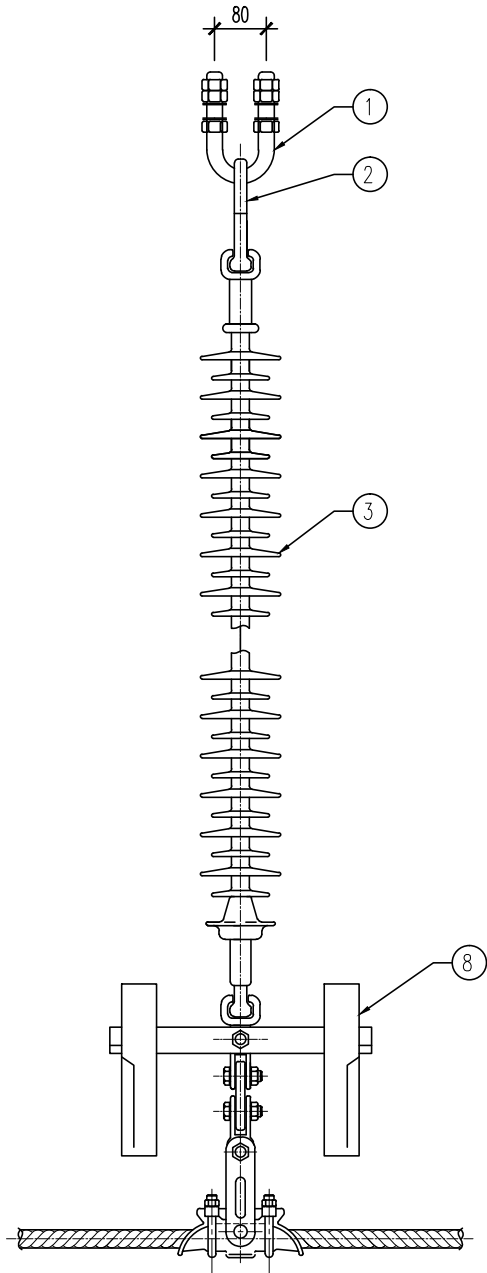
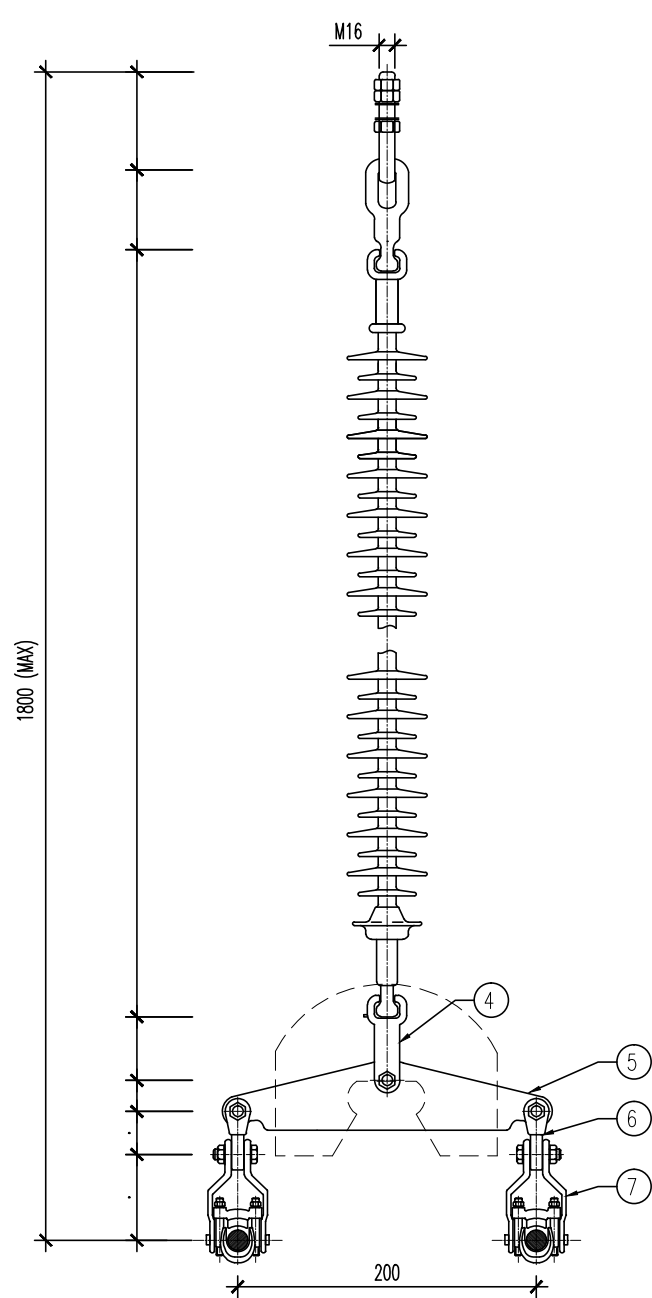


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (KN)	GHI CHÚ
1	Bu lông U		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Móc treo		01	70	
4	Khánh		01	70	
5	Vòng treo đầu tròn kép		01	70	
6	Cách điện Composite 110kV - 70kN		02	70	
7	Mắc nối kép		02	70	
8	Khánh		01	70	
9	Mắt nối chuyển hướng		02	70	
10	Khóa đỡ dây		02	70	
11	Đệm dây		02		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỖ KÉP DÂY DẪN ĐIỆN DDD.2-70(F2)	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/2	

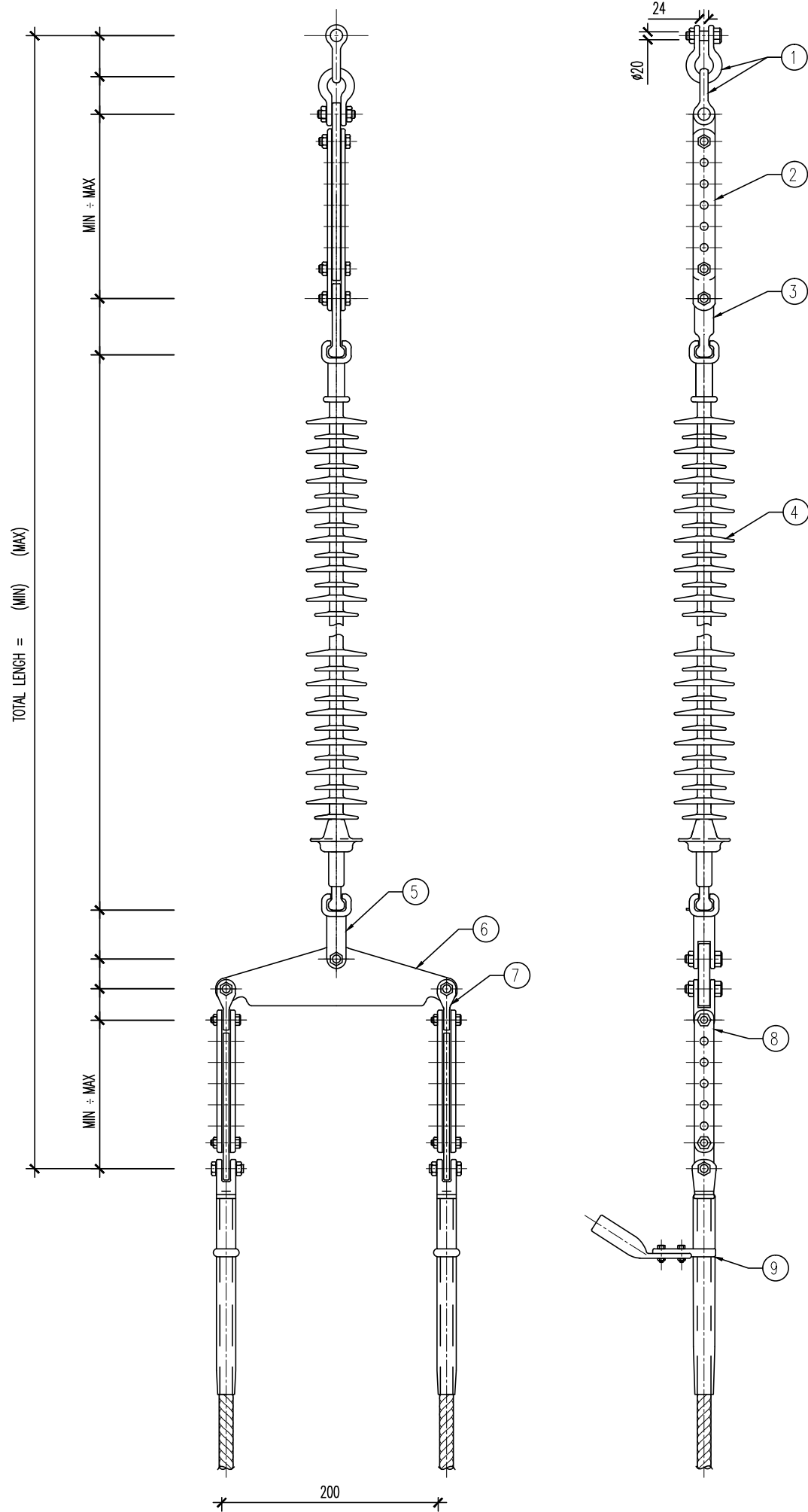


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (KN)	GHI CHÚ
1	Bu lông U		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Cách điện Composite 110kV - 70kN		01	70	
4	Mắt nối đơn		01	70	
5	Khánh		01	70	
6	Vòng treo kép		02	70	
7	Khóa đỡ dây		02	70	
8	Tạ bù 40kG		01		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỖ LÈO DÂY DẪN ĐIỆN DLD.1-70(F2)	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/3	

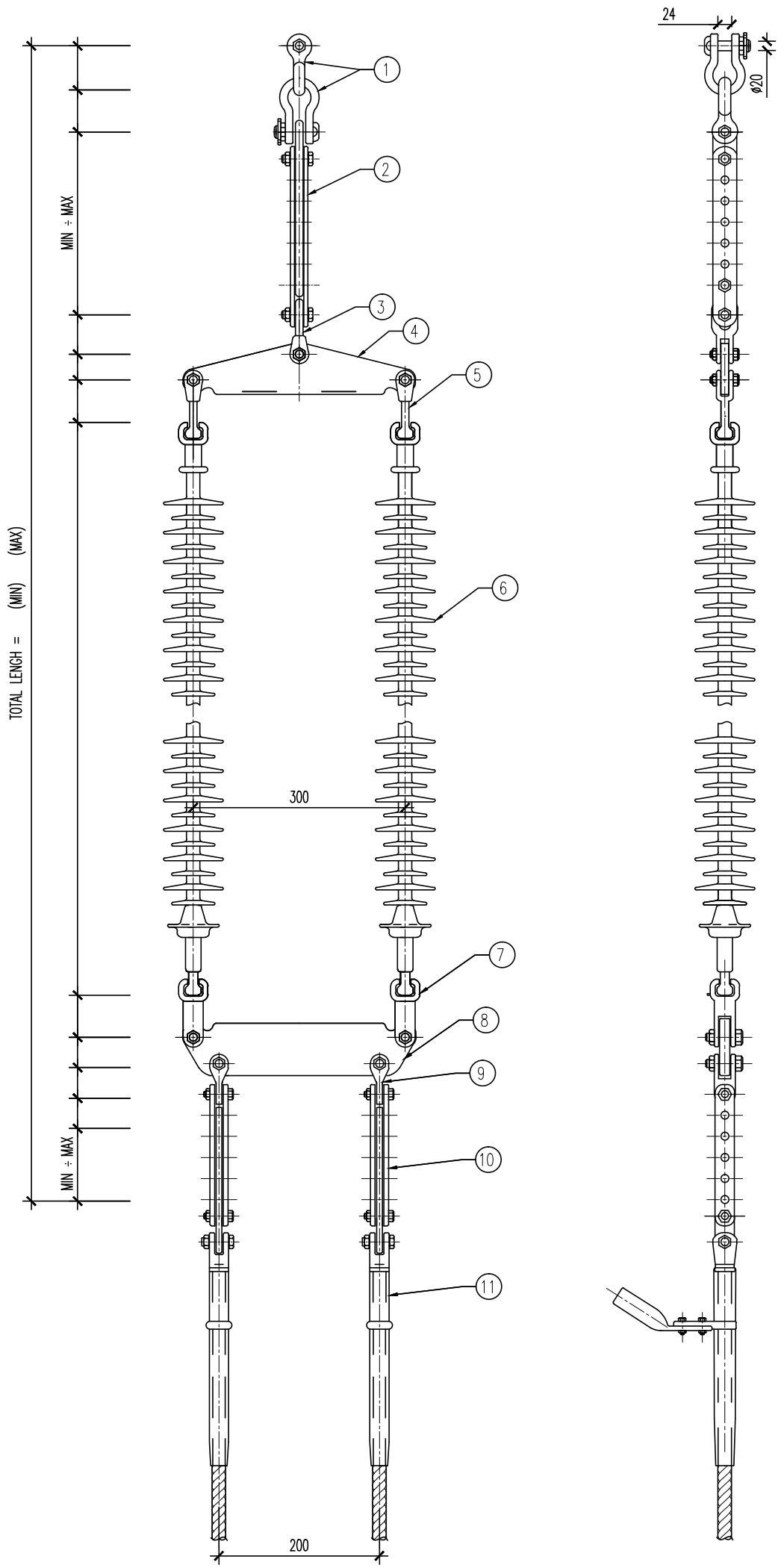


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (KN)	GHI CHÚ
1	Móc treo		02	210	
2	Mắc nối điều chỉnh		01	210	
3	Vòng treo đầu tròn		01	210	
4	Cách điện Composite 110kV - 210kN		01	210	
5	Mắc nối kép		01	210	
6	Khánh		01	210	
7	Mắt nối chuyển hướng		02	120	
8	Mắc nối điều chỉnh		02	120	
9	Khoá néo dây		02	120	
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- 1. Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
- 2. Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- 3. Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHUỖI CÁCH ĐIỆN NÉO ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN NDD.1-210(F2)	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	01 - 2020	
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/4	

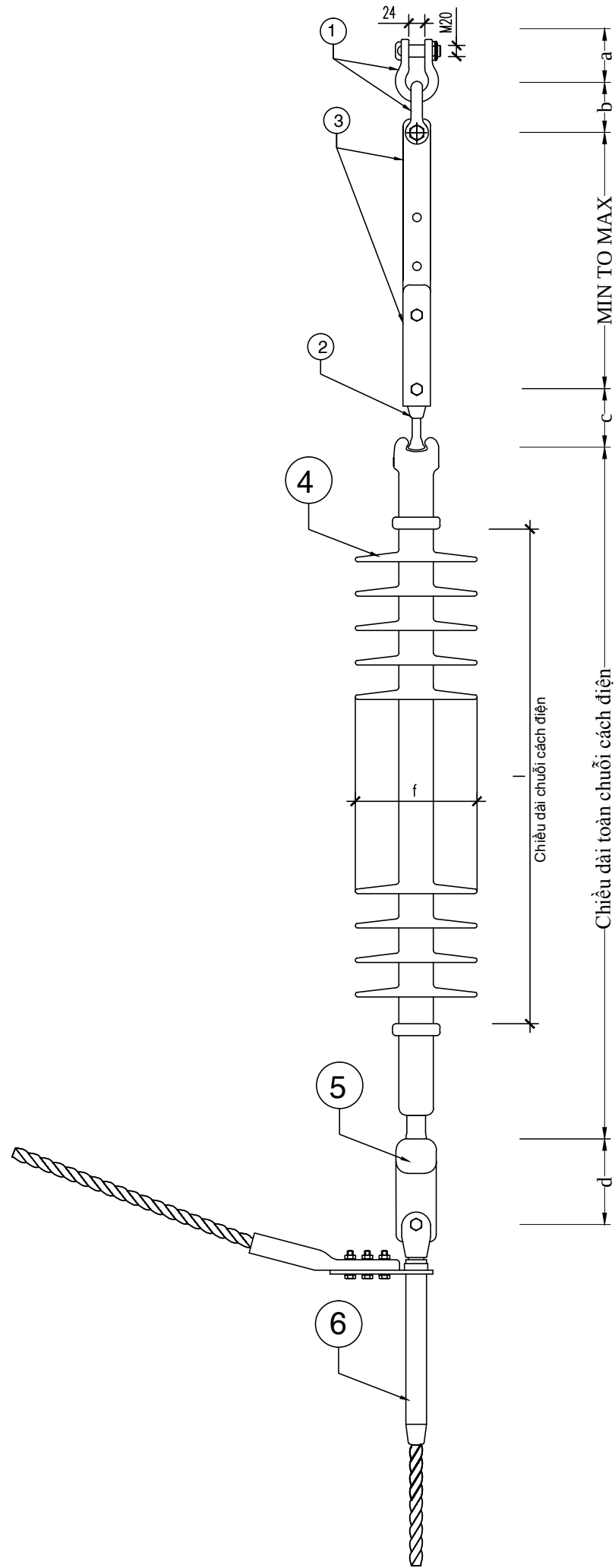


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (KN)	GHI CHÚ
1	Móc treo		02	210	
2	Mắc nối điều chỉnh		01	210	
3	Móc treo		01	210	
4	Khánh		01	210	
5	Vòng treo đầu tròn kép		02	210	
6	Cách điện Composite 110kV - 210kN		02	210	
7	Mắc nối kép		02	210	
8	Khánh		01	210	
9	Mắt nối chuyển hướng		02	120	
10	Mắc nối điều chỉnh		02	120	
11	Kháo néo dây		02	120	
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định

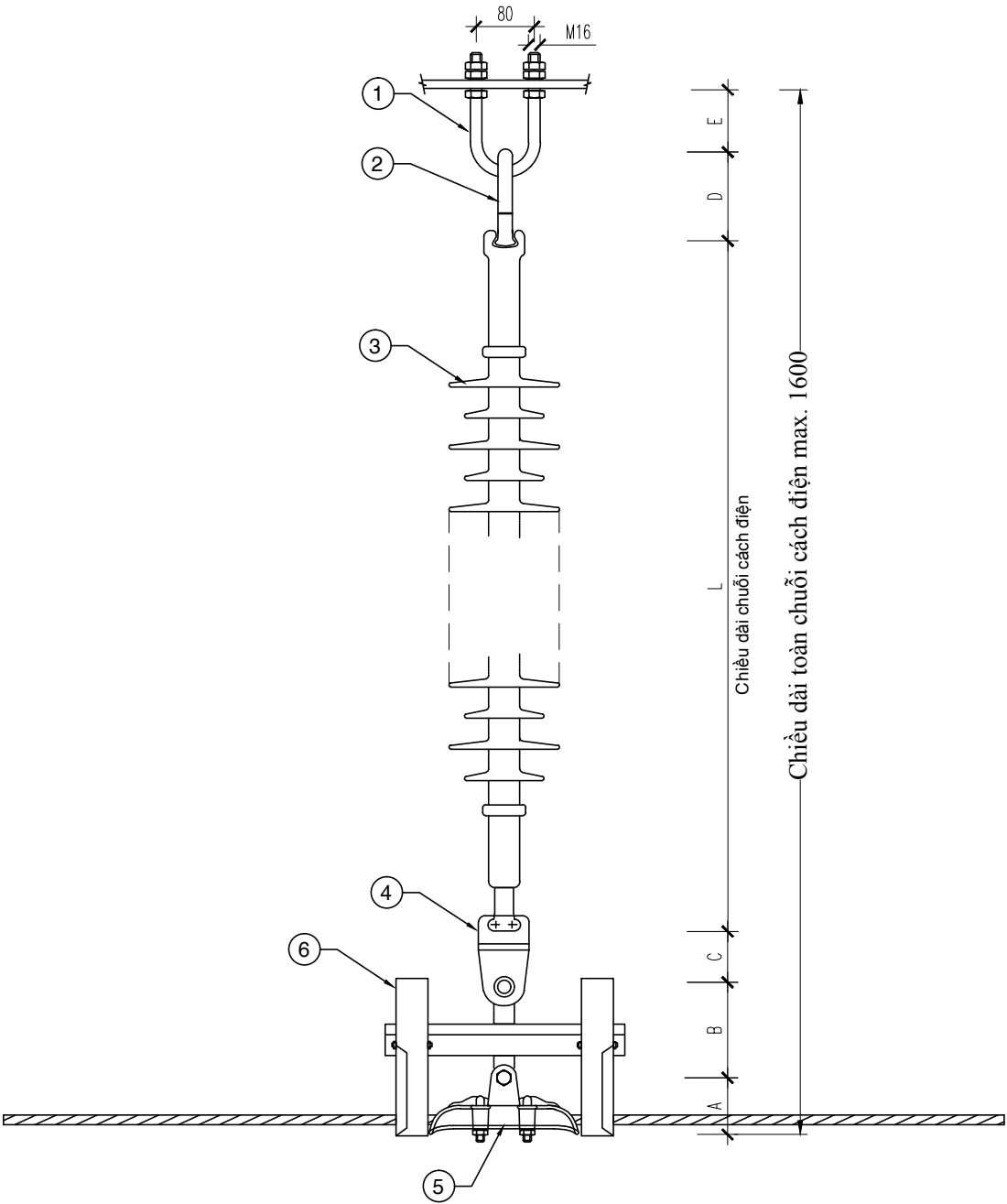
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHUỖI CÁCH ĐIỆN NÉO KÉP DÂY DẪN ĐIỆN NDD.2-210(F2)	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	01 - 2020	
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/5	



STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Cụm bắt chuỗi néo (Ma ní)		02	120	
2	Vòng treo đầu tròn		01	120	
3	Mắc nối điều chỉnh		01	120	
4	Cách điện Polymer 110kV - 120kN		01	120	
5	Mắc nối đơn		01	120	
6	Khóa néo ép		01	120	
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

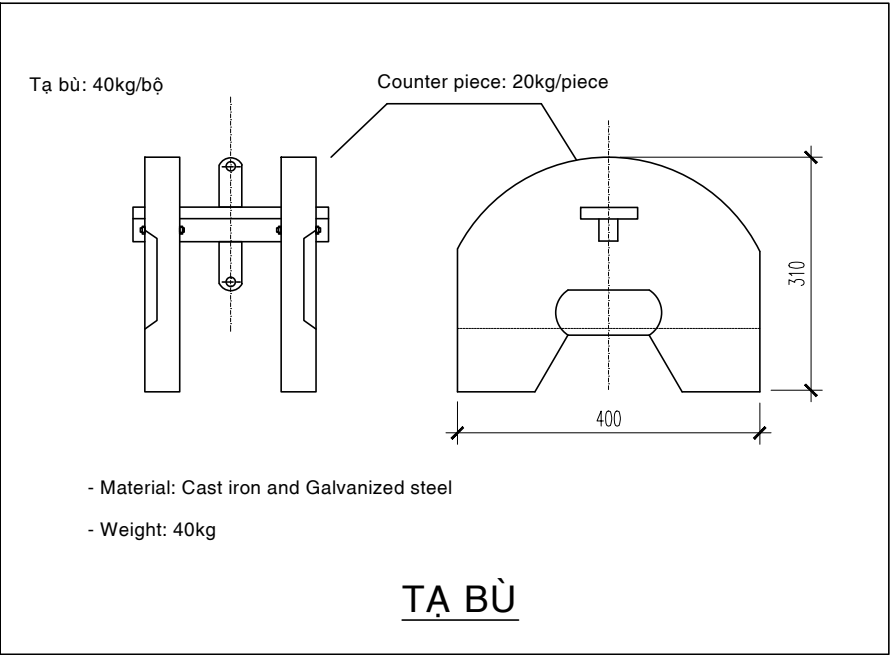
- GHI CHÚ:
- 1. Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện ACSR 240/32
 - 2. Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
 - 3. Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHUỖI CÁCH ĐIỆN NÉO ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN NDD.1-120	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/6	



STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Cụm bắt chuỗi đỡ		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Cách điện Composite 110kV - 70kN		01	70	
4	Mắt nối kép		01	70	
5	Khóa đỡ dây ACSR 240/32		01	70	
6	Tạ bù 40kg		01		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

- GHI CHÚ:
- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện ACSR 240/32
 - Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
 - Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định



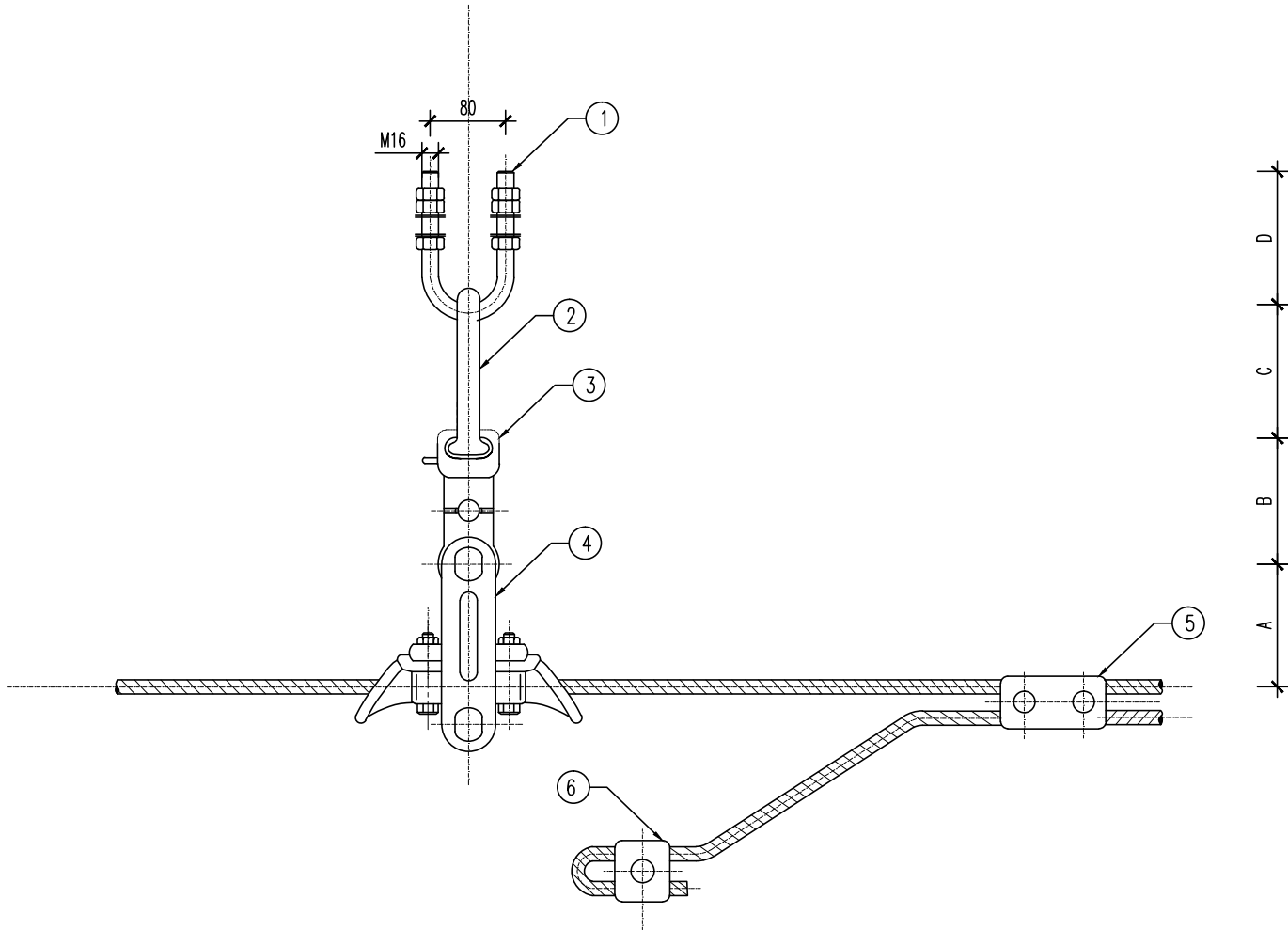
TẠ BÙ

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỖ LÈO DÂY DẪN ĐIỆN DLD.1-70	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/7	

STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Cụm bắt chuỗi đỡ		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Mắc nối đơn		01	70	
4	Khóa đỡ dây		01	70	
5	Kẹp 2 rãnh		01		
6	Kẹp bắt dây nối đất vào cột		01		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

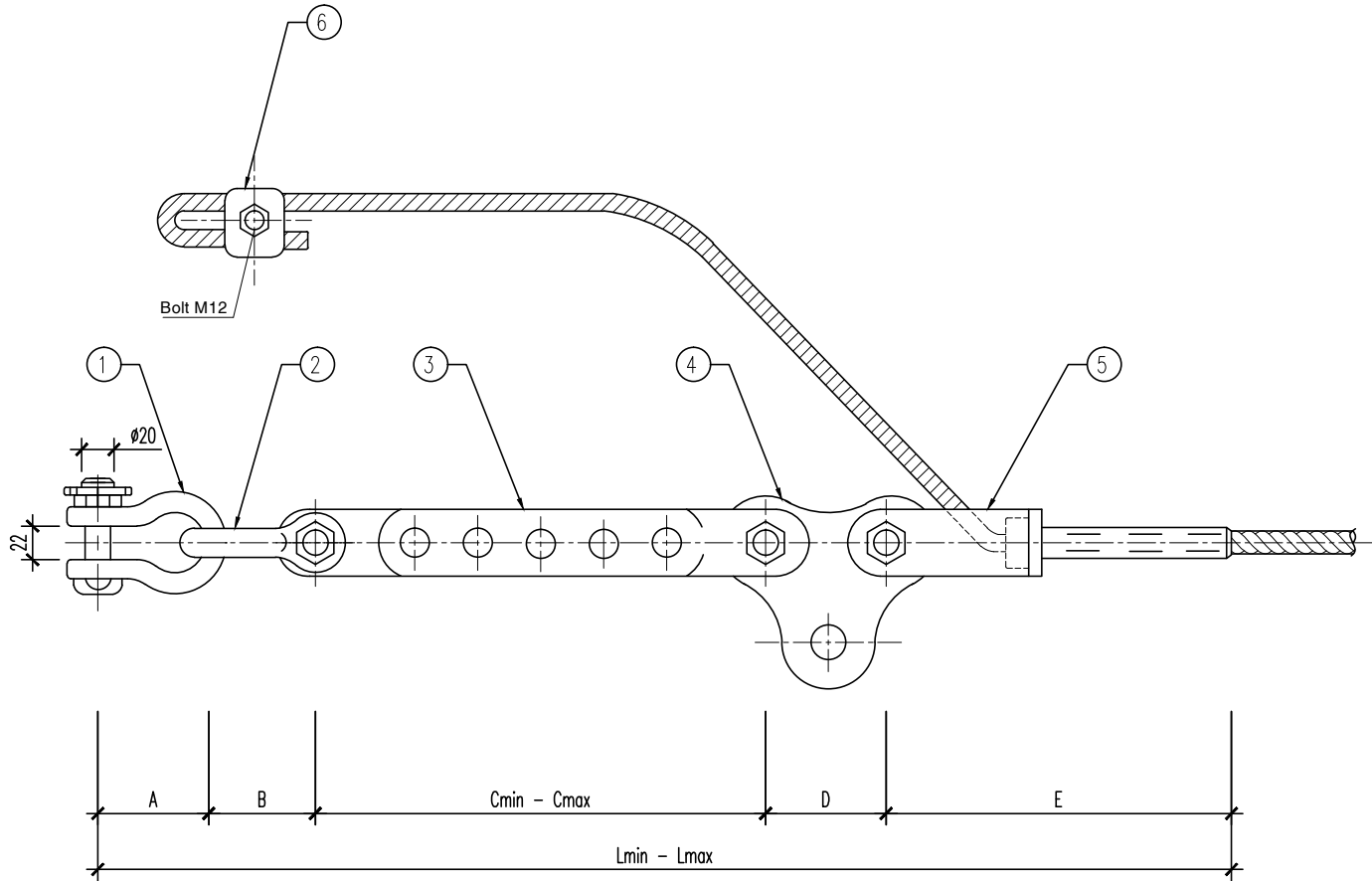
GHI CHÚ:

- 1. Chuỗi sử dụng cho dây chống sét loại PHLOX 75.5
- 2. Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- 3. Mã hiệu phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định



Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHUỖI ĐỖ DÂY CHỐNG SÉT DCS-70	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/8	

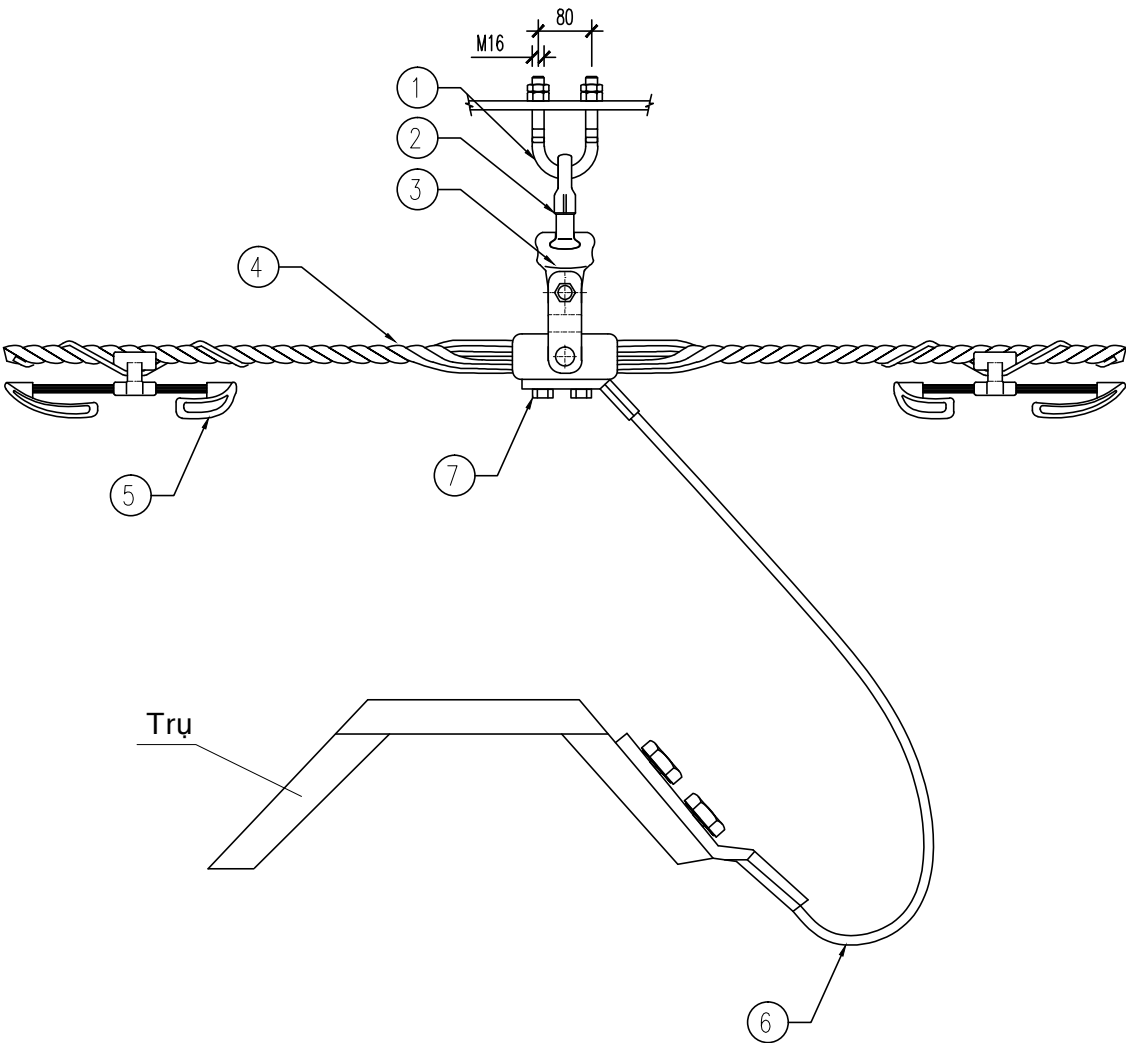
STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Ma ní		01	120	
2	Mắc nối trung gian		01	120	
3	Mắc nối điều chỉnh		01	120	
4	Mắc nối đơn		01	120	
5	Khoá néo dây		01	120	
6	Dây nối đất AL70mm dài 1000mm và đầu coss		01		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					



GHI CHÚ:

- Chuỗi sử dụng cho dây chống sét PHLOX 75.5
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu phụ kiện và kích thước chi tiết sẽ do nhà thầu xác định

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN EVNPECC TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	CHUỖI NÉO DÂY CHỐNG SÉT NCS-120	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/9	



STT	Tên phụ kiện	Đơn vị	Qui cách - Mã hiệu	Số lượng
1	Bu lông U	Cái	-	1
2	Vòng treo đầu tròn	Cái	-	1
3	Mắt nối trung gian	Cái	-	1
4	Đệm dây (Armour rod)	Cái	-	1
5	Tạ chống rung	Cái	-	*
6	Dây nối đất AL95mm ² + kẹp bắt vào cột	Bộ	-	1
7	Khóa đỡ dây OPGW70	Cái	-	1

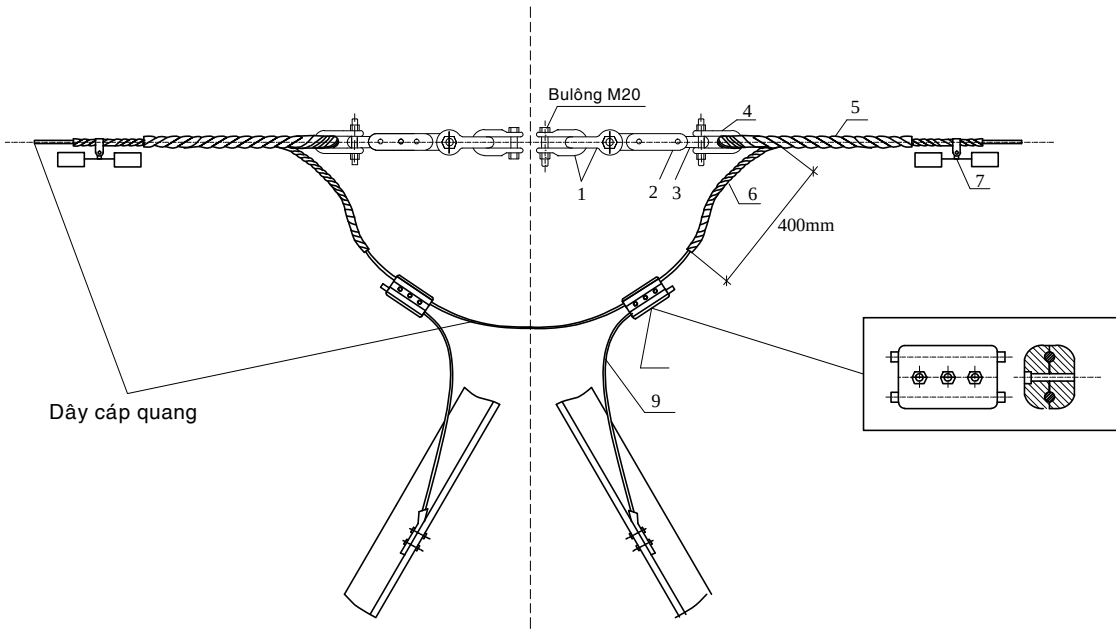
(*) : Số lượng tạ chống rung được nêu trong bản vẽ lắp tạ chống rung

Ghi chú:

- 1. Chuỗi dùng cho dây cáp quang OPGW70
- 2. Mã hiệu phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định
- 3. Tải trọng giới hạn của chuỗi là 70kN

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	CHUỖI ĐỖ DÂY CHỐNG SÉT CÁP QUANG DCQ-70	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/10	

LẮP CHUỖI NÉO CÁP QUANG TRÊN CỘT NÉO KHÔNG CÓ HỘP NỐI

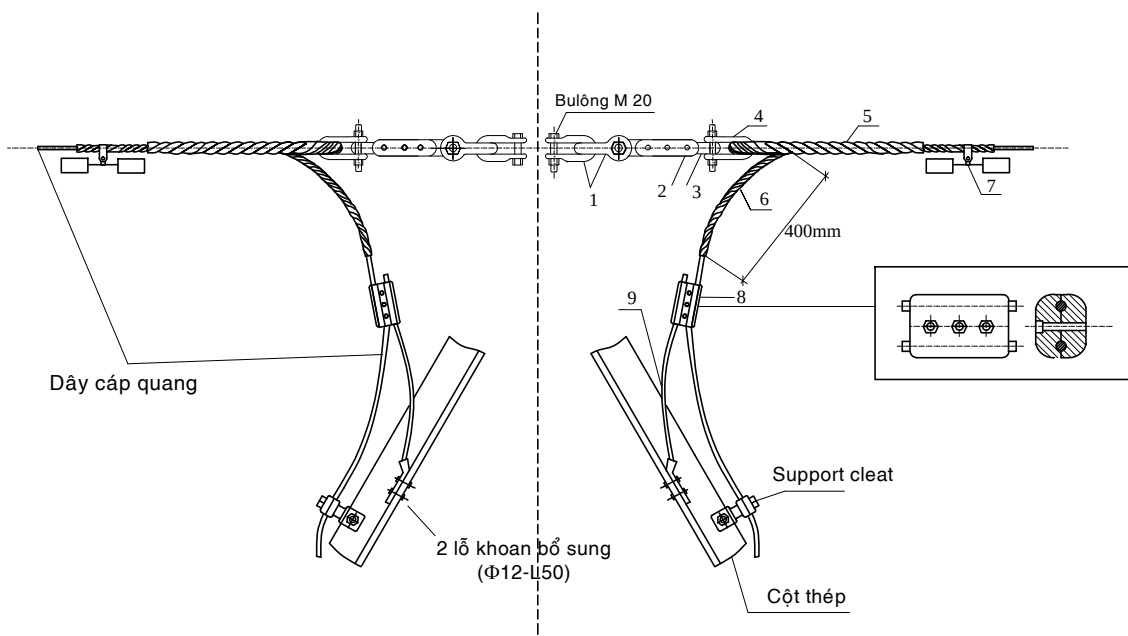


CHUỖI NÉO DÂY CÁP QUANG (KHÔNG CÓ HỘP NỐI)			
STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG
1	Maní		02
2	Mắt nối điều chỉnh		01
3	Mắt nối chuyển hướng		01
4	Măng sông		01
5	Khoá néo		01
6	Dây bảo vệ		01
7	Tạ chống rung		-
8	Kẹp cáp 2 rãnh		01
9	Dây nối đất Al95 với đầu cosse		01

GHI CHÚ:

- Chuỗi dùng cho dây cáp quang OPGW70
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định
- Tải trọng giới hạn của chuỗi là 120kN

LẮP CHUỖI NÉO CÁP QUANG TRÊN CỘT NÉO CÓ HỘP NỐI



CHUỖI NÉO DÂY CÁP QUANG (CÓ HỘP NỐI)			
STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG
1	Maní		02
2	Mắt nối điều chỉnh		01
3	Mắt nối chuyển hướng		01
4	Mắt nối		01
5	Khoá néo		01
6	Dây bảo vệ		01
7	Tạ chống rung		-
8	Kẹp cáp 2 rãnh		01
9	Dây nối đất Al95 với đầu cosse		01

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHUỖI NÉO DÂY CHỐNG SÉT CÁP QUANG NCQ-70	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.05/11	

 vị trí hàn điện phải được sơn chống rỉ
bằng 2 lớp sơn giàu kẽm (hàm lượng kẽm lớn hơn 90%)



Biển báo an toàn

- + Kiểu 2aX (Theo Thông tư 31/2014/TT-BCT)
- + Vật liệu: Thép tấm dày 1mm sơn cả 2 mặt (2 lớp sơn chống rỉ một lớp sơn trắng, liên kết bulong cố định)
- + Kích thước như hình vẽ
- + Màu sơn: Nền sơn trắng; chữ sơn đen; viền và hình tia chớp sơn đỏ tươi
- + Lắp đặt ở độ cao từ 2 đến 2.5m so với mặt đất chân cột
- + Trước khi chế tạo hàng loạt, Đơn vị thi công cần phải thoả thuận bằng văn bản với Đơn vị quản lý vận hành về mẫu mã và kích thước.

GHI CHÚ:

- Biển báo an toàn thực hiện theo Thông tư 31/2014/TT-BCT
- Biển báo an toàn phải được gắn chắc bằng bulông vào cột thép. Kích thước lỗ được quy định trong hình vẽ
- Biển báo an toàn được đặt ở phía dễ nhìn thấy nhất trên tất cả các cột trong toàn tuyến

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BIỂN BÁO NGUY HIỂM CỘT THÉP	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.07/1	



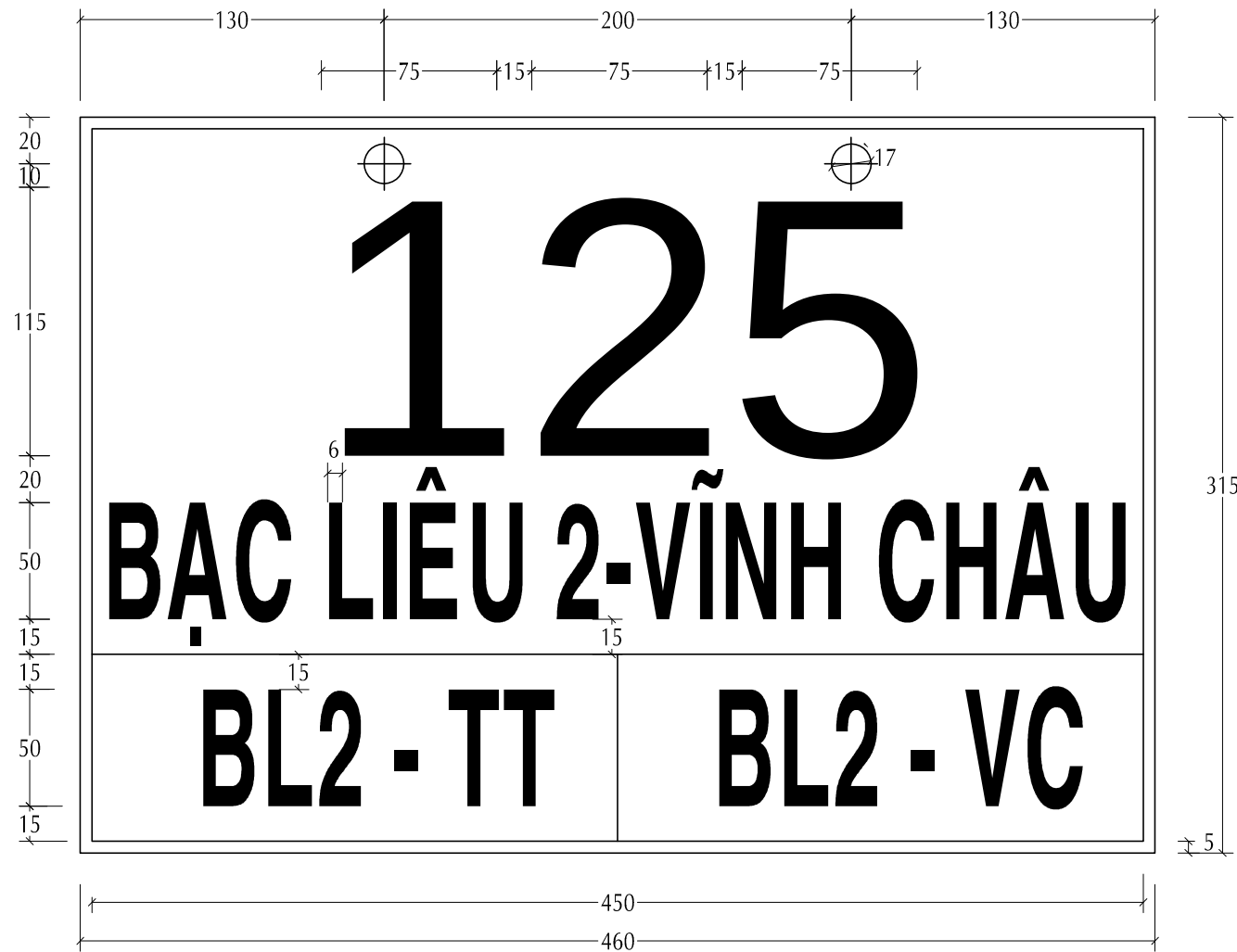
Quy cách biển số
+ Vật liệu: Thép tấm dày 1mm sơn cả 2 mặt (2 lớp sơn chống rỉ một lớp sơn trắng, liên kết bulong cố định)
+ Kích thước như hình vẽ
+ Màu sơn: Nền sơn trắng, chữ và viền xung quanh sơn đen
+ Lắp đặt ở độ cao từ 2 đến 2.5m so với mặt đất chân cột
+ Trước khi chế tạo hàng loạt, Đơn vị thi công cần phải thoả thuận bằng văn bản với đơn vị Quản lý vận hành về mẫu mã và kích thước.

GHI CHÚ:

- Biển số phải được gắn chắc bằng bulông vào cột thép. Kích thước lỗ được quy định trong hình vẽ
- Quy định vẽ biển số:
 - + Dòng trên: [Số thứ tự cột], (số 125 chỉ để tham khảo)
 - + Dòng dưới: [Tên của đường dây]

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BIỂN SỐ CỘT THÉP	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
		ĐD.1-16-14D-ĐN.07/2	

BIỂN SỐ VÀ PHÂN MẠCH CỘT
THÉP 2 MẠCH



BIỂN SỐ VÀ PHÂN MẠCH CỘT
THÉP 3 MẠCH



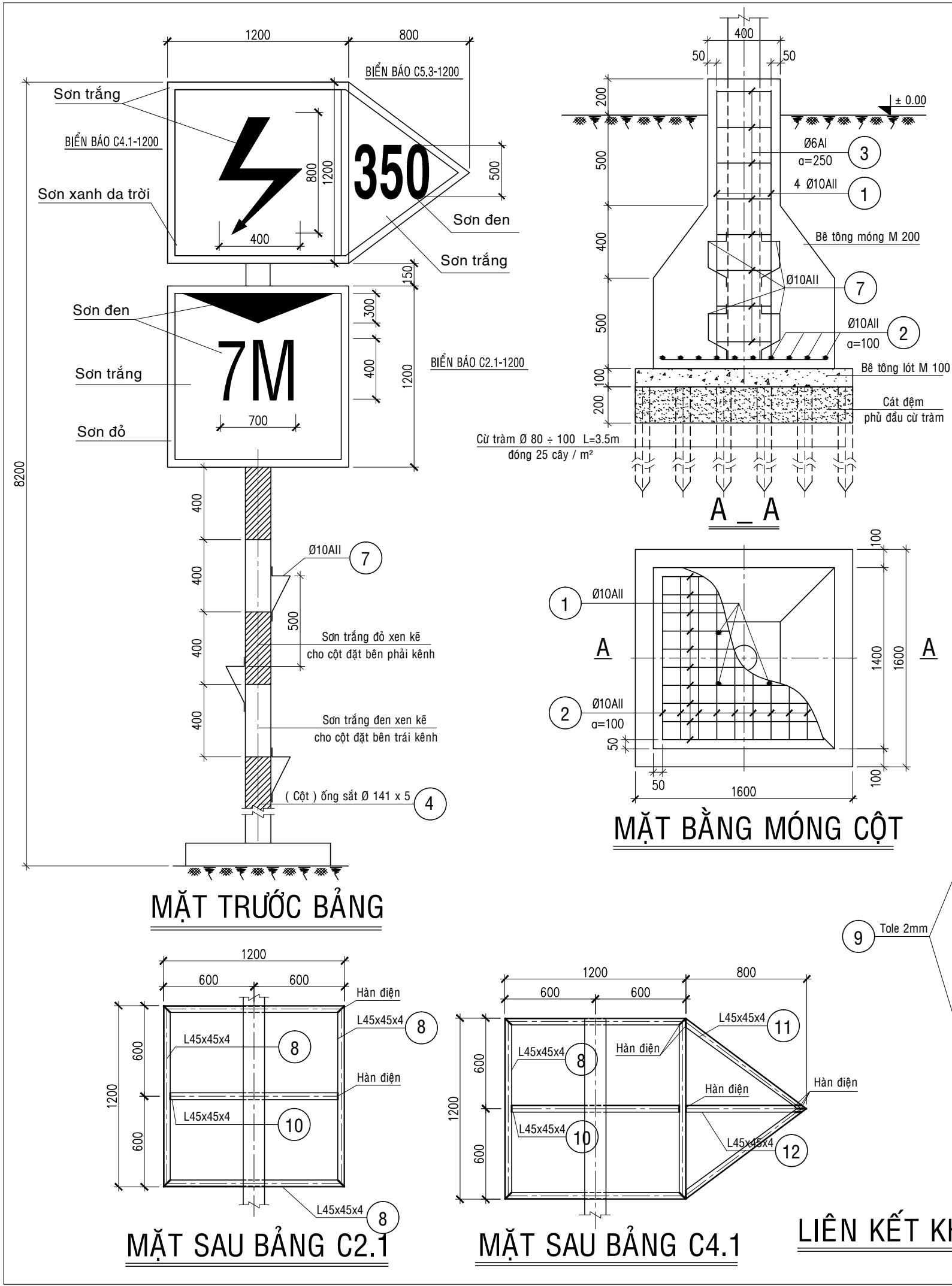
Quy cách biển số biển báo

- + Vật liệu: Thép tấm dày 1mm sơn cả 2 mặt (2 lớp sơn chống rỉ một lớp sơn trắng, liên kết bulong cố định)
- + Kích thước như hình vẽ
- + Màu sơn: Nền sơn trắng, chữ và viền xung quanh sơn đen
- + Lắp đặt ở độ cao từ 2 đến 2.5m so với mặt đất chân cột
- + Trước khi chế tạo hàng loạt, Đơn vị thi công cần phải thỏa thuận bằng văn bản với đơn vị Quản lý vận hành về mẫu mã và kích thước.

GHI CHÚ:

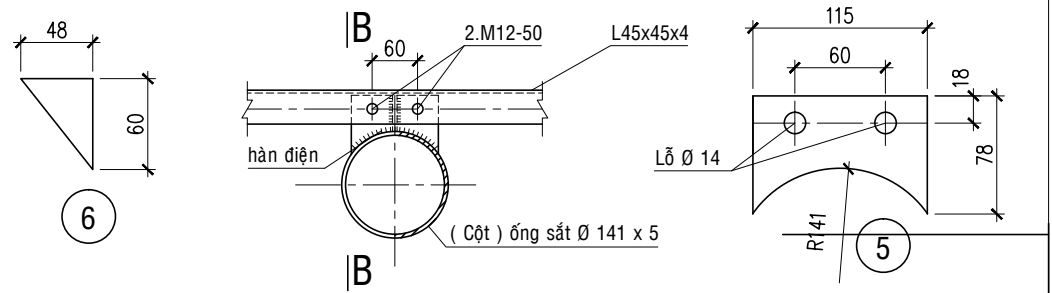
- Biển số phải được gắn chắc bằng bulông vào cột thép. Kích thước lỗ được quy định trong hình vẽ
- Quy định vẽ biển số:
 - + Dòng trên: [Số thứ tự cột], (số 125 chỉ để tham khảo)
 - + Dòng dưới: [Tên của đường dây]

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BIỂN SỐ VÀ PHÂN MẠCH CỘT THÉP 2 MẠCH VÀ 3 MẠCH	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
		ĐD.1-16-14D-ĐN.07/3	



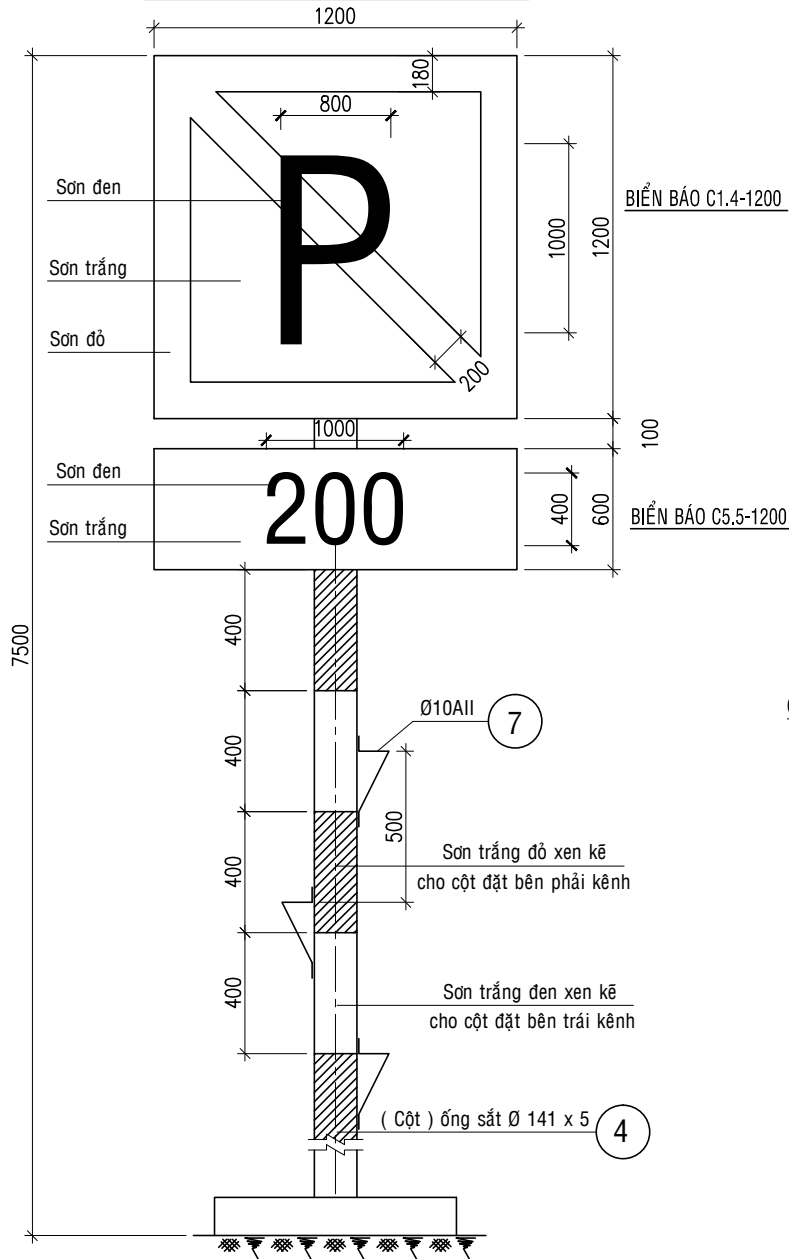
BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU CỘT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG										
CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG & TÊN	QUY CÁCH (mm)	K THUỐC THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI T CỘNG (mm)	CHO 1 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)
							QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	K LƯỢNG (KG)	
MÓNG CỘT	1		Ø 10AII	1700	04	6800	10 AII	43200	26.61	28.72 KG
	2		Ø 10AII	1300	28	36400	6 AI	9.52	2.11	
	3		Ø 6AI	1360	07	9520				
CỘT	4	Thép ống Ø 141 x 5	Ø 141	10100	01	10100	Ø 141	10100	169.30	176.36 KG
	5	Thép bản 115 x 78	d – 6		04		d – 6		2.20	
	6	Thép bản 48 x 60	d – 6		04		10 AII	7840	4.86	
	7		Ø 10AII	490	16	7840				
BIỂN BÁO	8	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1200	08	9600	L45x4	14590	39.83	85.05 KG
	9	Tole mặt bảng	d – 2		02		d – 2		45.22	
	10	Thép gia cố cốt bảng	L45x4	1110	02	2220				
	11	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1000	02	2000				
	12	Thép gia cố cốt bảng	L45x4	770	01	770				
	13	Bu lông liên kết M12-50	M12	50	08		Trộn bộ			

- GHI CHÚ :**
- Bê tông đúc móng cột báo vượt kênh đá 1x2 mác 200. Thể tích bê tông = 1.42 m³
 - Bê tông lót móng đá 4 x 6 mác 100. Thể tích bê tông = 0.256 m³
 - Chiều dày lớp bê tông bảo vệ lấy = 50 mm.
 - Đất đắp hố móng neo đảm bảo đạt dung trọng >1.55T/m³, hệ số đầm nén k >0.85
 - Vật liệu chế tạo biển báo & cột dùng thép CT38
 - Tất cả các chi tiết cột & biển báo phải được sơn 01 lớp sơn chống rỉ và 02 lớp sơn màu theo từng ghi chú trên hình vẽ cụ thể.
 - Đường hàn có chiều cao H = 6mm. dùng que hàn E431 hoặc loại có cường độ tương đương.
 - Cột (± 0.00) lấy bằng cao độ mặt đất tự nhiên.
 - Đóng cọc tràm Ø80 ÷ Ø100 L = 3500mm đóng 25 cây/m². Số lượng = 64 cây
 - Đệm cát dày 200 mm phủ đều cọc tràm. Thể tích = 0.512 m³
 - Báo hiệu "chiều cao tính không bị hạn chế " lấy theo ký hiệu C-2.1, báo hiệu " có đường điện vượt sông" lấy theo ký hiệu C-4.1 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN39: 2011/BCTVT.
 - Bản vẽ này làm cơ sở để chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị quản lý đường sông khu vực.

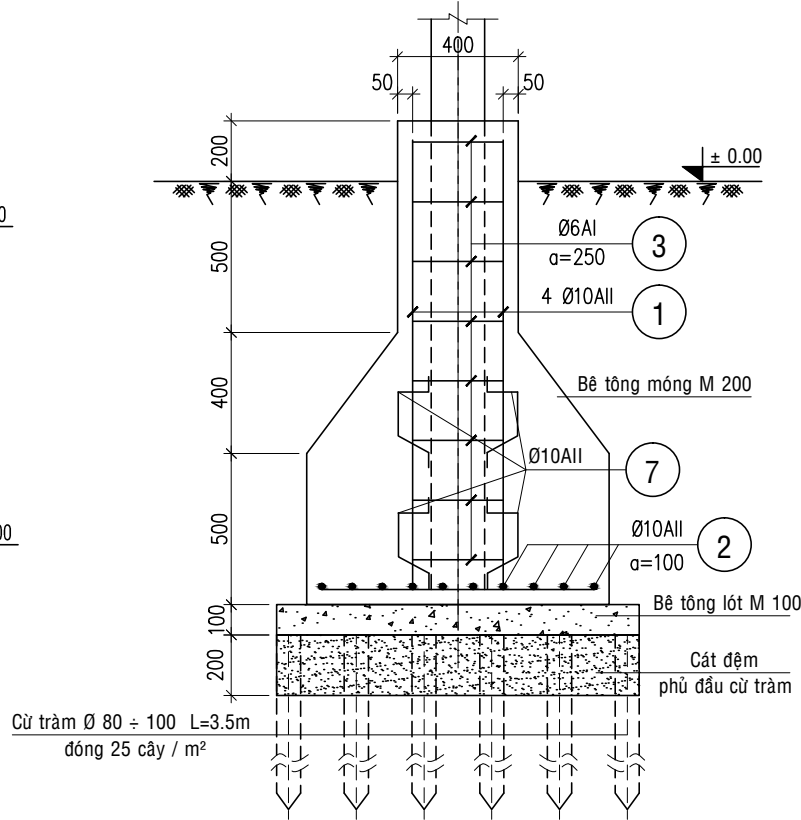
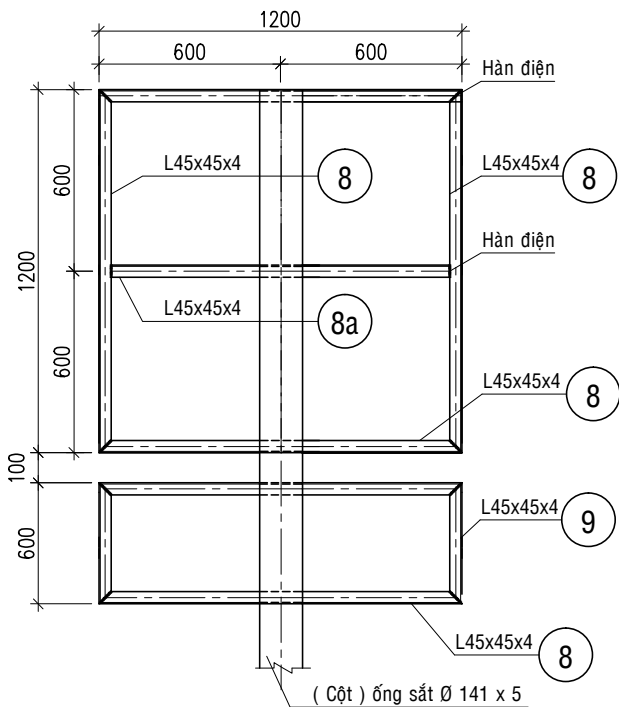


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			CHI TIẾT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG C4.1 & C2.1-1200	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG 01 - 2020	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			
CTTK	Nguyễn Thành Văn			
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		ĐD.1-16-14D-ĐN.08/1	
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			

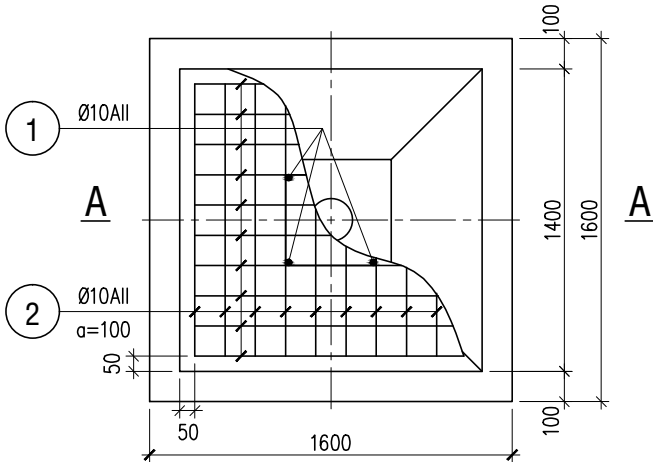
MẶT TRƯỚC BẢNG



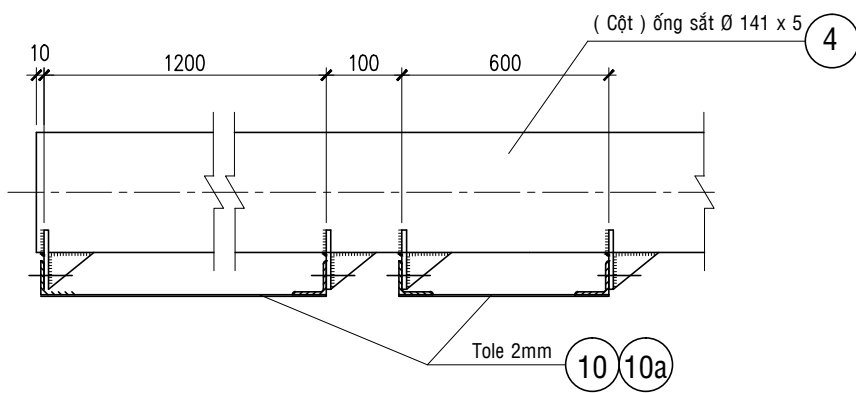
MẶT SAU BẢNG



A - A



MẶT BẰNG MÓNG CỘT



LIÊN KẾT KHUNG BẢNG HIỆU

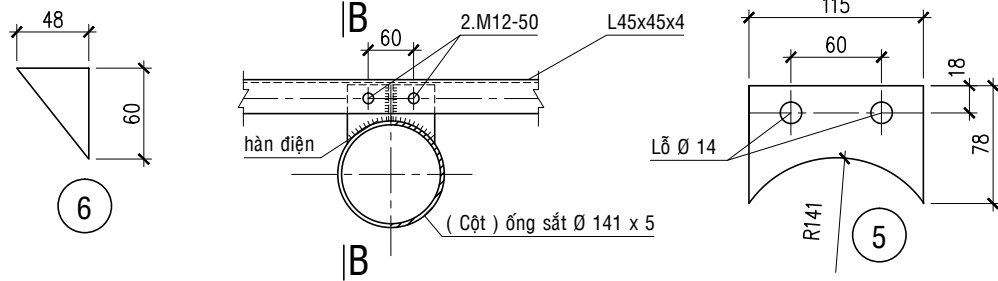
B - B

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU CỘT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG

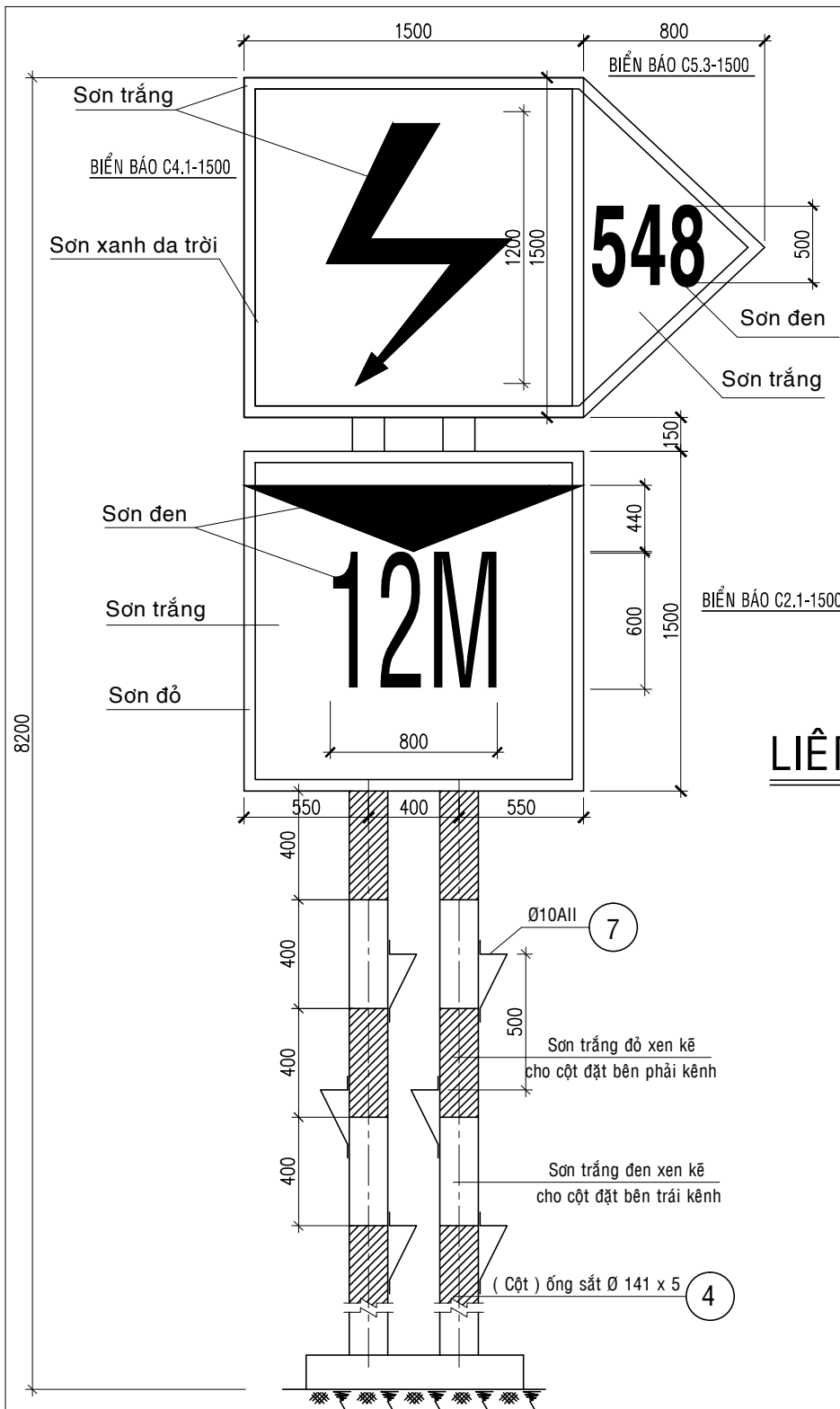
CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG & TÊN	QUY CÁCH (mm)	K THUỘC THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI T CỘNG (mm)	CHO 1 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)
							QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	K LƯỢNG (KG)	
MÓNG CỘT	1	200 1500	Ø 10AII	1700	04	6800	10 AII	43200	26.61	28.72 KG
	2	1300	Ø 10AII	1300	28	36400	6 AI	9.52	2.11	
	3	310 160 310	Ø 6AI	1360	07	9520				
CỘT	4	Thép ống Ø 141 x 5	Ø 141	9400	01	9400	Ø 141	9400	157.67	164.73 KG
	5	Thép bản 115 x 78	d - 6		04		d - 6		2.20	
	6	Thép bản 48 x 60	d - 6		04		10 AII	7840	4.86	
	7	100 150 140 50 50	Ø 10AII	490	16	7840				
BIỂN BÁO	8	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1200	06	7200	L45x4	9510	26.06	59.97 KG
	8a	Thép gia cố bảng	L45x4	1110	01	1110	d - 2		33.91	
	9	Thép hình làm khung bảng	L45x4	600	02	1200				
	10	Tole mặt bảng 1200x1200	d - 2		01					
	10a	Tole mặt bảng 600x1200	d - 2		01					
	11	Bu lông liên kết M12-50	M12	50	08					
							Trộn bộ			

GHI CHÚ :

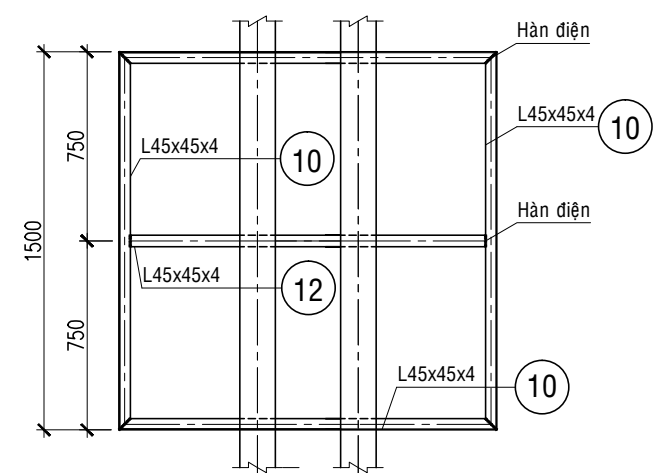
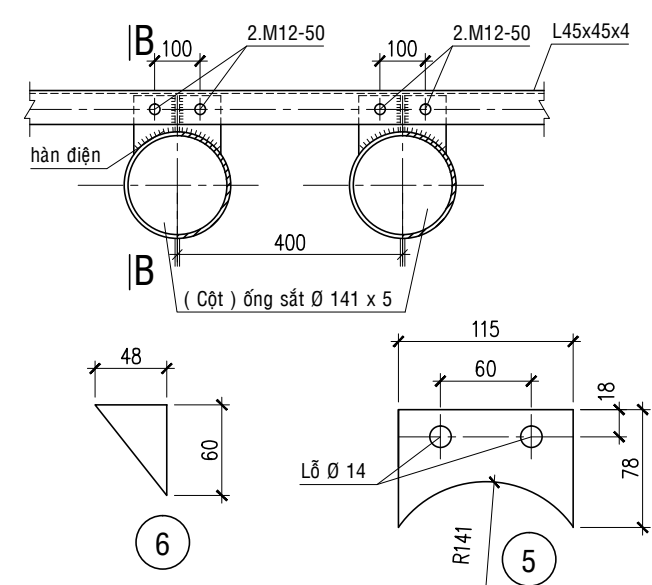
- Bê tông đúc móng cột báo vượt kênh đá 1x2 mác 200. Thể tích bê tông = 1.42 m³
- Bê tông lót móng đá 4 x 6 mác 100. Thể tích bê tông = 0.256 m³
- Chiều dày lớp bê tông bảo vệ lấy = 50 mm.
- Đất đắp hố móng neo đảm kỹ đạt dung trọng > 1.55T/m³, hệ số đầm nén k ≥ 0.85
- Vật liệu chế tạo biển báo & cột dùng thép CT38.
- Tất cả các chi tiết cột & biển báo phải được sơn 01 lớp sơn chống rỉ và 02 lớp sơn màu theo từng ghi chú trên hình vẽ cụ thể.
- Đường hàn có chiều cao H = 6mm. dùng que hàn E 42 hoặc loại có cường độ tương đương.
- Cốt (± 0.00) lấy bằng cao độ mặt đất tự nhiên.
- Đóng cử tràm Ø80 ÷ Ø100 L = 3500mm đóng 25 cây/m². Số lượng = 81 cây
- Đệm cát dày 200 mm phủ đầu cử tràm. Thể tích = 0.648 m³
- Báo hiệu " có đường điện vượt sông" lấy theo ký hiệu C-4.1 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN39: 2011/BCTVT.
- Các bản vẽ trên làm cơ sở để chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị quản lý đường sông khu vực trước khi chế tạo và thi công.



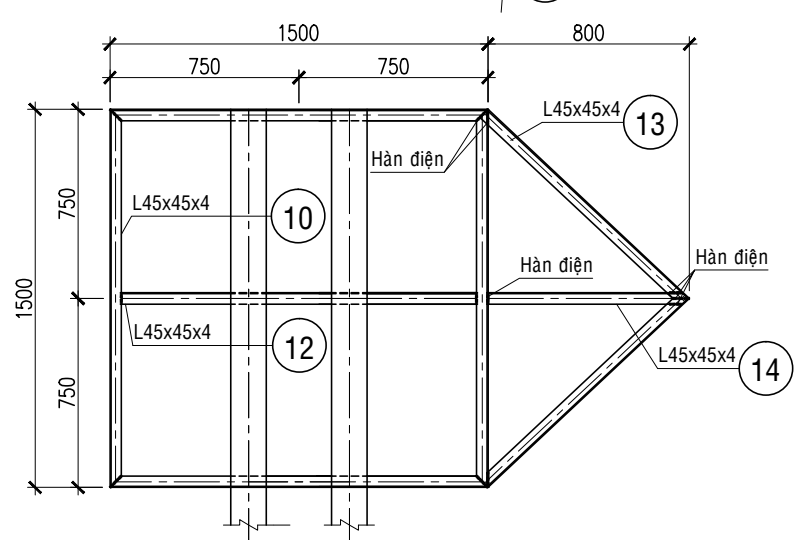
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			CHI TIẾT BIỂN BÁO CẮM ĐỖ C1.4 & C5.5-1200	
PGĐ. Trung tâm	Đầu Đức Lạc		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG 01 - 2020	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			
CTTK	Nguyễn Thành Văn			
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh			
Thiết kế	Trương Ích Ngọc		ĐD.1-16-14D-ĐN.08/2	



LIÊN KẾT KHUNG BẢNG HIỆU B - B



MẶT SAU BẢNG C2.1



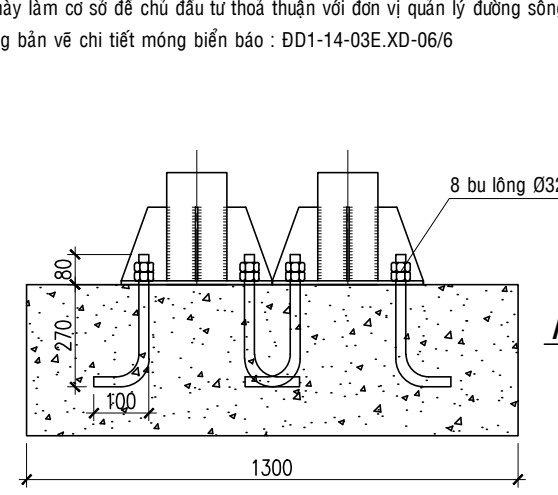
MẶT SAU BẢNG C4.1

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU CỘT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG

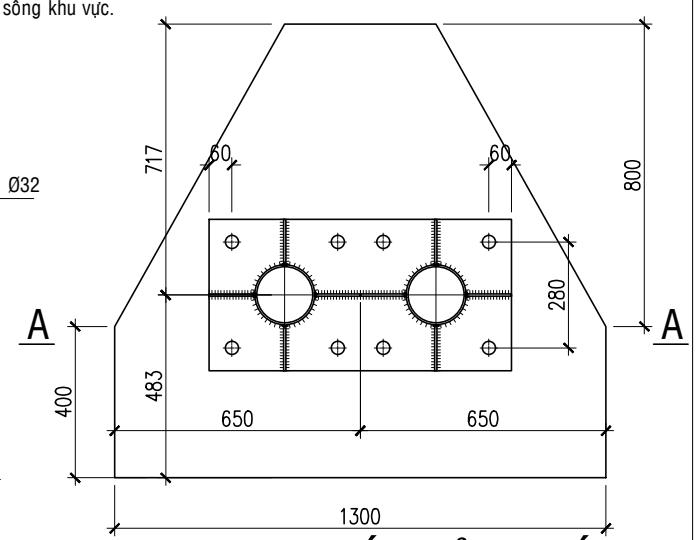
CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG & TÊN	QUY CÁCH (mm)	K THƯỚC THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI T CỘNG (mm)	CHO 1 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)
							QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	K LƯỢNG (KG)	
CỘT	4	Thép ống Ø 141 x 5	Ø 141	8300	02	16600	Ø 141	16600	278.24	315.66 KG
	5	Thép bản 115 x 78	d - 6		08		10 All	10780	6.64	
	6	Thép bản 48 x 60	d - 6		08		d - 8		20.10	
	7		Ø 10All	490	22	10780	d - 6		10.68	
	8	Thép bản đế 400 x 800	d - 8		01					
	9	Thép bản sườn 121 x 195	d - 6		08					
BIỂN BÁO	10	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1500	08	12000	L45x4	20998	48.55	119.20 KG
	11	Tole mặt bảng 1500x1500	d - 2		02		d - 2		70.65	
	12	Thép gia cố bảng	L45x4	1410	02	2820				
	13	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1097	02	2194				
	14	Thép gia cố bảng	L45x4	770	01	770				
	15	Bu lông neo M32-450	M32	450	08				Trộn bộ	
	16	Bu lông liên kết M12-50	M12	50	16				Trộn bộ	

GHI CHÚ :

- Vật liệu chế tạo biển báo & cột dùng thép CT38
- Tất cả các chi tiết cột & biển báo phải được sơn 01 lớp sơn chống rỉ và 02 lớp sơn màu theo từng ghi chú trên hình vẽ cụ thể.
- Đường hàn có chiều cao H = 6mm, dùng que hàn E431 hoặc loại có cường độ tương đương.
- Báo hiệu "chiều cao tính không bị hạn chế" lấy theo ký hiệu C-2.1, báo hiệu "có đường điện vượt sông" lấy theo ký hiệu C-4.1 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN39: 2011/BCTVT
- Bản vẽ này làm cơ sở để chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị quản lý đường sông khu vực.
- Xem cùng bản vẽ chi tiết móng biển báo : ĐD1-14-03E.XD-06/6

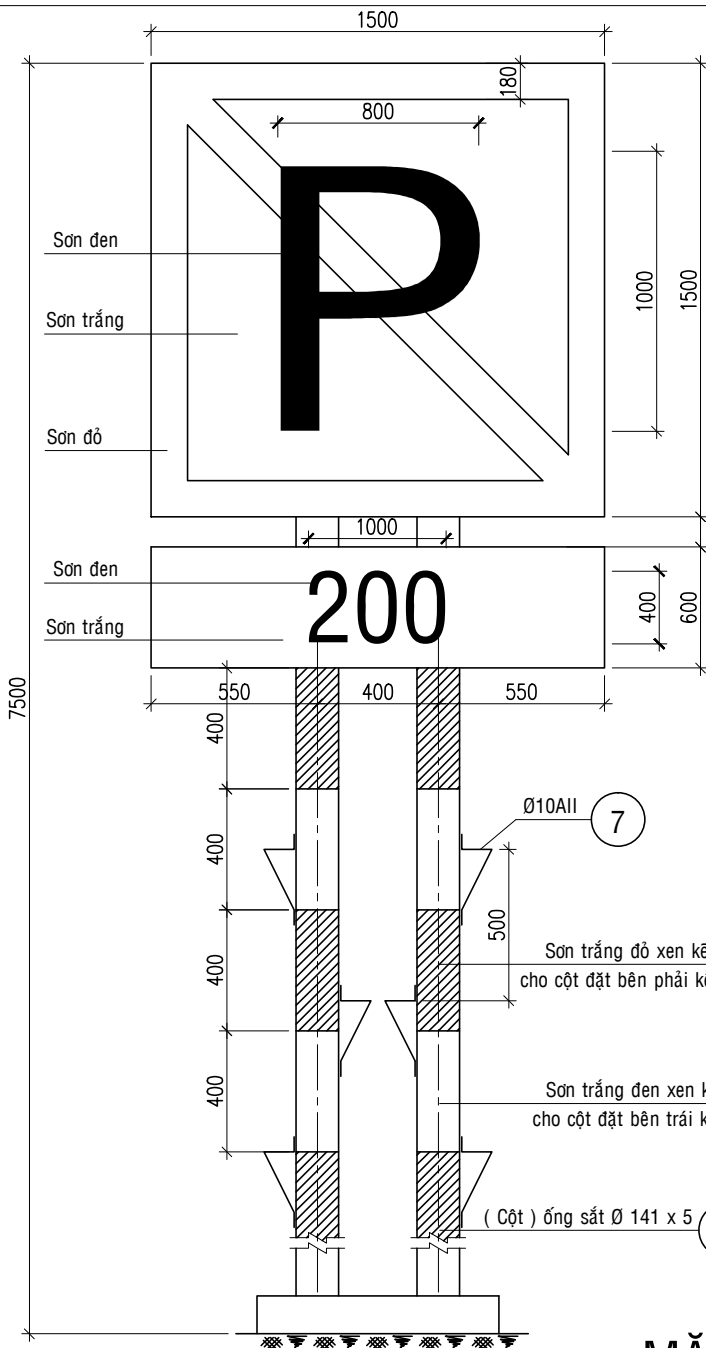


A - A

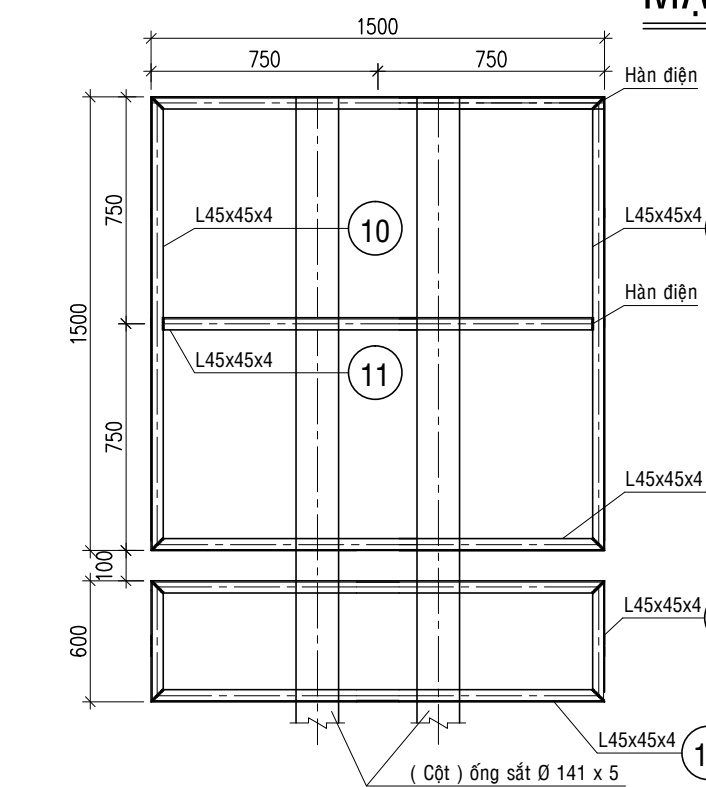
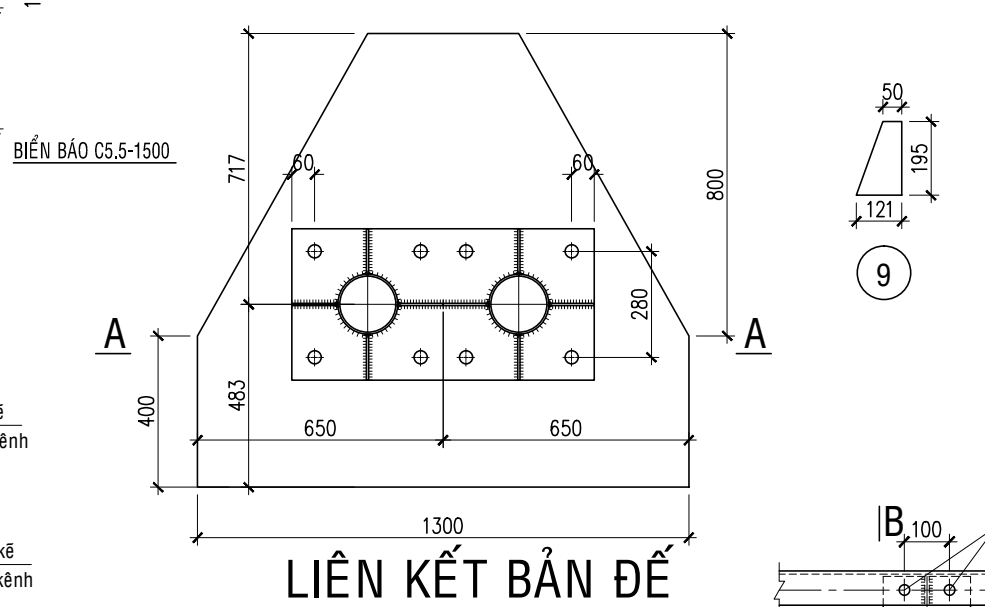
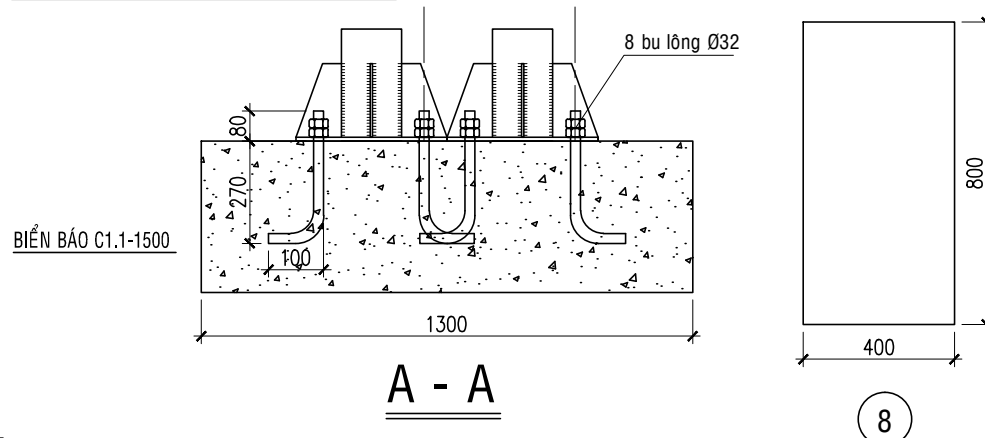


LIÊN KẾT BẢN ĐẾ

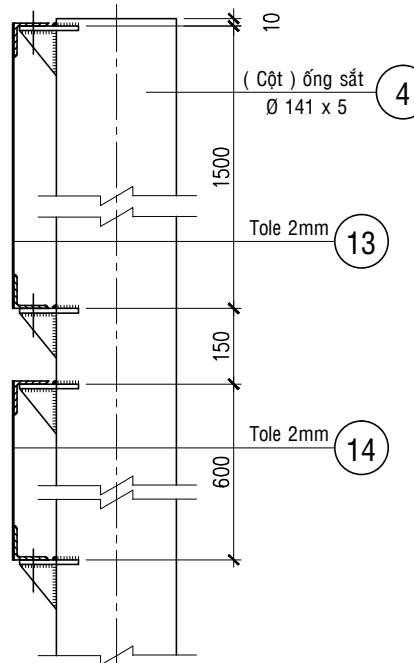
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			CHI TIẾT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG C4.1 & C2.1-1500	
PGĐ. Trung tâm	Đầu Đức Lạc		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		01 - 2020	
CTTK	Nguyễn Thành Văn			
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh			
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			



MẶT TRƯỚC BẢNG

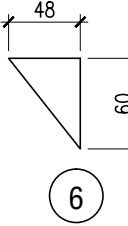
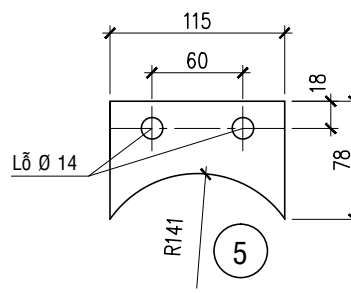
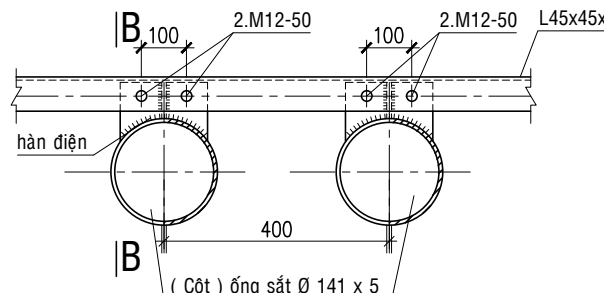


MẶT SAU BẢNG

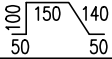


LIÊN KẾT KHUNG BẢNG HIỆU

B - B



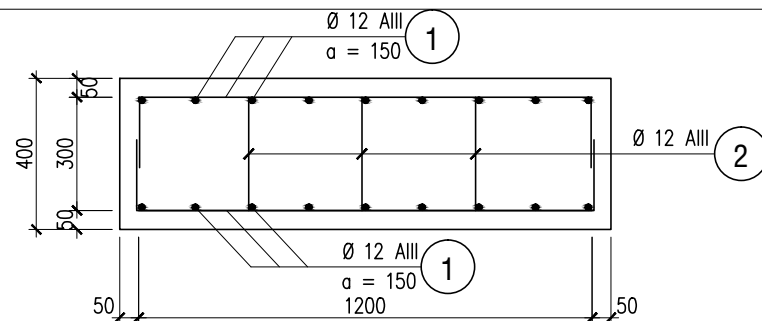
BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU CỘT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG

CẤU KIẾN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG & TÊN	QUY CÁCH (mm)	K THƯỚC THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI T CỘNG (mm)	CHO 1 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)
							QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	K LƯỢNG (KG)	
CỘT	4	Thép ống Ø 141 x 5	Ø 141	7600	02	15200	Ø 141	14400	254.77	292.19 KG
	5	Thép bản 115 x 78	d – 6		08		10 All	10780	6.64	
	6	Thép bản 48 x 60	d – 6		08		d – 8		20.10	
	7		Ø 10All	490	22	10780	d – 6		10.68	
	8	Thép bản đế 400 x 800	d – 8		01					
	9	Thép bản sườn 121 x 195	d – 6		08					
BIỂN BÁO	10	Thép hình làm khung bằng	L45x4	1500	06	9000	L45x4	11610	31.70	81.20 KG
	11	Thép gia cố bằng	L45x4	1410	01	1410	d – 2		49.50	
	12	Thép hình làm khung bằng	L45x4	600	02	1200				
	13	Tole mặt bằng 1500x1500	d – 2		01					
	14	Tole mặt bằng 600x1500	d – 2		01					
	15	Bu lông neo M32-450	M32	450	08		Trộn bộ			
	16	Bu lông liên kết M12-50	M12	50	16		Trộn bộ			

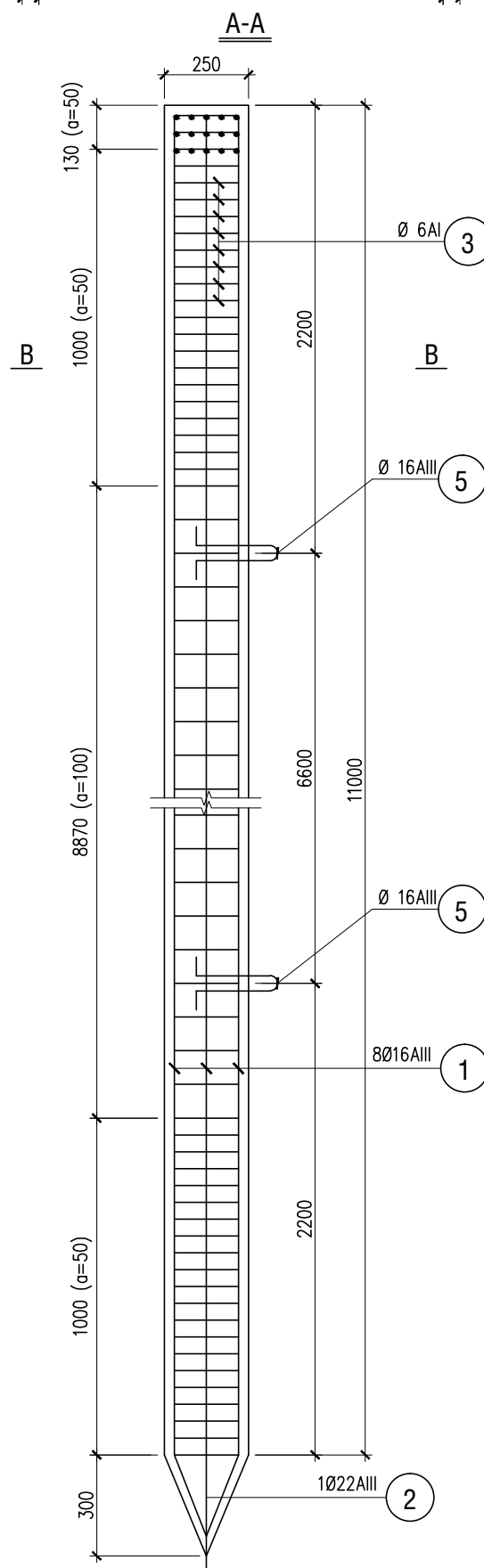
GHI CHÚ :

- Vật liệu chế tạo biển báo & cột dùng thép CT38
- Tất cả các chi tiết cột & biển báo phải được sơn 01 lớp sơn chống rỉ và 02 lớp sơn màu theo từng ghi chú trên hình vẽ cụ thể.
- Đường hàn có chiều cao H = 6mm. dùng que hàn E431 hoặc loại có cường độ tương đương.
- Bảo hiệu "chiều cao tính không bị hạn chế" lấy theo ký hiệu C-2.1, bảo hiệu " có đường điện vượt sông" lấy theo ký hiệu C-4.1 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bảo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN39: 2011/BCTV
- Bản vẽ này làm cơ sở để chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị quản lý đường sông khu vực.
- Xem cùng bản vẽ chi tiết móng biển báo : ĐD1-14-03E.XD-06/6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VINH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			CHI TIẾT BIỂN BÁO CẮM ĐỖ C1.4 & C5.5-1500	
PGĐ. Trung tâm	Đầu Đức Lạc		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG 01 - 2020	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			
CTTK	Nguyễn Thành Văn			
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh			
Thiết kế	Trương Ích Ngọc		ĐD.1-16-14D-ĐN.08/4	



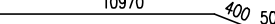
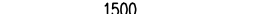
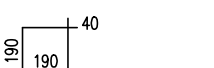
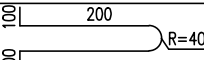
THÉP ĐÀI MÓNG

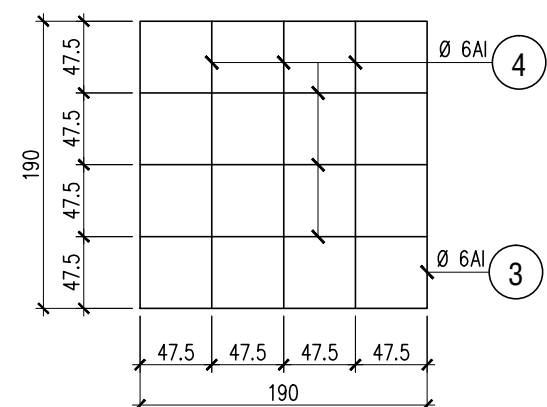


MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐÀI CỘC



BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO 03 CỌC CM025 - 11N

CẤU KIẾN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)	CHO 01 CẤU KIỆN			
							Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG	
CỘT CM025 11N	1		16AIII	11420	8x3	274.08	22AIII	4.50	13.41	529.28
	2		22AIII	1500	1x3	4.50	16AIII	278.43	439.92	
	3		6AI	840	132x3	332.64	6AI	342.90	75.95	
	4		6AI	190	18x3	10.26				
	5		16AIII	725	2x3	4.35	Bê tông cọc M300 V= 3 x 0.695m3			

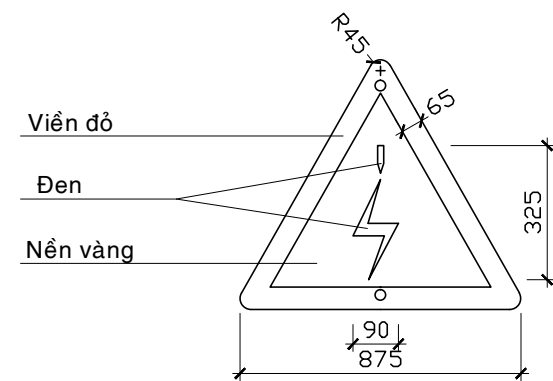
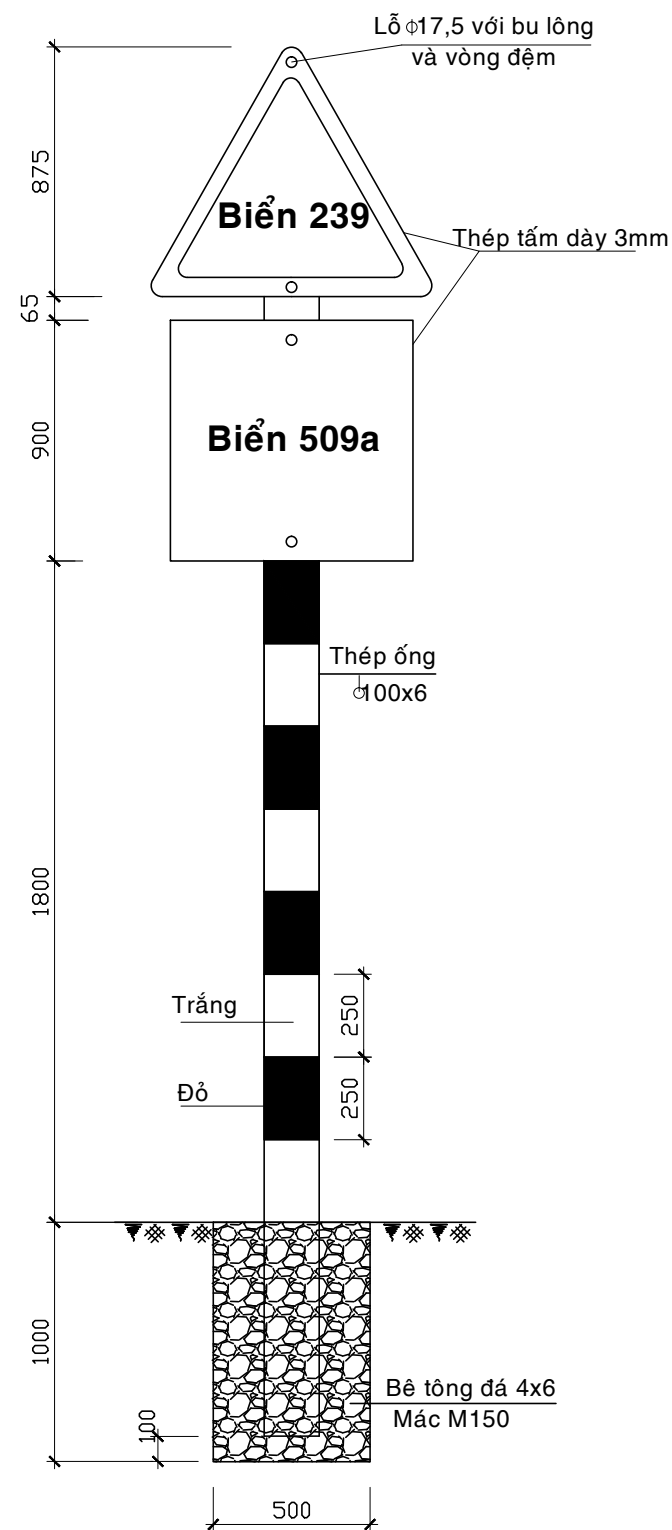


LƯỚI THÉP ĐẦU CỌC

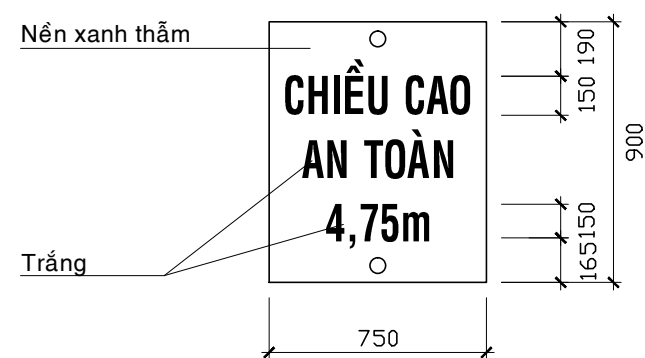
GHI CHÚ :

- _ Que hàn dùng loại E431 hoặc tương đương
- _ Cốt thép sử dụng: AI hoặc SWRM 20 Ø6÷10
AIII hoặc SD390 Ø16÷25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		CHI TIẾT MÓNG BIỂU BÁO VƯỢT SÔNG & CẮM ĐỔ (1500)	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			
CTTK	Nguyễn Thành Văn			
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc		ĐD.1-16-14D-ĐN.08/5	



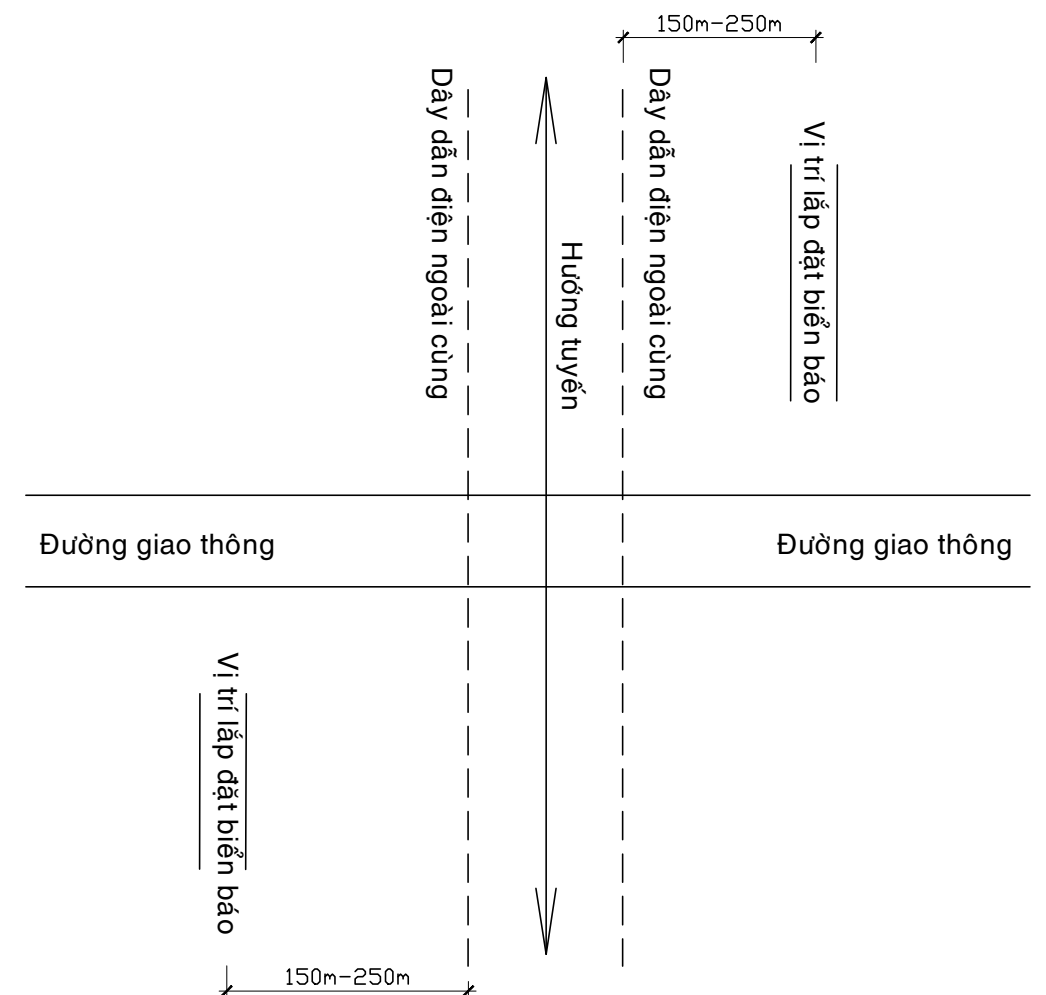
Biển 239: Đường cáp điện ở phía trên



Biển 509a: Chiều cao an toàn

Ghi chú:

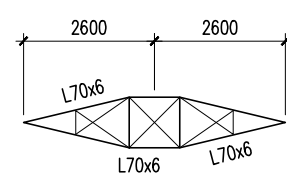
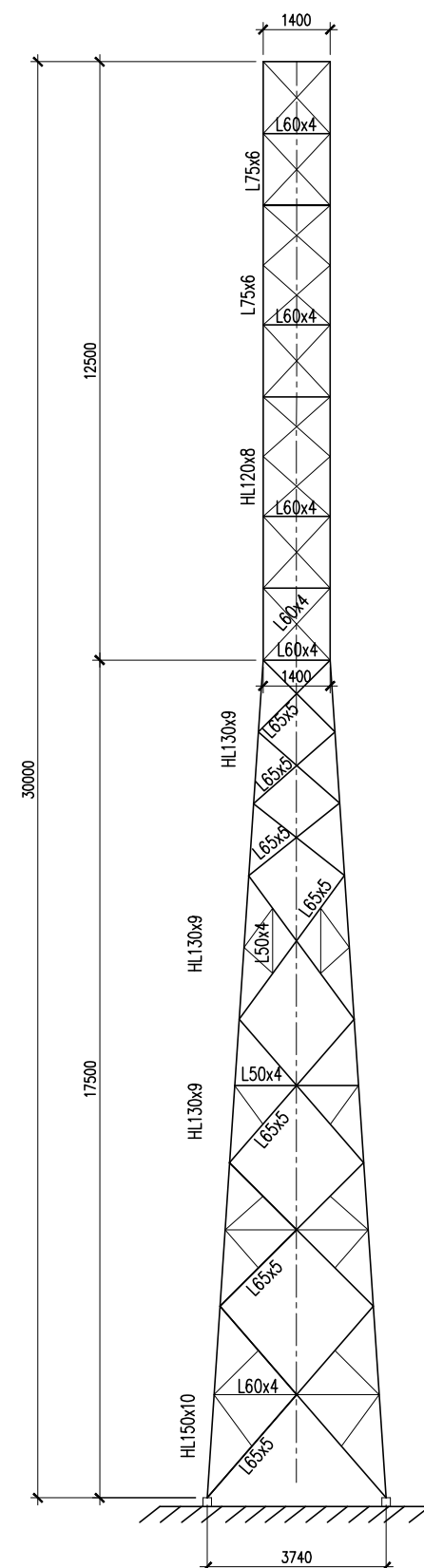
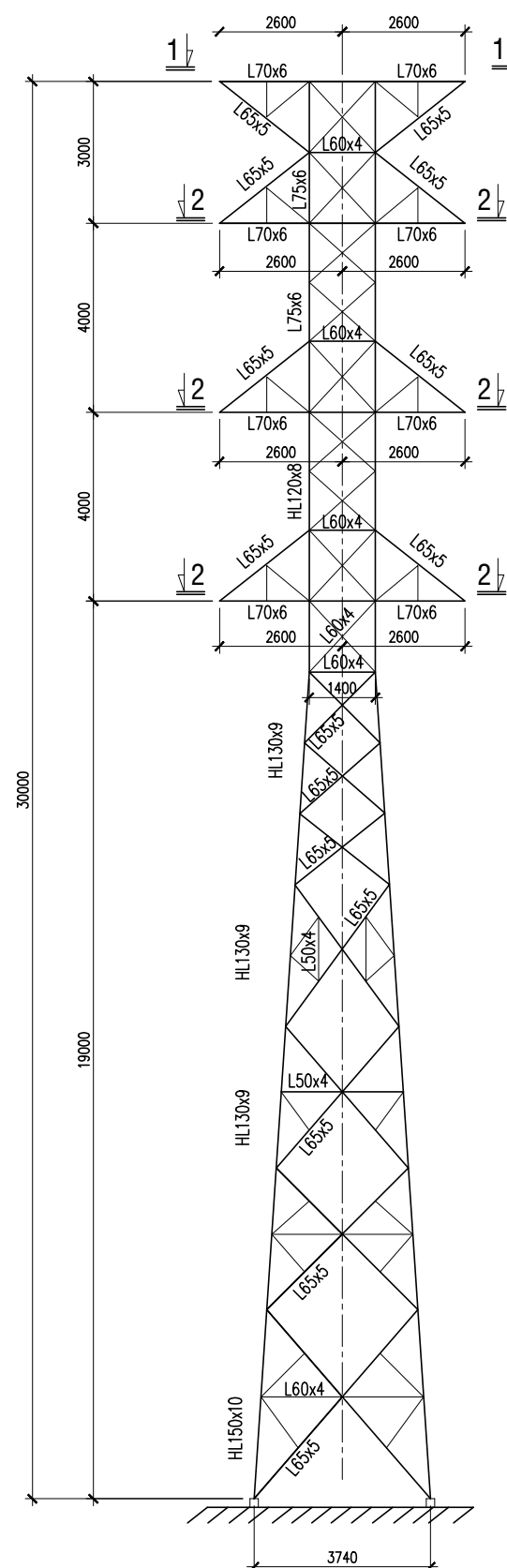
1. Biển báo vượt đường này (loại 2) áp dụng cho các đường giao thông có tốc độ xe quy định từ 61km/h đến 80km/h.
2. Các biển báo phải được sơn (hoặc dán) vật liệu phản quang.
3. Biển báo được thiết kế phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2012/BGTVT.
4. Lắp đặt 2 biển báo ở mỗi phía khoảng vượt.
5. Khoảng cách mép ngoài của biển phía phần xe chạy phải cách mép phần xe chạy là 0,5m (không được chồm lên mép phần xe chạy), tuân theo điều 17 - QCVN 41: 2012/BGTVT.
6. Chiều cao an toàn điện áp dụng theo Điều 6.C - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015.
7. Nhà Thầu cần thỏa thuận với đơn vị Quản lý đường bộ trước khi lắp đặt.



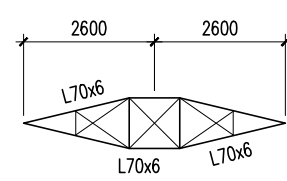
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BIỂN BÁO VƯỢT ĐƯỜNG	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.08/6	

BẢNG PHÂN LOẠI CỘT TRÊN TUYẾN					
STT	TÊN CỘT	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
	CỘT 2 MẠCH			102	
1	Cột thép đỡ vượt 2 mạch	Đ1.2-30	CỘT	41	ĐD1-16-14D.XD-01/01
2	Cột thép đỡ vượt 2 mạch	Đ1.2-34	CỘT	27	ĐD1-16-14D.XD-01/02
3	Cột thép đỡ vượt 2 mạch	Đ1.2-38	CỘT	9	ĐD1-16-14D.XD-01/03
4	Cột thép đỡ vượt 2 mạch	Đ1.2-42	CỘT	3	ĐD1-16-14D.XD-01/04
5	Cột thép néo góc đến 30 độ 2 mạch	N1.2-28(30)	CỘT	18	ĐD1-16-14D.XD-01/05
6	Cột thép néo góc đến 45 độ 2 mạch	N1.2-28(45)	CỘT	1	ĐD1-16-14D.XD-01/06
7	Cột thép néo góc đến 60 độ 2 mạch	N1.2-32(60)	CỘT	1	ĐD1-16-14D.XD-01/07
8	Cột thép néo góc đến 60 độ 2 mạch	N1.2-45(60)	CỘT	1	ĐD1-16-14D.XD-01/08
9	Cột néo 2 mạch(tận dụng lại cột tháo dỡ)	N110-2T+9(90)	CỘT	1	ĐD1-16-14D.XD-01/10
	CỘT 3 MẠCH			11	
10	Cột thép đỡ vượt 3 mạch	Đ1.3-42	CỘT	5	ĐD1-16-14D.XD-01/11
11	Cột thép đỡ vượt 3 mạch	Đ1.3-50	CỘT	2	ĐD1-16-14D.XD-01/12
12	Cột thép góc đến 90 độ 3 mạch	N1.3-37.5(90)	CỘT	2	ĐD1-16-14D.XD-01/13
13	Cột thép néo hãm 3 mạch	N1.3-41.5(H)	CỘT	2	ĐD1-16-14D.XD-01/14
	CỘNG			113	

01			
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI CỘT TRÊN TUYẾN	
P.Giám đốc TLĐ	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-01	
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên		
Thiết kế	Lê Thái Hiệp		



1 - 1

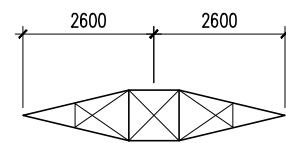
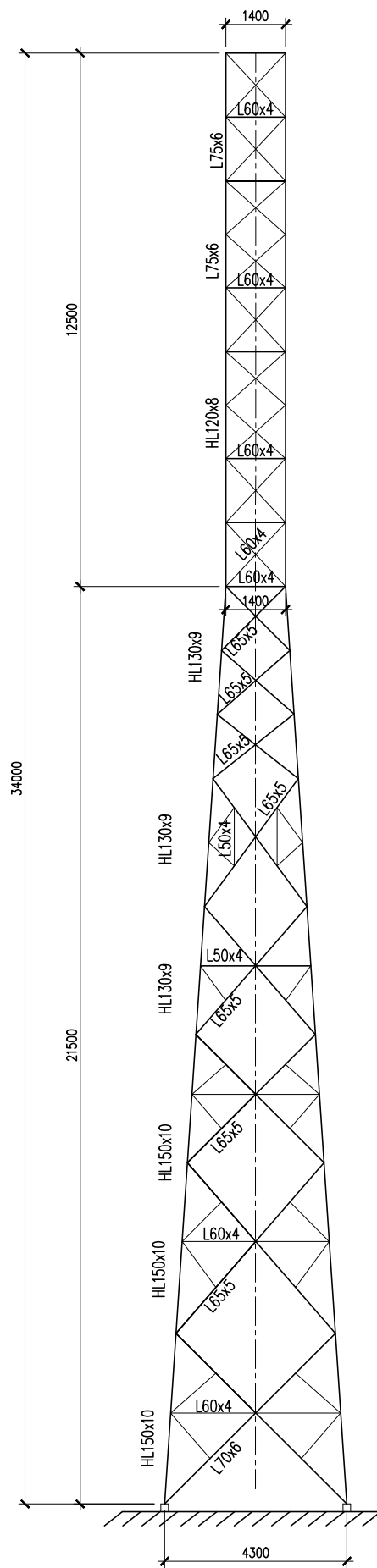
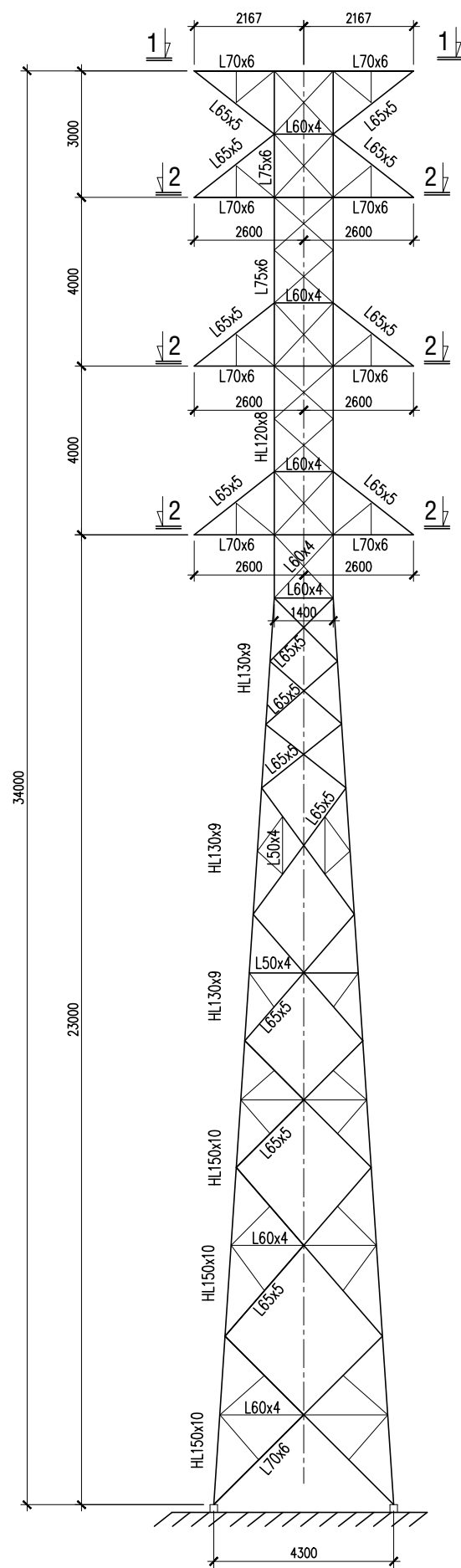


2 - 2

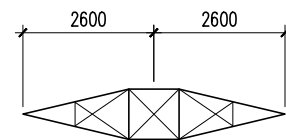
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TỈ	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		Đ1.2-30
1	HL150x10	679.58
2	HL130x9	827.70
3	HL120x8	323.40
4	L100x7	29.10
5	L75x6	188.24
6	L70x6	403.47
7	L65x5	1320.34
8	L60x4	286.79
9	L50x4	854.44
Trọng lượng thép bản:		999.67
Trọng lượng bu lông:		368.99
Trọng lượng mạ kẽm:		206.28
Trọng lượng tổng:		6488.00
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		170.40
Trọng lượng lắp ráp:		6317.61

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ 110KV 02 MẠCH Đ1.2-30	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	12-2019	
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD1-16-14D.XD-01/01	



1 - 1

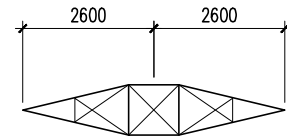
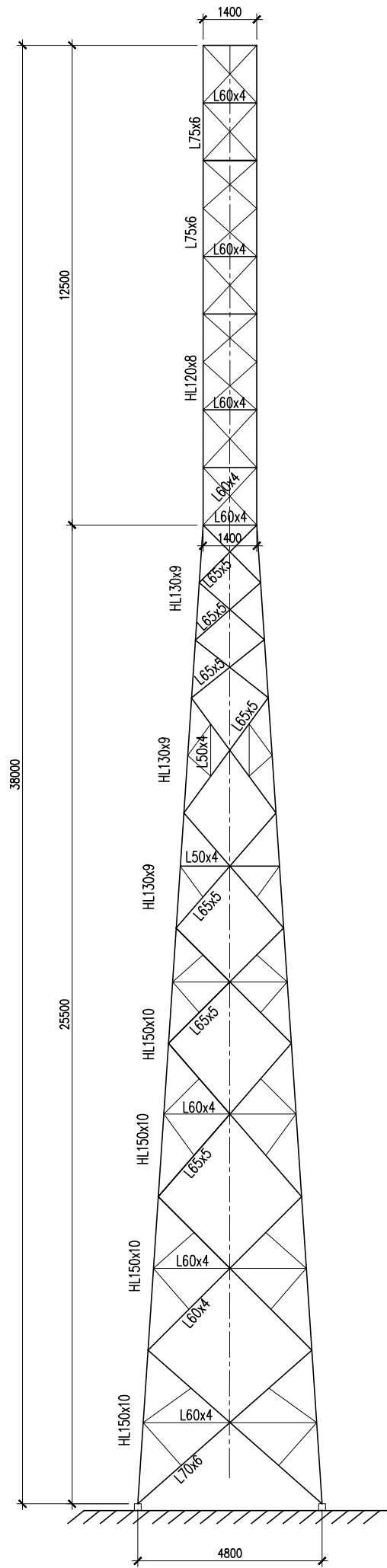
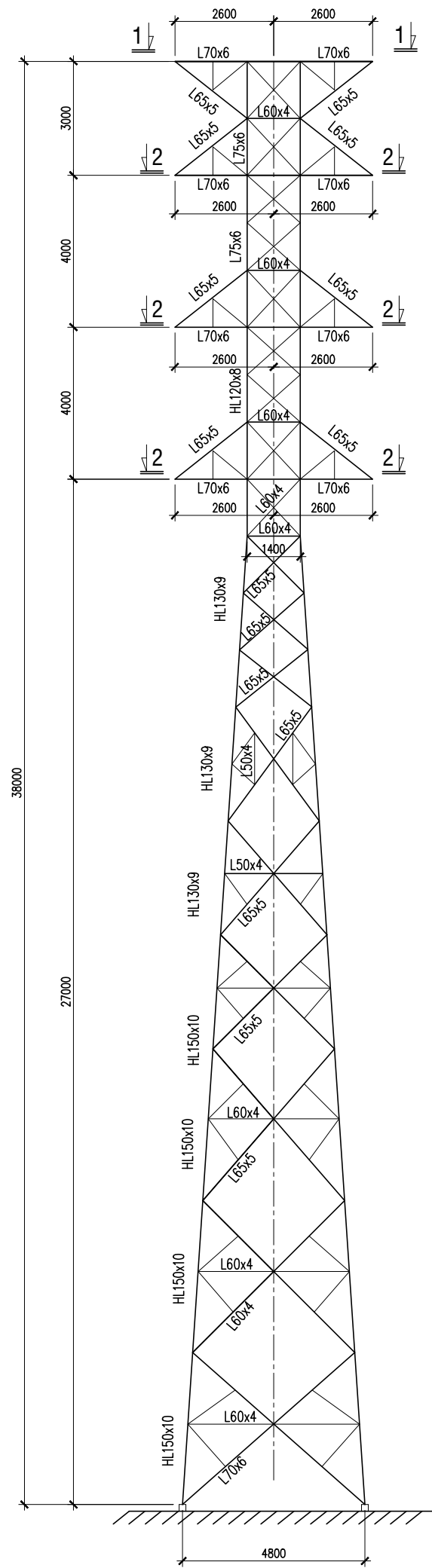


2 - 2

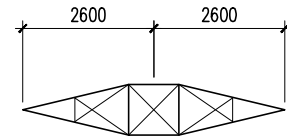
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		Đ1.2-34
1	HL150x10	1155.35
2	HL130x9	827.70
3	HL120x8	323.40
4	L100x7	29.10
5	L75x6	188.24
6	L70x6	682.97
7	L65x5	1320.34
8	L60x4	411.88
9	L50x4	940.71
Trọng lượng thép bản:		1147.28
Trọng lượng bu lông:		515.55
Trọng lượng mạ kẽm:		247.18
Trọng lượng tổng:		7789.70
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		204.79
Trọng lượng lắp ráp:		7584.91

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ 110KV 02 MẠCH Đ1.2-34	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	12-2019	
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD1-16-14D.XD-01/02	



1 - 1

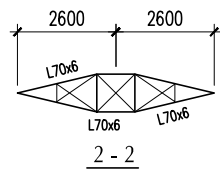
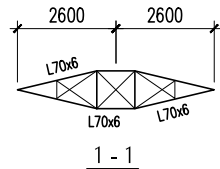
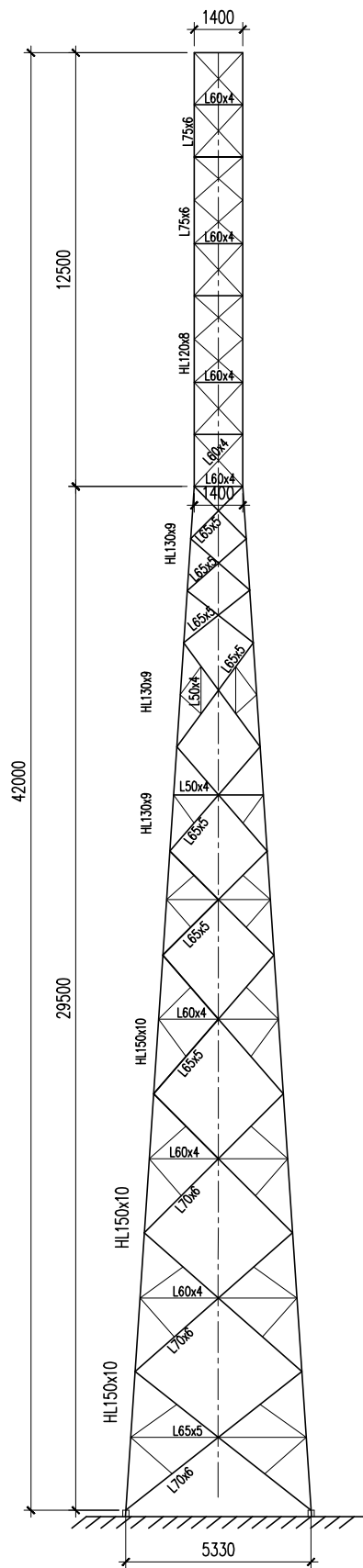
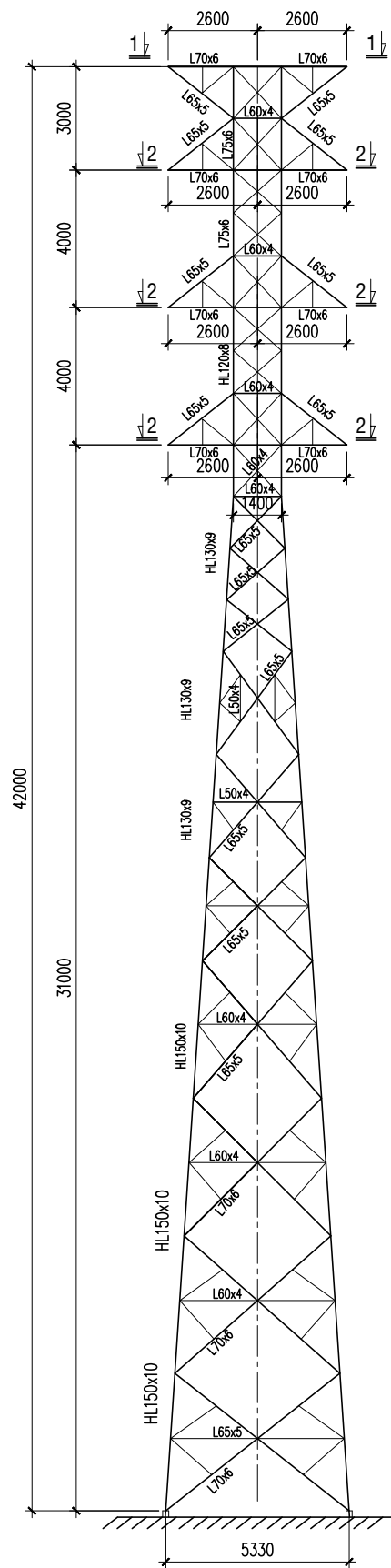


2 - 2

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

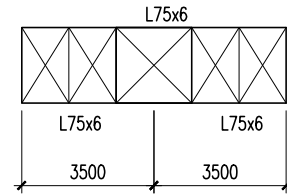
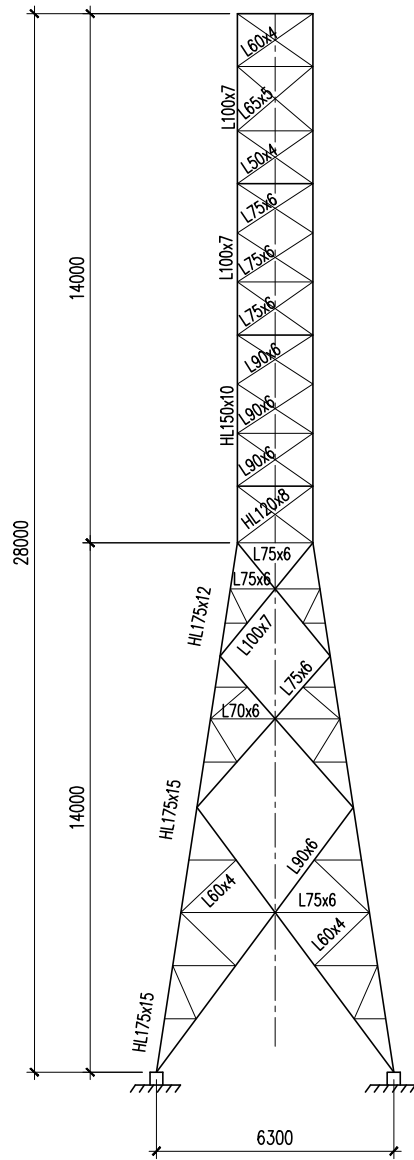
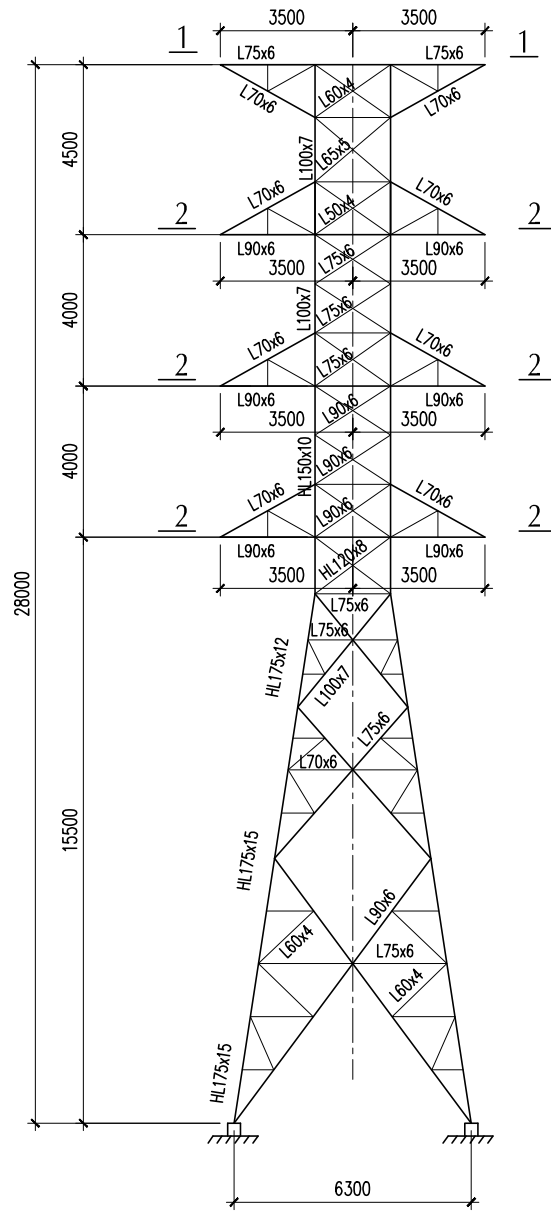
SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		Đ1.2-38
1	HL150x10	1588.62
2	HL130x9	827.70
3	HL120x8	323.40
4	L100x7	29.10
5	L75x6	188.24
6	L70x6	967.97
7	L65x5	1320.34
8	L60x4	553.94
9	L50x4	1031.08
Trọng lượng thép bản:		1296.93
Trọng lượng bu lông:		642.83
Trọng lượng mạ kẽm:		287.26
Trọng lượng tổng:		9057.42
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		241.77
Trọng lượng lắp ráp:		8815.65

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ 110KV 02 MẠCH Đ1.2-38	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD1-16-14D.XD-01/03	
		12-2019	

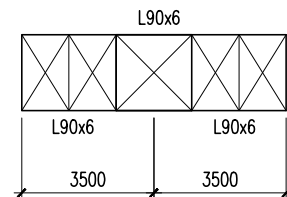


BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU		
SỐ TỈ	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		Đ1.2-42
1	HL150x10	2043.14
2	HL130x9	827.70
3	HL120x8	323.40
4	L100x7	29.10
5	L75x6	188.24
6	L70x6	1281.41
7	L65x5	1535.30
8	L60x4	553.94
9	L50x4	1129.39
Trọng lượng thép bản:		1437.79
Trọng lượng bu lông:		708.43
Trọng lượng mạ kẽm:		326.60
Trọng lượng tổng:		10384.44
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		276.50
Trọng lượng lắp ráp:		10107.95

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ 110KV 02 MẠCH Đ1.2-42	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD1-16-14D.XD-01/04	



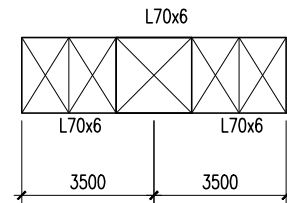
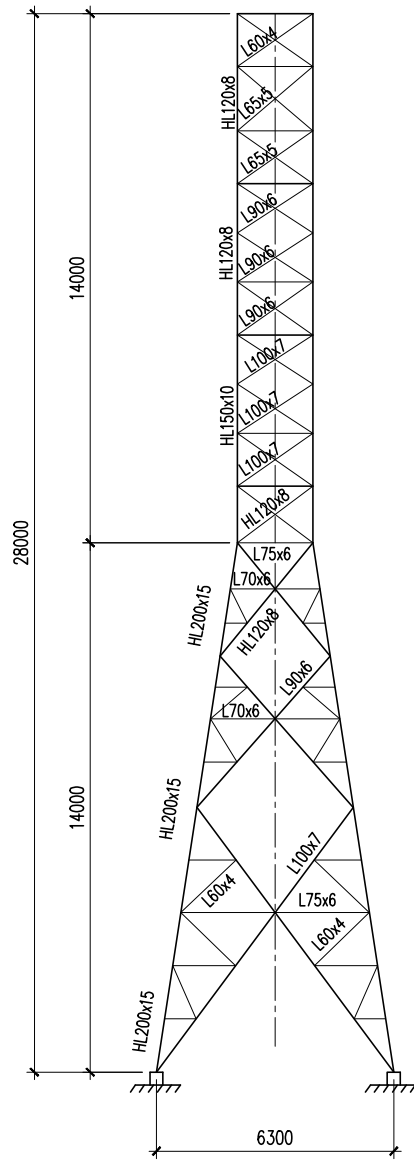
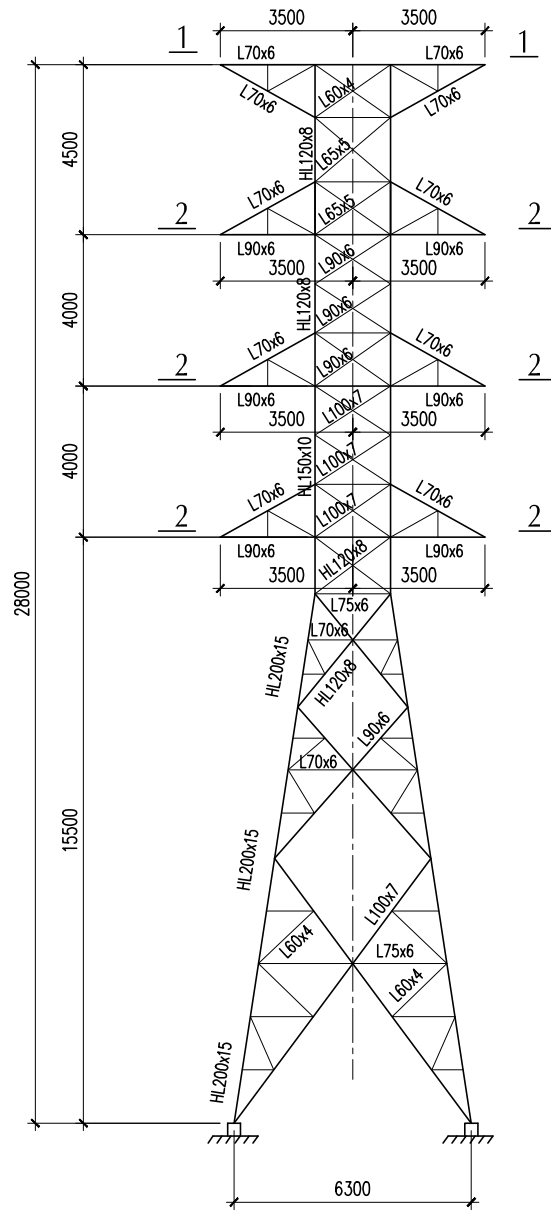
1 - 1



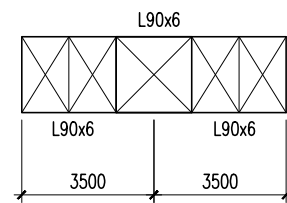
2 - 2

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU		
SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		N1.2-28(30)
1	HL175x15	1,843.92
2	HL175x12	705.96
3	HL150x10	580.74
4	L100x7	858.05
5	L90x6	984.99
6	L80x6	490.44
7	L75x6	877.73
8	L70x6	850.96
9	L65x5	605.28
10	L60x4	924.57
11	L50x4	413.90
	Trọng lượng thép	2239.65
	Trọng lượng bu lông:	701.86
	Trọng lượng mạ kẽm:	345.80
	Trọng lượng tổng:	12423.86
	Trọng lượng cắt, vát, đột lỗ:	361.51
	Trọng lượng lắp ráp:	12062.36

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm		CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 30° N1.2-28(30)	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung			
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Lê Thái Hiệp		ĐD1-16-14D.XD-01/05	



1 - 1

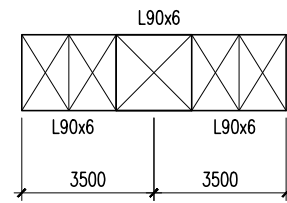
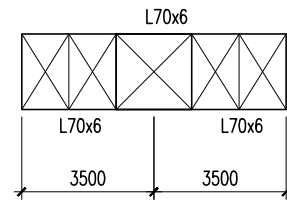
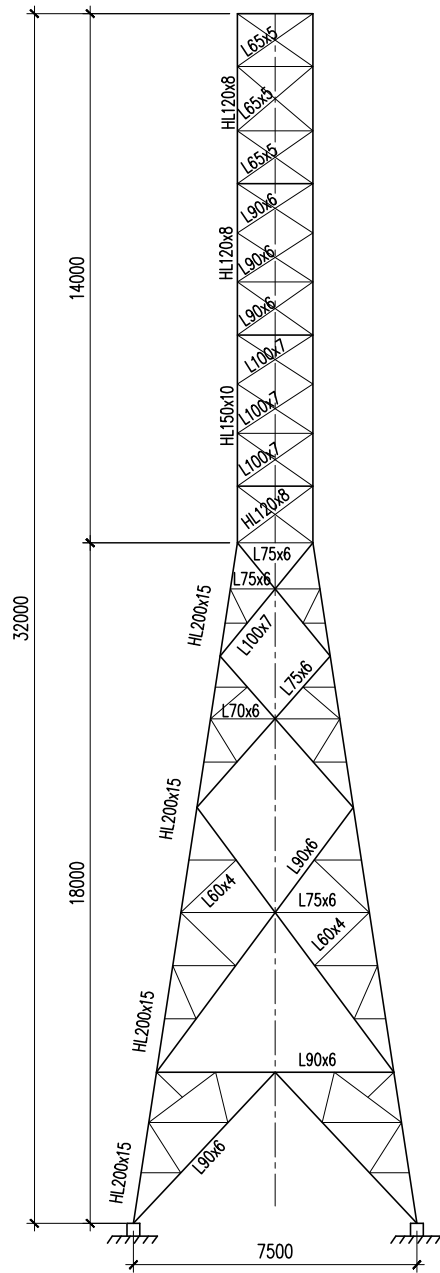
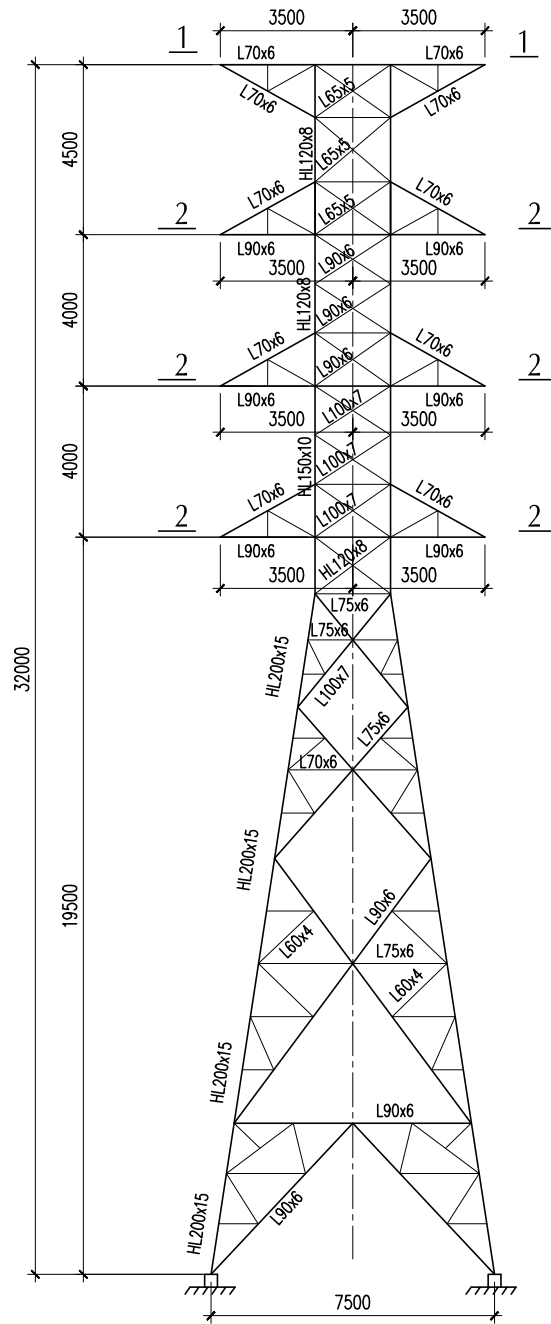


2 - 2

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

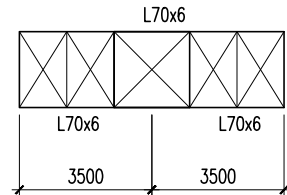
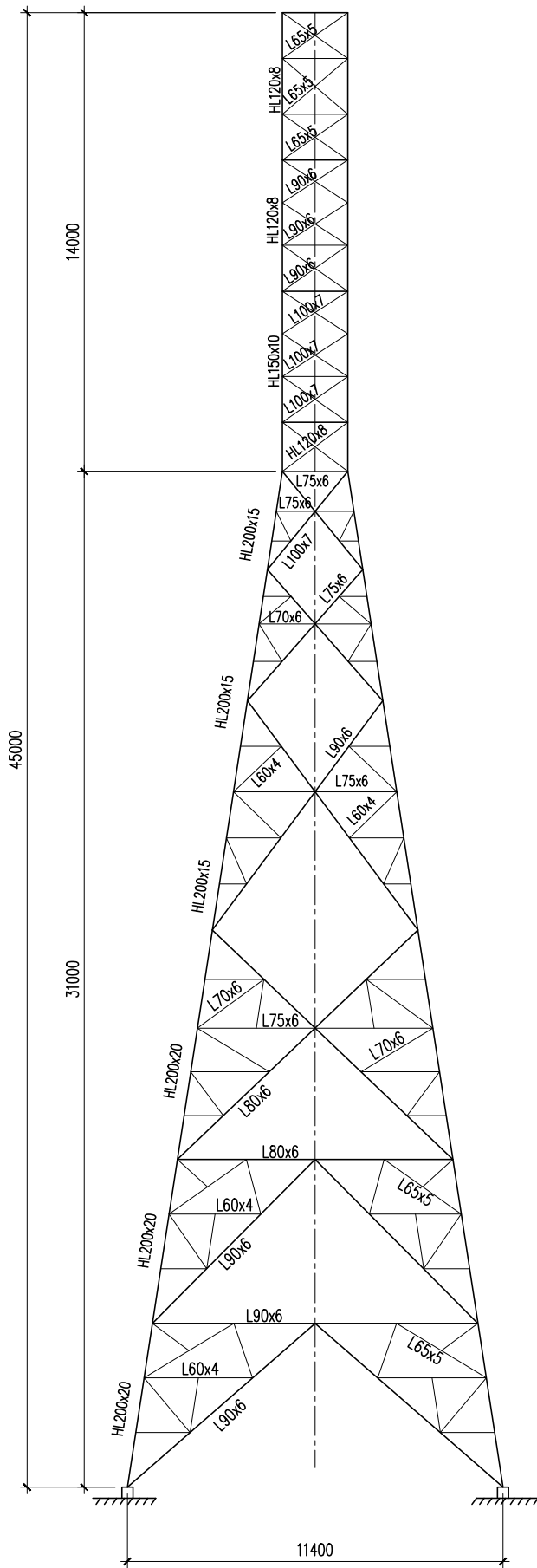
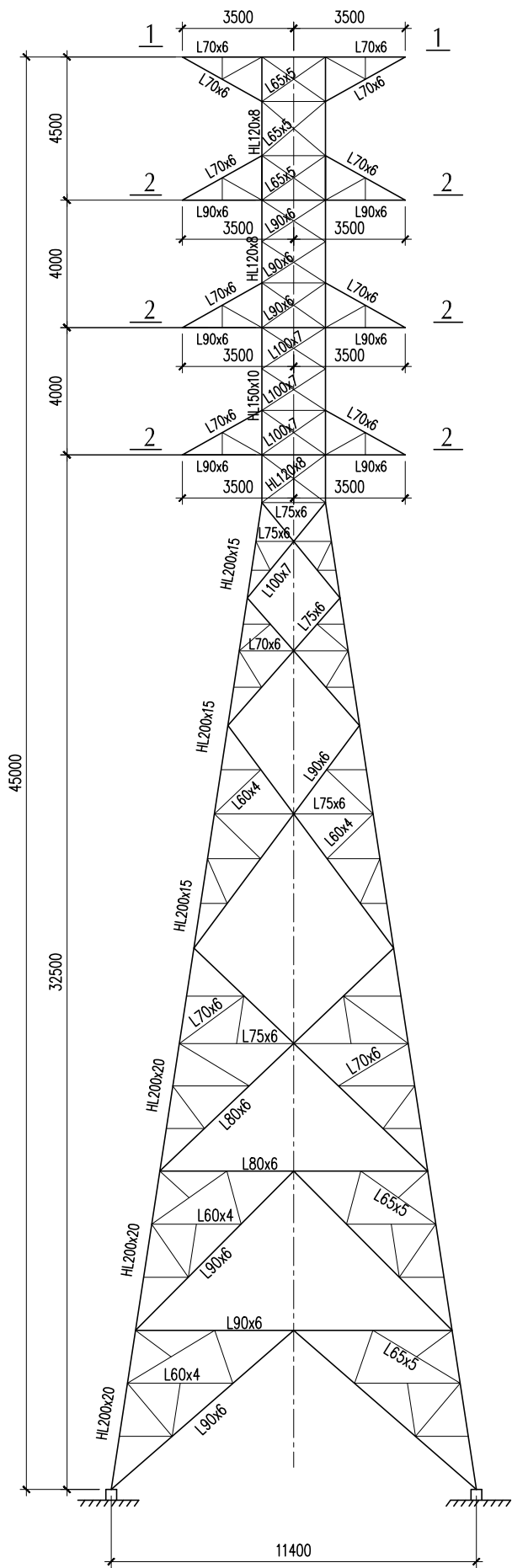
SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		N1.2-28(45); N1.2-28(NC)
1	HL200x15	3,146.72
2	HL150x10	566.09
3	HL120x8	1,180.00
4	L100x7	1,323.89
5	L90x6	1,337.19
6	L75x6	185.99
7	L70x6	933.09
8	L65x5	713.94
9	L60x4	922.68
10	L50x4	337.10
Trọng lượng thép bản:		2906.36
Trọng lượng bu lông:		934.67
Trọng lượng mạ kẽm:		393.49
Trọng lượng tổng:		14881.20
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		445.25
Trọng lượng lắp ráp:		14435.95

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 45° N1.2-28(45)	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên		
Thiết kế	Lê Thái Hiệp		
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
		ĐD1-16-14D.XD-01/06	

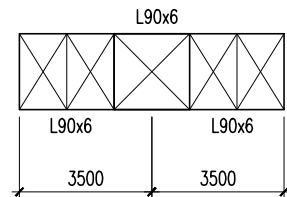


BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU		
SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		N1.2-32(60)
1	HL200x15	4076.28
2	HL150x10	566.09
3	HL120x8	1180.00
4	L100x7	1323.89
5	L90x6	1867.17
6	L75x6	306.44
7	L70x6	987.39
8	L65x5	882.58
9	L60x4	1142.17
10	L50x4	572.05
Trọng lượng thép bản:		3426.13
Trọng lượng bu lông:		1172.51
Trọng lượng mạ kẽm:		480.51
Trọng lượng tổng:		17983.21
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		529.08
Trọng lượng lắp ráp:		17454.13

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 60° N1.2-32(60)	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên		
Thiết kế	Lê Thái Hiệp		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
ĐD1-16-14D.XD-01/07			



1 - 1



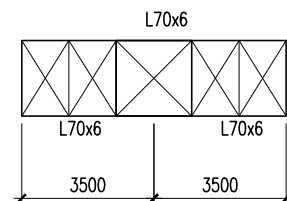
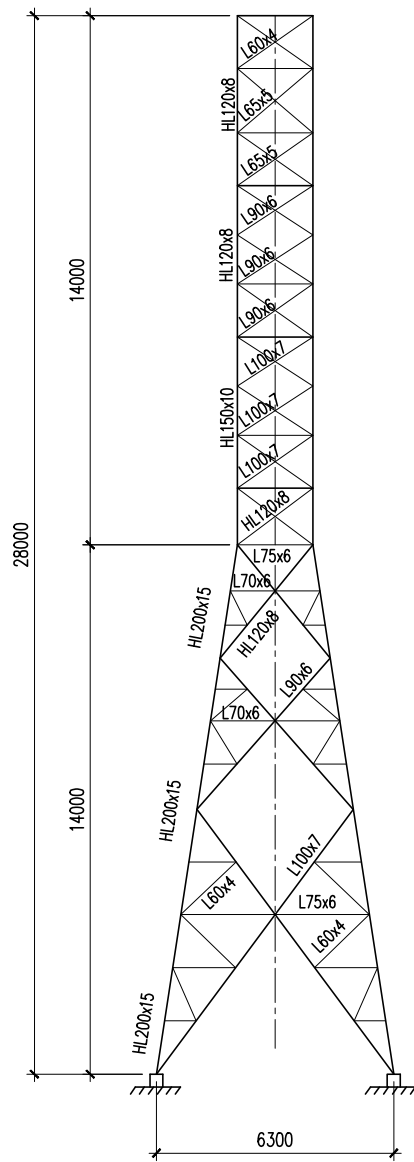
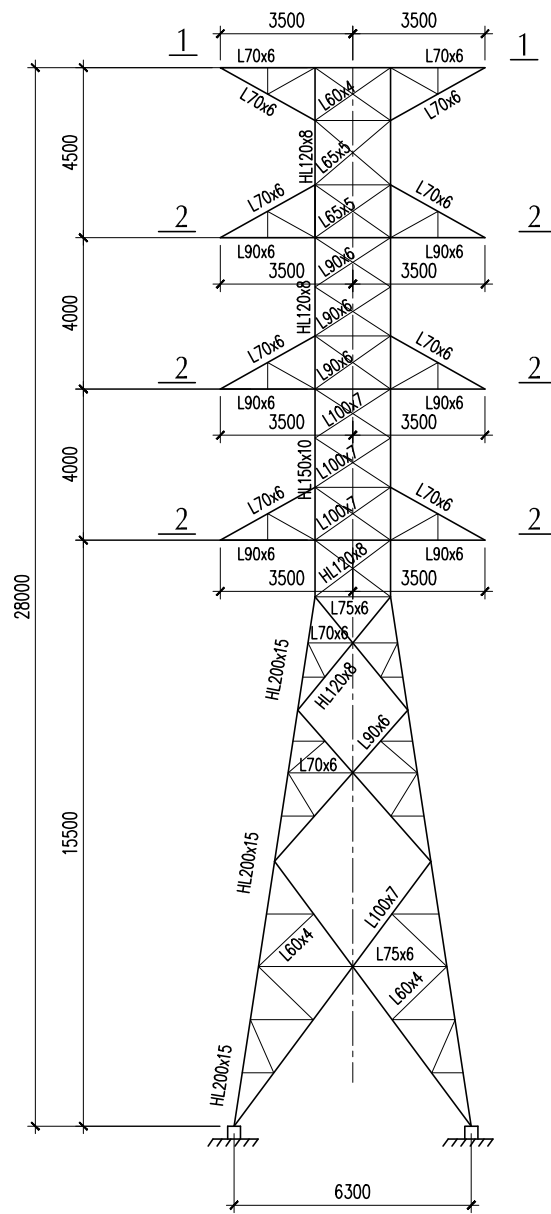
2 - 2

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU
LIST OF MATERIAL

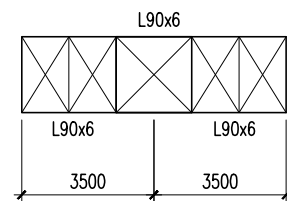
STT No	Quy cách Section	Trọng lượng Weight (kG)
1	HL200x20	4,806.85
2	HL200x 15	3,359.37
3	HL150x10	595.77
4	HL120x8	1,276.72
5	L100x7	1,397.45
6	L90x6	2,649.84
7	L80x6	865.59
8	L75x6	763.03
9	L70x6	1,340.97
10	L65x5	2,080.23
11	L60x4	2,301.53
12	L50x4	798.12
Thép tấm - Plates		3,749.19
Bu lông - Bolts		1,274.71
Mạ - Galvanize		1,354.03
Tổng cộng thép mạ kẽm không trừ cắt vát- Total weight		28,613.40
Trọng lượng thép đen chưa trừ cắt vát - Total weight without galvanize		27,259.37
Trọng lượng thép đen trừ cắt vát - Net weight without galvanize		26,714.18
Trọng lượng thép mạ kẽm trừ cắt vát - Net weight with galvanize		27,782.75

Ghi chú:
- Khối lượng cột chỉ là tạm tính,
khối lượng chính xác sẽ được cập nhật trong bản vẽ chế tạo cột.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 60° N1.2-45(60)	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn	12-2019	
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung	ĐD1-16-14D.XD-01/08	
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên		
Thiết kế	Lê Thái Hiệp		



1 - 1

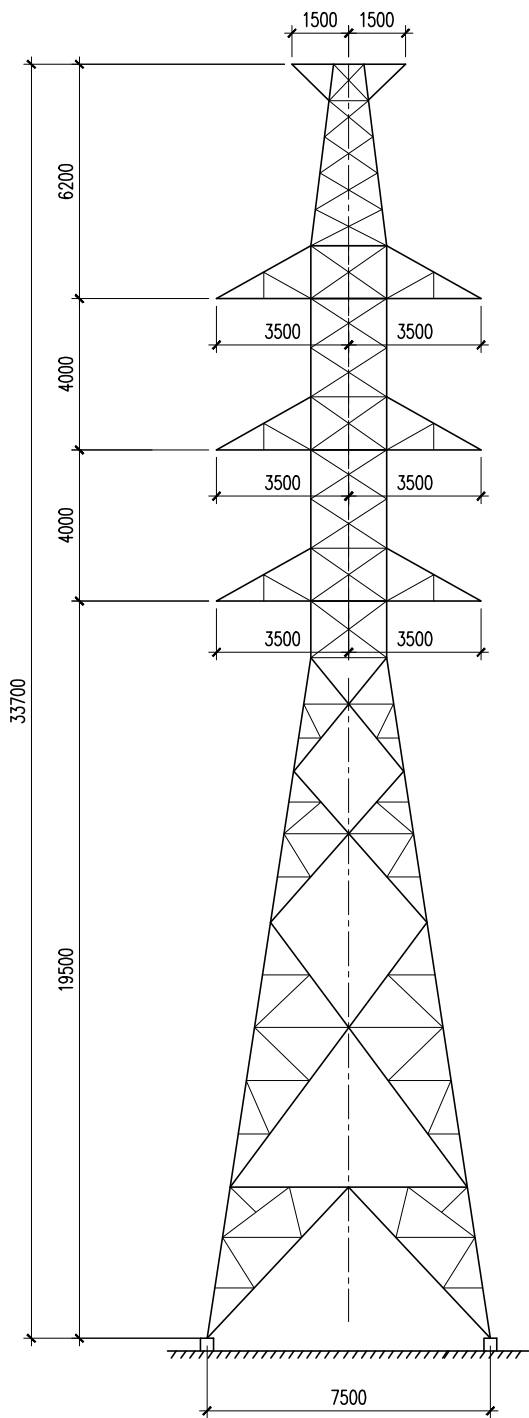


2 - 2

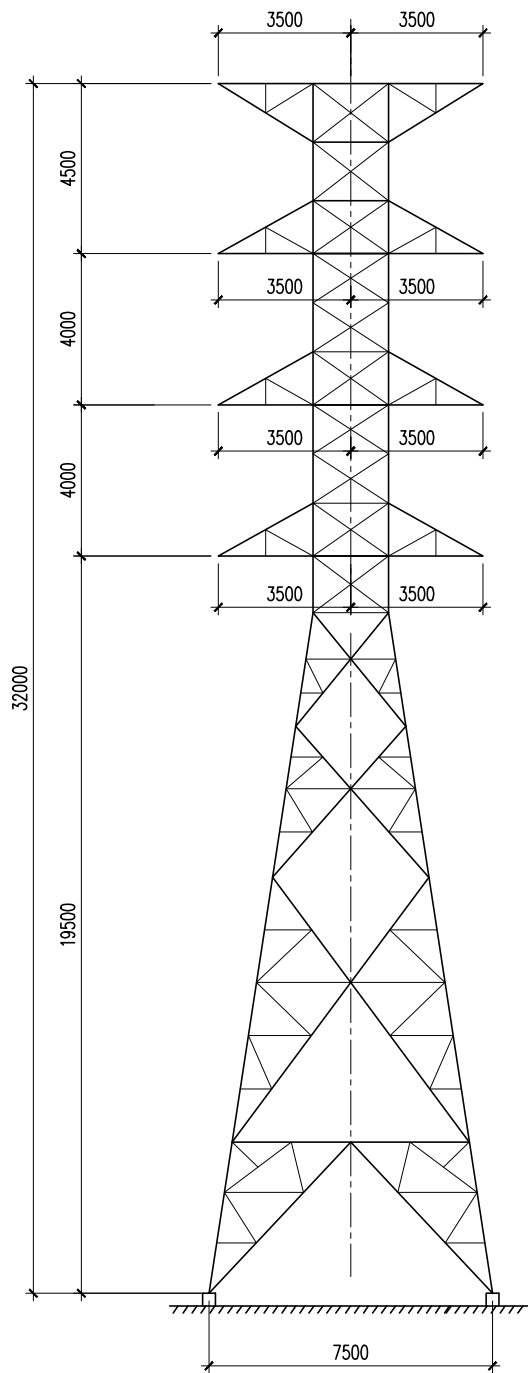
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		N1.2-28(45); N1.2-28(NC)
1	HL200x15	3,146.72
2	HL150x10	566.09
3	HL120x8	1,180.00
4	L100x7	1,323.89
5	L90x6	1,337.19
6	L75x6	185.99
7	L70x6	933.09
8	L65x5	713.94
9	L60x4	922.68
10	L50x4	337.10
Trọng lượng thép bản:		2906.36
Trọng lượng bu lông:		934.67
Trọng lượng mạ kẽm:		393.49
Trọng lượng tổng:		14881.20
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		445.25
Trọng lượng lắp ráp:		14435.95

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO CUỐI 110KV 2 MẠCH N1.2-28(NC)	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD1-16-14D.XD-01/09	



TRƯỚC CẢI TẠO

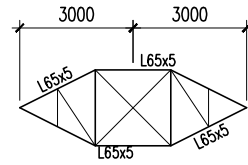
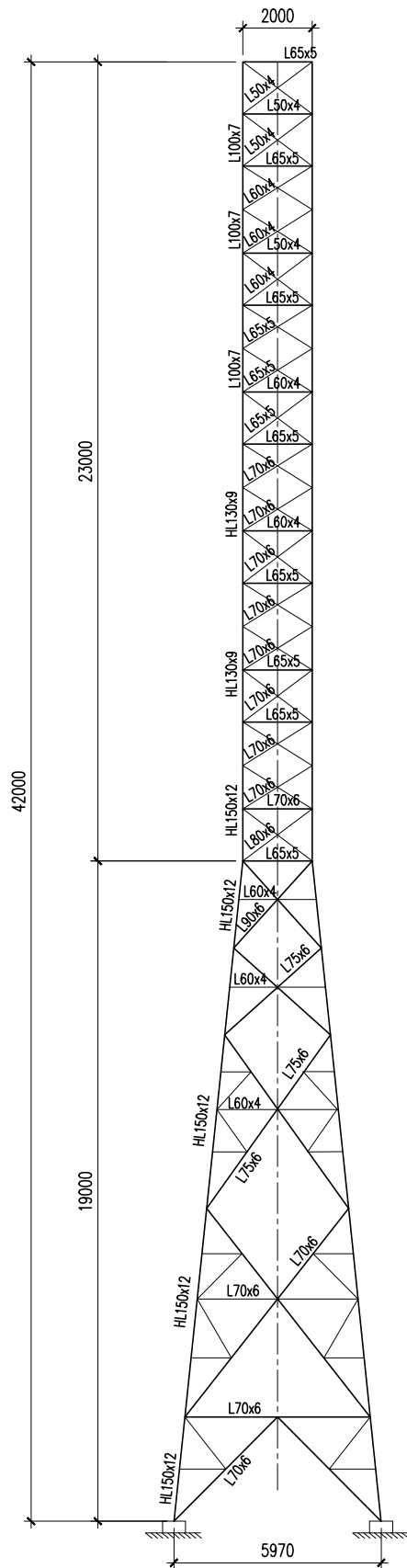
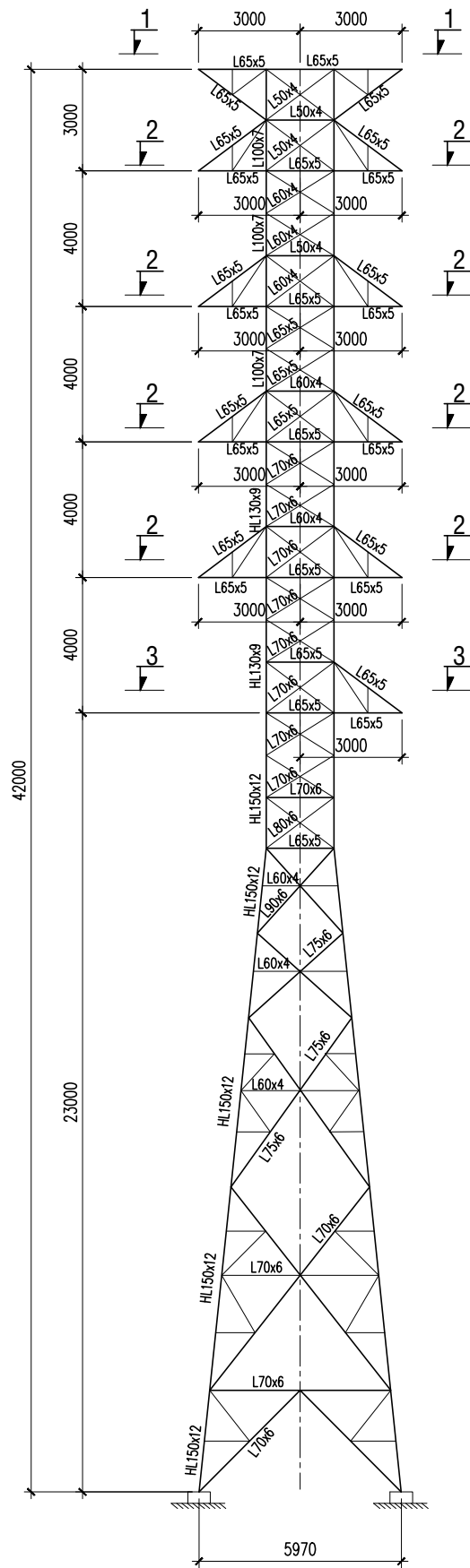


SAU CẢI TẠO

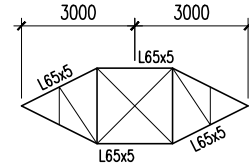
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU LIST OF MATERIAL		
STT No	Quy cách Section	Trọng lượng Weight (kG)
1	HL120x8	270.48
2	L75x6	140.01
3	L70x6	79.27
4	L65x5	139.40
5	L60x4	204.02
6	L50x4	39.76
Thép tấm - Plates		218.23
Bulong - Bolts		87.29
Mạ - Galvanize		49.50
Tổng cộng thép mạ kẽm không trừ cắt vát- Total weight		1,227.95
Trọng lượng thép đen chưa trừ cắt vát - Total weight without galvanize		1,178.45
Trọng lượng thép đen trừ cắt vát - Net weight without galvanize		1,154.88
Trọng lượng thép mạ kẽm trừ cắt vát - Net weight with galvanize		1,201.08

Ghi chú:
- Khối lượng cột chỉ là tạm tính,
khối lượng chính xác sẽ được cập nhật trong bản vẽ chế tạo cột.

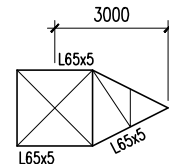
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH TẬN DỤNG N110-2T+9(90)	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD1-16-14D.XD-01/10	



1 - 1



2 - 2

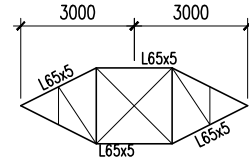
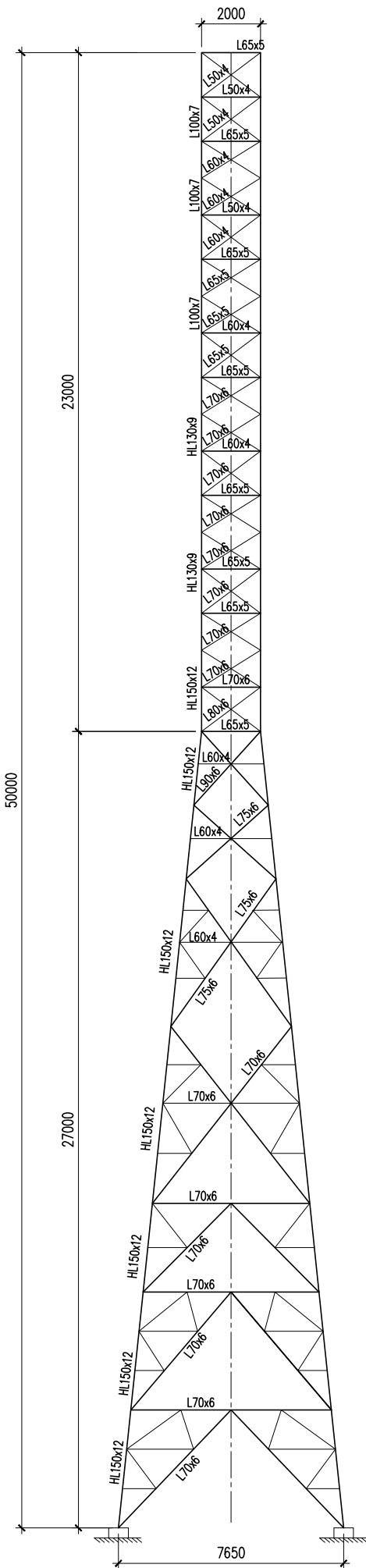
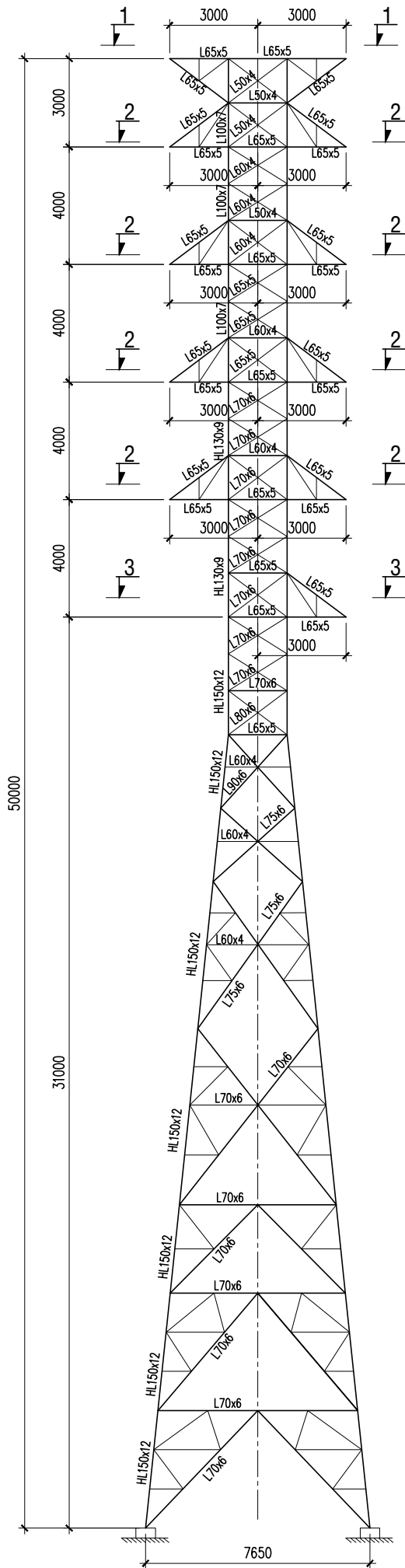


3 - 3

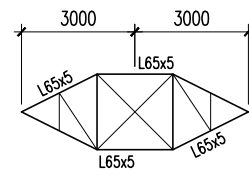
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (KG)
		D1.3-42
1	HL150x12	2805.35
2	HL130x9	617.55
3	L100x7	469.73
4	L90x6	224.22
5	L80x6	141.72
6	L75x6	544.82
7	L70x6	1652.88
8	L65x5	1598.00
9	L60x4	1260.61
10	L50x4	697.37
Trọng lượng thép bản:		1641.55
Trọng lượng bu lông:		743.88
Trọng lượng mạ kẽm:		390.22
Trọng lượng tổng:		12787.90
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		252.30
Trọng lượng lắp ráp:		12535.60

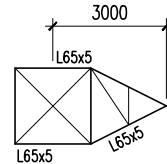
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ 110KV 03 MẠCH Đ1.3-42	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD1-16-14D.XD-01/11	
		12-2019	



1 - 1



2 - 2

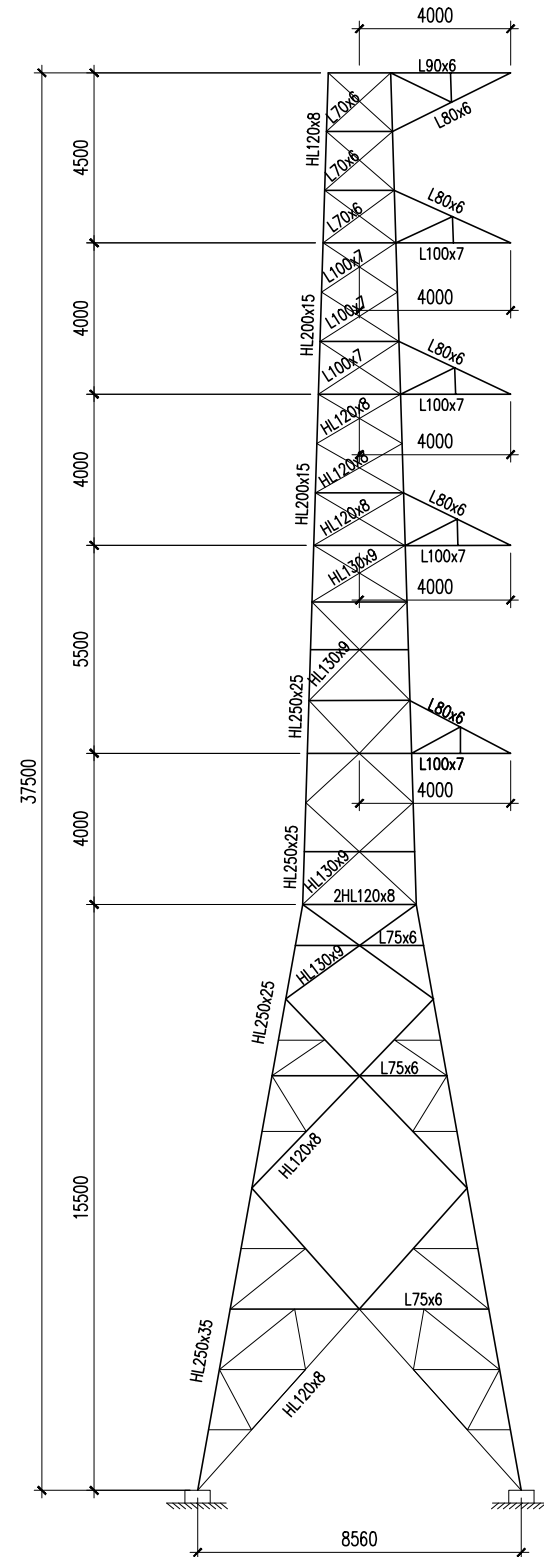


3 - 3

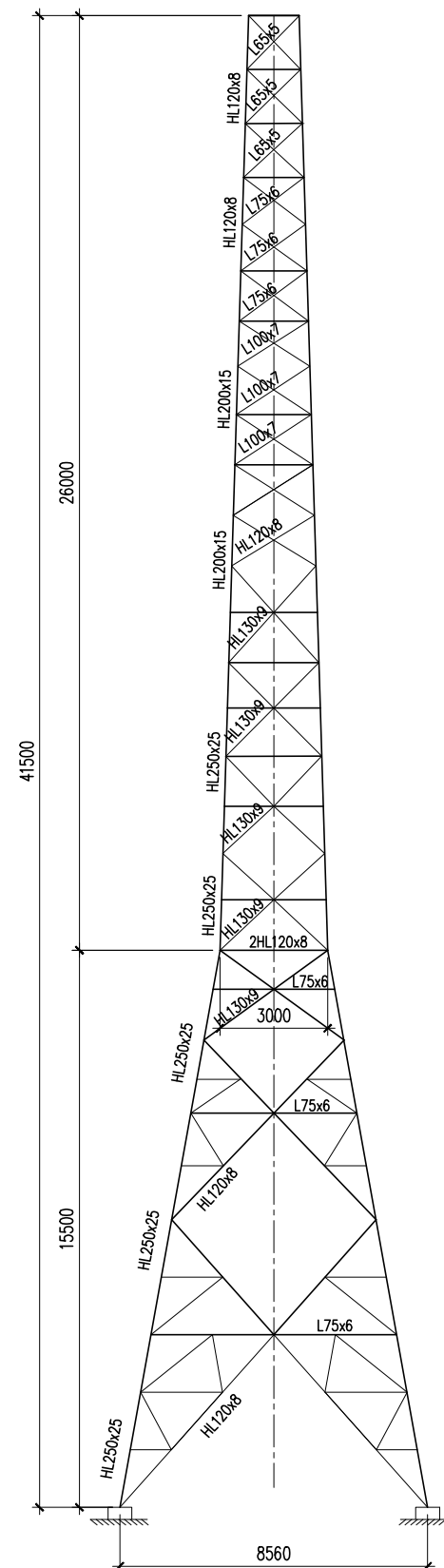
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (KG)
		D1.3-50
1	HL150x12	3826.37
2	HL130x9	617.55
3	L100x7	469.73
4	L90x6	224.22
5	L80x6	141.72
6	L75x6	544.82
7	L70x6	2721.71
8	L65x5	1598.00
9	L60x4	2091.25
10	L50x4	1066.27
Trọng lượng thép bản:		2030.65
Trọng lượng bu lông:		973.94
Trọng lượng mạ kẽm:		521.19
Trọng lượng tổng:		16827.42
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		330.19
Trọng lượng lắp ráp:		16497.23

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ 110KV 03 MẠCH Đ1.3-50	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên		
Thiết kế	Lê Thái Hiệp		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
ĐD1-16-14D.XD-01/12			

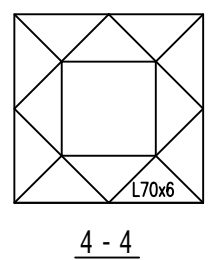
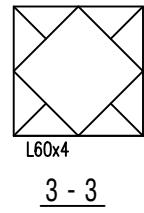
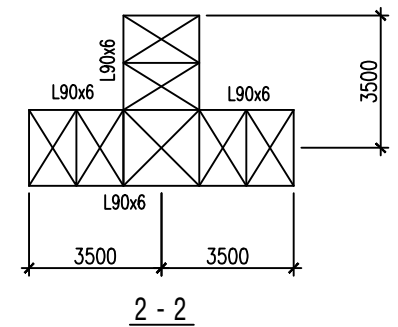
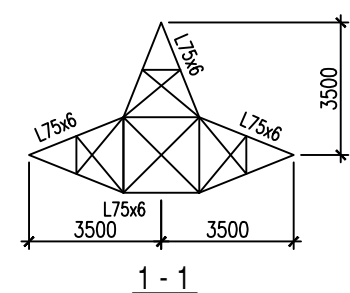
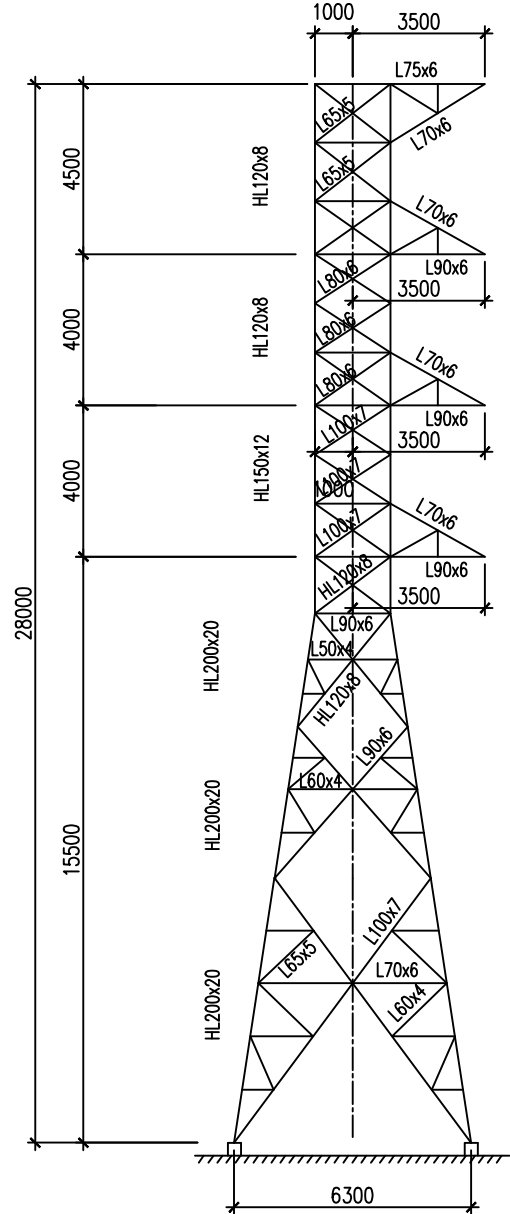
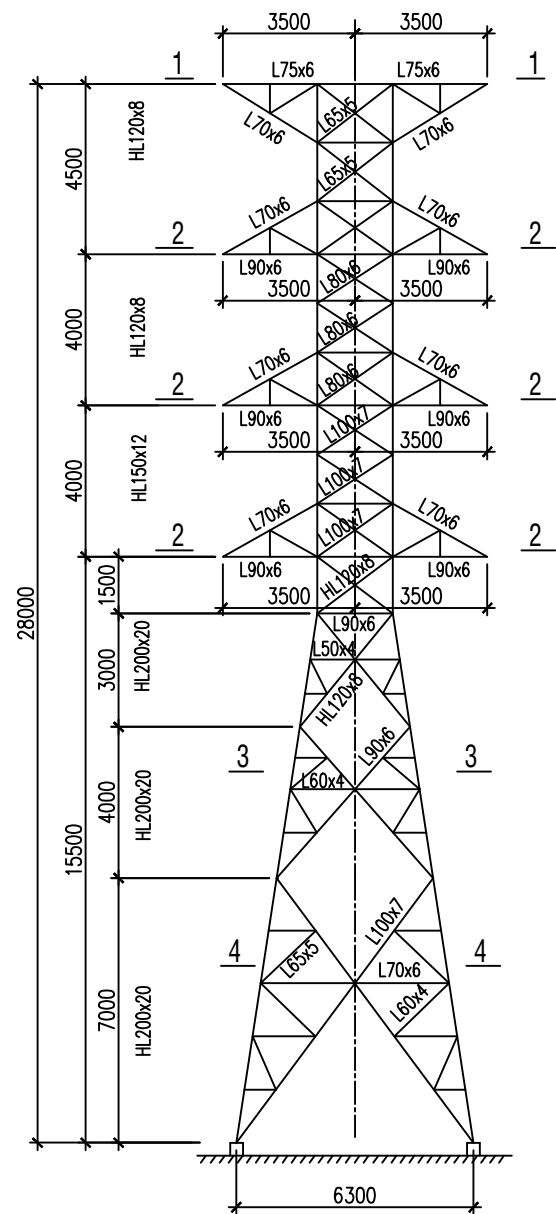


Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU CỘT NÉO GÓC 110KV 3 MẠCH ĐẾN 90° N1.3-37.5(90)	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD1-16-14D.XD-01/13	



3 - 3

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO HẮM 110KV 3 MẠCH N1.3-41.5(H)	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD1-16-14D.XD-01/14	



BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		ID9
1	HL200x20	4144.85
2	HL150x12	532.35
3	HL120x8	1319.03
4	L100x7	1431.32
5	L90x6	932.39
6	L80x6	416.95
7	L75x6	311.48
8	L70x6	887.69
9	L65x5	947.22
10	L60x4	751.07
11	L50x4	599.94
Trọng lượng thép bản:		3515.23
Trọng lượng bu lông:		1014.14
Trọng lượng thép:		15789.53
Trọng lượng mạ kẽm:		426.54
Trọng lượng tổng:		17230.22
Trọng lượng cắt vát:		628.81
Trọng lượng lắp ráp:		16601.41

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi Ngày sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				
PGĐ Trung tâm	Trần Vĩnh Phong		CỘT NÉO GÓC 02 MẠCH ĐẾN 90° 1.D9 TẬN DỤNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			
C.T.T.K	Nguyễn Trung			
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên		BẢN VẼ THI CÔNG	11-2025
Thiết kế	Lê Thái Hiệp		ĐD2-16-14D.XD-01/15	

LIỆT KÊ BẢN VẼ CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN						
STT	TÊN CỘT	KÝ HIỆU CỘT	KÝ HIỆU MÓNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	SỐ BẢN VẼ
1	Bảng kê bu lông neo					ĐD1-16-14D.XD-02/1
ĐOẠN 02 MẠCH						
2	Cột đỡ thẳng110kV 02 mạch	Đ1.2-30	MB3.74-10.5x12.5	Móng	41	ĐD1-16-14D.XD-02/2
3	Cột đỡ thẳng110kV 02 mạch	Đ1.2-34	MB4.3-11.5x13	Móng	28	ĐD1-16-14D.XD-02/3
4	Cột đỡ thẳng110kV 02 mạch	Đ1.2-38	MB4.8-12x13.5	Móng	10	ĐD1-16-14D.XD-02/4
5	Cột đỡ thẳng110kV 02 mạch	Đ1.2-42	MB5.33-12.5x14	Móng	3	ĐD1-16-14D.XD-02/5
6	Cột neo góc 110kV 02 mạch đến 30°	N1.2-28(30)	MB6.3-13x15.5	Móng	18	ĐD1-16-14D.XD-02/6
7	Cột neo góc 110kV 02 mạch đến 45°	N1.2-28(45)	MB6.3-15x17	Móng	1	ĐD1-16-14D.XD-02/7
8	Cột neo góc 110kV 02 mạch đến 60°	N1.2-32(60)	MB7.5-16.5x18.5	Móng	4	ĐD1-16-14D.XD-02/8
9	Cột neo góc 110kV 02 mạch đến 60°	N1.2-45(60)	MB11.4-19.5x21.5	Móng	1	ĐD1-16-14D.XD-02/9
10	Cột neo cuối 110kV 02 mạch	N1.2-28(NC)	MB6.3-15.5x17.5	Móng	1	ĐD1-16-14D.XD-02/10
11	Cột neo 110kV 02 mạch tận dụng (cải tạo xà chống sét)	N110-2T+9(90)	MB7.5-16x18	Móng	1	ĐD1-16-14D.XD-02/11
ĐOẠN 03 MẠCH						
12	Cột đỡ thẳng110kV 03 mạch	Đ1.3-42	MB5.97-12.5x14.5	Móng	5	ĐD1-16-14D.XD-02/12
13	Cột đỡ thẳng110kV 03 mạch	Đ1.3-50	MB7.63-14x16	Móng	2	ĐD1-16-14D.XD-02/13
14	Cột neo góc 110kV 03 mạch đến 90°	N1.3-37.5(90)	MB8.56-22x22	Móng	2	ĐD1-16-14D.XD-02/14
15	Cột neo hãm 110kV 03 mạch	N1.3-41.5(H)	MB8.56-19.5x21.5	Móng	2	ĐD1-16-14D.XD-02/15
	Tổng cộng móng cột toàn tuyến:				119	
16	Bản vẽ diện tích thu hồi đất móng bản cột thép					ĐD1-16-14D.XD-02/16
17	Bảng thống kê diện tích chiếm đất vĩnh viễn và đất mượn tạm để thi công móng					ĐD1-16-14D.XD-02/17
18	Biện pháp thi công điển hình các vị trí móng nằm trong ao tôm					ĐD1-16-14D.XD-02/18

CÁC GHI CHÚ CHUNG:

1. CHỪNG LOẠI CỘT VÀ MÓNG XEM TRONG BẢN VẼ MẶT CẮT DỌC VÀ TÔNG KẾ. NẾU CÓ SAI KHÁC NHÀ THẦU PHẢI BÁO CHỦ ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ KỊP THỜI.
2. XÁC ĐỊNH CỘT +0.00:

+ CỘT +0.00 LẤY TẠI CAO ĐỘ MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN TẠI TIM MÓNG.

+ ĐỐI VỚI CÁC VỊ TRÍ MÓNG NẪM Ở ĐỊA HÌNH THẤP THÌ CỘT +0.00 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH SAO CHO CỘ MÓNG CAO HƠN BỜ BAO XUNG QUANH TỐI THIỂU 0.5M ĐỂ CHỐNG NGẬP
3. BÊ TÔNG:

+ BÊ TÔNG ĐÚC MÓNG CẤP BỀN B22.5(M300) ĐÁ 2X4 (HOẶC 1X2), PHỤ GIA SILICAFUME 5% TRÊN KHỐI LƯỢNG XI MĂNG.

+ BÊ TÔNG LÓT CẤP BỀN B7.5(M100) ĐÁ 4X6
4. CỘT THÉP:

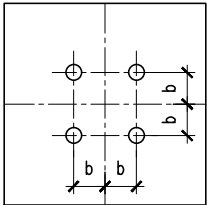
+ THÉP <=Ø10: CB240T HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (AI, CI)

+ THÉP >=Ø12: CB400V HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (AIII, CIII)

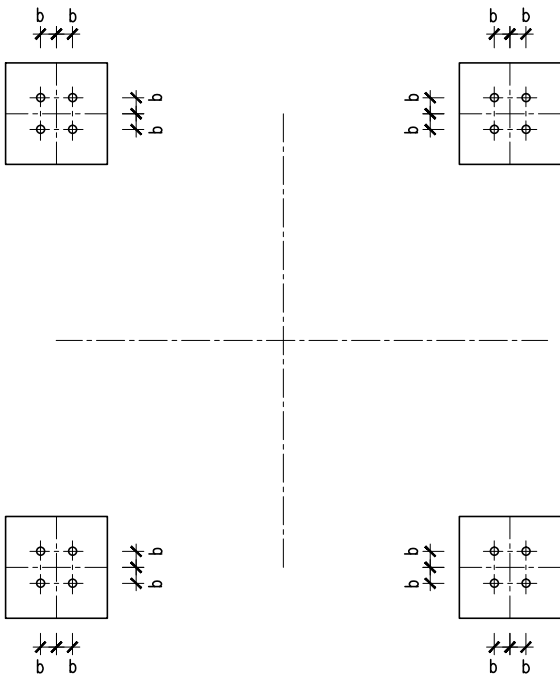
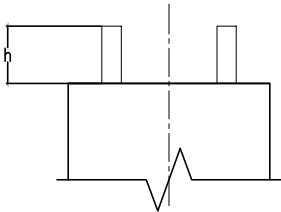
+ NỐI CỘT THÉP MÓNG TUÂN THỦ THEO TCVN 4453-1995
5. TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỊA CHẤT, ĐỊA HÌNH CÓ THAY ĐỔI LỚN CẦN BÁO NGAY ĐỂ CÓ BIỆN PHÁP XỬ LÝ KỊP THỜI.
6. ĐÁT ĐÁP HỒ MÓNG TỪNG LỚP DÀY 20-30CM, ĐẠT DUNG TRỌNG TỰ NHIÊN >=1.50T/M3, HỆ SỐ ĐÀM NÉN K>=0.85, QUY TRÌNH THỰC HIỆN THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU. TRƯỚC KHI LẮP MÓNG PHẢI BƠM NƯỚC RA KHỎI HỒ MÓNG.
7. ĐẤT THỪA ĐƯỢC DÙNG ĐỂ ĐÁP LẠI TRÊN MÓNG TRONG DIỆN TÍCH ĐỀN BÙ, TẠO DỐC 5% THOÁT NƯỚC THEO ĐỊA HÌNH.
8. CHI TIẾT BỐ TRÍ BU LÔNG NEO TRÊN CỘ MÓNG XEM BẢN VẼ ĐD1-16-14D.XD-03. CÁC BU LÔNG NEO SAU KHI XIẾT CHẶT ĐẾN ĐỘ CHỖI THÌ TIẾN HÀNH PHÁ REN THEO QUY ĐỊNH, SAU ĐÓ SƠN LẠI BẰNG SƠN GIÀU KÉM.
9. TRỤC ĐƯỜNG DÂY CÁC CỘT NẾO ĐẦU NÔI, NẾO RẺ, NẾO CUỐI, ... THÌ KHI XÁC ĐỊNH HƯỚNG XOAY CỦA MÓNG VÀ CỘT PHẢI KẾT HỢP XEM BẢN VẼ BÌNH ĐỒ ĐẦU NÔI, GIAO CHÉO, NẾO RẺ...(Ở BẢN VẼ PHẪN ĐIỆN), NẾU CÓ BẤT THƯỜNG PHẢI BÁO CHỦ ĐẦU TƯ VÀ TVTK ĐỂ XỬ LÝ.
10. QUÁ TRÌNH THI CÔNG TUÂN THỦ THEO CHỈ DẪN KỸ THUẬT VÀ CÁC TIÊU CHUẨN HIỆN HÀNH NHƯ: TCVN4447:2012, TCVN4453:1995, TCVN9394:2012,....., QUYẾT ĐỊNH SỐ 1623/QĐ-EVNNPT NGÀY 27/7/2016 CỦA EVNNPT VÀ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN.

1	Hiệu chỉnh theo văn bản số 6442/EVN SPC-DT	Nguyễn Ngọc Phương	12-2019
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02	

LIỆT KÊ BU LÔNG NEO			
STT	TÊN CỘT		BU LÔNG NEO
1	Cột đỡ	Đ1.2-30	BL48-250
2	Cột đỡ	Đ1.2-34	
3	Cột đỡ	Đ1.2-38	
4	Cột đỡ	Đ1.2-42	
5	Cột néo	N1.2-28(30)	BL64-400
6	Cột néo	N1.2-28(45)	BL72-400
7	Cột néo	N1.2-32(60)	
8	Cột néo	N1.2-45(60)	
9	Cột néo	N1.2-28(NC)	
10	Cột néo	N110-2T+9(90)	
11	Cột đỡ	Đ1.3-42	BL48-250
12	Cột đỡ	Đ1.3-50	
13	Cột néo	N1.3-37.5(90)	Stub-bar
14	Cột néo	N1.3-41.5(H)	BL90-400

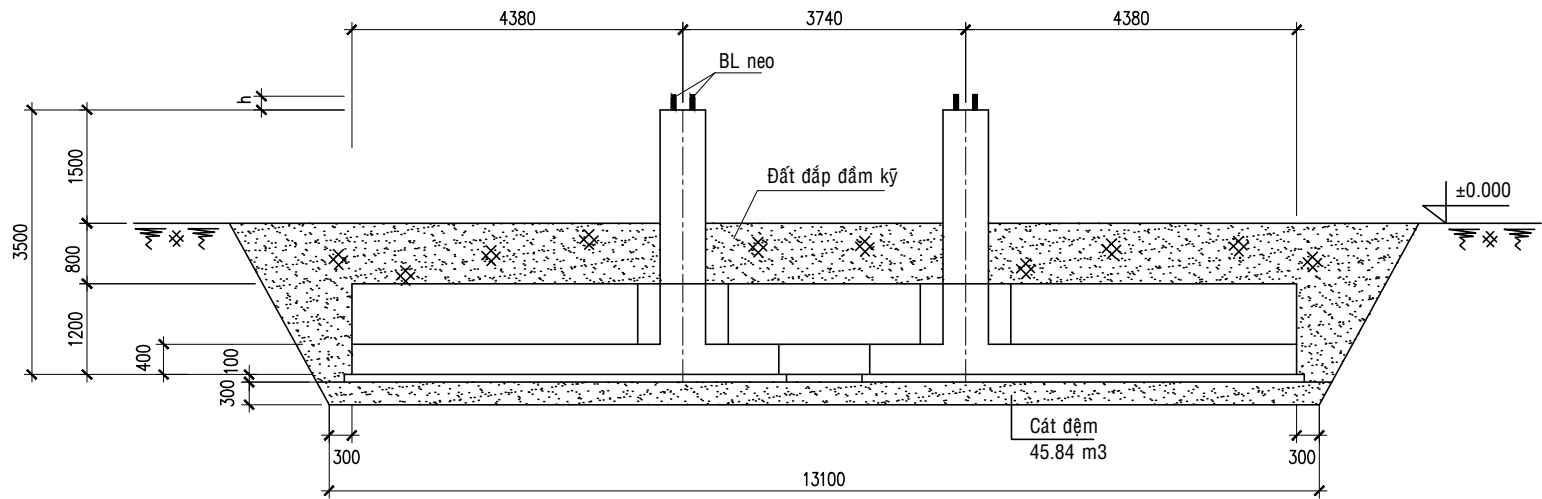


BỐ TRÍ BULÔNG NEO TRÊN CỔ MÓNG
TRƯỜNG HỢP 04 BU LÔNG

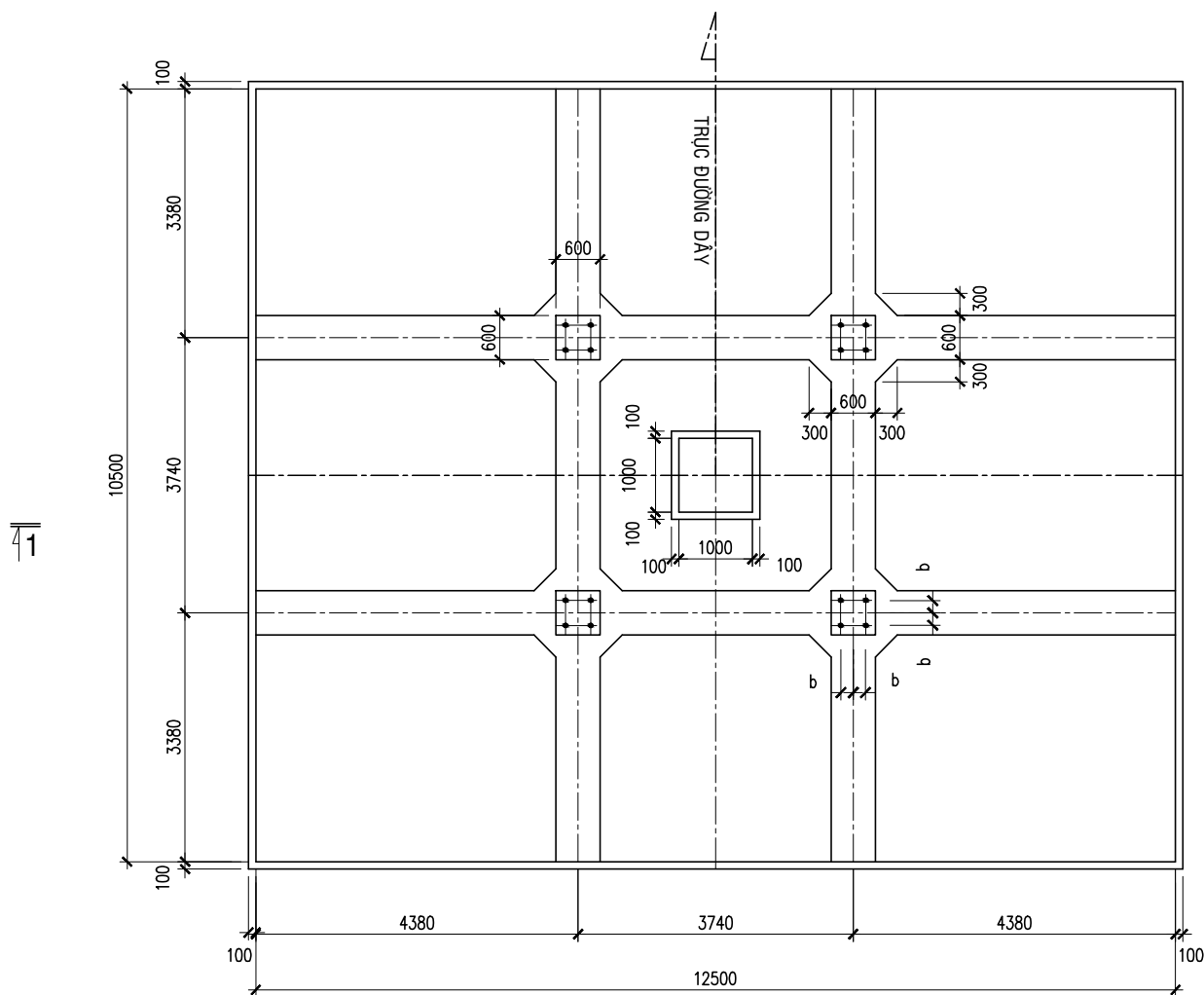


MẶT BẰNG BỐ TRÍ BU LÔNG NEO
TRƯỜNG HỢP 04 BU LÔNG

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		CÁC LOẠI BU LÔNG NEO
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/1	



1 _ 1



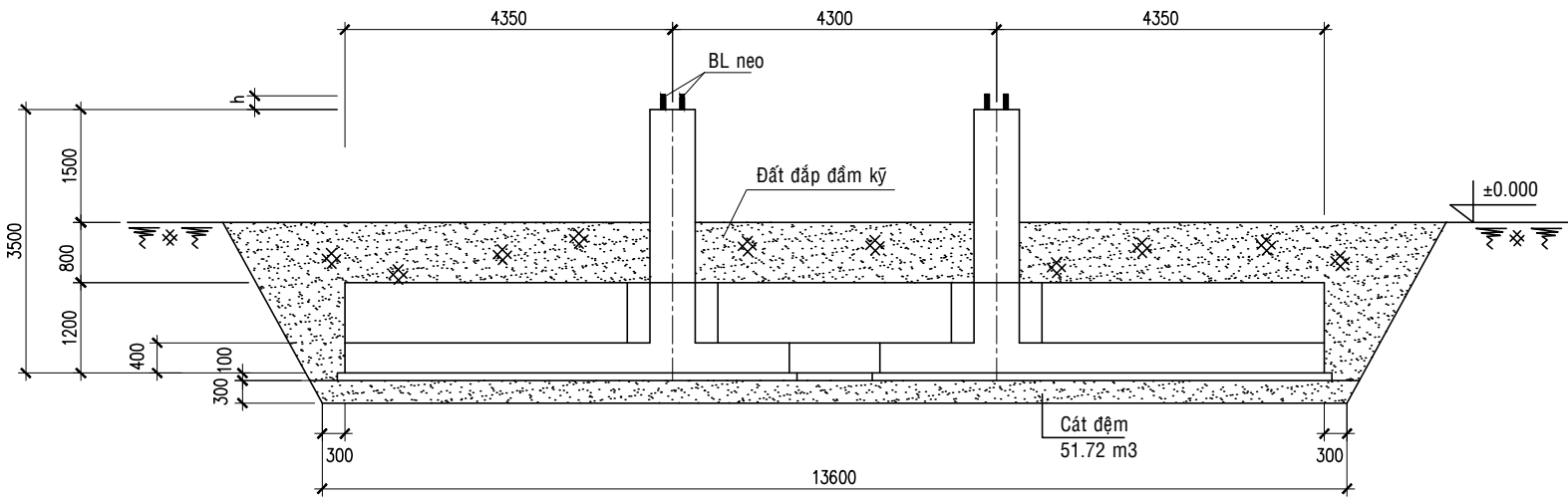
SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/100

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5						
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
76.74	13.49	2,134.69	2,749.52	245.21	261.08	5,390.50

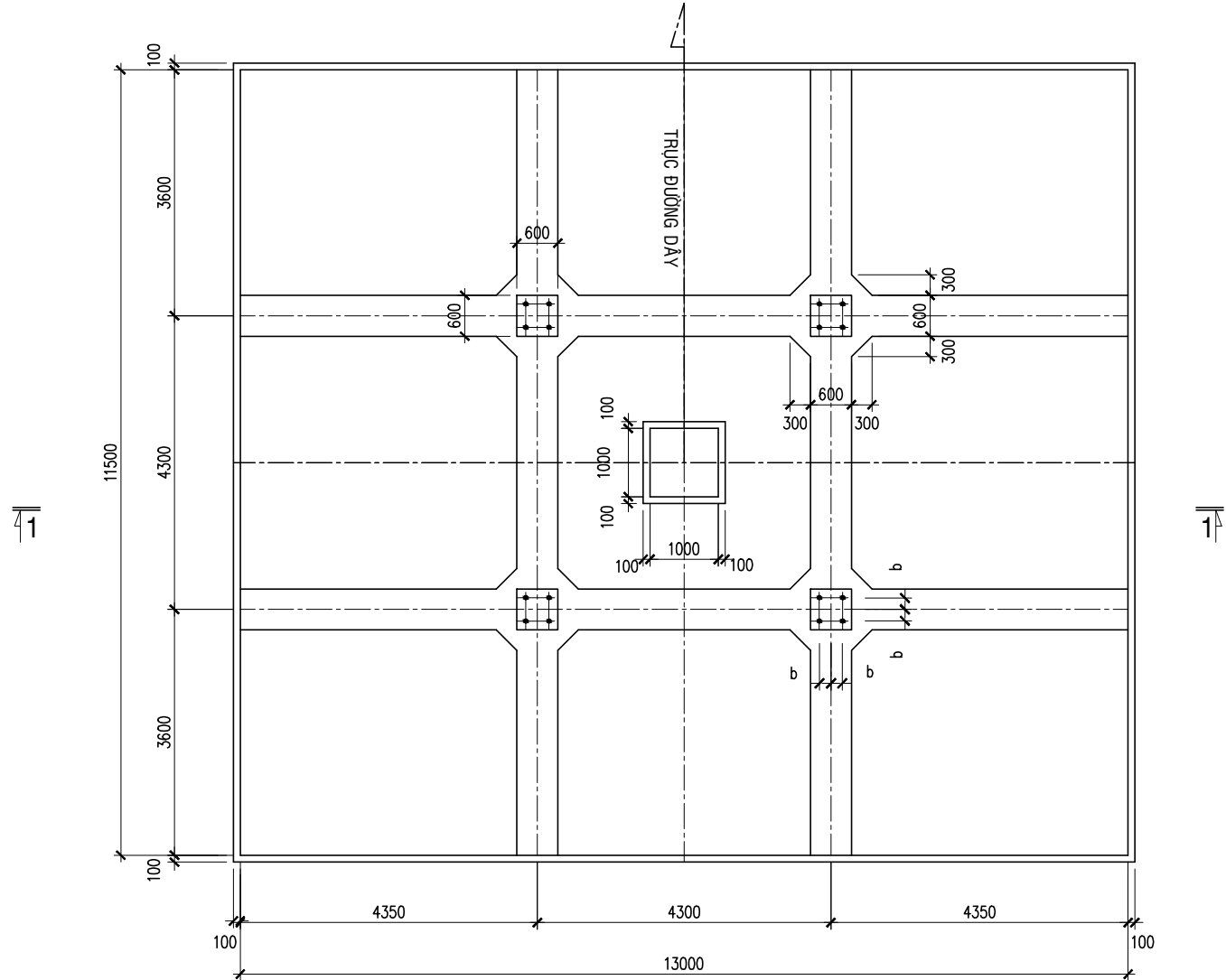
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CỘNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-30 MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/2	



1 _ 1

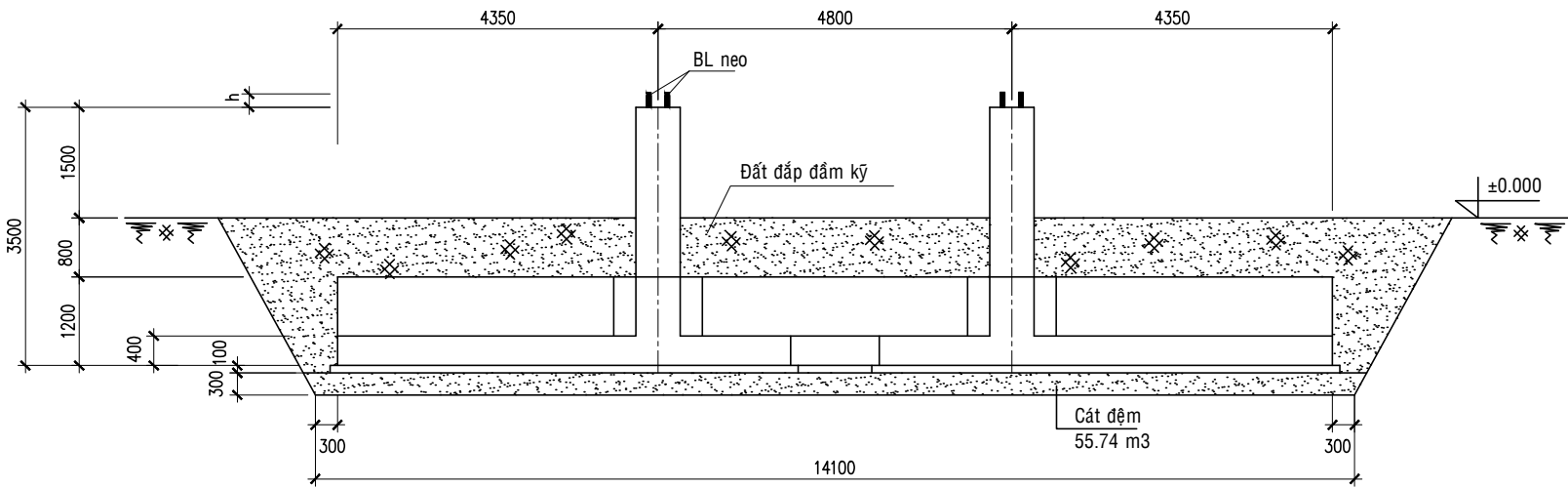


SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/100

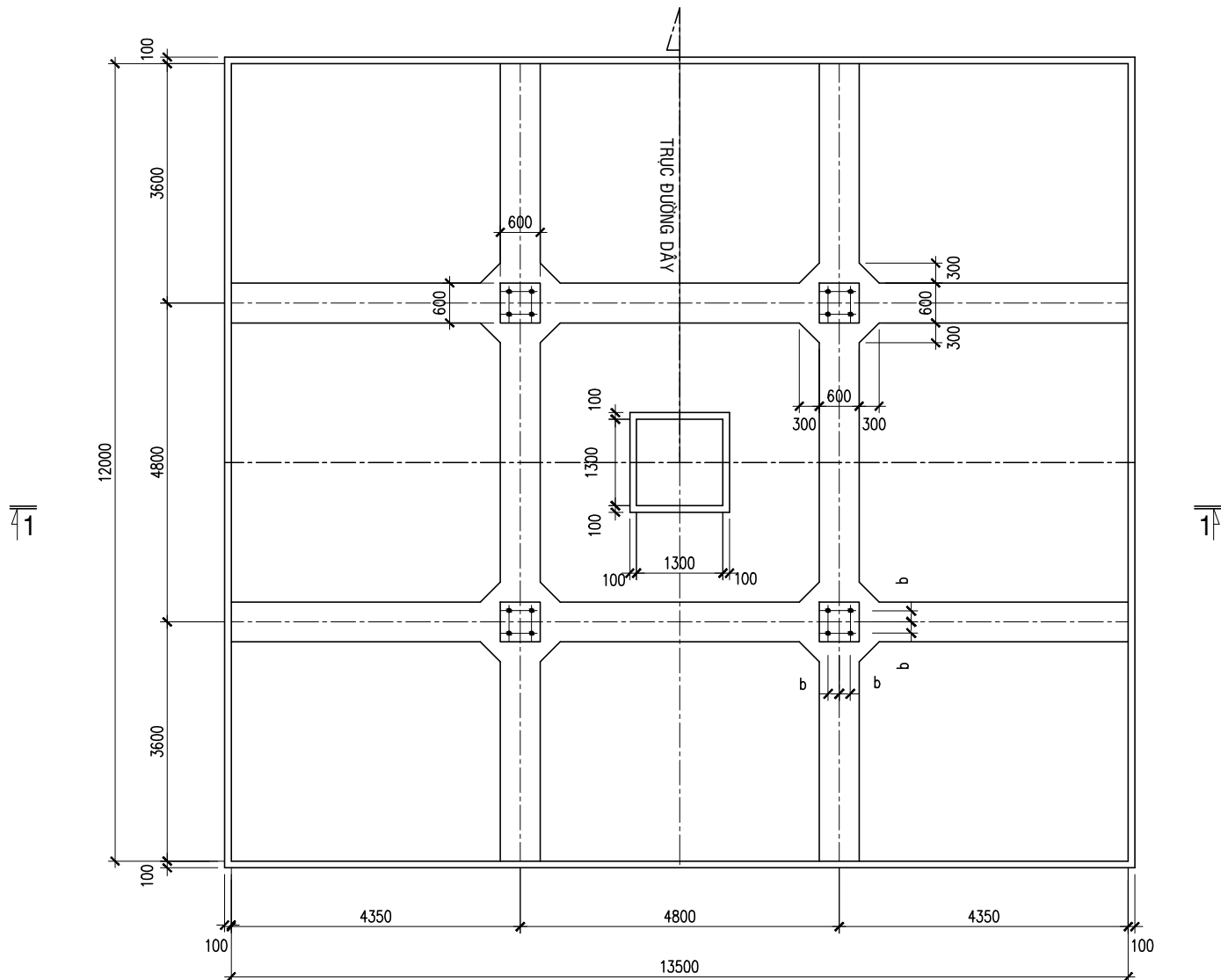
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13						
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
85.48	15.34	2,238.22	3,111.06	260.07	276.21	5,885.56

- GHI CHÚ:**
- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
 - Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-34 MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/3	



1 _ 1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

Tỷ lệ : 1/100

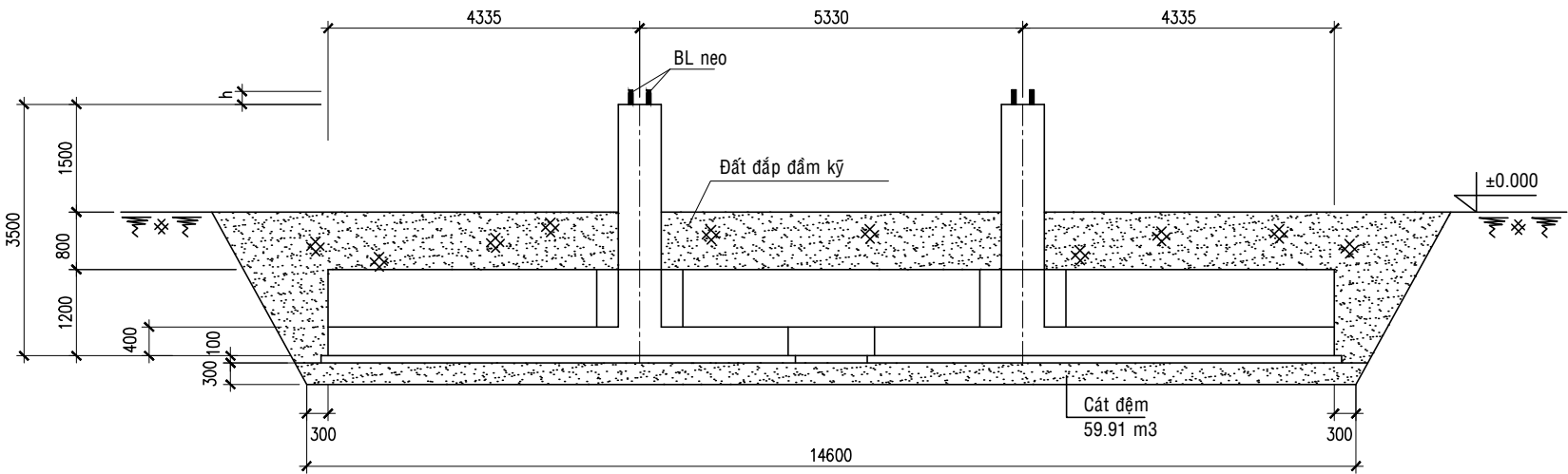
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
91.12	16.55	2,307.24	3,358.89	288.18	281.25	6,235.56

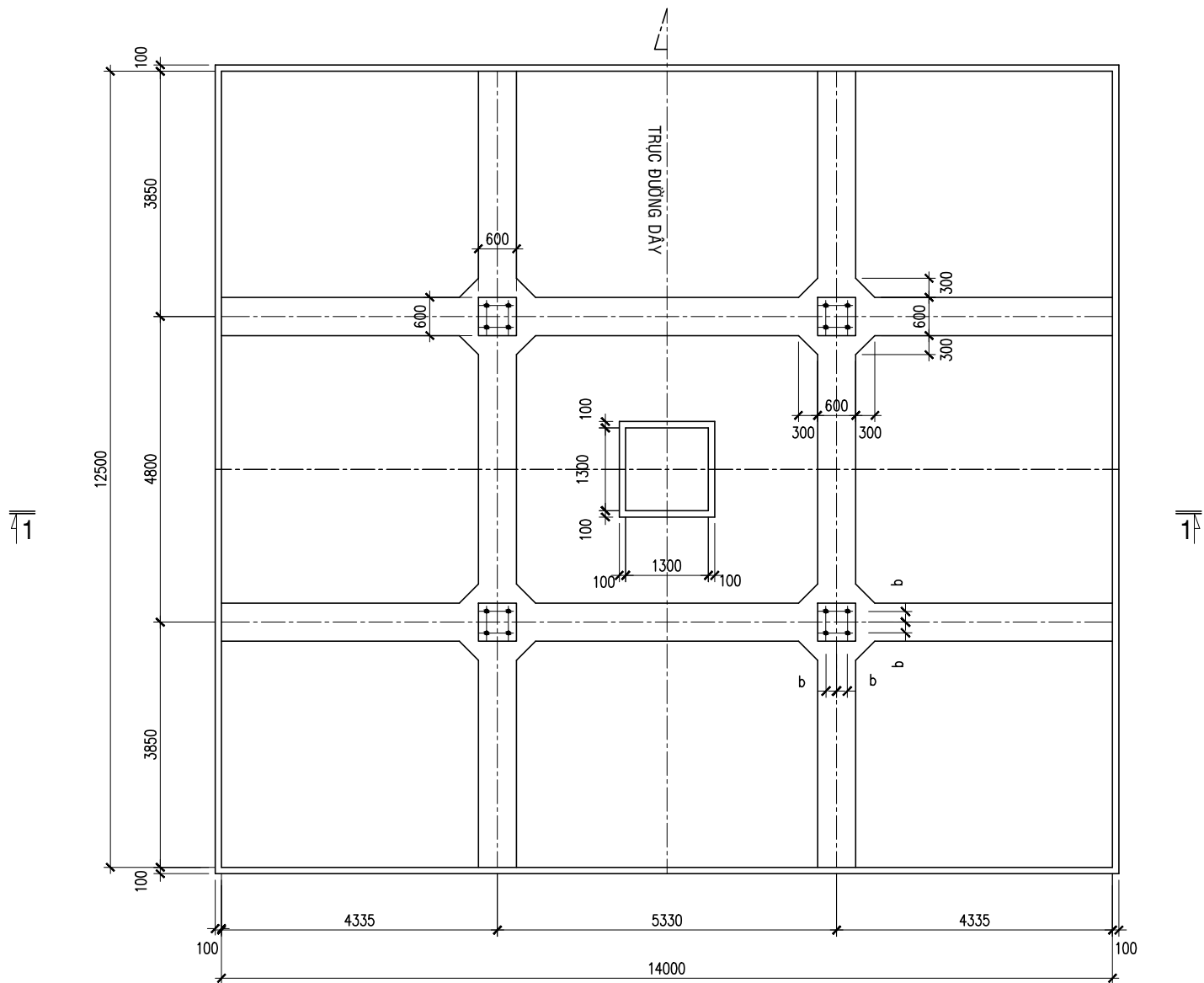
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-38 MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	ĐD1-16-14D.XD-02/4	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	12-2019	



1 _ 1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

Tỷ lệ : 1/100

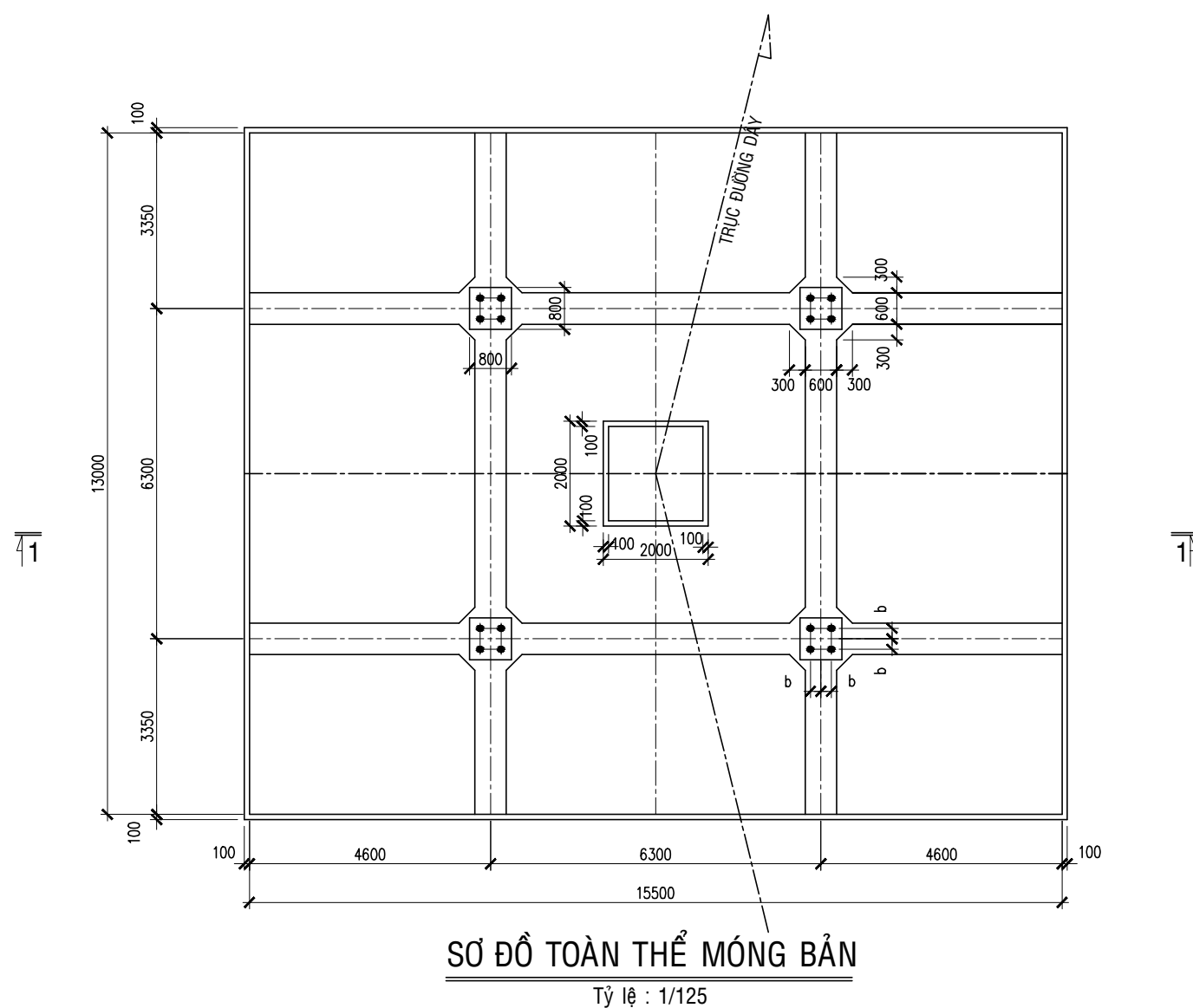
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
97.28	17.87	2,376.26	3,583.13	288.18	291.34	6,538.91

GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-42 MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/5	

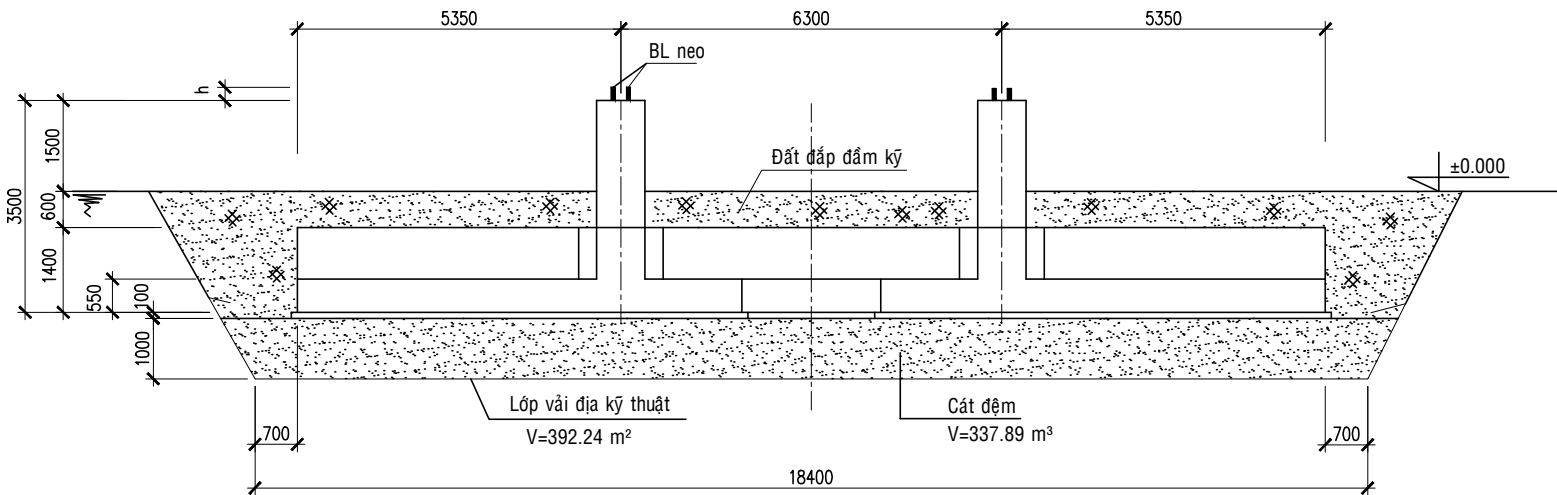


BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5						
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
128.07	20.40	4,152.92	4,937.58	386.01	335.22	9,811.73

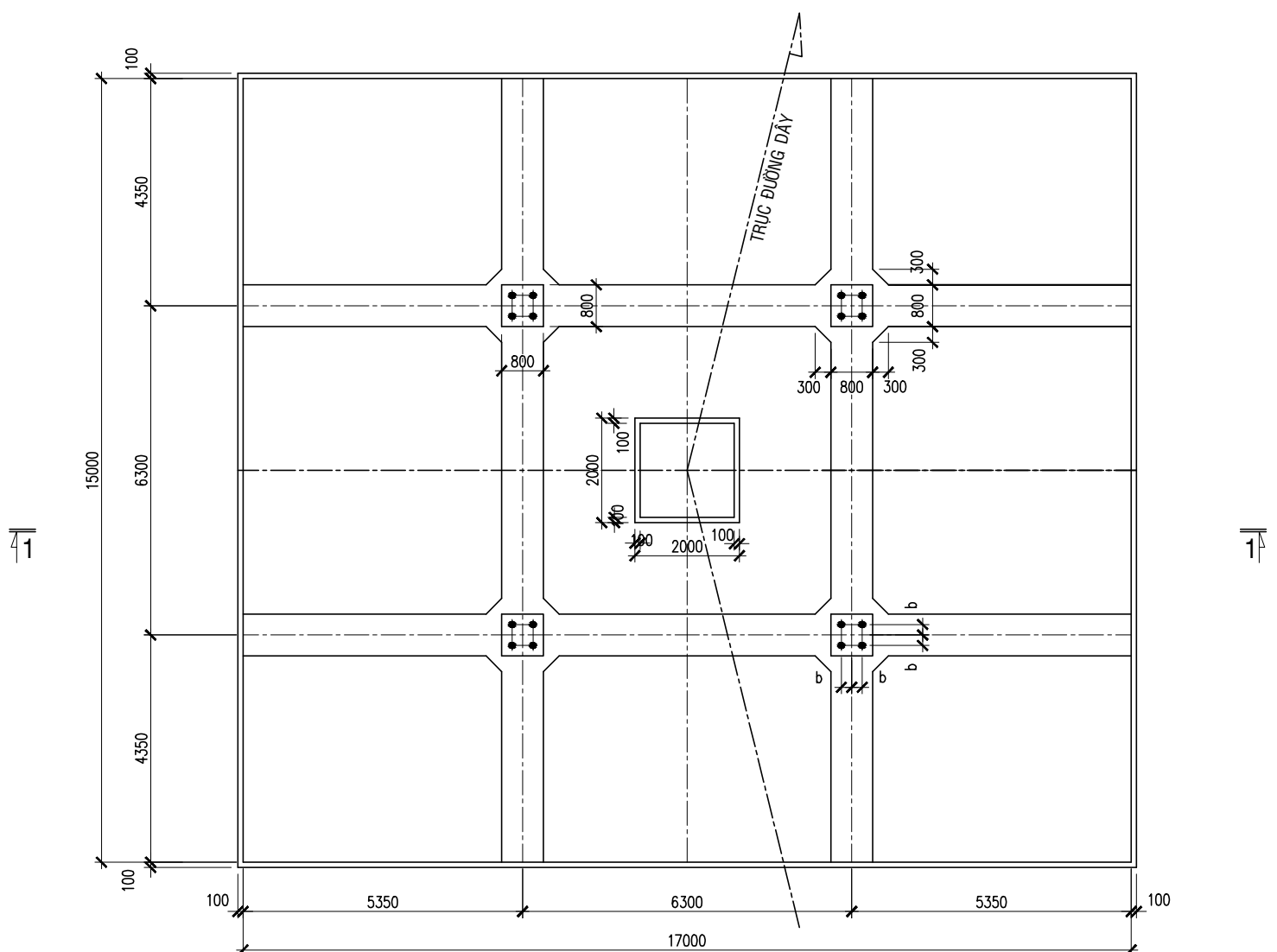
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiểu Minh Hiếu	CỘT NÉO GÓC N1.2-28(30) MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/6	



1 _ 1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/125

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB6.3-15x17						
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
175.30	25.82	5,665.59	6,997.94	573.70	719.10	13,956.33

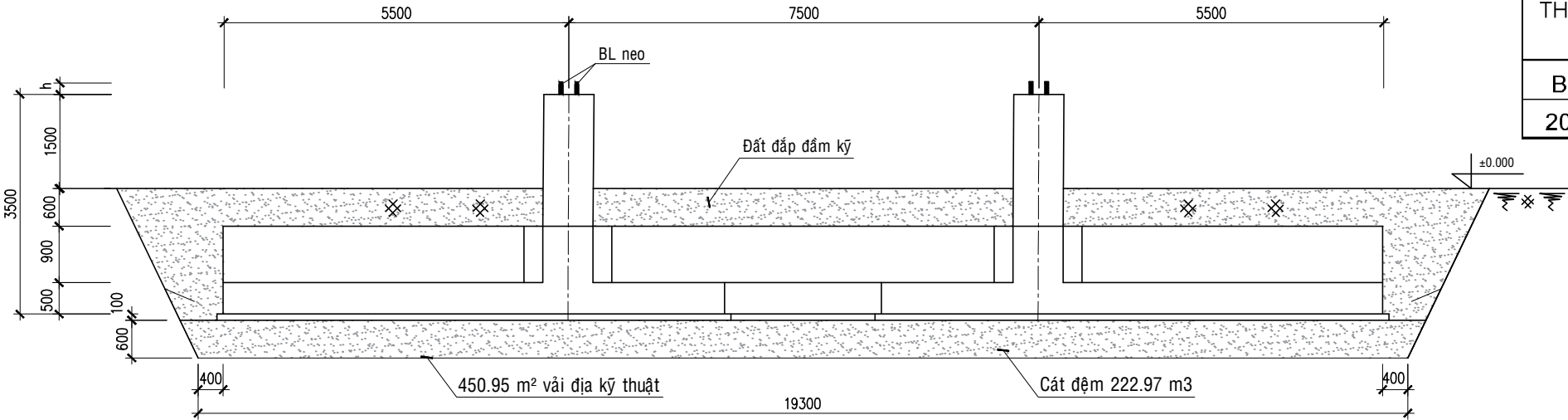
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

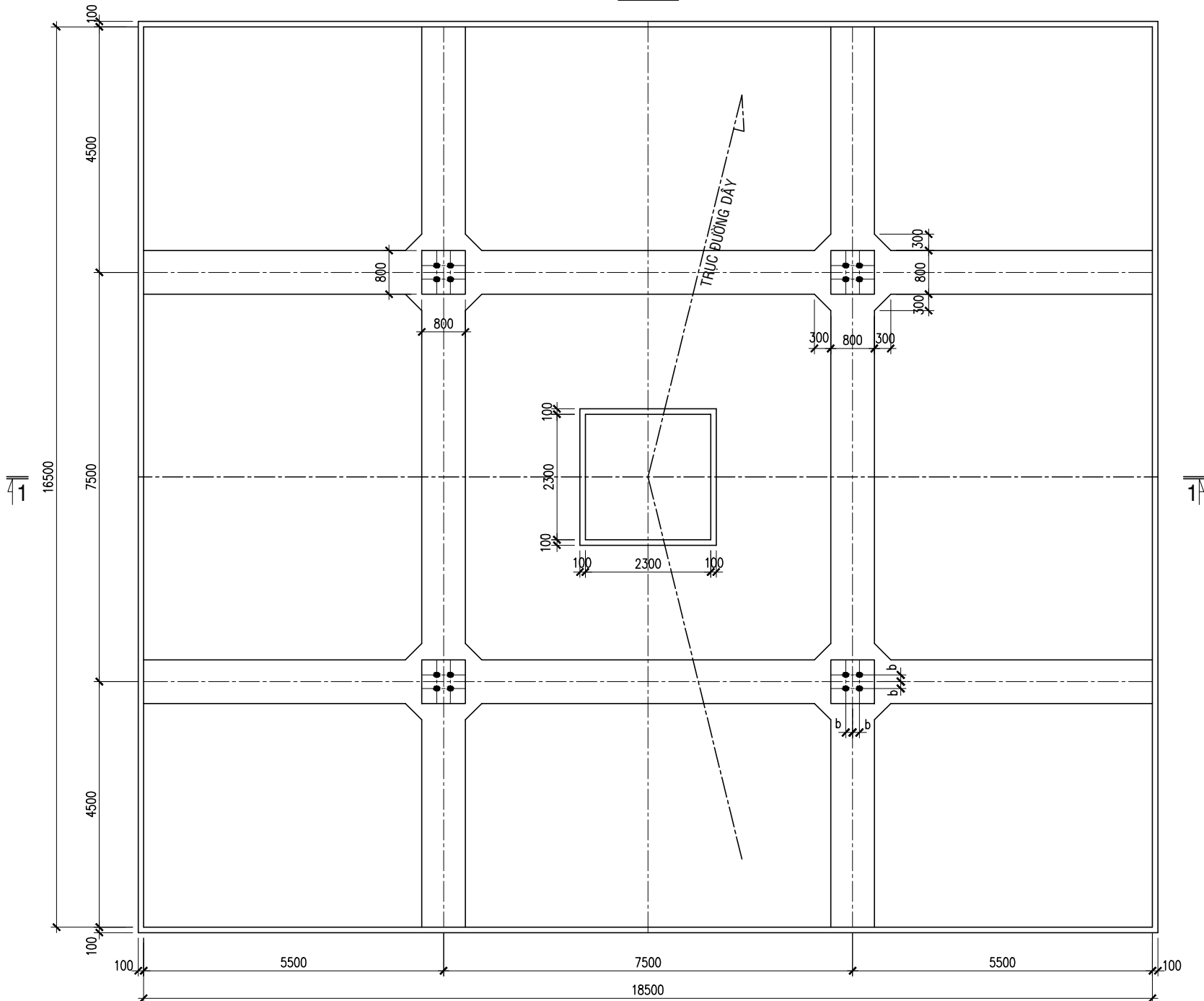
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT NÉO GÓC N1.2-28(45) MÓNG BẢN MB6.3-15x17	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/7	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
203.62	30.70	6,904.07	8,335.68	439.56	802.25	16,481.56



1 _ 1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

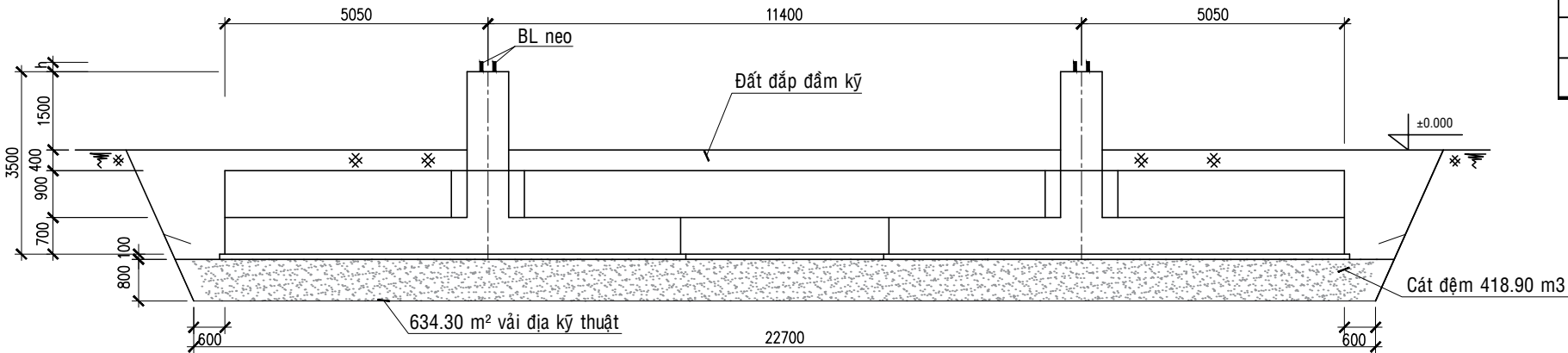
Tỷ lệ : 1/100

GHI CHÚ:

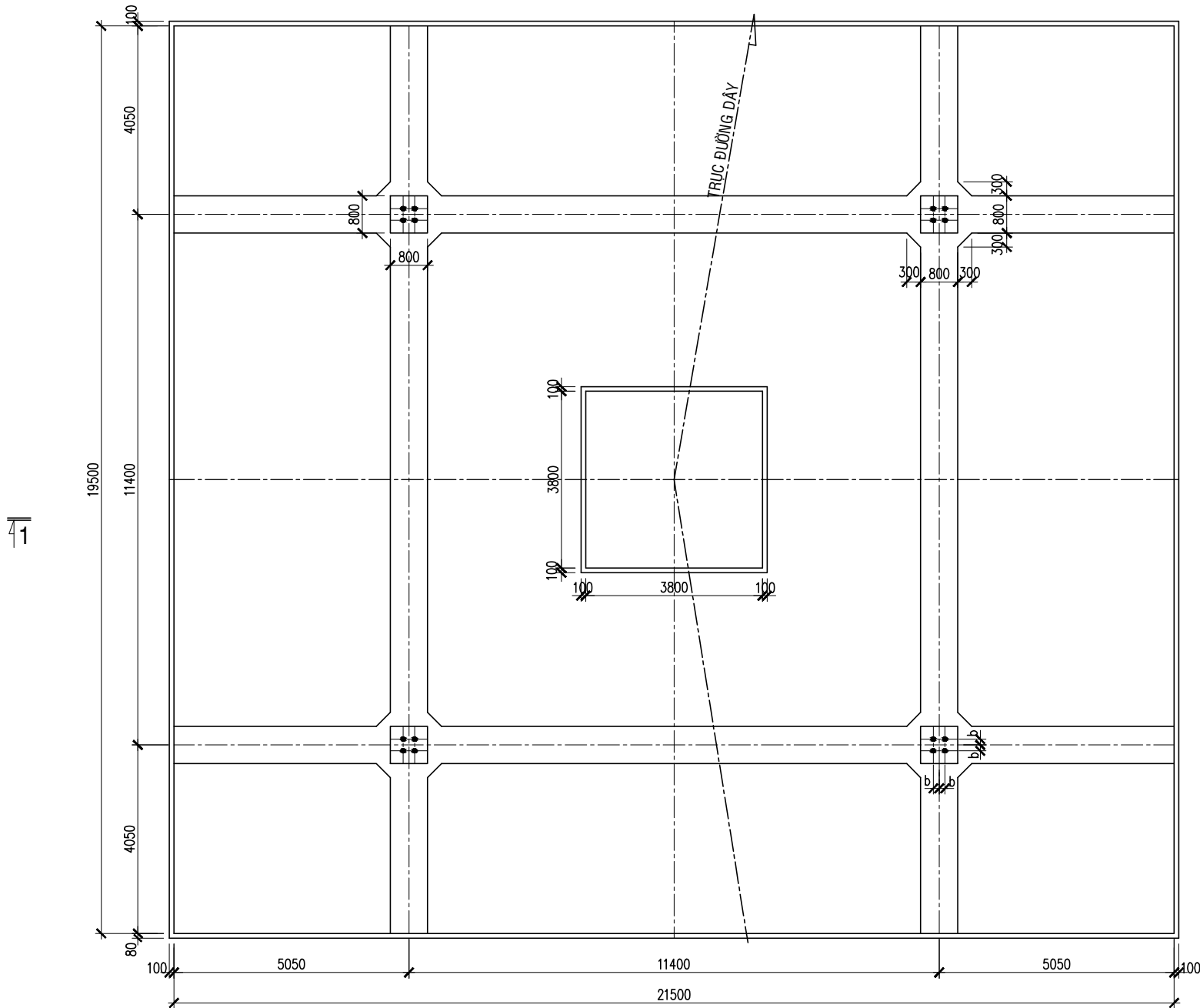
- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			CỘT NÉO GÓC N1.2-32(60) MÓNG BẢN MB MB7.5-16.5x18.5	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			12-2019	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm			ĐD1-16-14D.XD-02/8	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5						
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
344.52	41.31	7,298.42	12,454.96	936.14	1,011.86	21,701.38



1 _ 1



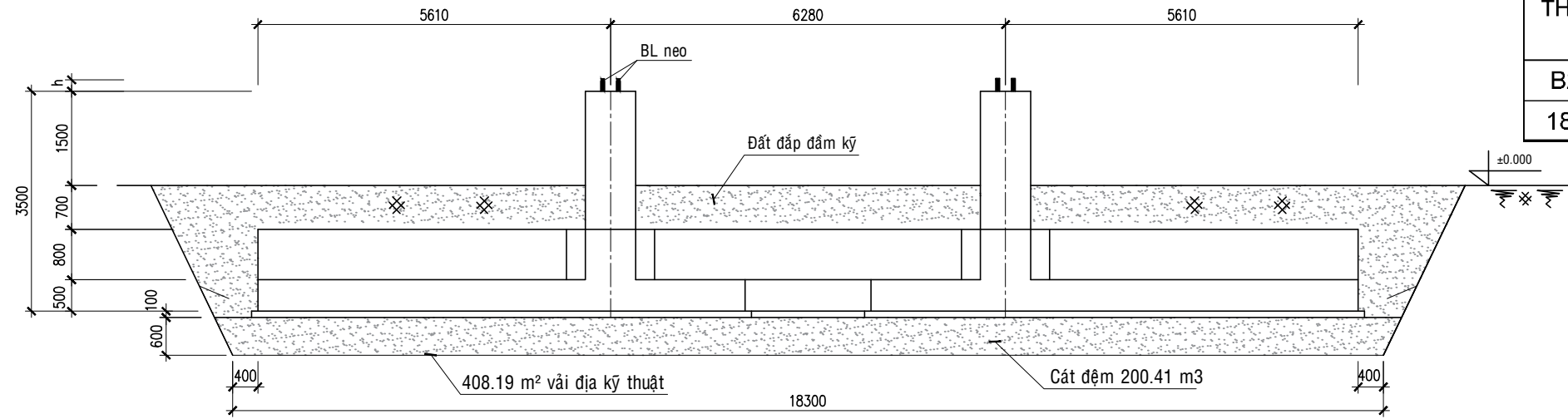
SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

Tỷ lệ : 1/125

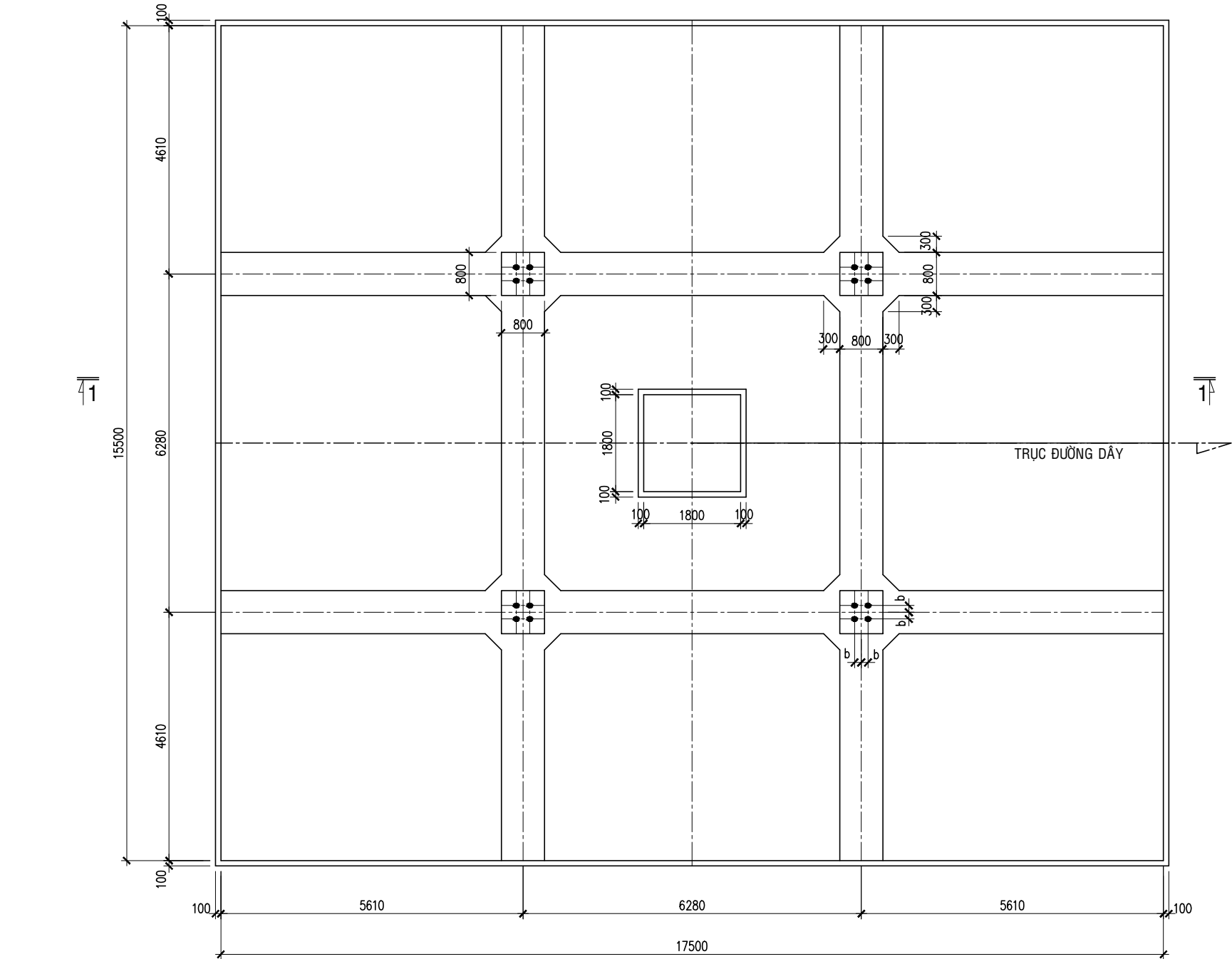
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
EVNPECC2 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT NÉO GÓC N1.2-45(60) MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/9	



1 _ 1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

Tỷ lệ : 1/100

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5

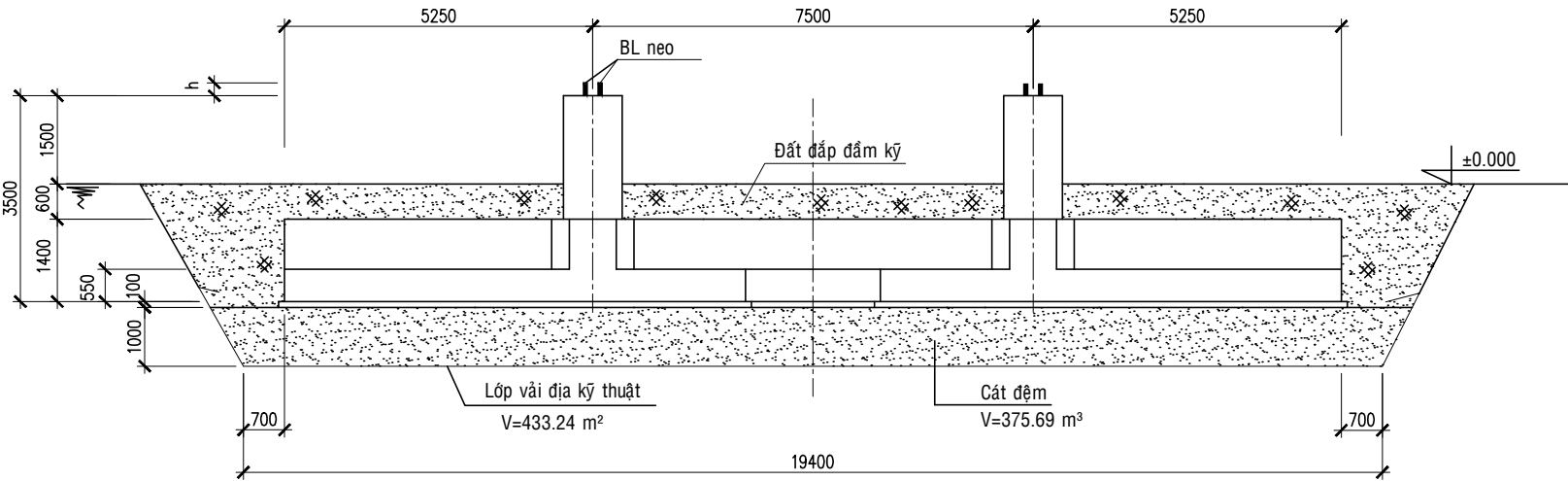
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
180.03	27.47	6,497.41	7,533.81	621.53	727.01	15,379.76

GHI CHÚ:

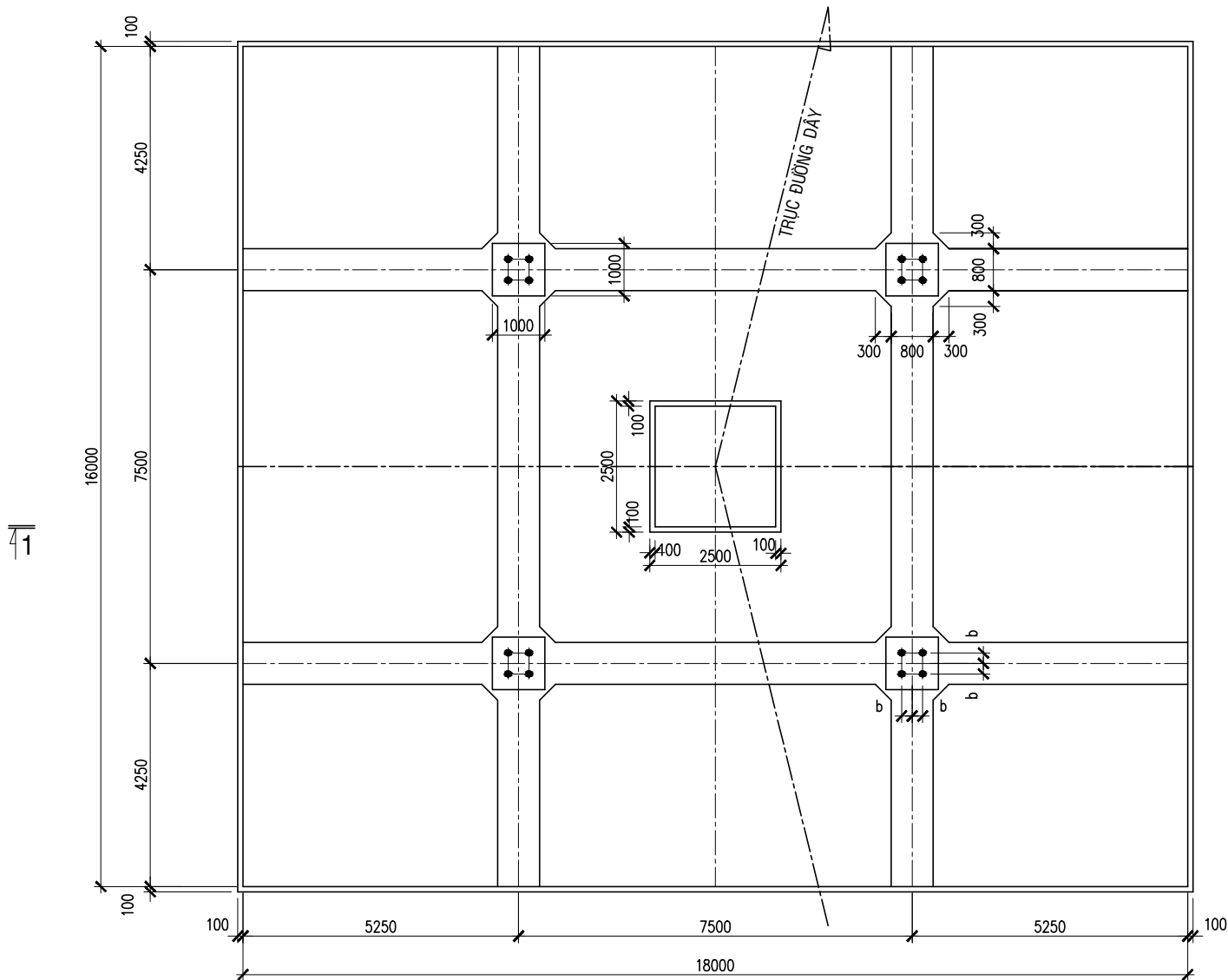
- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT NÉO CUỐI N1.2-28(NC) MÓNG BẢN MB MB6.3-15.5x17.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn	12-2019	
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	ĐD1-16-14D.XD-02/10	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB7.5-16x18							
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)					K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø22	Ø14	Ø10	Ø8	
208.04	28.96	4,642.77	1,202.75	8,631.40	827.27	795.56	16,099.75



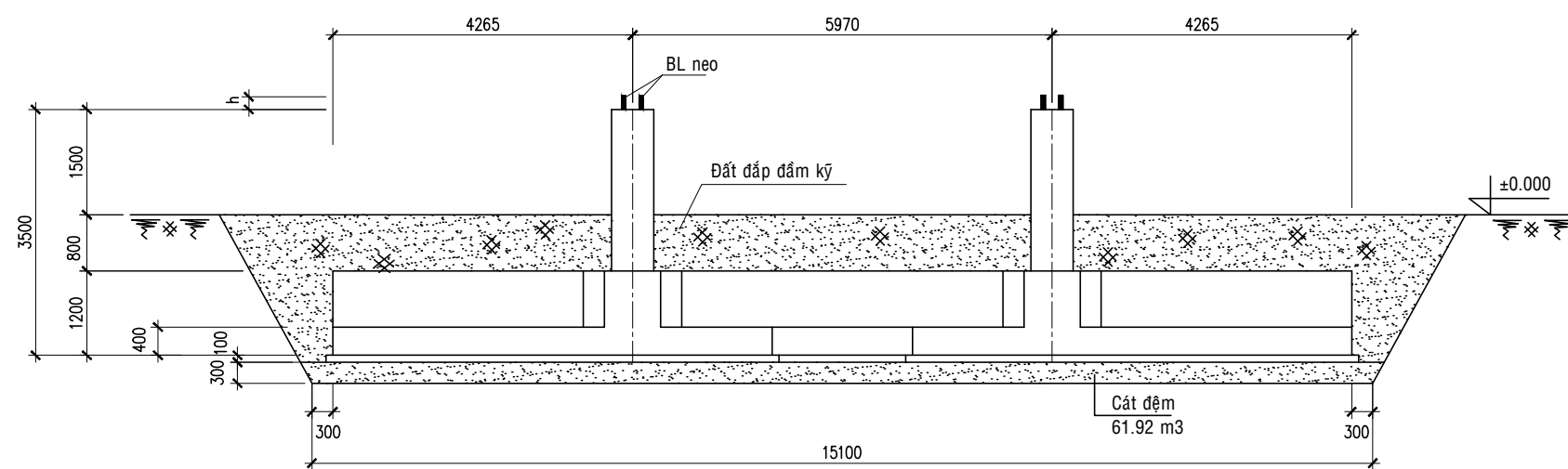
1 _ 1



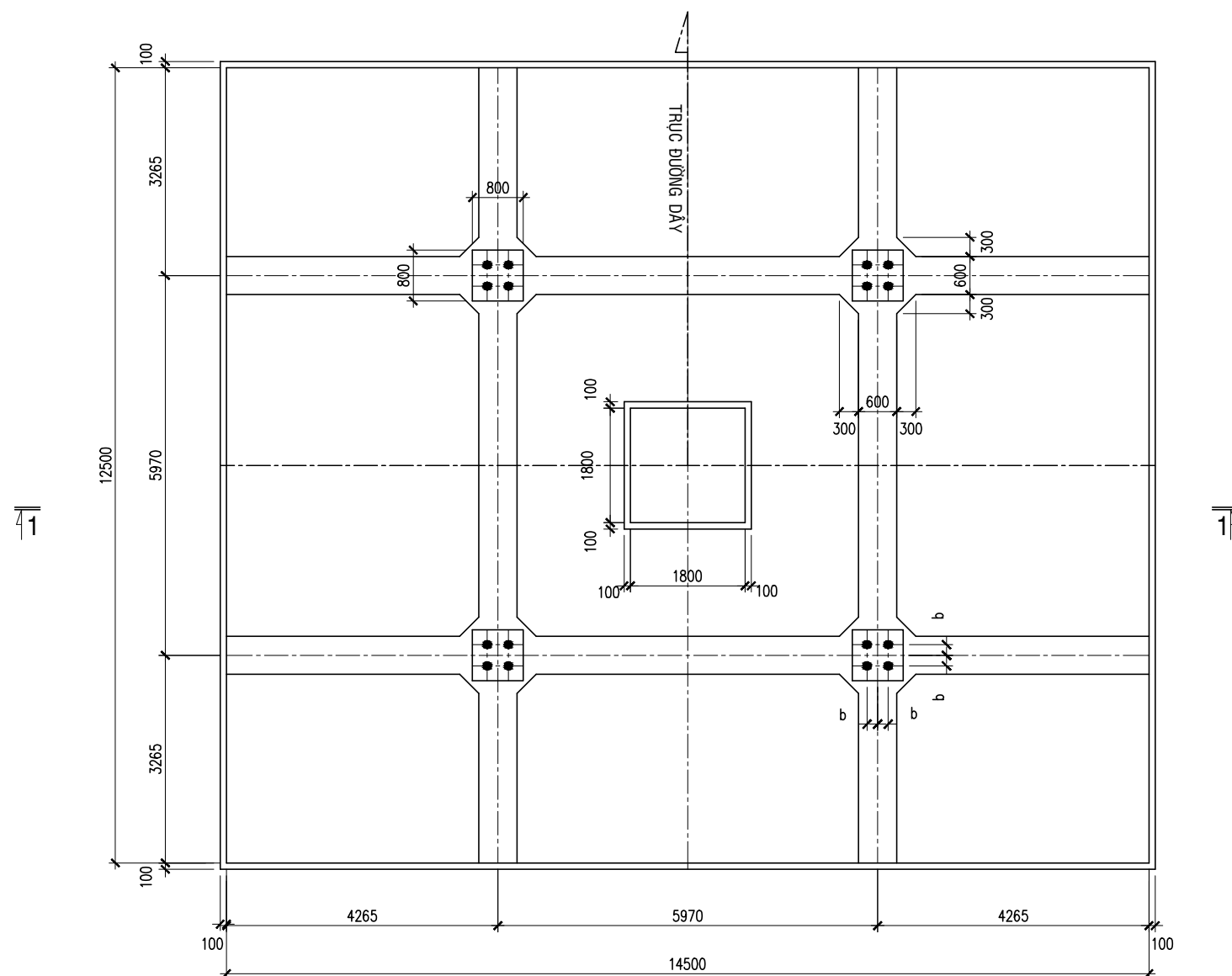
SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/125

GHI CHÚ:
- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT NÉO GÓC N110-2T+9(90) MÓNG BẢN MB7.5-16x18	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/11	



1_1



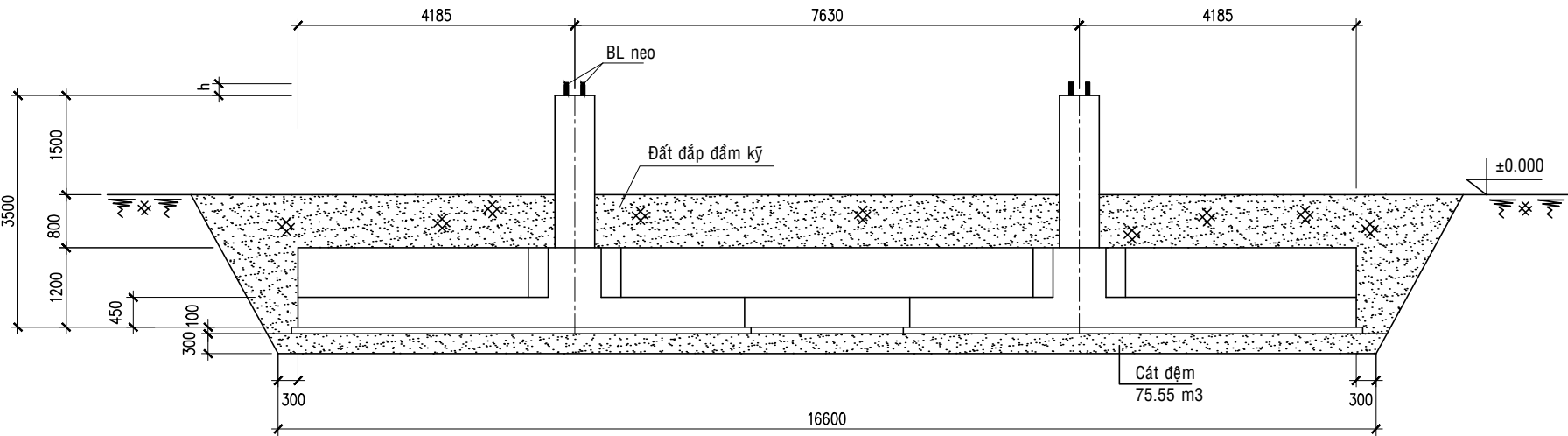
SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

Tỷ lệ : 1/100

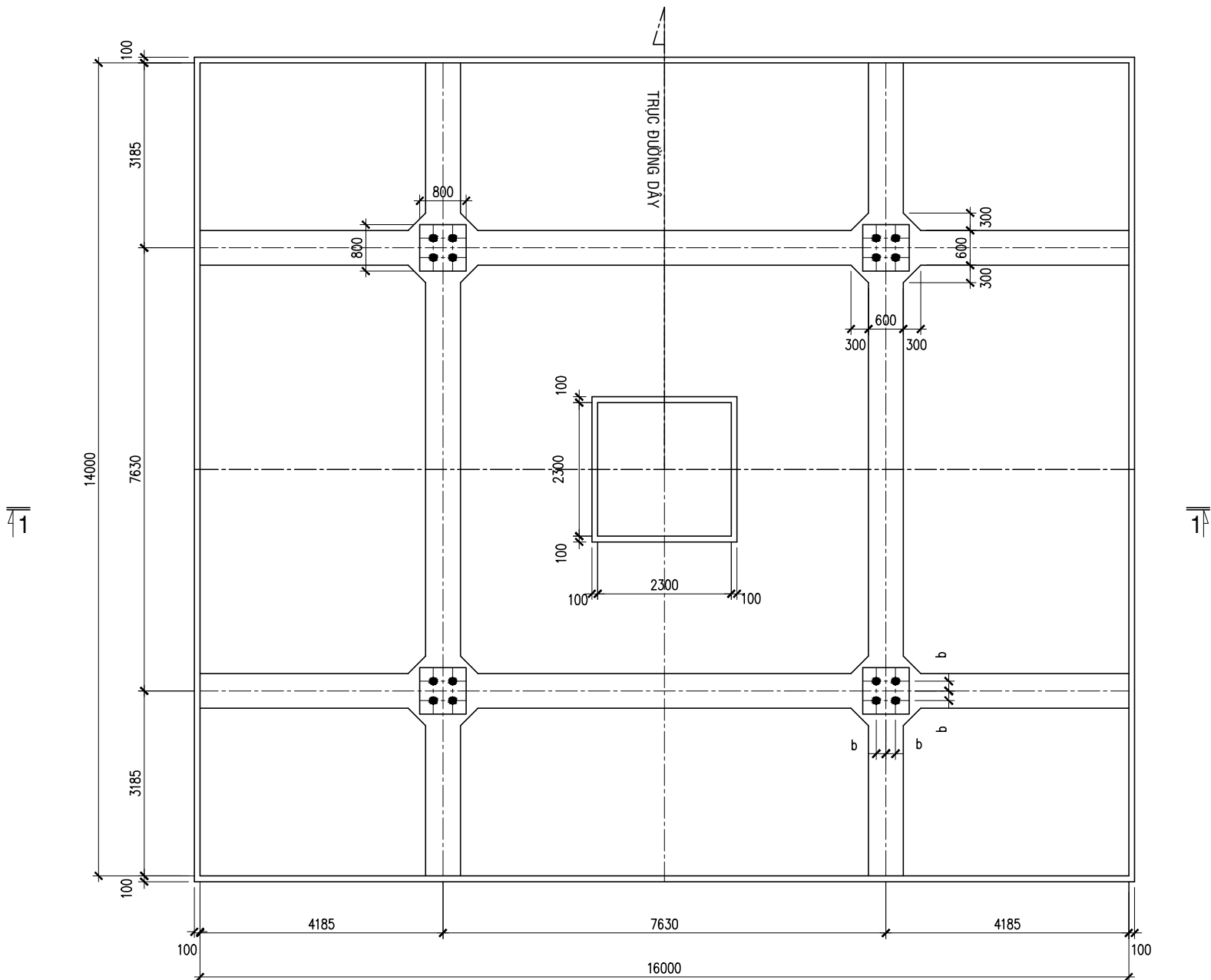
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT ĐỖ THẮNG D1.3-42 MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/12	



1 _ 1



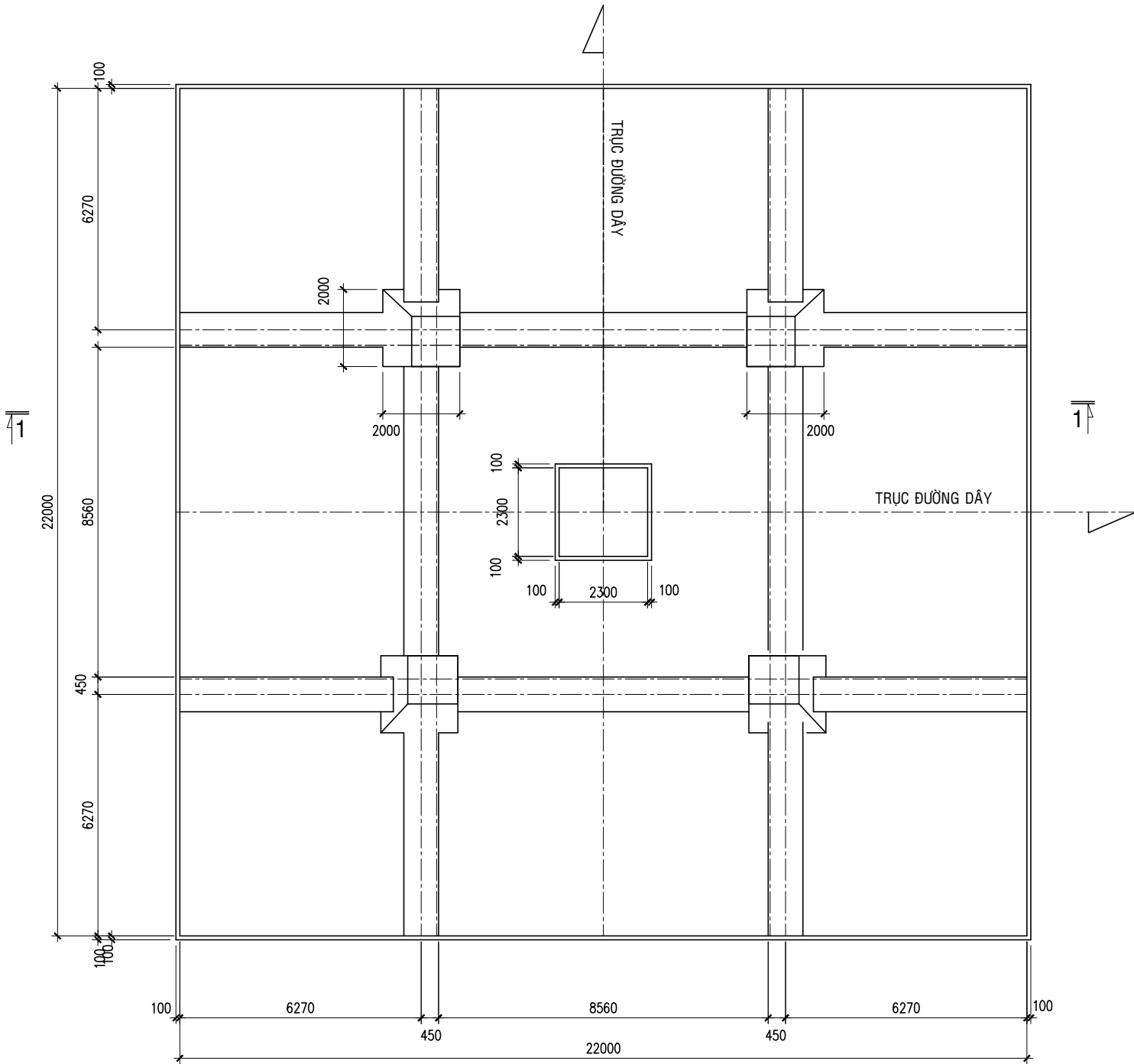
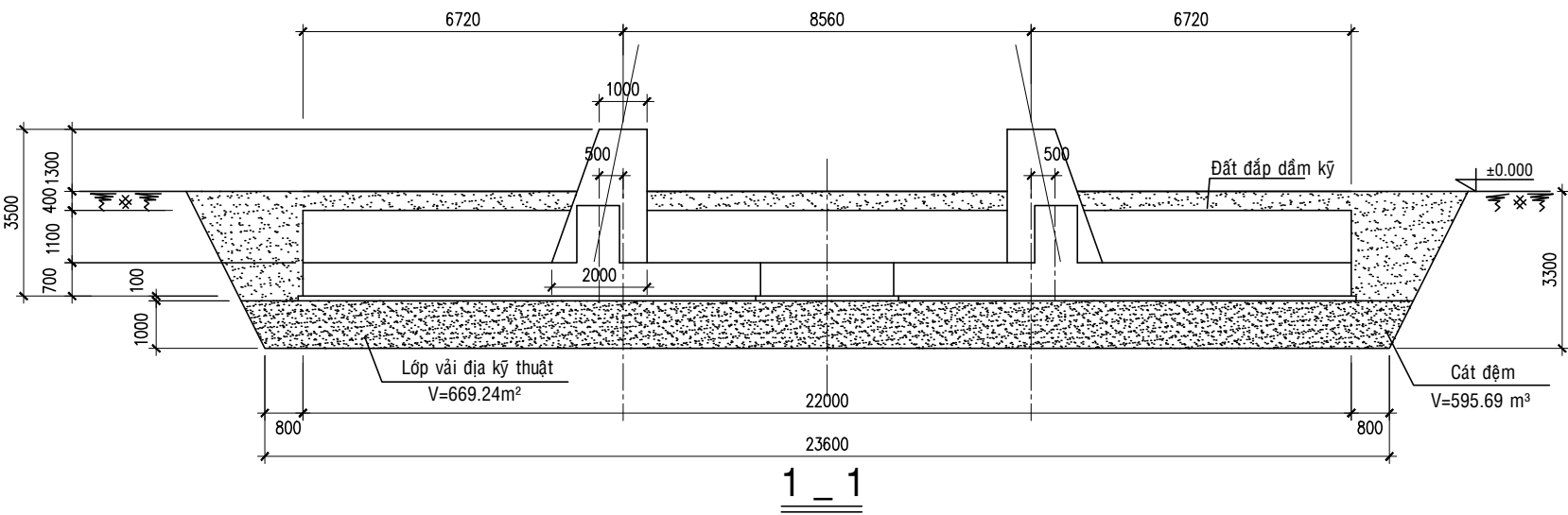
SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/100

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB7.63-14x16						
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
130.34	22.48	2,790.77	4,954.25	552.69	350.34	8,648.05

GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT ĐỖ THẲNG D1.3-50 MÓNG BẢN MB7.63-14x16	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/13	



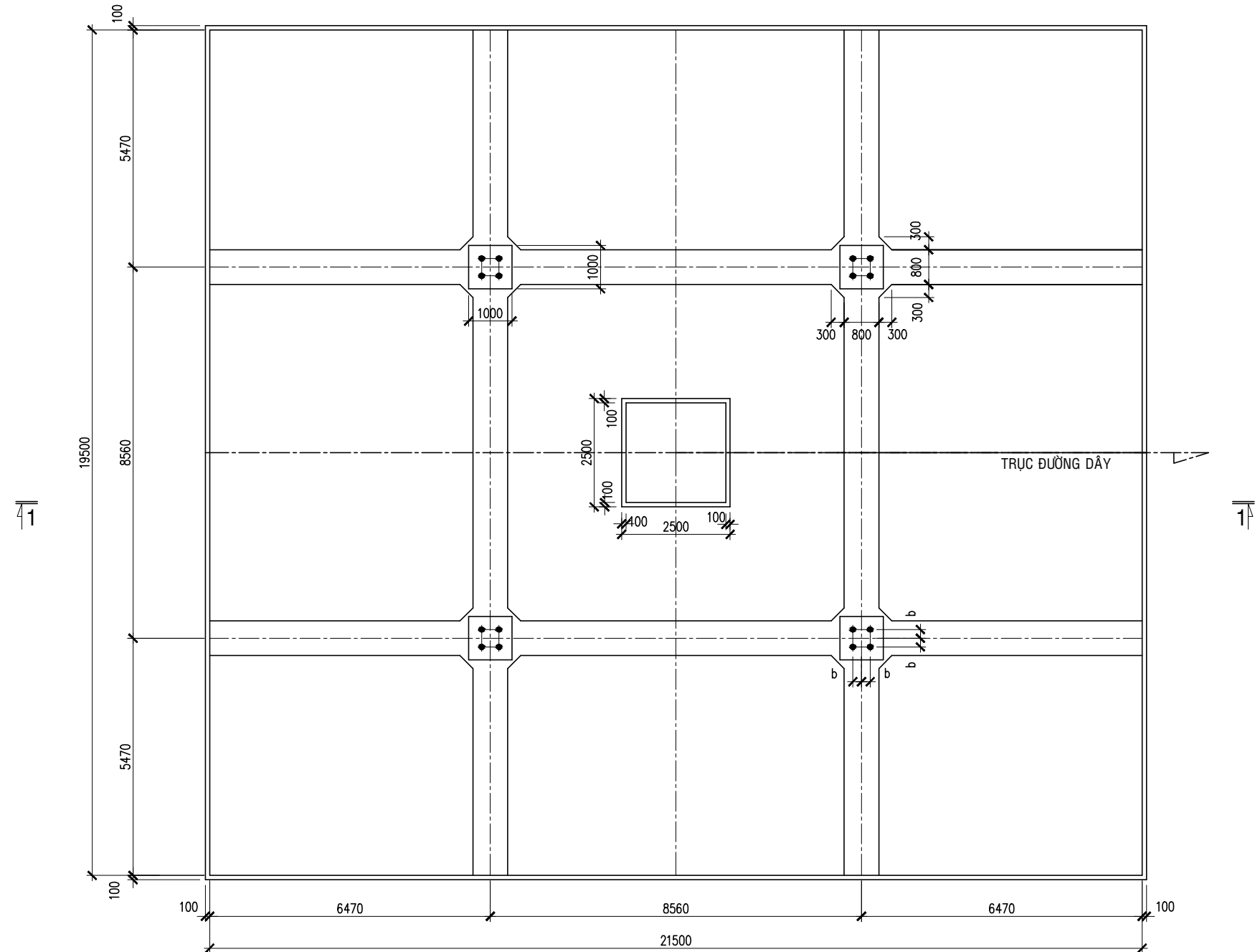
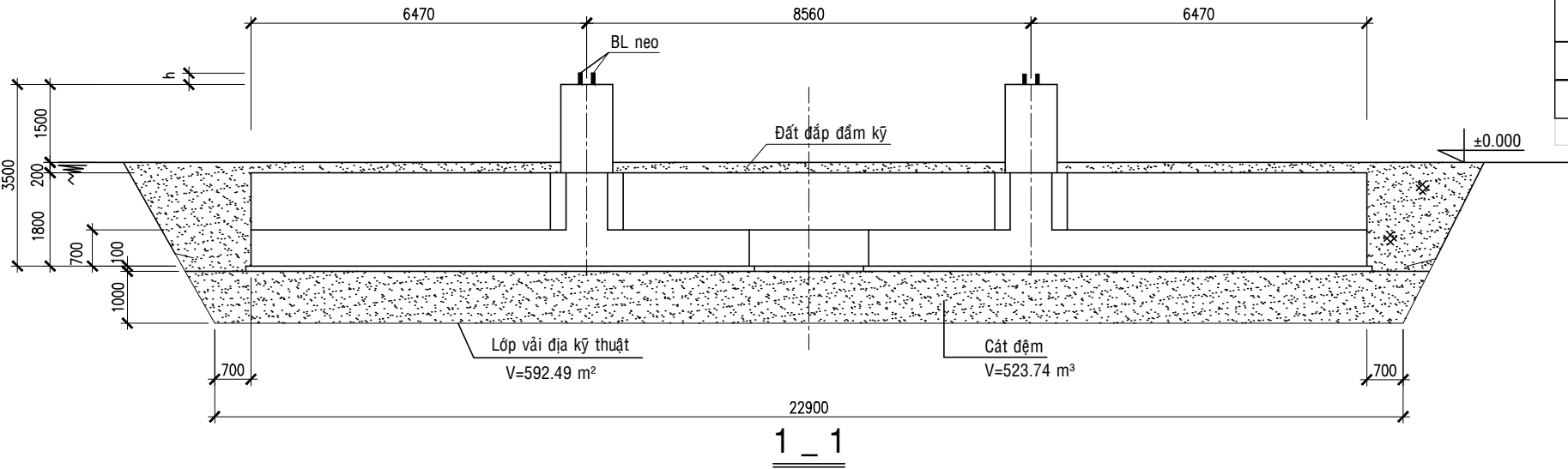
SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
TL : 1/150

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB8.56-22x22					
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)			K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	
451.80	168.32	9,582.53	12,712.99	3,415.16	25,710.68

GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT NÉO GÓC N1.3-37.5(90) MÓNG BẢN MB8.56-22x22	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/14	



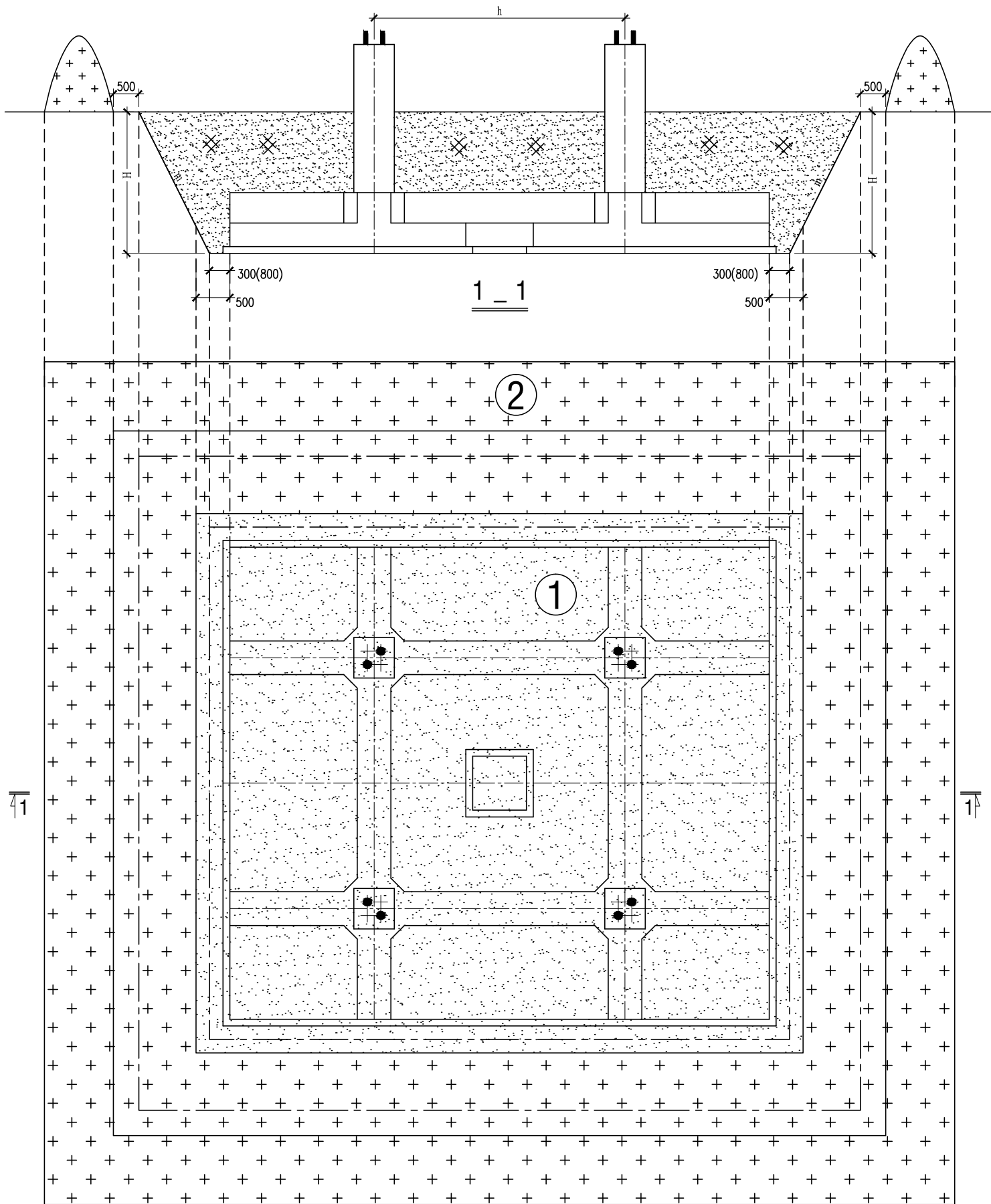
SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/125

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5						
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
382.49	42.22	8,467.89	12,283.19	1,358.95	1,071.68	23,181.71

GHI CHÚ:

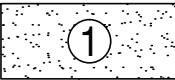
- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CỘT NÉO HẦM N1.3-41.5(H) MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/15	

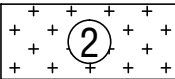


Ghi chú :

- Bản vẽ này chỉ phục vụ cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng đối với loại móng bản.



Phần diện tích chiếm đất vĩnh viễn: S1



Phần diện tích đất mượn tạm. Tùy điều kiện địa hình thực tế của từng vị trí móng mà vị trí phạm vi đất đền bù tạm có thể khác so với bản vẽ nhưng diện tích đền bù không được lớn hơn giá trị thiết kế: S2

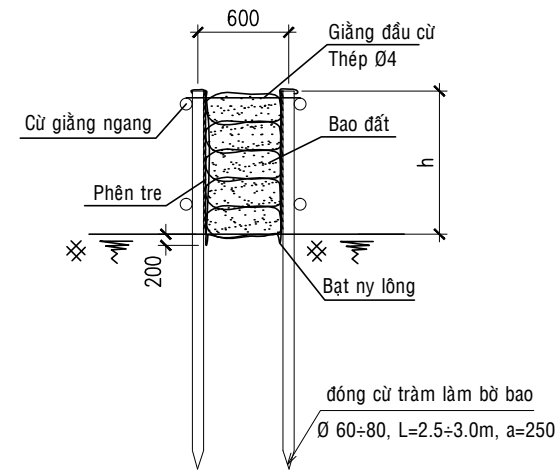
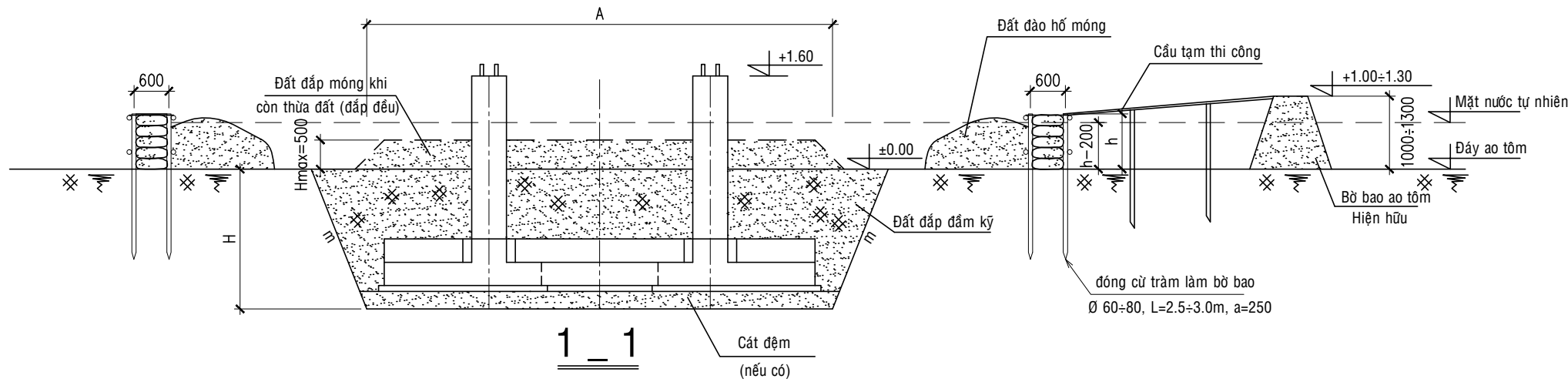
- H và m: Là chiều sâu đất đào và ta luy đào móng.

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
EVNPECC2 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT MÓNG BẢN CỘT THÉP	
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.L.D.A	Lê Anh Tuấn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/16	

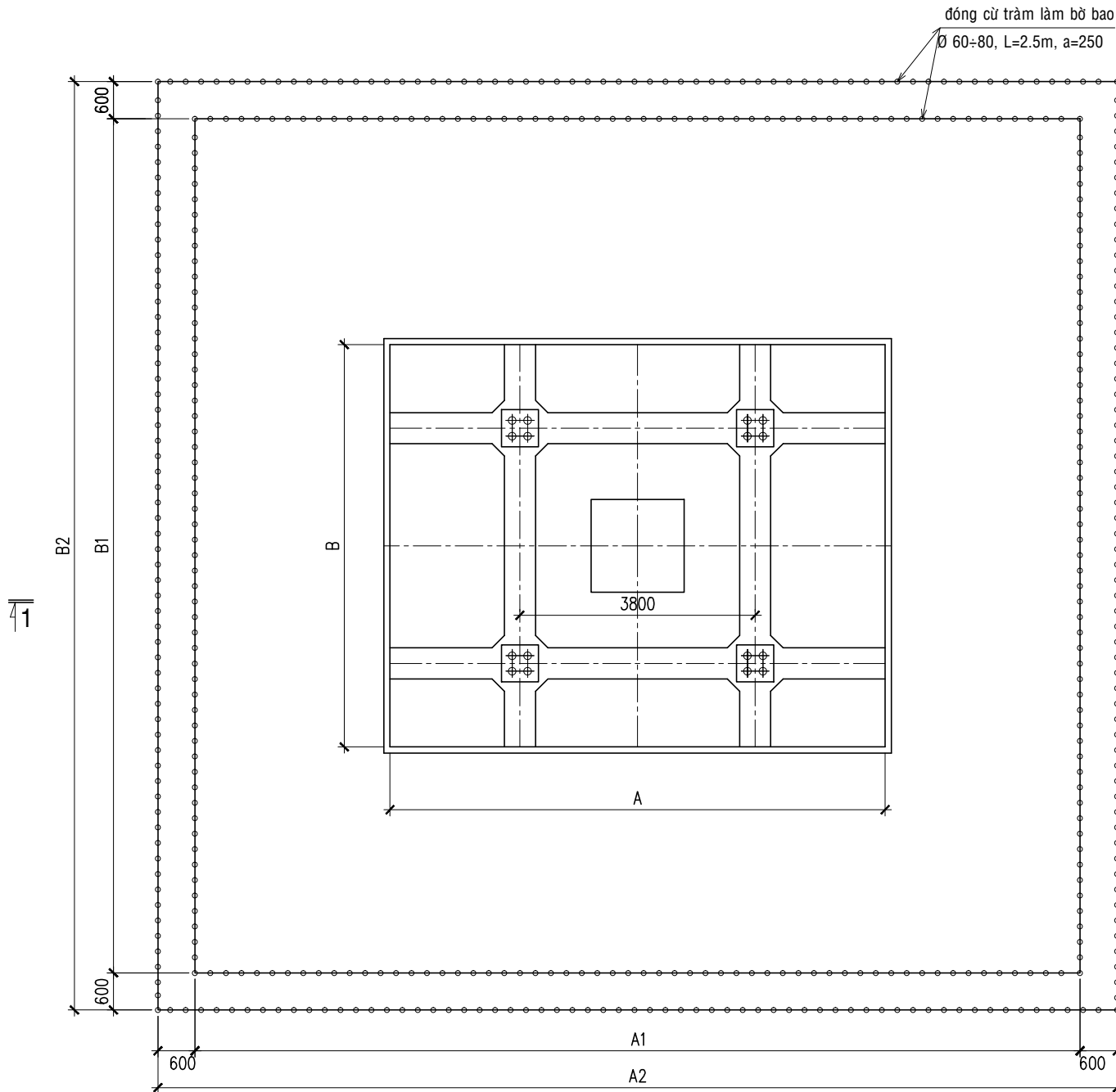
BẢNG KÍCH THƯỚC PHẦN CHIẾM ĐẤT VĨNH VIỄN
VÀ MƯỢN ĐẤT ĐỂ THI CÔNG
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU

STT	CÔNG DỤNG	LOẠI CỘT	LOẠI MÓNG	SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC HỒ MÓNG (m)				PHẦN CHIẾM ĐẤT VĨNH VIỄN			PHẦN ĐẤT MƯỢN TẠM ĐỂ THI CÔNG MÓNG, CỘT			BẢN VẼ THỂ HIỆN
					DÀI A	RỘNG B	SÂU H	TA LUY m	DÀI A1 (m)	RỘNG B1 (m)	DIỆN TÍCH S1 (m ²)	DÀI A2 (m)	RỘNG B2 (m)	DIỆN TÍCH S2 (m ²)	
ĐOẠN ĐƯỜNG DÂY 110KV 02 MẠCH															
1	Móng, cột đỡ	Đ1.2-30	MB3.74-10.5x12.5	41	12.50	10.50	2.40	0.67	13.50	11.50	155.25	22.45	20.45	303.66	ĐD1-16-14D.XD-02/16
2	Móng, cột đỡ	Đ1.2-34	MB4.3-11.5x13	27	13.00	11.50	2.40	0.67	14.00	12.50	175.00	23.32	21.82	333.75	ĐD1-16-14D.XD-02/16
3	Móng, cột đỡ	Đ1.2-38	MB4.8-12x13.5	9	13.50	12.00	2.40	0.67	14.50	13.00	188.50	24.06	22.56	354.22	ĐD1-16-14D.XD-02/16
4	Móng, cột đỡ	Đ1.2-42	MB5.33-12.5x14	3	14.00	12.50	2.40	0.67	15.00	13.50	202.50	24.80	23.30	375.28	ĐD1-16-14D.XD-02/16
5	Móng, cột néo	N1.2-28(30)	MB6.3-13x15.5	18	15.50	13.00	2.70	0.67	16.50	14.00	231.00	28.91	26.41	532.52	ĐD1-16-14D.XD-02/16
6	Móng, cột néo	N1.2-28(45)	MB6.3-15x17	1	17.00	15.00	3.10	0.85	18.00	16.00	288.00	34.74	32.74	849.14	ĐD1-16-14D.XD-02/16
7	Móng, cột néo	N1.2-32(60)	MB7.5-16.5x18.5	1	18.50	16.50	2.70	0.67	19.50	17.50	341.25	33.04	31.04	684.17	ĐD1-16-14D.XD-02/16
8	Móng, cột néo	N1.2-45(60)	MB11.4-19.5x21.5	1	21.50	19.50	2.90	0.67	22.50	20.50	461.25	39.28	37.28	1,003.31	ĐD1-16-14D.XD-02/16
9	Móng, cột néo	N110-2T+9(90)	MB7.5-16x18	1	18.00	16.00	3.10	0.85	19.00	17.00	323.00	36.33	34.33	924.14	ĐD1-16-14D.XD-02/16
ĐOẠN ĐƯỜNG DÂY 110KV 03 MẠCH															
10	Móng, cột néo	Đ1.3-42	MB5.97-12.5x14.5	5	14.50	12.50	2.40	0.67	15.50	13.50	209.25	25.41	23.41	385.52	ĐD1-16-14D.XD-02/16
11	Móng, cột đỡ	Đ1.3-50	MB7.63-14x16	2	14.50	12.50	2.40	0.67	15.50	13.50	209.25	25.41	23.41	385.52	ĐD1-16-14D.XD-02/16
12	Móng, cột đỡ	N1.3-37.5(90)	MB8.56-22x22	2	16.00	14.00	2.40	0.67	17.00	15.00	255.00	29.11	27.11	534.35	ĐD1-16-14D.XD-02/16
13	Móng, cột néo	N1.3-41.5(H)	MB8.56-19.5x21.5	2	22.00	22.00	3.30	0.85	23.00	23.00	529.00	44.49	44.49	1,449.97	ĐD1-16-14D.XD-02/16
TỔNG CỘNG :				113											

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT VĨNH VIỄN VÀ ĐẤT MƯỢN TẠM ĐỂ THI CÔNG	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/17	



CHI TIẾT BỜ BAO



MẶT BẰNG MÓNG

TL 1/100

TRÌNH TỰ THI CÔNG MÓNG AO TÔM

1. Thi công bờ bao :

- Đóng cừ tràm Ø 60÷80, L=2.5÷3.0m, a=250 theo kích thước và cao độ bờ bao như bản vẽ thiết kế, bờ bao cao hơn mặt nước 0.2m.
- Lót phên tre, phủ vải bạt ny lông ở giữa hai hàng cừ tràm. Phần vải bạt tại chân hai hàng cừ tràm được chèn vào lớp đất đáy ao tôm 0.2m. Phần trên của tấm vải bạt cột chặt vào đầu cừ.
- Đắp bờ bao bằng bao đất hoặc bao cát.
- Thi công cầu tạm, cầu tạm được đặt tại vị trí sao cho việc di chuyển thuận tiện, gần kênh xả nước của ao tôm và ngắn nhất.

2. Thi công móng :

- Bơm nước trong phạm vi bờ bao, nước được xả ra kênh xả nước của ao tôm bằng ống dẫn nước đặt trên cầu tạm.
- Xác định cốt ± 0.00 sao cho mặt trên cổ móng phải cao hơn bờ ao tôm trung bình ít nhất 0.3m để đảm bảo chân cột không bị ngập nước. Trong trường hợp không xác định được cốt ± 0.00 cần báo ngay cho TVTK để có biện pháp xử lý kịp thời.
- Tiến hành đào móng đến cao độ móng thiết kế, đất đào được để trong phạm vi bờ bao.
- Đổ bê tông lót sau đó tiến hành lắp đặt cốt thép và đúc bê tông móng. Trong quá trình này phải đảm bảo hố móng luôn luôn khô. Lưu ý trong suốt quá trình bơm nước không được rò rỉ nước ra ngoài ao tôm.
- Sau khi đúc móng đạt thời gian quy định, tiến hành lấp đất hố móng, tháo dỡ bờ bao và hoàn trả lại mặt bằng.
- Đất lấp hố móng sử dụng lại đất đào và đất làm bờ bao. Trong trường hợp sau khi lấp đất hố móng đạt cao độ thiết kế mà vẫn còn thừa đất thì có thể dùng phần đất này đắp đều lên trên hố móng nhưng không cao quá 0.5m so với cốt ± 0.00
- Các vật tư thi công bờ bao được luân chuyển để thi công các vị trí khác, số lần luân chuyển là 3 lần.

3. Lưu ý :

- Trong quá trình thi công móng sẽ có vị trí chỉ cần thiết làm bờ bao 01 cạnh, 02 cạnh, 03 cạnh hoặc không cần làm bờ bao (sử dụng bờ bao hiện hữu của ao tôm làm bờ bao thi công móng do kích thước đất mượn thi công lớn hơn ao tôm). Khi đó khối vật tư làm bờ bao sẽ thay đổi, khối lượng vật tư này sẽ được xác nhận theo thực tế tại hiện trường.
- Các vị trí móng nằm dưới ao phải xác nhận lại theo thực tế vào thời điểm thi công móng bởi đơn vị giám sát và được sự đồng ý của Ban QLDA, trong trường hợp ao không có nước ở thời điểm thi công hoặc tại vị trí đó không còn là ao nữa thì không nhất thiết phải đắp bờ bao để thi công móng. Khi đó thi công móng sẽ thực hiện như các vị trí móng không nằm trong ao tôm.

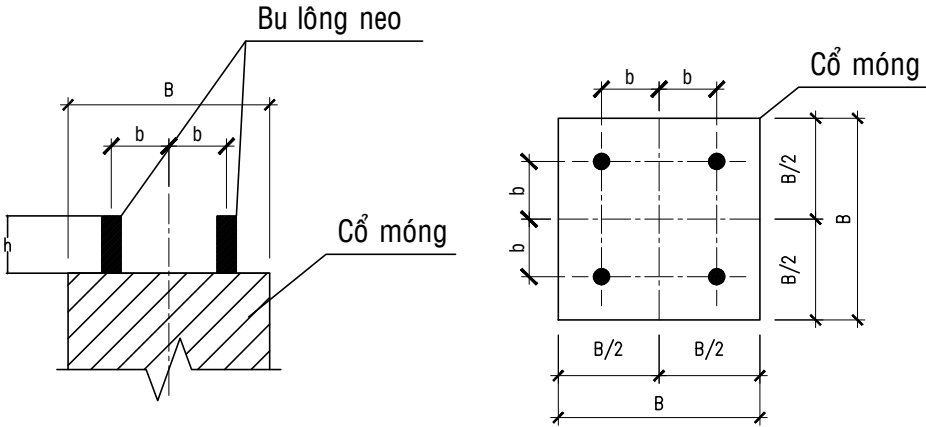
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BIỆN PHÁP THI CÔNG CÁC VỊ TRÍ MÓNG NẸM TRONG AO TÔM	
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.L.D.A	Lê Anh Tuấn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/18	

BẢNG KÊ BẢN VẼ BULÔNG NEO VÀ STUB-BAR			
Số TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu bulông	Số bản vẽ
1	Bản vẽ chi tiết bulông neo	BL 48-250	ĐD1-16-14D.XD-03/1
2	Bản vẽ chi tiết bulông neo	BL 64-400	ĐD1-16-14D.XD-03/2
3	Bản vẽ chi tiết bulông neo	BL 72-400	ĐD1-16-14D.XD-03/3
4	Bản vẽ chi tiết bulông neo	BL 90-400	ĐD1-16-14D.XD-03/4
5	Bản vẽ chi tiết Stub-bar	N1.3-37.5(90)	ĐD1-16-14D.XD-03/5

GHI CHÚ:

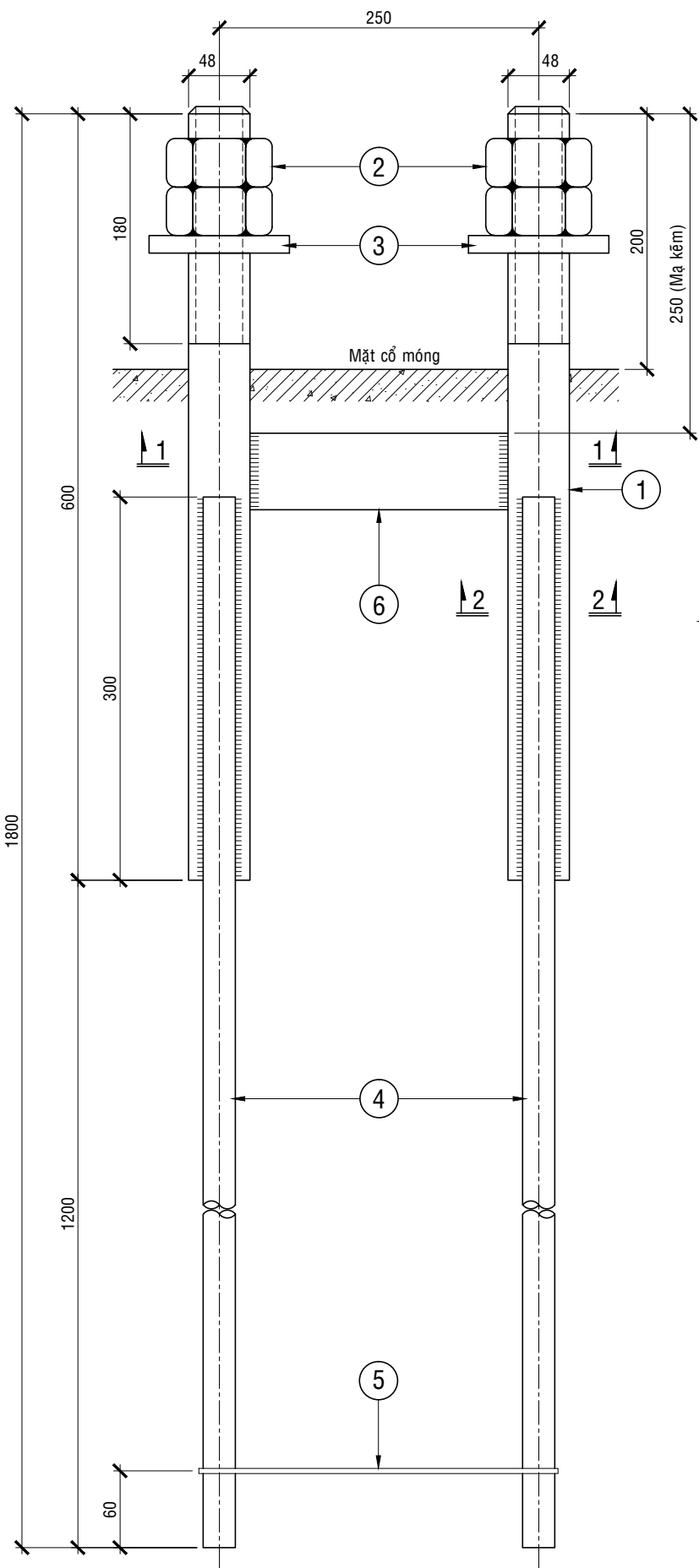
- Bulông neo thiết kế và chế tạo theo TCVN 5575:2012, JIS B1180.
- Đai ốc chế tạo theo TCVN 1896-76, JIS B1181
- Vật liệu chế tạo bulông, đai ốc dùng thép SS400 hoặc CT38.
- Chiều dày đường hàn xem ghi chú trên hình vẽ.
- Que hàn sử dụng loại E511 hoặc có cường độ tương đương.
- Các chi tiết bulông neo mạ kẽm theo tiêu chuẩn 18TCN 04-92.
- Thép tròn sử dụng: <= Ø10 dùng loại CB240-T (AI)
- >=Ø12 dùng loại CB400-V (AIII)
- Stub-bar : thiết kế và chế tạo cùng với cột thép, chi tiết xem bản vẽ chế tạo cột.

KÍCH THƯỚC BỐ TRÍ VÀ KHỐI LƯỢNG BULÔNG NEO						
STT	Bulông	h (mm)	b (mm)	Số bộ/móng	01 chiếc	Khối lượng cho 1 móng (kg)
						Cho 4T
1	BL36-250	160	125	8cặp/móng	25.27	202.19
2	BL42-250	180	125	8cặp/móng	37.29	298.32
3	BL48-250	200	125	8cặp/móng	53.85	430.78
4	BL56-300	200	150	16bộ/móng	39.04	624.67
5	BL64-400	220	200	16bộ/móng	54.66	874.54
6	BL72-400	250	200	16bộ/móng	64.11	1025.70
7	BL80-400	250	200	16bộ/móng	87.49	1399.85
8	BL90-400	270	200	16bộ/móng	128.55	2,056.78

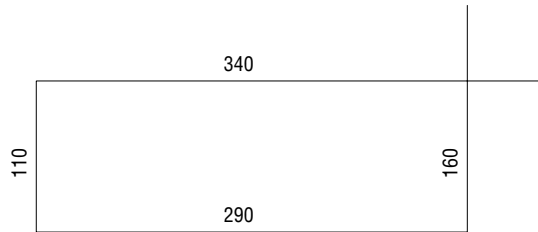
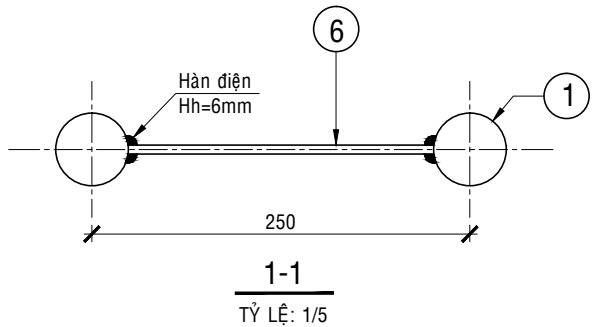
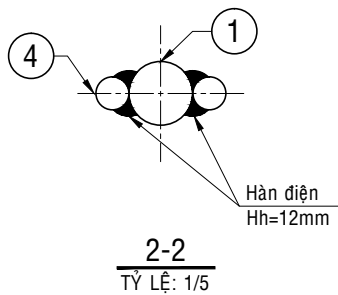


BỐ TRÍ BU LÔNG NEO TRÊN CỔ MÓNG

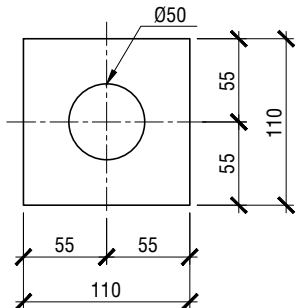
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		LIÊN KẾT CỘT VÀ MÓNG BU LÔNG NEO	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		ĐD1-16-14D.XD-03	Tờ 1/1



BU LÔNG BL 48-250
TỶ LỆ: 1/5



CHI TIẾT 5
TỶ LỆ: 1/5



CHI TIẾT 3
TỶ LỆ: 1/5

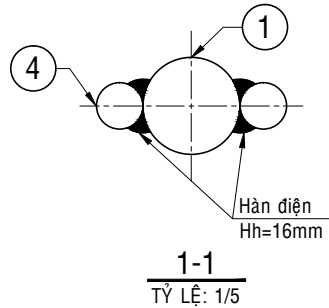
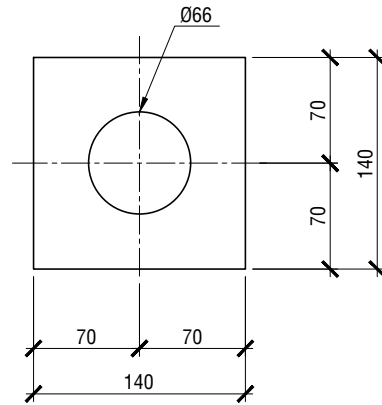
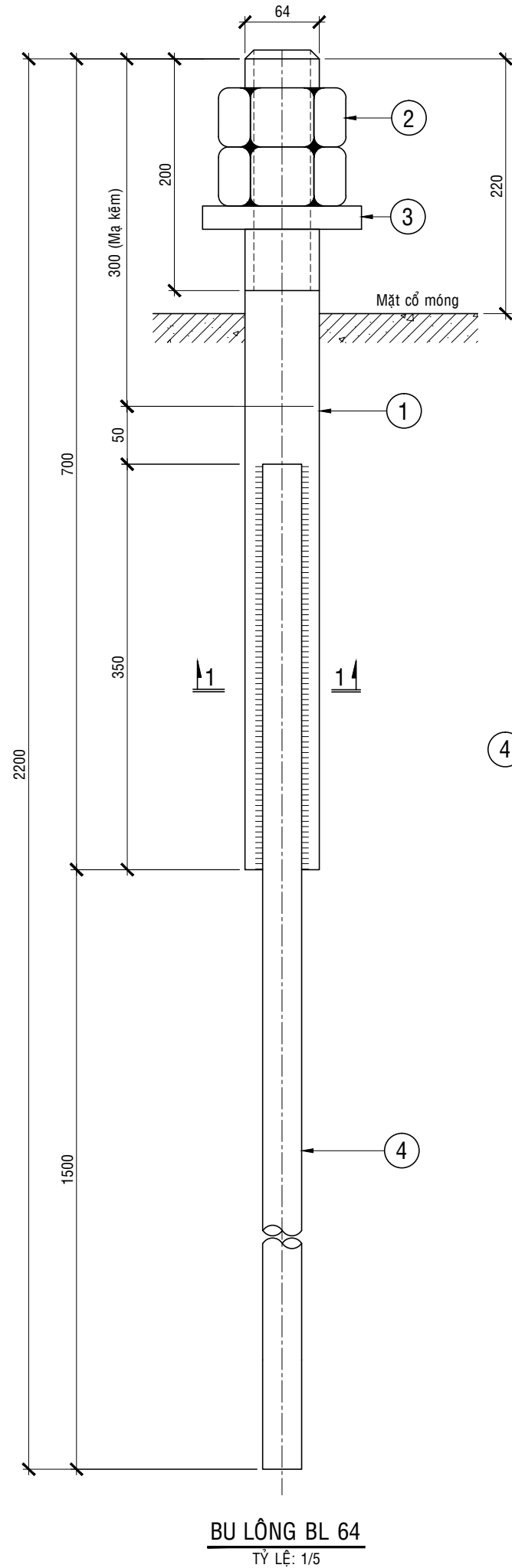
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

Cấu kiện	Số hiệu	Tên chi tiết	Quy cách	Chiều dài 1 thanh (mm)	Số lượng	Cho 1 cấu kiện		Khối lượng tổng cộng (kg)	Ghi chú
						Đơn vị (kg)	Khối lượng		
BL48-250	1	Bu lông M48	Ø48	600	2	8.52	17.05	53.85	Mạ kẽm
	2	Đai ốc M48		H=38	4	0.96	3.84		Mạ kẽm
	3	Vòng đệm	d=16	110x110	2	1.52	3.04		Mạ kẽm
	4	Thanh neo	Ø28	1500	4	7.25	29.00		
	5	Thanh giằng	Ø8	900	1	0.36	0.36		
	6	Bản giằng	d=6	200x60	1	0.57	0.57		

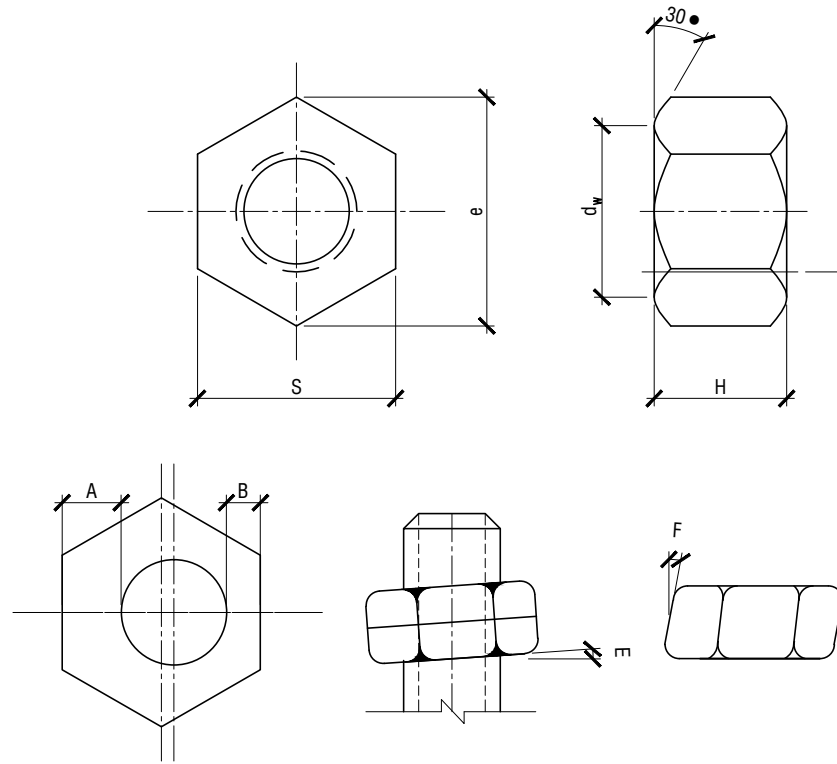
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú tại bản vẽ: DD1-16-14D.XD-03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL48-250		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
P.GD Trung tâm		12-2019	
C.N.T.K		TỜ 1/1	
C.T.T.K			
Kiểm tra			
Thiết kế			



CHI TIẾT 3
TỶ LỆ: 1/5



CHI TIẾT 2
TỶ LỆ: 1/5

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

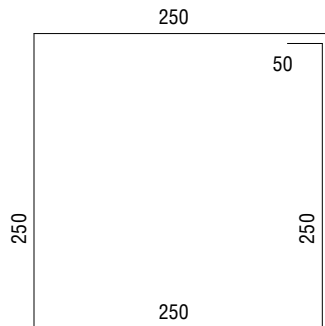
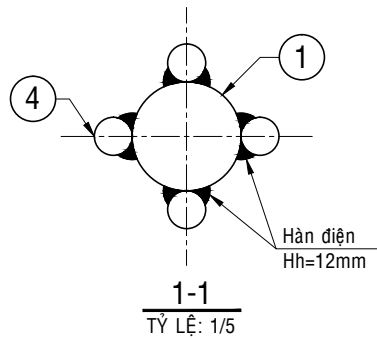
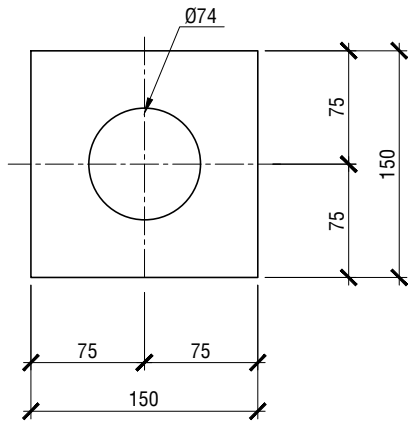
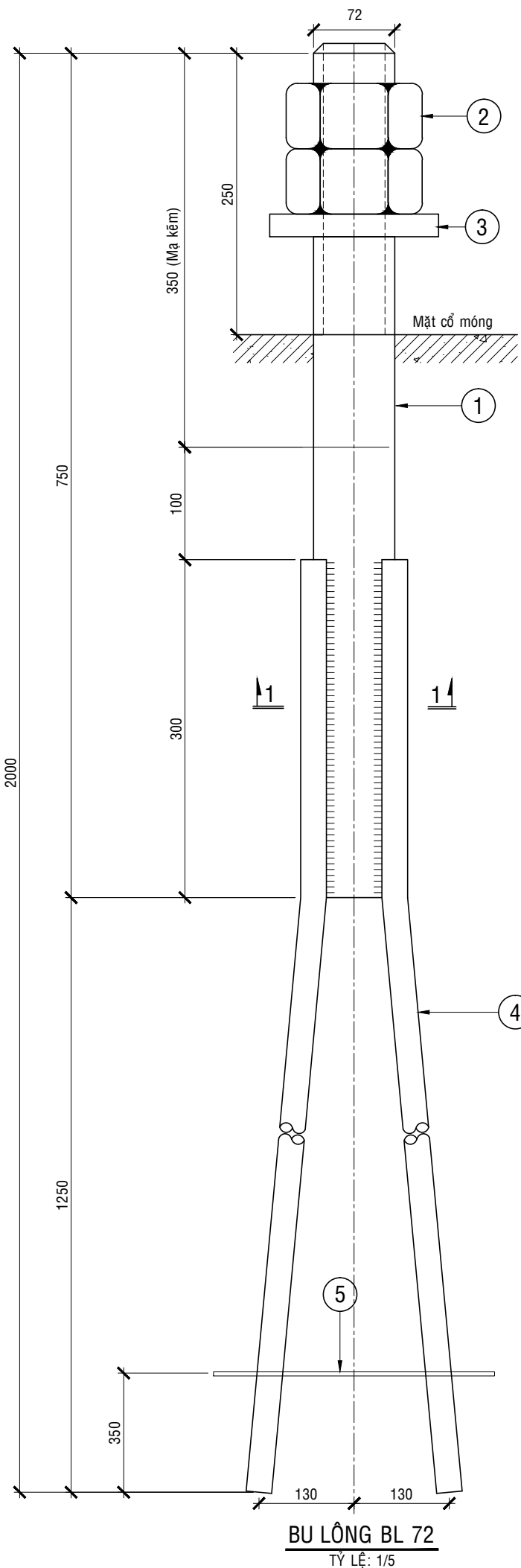
Cấu kiện	Số hiệu	Tên chi tiết	Quy cách	Chiều dài 1 thanh (mm)	Số lượng	Cho 1 cấu kiện		Khối lượng tổng cộng (kg)	Ghi chú
						Đơn vị (kg)	Khối lượng		
BL64	1	Bu lông M64	Ø64	700	1	17.68	17.68	54.66	Mạ kẽm
	2	Đai ốc M64		H=51	2	2.17	4.34		Mạ kẽm
	3	Vòng đệm	d=20	140x140	1	3.08	3.08		Mạ kẽm
	4	Thanh neo	Ø36	1850	2	14.78	29.56		

Đai ốc	Kích thước (mm)
Đường kính danh nghĩa của ren d	64
Bước ren p	6
S	95
e	110
d _w	92
H	51
A-B (lớn nhất)	3
E, F (lớn nhất)	1

GHI CHÚ:

- Xem ghi chú tại bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-03

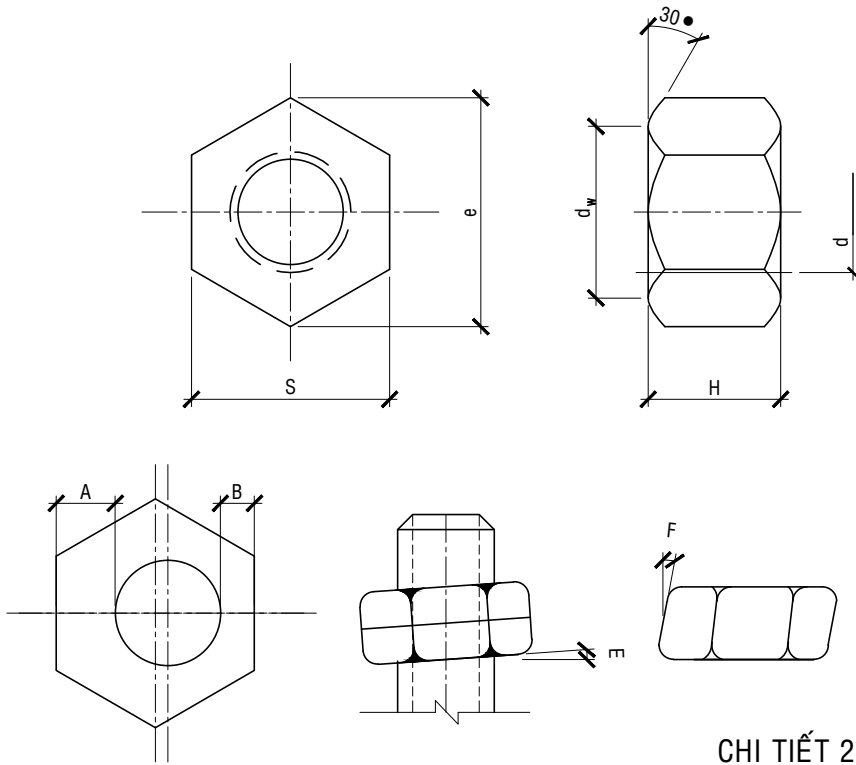
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL64-400	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-03/2	
			12-2019
			Tờ 1/1



GHI CHÚ:
- Xem ghi chú tại bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-03

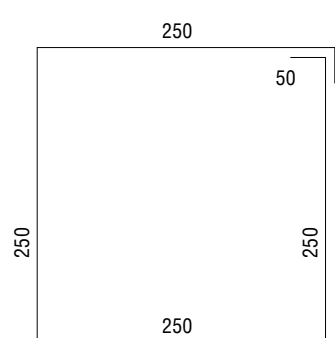
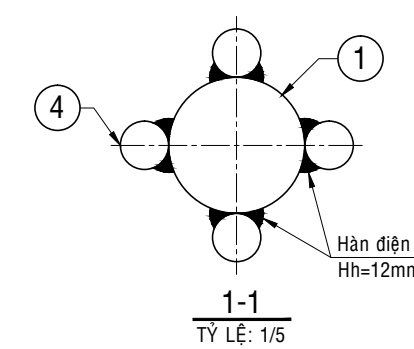
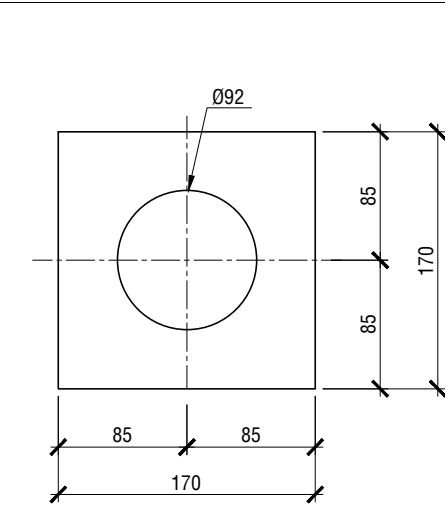
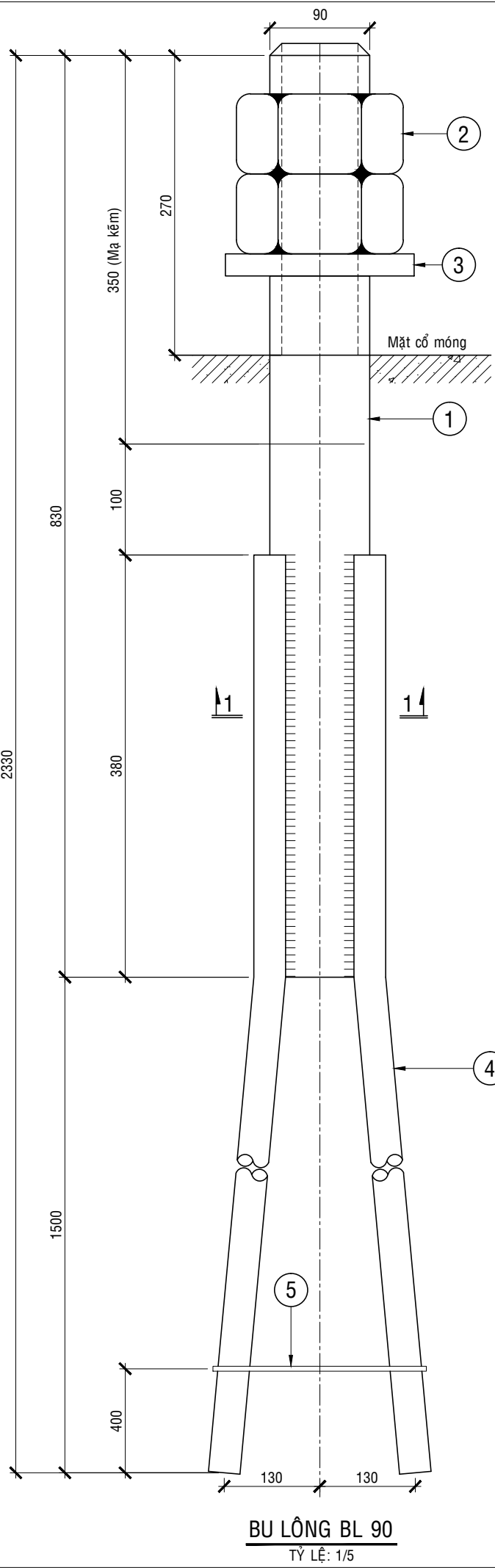
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

Cấu kiện	Số hiệu	Tên chi tiết	Quy cách	Chiều dài 1 thanh (mm)	Số lượng	Cho 1 cấu kiện		Khối lượng tổng cộng (kg)	Ghi chú
						Đơn vị (kg)	Khối lượng		
BL72	1	Bu lông M72	Ø72	750	1	23.97	23.97	64.11	Mạ kẽm
	2	Đai ốc M72		H=58	2	3.10	6.20		Mạ kẽm
	3	Vòng đệm	d=20	150x150	1	3.53	3.53		Mạ kẽm
	4	Thanh neo	Ø28	1550	4	7.49	29.97		
	5	Thanh giằng	Ø8	1100	1	0.43	0.43		



Đai ốc	Kích thước (mm)
Đường kính danh nghĩa của ren d	72
Bước ren p	6
S	105
e	121
d _w	102
H	58
A-B (lớn nhất)	3.3
E, F (lớn nhất)	1

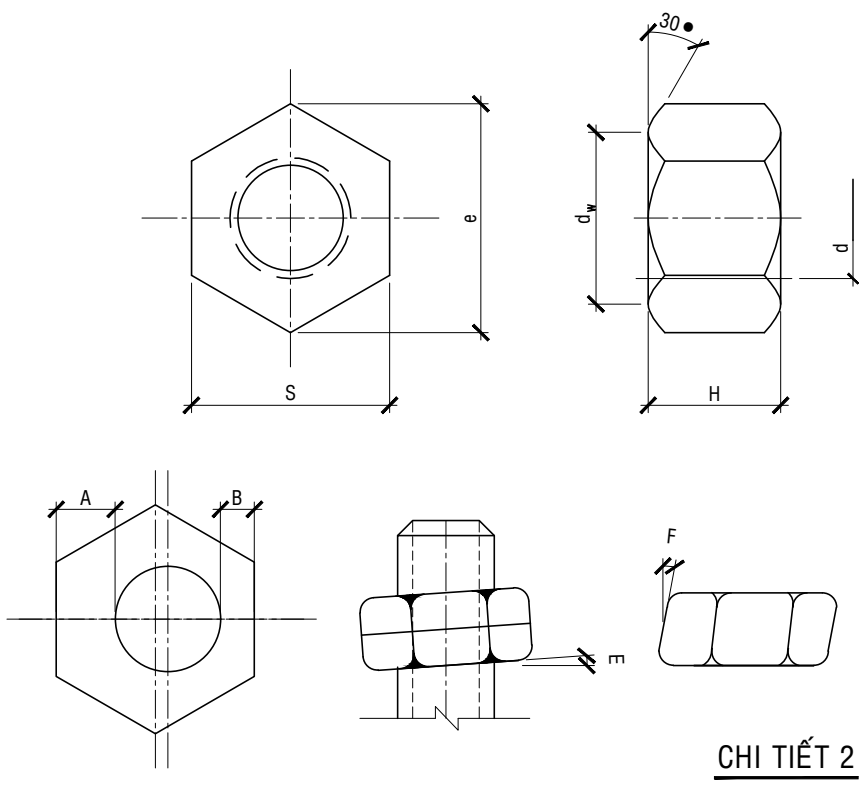
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL72-400	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn	ĐD1-16-14D.XD-03/3	
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	Tờ 1/1	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		



GHI CHÚ:
- Xem ghi chú tại bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-03

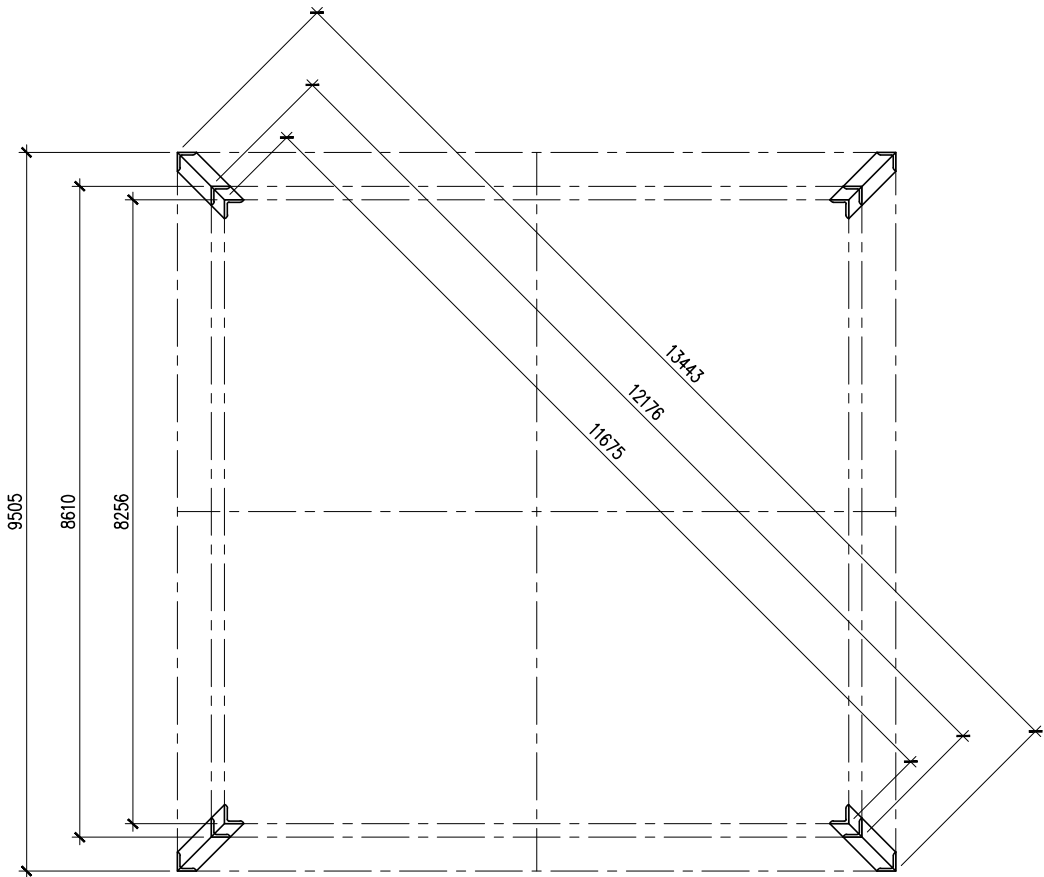
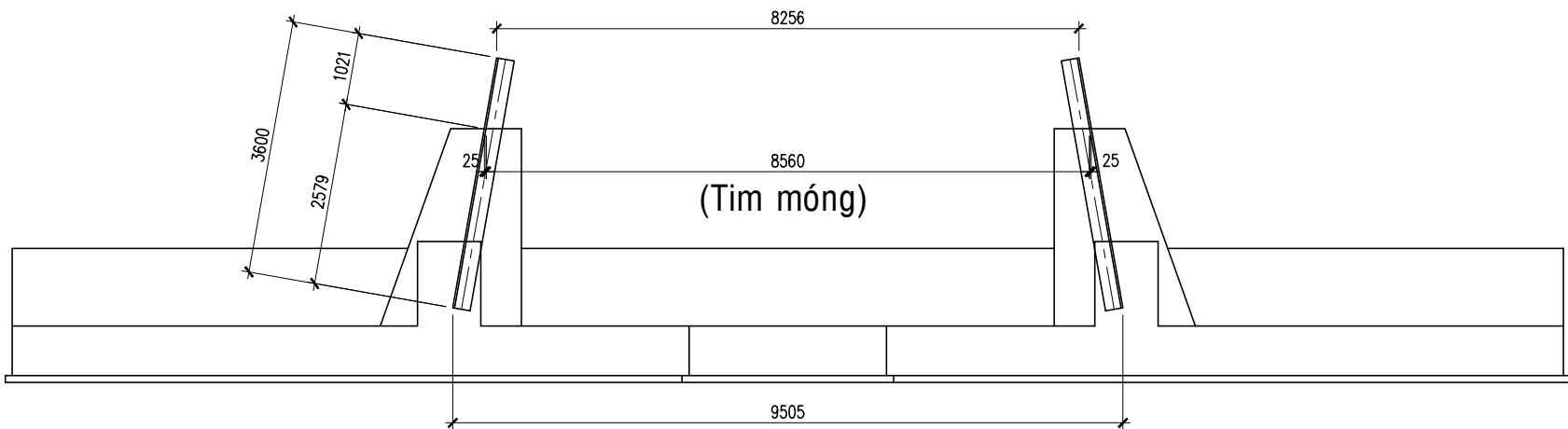
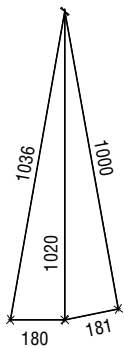
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

Cấu kiện	Số hiệu	Tên chi tiết	Quy cách	Chiều dài 1 thanh (mm)	Số lượng	Cho 1 cấu kiện		Khối lượng tổng cộng (kg)	Ghi chú
						Đơn vị (kg)	Khối lượng		
BL90	1	Bu lông M90	Ø90	830	1	41.45	41.45	128.55	Mạ kẽm
	2	Đai ốc M90		H=72	2	11.02	22.04		Mạ kẽm
	3	Vòng đệm	d=20	170x170	1	4.54	4.54		Mạ kẽm
	4	Thanh neo	Ø36	1880	4	15.02	60.09		
	5	Thanh giằng	Ø8	1100	1	0.43	0.43		



Đai ốc	Kích thước (mm)
Đường kính danh nghĩa của ren d	90
Bước ren p	6
S	130
e	150
d _w	126
H	72
A-B (lớn nhất)	3.5
E, F (lớn nhất)	1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL90-400	
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-03/4	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	Tờ 1/1	



SƠ ĐỒ STUB N1.3-37.5(90)

TL: 1/100

GHI CHÚ :

- Xem cùng bản vẽ sơ đồ toàn thể móng số: ĐD1-16-14D.XD-02/13.

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		SƠ ĐỒ BỐ TRÍ STUB-BAR SỬ DỤNG CHO CỘT N1.3-37.5(90)
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-03/5	Tờ 1/1

LIỆT KÊ BẢN VẼ CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN			
STT	TÊN MÓNG	KÝ HIỆU MÓNG	SỐ BẢN VẼ
2	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB3.74-10.5x12.5	ĐD1-16-14D.XD-04/1
3	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB4.3-11.5x13	ĐD1-16-14D.XD-04/2
4	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB4.8-12x13.5	ĐD1-16-14D.XD-04/3
5	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB5.33-12.5x14	ĐD1-16-14D.XD-04/4
6	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB6.3-13x15.5	ĐD1-16-14D.XD-04/5
7	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB6.3-15x17	ĐD1-16-14D.XD-04/6
8	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB7.5-16.5x18.5	ĐD1-16-14D.XD-04/7
9	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB11.4-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/8
10	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB6.3-15.5x17.5	ĐD1-16-14D.XD-04/9
11	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB7.5-16x18	ĐD1-16-14D.XD-04/10
12	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB5.97-12.5x14.5	ĐD1-16-14D.XD-04/11
13	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB7.63-14x16	ĐD1-16-14D.XD-04/12
14	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB8.56-22x22	ĐD1-16-14D.XD-04/13
15	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB8.56-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/14

CÁC GHI CHÚ CHUNG:

1. CHỪNG LOẠI CỘT VÀ MÓNG XEM TRONG BẢN VẼ MẶT CẮT DỌC VÀ TÔNG KẾ. NẾU CÓ SAI KHÁC NHÀ THẦU PHẢI BÁO CHỦ ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ KỊP THỜI.
2. XÁC ĐỊNH CỘT +0.00:

+ CỘT +0.00 LẤY TẠI CAO ĐỘ MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN TẠI TIM MÓNG.

+ ĐỐI VỚI CÁC VỊ TRÍ MÓNG NẪM Ở ĐỊA HÌNH THẤP THÌ CỘT +0.00 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH SAO CHO CỘ MÓNG CAO HƠN BỜ BAO XUNG QUANH TỐI THIỂU 0.5M ĐỂ CHỐNG NGẬP
3. BÊ TÔNG:

+ BÊ TÔNG ĐÚC MÓNG CẤP BỀN B22.5(M300) ĐÁ 2X4 (HOẶC 1X2), PHỤ GIA SILICAFUME 5% TRÊN KHỐI LƯỢNG XI MĂNG.

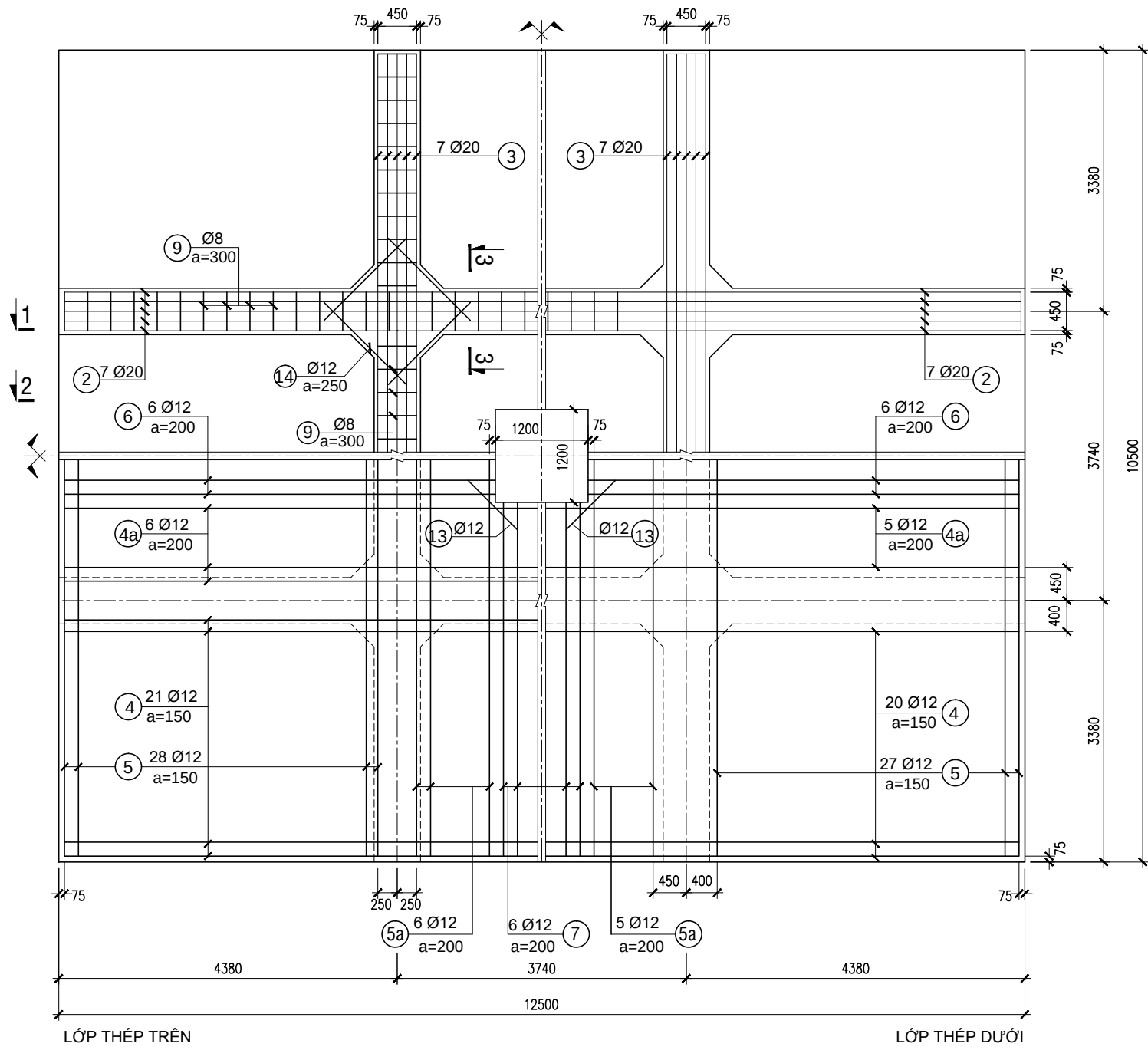
+ BÊ TÔNG LÓT CẤP BỀN B7.5(M100) ĐÁ 4X6
4. CỘT THÉP:

+ THÉP <=Ø10: CB240T HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (AI, CI)

+ THÉP >=Ø12: CB400V HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (AIII, CIII)

+ NỐI CỘT THÉP MÓNG TUẦN THỦ THEO TCVN 4453-1995
5. TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỊA CHẤT, ĐỊA HÌNH CÓ THAY ĐỔI LỚN CẦN BÁO NGAY ĐỂ CÓ BIỆN PHÁP XỬ LÝ KỊP THỜI.
6. ĐẤT ĐÁP HỒ MÓNG TỪNG LỚP DÀY 20-30CM, ĐẠT DUNG TRỌNG TỰ NHIÊN >=1.50T/M3, HỆ SỐ ĐÀM NÉN K>=0.85, QUY TRÌNH THỰC HIỆN THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU. TRƯỚC KHI LẮP MÓNG PHẢI BƠM NƯỚC RA KHỎI HỒ MÓNG.
7. ĐẤT THỪA ĐƯỢC DÙNG ĐỂ ĐÁP LẠI TRÊN MÓNG TRONG DIỆN TÍCH ĐỀN BÙ, TẠO DỐC 5% THOÁT NƯỚC THEO ĐỊA HÌNH.
8. CHI TIẾT BỐ TRÍ BU LÔNG NEO TRÊN CỘ MÓNG XEM BẢN VẼ ĐD1-16-14D.XD-03. CÁC BU LÔNG NEO SAU KHI XIẾT CHẶT ĐẾN ĐỘ CHỖI THÌ TIẾN HÀNH PHÁ REN THEO QUY ĐỊNH, SAU ĐÓ SƠN LẠI BẰNG SƠN GIÀU KÉM.
9. TRỤC ĐƯỜNG DÂY CÁC CỘT NẾO ĐẦU NÔI, NẾO RỄ, NẾO CUỐI, ... THÌ KHI XÁC ĐỊNH HƯỚNG XOAY CỦA MÓNG VÀ CỘT PHẢI KẾT HỢP XEM BẢN VẼ BÌNH ĐỒ ĐẦU NÔI, GIAO CHÉO, NẾO RỄ...(Ở BẢN VẼ PHẢN ĐIỆN), NẾU CÓ BẤT THƯỜNG PHẢI BÁO CHỦ ĐẦU TƯ VÀ TVTK ĐỂ XỬ LÝ.
10. QUÁ TRÌNH THI CÔNG TUẦN THỦ THEO CHỈ DẪN KỸ THUẬT VÀ CÁC TIÊU CHUẨN HIỆN HÀNH NHƯ: TCVN4447:2012, TCVN4453:1995, TCVN9394:2012,....., QUYẾT ĐỊNH SỐ 1623/QĐ-EVNNPT NGÀY 27/7/2016 CỦA EVNNPT VÀ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN.

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04	Tờ 1/1



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG

TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB3.74-10.5x12.5

SỐ HIỆU	HÌNH DÁNH THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	64	230.40
2		20	12350	28	345.80
3		20	10350	28	289.80
4		12	12350	86	1,062.10
4a		12	12350	22	271.70
5		12	10350	114	1,179.90
5a		12	10350	22	227.70
6		12	5500	24	132.00
7		12	4500	24	108.00
8		10	326	1064	346.86
9		8	3200	140	448.00
10		8	2000	60	120.00
11		8	1820	52	94.64
12		10	640	80	51.20
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	64	108.80

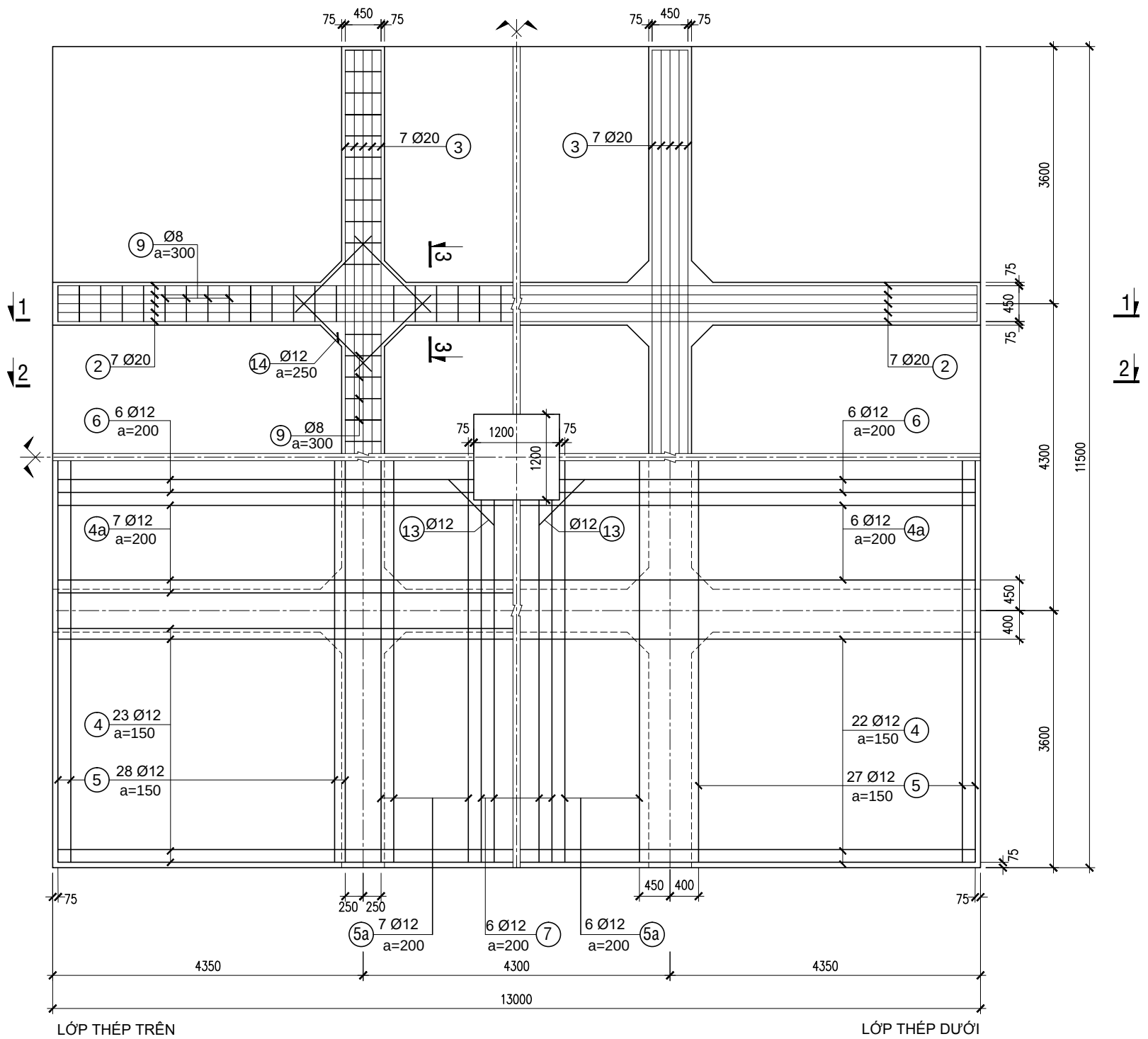
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	866.00	2,134.69	5,390.50
12	3,099.80	2,749.52	
10	398.06	245.21	
8	662.64	261.08	

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/2.

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/1
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG

TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB4.3-11.5x13

SỐ HIỆU	HÌNH DÁN THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	64	230.40
2		20	12850	28	359.80
3		20	11350	28	317.80
4		12	12850	94	1,207.90
4a		12	12850	26	334.10
5		12	11350	114	1,293.90
5a		12	11350	26	295.10
6		12	5750	24	138.00
7		12	5000	24	120.00
8		10	326	1138	370.99
9		8	3200	152	486.40
10		8	2000	60	120.00
11		8	1820	52	94.64
12		10	640	80	51.20
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	64	108.80

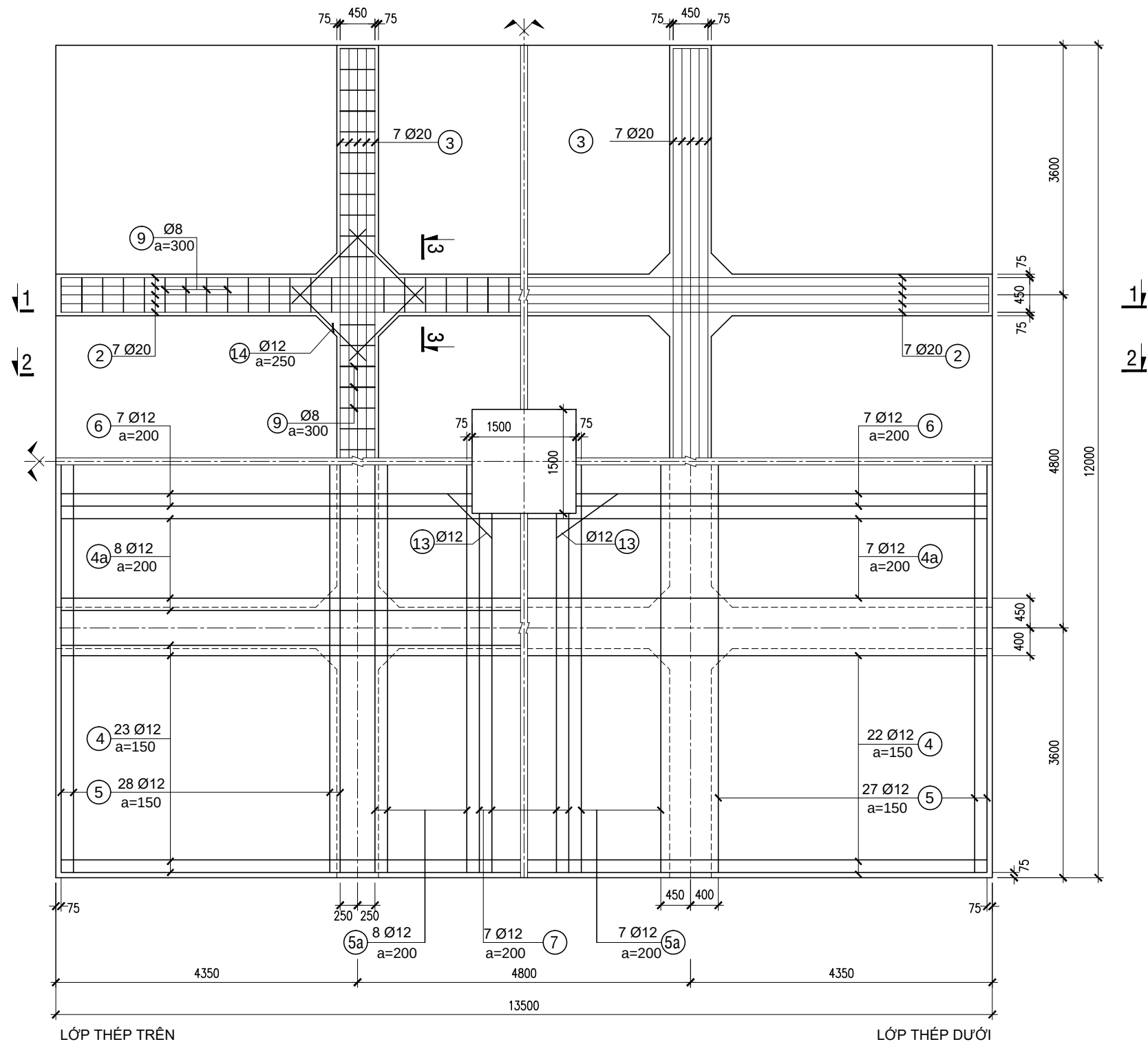
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	908.00	2,238.22	5,885.56
12	3,507.40	3,111.06	
10	422.19	260.07	
8	701.04	276.21	

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/3.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/2	
		12-2019 Tờ 1/2	



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB4.8-12x13.5

SỐ HIỆU	HÌNH DÁN THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	64	230.40
2		20	13350	28	373.80
3		20	11850	28	331.80
4		12	13350	94	1,254.90
4a		12	13350	30	400.50
5		12	11850	114	1,350.90
5a		12	11850	30	355.50
6		12	5850	28	163.80
7		12	5100	28	142.80
8		10	326	1278	416.63
9		8	3200	156	499.20
10		8	2000	60	120.00
11		8	1820	52	94.64
12		10	640	80	51.20
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	64	108.80

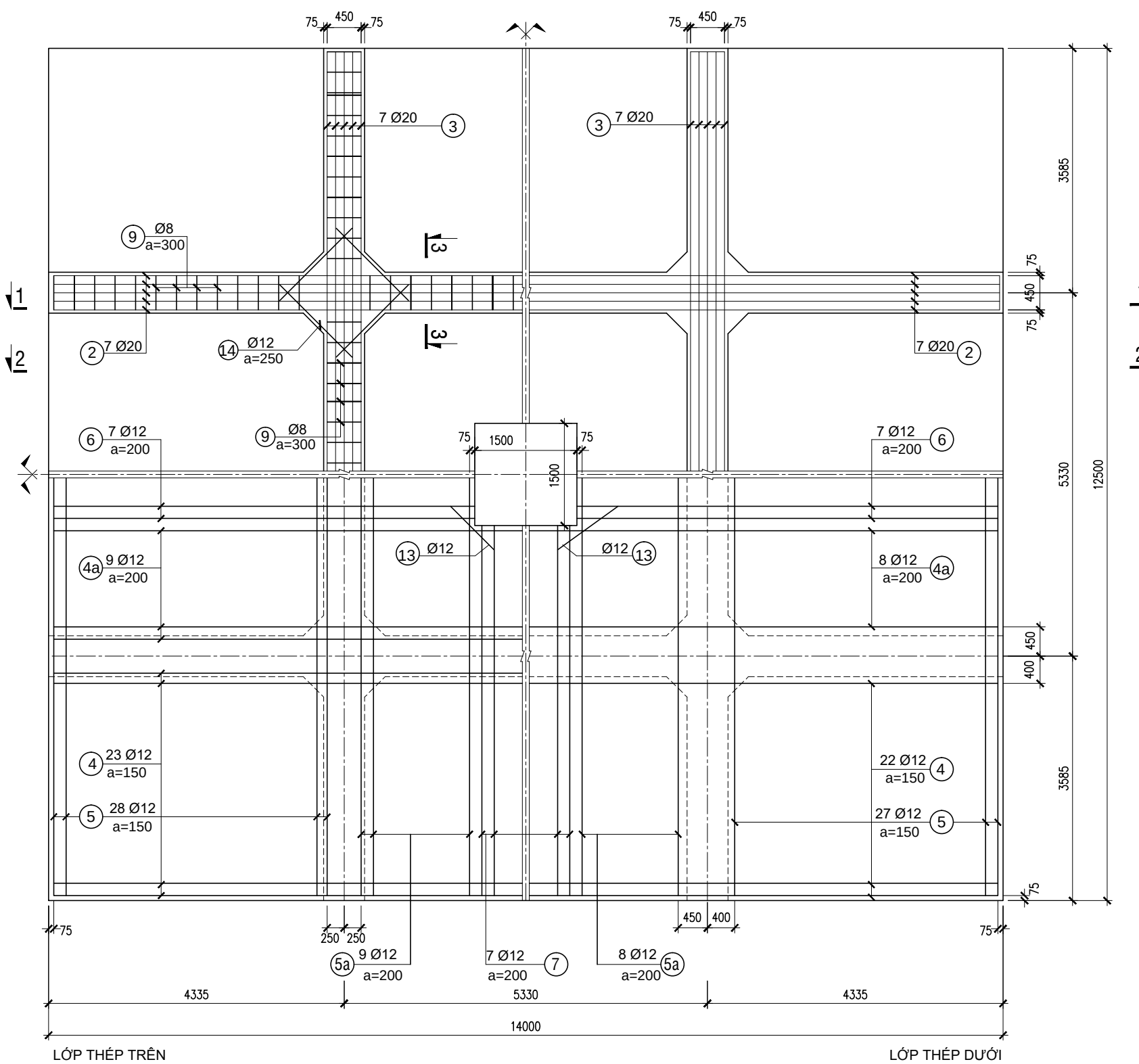
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	936.00	2,307.24	6,235.56
12	3,786.80	3,358.89	
10	467.83	288.18	
8	713.84	281.25	

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/4.

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/3	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	12-2019 Tờ 1/2	



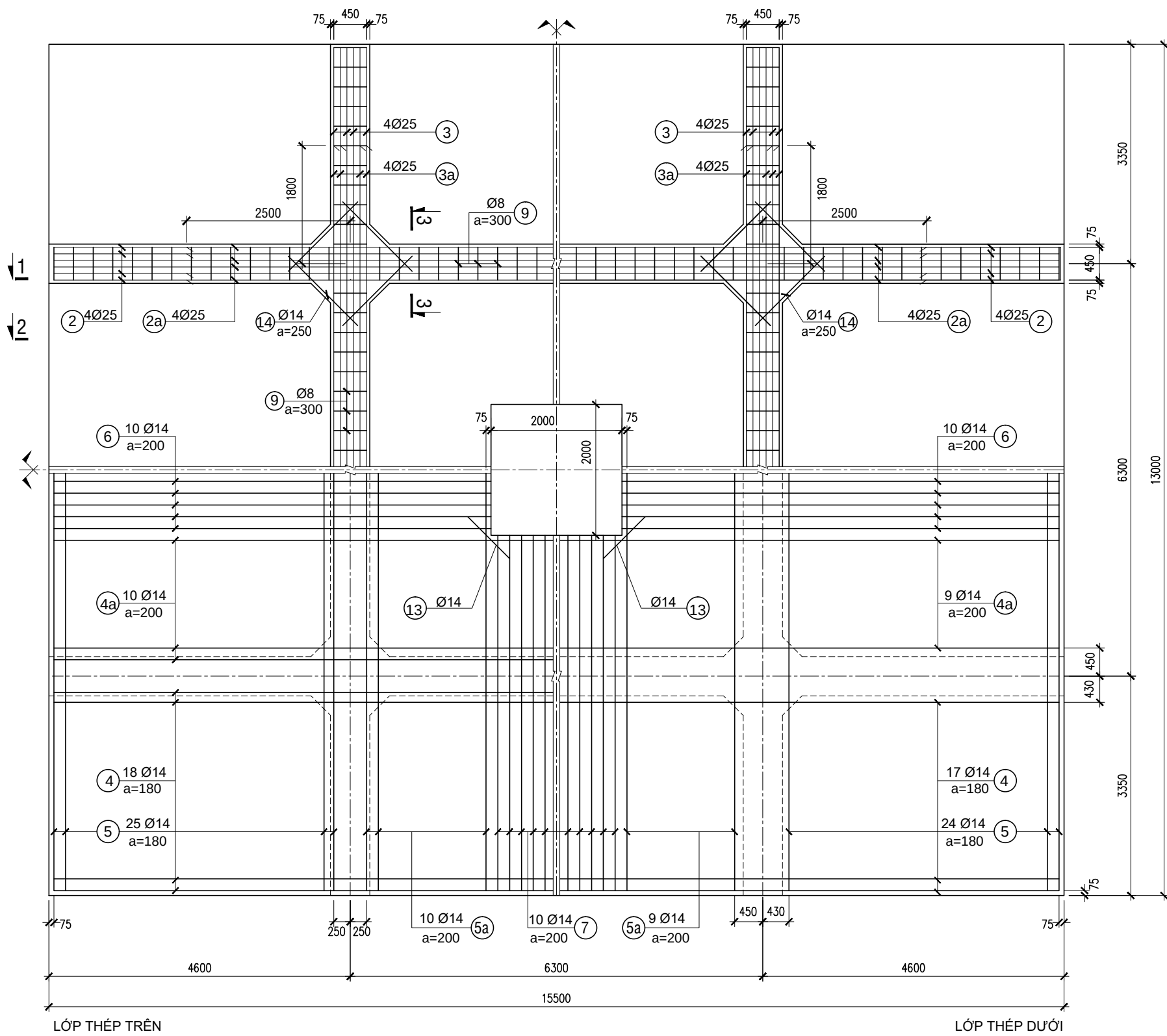
BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB5.33-12.5x14					
SỐ HIỆU	HÌNH DÁN THANG	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	64	230.40
2		20	13850	28	387.80
3		20	12350	28	345.80
4		12	13850	94	1,301.90
4a		12	13850	34	470.90
5		12	12350	114	1,407.90
5a		12	12350	34	419.90
6		12	6100	28	170.80
7		12	5350	28	149.80
8		10	326	1278	416.63
9		8	3200	164	524.80
10		8	2000	60	120.00
11		8	1820	52	94.64
12		10	640	80	51.20
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	64	108.80

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG			
Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHÔI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	964.00	2,376.26	6,538.91
12	4,039.60	3,583.13	
10	467.83	288.18	
8	739.44	291.34	

- Ghi Chú :**
- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
 - Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/5.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/4	12-2019 Tờ 1/2



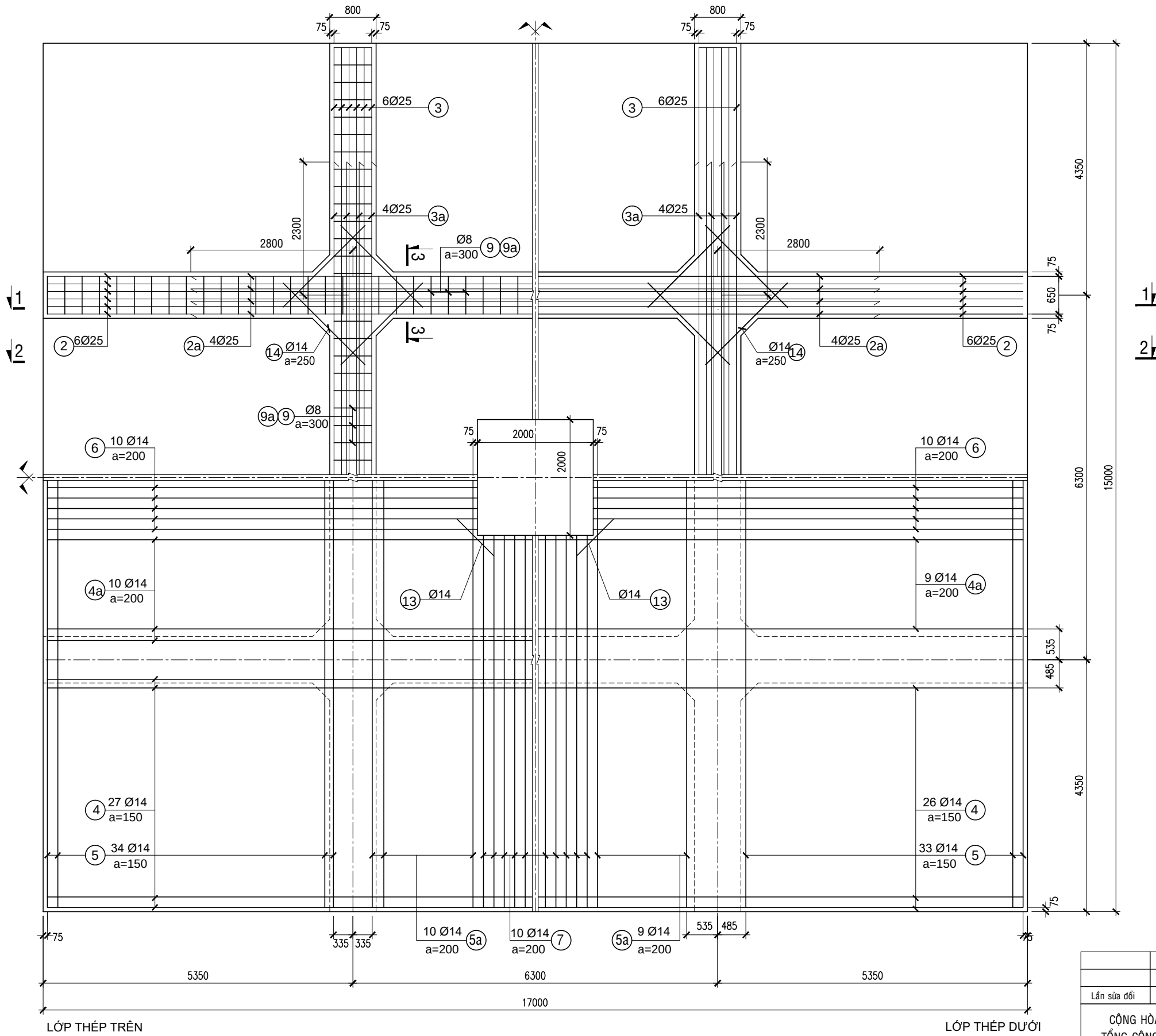
BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB6.3-13x15.5					
SỐ HIỆU	HÌNH DÁNH THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	80	288.00
2		25	15350	16	245.60
2a		25	11300	16	180.80
3		25	12850	16	205.60
3a		25	9900	16	158.40
4		14	15350	74	1,135.90
4a		14	15350	38	583.30
5		14	12850	102	1,310.70
5a		14	12850	38	488.30
6		14	6600	40	264.00
7		14	5350	40	214.00
8		10	422	1262	532.56
9		8	3200	176	563.20
10		8	2800	60	168.00
11		8	2300	52	119.60
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	1700	48	81.60
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG					
Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)		
25	1,078.40	4,152.92			
14	4,087.40	4,937.58			
10	626.64	386.01			
8	850.80	335.22	9,811.73		

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/6.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/5	12-2019 Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

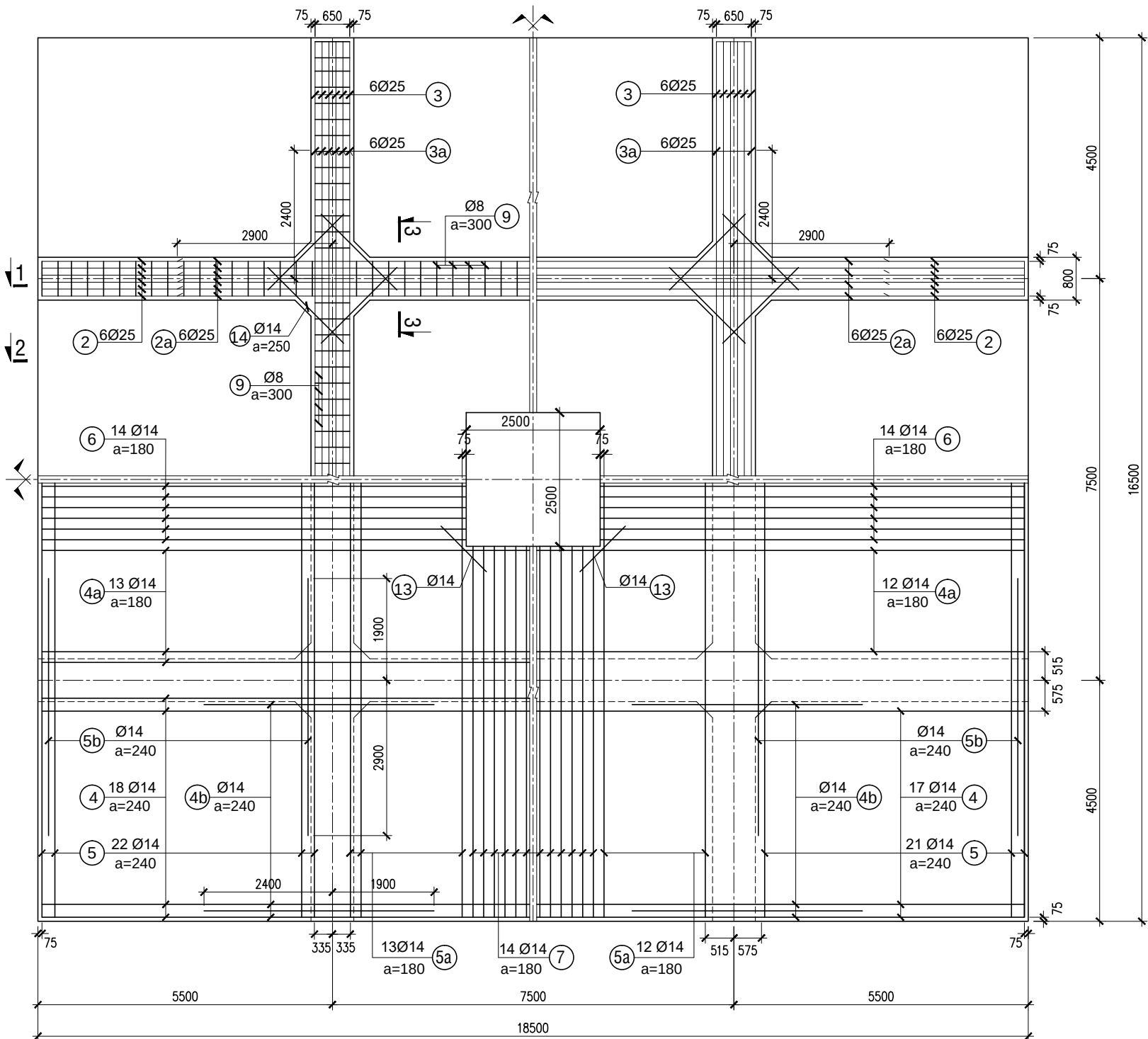
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/7.

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB6.3-15x17					
SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	96	345.60
2		25	16850	24	404.40
2a		25	11900	16	190.40
3		25	14850	24	356.40
3a		25	10900	16	174.40
4		14	16850	110	1,853.50
4a		14	16850	38	640.30
5		14	14850	138	2,049.30
5a		14	14850	38	564.30
6		14	7350	40	294.00
7		14	6350	40	254.00
8		10	422	1984	837.25
9		8	4000	196	784.00
9a		8	3220	132	425.04
9b		8	830	392	325.36
10		8	2800	60	168.00
11		8	2360	52	122.72
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG			
Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	1,471.20	5,665.59	
14	5,793.00	6,997.94	
10	931.33	573.70	
8	1,825.12	719.10	13,956.33

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15x17	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/6	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	12-2019 Tờ 1/2	



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG

TỶ LỆ : 1/100

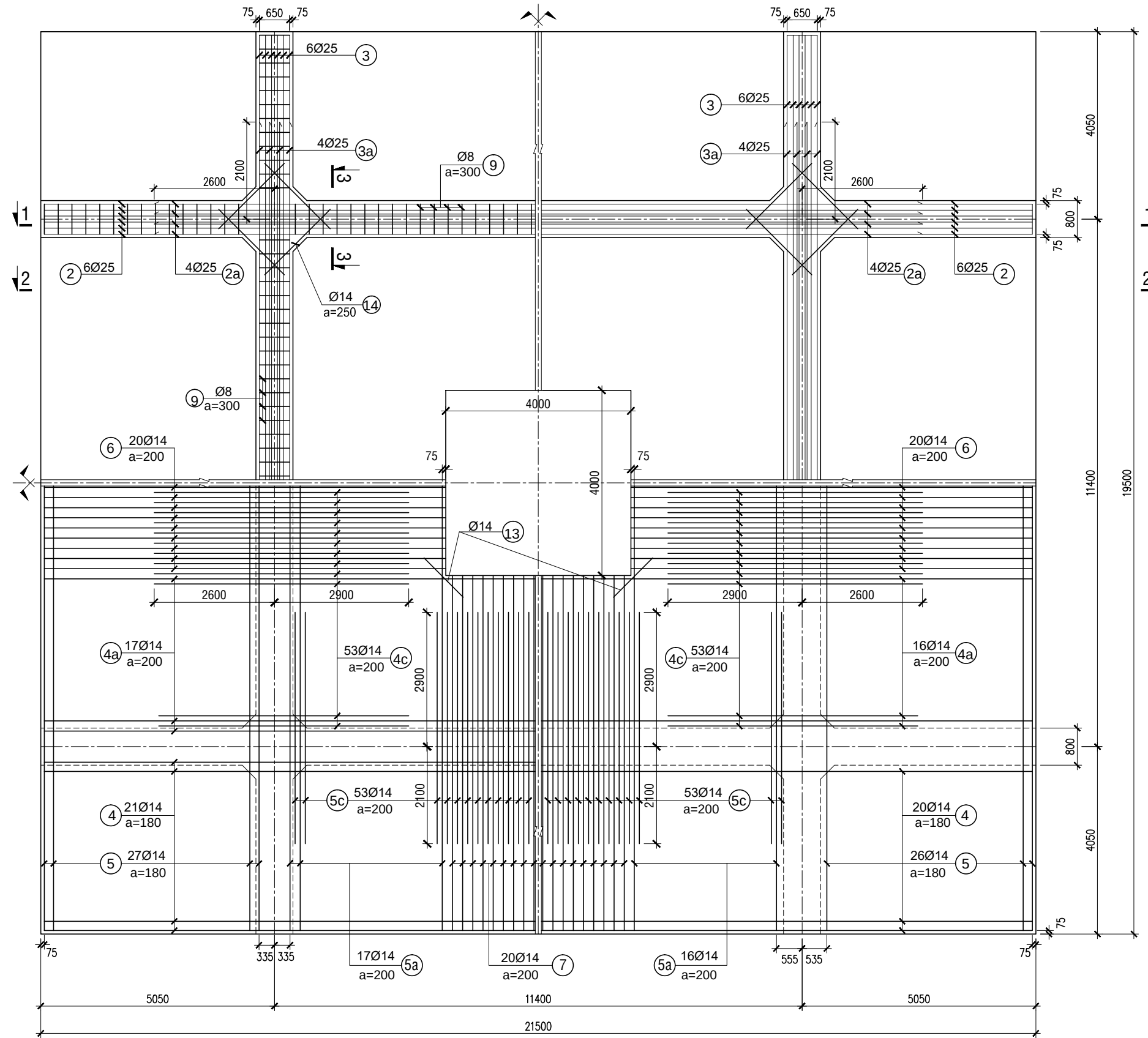
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/8.

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB7.5-16.5x18.5					
SỐ HIỆU	HÌNH DÁNH THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	96	345.60
2		25	18350	24	440.40
2a		25	13300	24	319.20
3		25	16350	24	392.40
3a		25	12300	24	295.20
4		14	18350	74	1,357.90
4a		14	18350	50	917.50
4b		14	4800	136	652.80
5		14	16350	90	1,471.50
5a		14	16350	50	817.50
5b		14	4300	168	722.40
6		14	7850	56	439.60
7		14	6850	56	383.60
8		10	422	1468	619.50
9		8	4000	216	864.00
9a		8	3440	152	522.88
9b		8	830	432	358.56
10		8	2800	60	168.00
11		8	2360	52	122.72
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG			
Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	1,792.80	6,904.07	
14	6,900.40	8,335.68	
10	713.58	439.56	
8	2,036.16	802.25	16,481.56

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi		
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU			
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/7		Tờ 1/2	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				



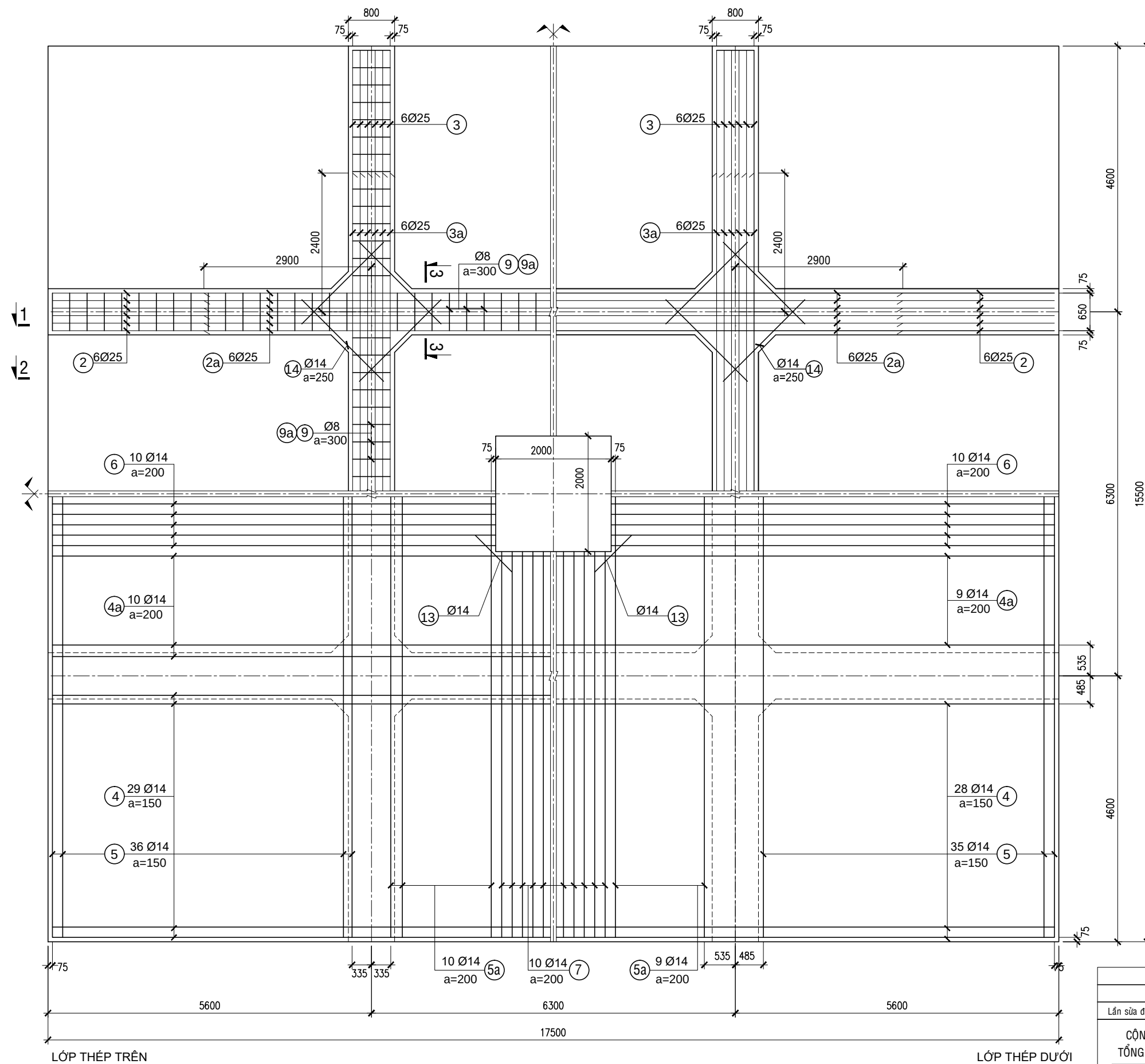
BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/100

Ghi Chú :

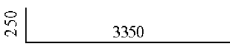
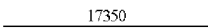
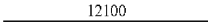
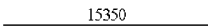
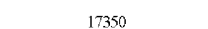
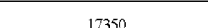
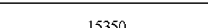
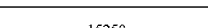
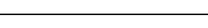
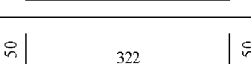
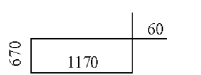
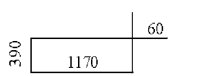
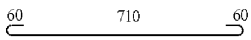
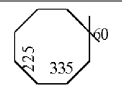
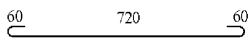
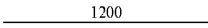
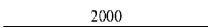
- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/9.

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB11.4-19.5x21.5					
SỐ HIỆU	HÌNH DÁNH THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	112	403.20
2		25	21350	24	512.40
2a		25	16600	16	265.60
3		25	19350	24	464.40
3a		25	15600	16	249.60
4		14	21350	86	1,836.10
4a		14	21350	66	1,409.10
4c		14	5500	212	1,166.00
5		14	19350	110	2,128.50
5a		14	19350	66	1,277.10
5c		14	5000	212	1,060.00
6		14	8600	80	688.00
7		14	7600	80	608.00
8		10	622	2292	1,425.62
9		8	4400	256	1,126.40
9a		8	3620	200	724.00
9b		8	830	512	424.96
10		8	2800	60	168.00
11		8	2400	52	124.80
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG					
Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)		
25	1,895.20	7,298.42	21,701.38		
14	10,310.40	12,454.96			
10	1,519.70	936.14			
8	2,568.16	1,011.86			

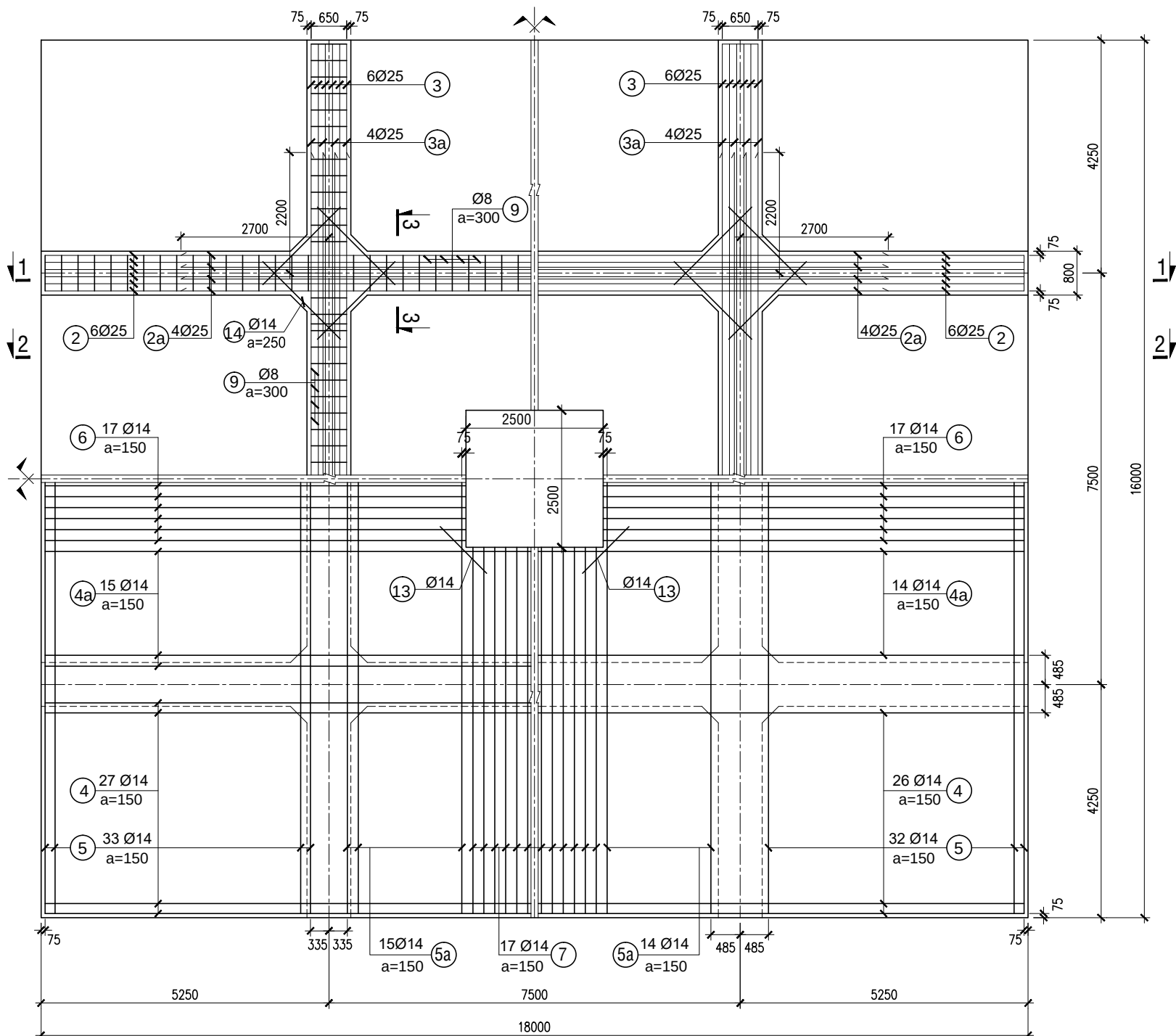
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/8	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	Tờ 1/2	



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MỎNG MB6.3-15.5x17.5					
SỐ HIỆU	HÌNH DÁNH THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	96	345.60
2		25	17350	24	416.40
2a		25	12100	24	290.40
3		25	15350	24	368.40
3a		25	11100	24	266.40
4		14	17350	118	2,047.30
4a		14	17350	38	659.30
5		14	15350	146	2,241.10
5a		14	15350	38	583.30
6		14	7600	40	304.00
7		14	6600	40	264.00
8		10	422	2168	914.90
9		8	3800	204	775.20
9a		8	3240	136	440.64
9b		8	830	408	338.64
10		8	2800	60	168.00
11		8	2360	52	122.72
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiểu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/9	Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG

TỶ LỆ : 1/100

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/11.

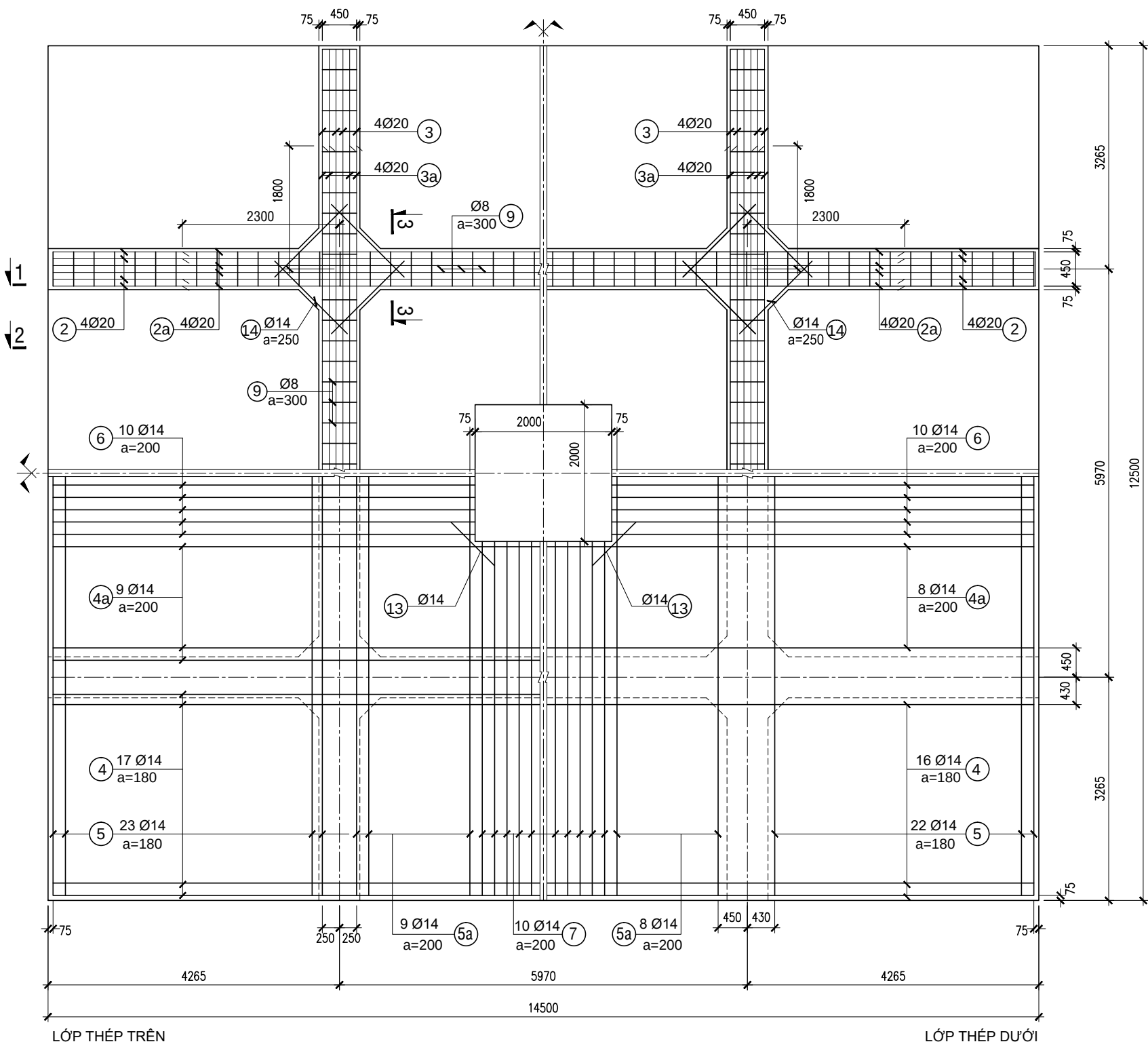
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB7.5-16x18

SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		22	3600	112	403.20
2		25	17850	24	428.40
2a		25	12900	16	206.40
3		25	15850	24	380.40
3a		25	11900	16	190.40
4		14	17850	110	1,963.50
4a		14	17850	58	1,035.30
5		14	15850	134	2,123.90
5a		14	15850	58	919.30
6		14	7600	68	516.80
7		14	6600	68	448.80
8		10	472	2528	1,193.22
9		8	4000	208	832.00
9a		8	3220	144	463.68
9b		8	830	416	345.28
10		8	3600	60	216.00
11		8	3120	52	162.24
12		10	1040	144	149.76
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHOI LƯỢNG (kg)	KHOI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	1,205.60	4,642.77	16,099.75
22	403.20	1,202.75	
14	7,145.20	8,631.40	
10	1,342.98	827.27	
8	2,019.20	795.56	

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16x18	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/10	Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/12.

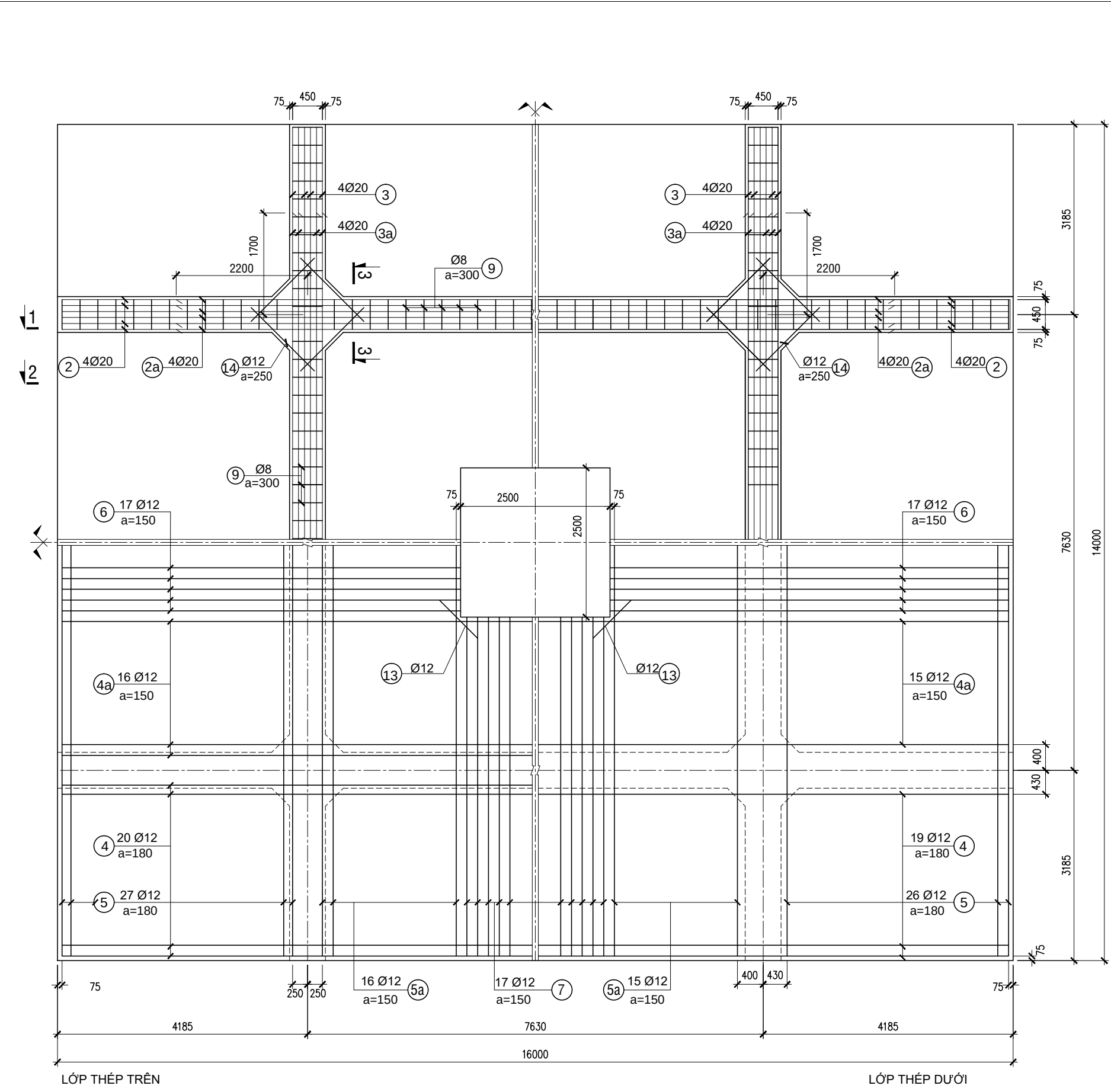
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB5.97-12.5x14.5

SỐ HIỆU	HÌNH DÁNH THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	80	288.00
2		20	14350	16	229.60
2a		20	10570	16	169.12
3		20	12350	16	197.60
3a		20	9570	16	153.12
4		14	14350	70	1,004.50
4a		14	14350	34	487.90
5		14	12350	94	1,160.90
5a		14	12350	34	419.90
6		14	6100	40	244.00
7		14	5100	40	204.00
8		10	322	990	318.78
9		8	3200	164	524.80
10		8	2800	60	168.00
11		8	2300	52	119.60
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	1700	64	108.80

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	1,037.44	2,557.29	7,528.34
14	3,639.60	4,396.64	
10	412.86	254.32	
8	812.40	320.09	

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm		Nguyễn Thanh Lâm		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5	
C.N.T.K		Nguyễn Thành Văn		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.T.T.K		Tiêu Minh Hiếu		ĐD1-16-14D.XD-04/11	
Kiểm tra		Nguyễn Lê Tuấn Liêm		12-2019	
Thiết kế		Nguyễn Ngọc Phương		Tờ 1/2	



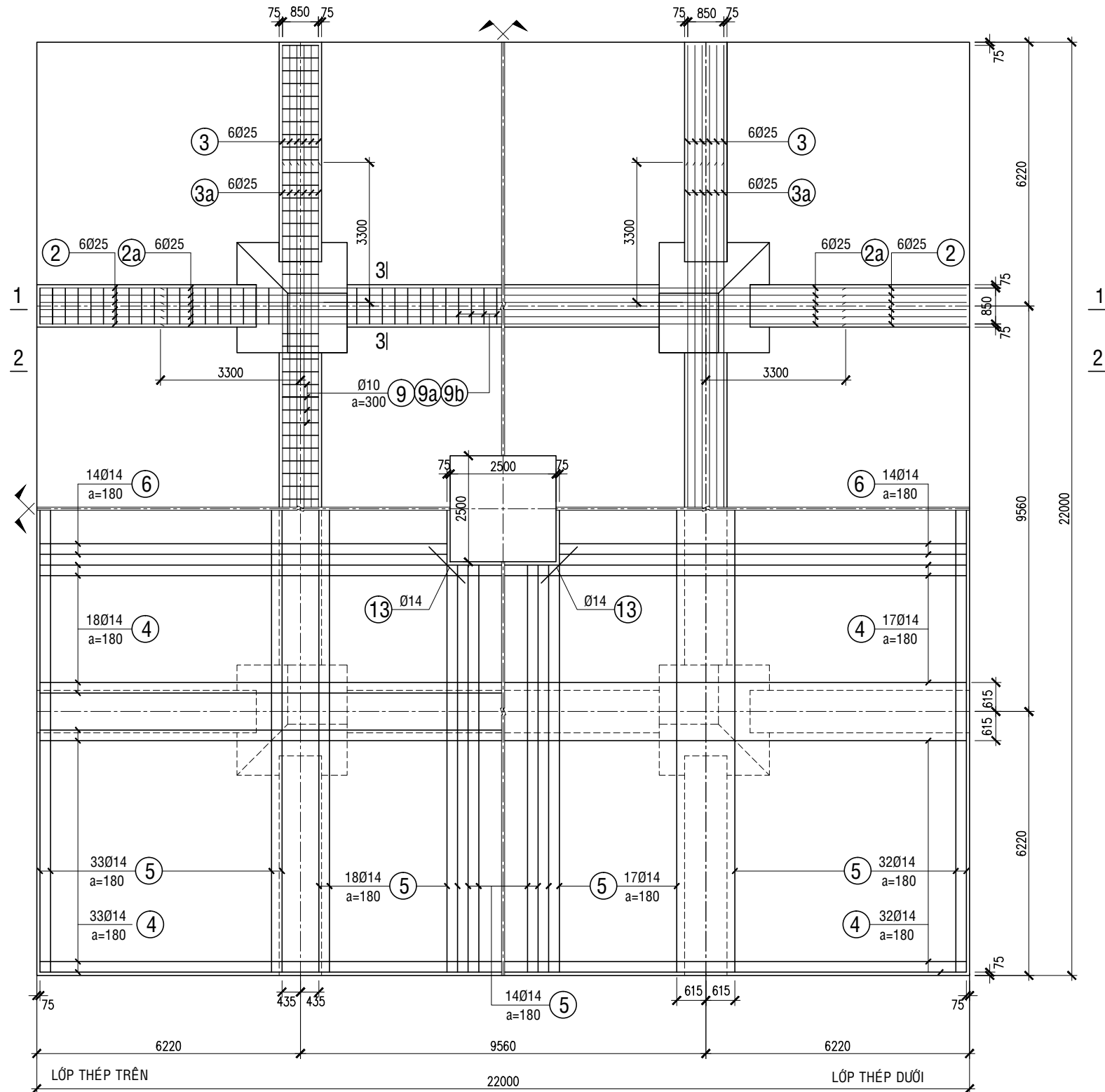
BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

- Ghi Chú :**
- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
 - Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/13.

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB7.65-14x16					
SỐ HIỆU	HÌNH DÁN THẠNH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THẠNH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	80	288.00
2		20	15850	16	253.60
2a		20	12050	16	192.80
3		20	13850	16	221.60
3a		20	11050	16	176.80
4		12	15850	82	1,299.70
4a		12	15850	62	982.70
5		12	13850	110	1,523.50
5a		12	13850	62	858.70
6		12	6600	68	448.80
7		12	5600	68	380.80
8		10	376	2136	803.14
9		8	3200	188	601.60
10		8	2800	60	168.00
11		8	2300	52	119.60
12		10	840	112	94.08
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	48	81.60

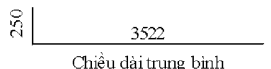
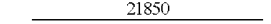
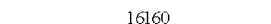
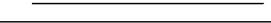
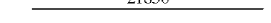
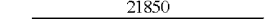
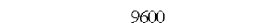
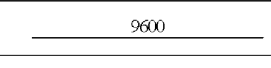
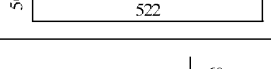
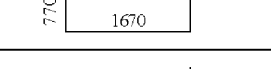
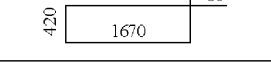
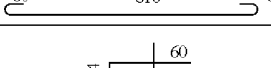
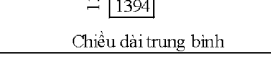
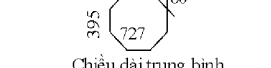
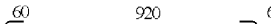
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG			
Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	1,132.80	2,792.35	8,649.63
12	5,585.40	4,954.25	
10	897.22	552.69	
8	889.20	350.34	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.63-14x16	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn	ĐD1-16-14D.XD-04/12	
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	12-2019	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	Tờ 1/2	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
Tỷ lệ: 1/125

Ghi Chú :
- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/14.

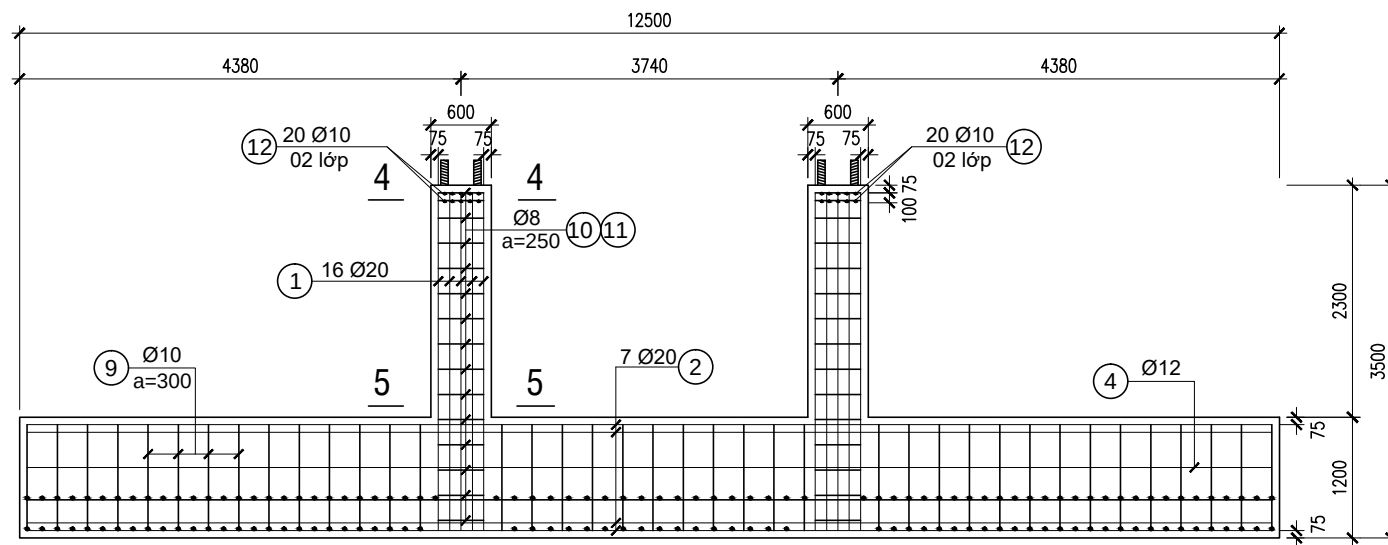
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB8.56-22x22					
SỐ HIỆU	HÌNH DÁNH THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1	 Chiều dài trung bình	25	3772	176	663.84
2		25	21850	24	524.40
2a		25	16160	24	387.84
3		25	21850	24	524.40
3a		25	16160	24	387.84
4		14	21850	216	4,719.60
5		14	21850	216	4,719.60
6		14	9600	56	537.60
7		14	9600	56	537.60
8		10	622	3200	1,990.40
9		10	5000	268	1,340.00
9a		10	4300	188	808.40
9b		10	930	376	349.68
10	 Chiều dài trung bình	10	5696	60	341.73
11	 Chiều dài trung bình	10	4605	60	276.29
12		10	1040	144	149.76
13		14	1200	8	9.60

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG			
Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	2,488.32	9,582.53	25,710.68
14	10,524.00	12,712.99	
10	5,544.09	3,415.16	

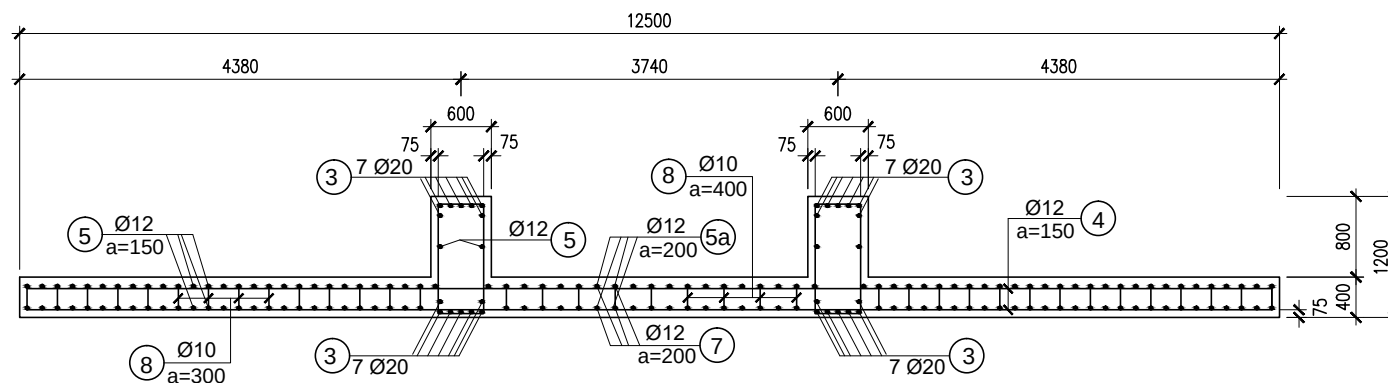
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-22x22	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/13	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	Tờ 1/2	



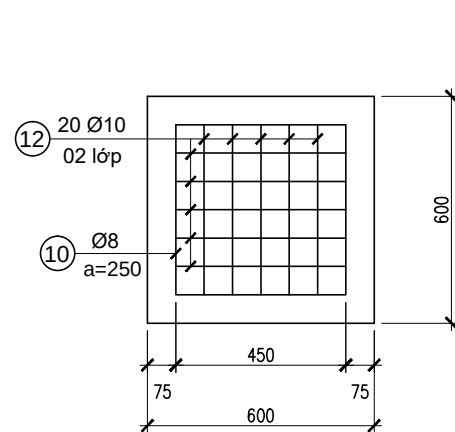
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/14	
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiểu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		
		12-2019	Tờ 1/2



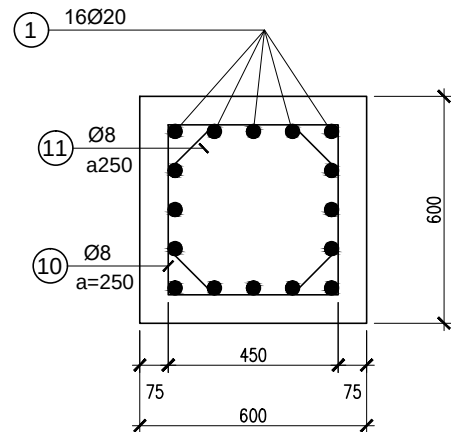
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



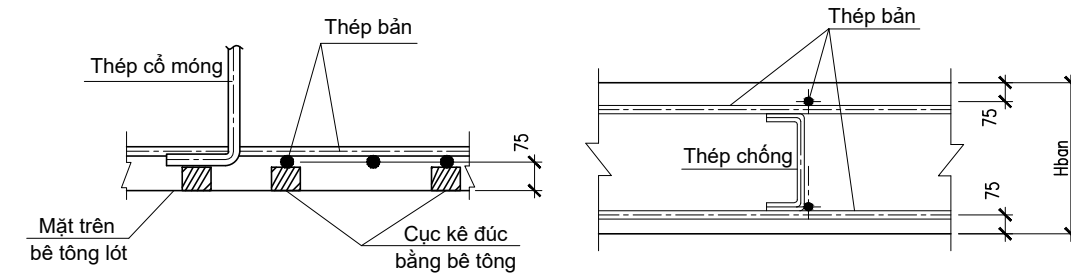
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



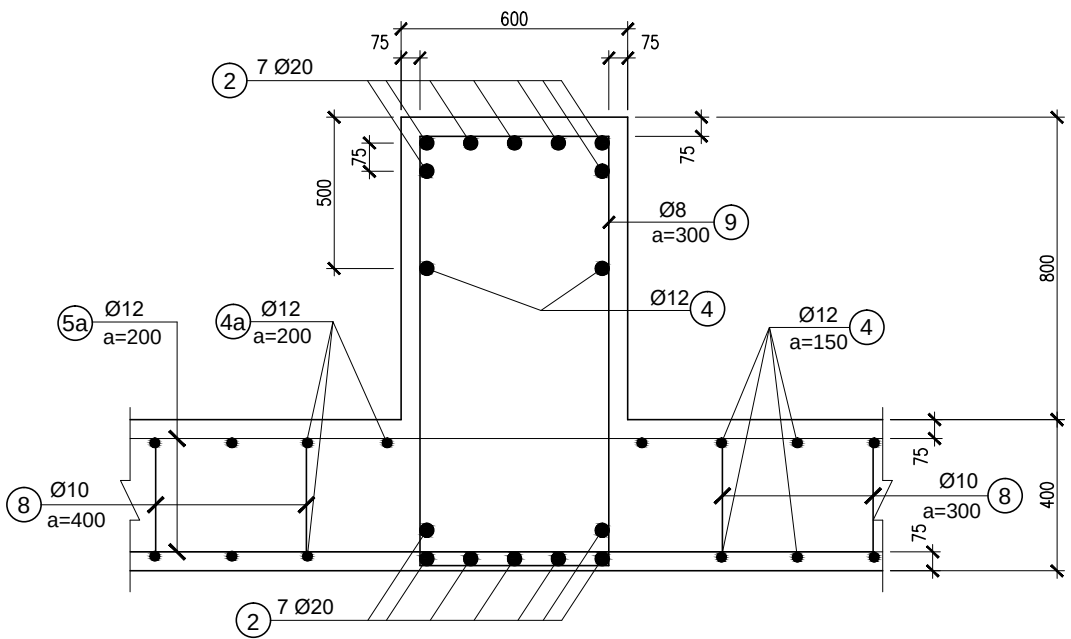
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỖ THÉP

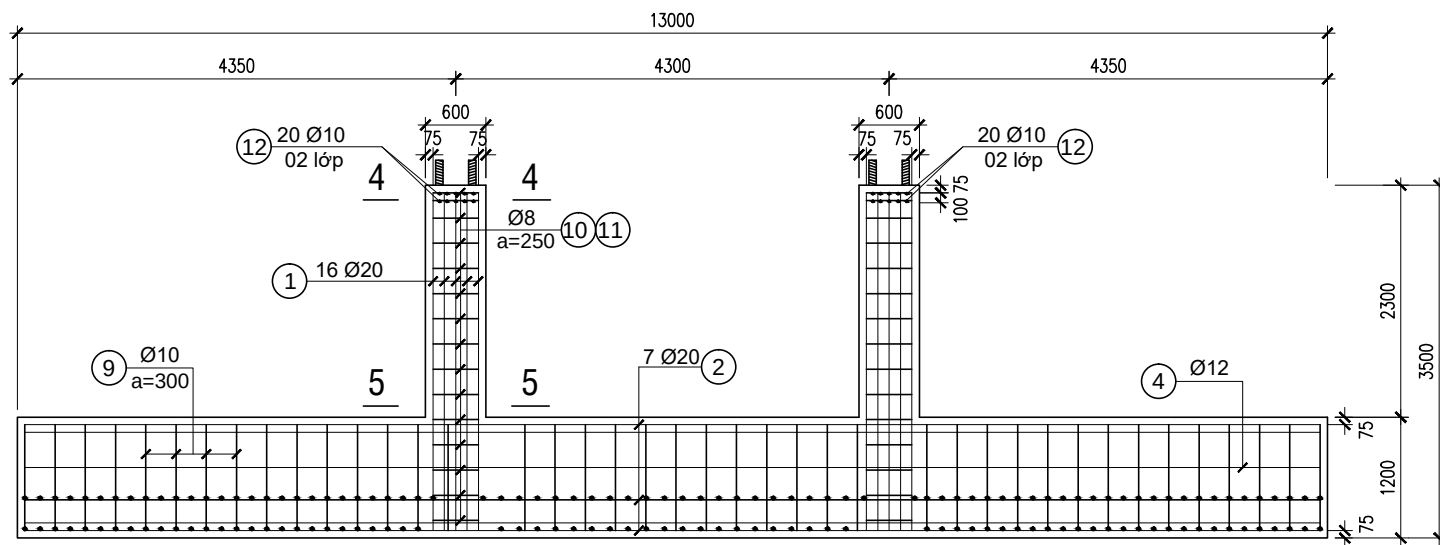


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

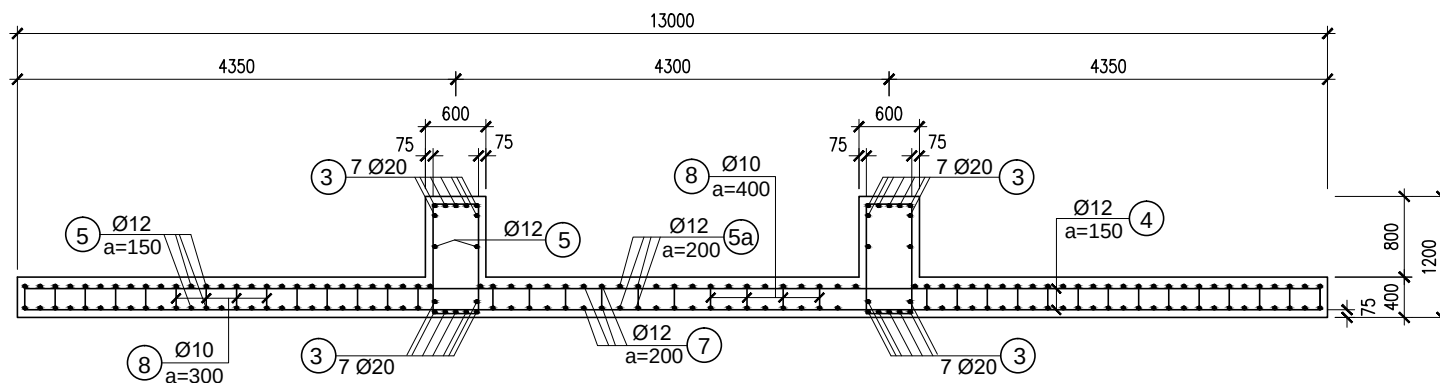
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/2.

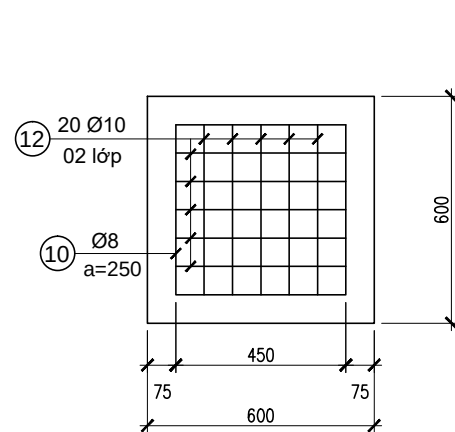
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/1	



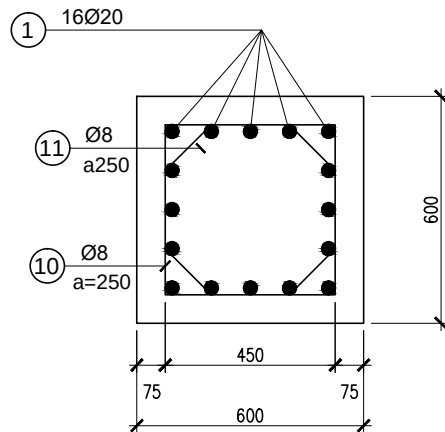
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



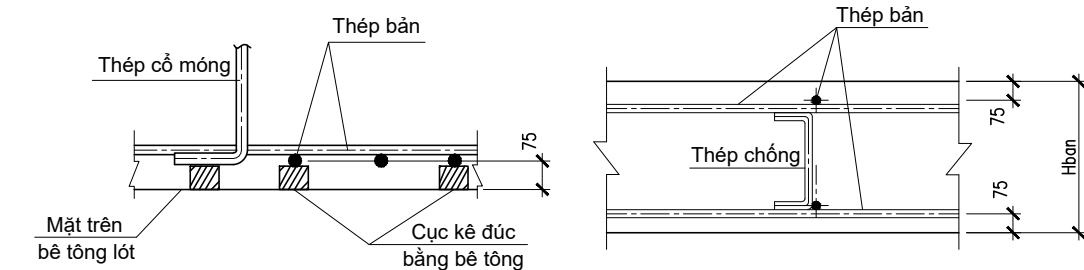
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



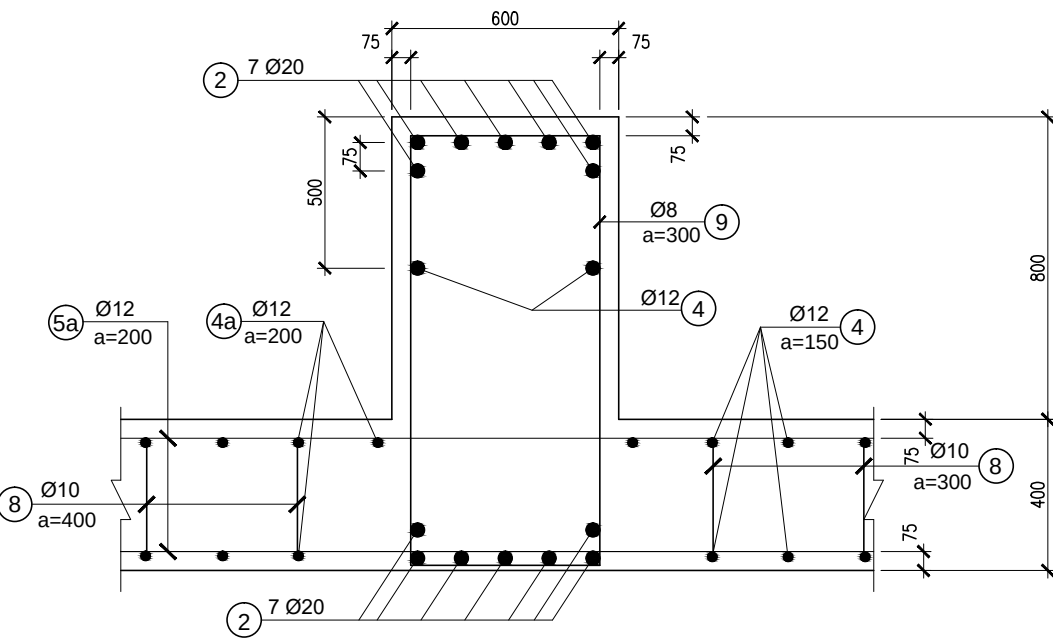
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỒ THÉP

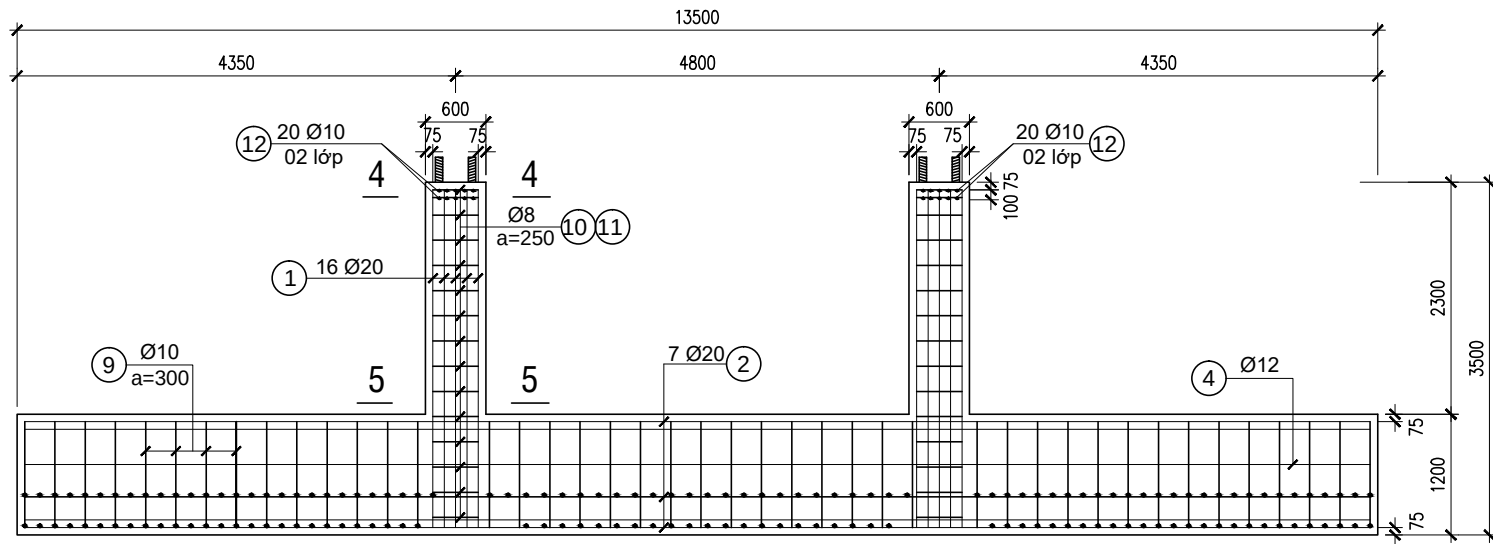


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

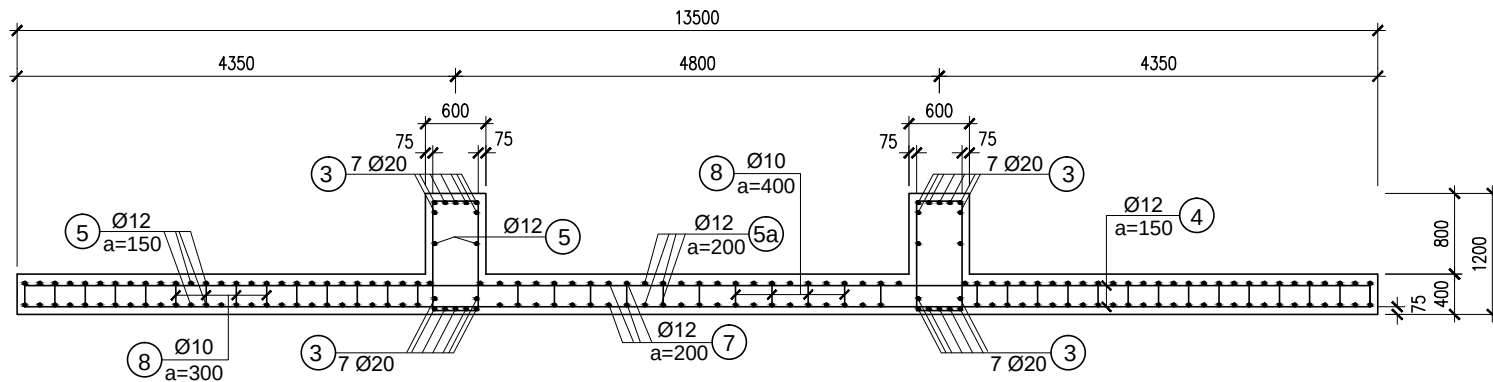
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/3.

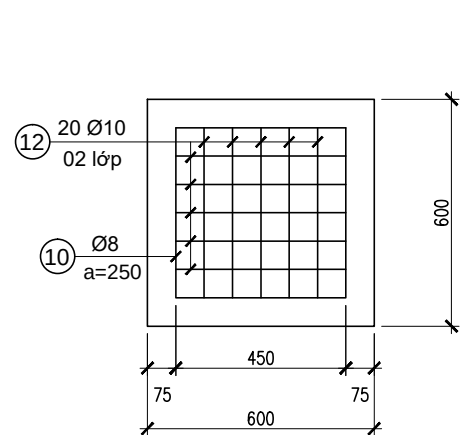
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/2	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	12-2019 Tờ 2/2	



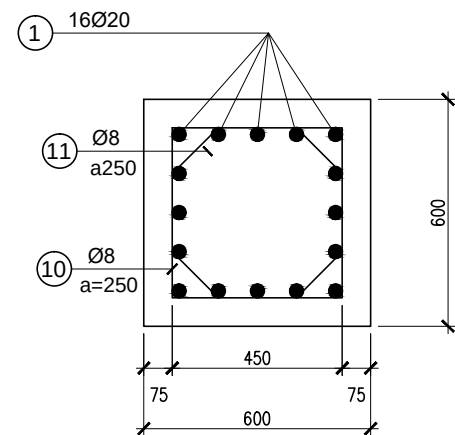
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



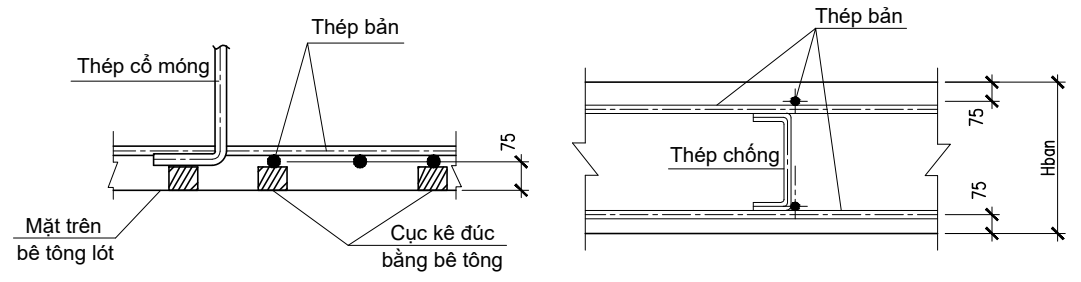
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



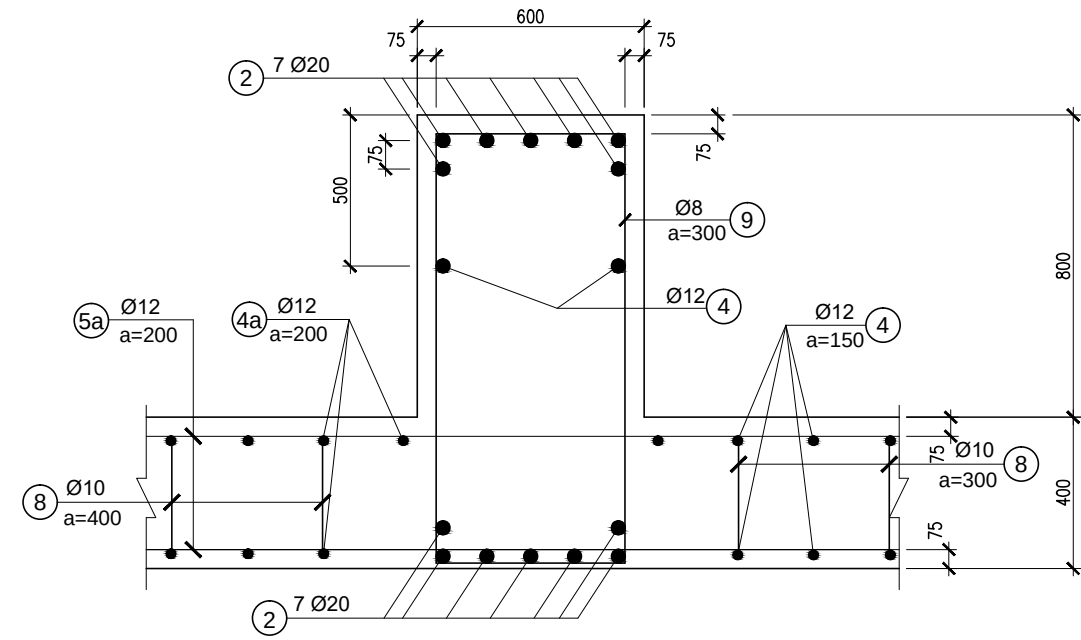
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỖ THÉP

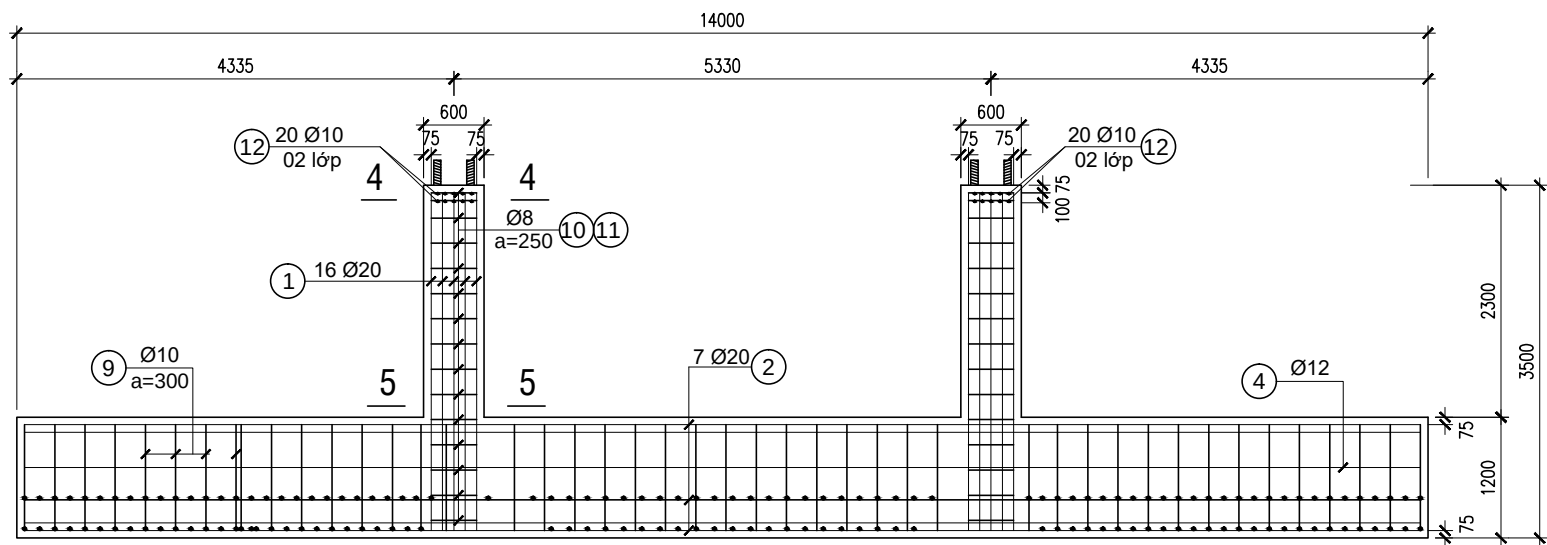


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

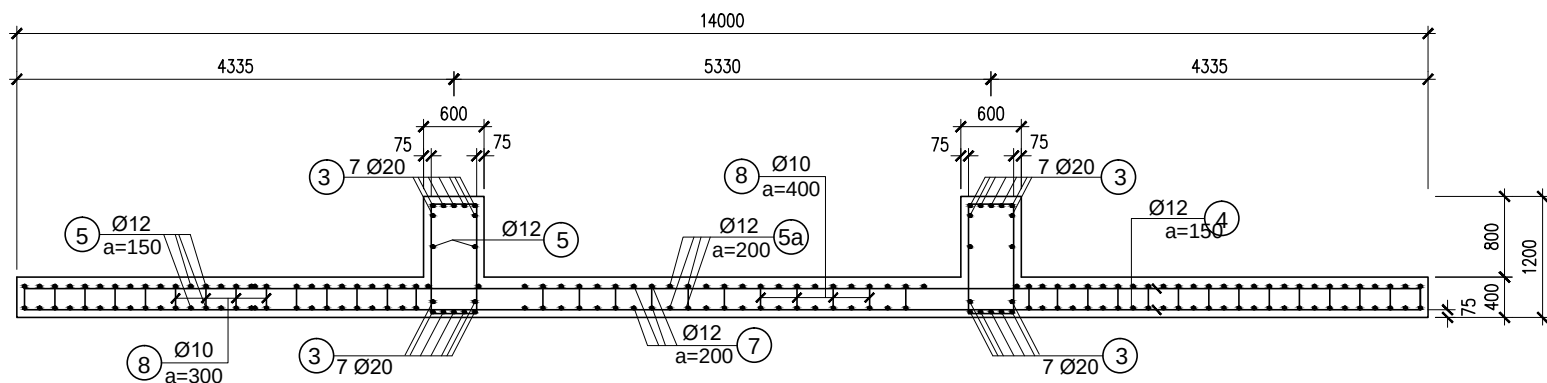
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/4.

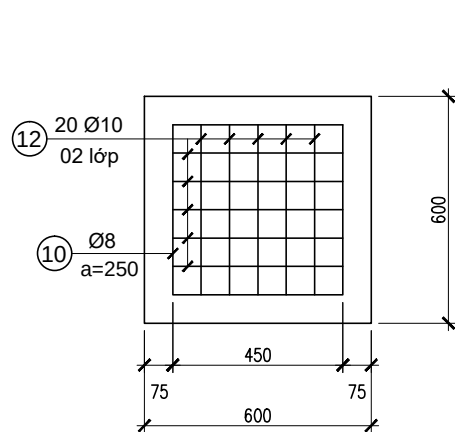
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/3	



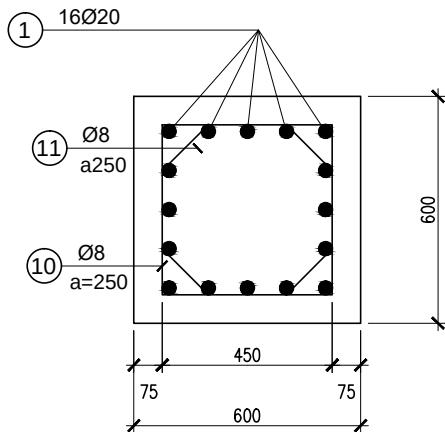
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



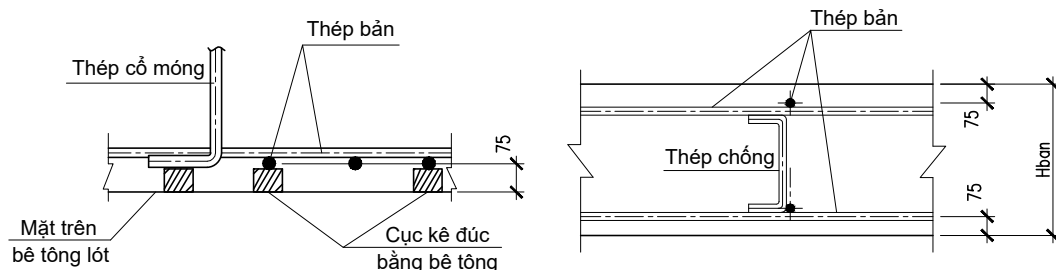
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



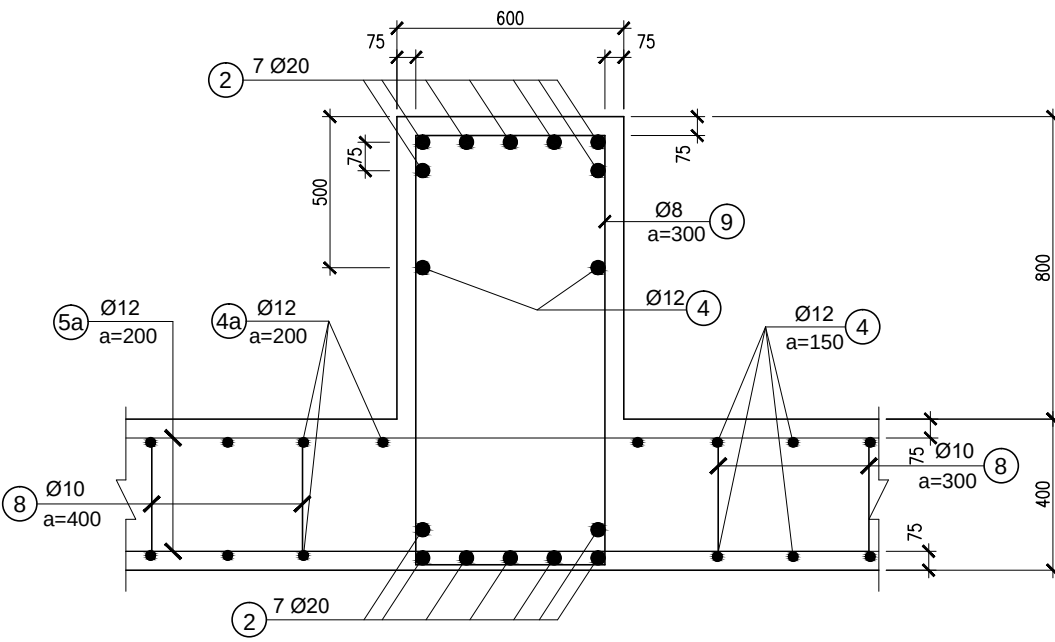
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



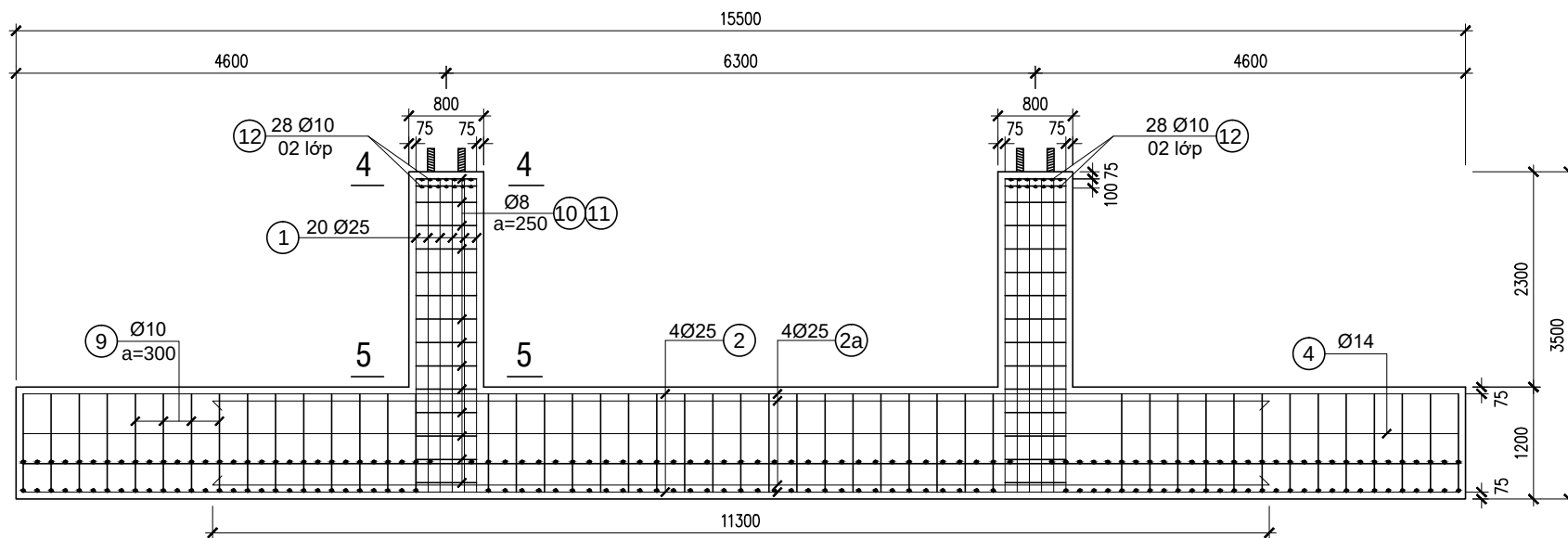
CHI TIẾT ĐỠ THÉP



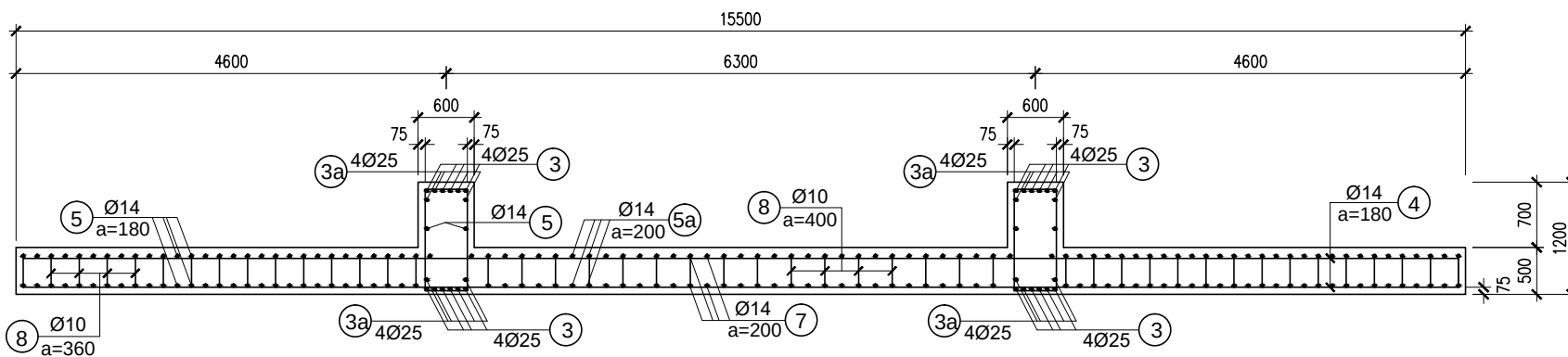
MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

Ghi Chú :
- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/5.

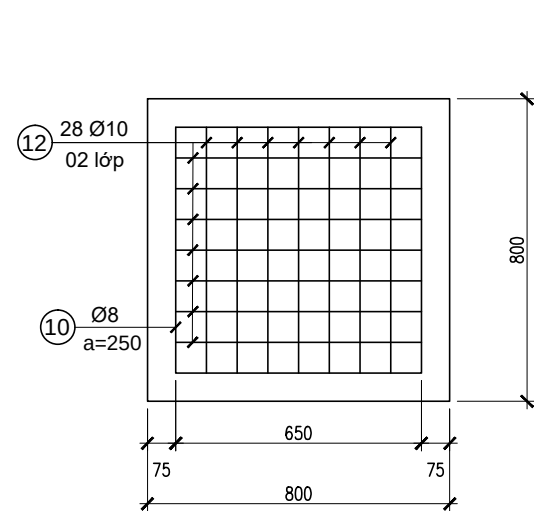
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/4	



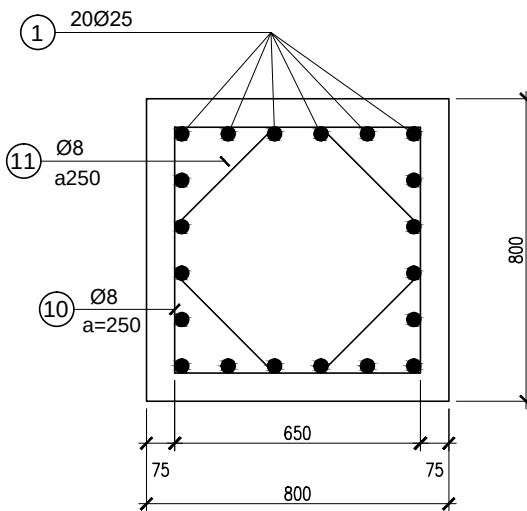
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



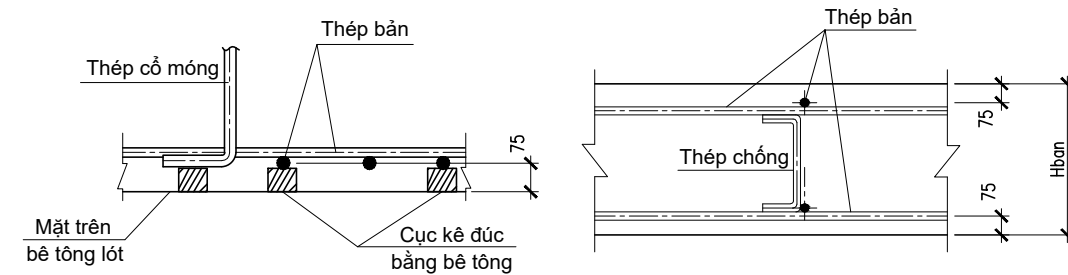
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



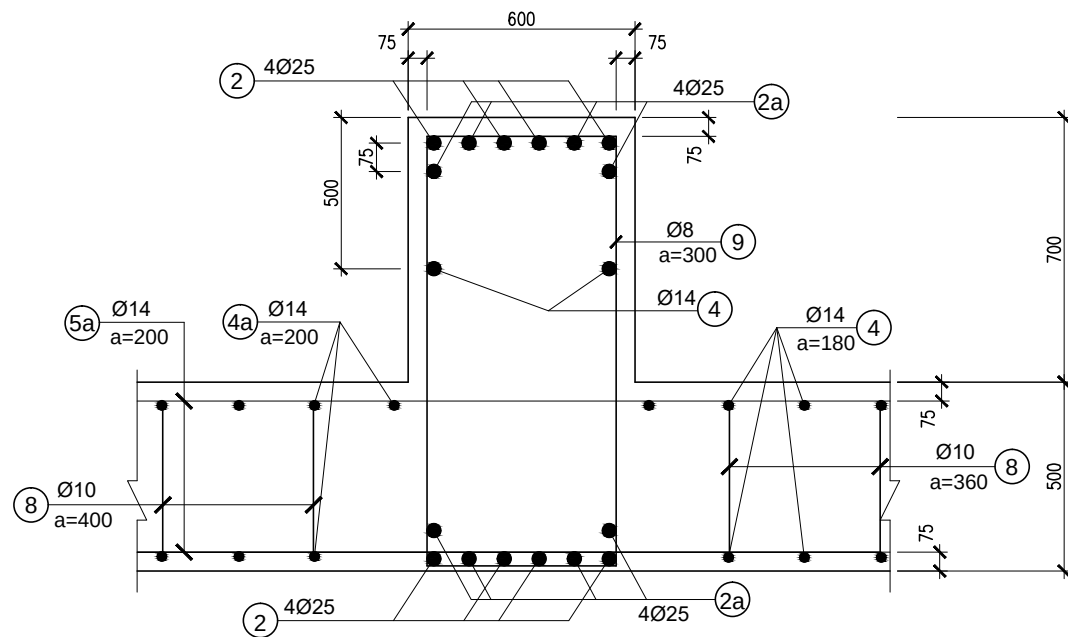
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỠ THÉP

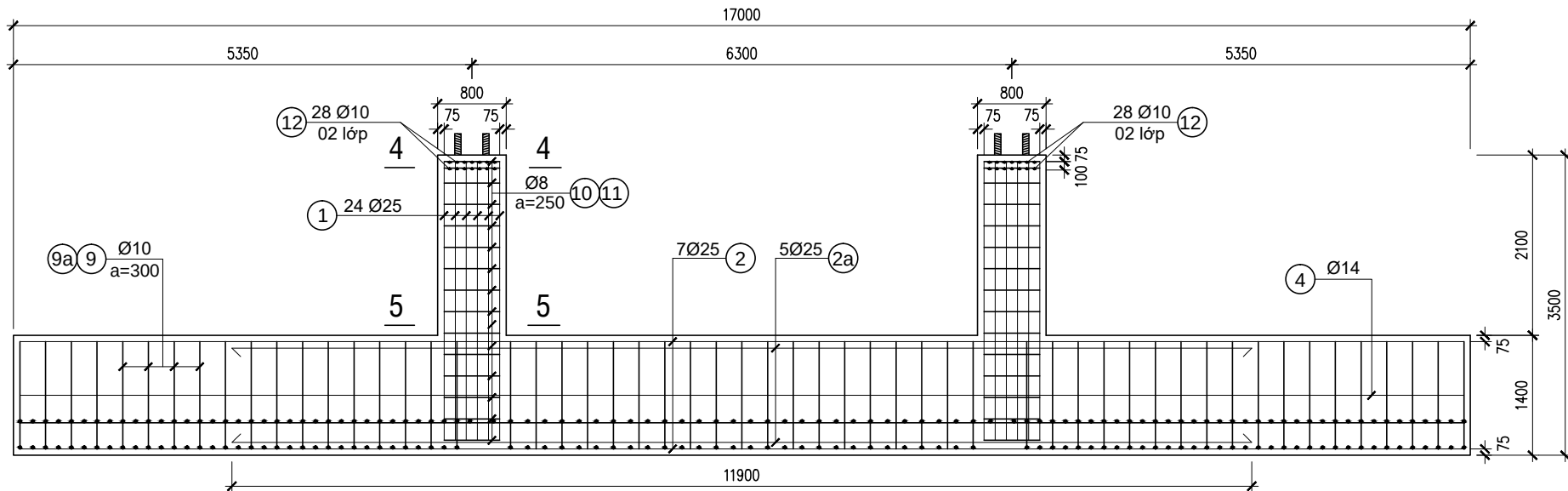


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

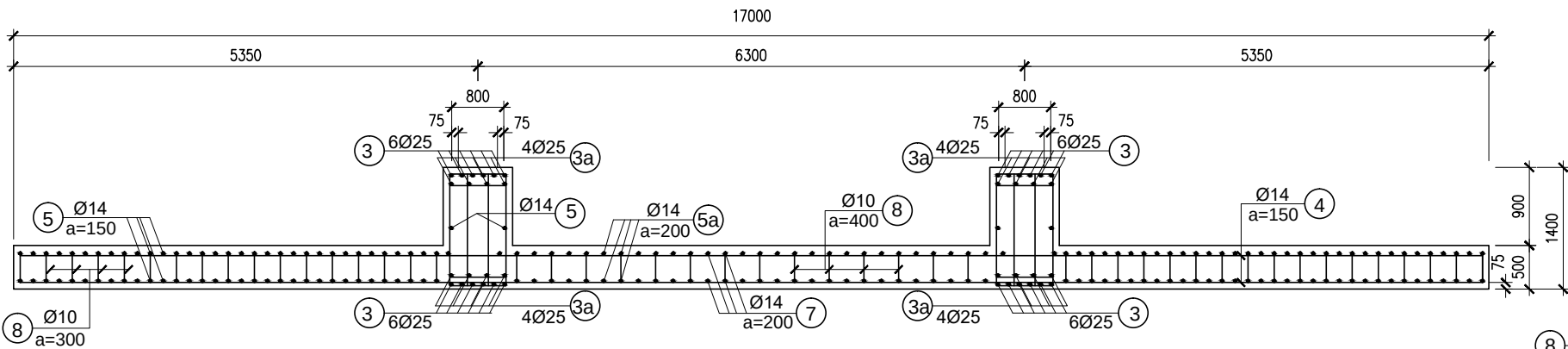
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/6.

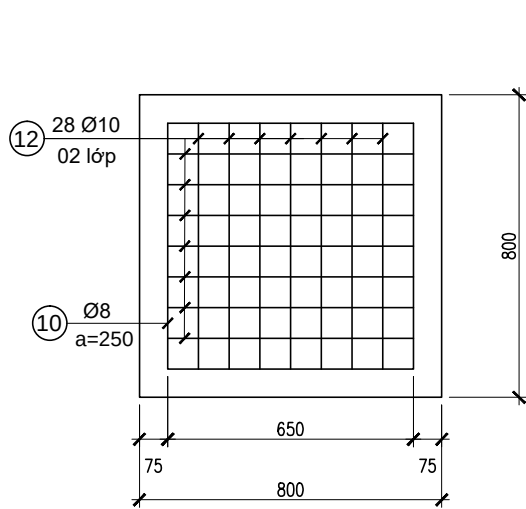
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/5	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		
		12-2019 Tờ 2/2	



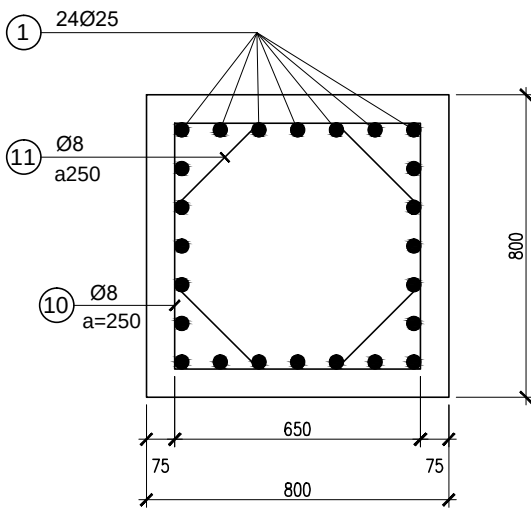
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



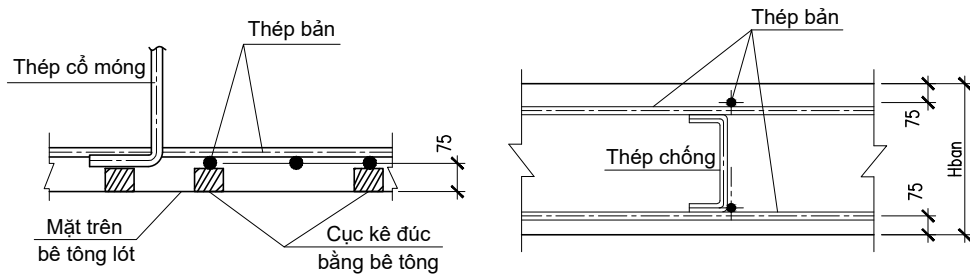
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



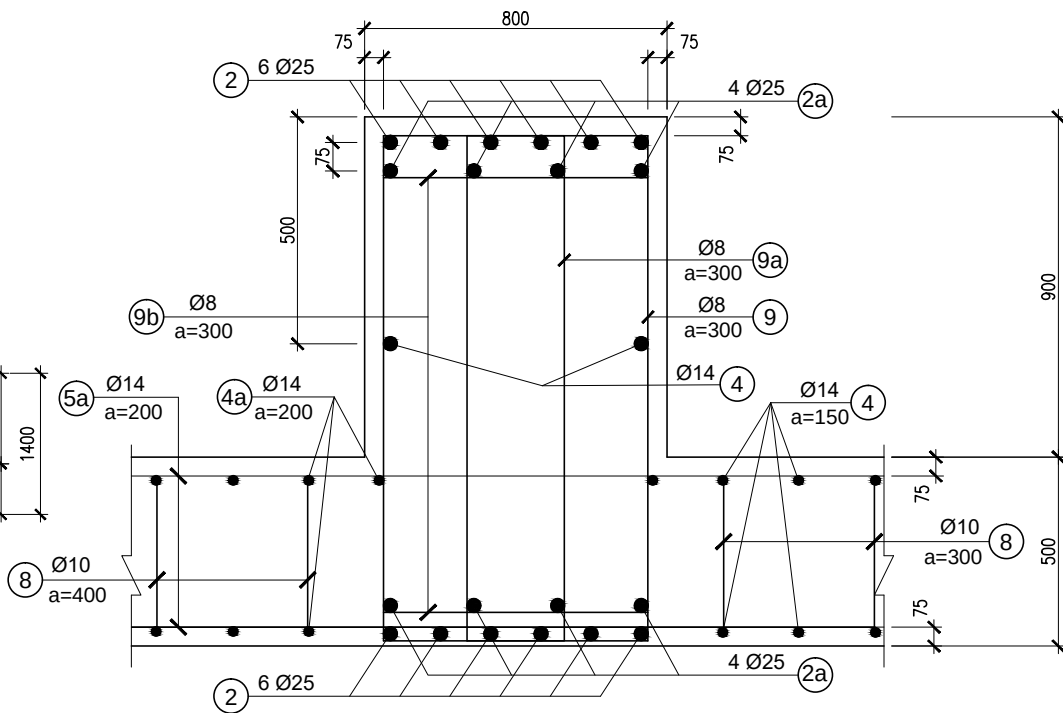
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỖ THÉP

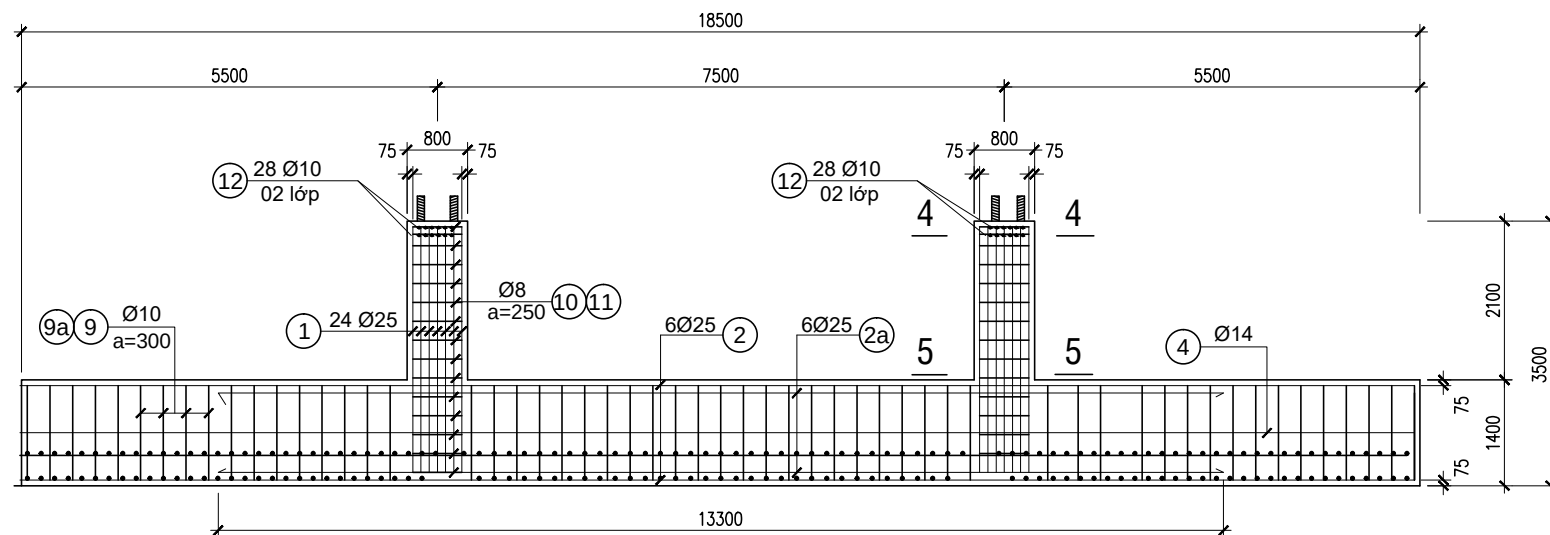


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

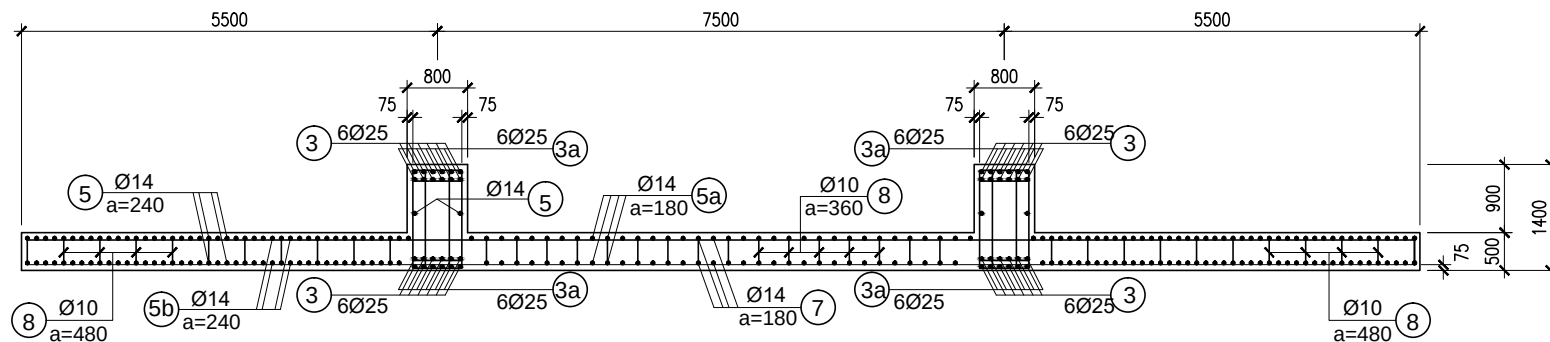
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/7.

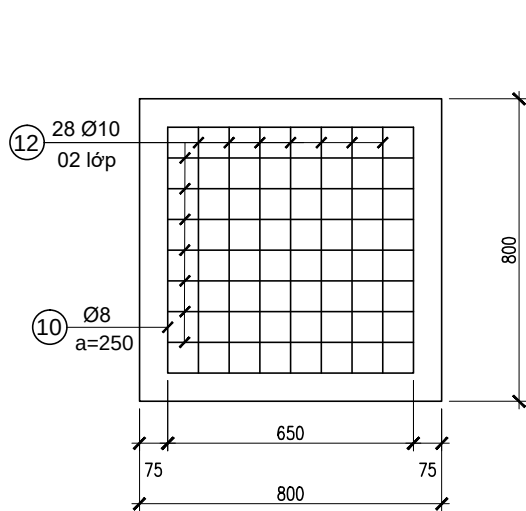
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15x17	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/6	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	12-2019 Tờ 2/2	



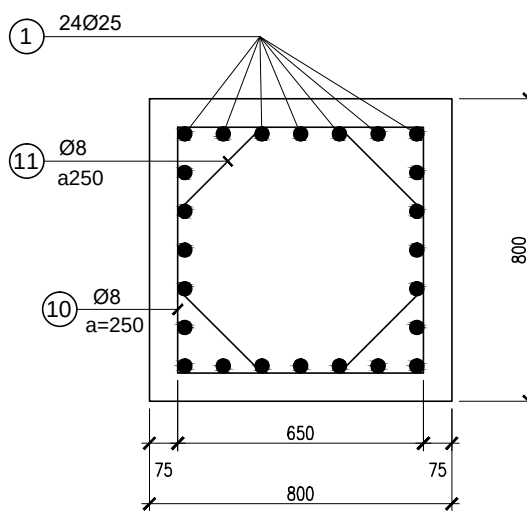
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/100



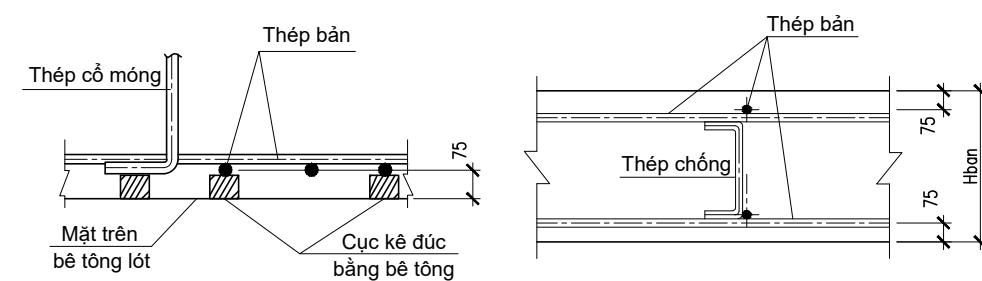
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/100



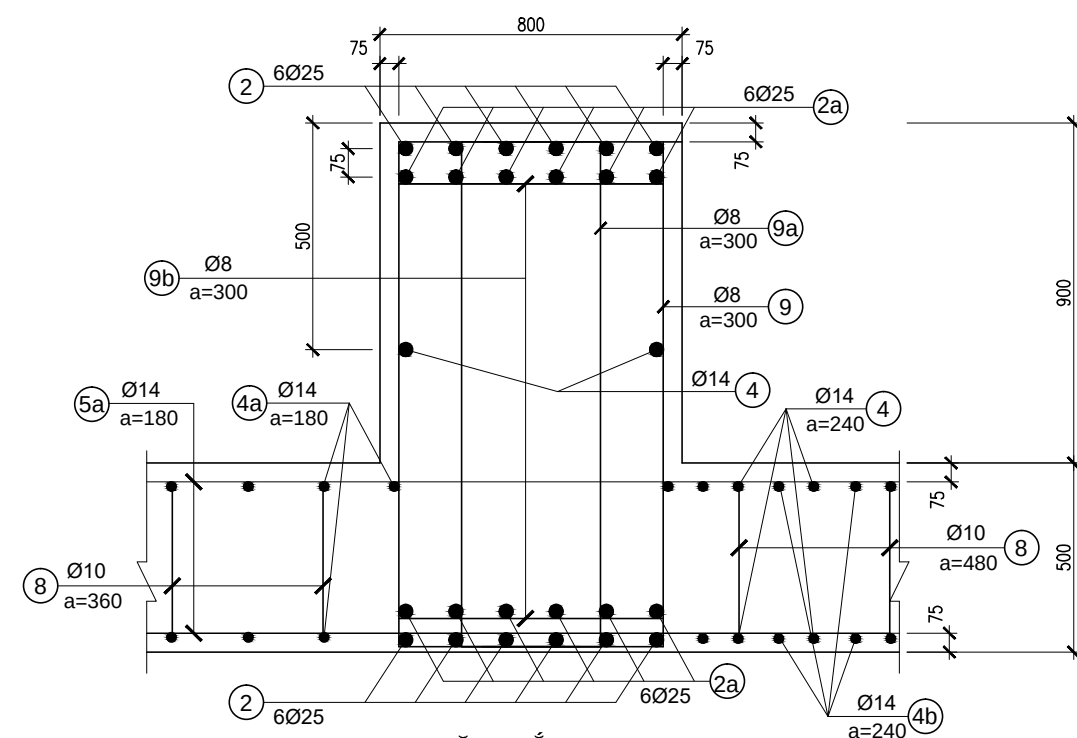
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỠ THÉP

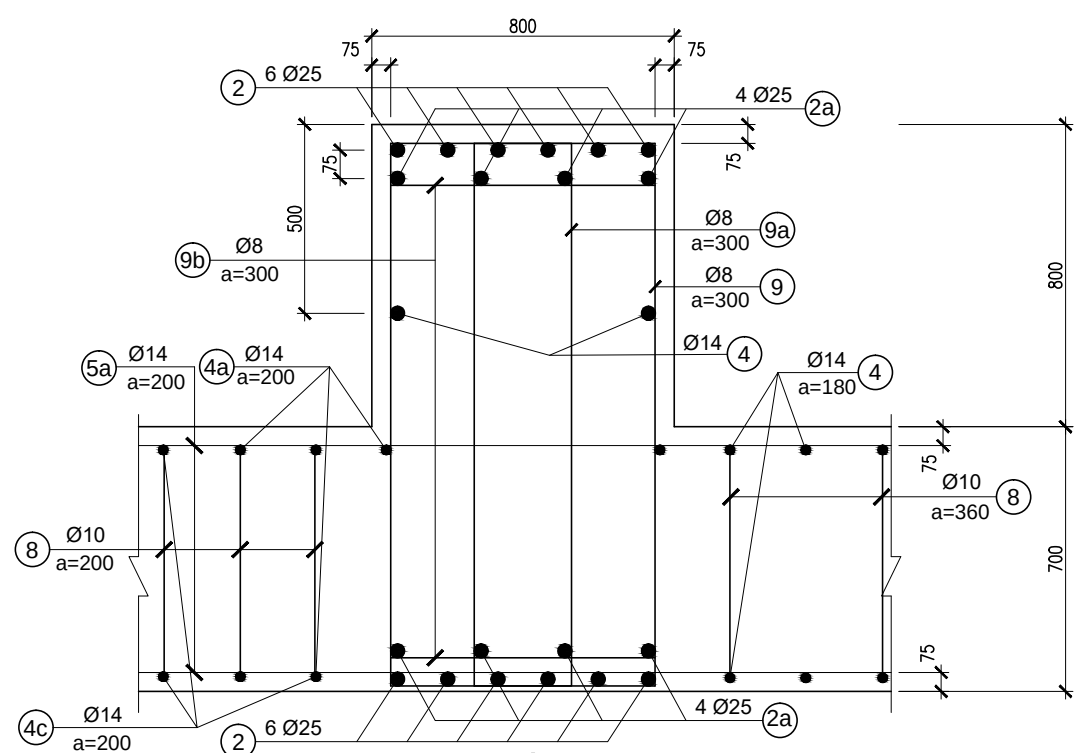
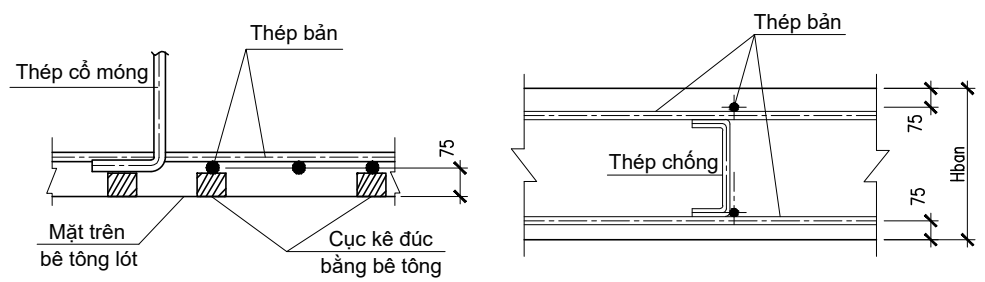
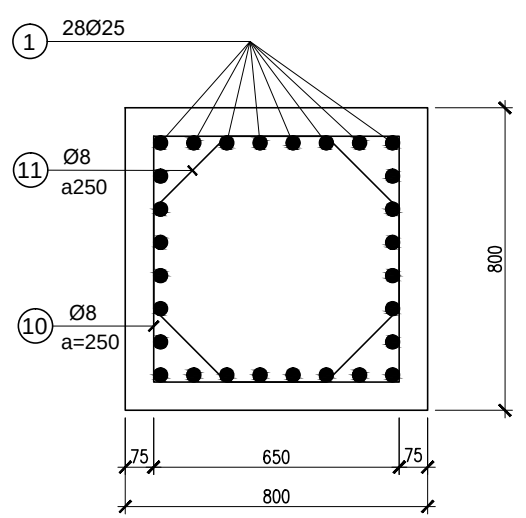
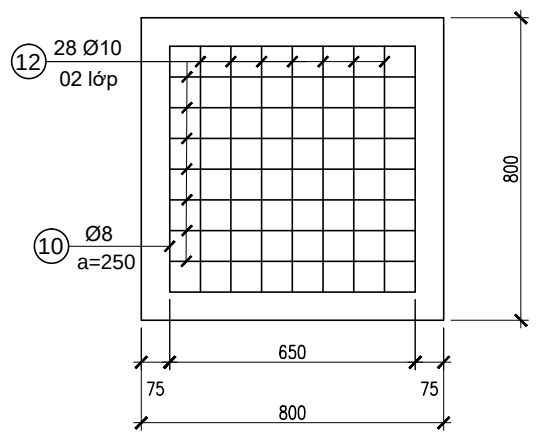
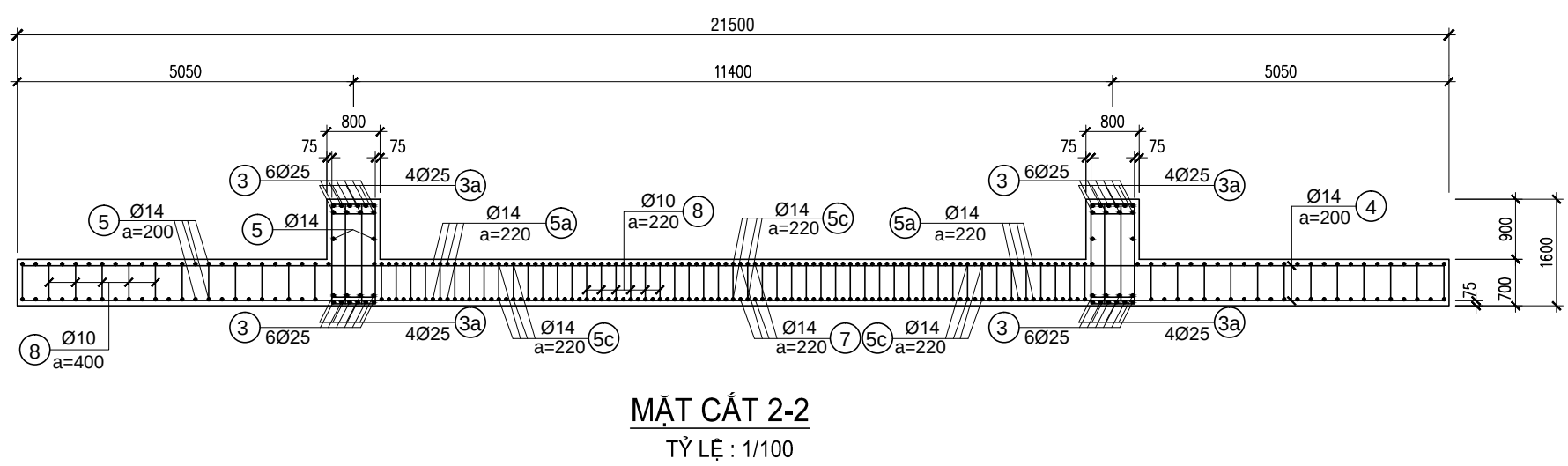
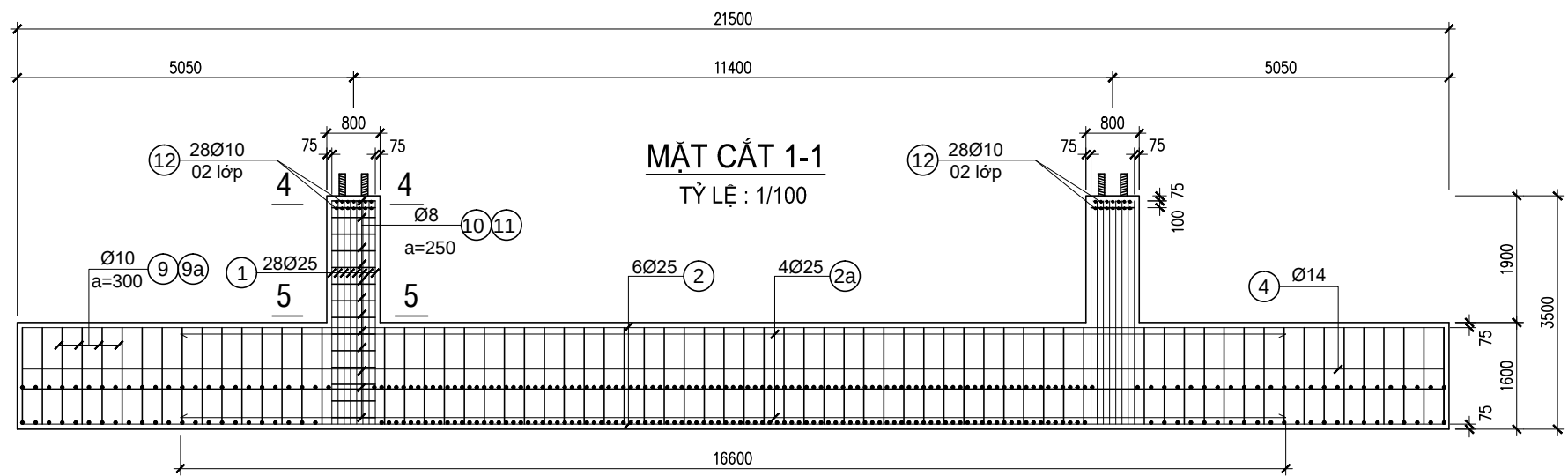


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/8.

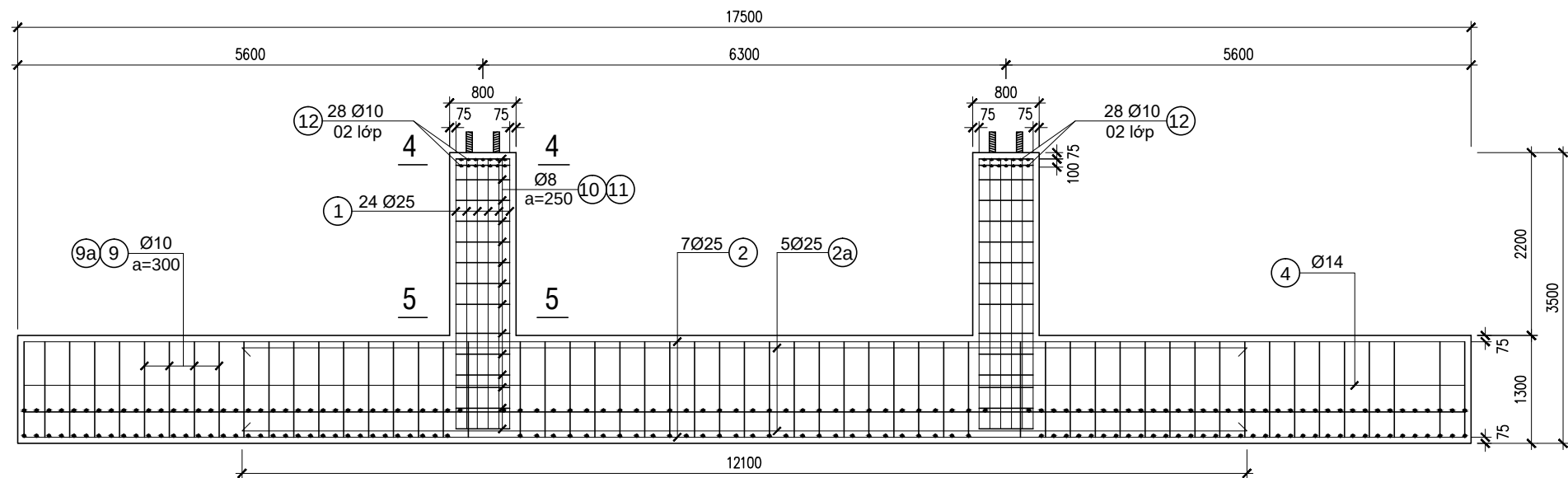
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/7	



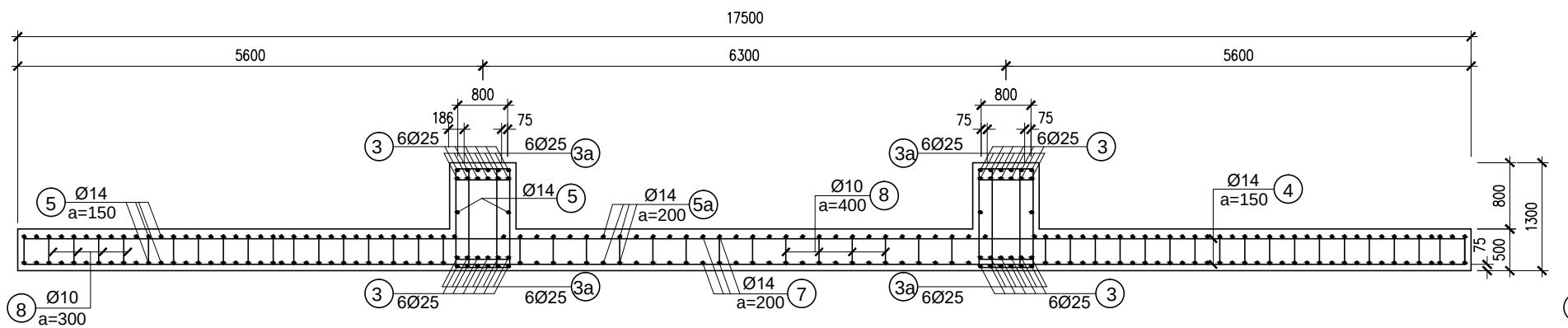
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/9.

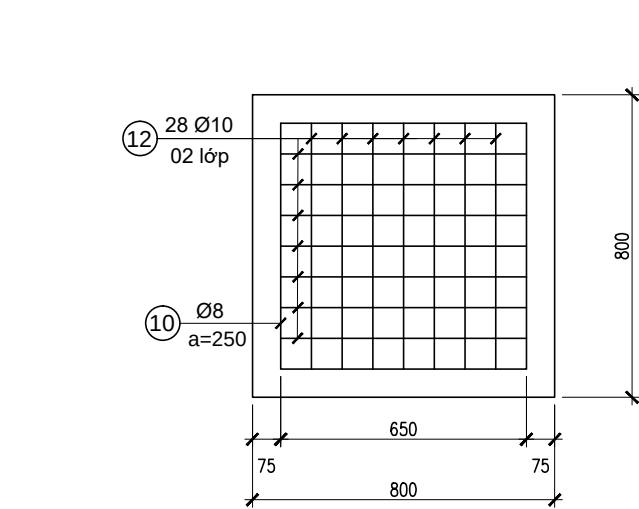
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/8	
		Tờ 2/2	



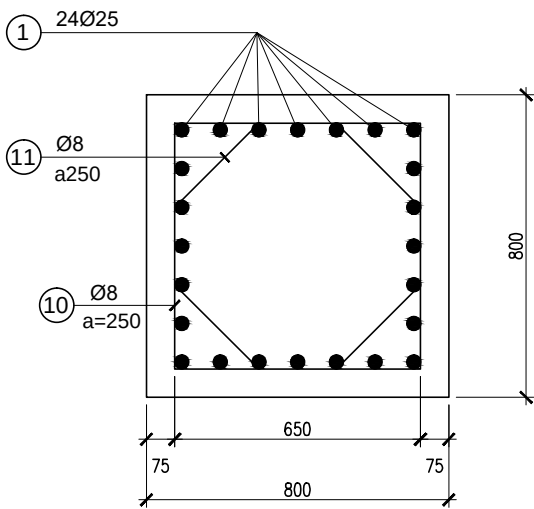
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



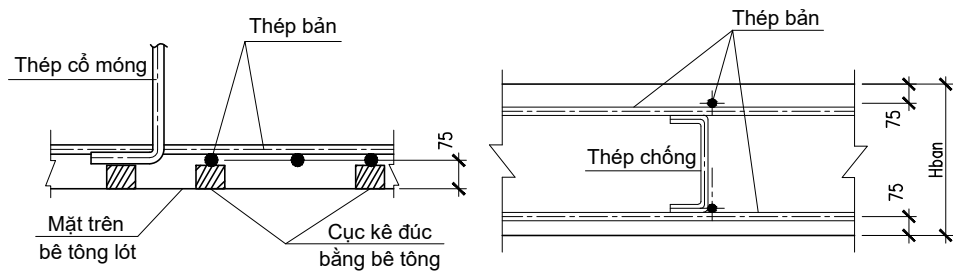
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



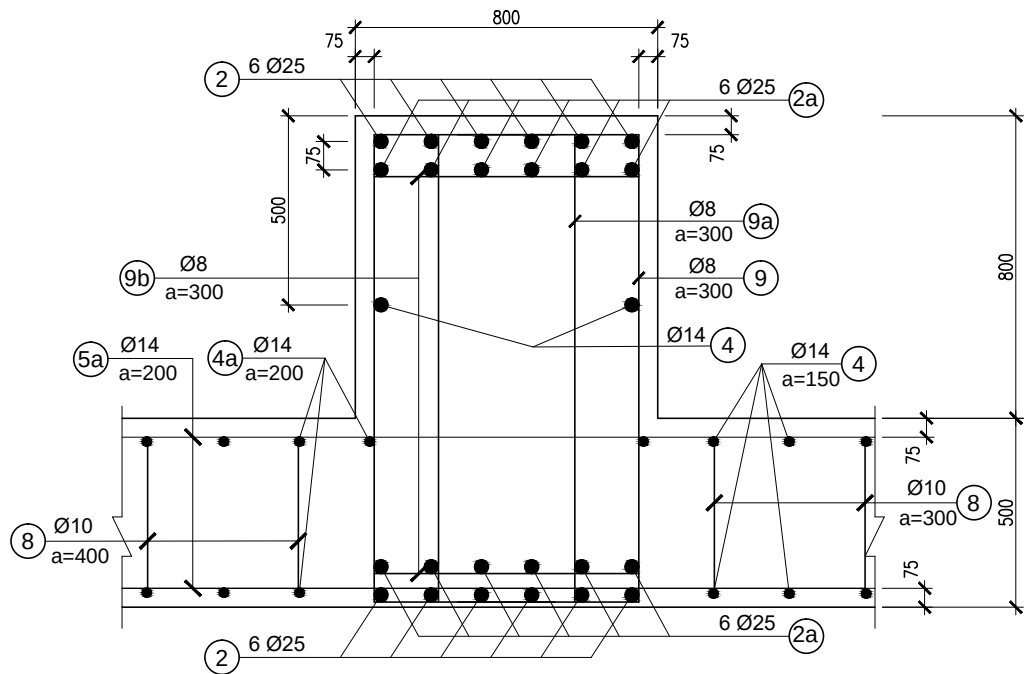
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỖ THÉP

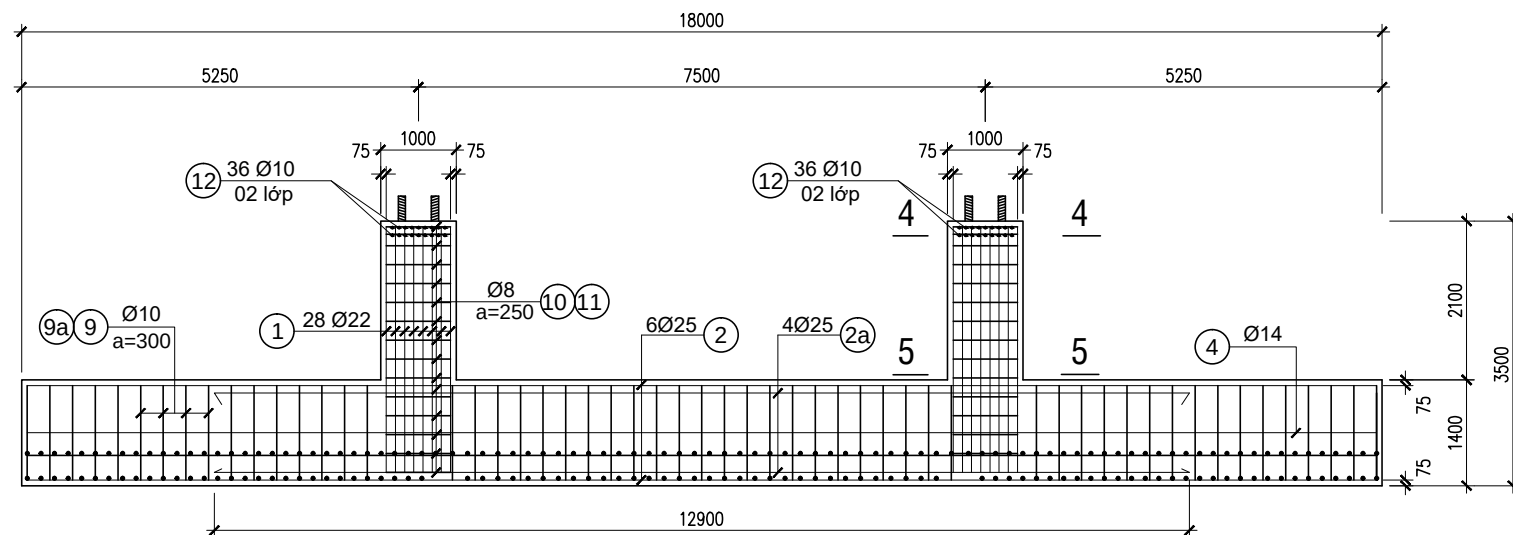


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

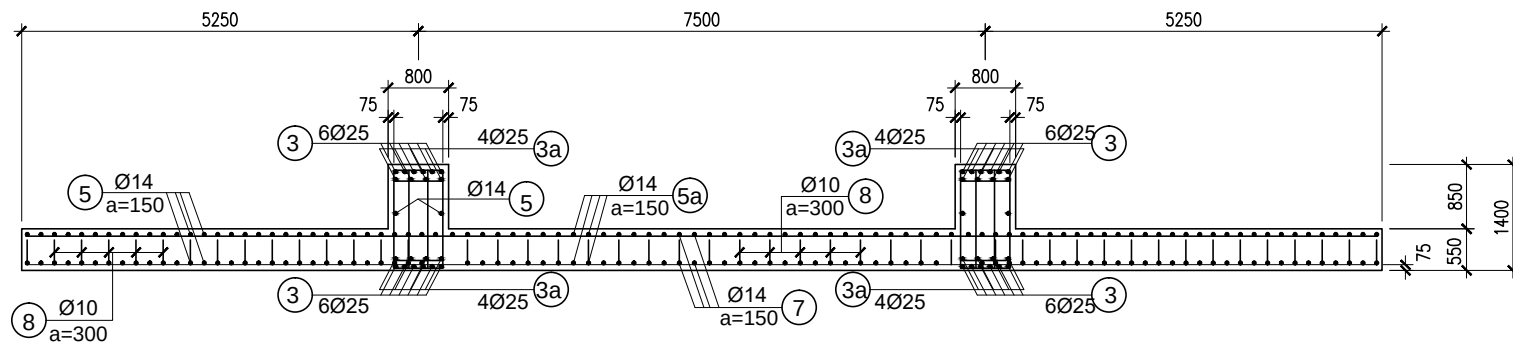
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/10.

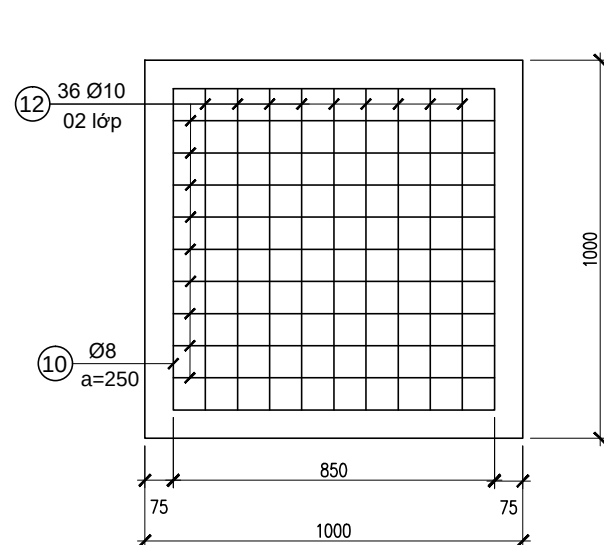
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/9	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		
		12-2019	
		Tờ 2/2	



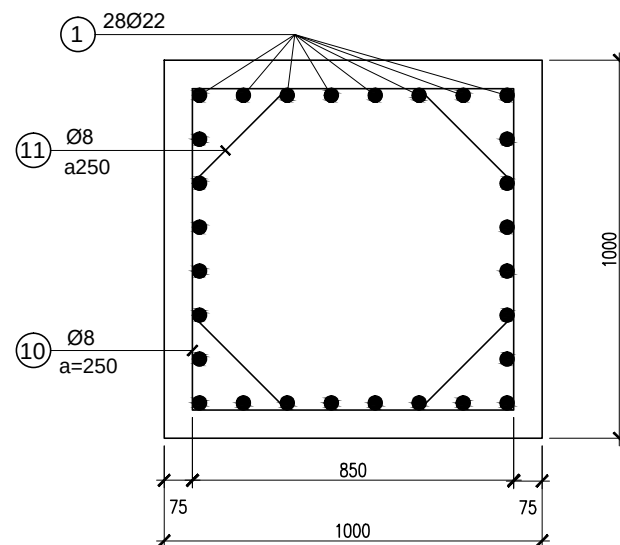
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/100



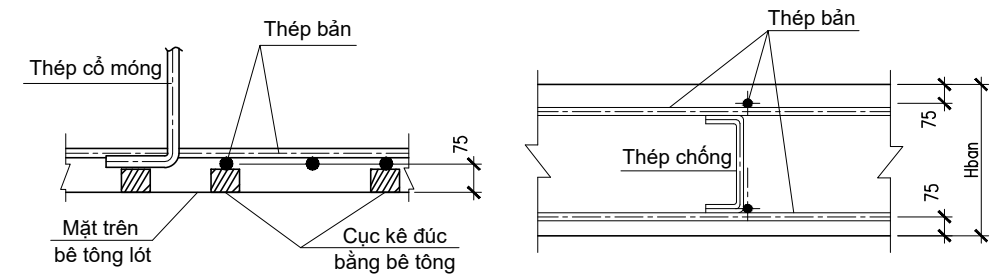
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/100



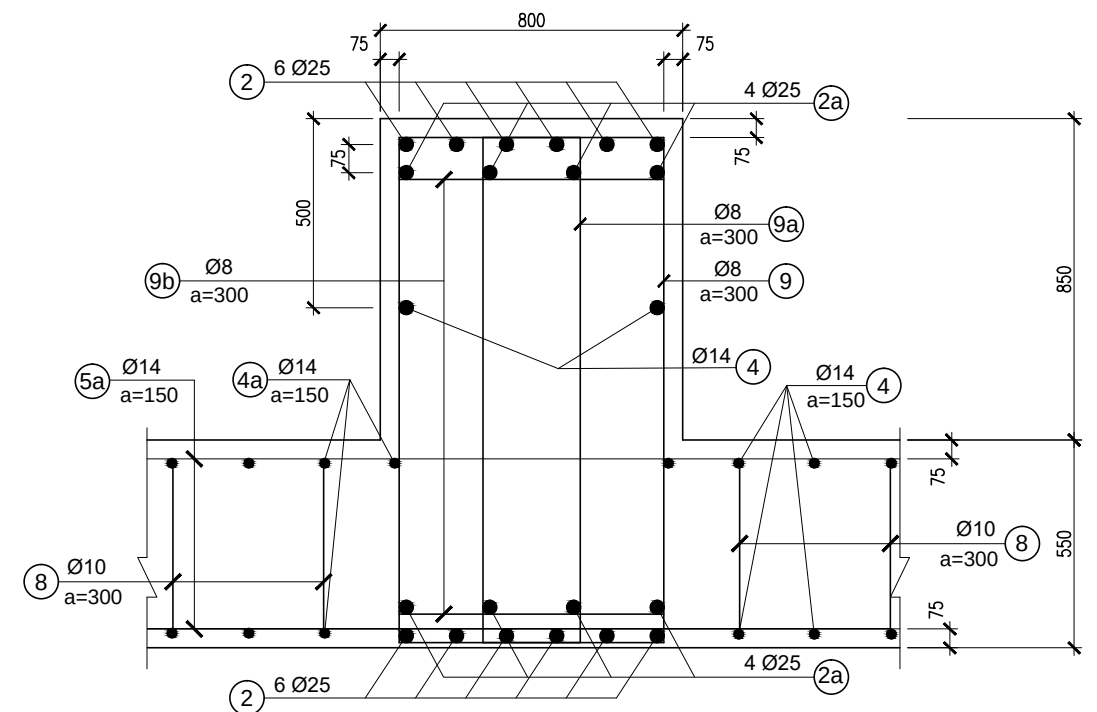
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỠ THÉP

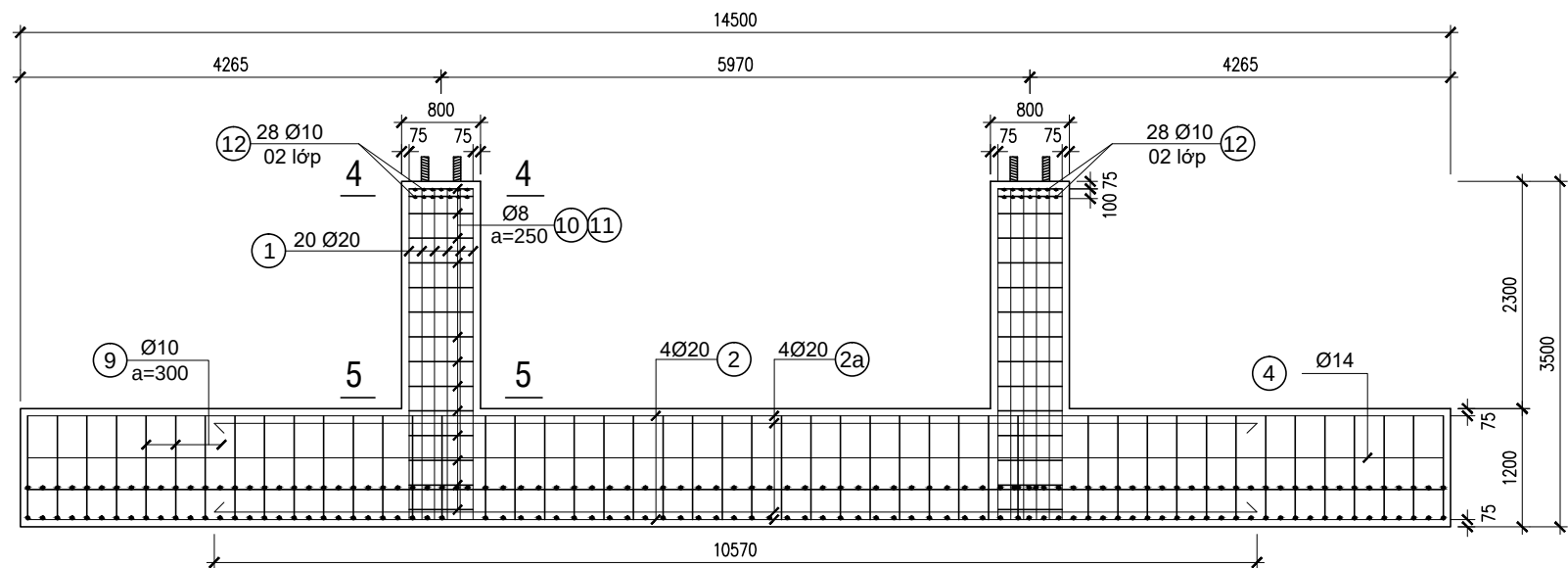


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

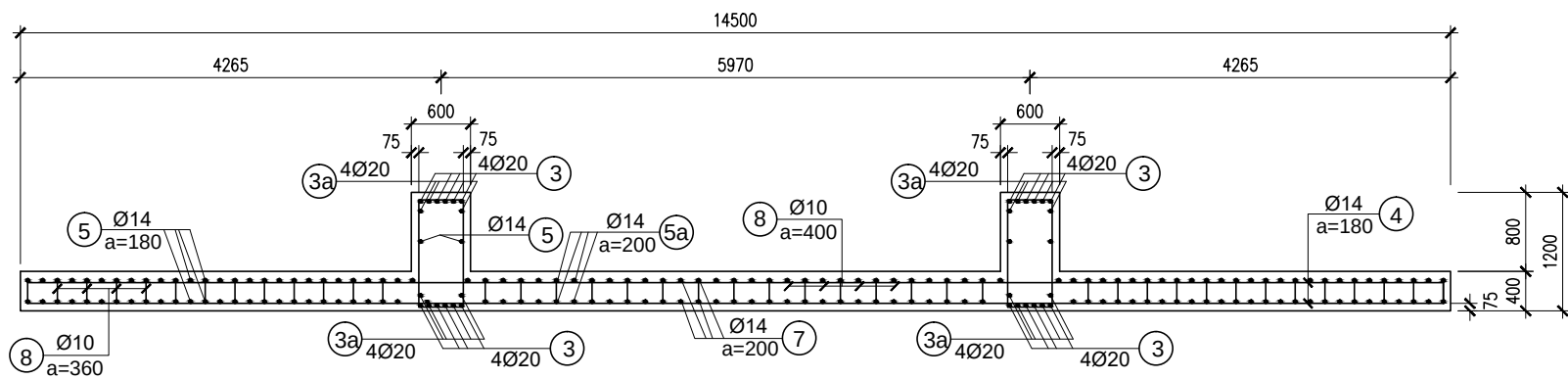
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/11.

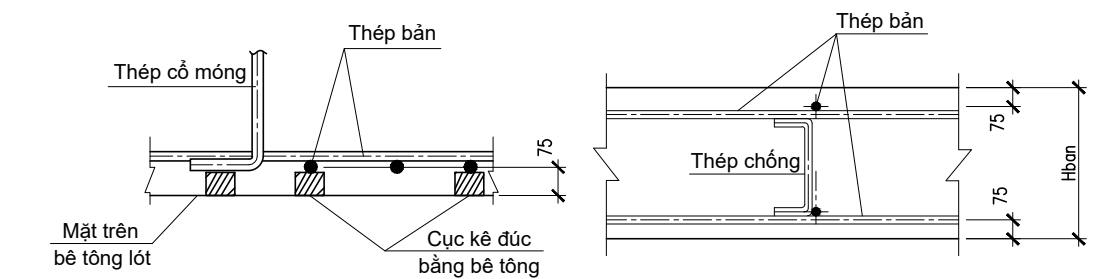
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16x18	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/10	Tờ 2/2



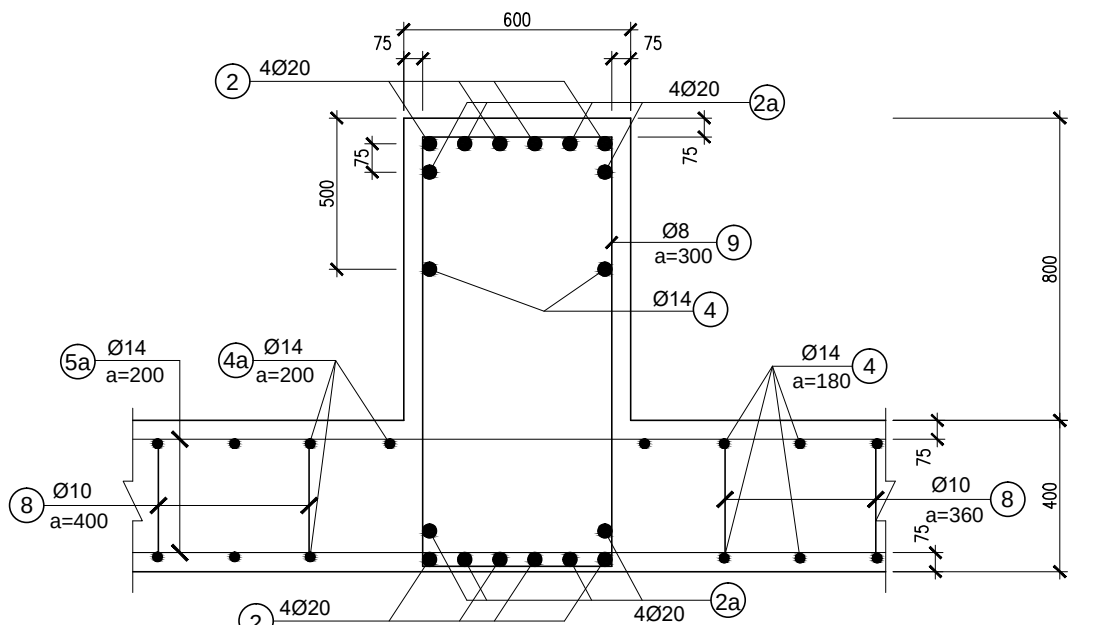
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



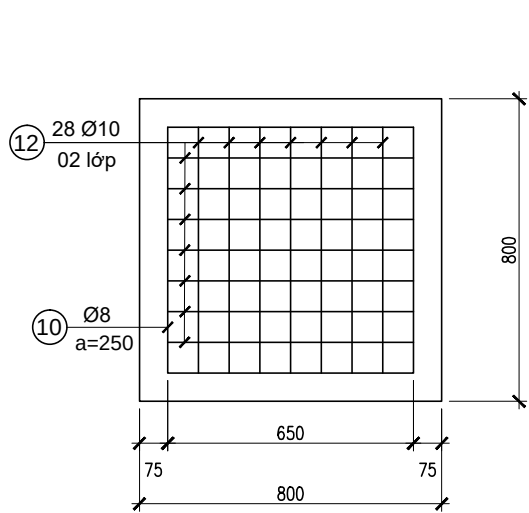
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



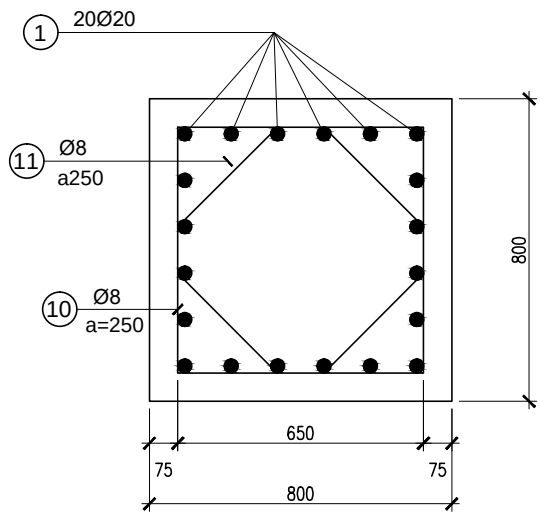
CHI TIẾT ĐỖ THÉP



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20

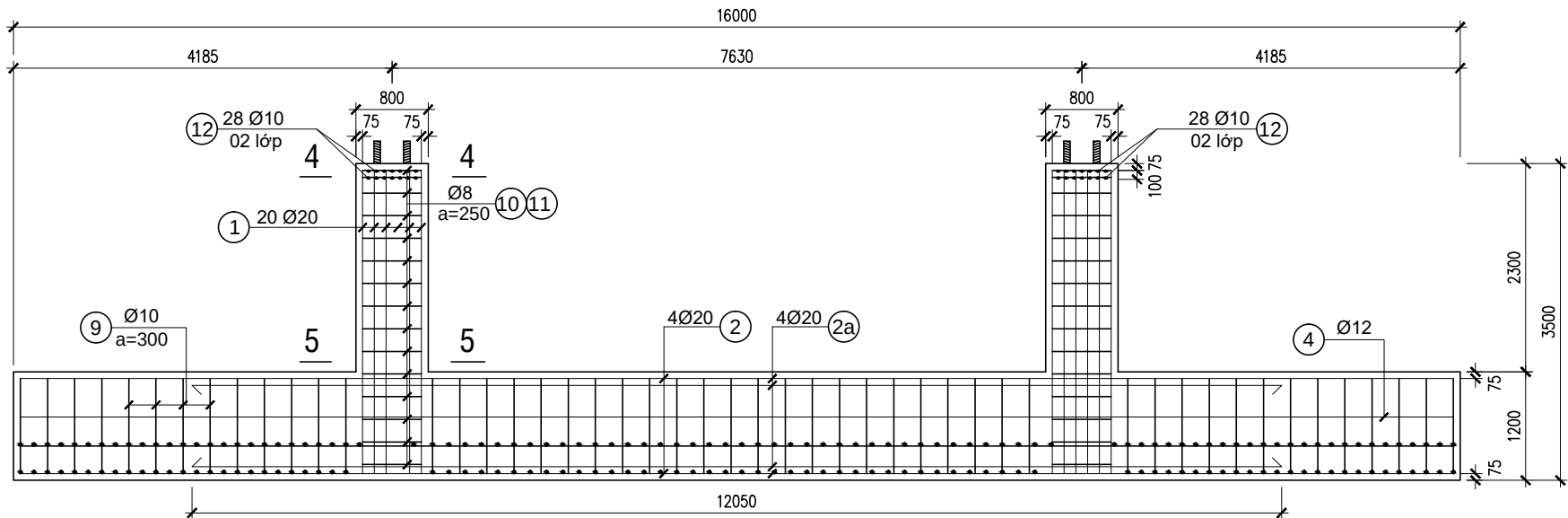


MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20

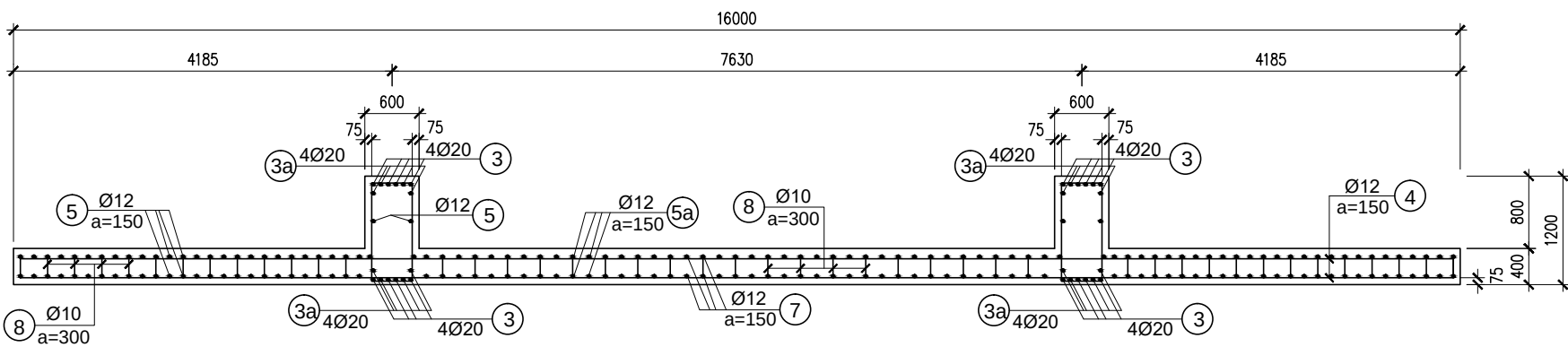
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/12.

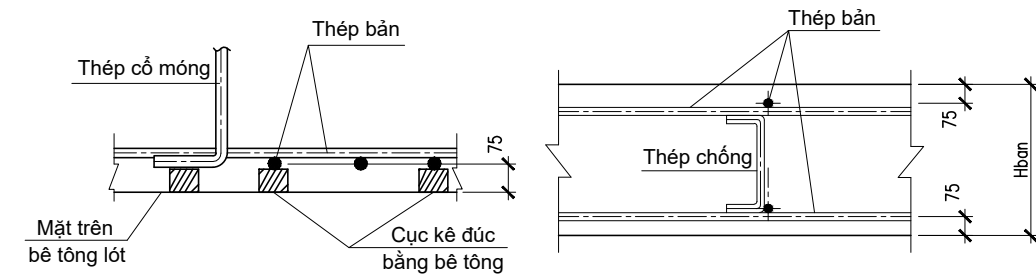
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/11	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	TỜ 2/2	



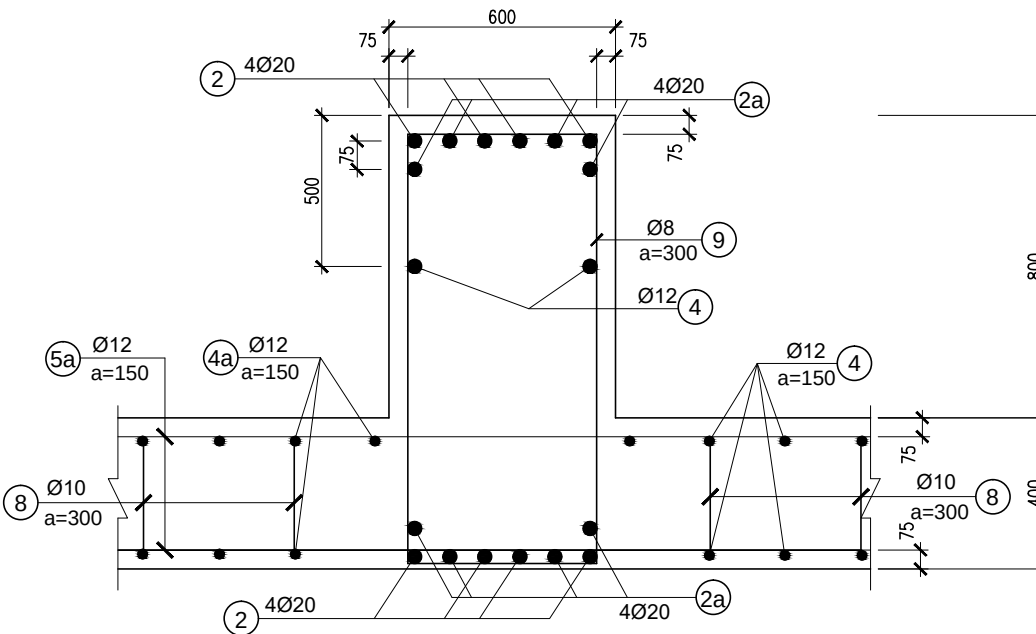
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



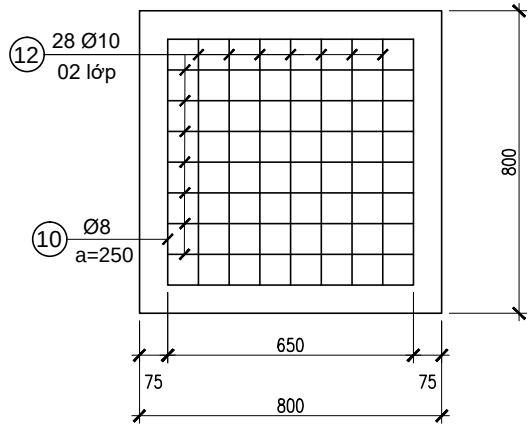
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



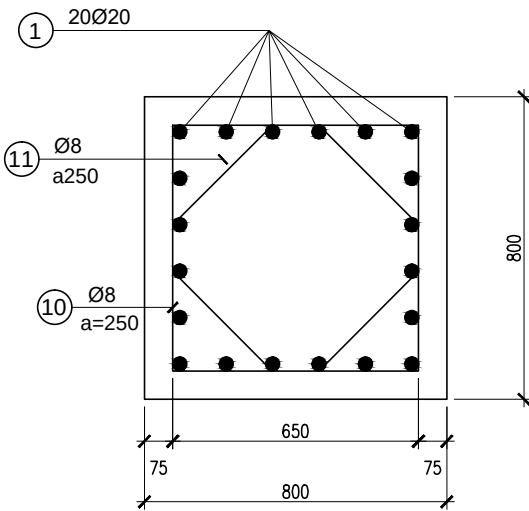
CHI TIẾT ĐỠ THÉP



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20

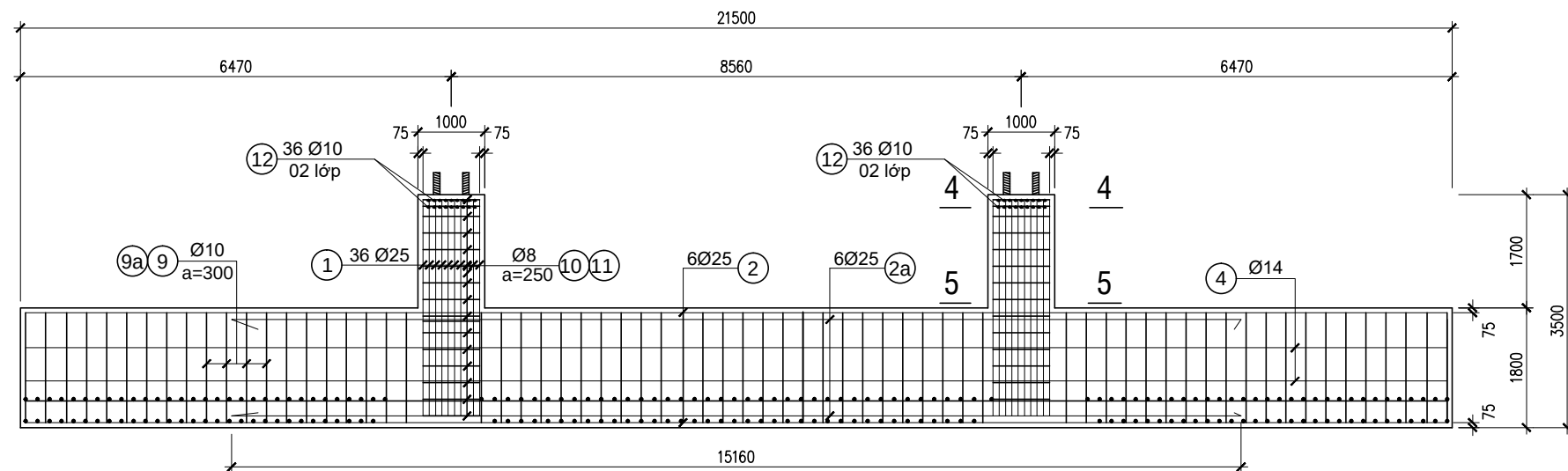


MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20

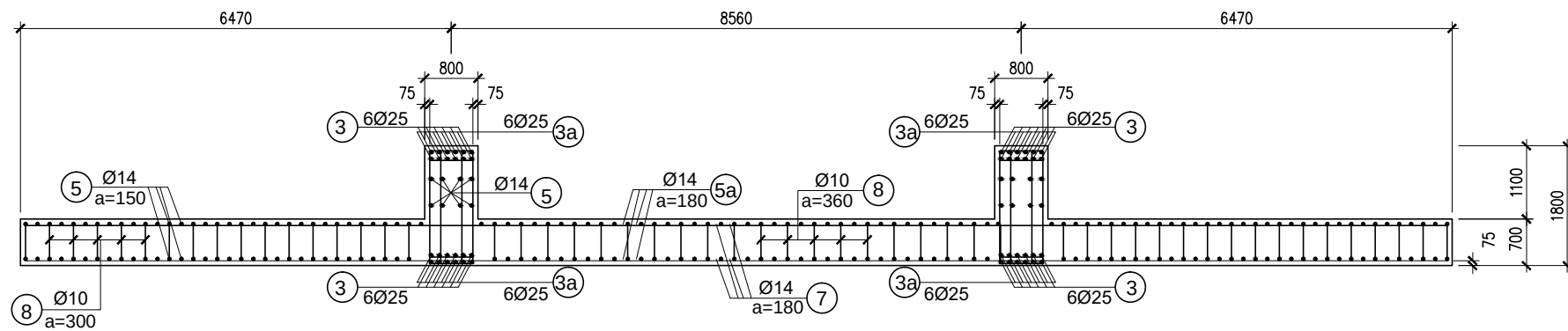
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/13.

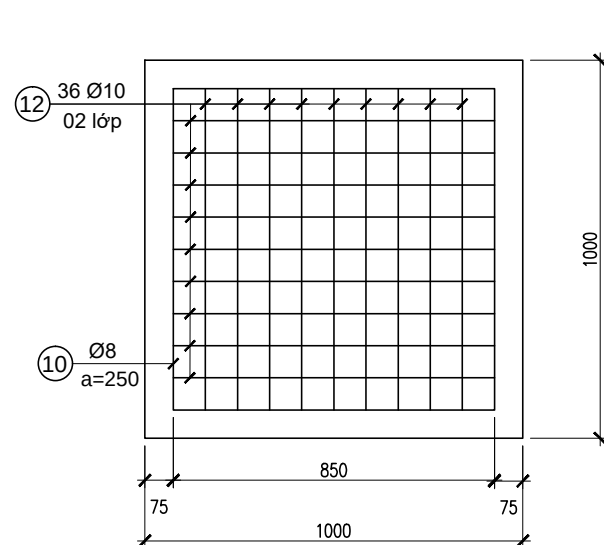
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.63-14x16	
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/12	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu		
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	12-2019 Tờ 2/2	



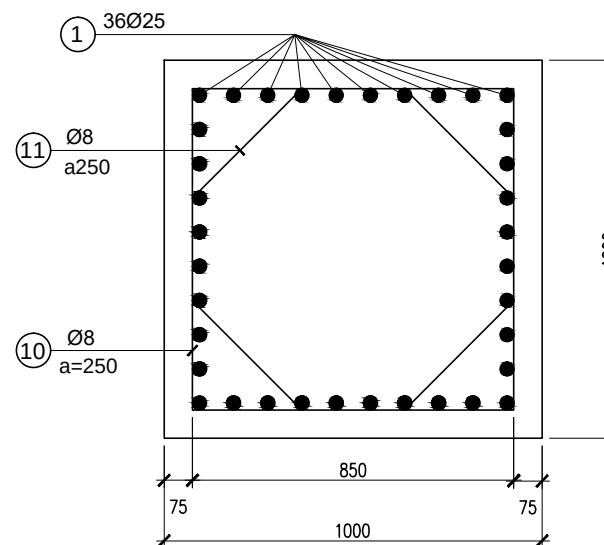
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/100



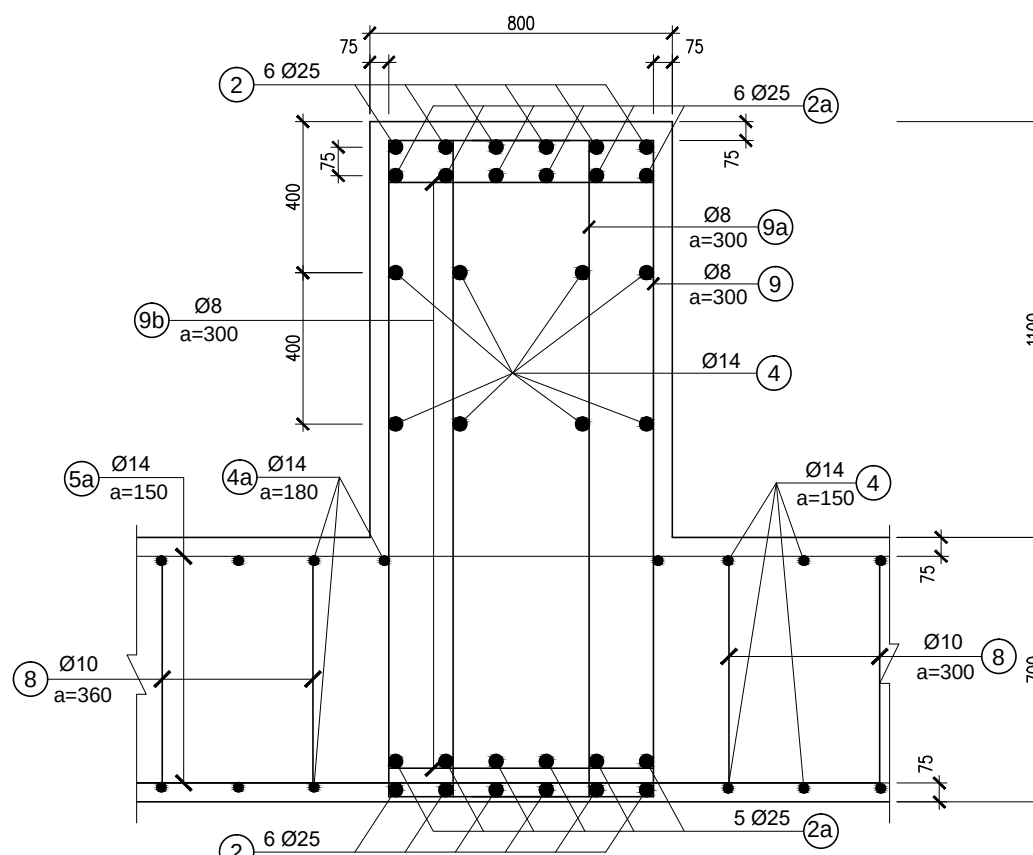
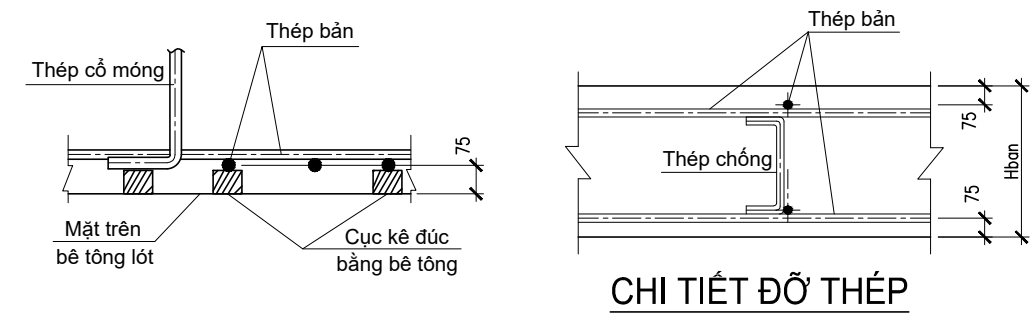
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/100



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

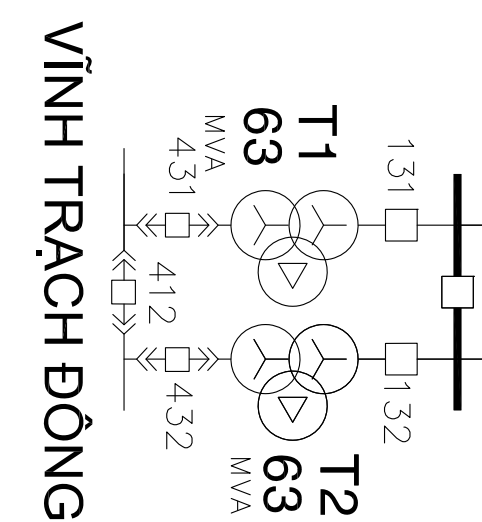
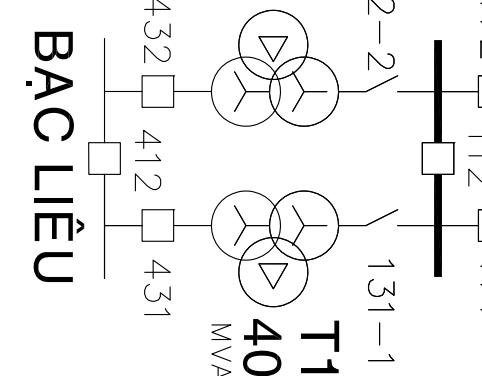
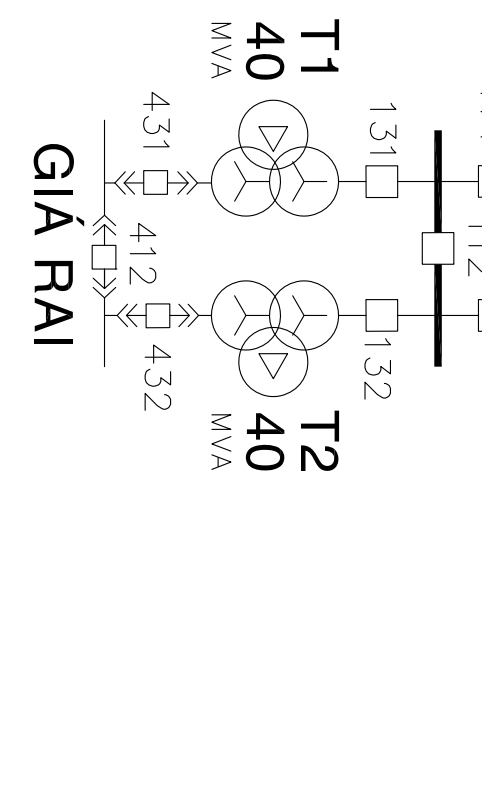
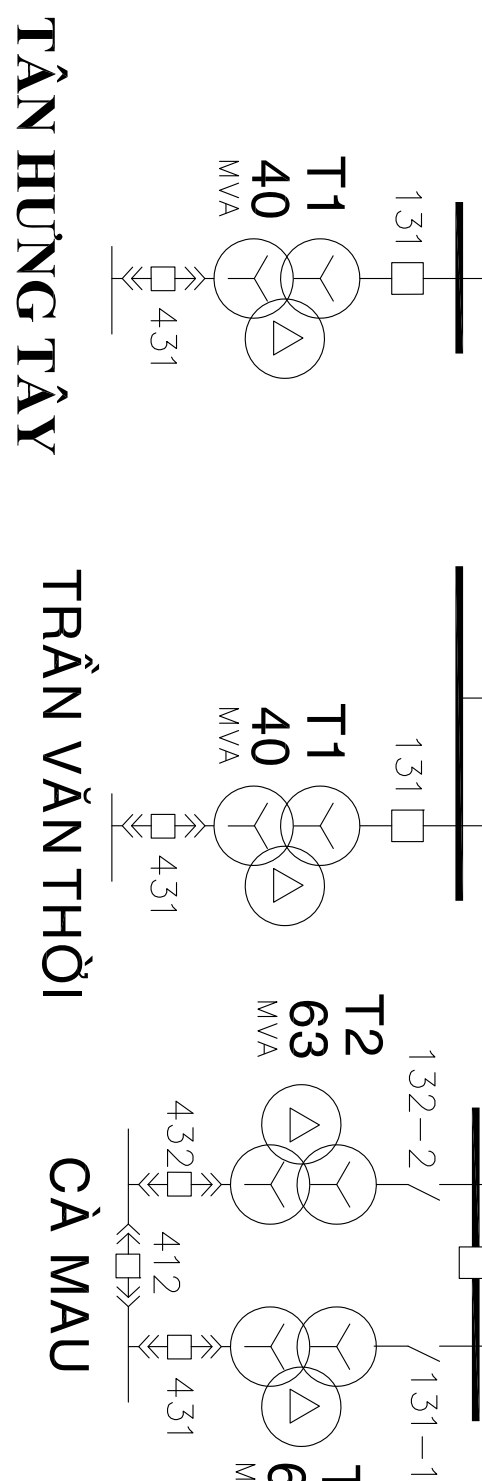
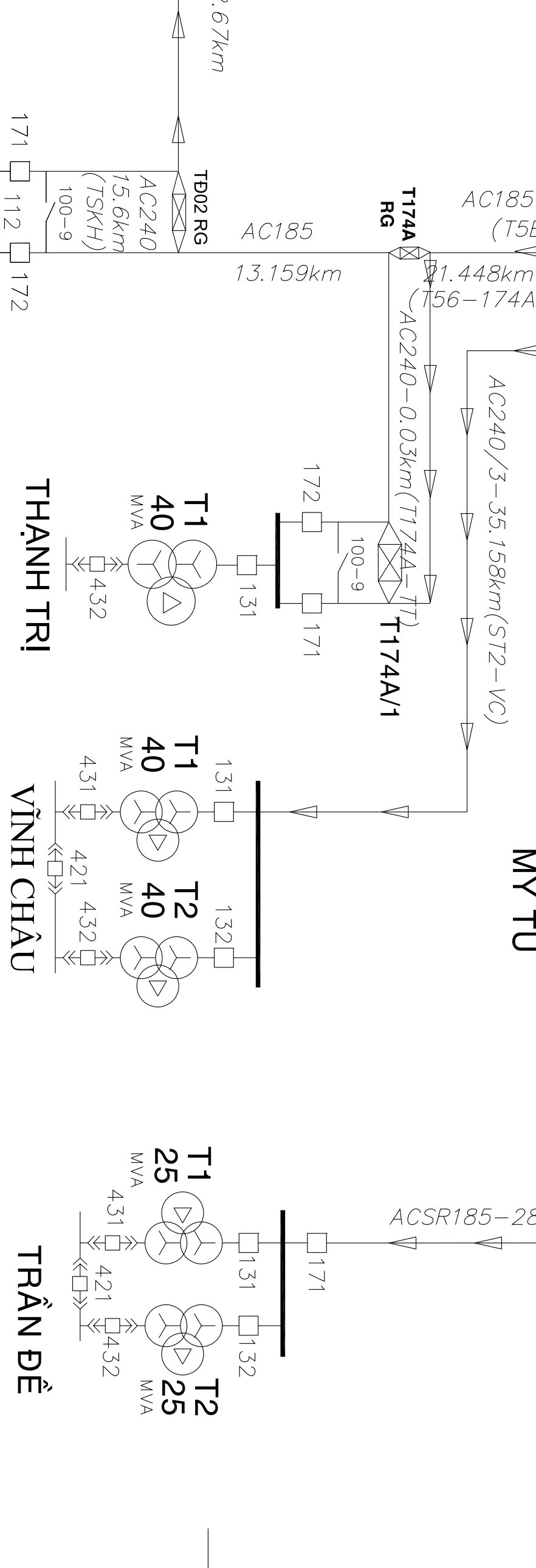
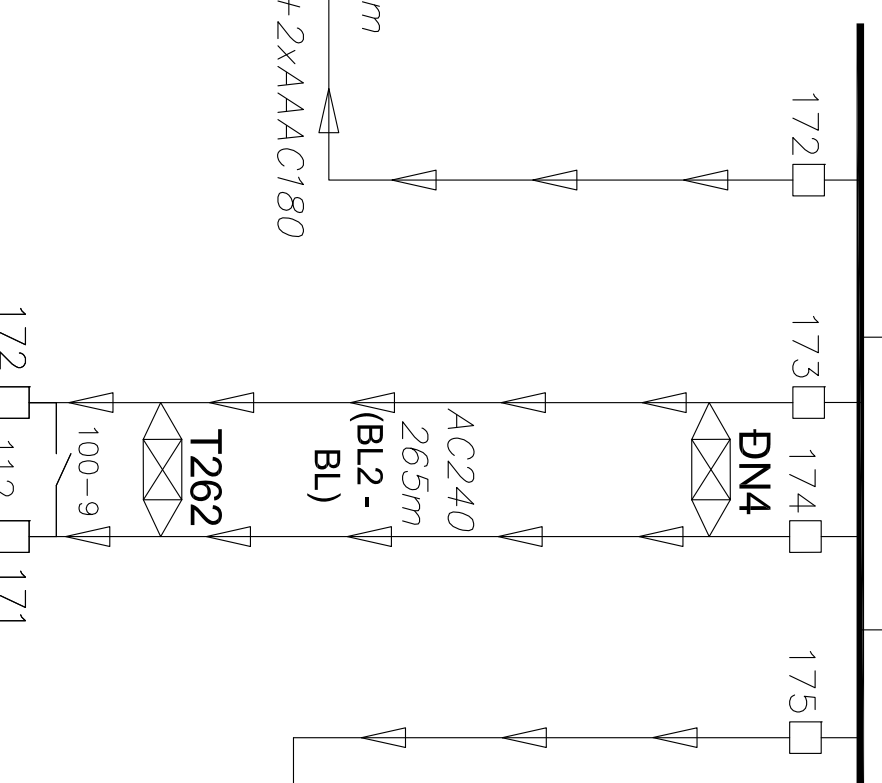
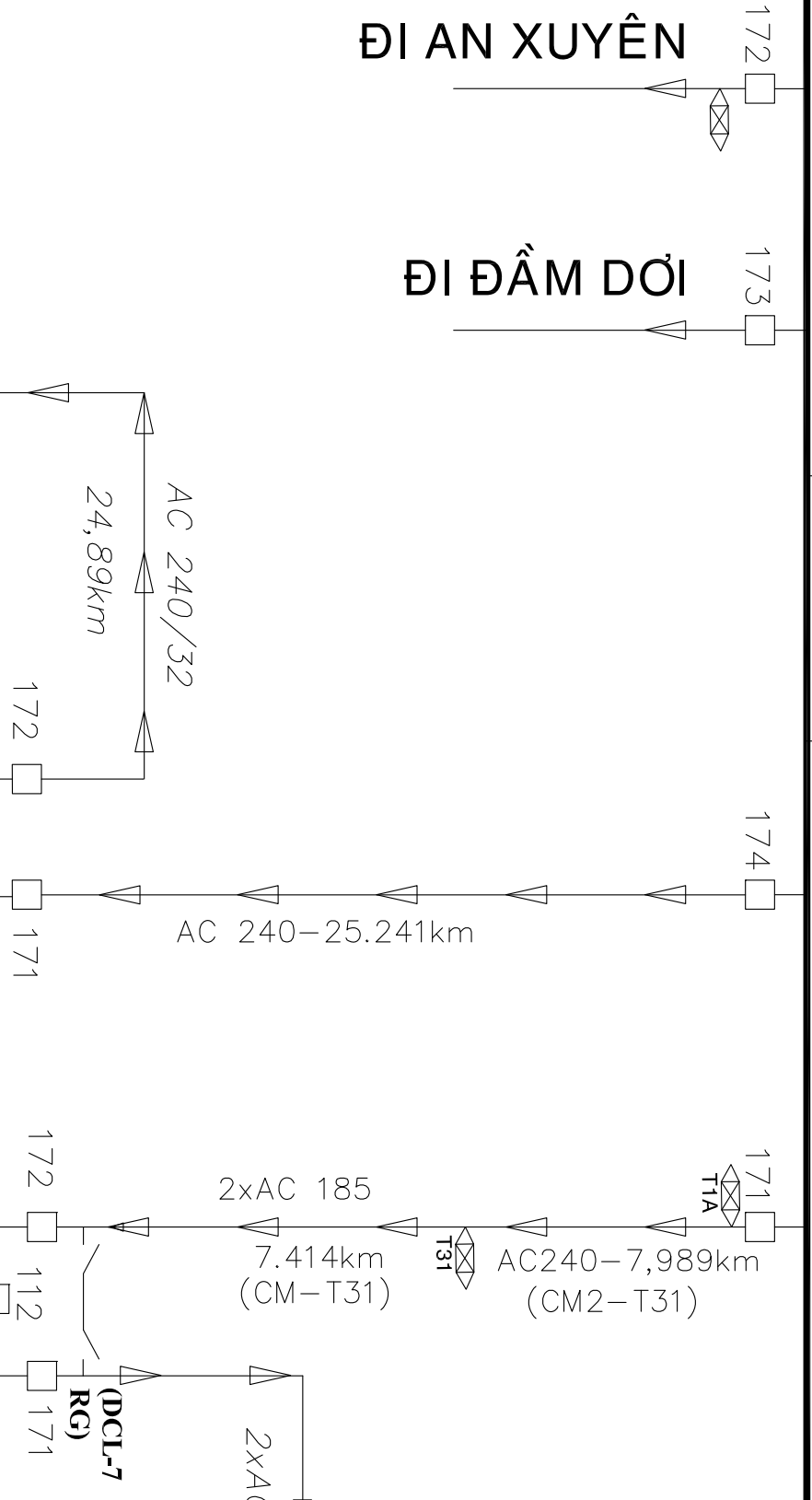
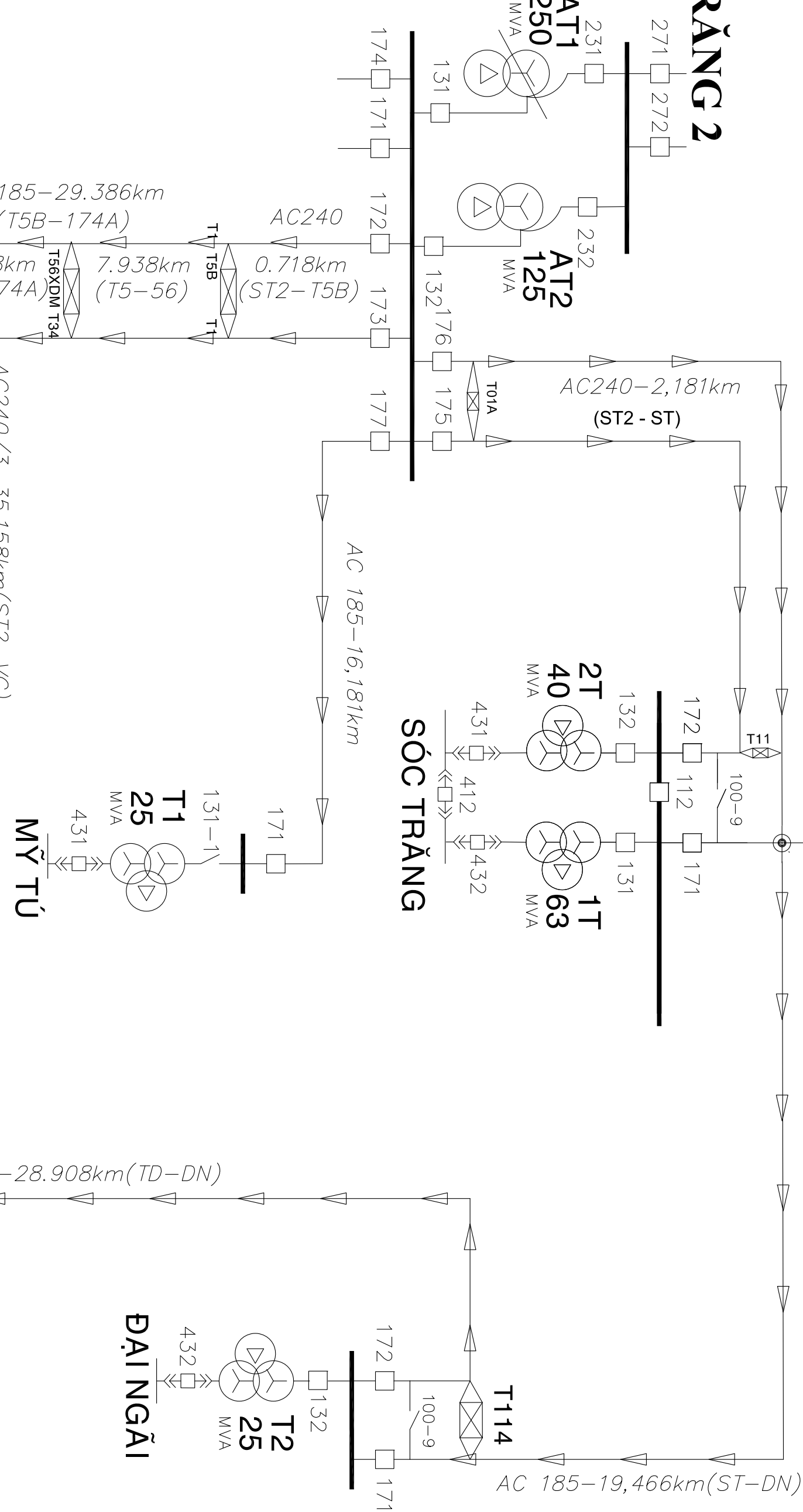
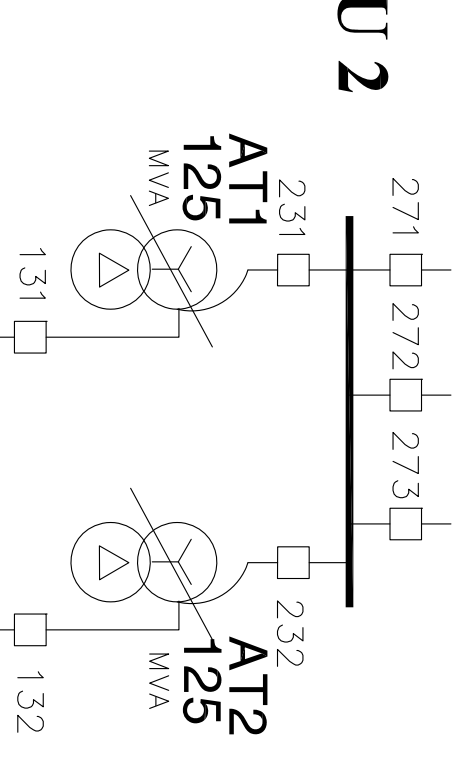
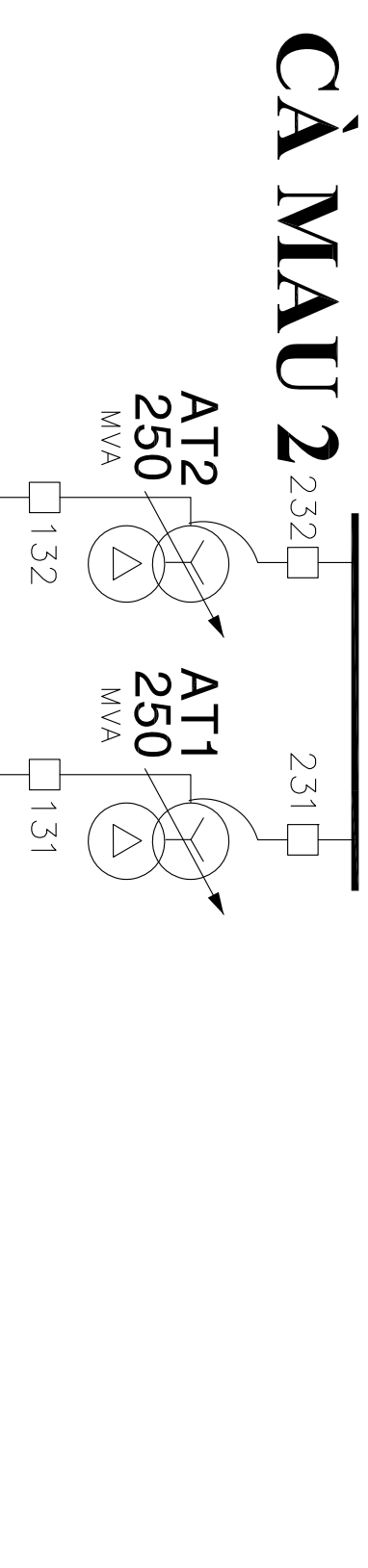
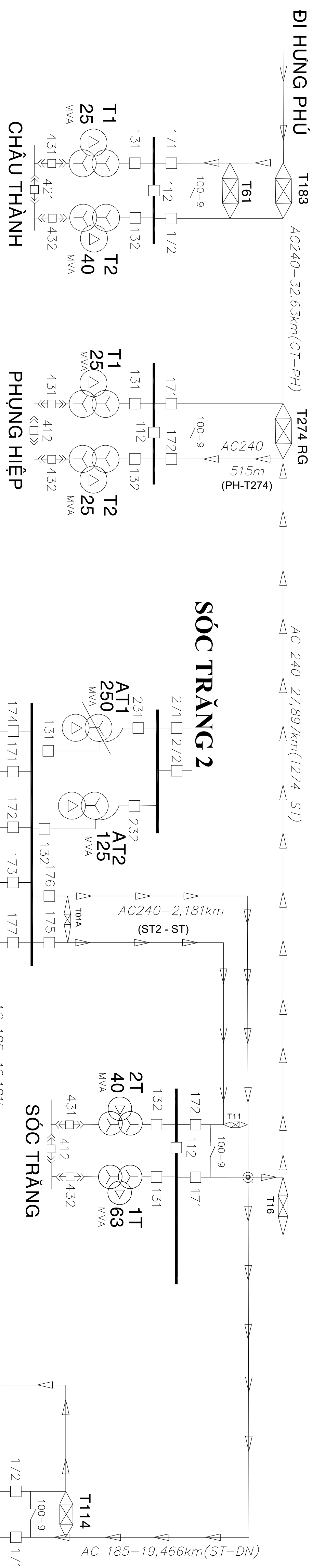
Ghi Chú :
- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/15.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn	ĐD1-16-14D.XD-04/14	
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	12-2019	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	Tờ 2/2	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		

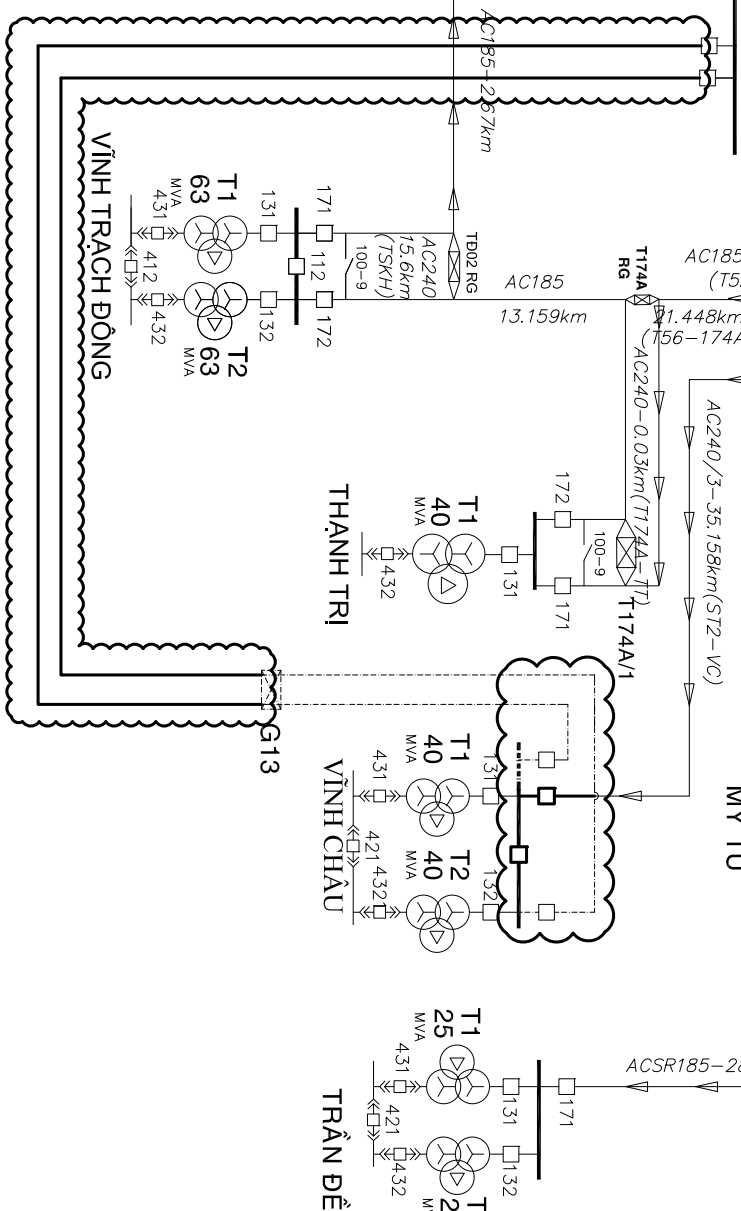
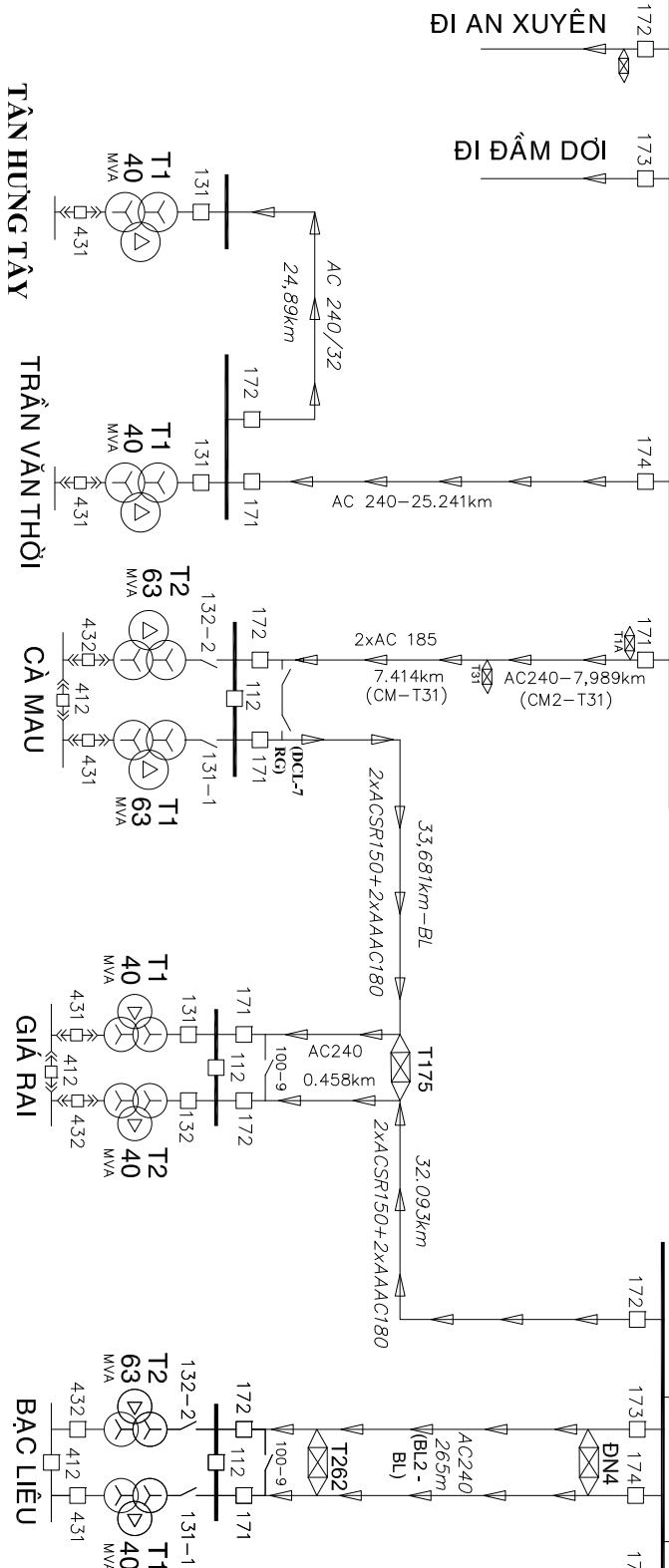
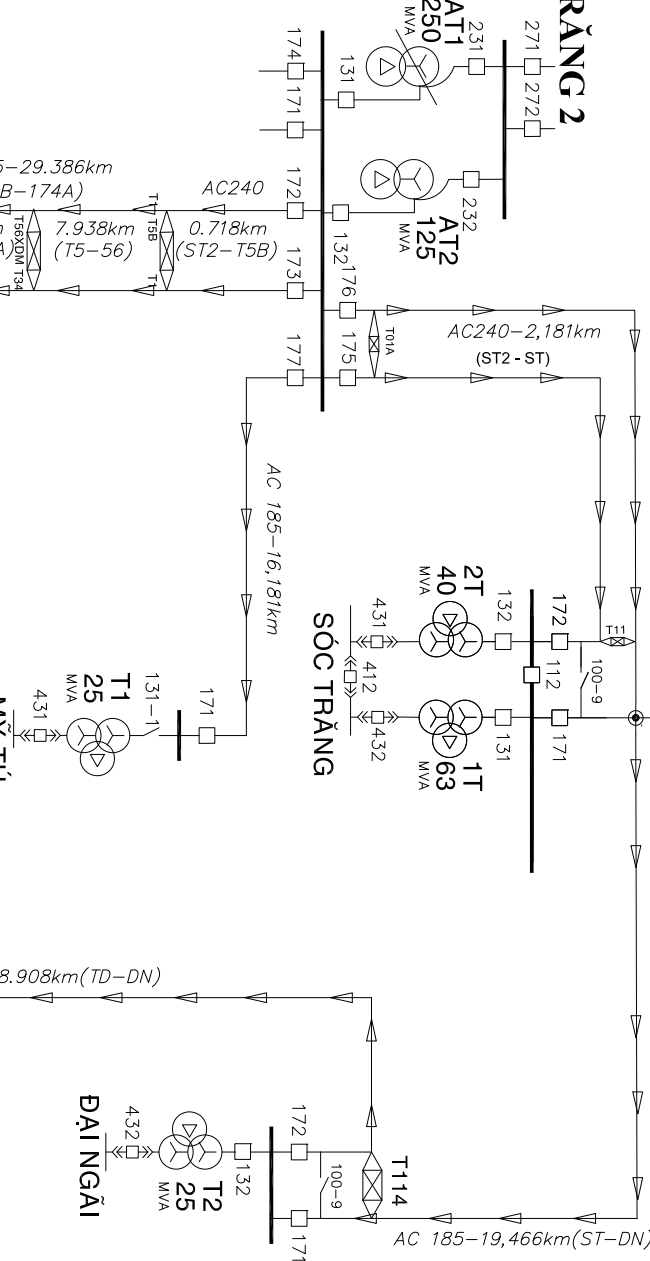
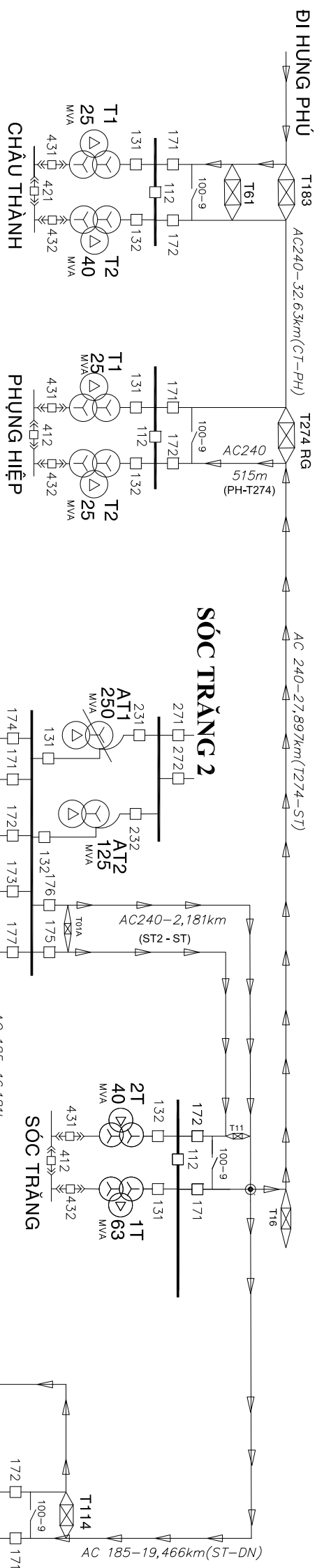
CÁC BẢN VẼ

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU	GHI CHÚ
I.	PHẦN ĐIỆN NHẤT THỨ		
1	Sơ đồ nối lưới điện khu vực hiện hữu	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-01A/1	
2	Sơ đồ nối lưới điện khu vực năm 2019	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-01A/2	
3	Sơ đồ nối điện chính hiện hữu	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-01/1	
4	Sơ đồ nối điện chính sau khi có dự án	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-01/2	
5	Mặt bằng bố trí thiết bị hiện hữu	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-02/1	
6	Mặt bằng bố trí thiết bị sau khi có dự án	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-02/2	
7	Các mặt cắt – Mặt cắt ngăn đường dây E01	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-03/1	
8	Các mặt cắt – Mặt cắt ngăn phân đoạn E02	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-03/2	
9	Mặt bằng bố trí hệ thống nối đất	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-04	
10	Chi tiết nối đất	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-05	
11	Mặt bằng bố trí nối đất chống sét	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-06	
12	Mặt bằng bố trí chiếu sáng ngoài trời	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-07	
II.	PHẦN ĐIỆN NHỊ THỨ		
1	Sơ đồ phương thức điều khiển-bảo vệ-đo lường	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-01	
2	Mặt trước tủ điều khiển và bảo vệ đường dây 110kV – E01	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-02/1	
3	Mặt trước tủ điều khiển và bảo vệ ngăn phân đoạn 110kV – E02	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-02/2	
4	Mặt bằng bố trí thiết bị trong nhà điều khiển	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-03	
5	Sơ đồ liên động Close – E01.Q0	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-04/1	
6	Sơ đồ liên động Open – E01.Q0	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-04/2	
7	Sơ đồ liên động Close/Open – DS-E01.Q1, ES-E01.Q51	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-04/3	
8	Sơ đồ liên động Close/Open – DS-E01.Q7, ES-E01.Q52, ES-E01.Q8	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-04/4	
9	Sơ đồ liên động Close – E02.Q0	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-04/5	
10	Sơ đồ liên động Open – E02.Q0	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-04/6	
11	Sơ đồ liên động Close/Open – DS-	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-04/7	

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU	GHI CHÚ
	E02.Q1, ES-E01.Q51		
12	Sơ đồ liên động Close/Open – DS-E02.Q2, ES-E02.Q52	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-04/8	
13	Bố trí cáp trong mương cáp	ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-05	
III.	PHẦN SCADA		
	Sơ đồ nguyên lý kết nối hệ thống SCADA	ĐD1-16-14D.TR.VC.TT-01	
	Mặt bằng kéo rã cáp quang NMOC	ĐD1-16-14D.TR.VC.TT-02	
B	PHẦN XÂY DỰNG		
1	Mặt bằng xây dựng	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-01	
2	Móng trụ máy cắt 110kV	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-02/1	
3	Móng trụ đỡ dao 3 cực 110kV	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-02/2	
4	Móng trụ biến dòng 110kV	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-02/3	
5	Móng trụ biến điện áp 110kV	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-02/4	
6	Móng trụ chống sét van 110kV	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-02/5	
7	Móng tủ đầu dây ngoài trời	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-02/6	
8	Móng cột BTLT 14m	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-03	
9	Cột BTLT 14m	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-03/1	
10	Kim thu sét K-5	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-03/2	
11	Mương cáp MC-0.5	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-04	
12	Mương cáp MC-0.8	ĐD1-16-14D.TR.VC.XD-04/1	



Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẠN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGÀN LỘ 110KV TRẠM 110KV VINH CHÂU	
P.GD/TLD	Trần Vĩnh Phong		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
Trường phòng	Phạm Hoàng Nam		
Kiểm tra	Lê Nguyễn Ninh		
Thiết kế	Lê Minh Nhựt		
		SƠ ĐỒ LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC HIỆN HỮU	
		TKBVTC	12-2019
		ĐD1-16-14D.TR.VC.DN-01A/1	1/1



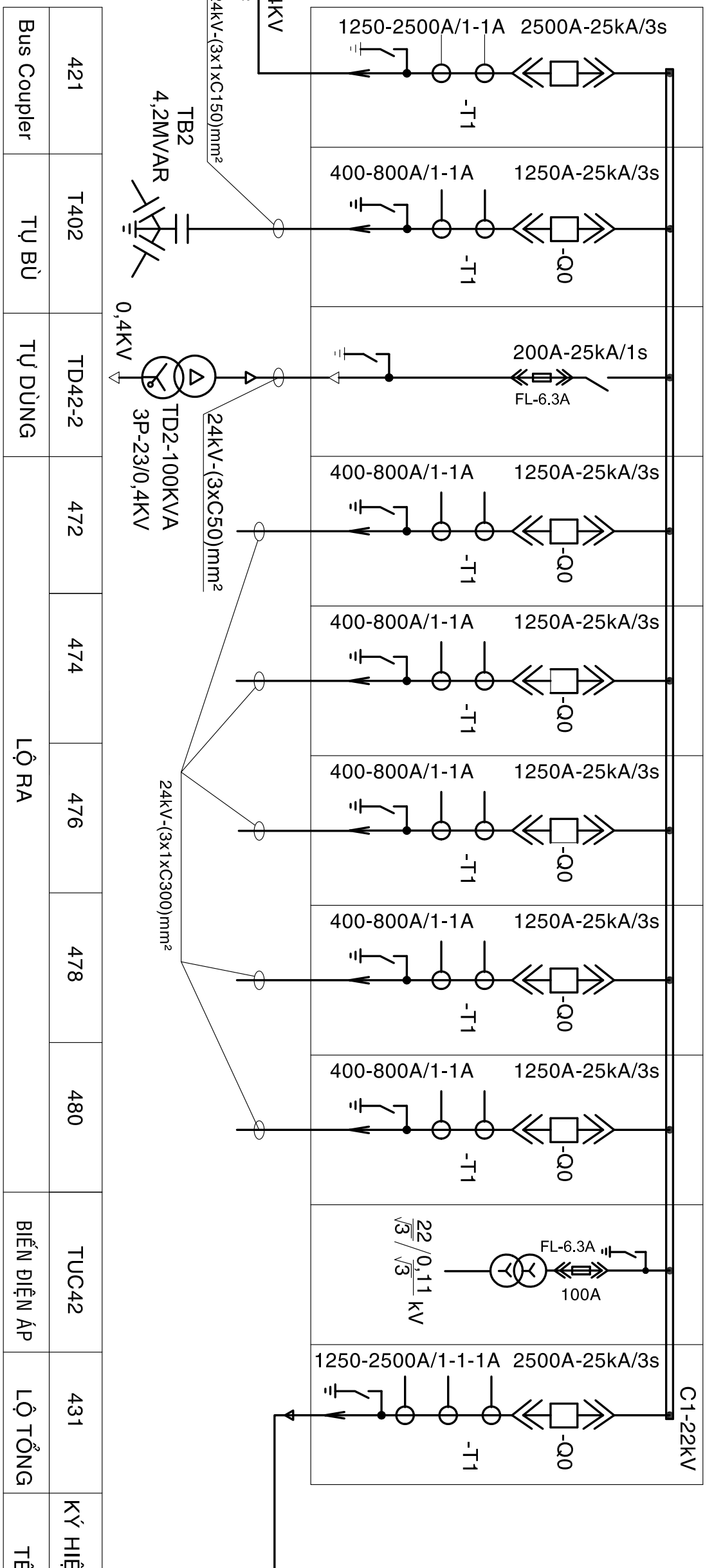
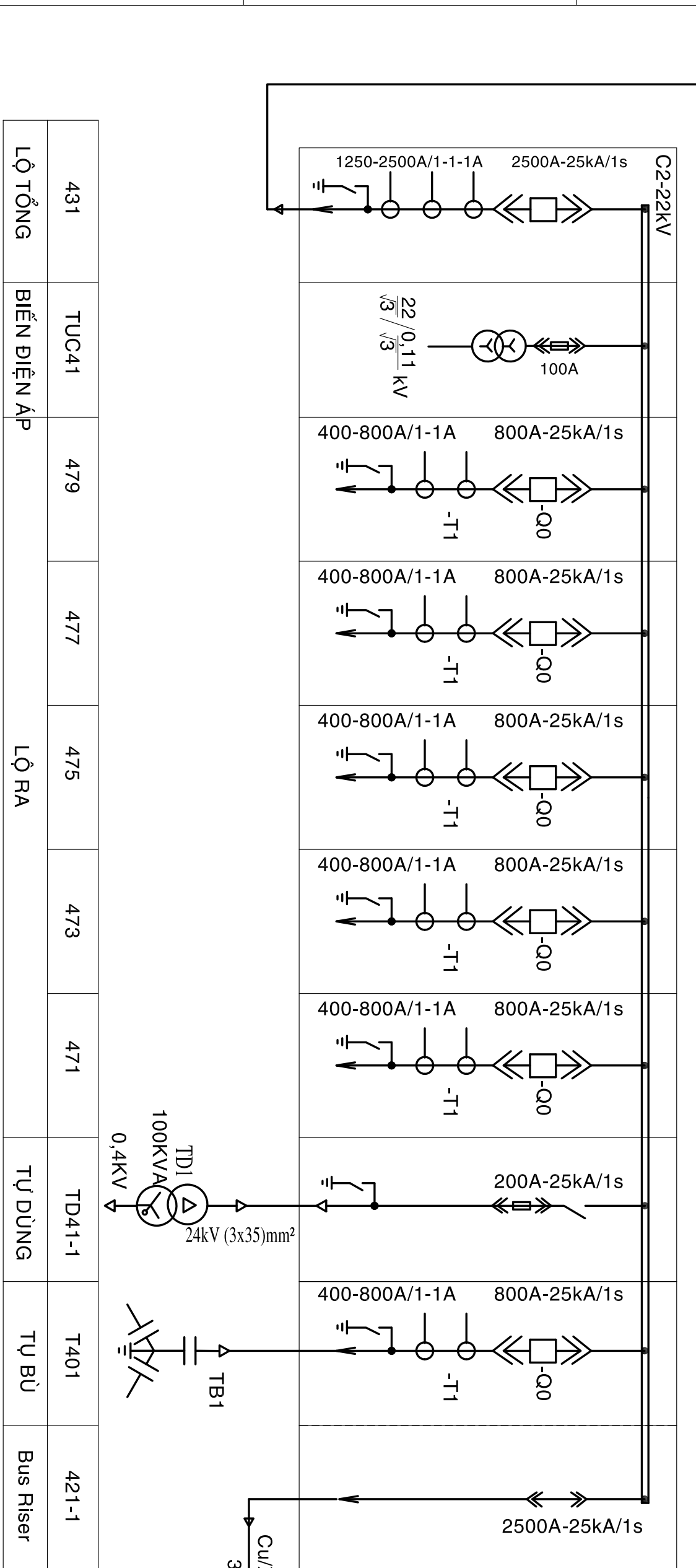
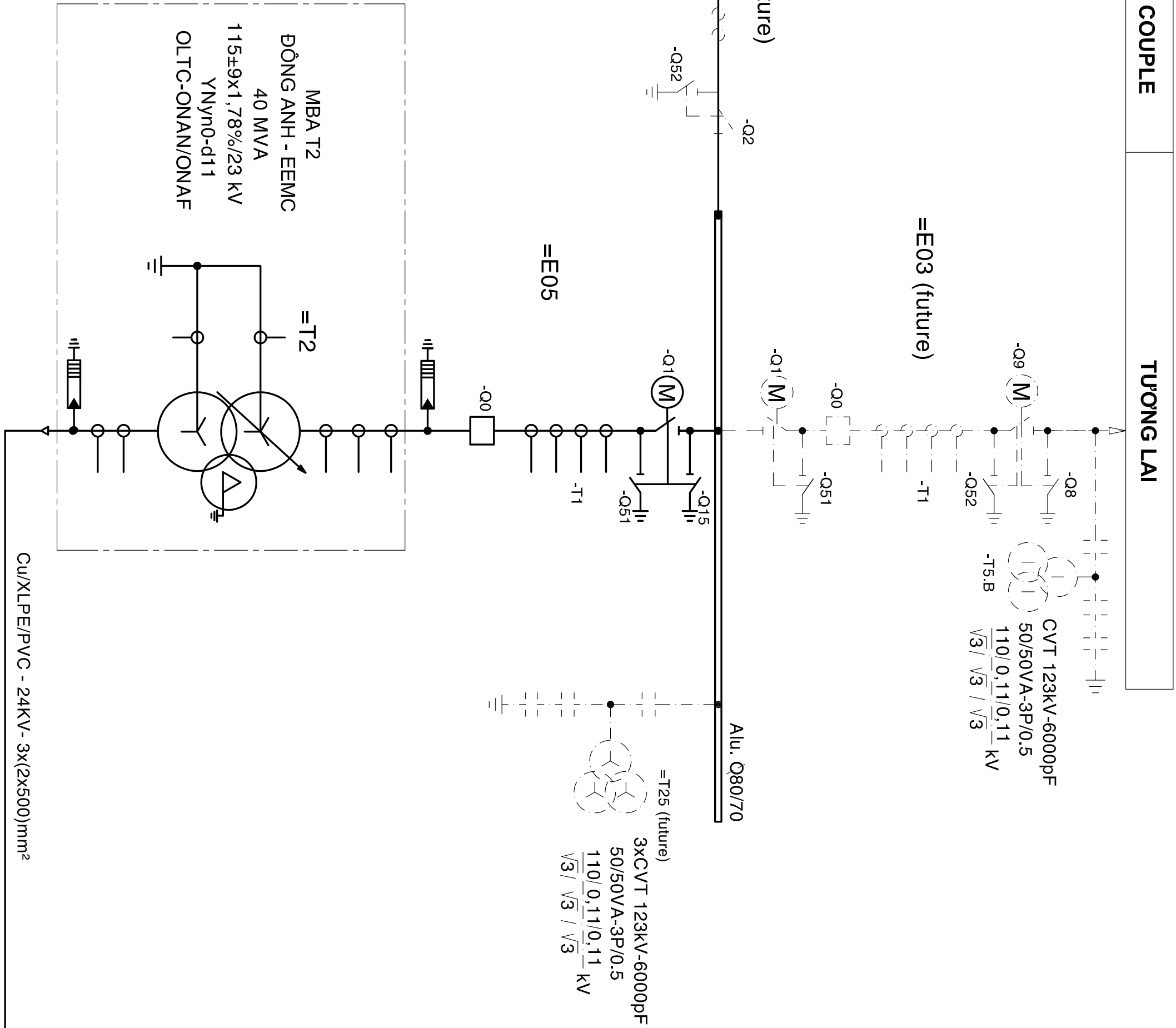
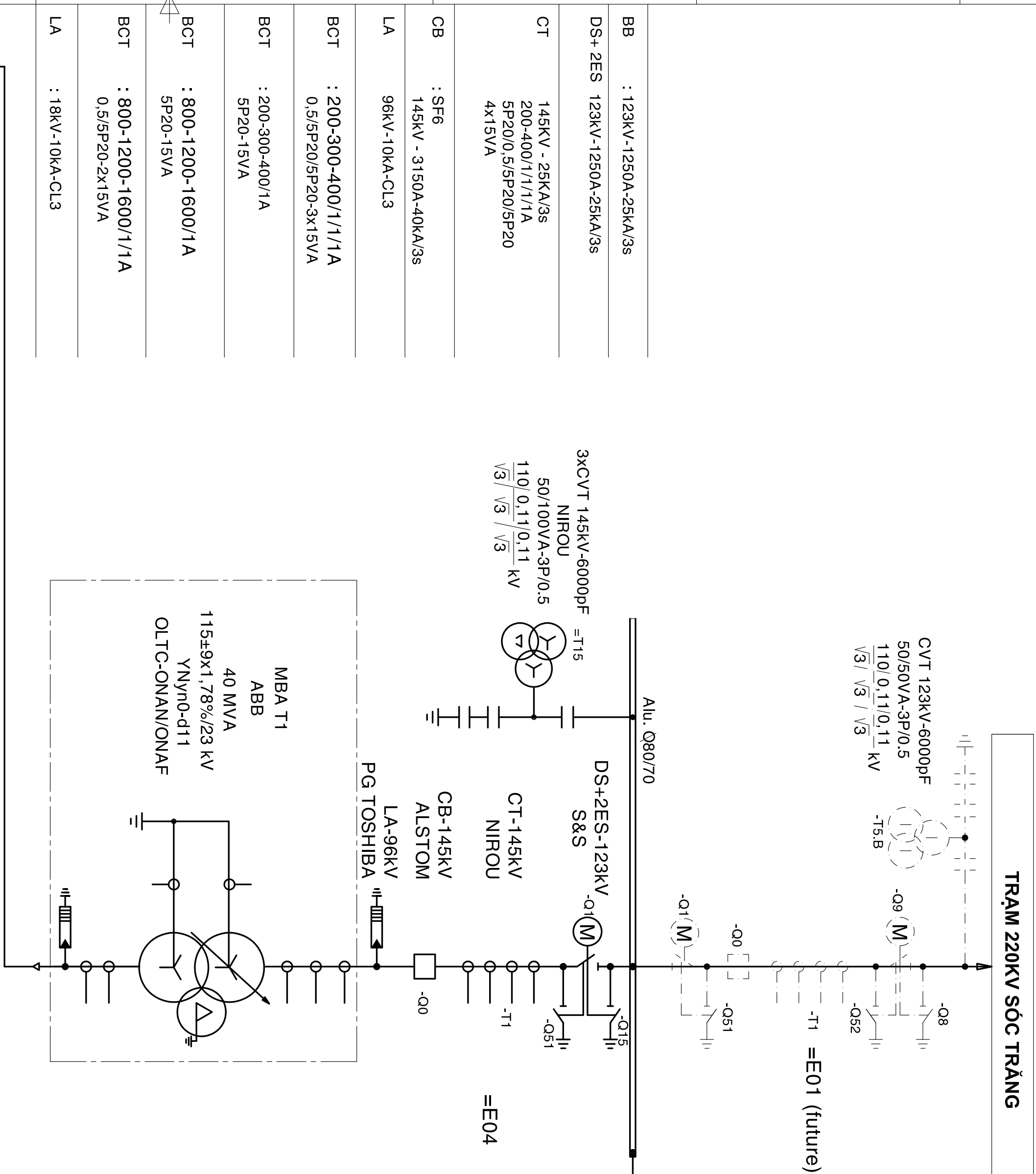
GHI CHÚ / NOTED:

THỂ HIỆN PHẦN THIẾT BỊ HIỆN HỮU / SHOWN EXISTING EQUIPMENT

THỂ HIỆN PHẦN THIẾT BỊ ĐƯỢC LẮP ĐẶT TRONG DỰ ÁN NÀY / SHOWN EQUIPMENT IN THIS SCOPE

THE HIỆN PHẦN THIẾT BỊ THUỘC DỰ ÁN KHÁC / THE EQUIPMENT WILL BE INSTALLED IN THE OTHER PROJECT

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẬN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
P.GDTLD	Trần Vĩnh Phong		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
Trường phòng	Phạm Hoàng Nam		
Kiểm tra	Lê Nguyên Ninh		
Thiết kế	Lê Minh Nhật		
		SƠ ĐỒ LƯỚI ĐIỆN KHU VỰC NĂM 2020	
		TKBVTC	12-2019
		BD1-16-14D.T.R.VC.DN-01A/2	2/2

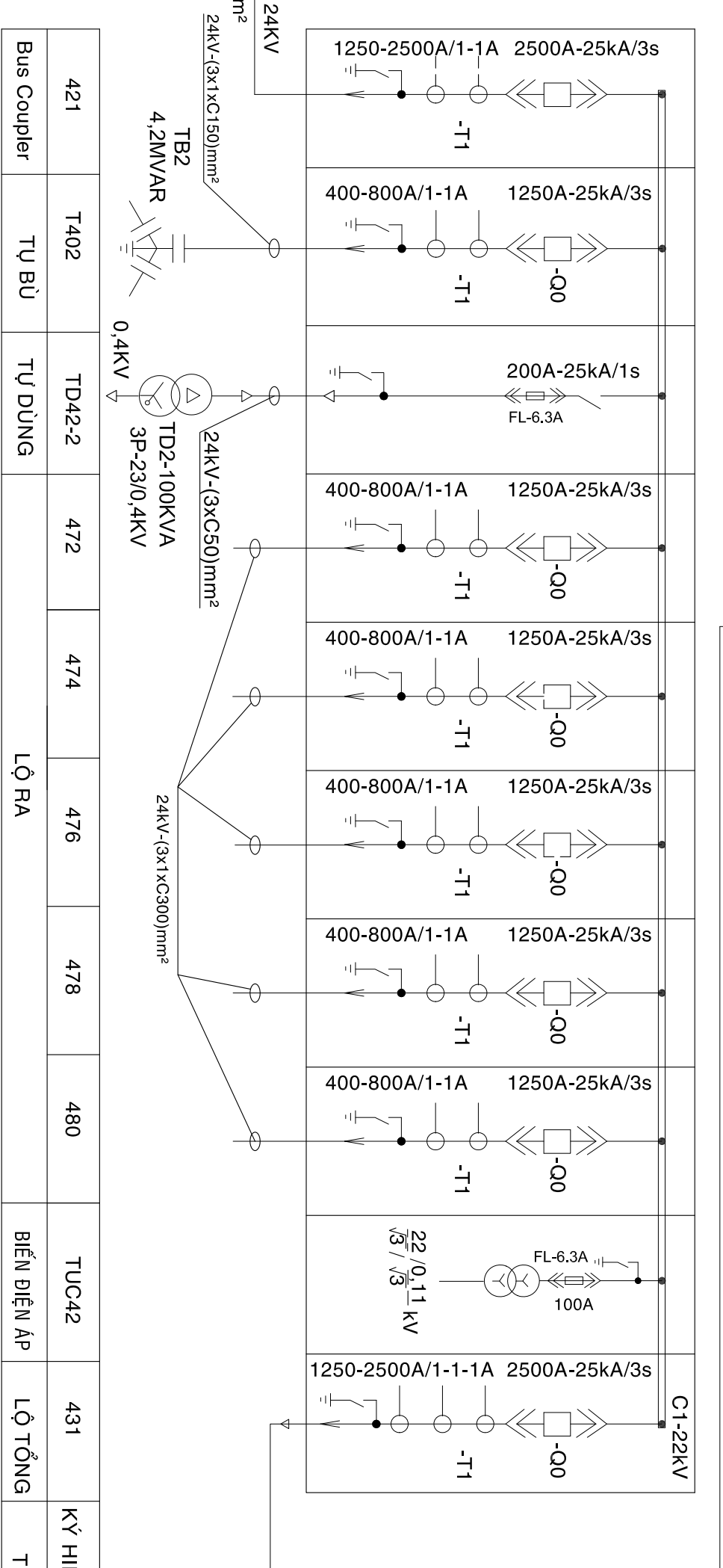
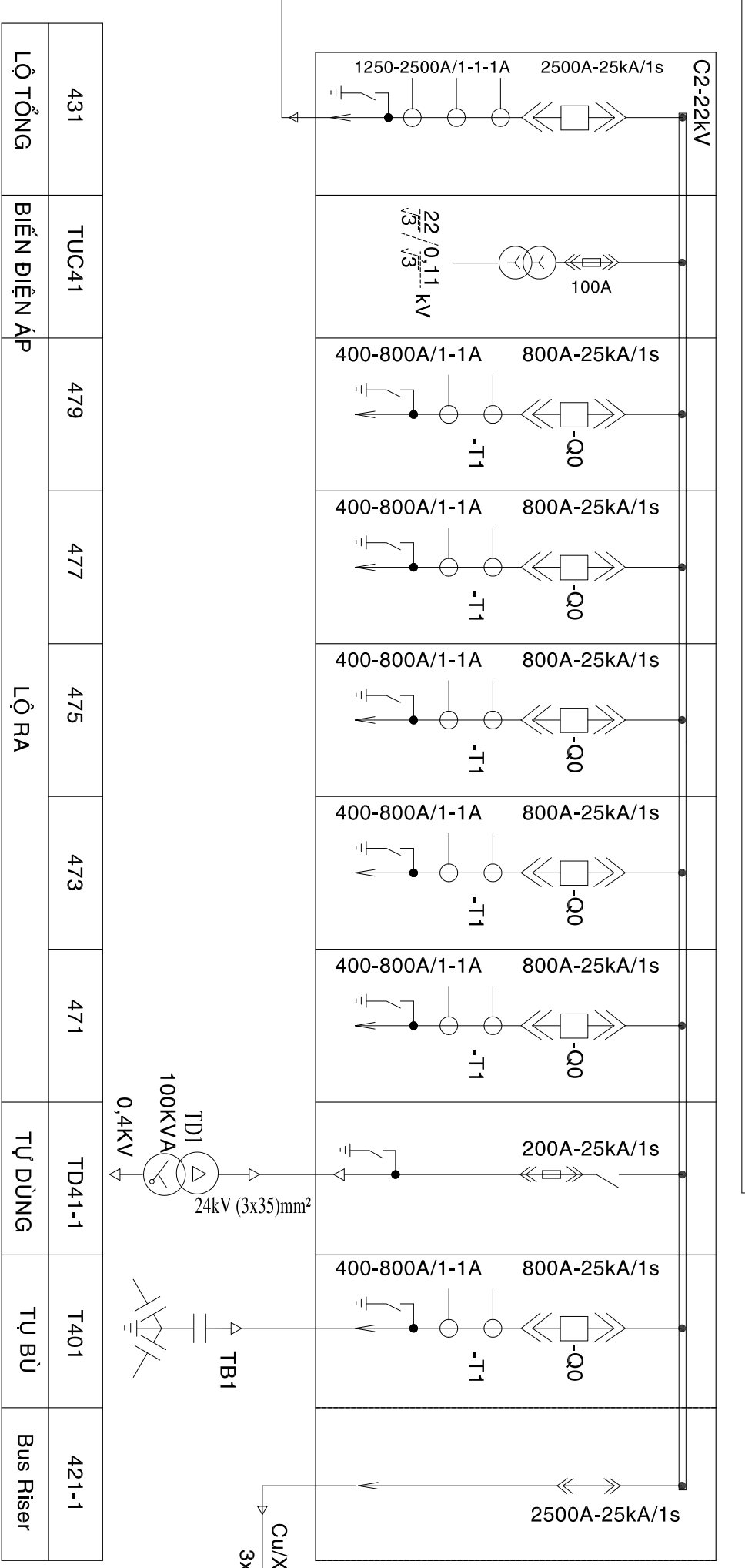
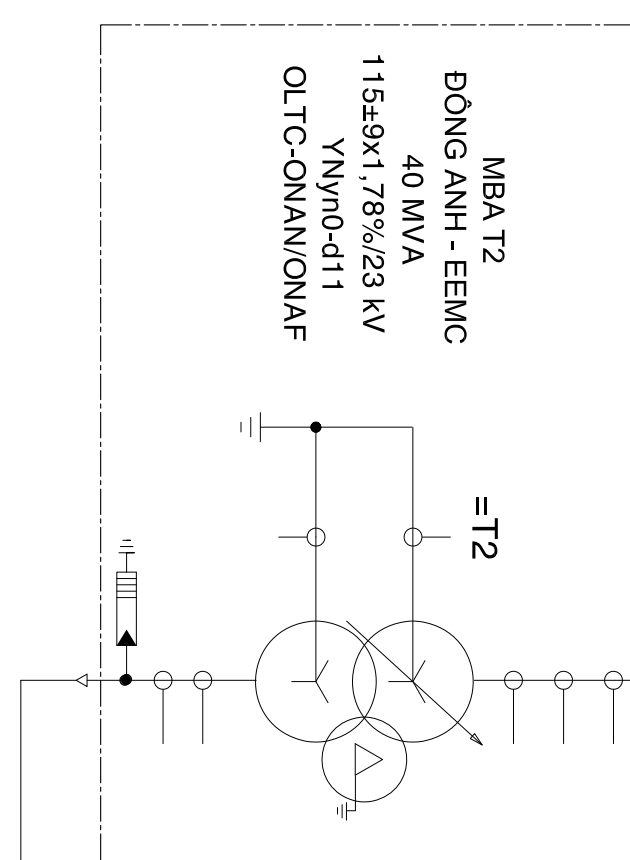
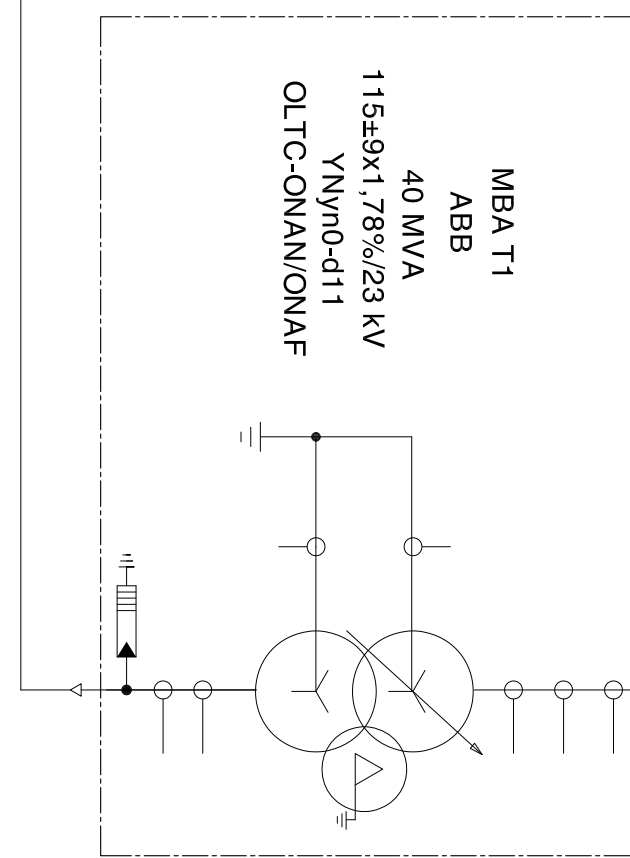
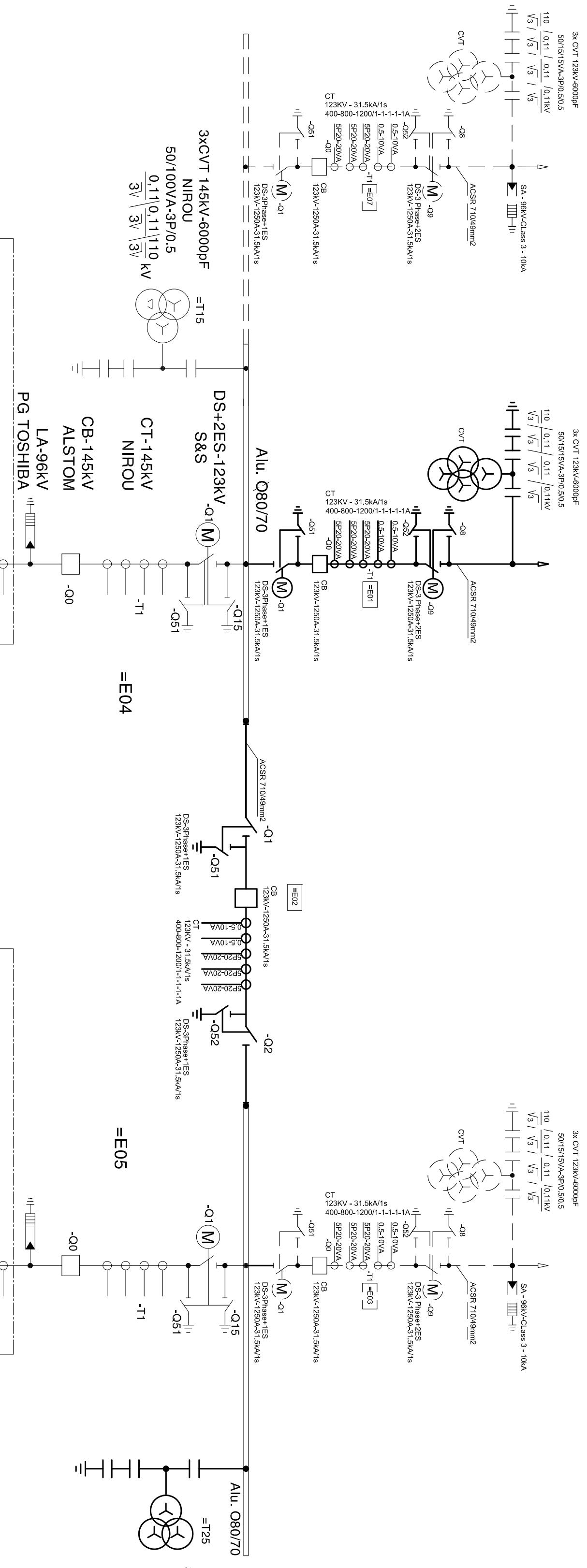


BB	: 2500A - 25kA/s
VCB	24kV-2500A-25kA/3s CHO LỘ TỔNG 24kV-1250A-25kA/3s CHO LỘ RA
VT	24kV - (22 $\sqrt{3}$)/(0,11 $\sqrt{3}$)
CT	: 24kV 1250-2500/1/1/1A CHO LỘ TỔNG 0,5/5P20/5P20-3x15VA 400-800/1/1A CHO LỘ RA 0,5/5P20-2x15VA
MBA TD2	: 100kVA - Dyn11 - ONAN 23 $\pm$ 2x2,5%/0,4kV
TB2	: 24kV - 4,2MVAR - Yn 21 cells x (13,4kV - 200kVar)

[illegible]

KÝ HIỆU NGẪN	E06	E01/E04	E02	E03/E05
TÊN NGẪN TRƯỚC KHI MỞ RỘNG	TBA 220KV SỐC TRĂNG/ MBA AT1	TBA 220KV SỐC TRĂNG/ MBA AT1	DỰ PHÒNG (PHẦN ĐOÀN)	DỰ PHÒNG TBA 220KV SỐC TRĂNG / MBA T2
TÊN NGẪN SAU KHI MỞ RỘNG	TBA 220KV BẠC LIỆU 2	TBA 220KV BẠC LIỆU 2/ MBA AT1	PHẦN ĐOÀN	TBA 220KV BẠC LIỆU 2/ MBA AT2

BB	: 123kV-1250A-25KA/3s
DS+ 2ES	123kV-1250A-25KA/3s
CT	145KV - 25KA/3s 200-400/1/1/1A 5P20/0,5P20/5P20 4x15VA
CB	: SF6 145kV - 3150A-40KA/3s
LA	96kV-10kA-CL3
BCT	: 200-300-400/1/1/1A 0,5/5P20/5P20-3x15VA
BCT	: 200-300-400/1A 5P20-15VA
BCT	: 800-1200-1600/1A 5P20-15VA
BCT	: 800-1200-1600/1A 0,5/5P20-2x15VA
LA	: 18kV-10kA-CL3



BB	: 2500A - 25KA/s
VCB	24kV -2500A-25KA/3s CHO LỘ TỔNG 24kV-1250A-25KA/3s CHO LỘ RA
VT	24kV - (22/√3)/(0,11/√3)
CT	: 24kV 1250-2500/1/1/1A CHO LỘ TỔNG 0,5/5P20/5P20-3x15VA 400-800/1/1A CHO LỘ RA 0,5/5P20-2x15VA
MBA TD2	: 100kVA - Dyn11 - ONAN 23-±2x2,5%/0,4kV
TB2	: 24kV - 4,2MVAR - Yn 21 cells x (13,4kV - 200kVar)

421	T402	TD42-2	472	474	476	478	480	TUC42	431	KÝ HIỆU NGẪN
Bus Coupler	TỦ BÙ	TỦ DUNG						BIẾN ĐIỆN AP	LỘ TỔNG	TÊN NGẪN

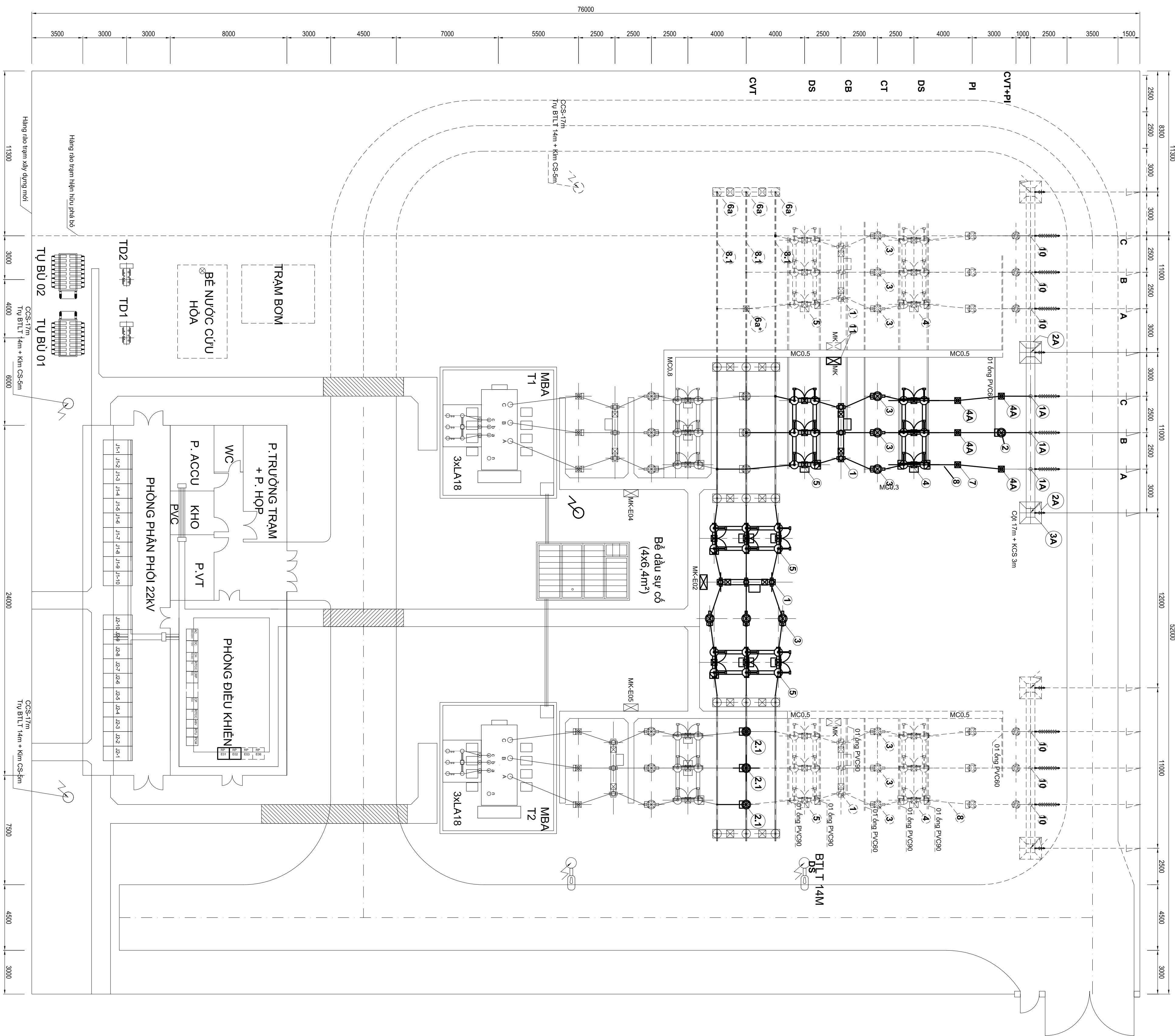
431	TUC41	479	477	475	473	471	TD41-1	T401	421-1
LỘ TỔNG	BIẾN ĐIỆN AP						TỦ DUNG	TỦ BÙ	Bus Riser

Lên sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	
CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		Người sửa đổi	
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		Ngày sửa đổi	
CÔNG TY CỔ PHẦN		MỞ RỘNG NGẪN LỘ 110KV	
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		TRẠM 110KV VINH CHÂU	
P.ĐBTLĐ		Tần Vinh Phong	
CNTK		Nguyễn Thành Văn	
Trưởng Phòng		Phạm Hoàng Nam	
Kiểm tra		Lê Minh Nhật	
Thiết kế		TKBVTC	
DD-1-6-14D-TR.VC-DN-01/2		12-2019	
		1/1	

Lên sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	
CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		Người sửa đổi	
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		Ngày sửa đổi	
CÔNG TY CỔ PHẦN		MỞ RỘNG NGẪN LỘ 110KV	
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		TRẠM 110KV VINH CHÂU	
P.ĐBTLĐ		Tần Vinh Phong	
CNTK		Nguyễn Thành Văn	
Trưởng Phòng		Phạm Hoàng Nam	
Kiểm tra		Lê Minh Nhật	
Thiết kế		TKBVTC	
DD-1-6-14D-TR.VC-DN-01/2		12-2019	
		1/1	

Lên sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	
CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		Người sửa đổi	
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		Ngày sửa đổi	
CÔNG TY CỔ PHẦN		MỞ RỘNG NGẪN LỘ 110KV	
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		TRẠM 110KV VINH CHÂU	
P.ĐBTLĐ		Tần Vinh Phong	
CNTK		Nguyễn Thành Văn	
Trưởng Phòng		Phạm Hoàng Nam	
Kiểm tra		Lê Minh Nhật	
Thiết kế		TKBVTC	
DD-1-6-14D-TR.VC-DN-01/2		12-2019	
		1/1	

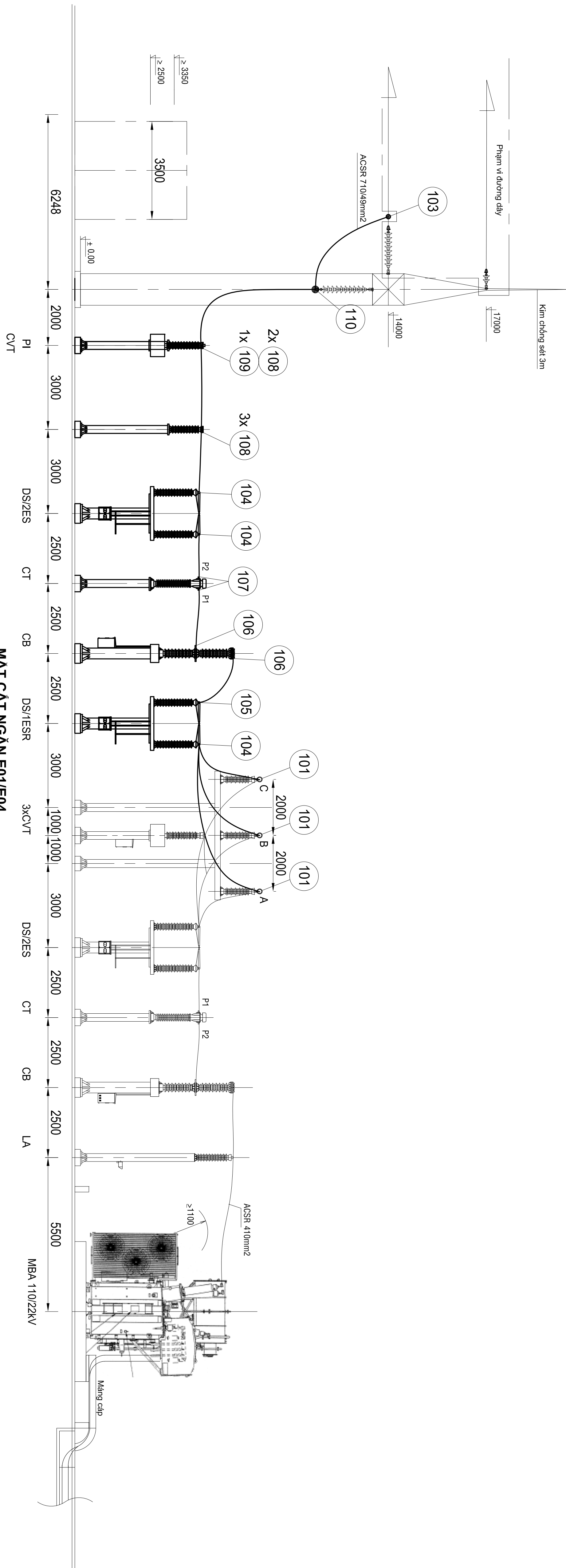
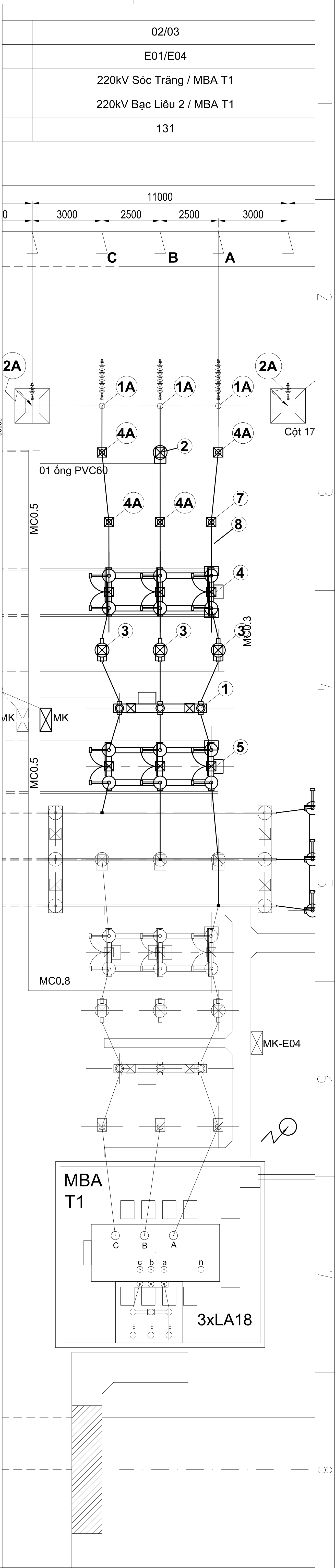
Số ngân	01	02/03	04	05/06
Mã hiệu ngân	E06	E01/E04	E02	E03/E05
Tên ngân trước mở rộng	220kV Sóc Trăng / MBA T1	Phân Đoạn (Dq Phang)	220kV Sóc Trăng (Dq Phang) / MBA T2	
Tên ngân sau mở rộng	220kV Bạc Liêu 2 / MBA T1	Phân Đoạn	220kV Sóc Trăng / MBA T2	
Chỉ danh trước mở rộng	131			



Khí cụ / Code	Tên thiết bị / Name of Equipment	Đặc tính kỹ thuật / Technical Specification	Đơn vị / Unit	Số lượng / Qty.	Ghi chú / Remark
MAIN MATERIAL / VẬT LIỆU CHÍNH					
A	Máy cắt 3 pha, công suất - 55kW - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	02	
1	Máy cắt 3 pha, công suất - 55kW - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	01	For DZ
2	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	01	For DZ
21	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	03	For DZ
3	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	05	
4	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	01	
5	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	03	
07	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	01	
SUB-MATERIAL / VẬT LIỆU PHỤ KIỆN					
9	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	m	150	For DZ
10	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	03	For DZ
C. CABLE / CÁP					
11	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ / set	02	
D. OTHER MATERIAL / VẬT LIỆU KHÁC					
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	string	05	
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	m	100	
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	m	60	
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	string	04	
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	set	03	For DZ
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	set	03	
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	set	03	
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	set	03	
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	set	05	
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	set	04	
E. OTHER MATERIAL / VẬT LIỆU KHÁC					
1A	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	string	03	
2A	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	set	02	
-	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	set	04	
3A	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ	01	
4A	Máy biến áp hạ áp - 123kW	123kW - 55kW - 1250V - 31.5kVA/1h	bộ	04	

GHI CHÙ:

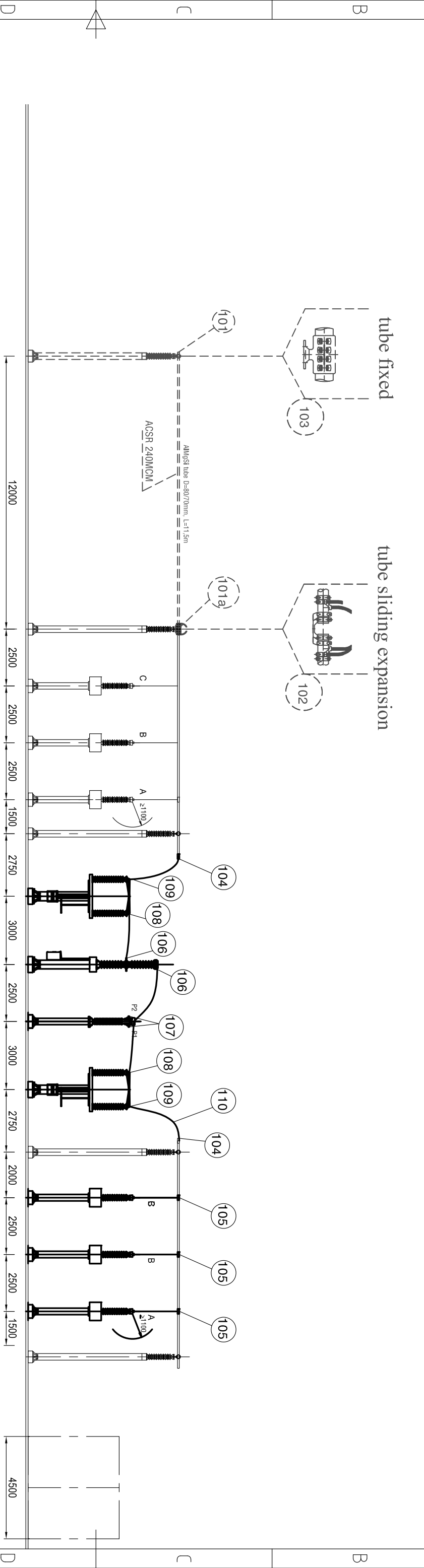
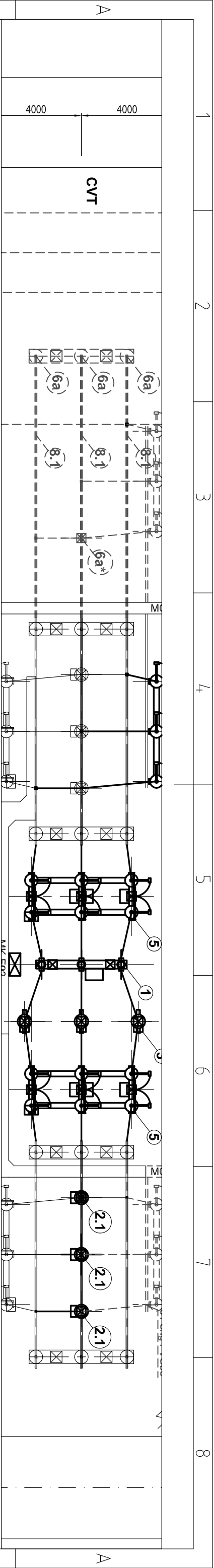
[illegible]



Kí hiệu /Code	Tên thiết bị / Name of Equipment	Đặc tính kỹ thuật/ Technical Specification	Đơn vị / Unit	Số lượng / Qty.	Ghi chú / Remark
101	Kẹp rê nhôm từ 1 dây ACSR-710/49 đến ống AlMgSi tube D=80/70mm Tee-clip connector for 1xACSR-710/49mm2 to tube AlMgSi tube D=80/70mm	1xACSR-710/49 - AL-D-80/70	bộ / set	03	
103	Đầu coes ép dây leo cho dây ACSR-710/49mm Compression terminal for AC710sqmm (accessories included)	For 1xACSR-710/49mm2	bộ / set	03	For Transmission Line
104	Kẹp chữ T- cho DS phù hợp 1 dây ACSR-710/49mm2 DS connector - Tee connector for 1xACSR-710/49mm2		bộ / set	09	
105	Kẹp thẳng - cho DS phù hợp 1 dây ACSR-710/49mm2 DS connector - Straight connector for 1xACSR-710/49mm2		bộ / set	03	
106	Kẹp CB phù hợp 1 dây ACSR-710/49mm2 CB connector for 1xACSR-710/49mm2		bộ / set	06	
107	Kẹp CT phù hợp 1 dây ACSR-710/49mm2 CT connector for 1xACSR-710/49mm2		bộ / set	06	
108	Kẹp PI phù hợp 1 dây ACSR-710/49mm2 PI connector for 1xACSR-710/49mm2		bộ / set	05	
109	Kẹp chữ T- cho CVT phù hợp 1 dây ACSR-710/49mm2 CVT connector - Tee connector for 1xACSR-710/49mm2		bộ / set	01	
110	Khóa đỡ leo cho 1 dây ACSR-710/49mm2 Clamp for suppression insulator for 1xACSR-710/49mm2		bộ / set	03	
112	ACSR-710/49mm2 conductor		m	100	

7

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGẪN LỘ 110kV TRẠM 110kV VĨNH CHÂU	
P.GBTLĐ	Trần Vĩnh Phong		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
Trưởng phòng	Phạm Hoàng Nam	CÁC MẶT CẮT NGẪN ĐƯỜNG DÂY 110kV - E01 LAYOUT AND SECTION OF BAY E01	
Kiểm tra	Lê Nguyên Ninh	TKBVTC	12-2019
Thiết kế	Lê Minh Nhựt	ĐD1-16-14D.TR.VC.ĐN-03/1	1/1



Kí hiệu /Code	Tên thiết bị / Name of Equipment	Đặc tính kỹ thuật/ Technical Specification	Đơn vị / Unit	Số lượng / Qty.	Ghi chú / Remark
104	Straight connector for Tube D80/70 to 1xACSR-710/19mm ² Kẹp thẳng từ ống nhàn D80/70 đến 1xACSR-710/19mm ²	For AlMgSi tube D=80/70mm to ACSR-710/19mm ²	set bộ	06	
105	Tee tap connector for tube D80/70 to 1xACSR-710/19mm ² Kẹp rẽ nhánh chữ T từ ống nhàn D80/70 đến 1xACSR-710/19mm ²	For AlMgSi tube D=80/70mm to ACSR-710/19mm ²	set bộ	03	
106	Kẹp cực thiết bị máy cắt 110kV, phù hợp dây dẫn 1xACSR-710/19mm ² , loại ngang Straight AL bolt terminal connectors for Circuit Breaker (including all necessary terminal fixing bolts, nuts, washer etc.), connecting to 1xACSR-710/19mm ² conductors.		set bộ	06	
107	Straight AL bolt terminal connectors for current transformer (including all necessary terminal fixing bolts, nuts, washer etc.), connecting to 1xACSR-710/19mm ² conductors.		set bộ	06	
108	Kẹp cực dao cách ly phù hợp cho dây 1xACSR-710/19mm ² , loại ngang Al bolt terminal connectors (including all necessary terminal fixing bolts, nuts, washer etc.), connecting to 1xACSR-710/19mm ² conductors, Horizontal connector type.		set bộ	06	
109	Kẹp cực dao cách ly phù hợp cho dây 1xACSR-710/19mm ² , loại đứng Al bolt terminal connectors (including all necessary terminal fixing bolts, nuts, washer etc.), connecting to 1xACSR-710/19mm ² conductors Vertical connector type.		set bộ	06	
110	Aluminium conductor steel reinforced - ACSR-710/17mm ²		m	50	

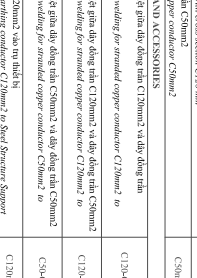
			I ne nện thiet bị nện nưư				
			Thẻ hiện thiet bị lắp đặt trong dự án				
			Thẻ hiện thiet bị tương lai				
			Thẻ hiện thiet bị thuộc dự án khác				
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi		Ngày sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU			
 EVNPECC2				CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẬN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.GDTLD				Trần Vĩnh Phong			
CNTK				Nguyễn Thành Văn			
Trường phòng				Phạm Hoàng Nam			
Kiểm tra				Lê Nguyễn Ninh			
Thiết kế				Lê Minh Nhựt			
				MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TRẠM 110KV VĨNH CHÂU			
				MẬT CẮT NGĂN PHẦN ĐOẠN - E02 LAYOUT AND DECTION OF BAY E02			
				TKBVTC		12-2019	
				ĐD1-16-14D.TR.VC.DN-03/2		1/1	

17	15
----	----

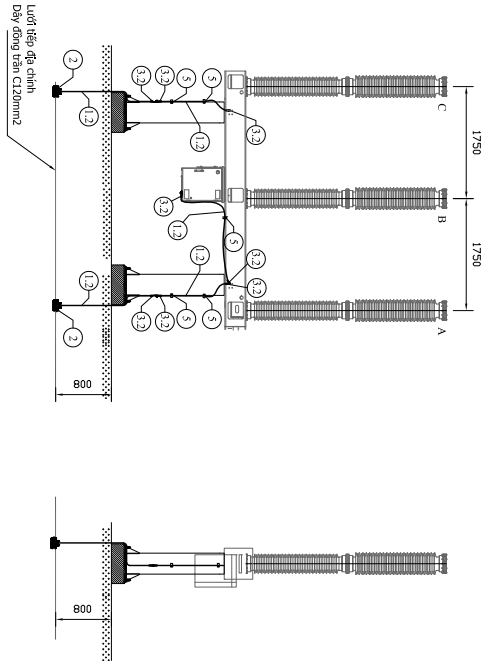
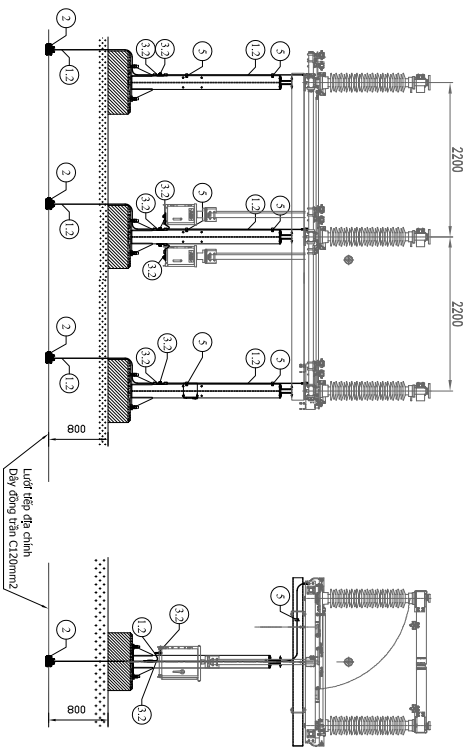
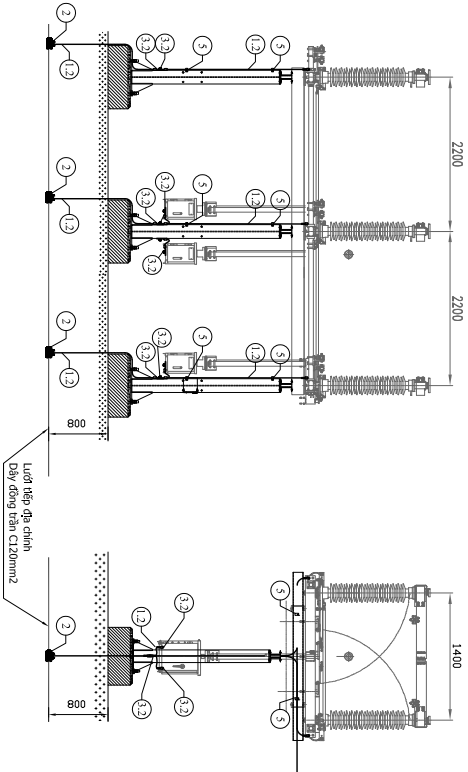
Kí hiệu /Code	Tên thiết bị / Name of Equipment	Đặc tính kỹ thuật / Technical Spec.	Đơn vị tính / Unit	Số lượng /Qty.	Ghi chú / Remark
A	MAIN MATERIAL THIEET BI CHON				
1	Thiết bị gia công gia nhiệt để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon	C120mm2	m	250	For main processing part and first to
2	Thiết bị gia công gia nhiệt để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon	C20mm2	m	20	For end use, C10mm2 and cable rods
B	FITTING AND ACCESSORIES				
1	Thiết bị gia công gia nhiệt để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon	C120x120	inch point	35	đến từ hãng BERNI và dùng lắp
2	Thiết bị gia công gia nhiệt để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon	C120x250	inch point	10	đến từ hãng BERNI và dùng lắp
3	Thiết bị gia công gia nhiệt để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon	C10x250	inch point	5	đến từ hãng BERNI và dùng lắp
4	Thiết bị gia công gia nhiệt để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon	C120mm2	inch point	-	đến từ hãng BERNI và dùng lắp
5	Thiết bị gia công gia nhiệt để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon	C120mm2	inch point	80	đến từ hãng BERNI và dùng lắp
6	Thiết bị gia công gia nhiệt để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon	C20mm2	inch point	20	đến từ hãng BERNI và dùng lắp
7	Thiết bị gia công gia nhiệt để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon để gia công vật liệu composite và vật liệu sợi carbon	C20mm2	inch point	20	đến từ hãng BERNI và dùng lắp

[illegible]

Q ₁	Spec.	TERMINAL TUBITY IN CHINA
250	m	China200 The tubity was made after the <i>Chama</i> (no base and side wall) and the <i>Chama</i> (base and side wall) were made and then the mass was covered by <i>Chama</i> (no base and side wall) and the mass was covered by <i>Chama</i> (base and side wall).
20	m	China200 The tubity was made after the <i>Chama</i> (no base and side wall) and the <i>Chama</i> (base and side wall) were made and then the mass was covered by <i>Chama</i> (no base and side wall) and the mass was covered by <i>Chama</i> (base and side wall).
35	m	China200 The tubity was made after the <i>Chama</i> (no base and side wall) and the <i>Chama</i> (base and side wall) were made and then the mass was covered by <i>Chama</i> (no base and side wall) and the mass was covered by <i>Chama</i> (base and side wall).
10	m	China200 The tubity was made after the <i>Chama</i> (no base and side wall) and the <i>Chama</i> (base and side wall) were made and then the mass was covered by <i>Chama</i> (no base and side wall) and the mass was covered by <i>Chama</i> (base and side wall).
5	m	China200 The tubity was made after the <i>Chama</i> (no base and side wall) and the <i>Chama</i> (base and side wall) were made and then the mass was covered by <i>Chama</i> (no base and side wall) and the mass was covered by <i>Chama</i> (base and side wall).
-	m	China200 The tubity was made after the <i>Chama</i> (no base and side wall) and the <i>Chama</i> (base and side wall) were made and then the mass was covered by <i>Chama</i> (no base and side wall) and the mass was covered by <i>Chama</i> (base and side wall).

[illegible]

14		15		16	
LIST OF MATERIAL AND EQUIPMENT BANGKAYA THERM-BI					
Ki hien / Code	Tên thiết bị / Name of Equipment	Đơn tính / Technical Specs	Số lượng / Qty.	Chiều cao / Remark	
A. MAIN MATERIAL, THERM-BI CHIMI					
1	<i>Đá dăm cỡ nhỏ hơn 5mm để rải đường và đá dăm nhỏ để rải vỉa hè</i> Small sized gravel (smaller than 5mm) for road and fine gravel for sidewalk	C120mm2	250	For main material for road and fine for sidewalk equipment	
2	<i>Đá dăm cỡ trung C120mm2</i> Standard copper conductor C120mm2	C120mm2	m	Chào buổi chào chào	
B. FITTING AND ACCESSORIES					
1	<i>Đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2</i> Electric meter reading for standard copper conductor C120mm2 to C120mm2	C120x120	35	đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2	
2	<i>Đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2</i> Electric meter reading for standard copper conductor C120mm2 to C120mm2	C120x50	10	đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2	
3	<i>Đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2</i> Electric meter reading for standard copper conductor C120mm2 to C120mm2	C120x50	5	đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2	
4	<i>Đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2</i> Electric meter reading for standard copper conductor C120mm2 to C120mm2	C120mm2	-	đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2	
5	<i>Đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2</i> Electric meter reading for standard copper conductor C120mm2 to C120mm2	C120mm2	80	đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2	
6	<i>Đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2</i> Electric meter reading for standard copper conductor C120mm2 to C120mm2	C120mm2	20	đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2	
7	<i>Đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2</i> Electric meter reading for standard copper conductor C120mm2 to C120mm2	C120mm2	50	đồng hồ đo điện áp điện áp điện áp C120mm2 và dây điện dẫn C120mm2	



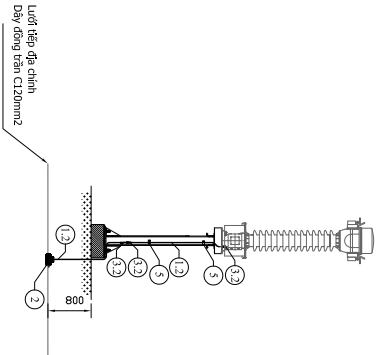
BẢNG KẾ KHOẢN LƯỢNG, ĐƠN CÁCH VÀ PHẠ			
STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHOẢNG LƯỢNG
1.2	Đáy dùng làm C120mm	m	15
2	Mặt bìa hoa nhện	Mỗi	03
3.2	Bàn cosine dùng làm áp cơ độ 150mm + bu lông + đai ốc + lông dẹt	Bộ	13
	Kẹp cố định dây kìm không + đai ốc + vòng đệm	Cặp	06

NỘI DẤT BIẾN DÒNG ĐIỆN 10KV

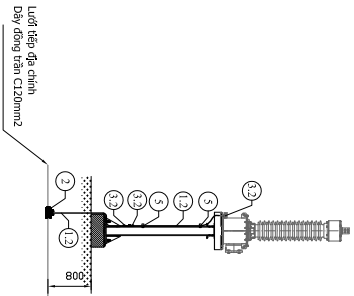
BẢNG KẾ KHỐI LƯỢNG, ĐƠN CÁCH LY + PHA		
STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ
1.2	Dây đồng trần CT20mm ²	m
2	Mặt bàn học nhôm	Mặt
3.2	Dây cồng đồng loại 3 lõi 150mm ² + bu lông + đai ốc + vòng đệm	Bộ
5	Kẹp cố định dây kẽm hướng + đai ốc + vòng đệm	Cặp

NỘI DẤT BIẾN ĐIỆN ÁP 110KV

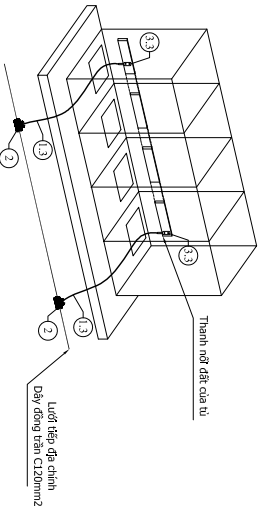
BẢNG KẾ KHẢO LƯỢNG / 01. BIỂU DÒNG ĐIỆN			
STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHẢO LƯỢNG
1,2	Dây đồng trần CI 20mm ²	m	04
2	Mặt hàn hàn nhẵn	Môđ	01
3	Dây đồng bọc nhựa 3φ có dây 150mm ² + bus đồng + đầu ốc + vòng dây	Bộ	02
5	Kẹp cố định dây trên tường + đầu ốc + vòng dây	Cặp	02



BẢNG KẾ KHO LƯỢNG (01) BIÊN DỀN, AP		
STT	TÊN VẬT TƯ	KHO LƯỢNG
	ĐƠN VỊ	
1,2	Dây đồng trần $\varnothing 120mm^2$	m
2	Mô đun bảo vệ	04
3,2	Dây xoắn đồng bọc vỏ dây 150mm ² + bu lông + đai ốc + vòng dãn	01
5	Kẹp cố định dây kẽm buộc + đai ốc + vòng dãn	02
	Cái	02



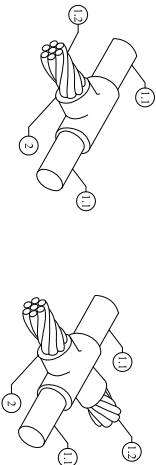
ĐIỀU KIỆN KHỐI LƯỢNG / MẶT DẪY TỤ		
STT	TÊN VẬT TƯ	KHỐI LƯỢNG
1,3	Cáp đồng bọc CY-50mm ²	06
3,3	Dây coong đồng bọc vỏ dây CY-50mm ² + ba lông + đai ốc + lông dây	02
4	Mô đun hòa mạch	02



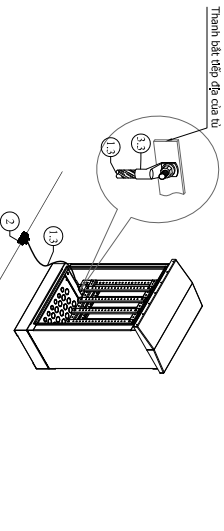
BẢNG KẾT QUẢ LƯỢNG: 01 MÁY CẮT 3 PHA		
TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
Dây dùng làm C10mm ²	m	1,2
Mũi khoan nhôm	Mũi	02
Dây nối dùng quấn dây 1,50mm ² - bu lông - đai ốc - lông dẹt	Bộ	08
Kẹp nối dính dây	Cái	05

NỘI DẤT DÂY TỦ 22kV, TỦ AC-DC, TỦ ĐK-BV TRONG NHÀ ĐIỀU KHIỂN

BẢNG KẾ HOẠCH LƯỢNG / 01 BIÊN DÒNG ĐIỆN			
STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHOẢNG LƯỢNG
1.2	Dây đồng trần CI 20mm ²	m	04
2	Mặt hàn nhôm	Mét	01
3.2	Dây co cách điện loại 3x có dây 150mm ² + bu lông + đai ốc + vòng đai	Bộ	02
5	Kẹp co định vị dây thông + đai ốc + vòng đai	Cái	03



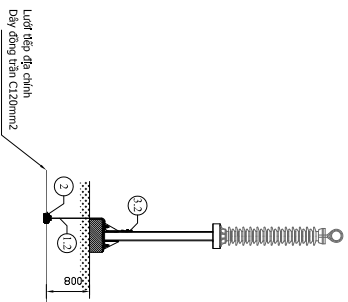
CHI TIẾT MỖI HÀN HÓA NHIỆT



NỘI DẤT TỬ MİK

BẢNG KẾ KHỐI LƯỢNG		
STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ
1.1	Dây đồng trần C120mm ²	m
1.2	Dây đồng trần C120mm ²	m
2	Mỏ hàn hóa nhiệt	Mỗi
		01

BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG (0) TỤ			
STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1.3	Cáp đồng bọc CV-50mm ²	m	02
2.3	Dây crosse đồng bọc vỏ dây CV-50mm ² , 1 bó bằng + dây đi + tổng dãn	Bó	01
3.3	Môi hàn hàn nhôm	Môi	01

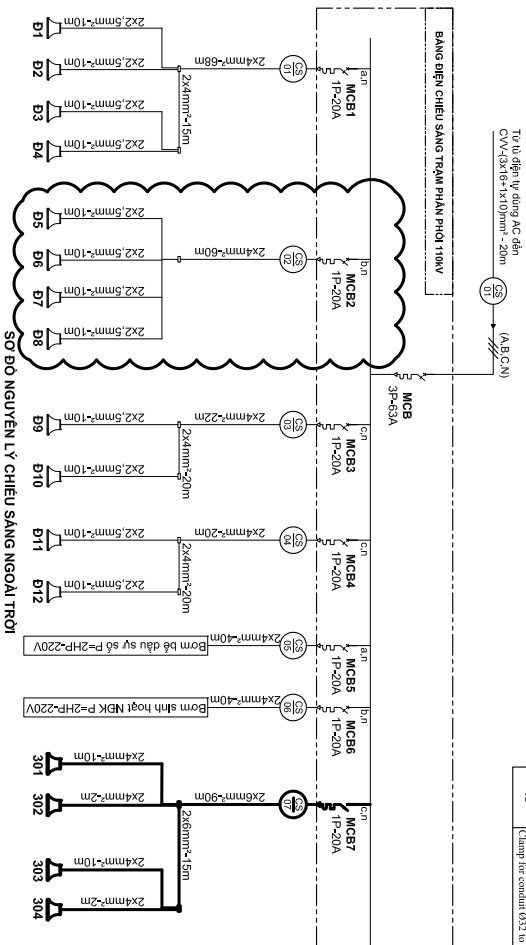
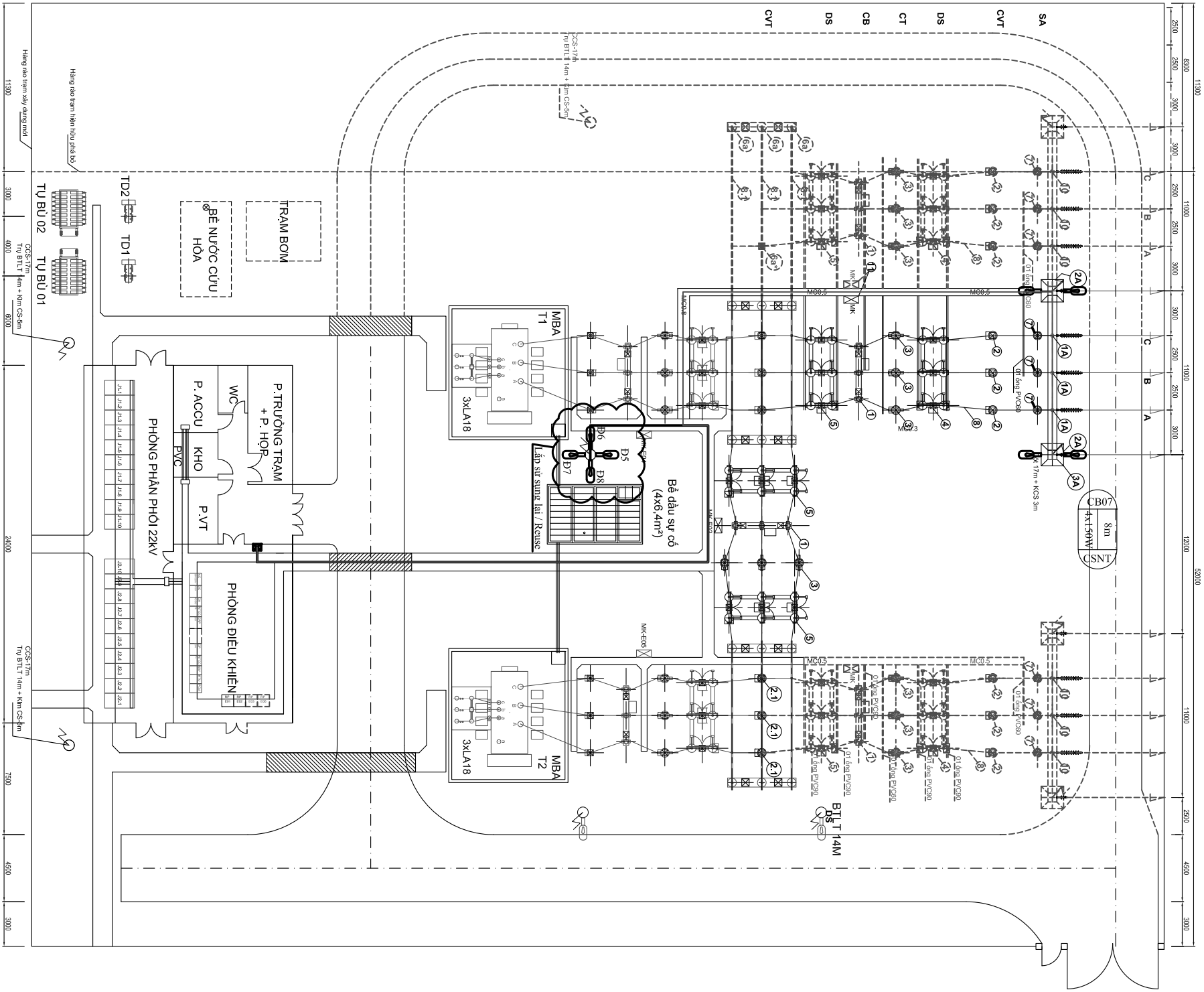


NỘI DẤT SỬ DỤNG 110KV

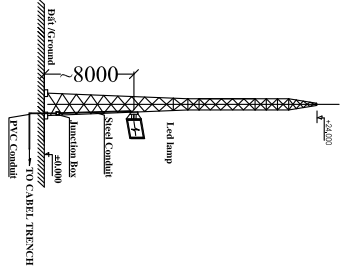
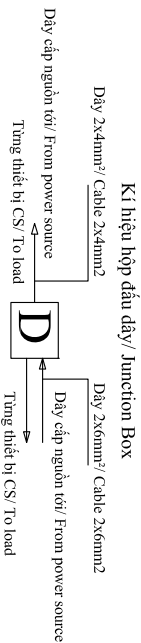
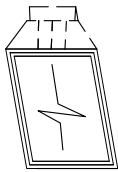
BẢNG KẾ KHỐI LƯỢNG (0) SƠ BỘ			
	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
SIT			
1.2	Dây đồng trần C120mm ²	m	02
2	Mối hàn bao nhiệt	Mét	01
3.2	Bàn cosine độ dài 4p có dây C120mm ² + bu lông + đai ốc + tổng dung	Bộ	01

Lên văn đề	Chẩn đoán nội dung văn đề	Nguồn văn đề	Ngày sản đề	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM	DƯỠNG DẪY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU			
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỆN 2 PVEGRID	MỎ RỪNG NGÀN LỘ 110KV TRẦN THỜI VINH CHÂU			
Tên Văn Phòng	CHỈ TIẾT NỘI DUNG			
CMTK:	DETAILED OF GROUNDING SYSTEM			
Nguyễn Hoàng Vân				
Phạm Hoàng Nam				
Trần Văn Phong				

Số ngày	01	02/03	04	05/06
Mã hiệu ngày	E06	E01/E04	E02	E03/E05
Tên ngày trước mở cổng		220kV Súc Trăng / MBA.T1	Phân đoạn (Dây Phông)	220kV Súc Trăng (Dây Phông) / MBA.T2
Tên ngày sau mở cổng	220kV Bạc Liêu 2	220kV Bạc Liêu 2 / MBA.T1	Phân đoạn	220kV Súc Trăng / MBA.T2
Chỉ danh trước mở cổng		131		
Chỉ danh trước mở cổng				



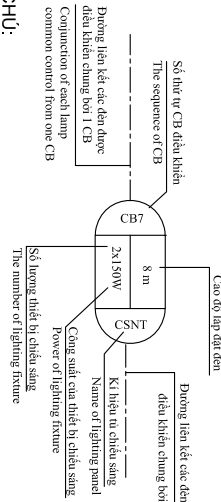
Dèn LED/ LED Lamp
150W - 230VAC



LIST OF MATERIAL AND EQUIPMENT/ BẢNG KÊ VẬT TƯ THIẾT BỊ

[illegible]

Ký hiệu mạch đèn/ Legend of Lighting Circuit

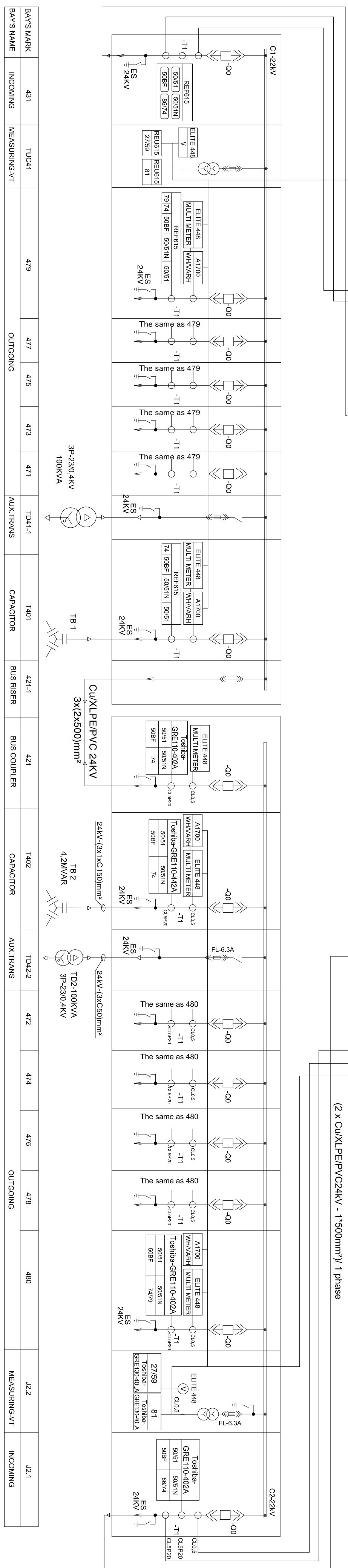
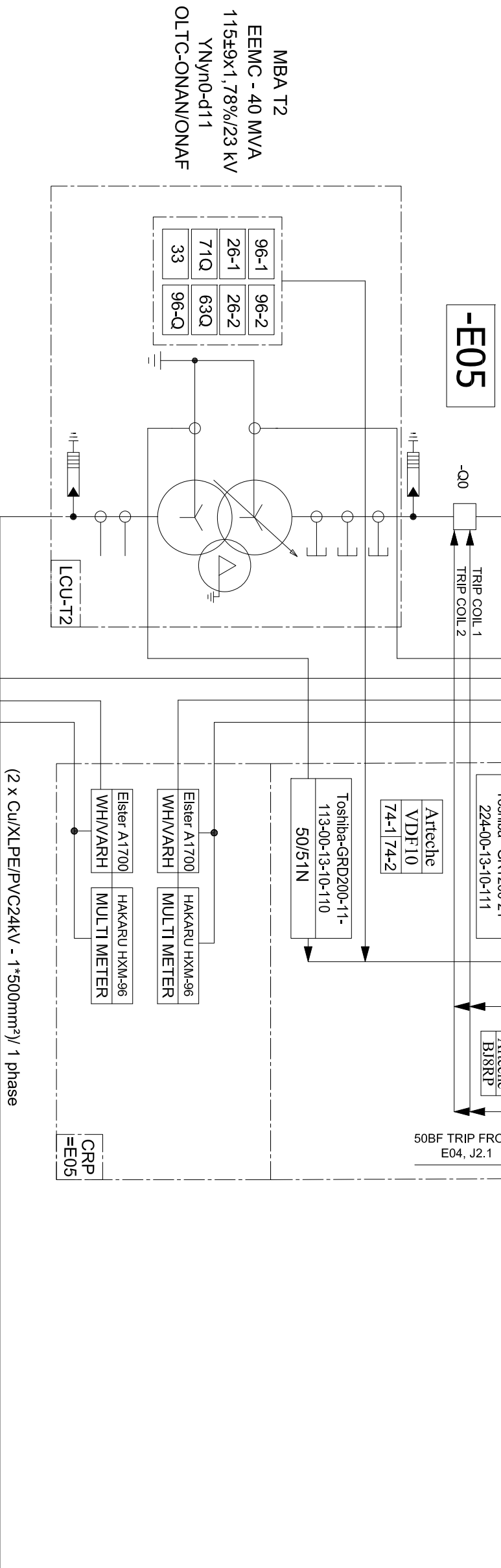
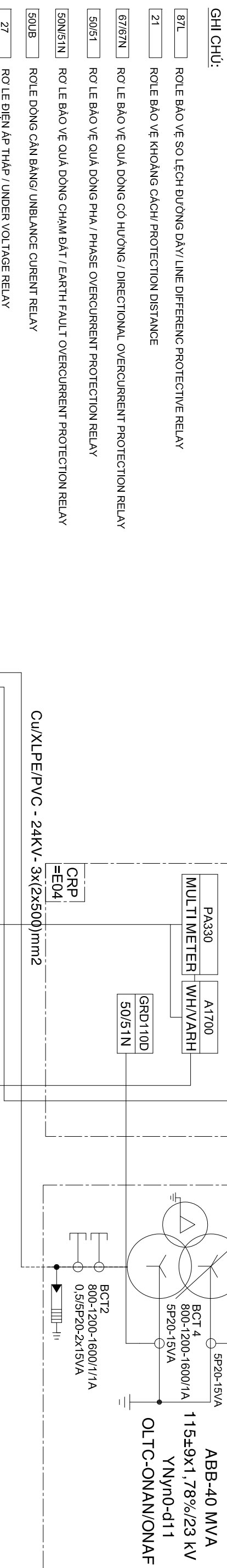
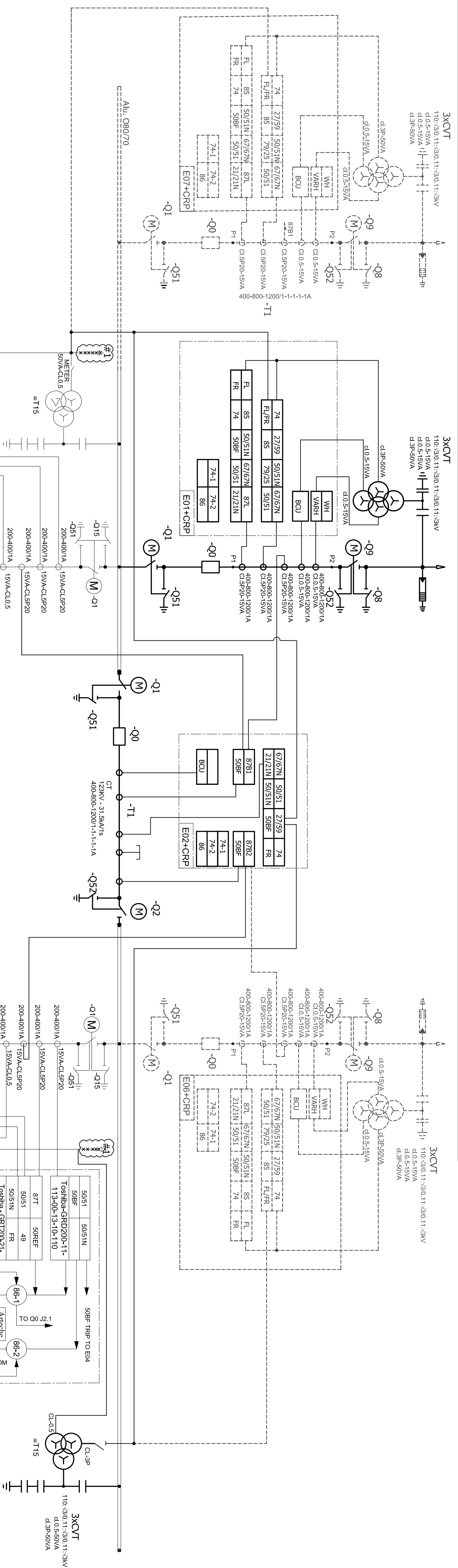


GHI CHÙ:

- Thế hiện thiết bị hiện hữu
 - Thế hiện thiết bị lắp đặt trong dự án
 - Thế hiện thiết bị tương lai
 - Thế hiện thiết bị thuộc dự án khác
 - Thế hiện thiết bị lắp sử dụng lại
- 
- Cấp lực đất trong móng, khi ra khỏi móng phải được luôn trong ống nhựa cách điện PVC32.
 - Cấp lực lên cột phải được luôn trong ống thép mà kèm D32.
 - Đèn LED 150W lắp trên cột ở độ cao 7.5m đến 8m.
 - Các góc quay và góc nghiêng của đèn được chuẩn xác khi thi công
 - Chiều dài cáp lực, dây dẫn được chuẩn xác khi thi công.
- Quy cách vật tư vật liệu theo tài liệu kỹ thuật đã được CĐT phê duyệt.

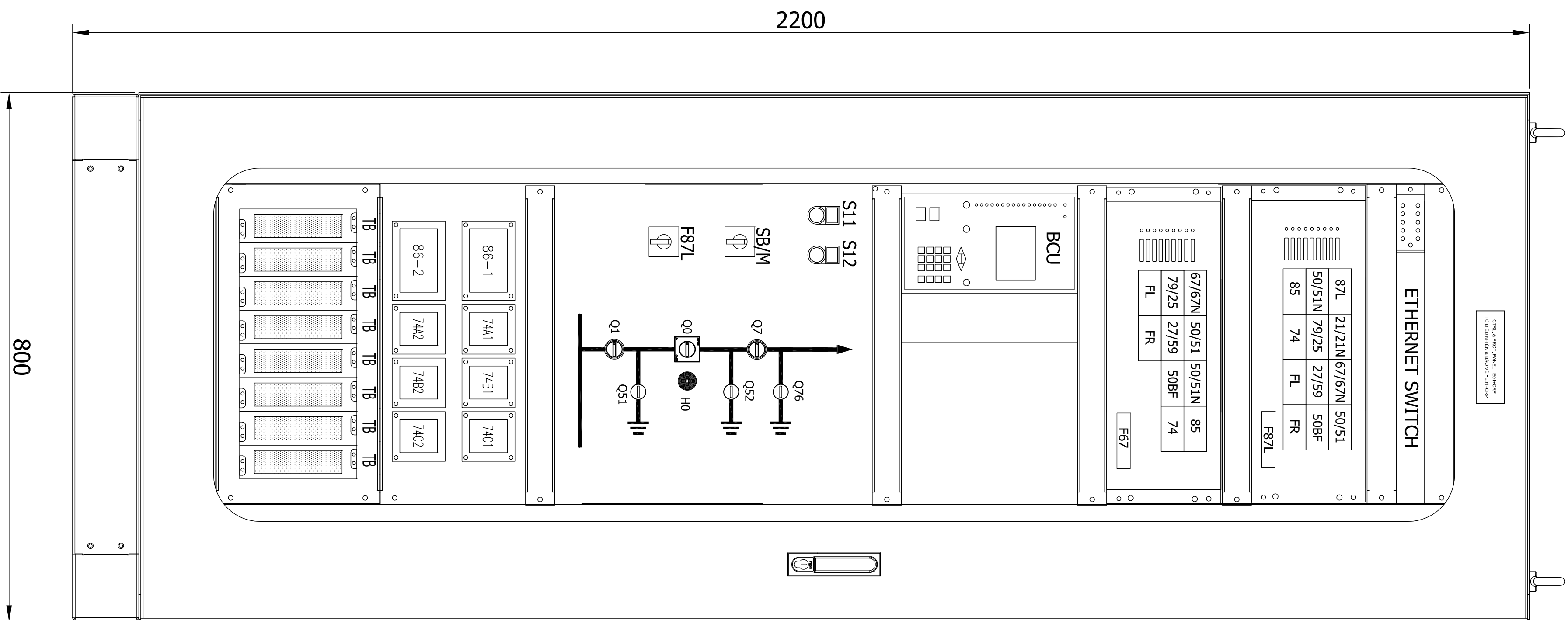
[illegible]

KÝ HIỆU NGÂN	E06	ED/E04	E02	E03/E05
TÊN NGÂN TRƯỚC MỞ PHÒNG		220KV Súc Trăng / MBA AT1	DỰ PHÒNG (PHẦN ĐOẠN)	DỰ PHÒNG / MBA T2
TÊN NGÂN SAU MỞ PHÒNG	220KV BẠC HIỆU 2	220KV BẠC HIỆU 2 / MBA AT1	PHẦN ĐOẠN	220KV Súc Trăng / MBA T2

[illegible]

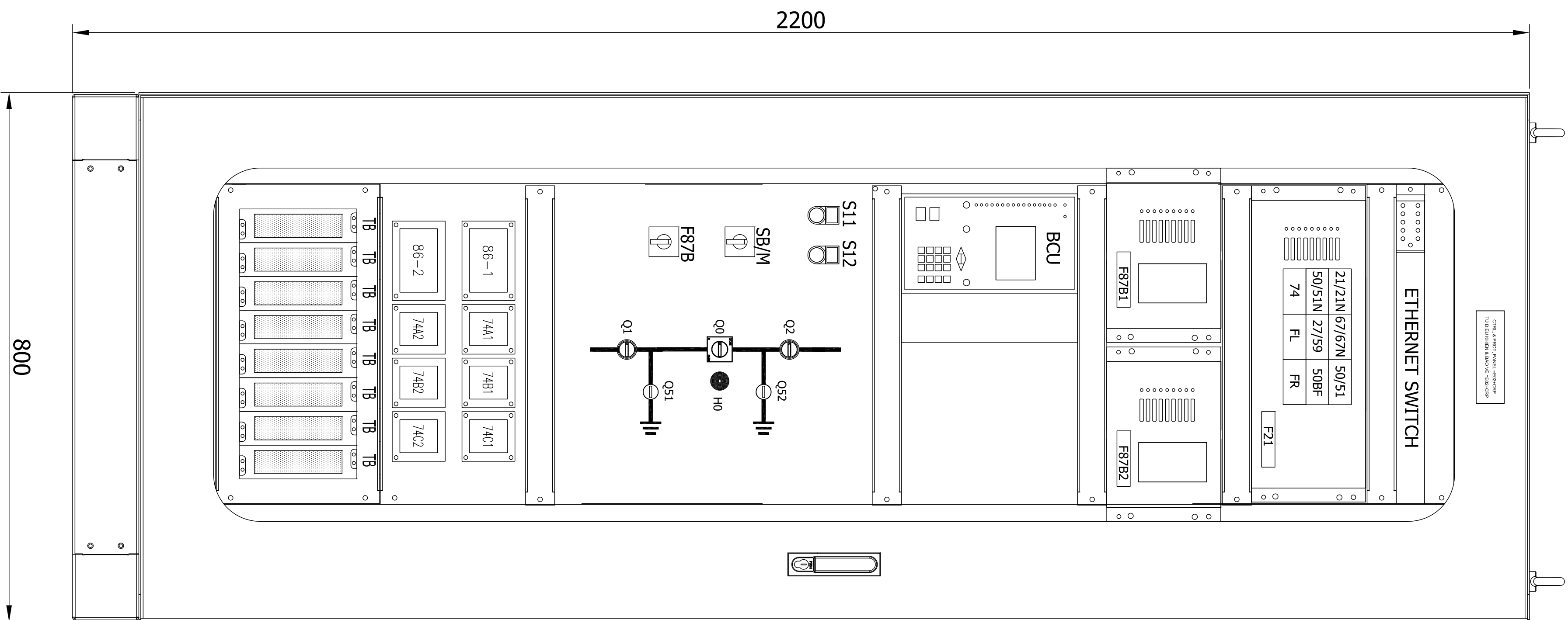
- VOLT METER
 PO TAN SO/FREQUENCY METER
 KHỎA CHUYỂN MẠCH AP SOURCE VOLTAGE
 DẤU
 ĐƠN VỊ

[illegible]



Kí hiệu /Code	Tên thiết bị / Name of Equipment	Đặc tính kỹ thuật/ Technical Specification	Đơn vị / Unit	Số lượng / Qty.	Ghi chú / Remark
F87L	Rolle bảo vệ so lệch dọc đường dây F87L Line differential Protective Relay F87L	Tích hợp các chức năng / Integrated function: 87, 21/21N, 67/67N, 50/51, 50/51N, 79/25, 27/59, 50BF, 85, 74, FL,FR	bộ / set	01	
F67	Rolle bảo vệ quá dòng có hướng F67 Directional Over current Protective Relay F67	Tích hợp các chức năng / Integrated function: 67/67N, 50/51, 50/51N, 79/25, 27/59, 50BF, 85, 74, FL,FR	bộ / set	01	
BCU	Bộ I/O điều khiển mức ngăn Bay Control Unit	-	bộ / set	01	
ES	Switch Thiết bị mạng		bộ / set	01	
S11, S12	Nút nhấn Press button	Nút nhấn reset cho role F86 Reset button for F86 relay	bộ / set	01	
S87L	Khóa ON/OFF Switch	Khóa chức năng F87L/ Switch ON/OFF function F87L	bộ / set	01	
TB	Test Block		lô/ lot	01	
SB/M	Khóa lựa chọn Selection Switch	Switch lựa chọn BCU/MIMIC Selection Switch BCU/MIMIC	bộ / set	01	
86	Rolle khóa Block out relay		lô/ lot	01	
74	Rolle giám sát mạch cắt Trip circuit supervisor relay		lô/ lot	01	—
Qxx	Khóa Close/Open thiết bị Close/Open Switch		lô/ lot	01	
HO	Indicator lamp Đèn báo tín hiệu	Máy cắt điều khiển tại vị trí local/ Circuir Breaker In Local Control	bộ / set	01	

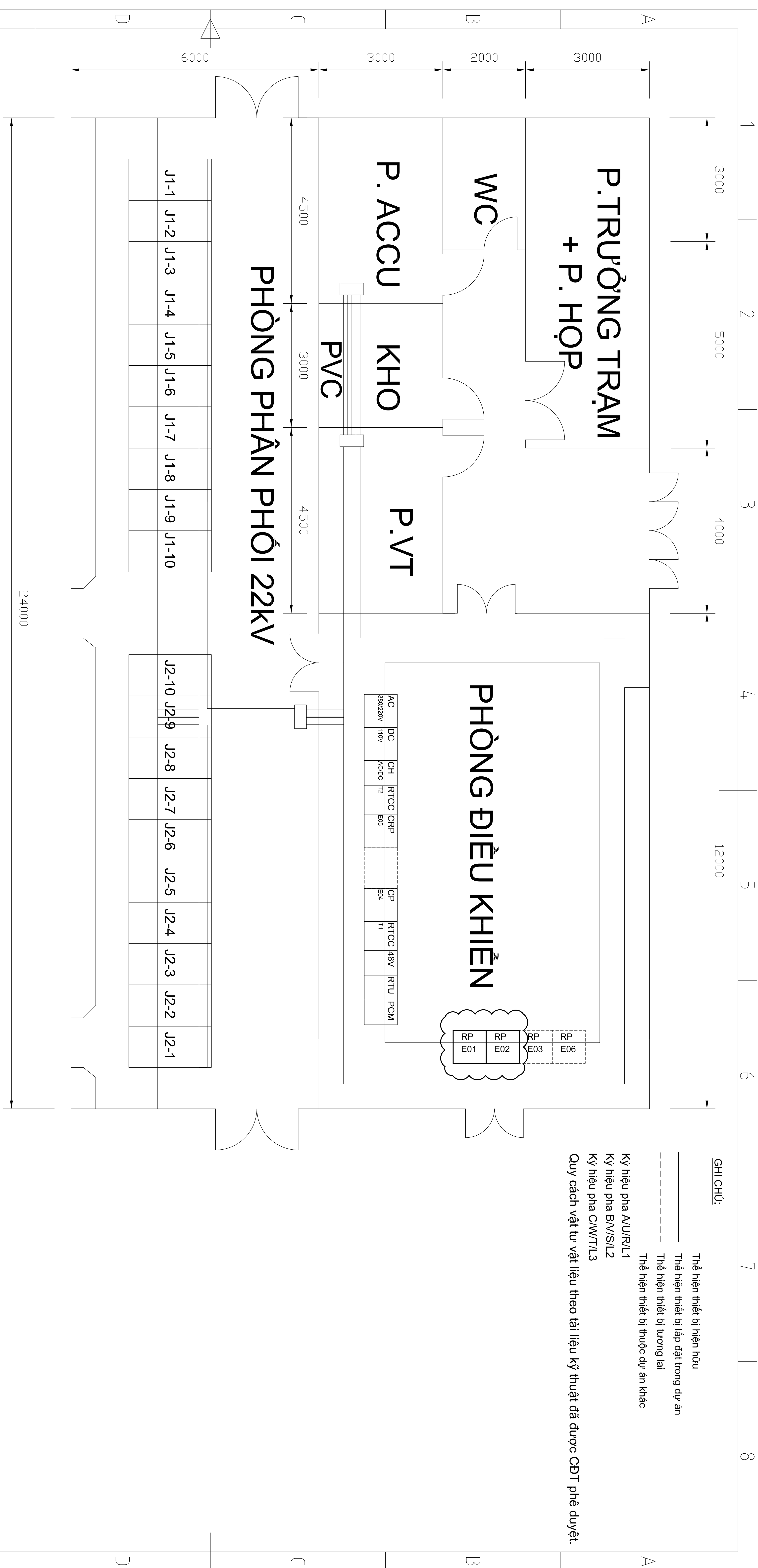
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẬN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
P.GD/TLD	Trần Vĩnh Phong		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
Trường phòng	Phạm Hoàng Nam		
Kiểm tra	Lê Nguyễn Ninh		
Thiết kế	Lê Minh Nhựt		
		MẶT TRƯỚC TỦ ĐIỀU KHIỂN BẢO VỆ NGẮN ĐƯỜNG DÂY 110KV - E01	
		TKBVTC	
		BD1-16-14D.TR.VC.NT-02	
		12-2019	
		1/1	



FRONT PANEL

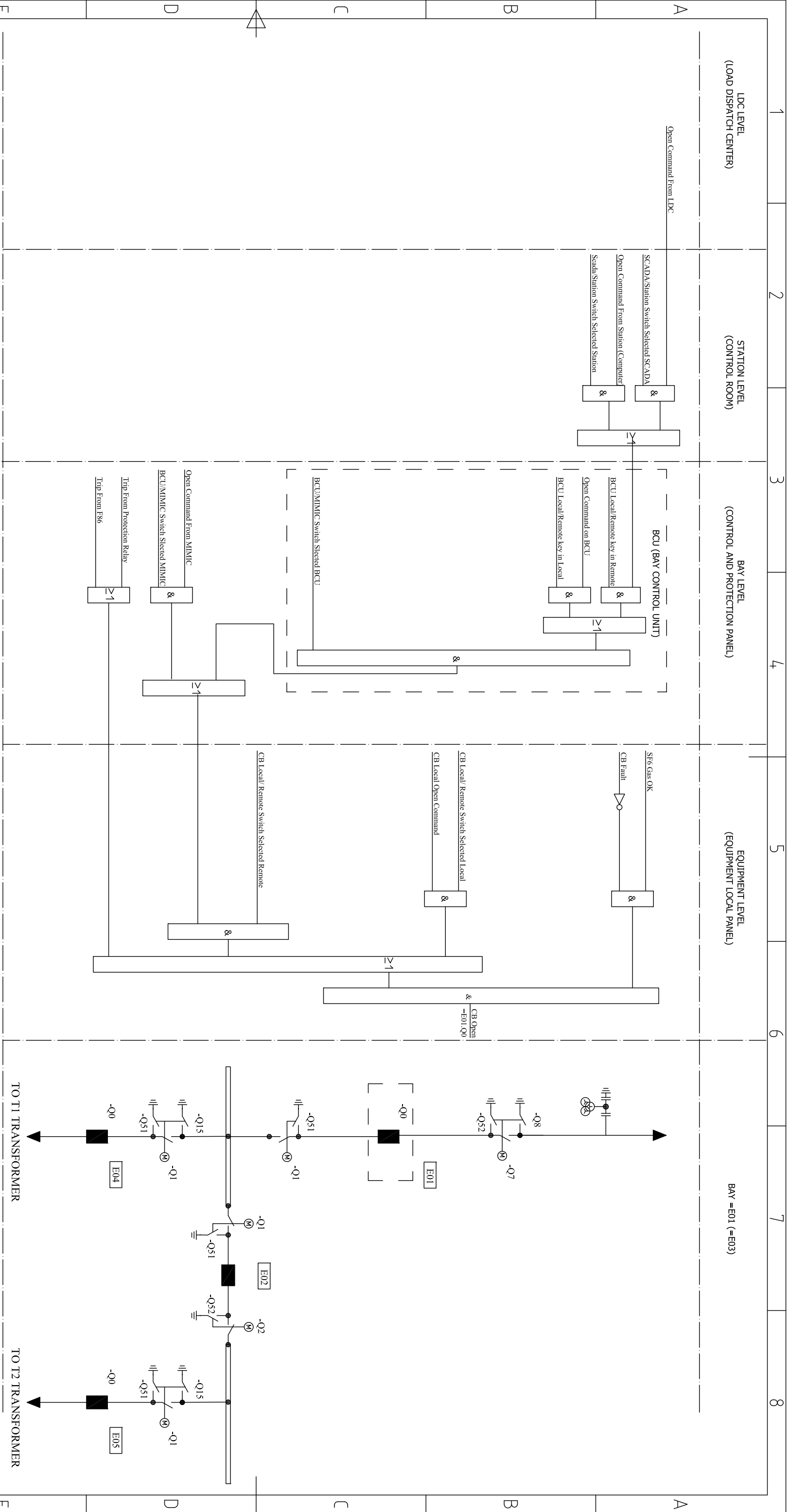
Kí hiệu /Code	Tên thiết bị / Name of Equipment	Đặc tính kỹ thuật/ Technical Specification	Đơn vị / Unit	Số lượng / Qty.	Ghi chú / Remark
F87L	Rolle bảo vệ so lệch thanh cái F87B Busbar differential Protective Relay F87B	Tích hợp các chức năng / Integrated function:87B, 50BF	bộ / set	01	
F67	Rolle bảo vệ khoảng cách F21 Distance Protective Relay F21	Tích hợp các chức năng / Integrated function: 21/21N, 67/67N, 50/51, 50/51N, 27/59, 50BF, 74, FL,FR	bộ / set	01	
BCU	Bộ I/O điều khiển mức ngăn Bay Control Unit	-	bộ / set	01	
ES	Switch Thiết bị mạng		bộ / set	01	
S11, S12	Nút nhấn Press button	Nút nhấn reset cho role F86 Reset button for F86 relay	bộ / set	01	
S87B	Khóa ON/OFF Switch	Khóa chức năng F87B/ Switch ON/OFF function F87B	bộ / set	01	
TB	Test Block		lô/ lot	01	
SB/M	Khóa lựa chọn Selection Switch	Switch lựa chọn BCU/MIMIC Selection Switch BCU/MIMIC	bộ / set	01	
86	Rolle khóa Block out relay		lô/ lot	01	
74	Rolle giám sát mạch cắt Trip circuit supervisor relay		lô/ lot	01	—
Qxx	Khóa Close/Open thiết bị Close/Open Switch		lô/ lot	01	
HO	Indicator lamp Đèn báo tín hiệu	Máy cắt điều khiển tại vị trí local/ Circuir Breaker In Local Control	bộ / set	01	

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM	CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẬN XÂY DỰNG ĐIỆN 2	MỞ RỘNG NGẪN LỘ 110KV TRẠM 110KV VINH CHÂU	ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VINH CHÂU
P.GD/TLD	Trần Vĩnh Phong		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
Trường phòng	Phạm Hoàng Nam		
Kiểm tra	Lê Nguyễn Ninh		
Thiết kế	Lê Minh Nhựt		
		MẶT TRƯỚC TỦ ĐIỀU KHIỂN BẢO VỆ NGĂN PHÂN ĐOẠN 110KV - E02	
		TKBVTC	12-2019
		BD1-16-14D.TR.VC.NT-02	1/2



	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM  EVN PECC2 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
	MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TRẠM 110KV VINH CHÂU					
	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG NHÀ ĐIỀU KHIỂN					
	P.GD/TLD	Trần Vinh Phong		TKB/VTC		12-2019
	CNTK	Nguyễn Thành Văn				
	Trường phòng	Phạm Hoàng Nam				
	Kiểm tra	Lê Nguyễn Ninh				
	Thiết kế	Lê Minh Nhựt		ĐD1-16-14D.T.R.VC.NT-04		1/1

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẠN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGẮN LỘ 110KV TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
P.GD.TLB	Trần Vĩnh Phong		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
Trưởng phòng	Phạm Hoàng Nam		
Kiểm tra	Lê Nguyên Ninh		
Thiết kế	Lê Minh Nhật		
		MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG NHÀ ĐIỀU KHIỂN	
		TKB.VTC	12-2019
		DD1-16-14D.TR.VC.NT-04	1/1



&

: AND LOGIC

≥1

: OR LOGIC

▽

: NOT LOGIC

LEGEND:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

EVNPEC02

CÔNG TY CỔ PHẦN
TỰ VẬN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

MỞ RỘNG NGẮN LỘ 110KV
TRẠM 110KV VINH CHÂU

SƠ ĐỒ LIÊN ĐỘNG / LOGIC CONTROL FOR CB-E01.Q0 (OPEN)

TKBVTC

FD1-16-14D.TR.VC.NT-05/2

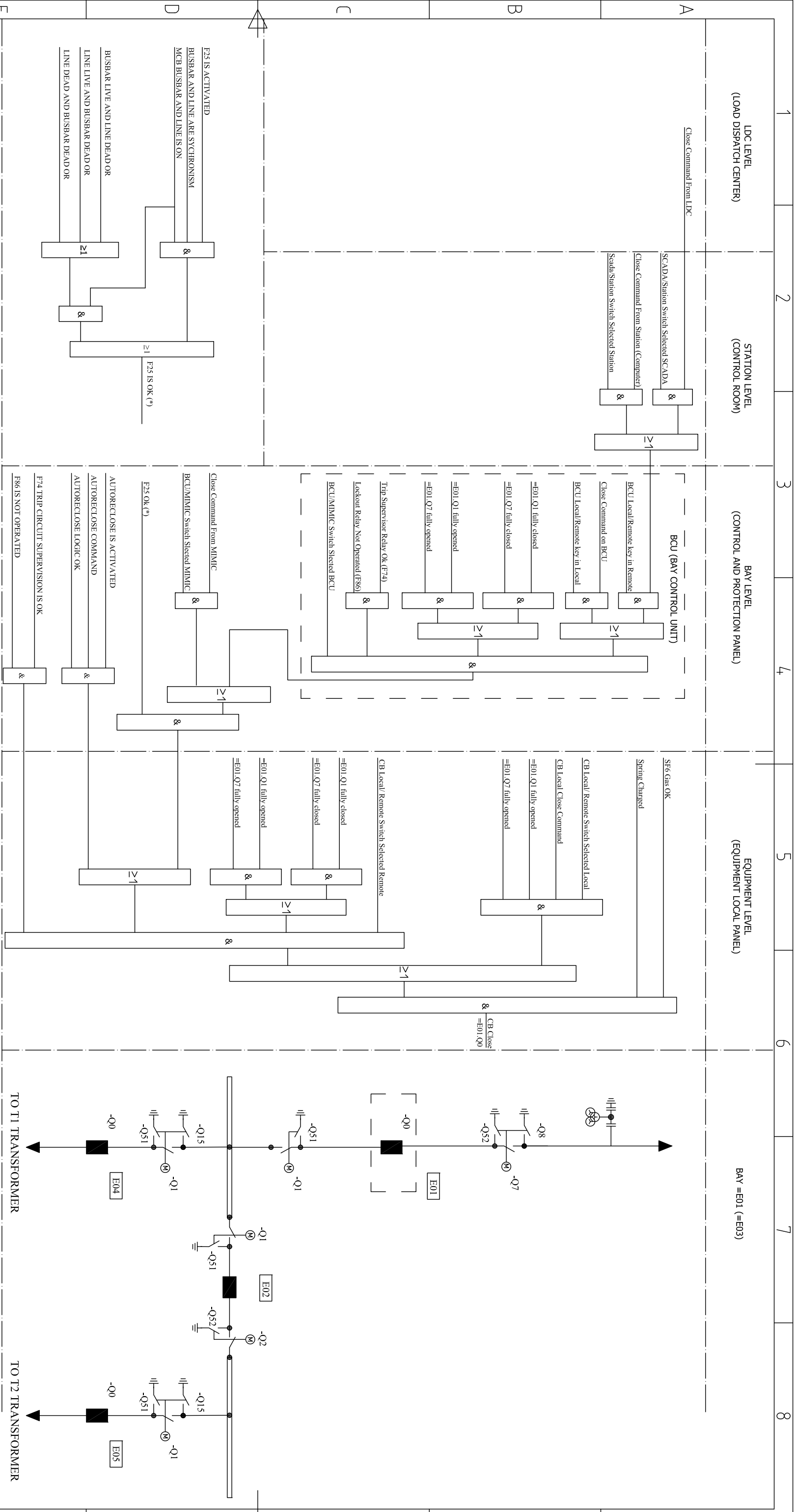
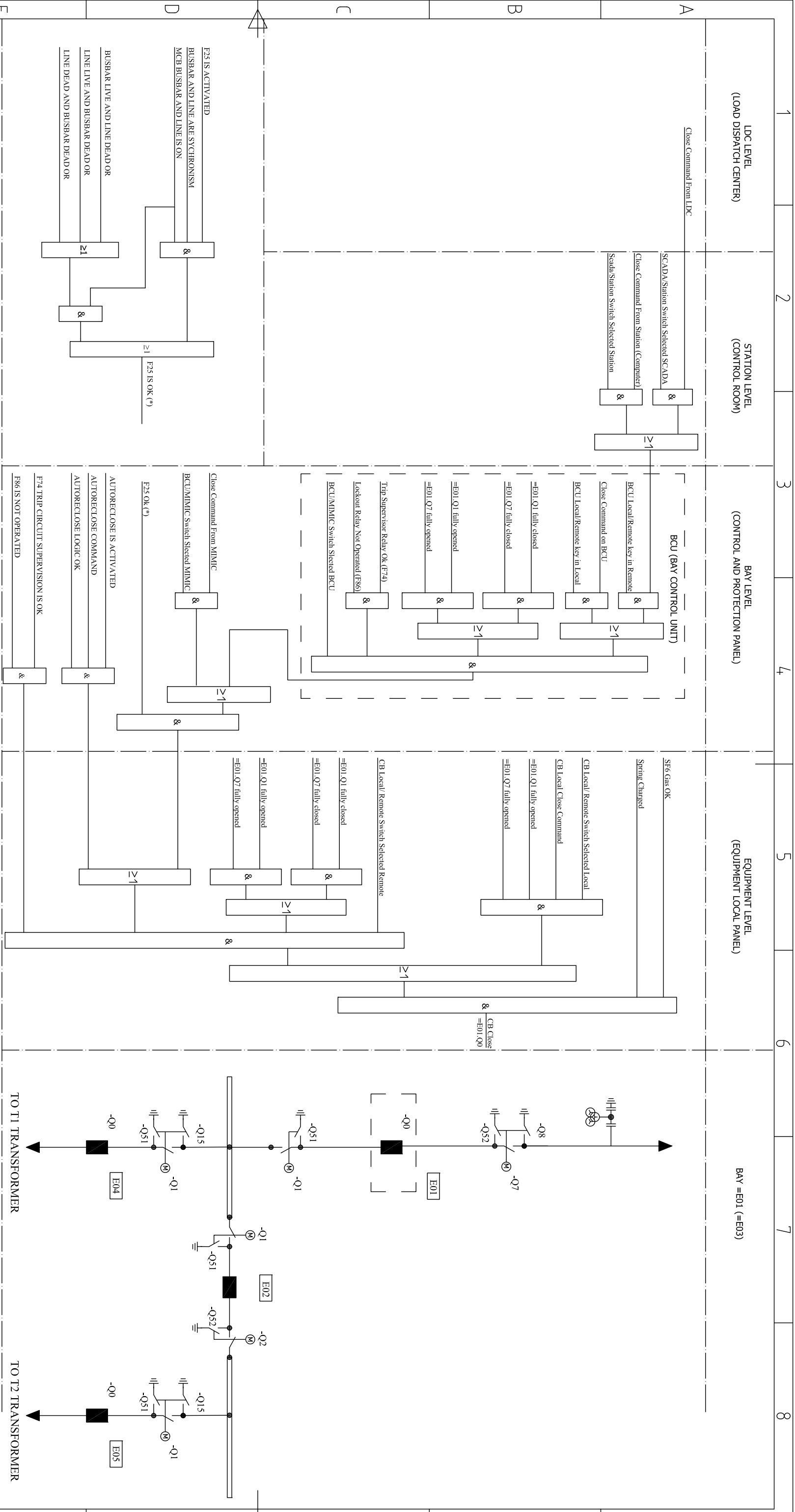
12-2019

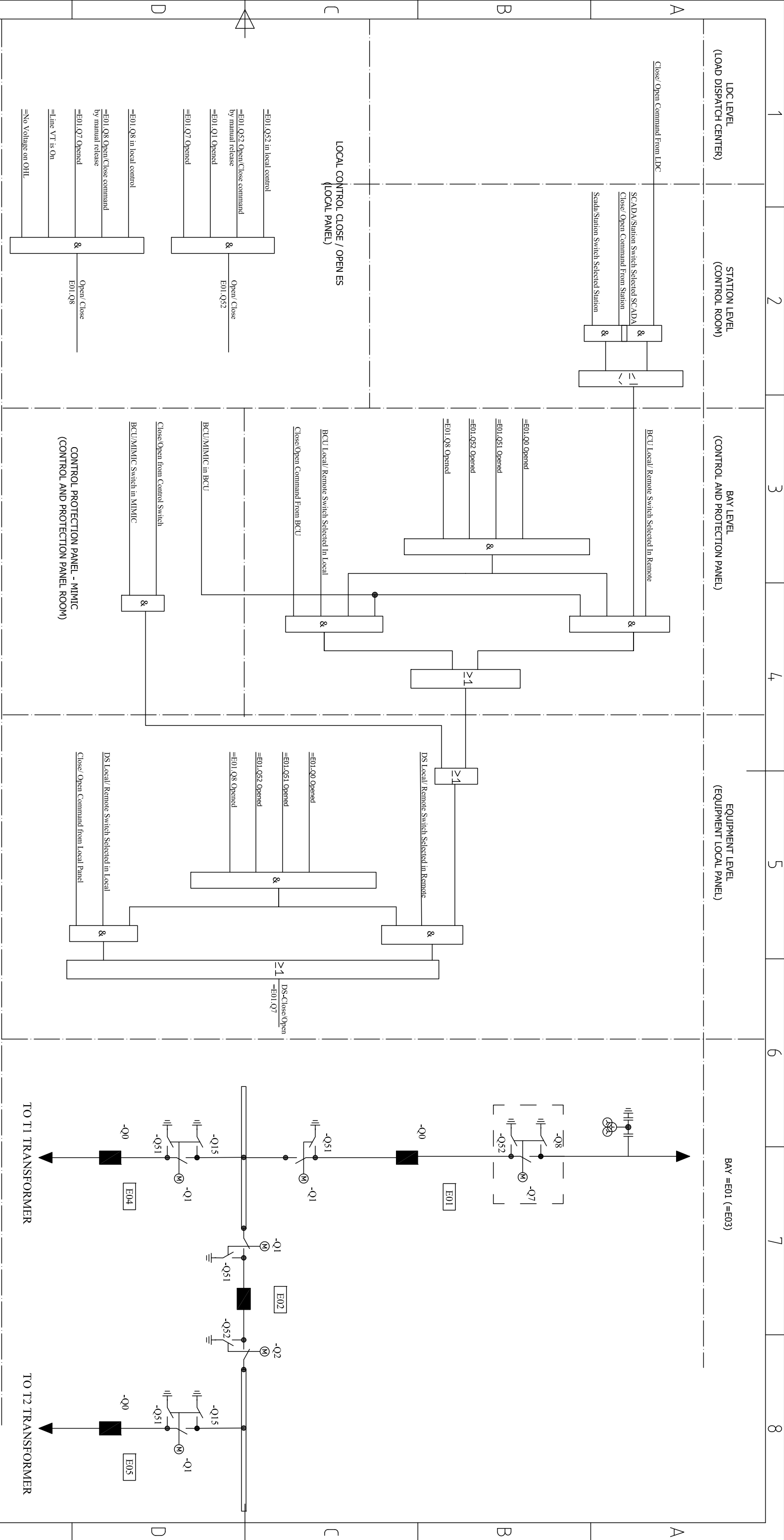
Lần sửa đổi

Diễn giải nội dung sửa đổi

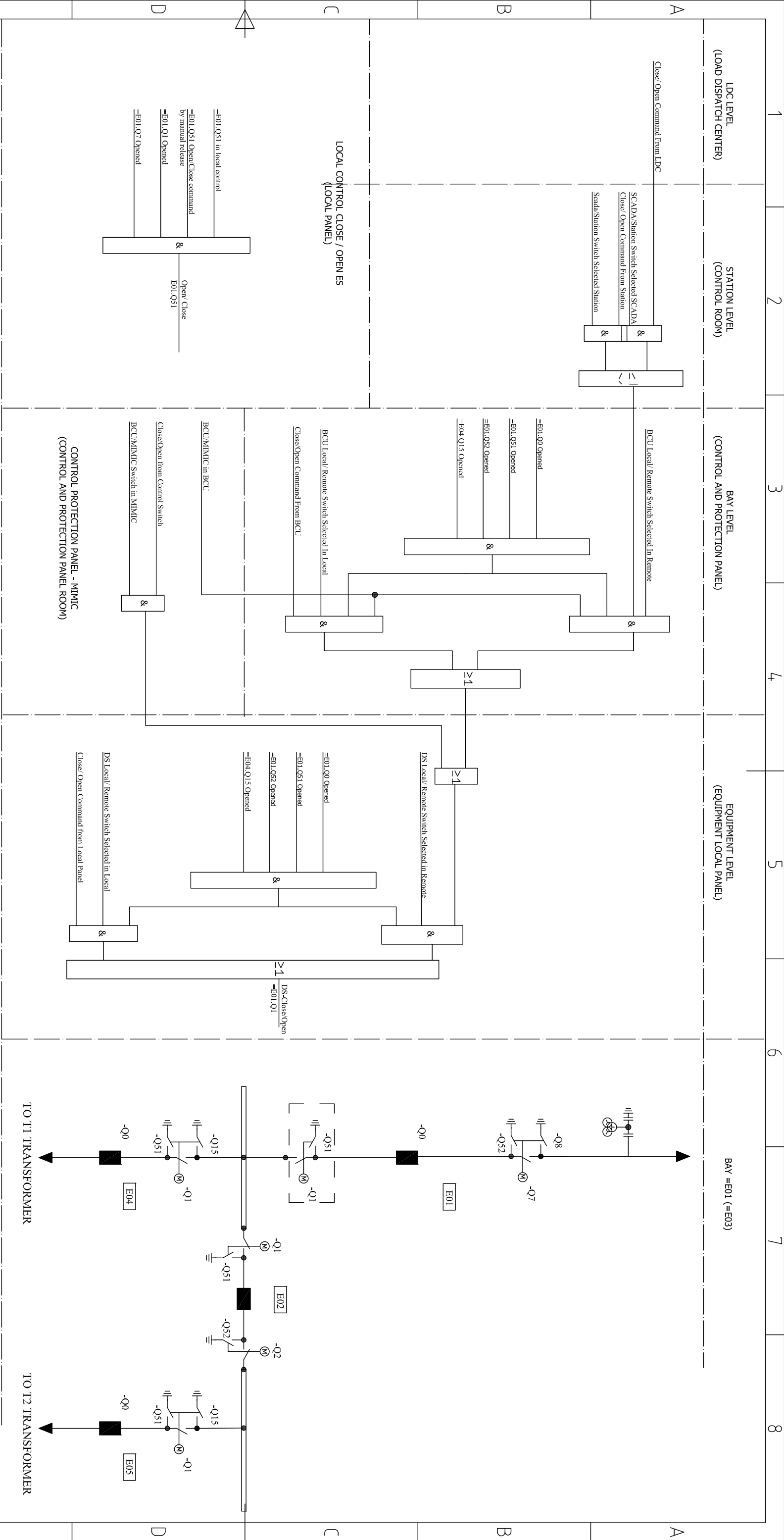
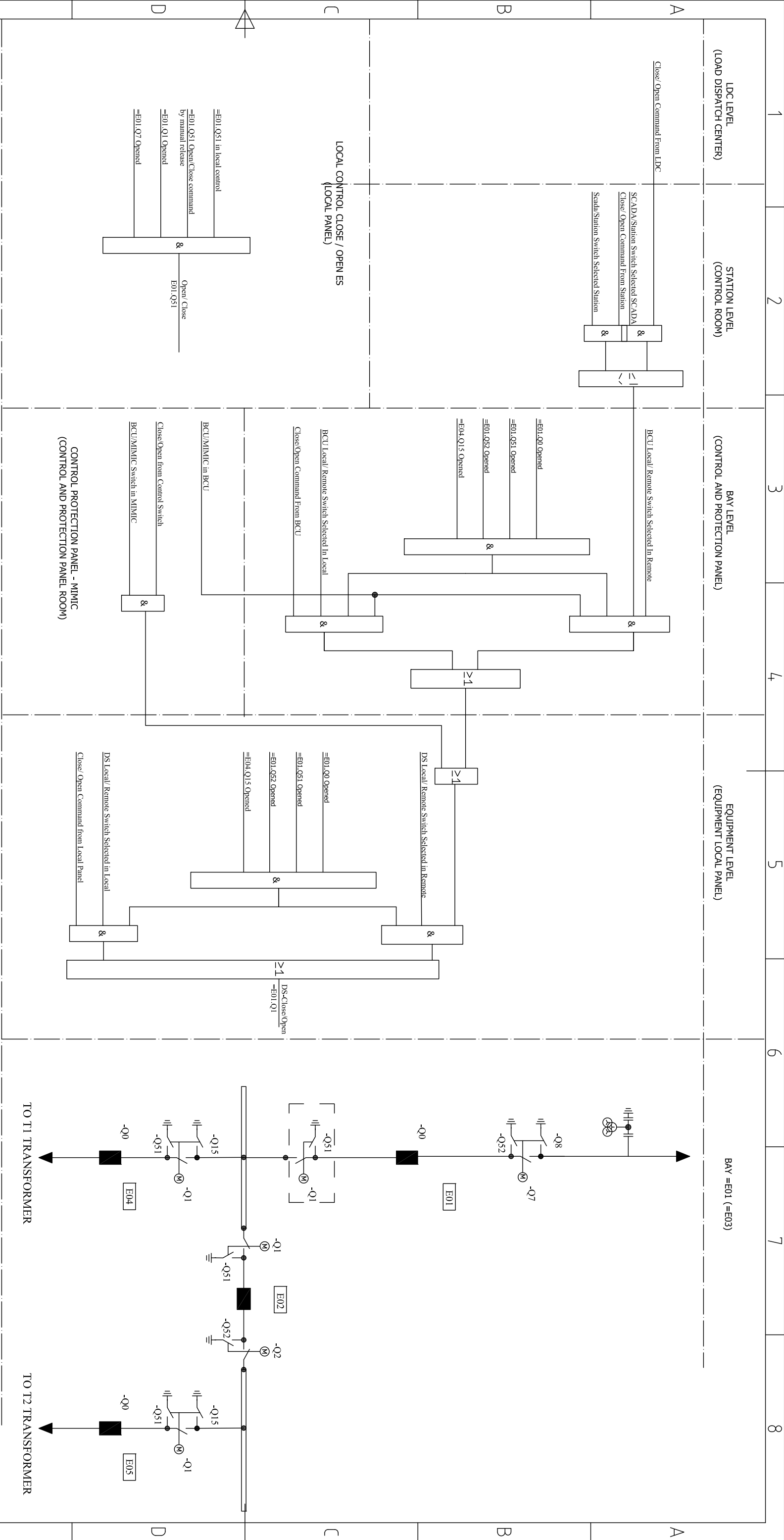
Người sửa đổi

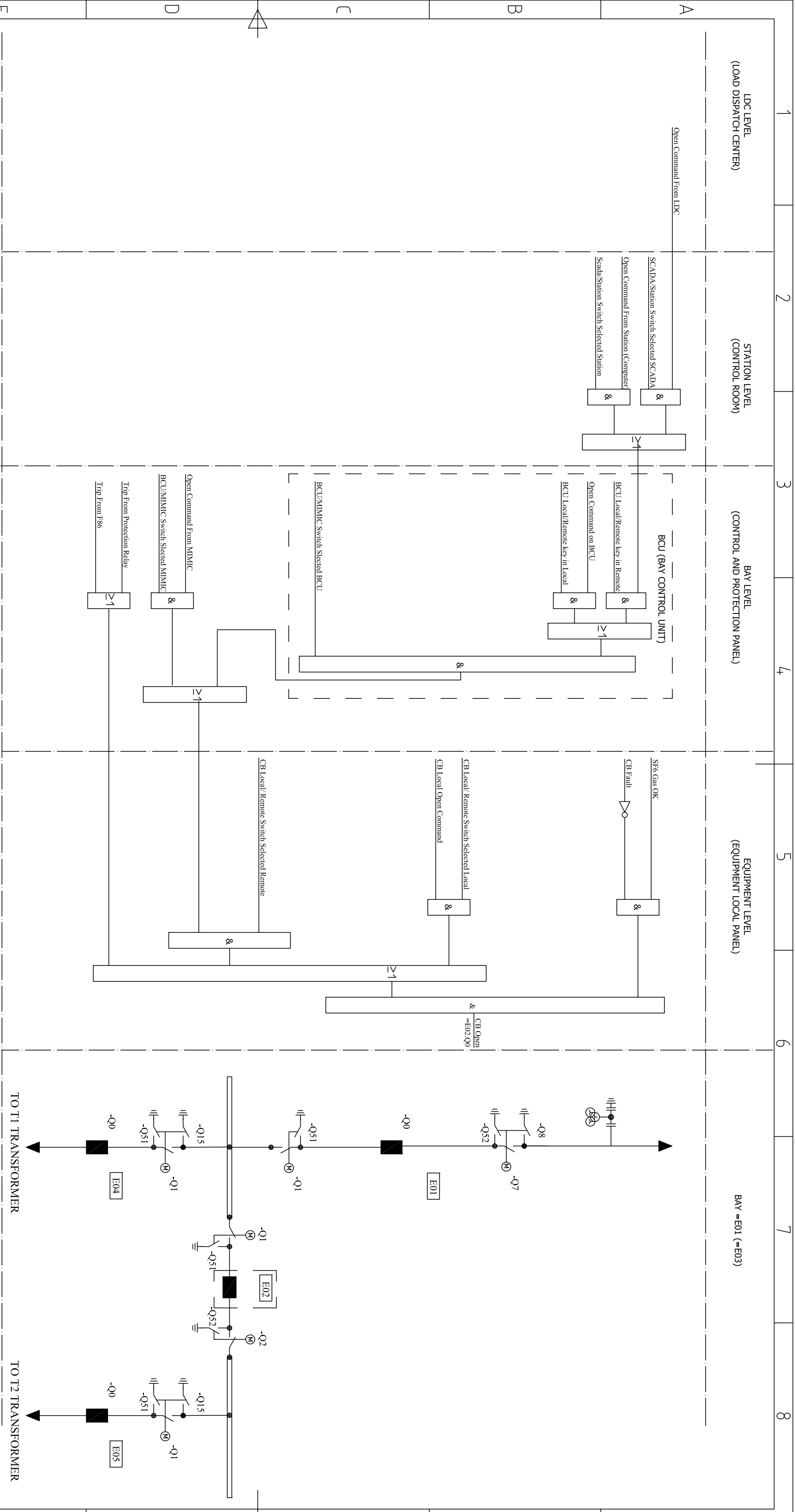
Ngày sửa đổi

[illegible]

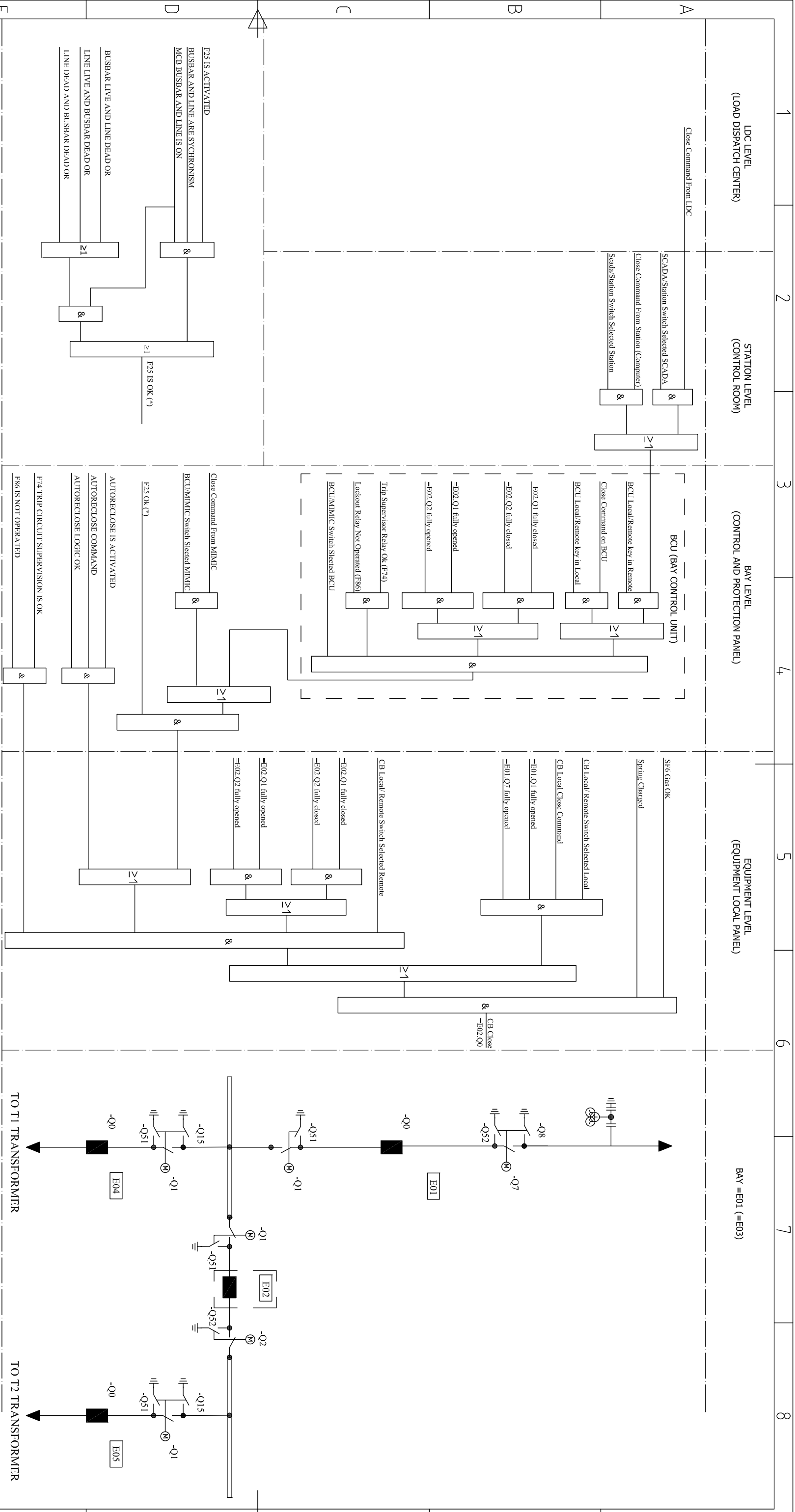
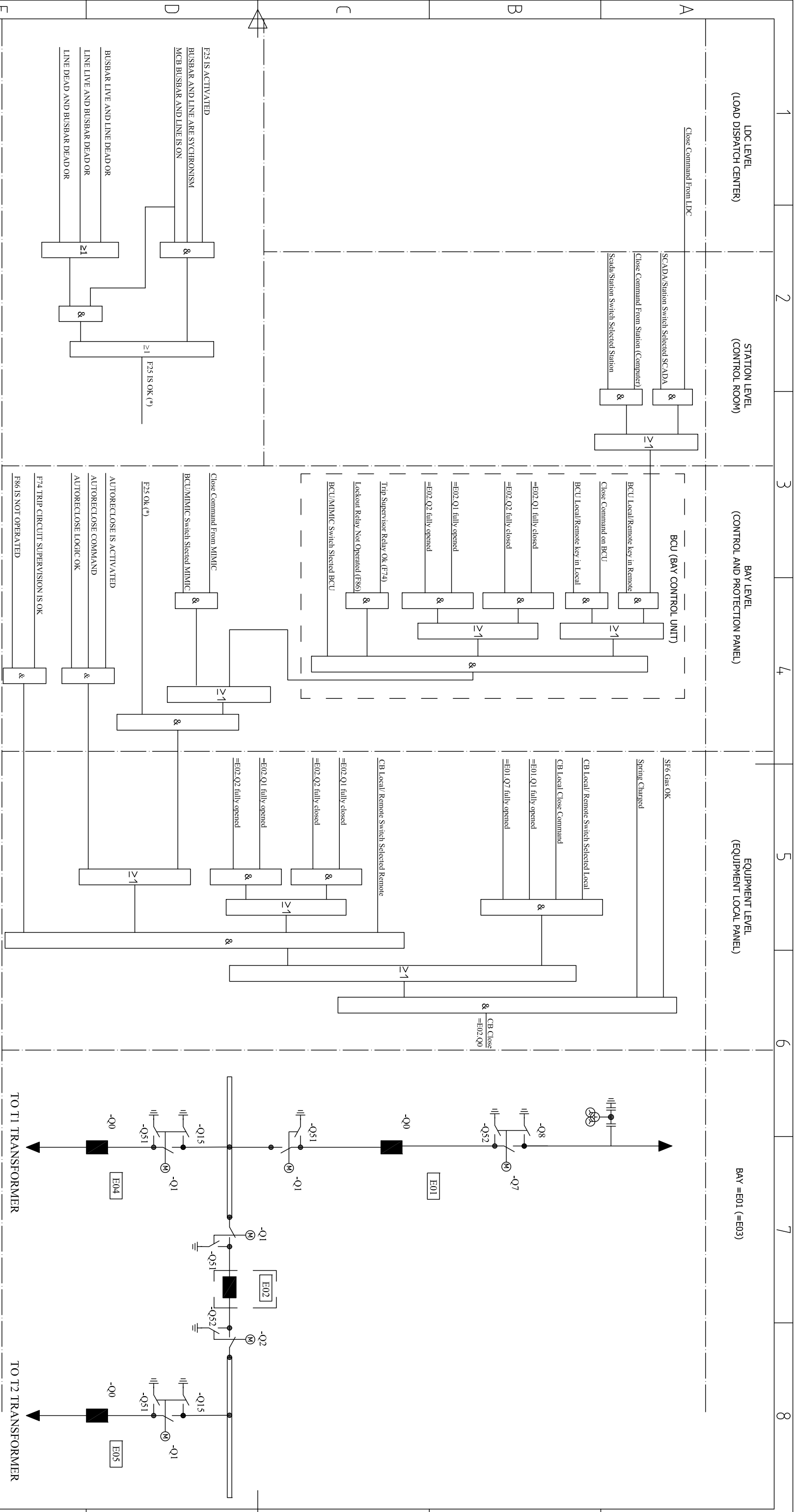


Lần sửa đổi				Diễn giải nội dung sửa đổi				Người sửa đổi				Ngày sửa đổi							
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM								ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU											
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2								MỞ RỘNG NGẮN LỘ 110kV TRẠM 110kV VĨNH CHÂU											
P.GDTLD				Trần Vĩnh Phong				SƠ ĐỒ LIÊN ĐỘNG / LOGIC CONTROL FOR DS-E01/E03.Q7; ES-E01/E03.Q52, ES-E1Q52, ES-E01.Q8 (CLOSE/OPEN)											
CNTK				Nguyễn Thành Văn															
Trưởng phòng				Phạm Hoàng Nam															
Kiểm tra				Lê Nguyễn Ninh															
Thiết kế				Lê Minh Nhựt				TKBVTC				12-2019							
								ĐD1-16-14D.TR.VC.NT-05/4											
								6				7				8			

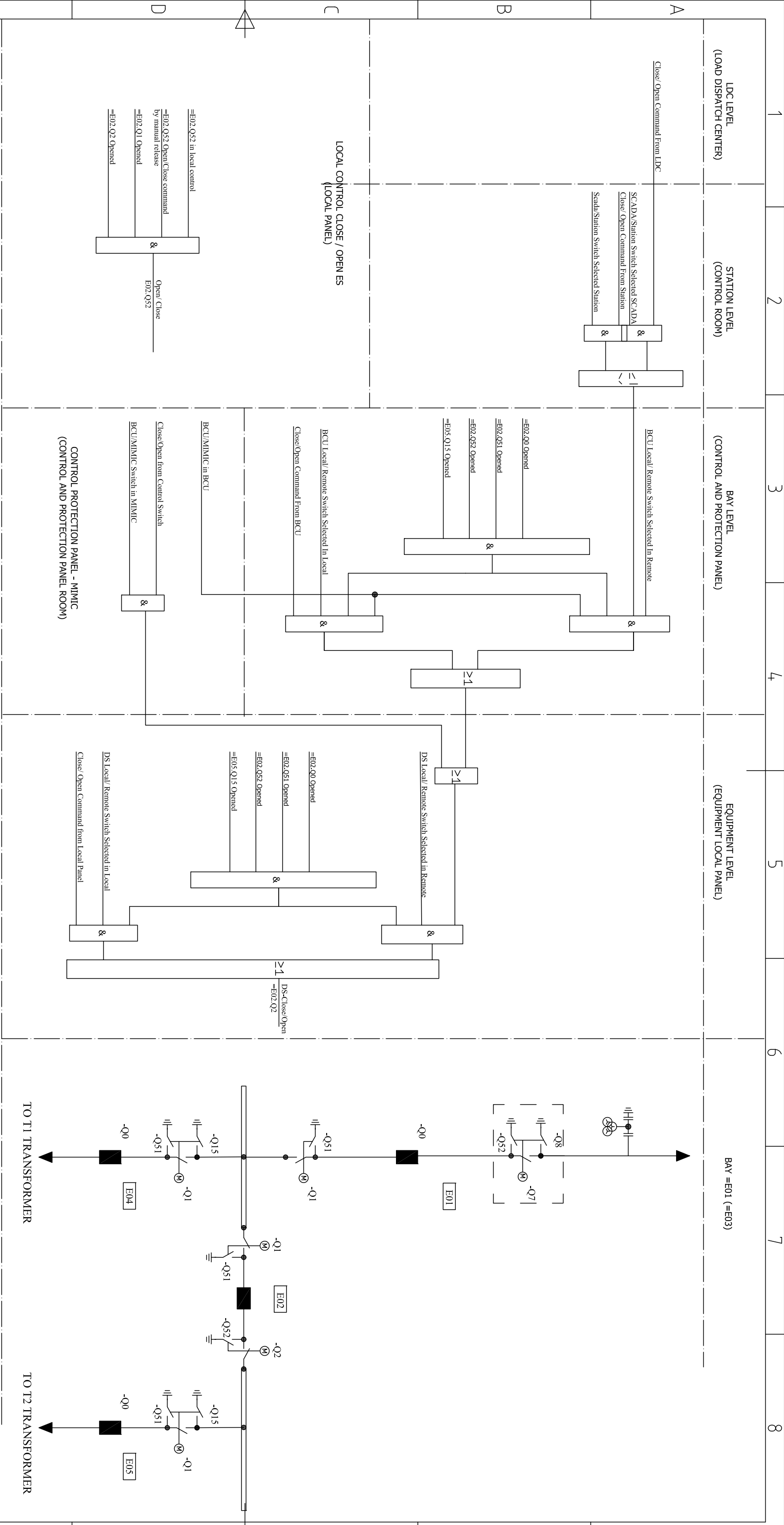
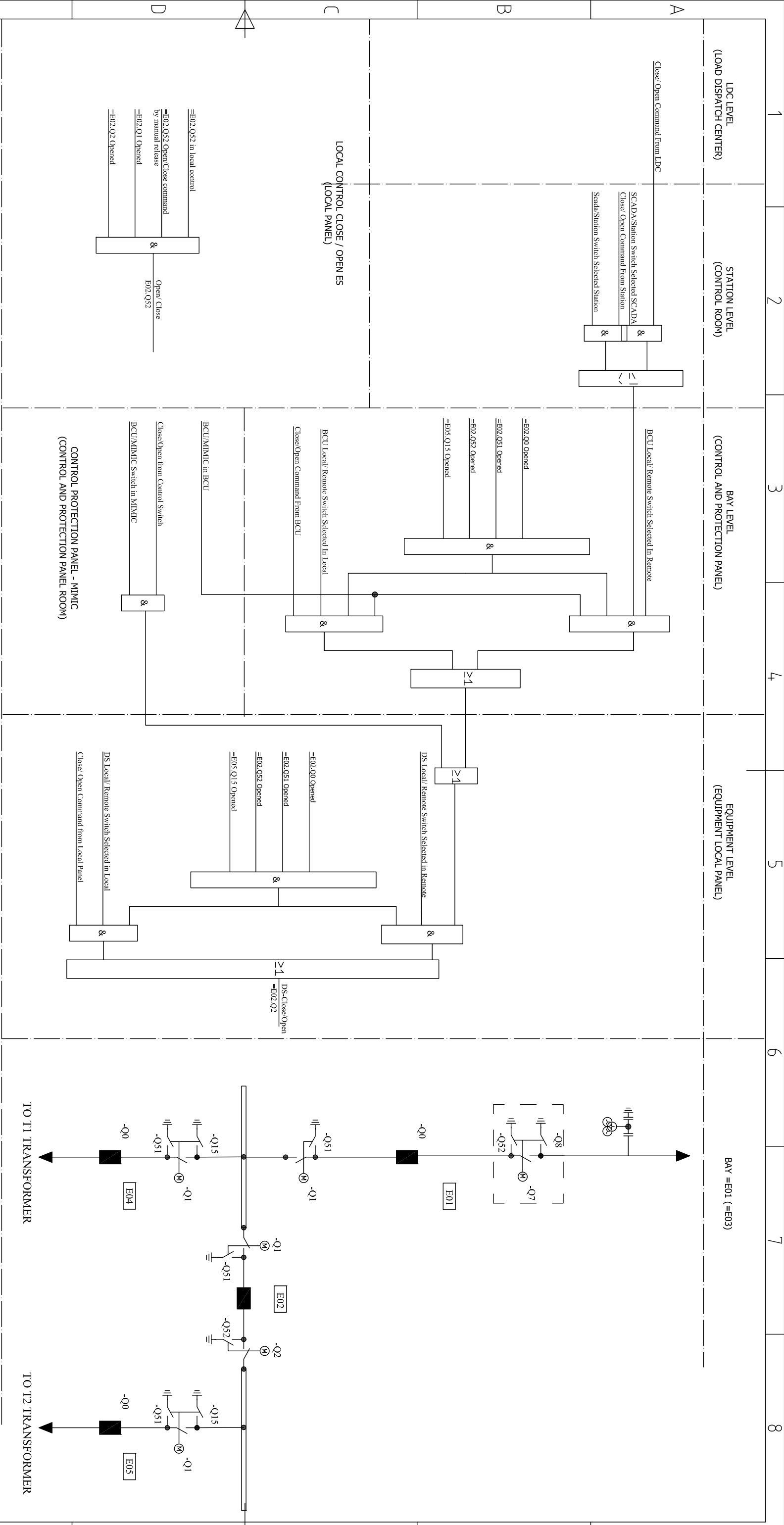
[illegible]

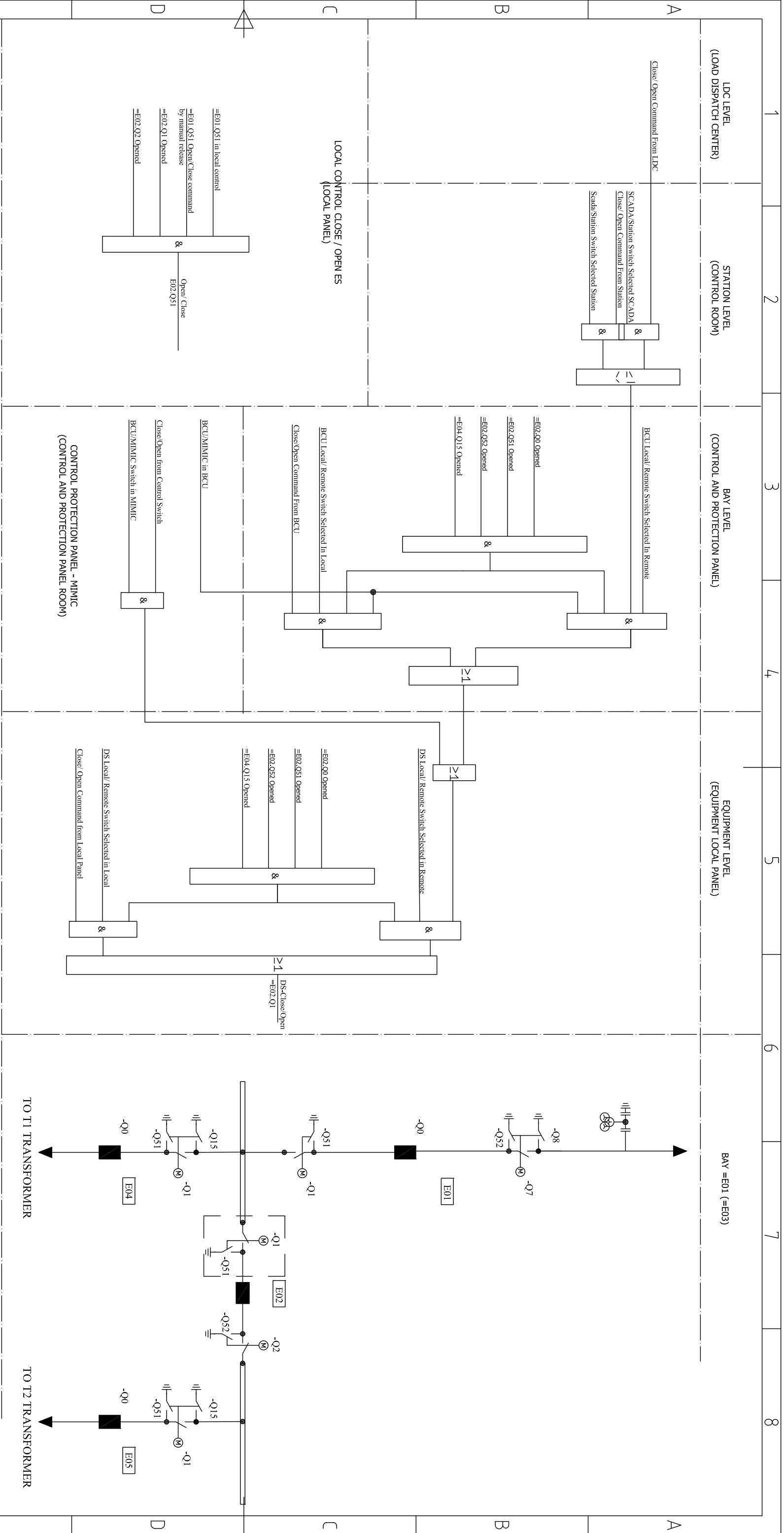
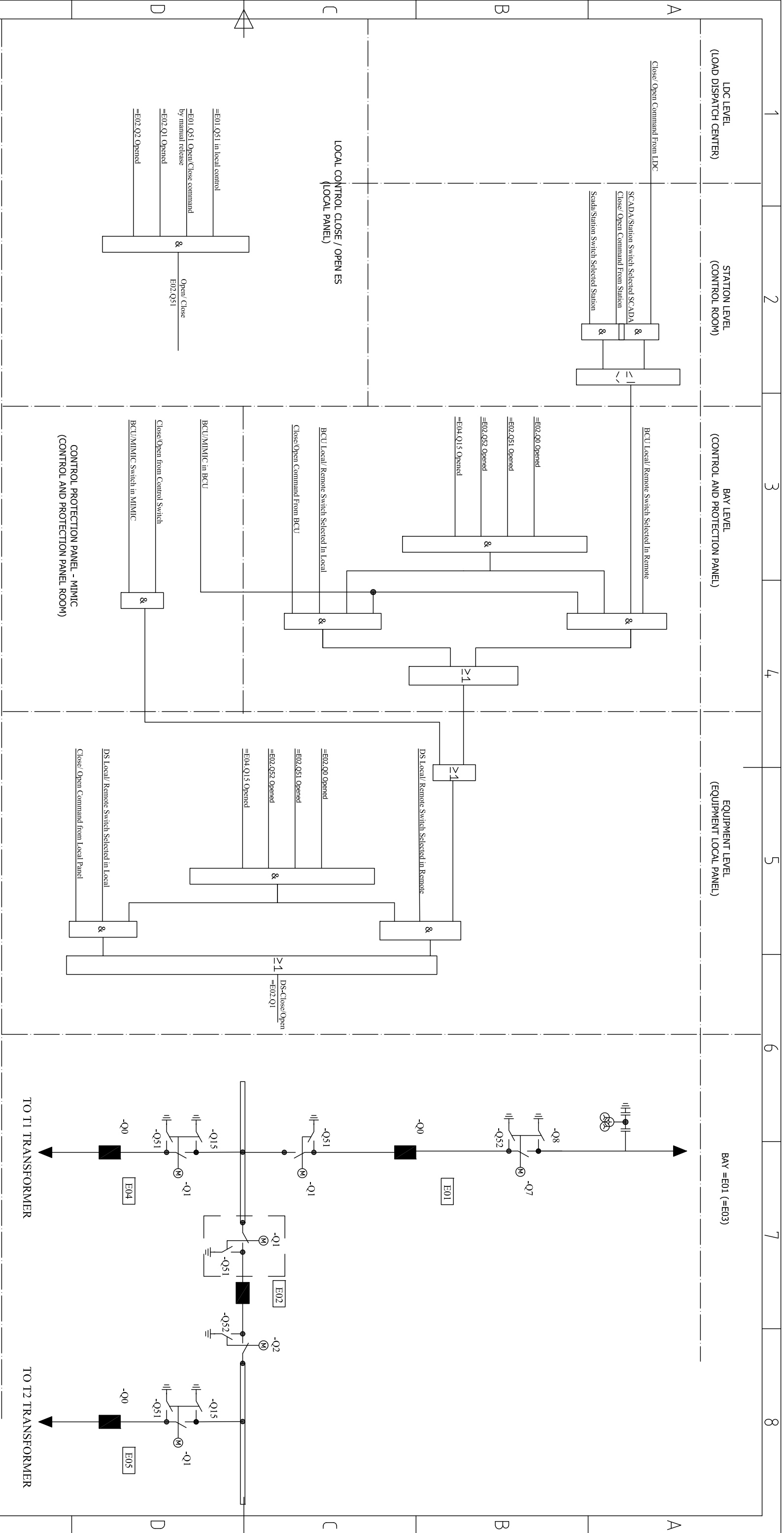


Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGẮN LỘ 110KV TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
P.GDTLD	Trần Vinh Phong	SƠ ĐỒ LIÊN ĐỘNG / LOGIC CONTROL FOR CB-E02.Q0 (OPEN)	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
Trưởng phòng	Phạm Hoàng Nam		
Kiểm tra	Lê Nguyễn Ninh		
Thiết kế	Lê Minh Nhựt	TKBVTC	12-2019
		EDD1-16-14D.TR.VC.NT-05/6	

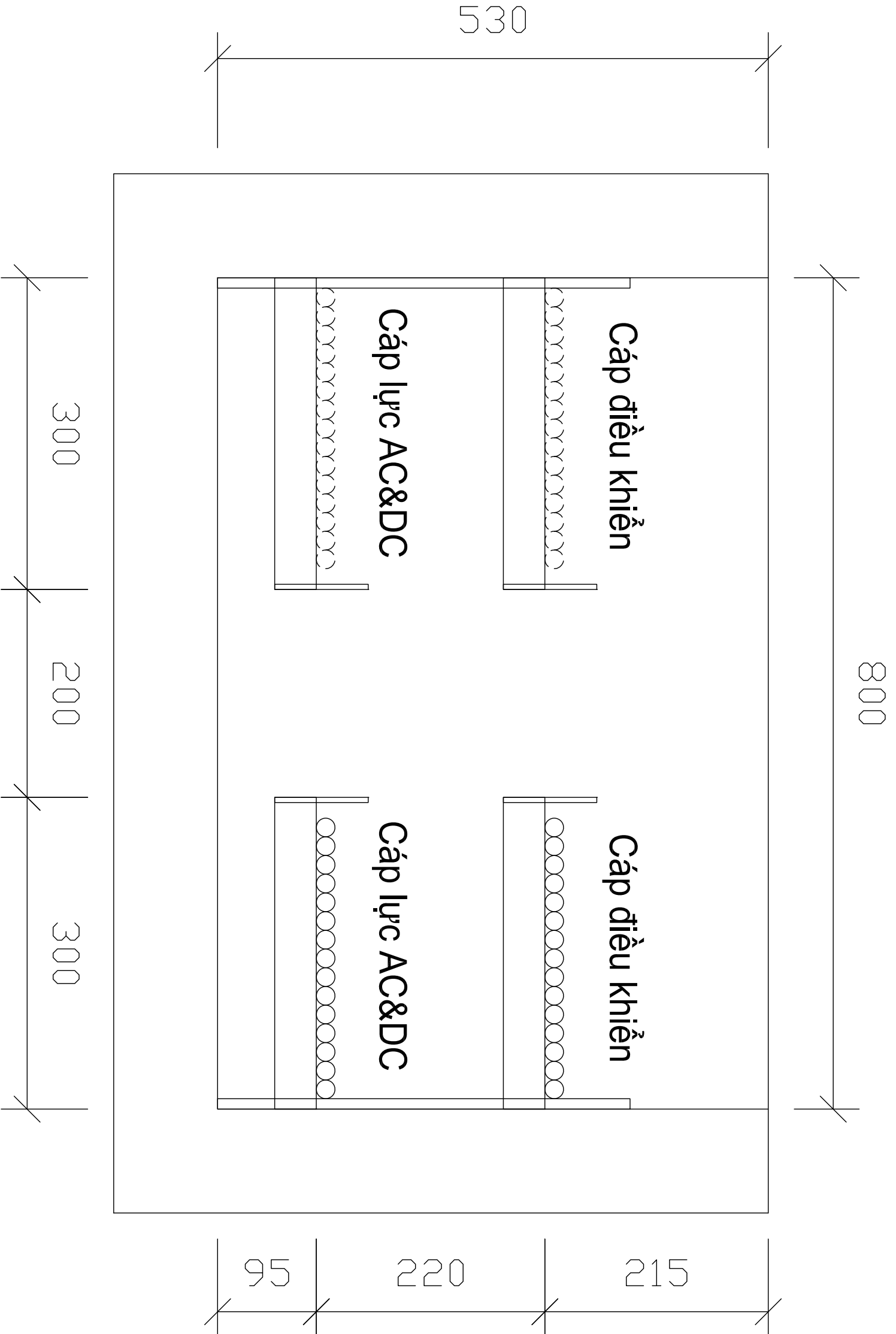


Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM	ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGẮN LỘ 110kV TRÀM 110kV VINH CHÂU	
P.GDTLD	Trần Vĩnh Phong		
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
Trường phòng	Phạm Hoàng Nam		
Kiểm tra	Lê Nguyễn Ninh	TKBVTC	12-2019
Thiết kế	Lê Minh Nhựt	EDD1-16-14D.TR.VC.NT-05/5	

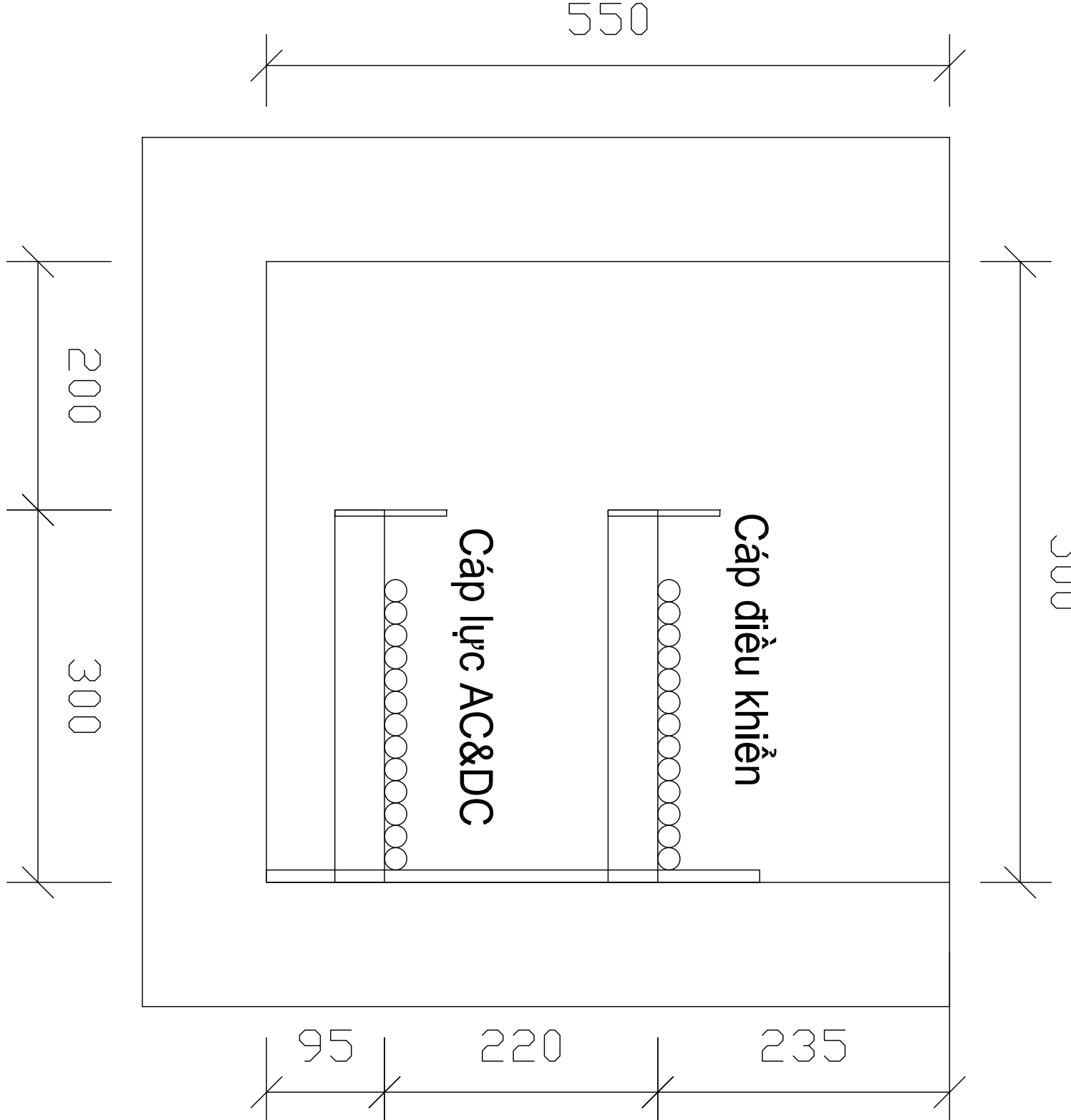




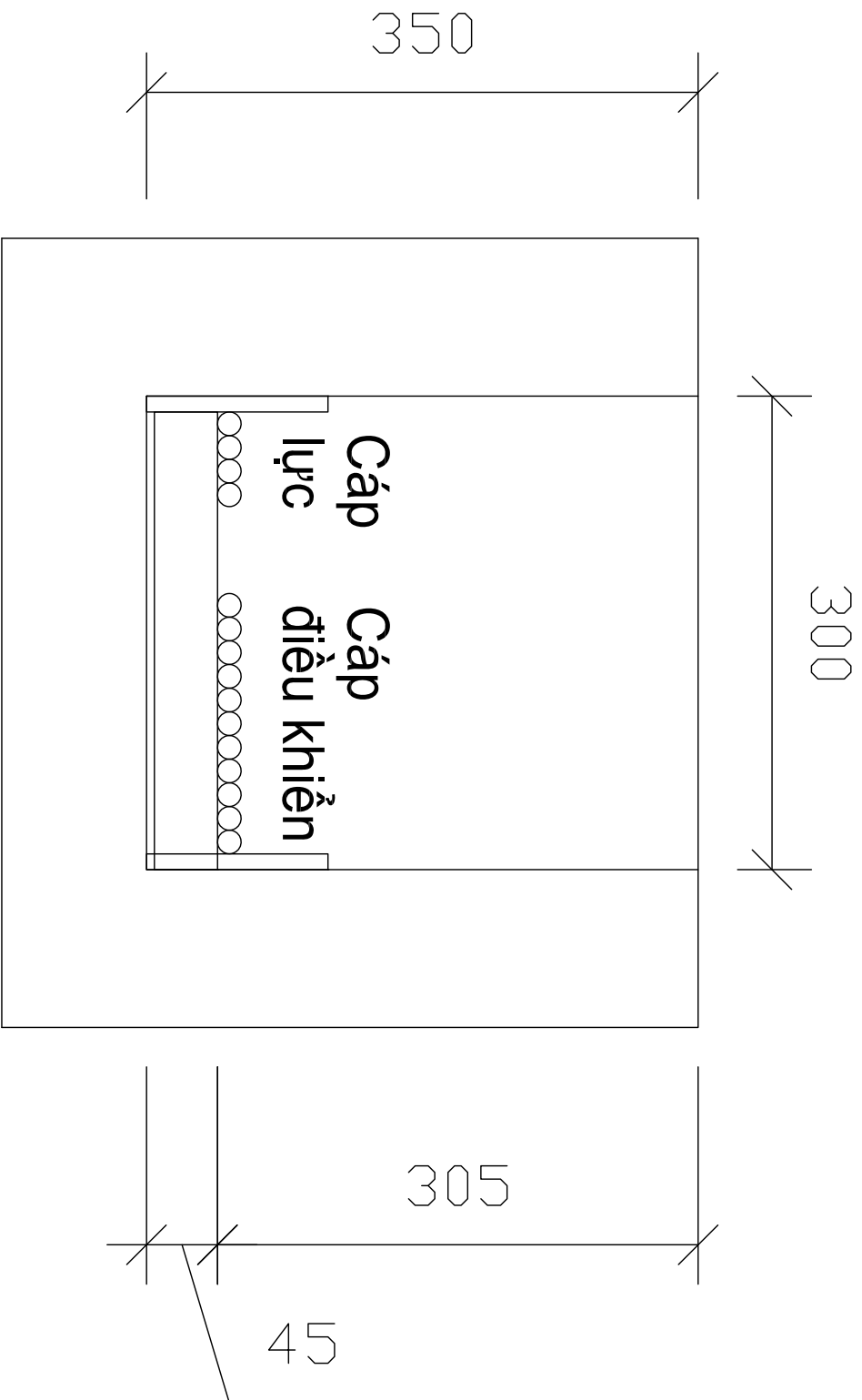
BỘ TRÍ CÁP ĐIỀU KHIỂN MƯƠNG CÁP MC-0.8



BỘ TRÍ CÁP ĐIỀU KHIỂN MƯƠNG CÁP MC-0.5



BỘ TRÍ CÁP ĐIỀU KHIỂN MƯƠNG CÁP MC-0.3

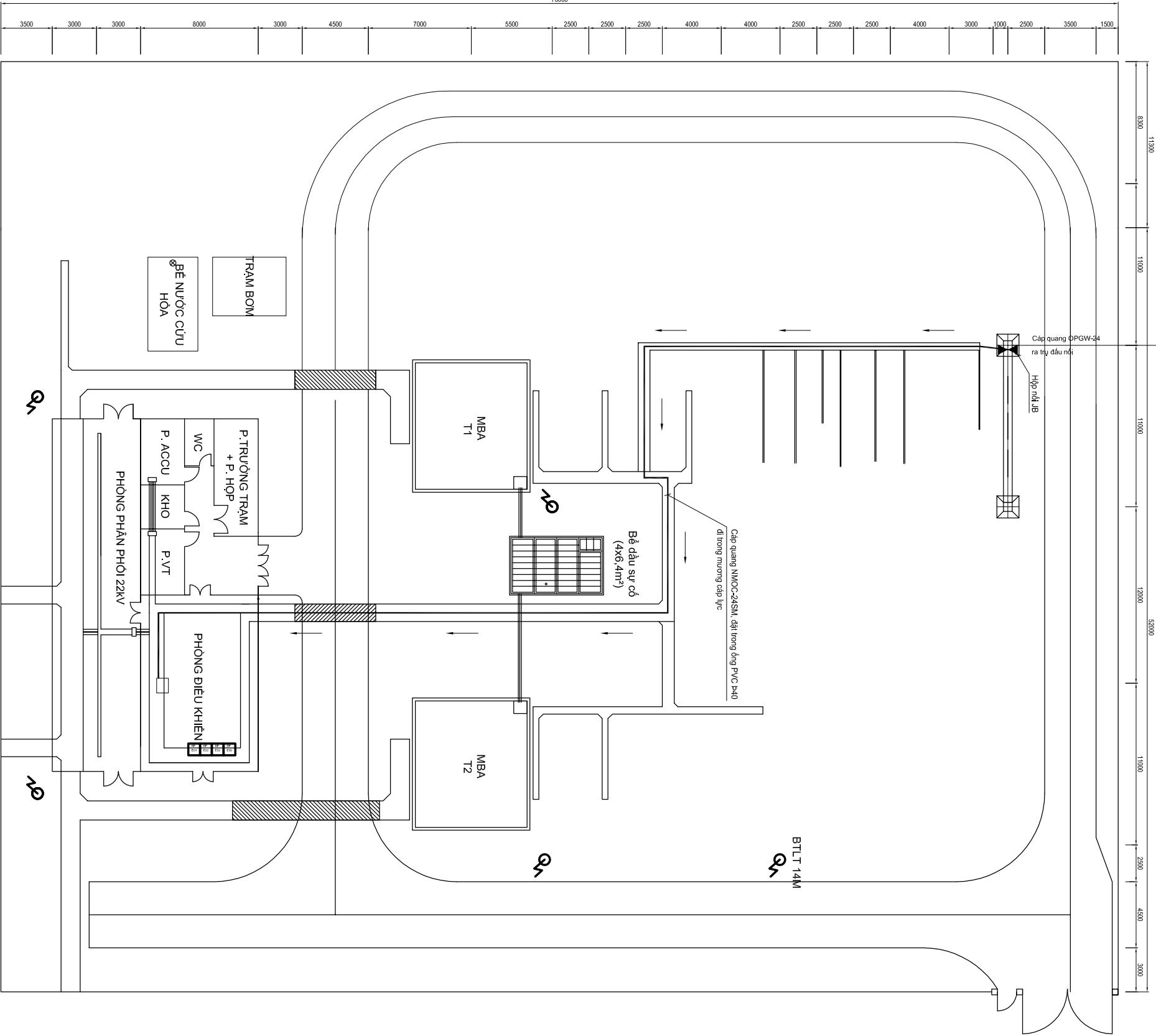


GHI CHÚ:

- Cáp được lắp đặt theo tài liệu hướng dẫn lắp đặt cáp.
- Cáp bố trí theo hình tam giác phải được bó cáp bằng dây bó cáp.
- Cáp phải được cố định trên giá đỡ bằng dây bó cáp.
- Nối đất tại một đầu cáp đến hệ thống nối đất trạm đối với cáp có lớp băng đồng.
- Giá đỡ cáp phải nối đến hệ thống nối đất trạm.
- Chiều dài cáp phải được đo chính xác tiền thực tế trước khi cắt cáp.
- Mương cáp có 2 giá đỡ cáp thì giá đỡ được bố trí so le.
- Khoảng cách giữa 2 giá đỡ là 500mm với cáp điều khiển, cáp lực <1KV và 800mm với cáp lực >1KV.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi				Người sửa đổi		Ngày sửa đổi			
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VINH CHÂU							
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				MỞ RỘNG NGÀN LỘ 110kV TRẠM 110kV VINH CHÂU							
P. GDTLD	Trần Vinh Phong			BỘ TRÍ CÁP TRONG MƯƠNG CÁP							
CNTK	Nguyễn Thành Văn										
Trưởng phòng	Phạm Hoàng Nam										
Kiểm tra	Lê Nguyễn Ninh										
Thiết kế	Lê Minh Nhựt										
				TKBVTC		12-2019					
				BD1-16-14D.TR.VC.NT-04		1/1					

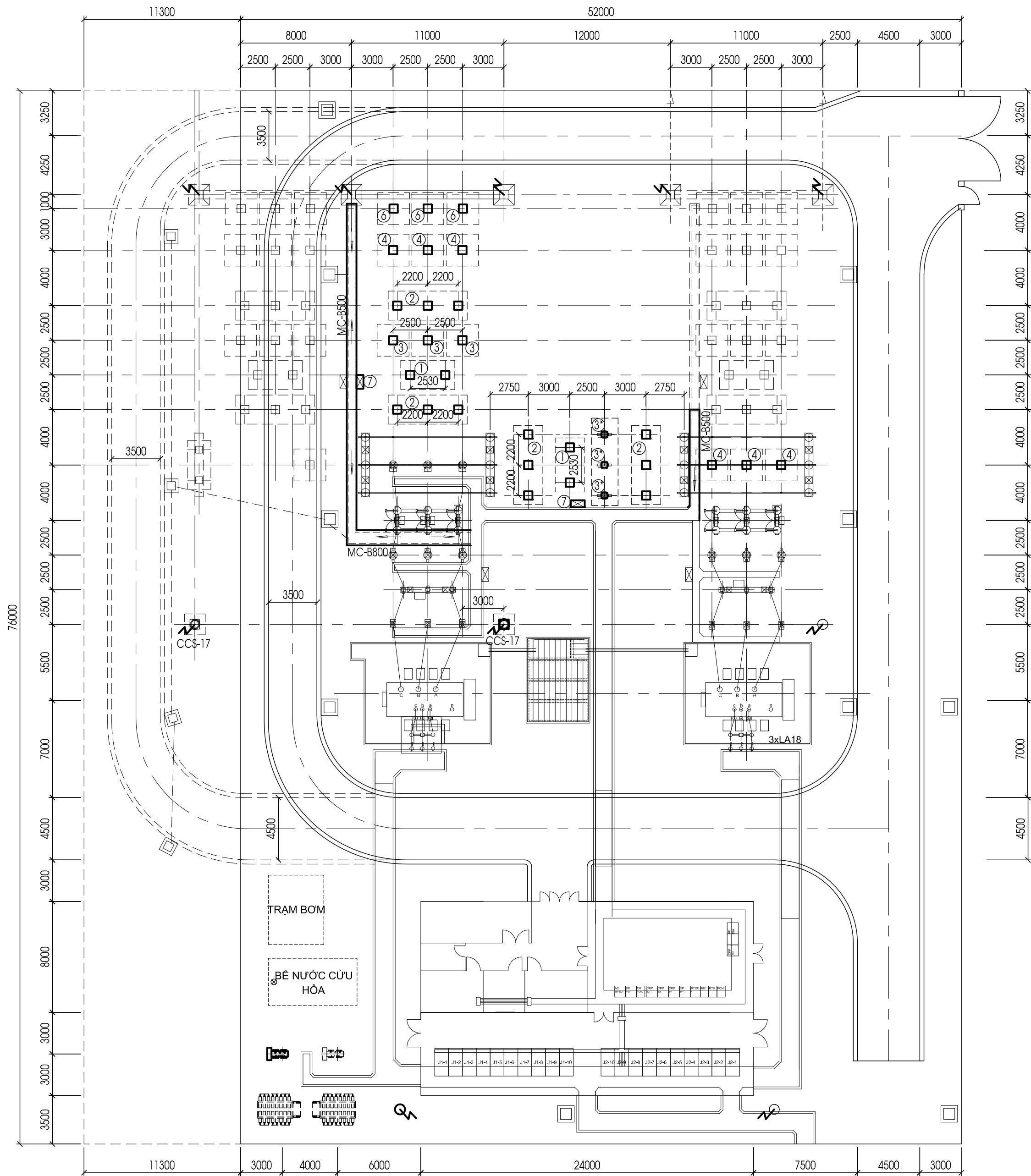
Số ngân	01	02/03	04	05/06
Mã hiệu ngân	E06	E01E04	E02	E03E05
Tên ngân trước mở rộng	220kV Sóc Trăng / MBA T1	Phân Đoạn (Dây Phòng)		220kV Sóc Trăng (Dây Phòng) / MBA T2
Tên ngân sau mở rộng	220kV Bạc Liêu 2	220kV Bạc Liêu 2 / MBA T1	Phân Đoạn	220kV Sóc Trăng / MBA T2
Chỉ danh trước mở rộng	131			



2			
1			
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẬN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGÀN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
PGD Trung tâm	Trần Vinh Phong	MẶT BẰNG KÉO RẢI CÁP QUANG NMOC	
CTTK	Nguyễn Thành Văn	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Trưởng phòng	Phạm Hoàng Nam	ĐD1-16-14D.TR.VC.TT-02	
Kiểm tra	Lê Nguyễn Ninh	12/2019	
Thiết kế	Dương Tuấn Khánh	1/1	

BẢNG KÊ CẤU KIỆN THÁO VÀ PHÁ DỠ			
SỐ TT	TÊN GỌI	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
	Phá dỡ và phục hồi MC-0.8 hiện hữu do thi công móng	2m	
	Đục và hoàn thiện mương cấp do đấu nối mương cấp cũ và mới	02 vị trí	

BẢNG KÊ CẤU KIỆN XÂY DỰNG			
KÝ HIỆU	TÊN GỌI	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
CCS-17 (SL: 01)	Cột BTLT 14m	01	
	Kim thu sét K-5	01	
	Móng cột BTLT 14m	01	
M.TMC-110 ①	Móng trụ máy cắt 110kV	02	
M.TDD-110 ②	Móng trụ đỡ dao 3 cực 110kV	04	
M.TBD-110 ③	Móng trụ biến dòng 110kV	03	
TBD-110 ③*	Trụ biến dòng 110kV lắp mới trên móng hiện hữu	03	
M.TĐĐA-110④	Móng trụ biến điện áp 110kV	06	
M.TCSV-110 ⑤	Móng trụ chống sét van 110kV	03	
M.TDD ⑦	Móng tủ đấu dây ngoài trời	04	
MC 0.8	Mương cáp ngầm rộng 0.8m	9m	
MC 0.5	Mương cáp ngầm rộng 0.5m	21m	
	Đường ống thoát nước mương cáp PVC D60, dây 2.3mm cùng phụ kiện	3m	
	Đá 1x2 rải nền trạm bổ sung sau khi thi công	10m3	



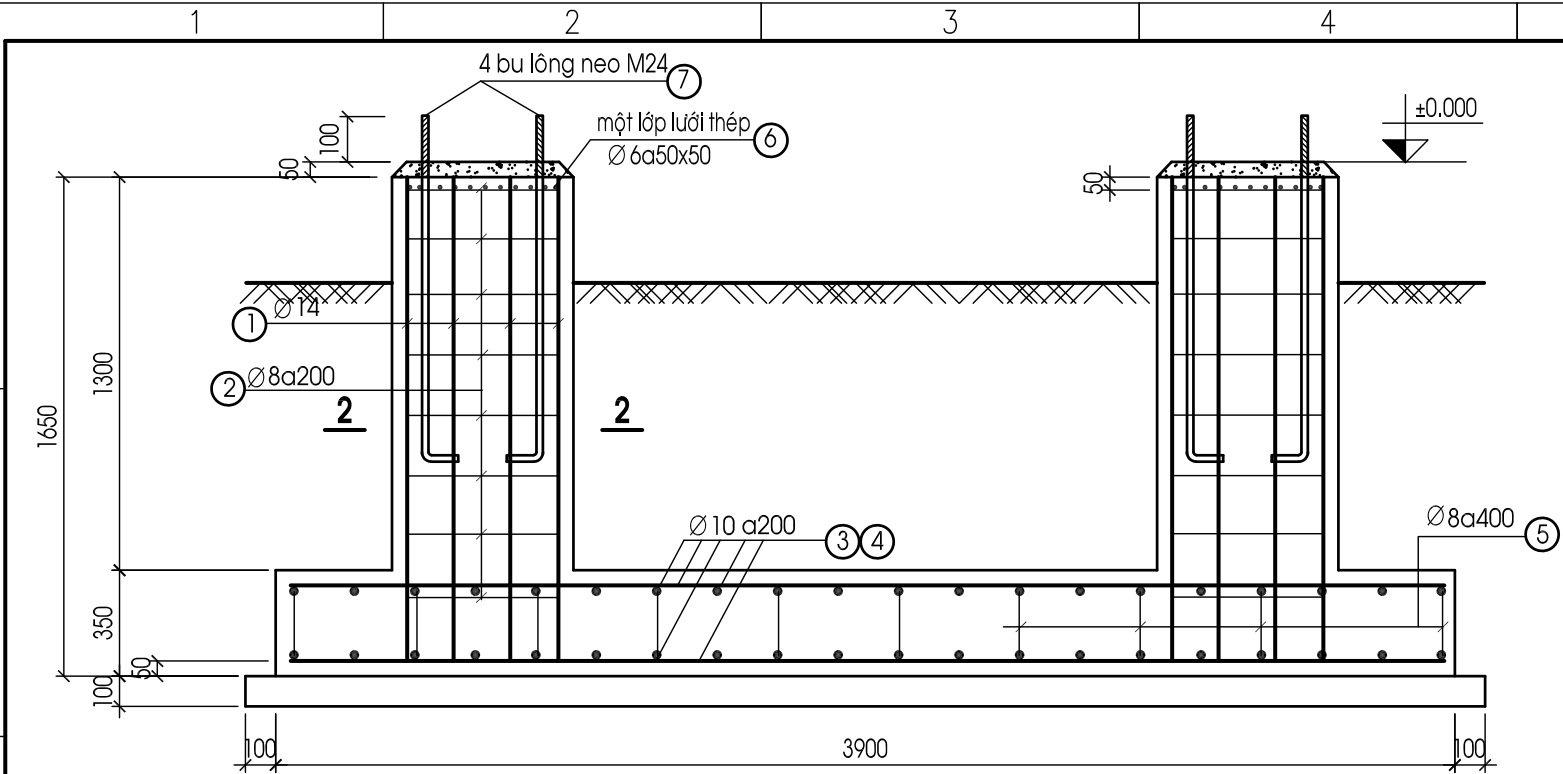
MẶT BẰNG XÂY DỰNG

TL: 1/250

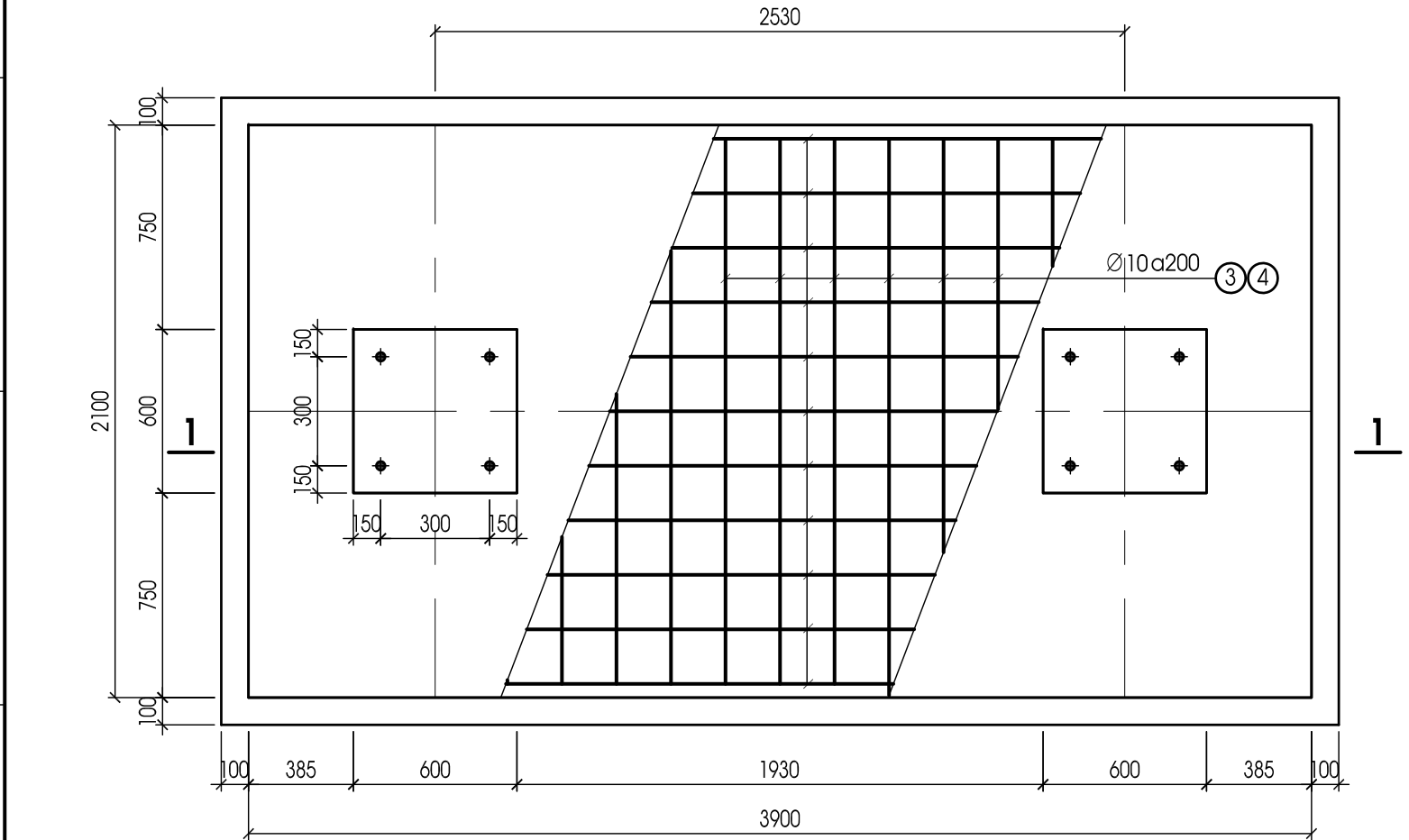
GHI CHÚ

1. Nét _____ thể hiện phần thiết bị thực hiện trong đề án này
2. Nét _____ thể hiện phần thiết bị hiện hữu
3. Nét — — — thể hiện phần thiết bị thuộc dự án khác
4. Cốt ± 0,00 là cốt nền trạm chưa rải đá
5. Mương cáp đánh dốc 0.2% để thoát nước theo chiều trên bản vẽ.
6. Trước khi thi công, nhà thầu phải thu gom để tận dụng lại đá rải nền trạm phần diện tích rải đá của trạm hiện hữu (đá tận dụng bằng 70%).
7. Nhà thầu cần có biện pháp thi công thích hợp để không làm ảnh hưởng tới sự ổn định của các cấu kiện hiện hữu đang vận hành.

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGẮN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
PGD.Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm	MẶT BẰNG XÂY DỰNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn		
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh	ĐD1-16-14D.TR-VV-CD-01	01

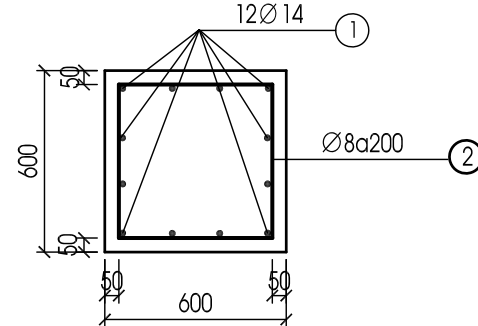


1-1
TL: 1/25

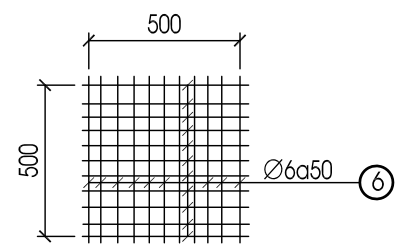


MẶT BẰNG MÓNG
TL: 1/25

BẢNG KÊ THÉP									
STT	Qui cách	Ø	Ch.dài 1 thanh(mm)	Số lượng	Ch.dài t.cộng(m)	Cho 1 cấu kiện			K.lượng T.cộng(kg)
						Ø	Ch.dài (m)	K.lg (kg)	
1	1575	14	1775	24	42.60	14	42.60	51.46	221.58
2	500	8	2120	16	33.92	10	163.60	100.94	
3	2000	10	2000	40	80.00	8	59.12	23.35	
4	3800	10	3800	22	83.60	6	24.2	5.37	
5	100	8	420	60	25.20	M24		40.46	
6	550	6	550	44	24.2				
7	Bu lông M24	M24	1100	08					



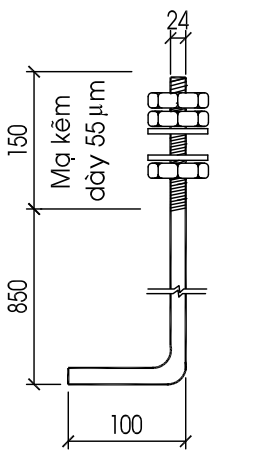
2-2
TL: 1/25



LƯỚI THÉP ĐẦU TRỤ
TL: 1/25

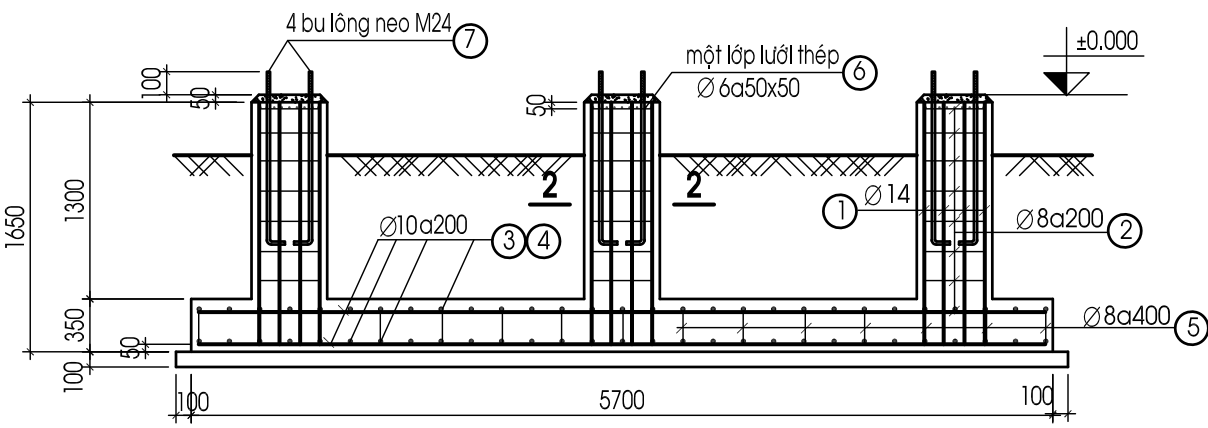
GHI CHÚ:

- Cốt ±0.000 là cốt mặt trên cổ móng trụ máy cắt ngăn hiện hữu liền kề.
- Móng được đúc bằng bê tông B15 (M200) đá 1x2, thể tích bê tông V=3.803m³.
- Bê tông lót B7.5 (M100) đá 4x6 dày 100mm, thể tích bê tông V=0.943m³.
- Vữa XM M100 phủ đầu trụ, V=0.036m³.
- Bu lông neo và đai ốc chế tạo theo TCVN 5575-2012, TCVN 1896-76, cấp bền 5.6.
- Một bộ bu lông gồm: 1 bu lông, 3 đai ốc, 2 vòng đệm.
- Cốt thép: Ø<10 dùng CB240-T (AI); Ø≥10 dùng CB300-V (All).

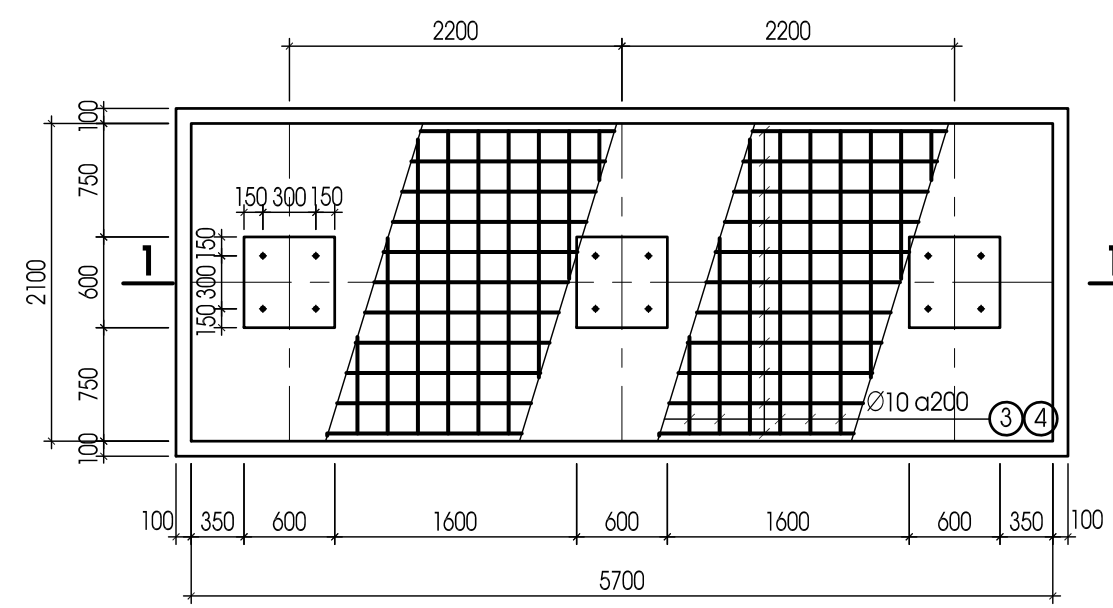


BU LÔNG M24

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110kV TẠI TRẠM 110kV VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm	MÓNG TRỤ MÁY CẮT 110kV	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn		
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh	ĐD1-16-14D,TR-VC-XD-02	01

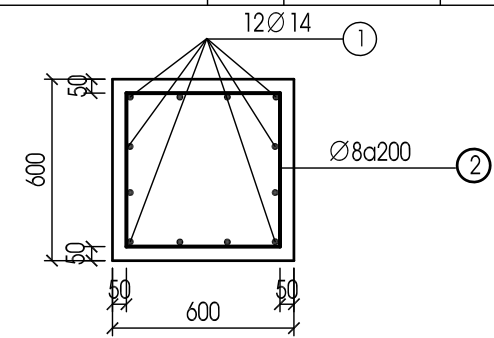


1-1
TL:1/50

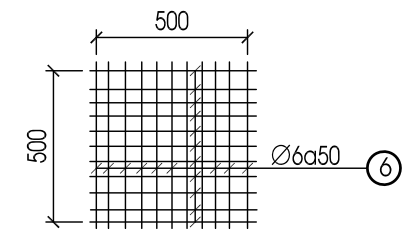


MẶT BẰNG MÓNG
TL:1/50

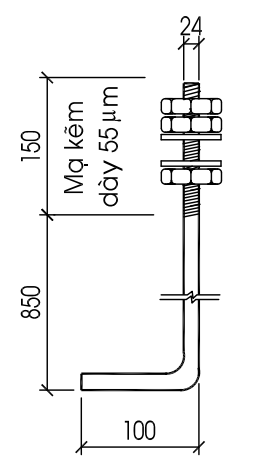
BẢNG KÊ THÉP									
STT	Qui cách	Ø	Ch.dài 1 thanh(mm)	Số lượng	Ch.dài t.cộng(m)	Cho 1 cấu kiện			K.lượng T.cộng(kg)
						Ø	Ch.dài(m)	K.lg(kg)	
1	1575	14	1775	36	63.90	14	63.90	77.19	328.56
2	500 500 60	8	2120	24	50.88	10	239.20	147.59	
3	2000	10	2000	58	116.00	8	88.68	35.03	
4	5600	10	5600	22	123.20	6	36.30	8.06	
5	100 220 100	8	420	90	37.80	M24		60.69	
6	550	6	550	66	36.30				
7	Bu lông M24	M24	1100	12					



2-2
TL:1/25



LƯỚI THÉP ĐẦU TRỤ
TL:1/25



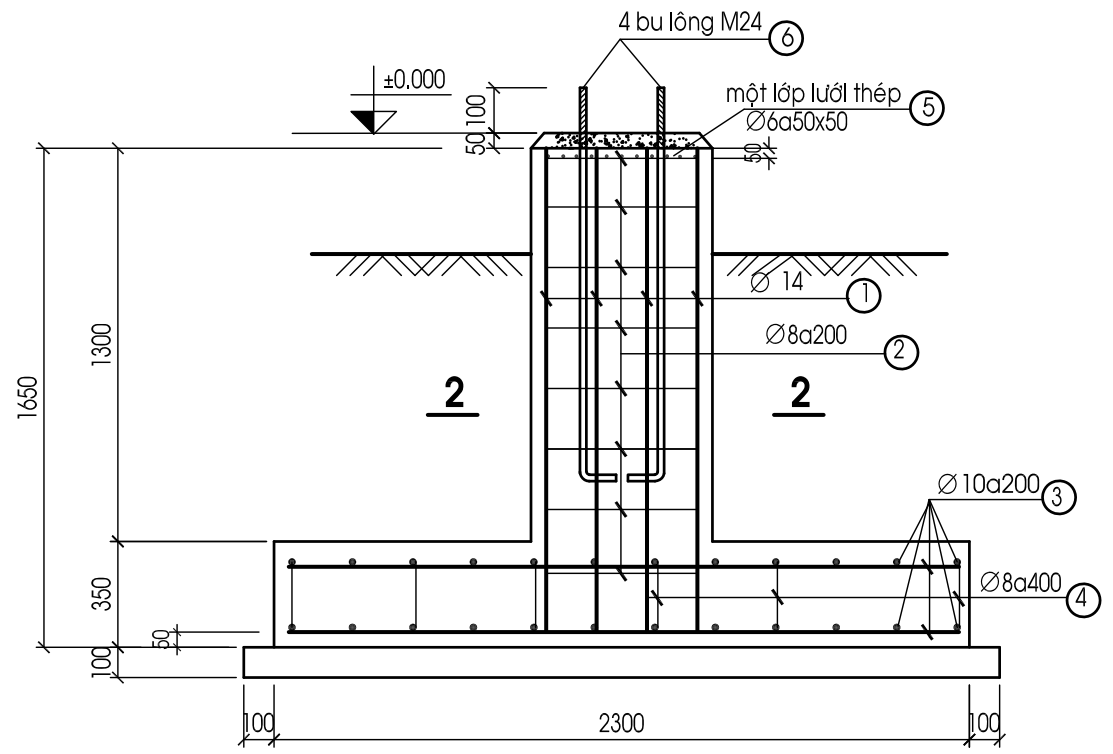
BU LÔNG M24

GHI CHÚ:

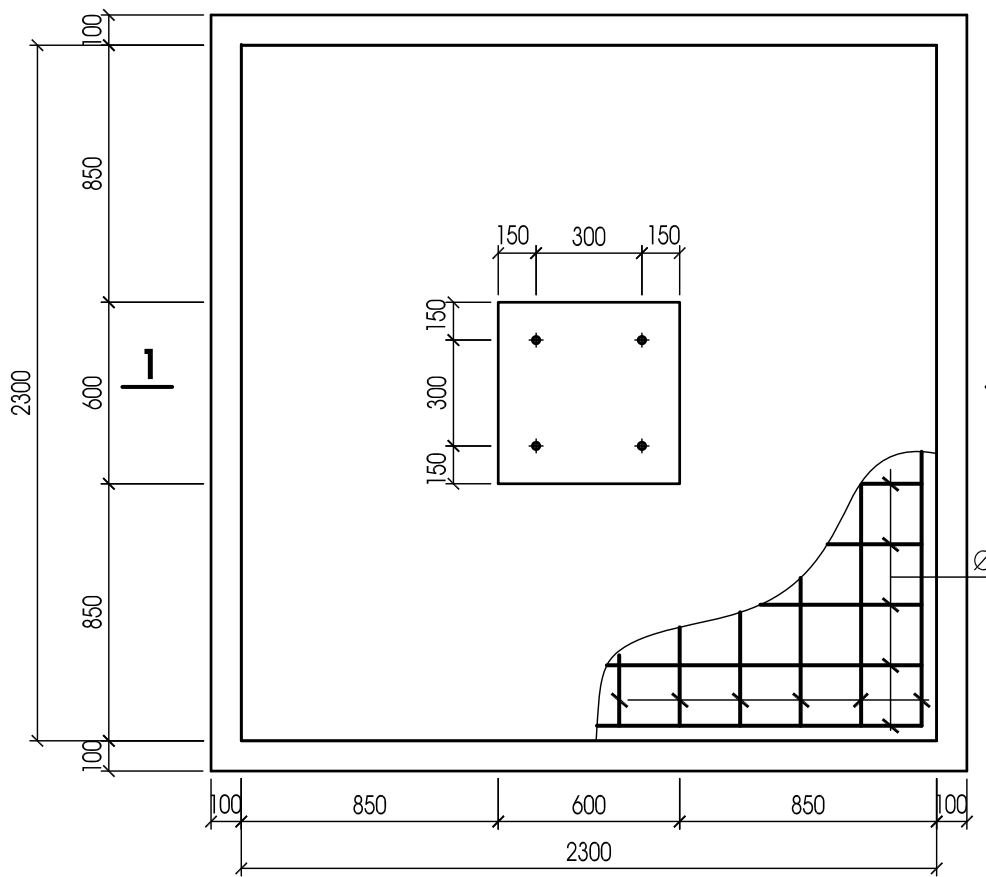
- Cốt ±0.000 là cốt mặt trên cổ móng trụ máy cắt ngăn hện hữu liền kề.
- Móng được đúc bằng bê tông B15 (M200) đá 1x2, thể tích bê tông V=5.594m³.
- Bê tông lót B7.5 (M100) đá 4x6 dày 100mm, thể tích bê tông V=1.357m³.
- Vữa XM M100 phủ đầu trụ, V=0.054m³.
- Bu lông neo và đai ốc chế tạo theo TCVN 5575-2012, TCVN 1896-76, cấp bền 5.6.
Một bộ bu lông gồm: 1 bu lông, 3 đai ốc, 2 vòng đệm.
- Cốt thép: Ø<10 dùng CB240-T (AI); Ø≥10 dùng CB300-V (AII).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm	MÓNG TRỤ ĐỖ DAO 3 CỰC 110KV	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn		
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh	ĐD1-16-14D,TR-VC-XD-02/1	01

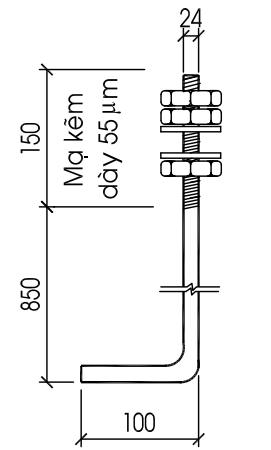
A
B
C
D
E
E



1-1
TL: 1/25



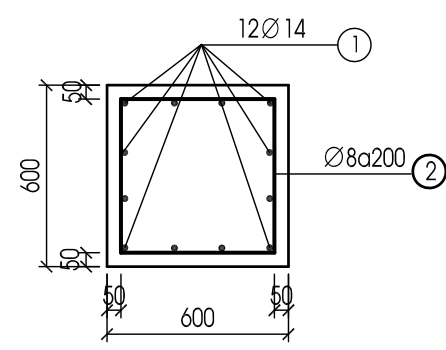
MẶT BẰNG MÓNG
TL: 1/25



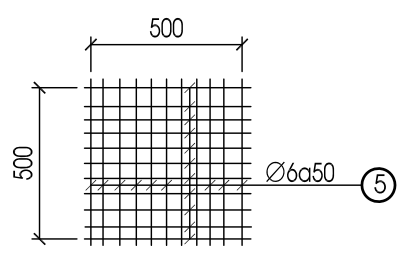
BU LÔNG M24

BẢNG KÊ THÉP

STT	Qui cách	Ø	Ch.dài 1 thanh(mm)	Số lượng	Ch.dài t.cộng(m)	Cho 1 cấu kiện			K.lượng T.cộng(kg)
						Ø	Ch.dài(m)	K.lg(kg)	
1	1575 20	14	1775	12	21.30	14	21.30	25.73	125,92
2	500 500 60	8	2120	08	16.96	10	105.60	65.16	
3	2200	10	2200	48	105.60	8	32.08	12.67	
4	100 220 100	8	420	36	15.12	6	12.10	2.69	
5	550	6	550	22	12.10	M24		20.23	
6	Bu lông M24	M24	1100	04					



2-2
TL: 1/25

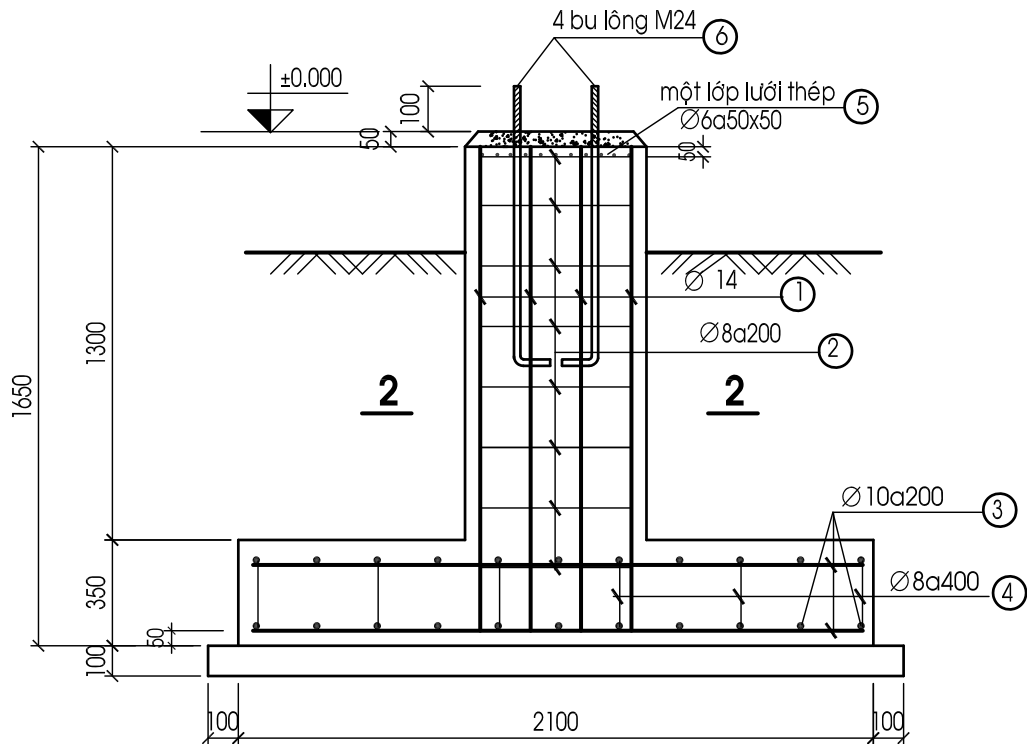


LƯỚI THÉP ĐẦU TRỤ
TL: 1/25

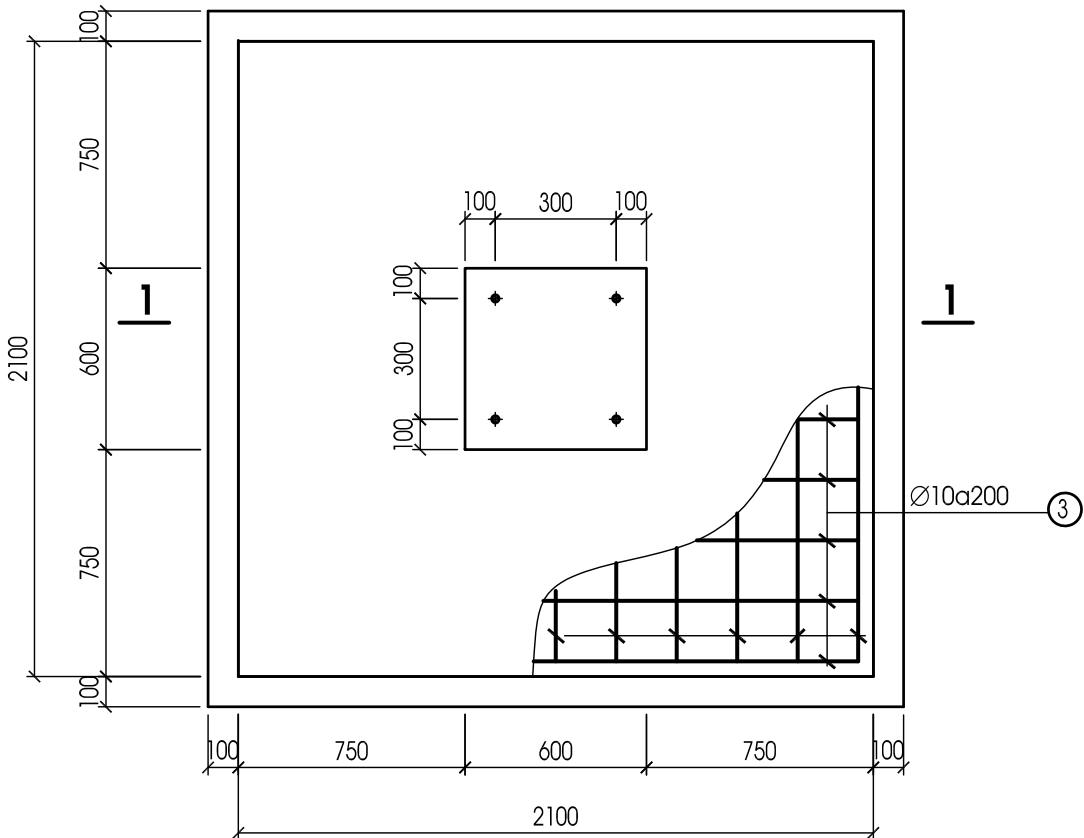
GHI CHÚ:

- Cốt ±0.000 là cốt mặt trên cổ móng trụ máy cắt ngăn hiện hữu liền kề.
- Móng được đúc bằng bê tông B15 (M200) đá 1x2, thể tích bê tông V=2.32m³.
- Bê tông lót B7.5 (M100) đá 4x6 dày 100mm, thể tích bê tông V=0.625m³.
- Vữa XM M100 phủ đầu trụ, V=0.018m³.
- Bu lông neo và đai ốc chế tạo theo TCVN 5575-2012, TCVN 1896-76, cấp bền 5.6. Một bộ bu lông gồm: 1 bu lông, 3 đai ốc, 2 vòng đệm.
- Cốt thép: Ø < 10 dùng CB240-T (AI); Ø ≥ 10 dùng CB300-V (AII).

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MÓNG TRỤ BIẾN DÒNG 110KV			
P.GĐ Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm				
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn				
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh			ĐD1-16-14D,TR-VC-XD-02/2	01

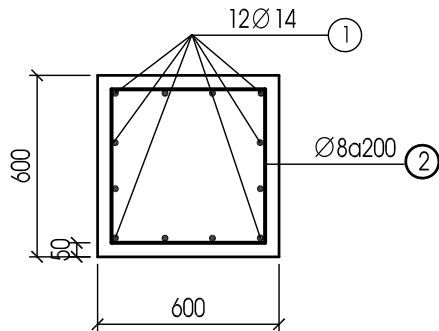


1-1
TL:1/25

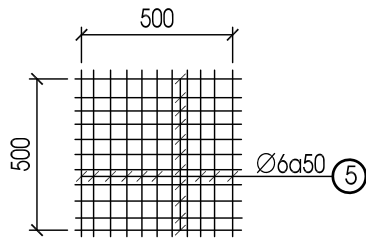


MẶT BẰNG MÓNG
TL:1/25

BẢNG KÊ THÉP									
STT	Qui cách	Ø	Ch.dài 1 thanh(mm)	Số lượng	Ch.dài t. cộng(m)	Cho 1 cấu kiện			K.lượng T.cộng(kg)
						Ø	Ch.dài(m)	K.lg(kg)	
1	1575 200	14	1775	12	21.30	14	21.30	25.73	115.52
2	500 500 60	8	2120	08	16.96	10	88.00	54.20	
3	2000	10	2000	44	88.00	8	32.08	12.67	
4	100 220 100	8	420	36	15.12	6	12.10	2.69	
5	550	6	550	22	12.10	M24		20.23	
6	Bu lông M24	M24	1100	04					



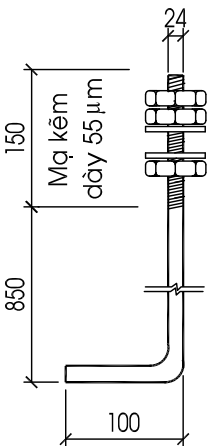
2-2
TL:1/25



LƯỚI THÉP ĐẦU TRỤ
TL:1/25

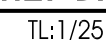
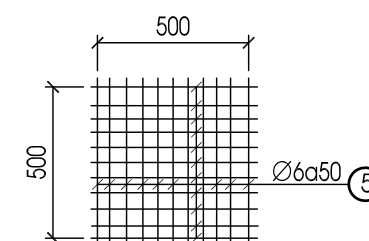
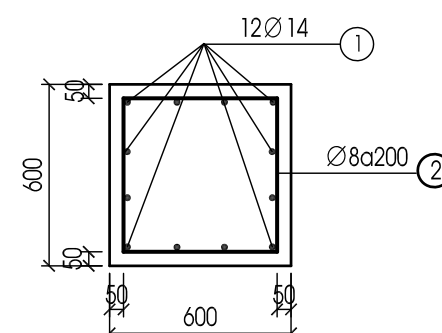
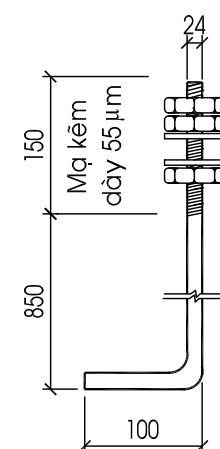
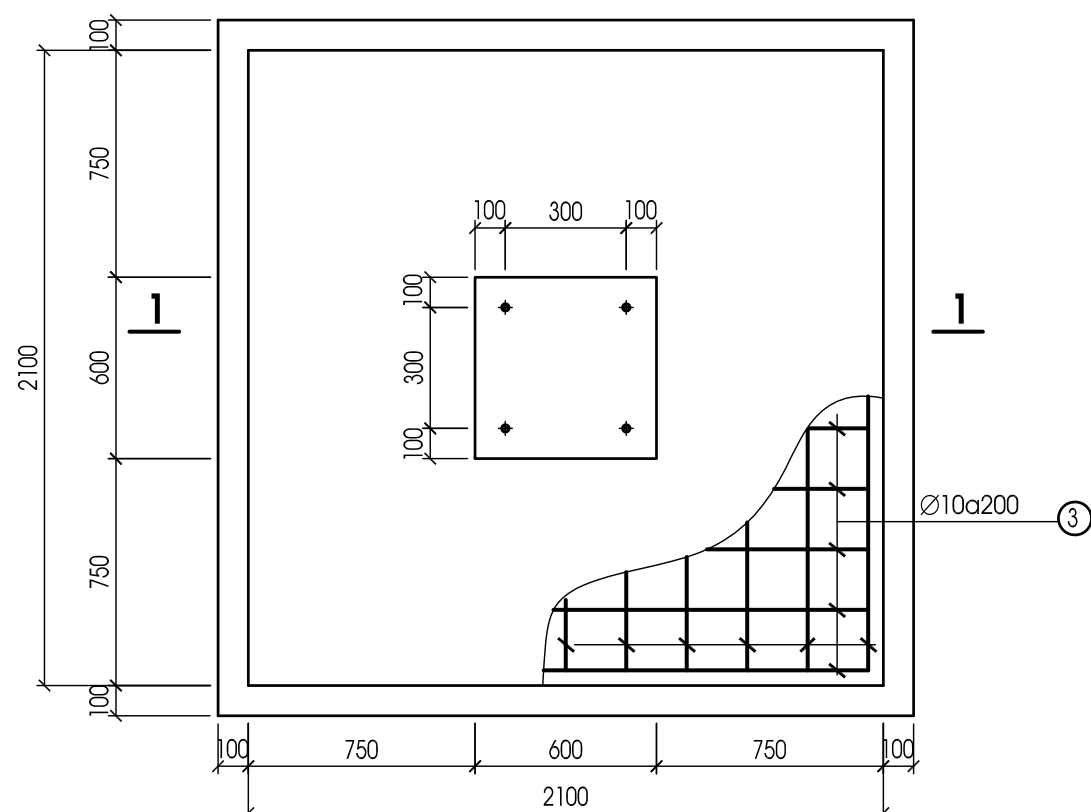
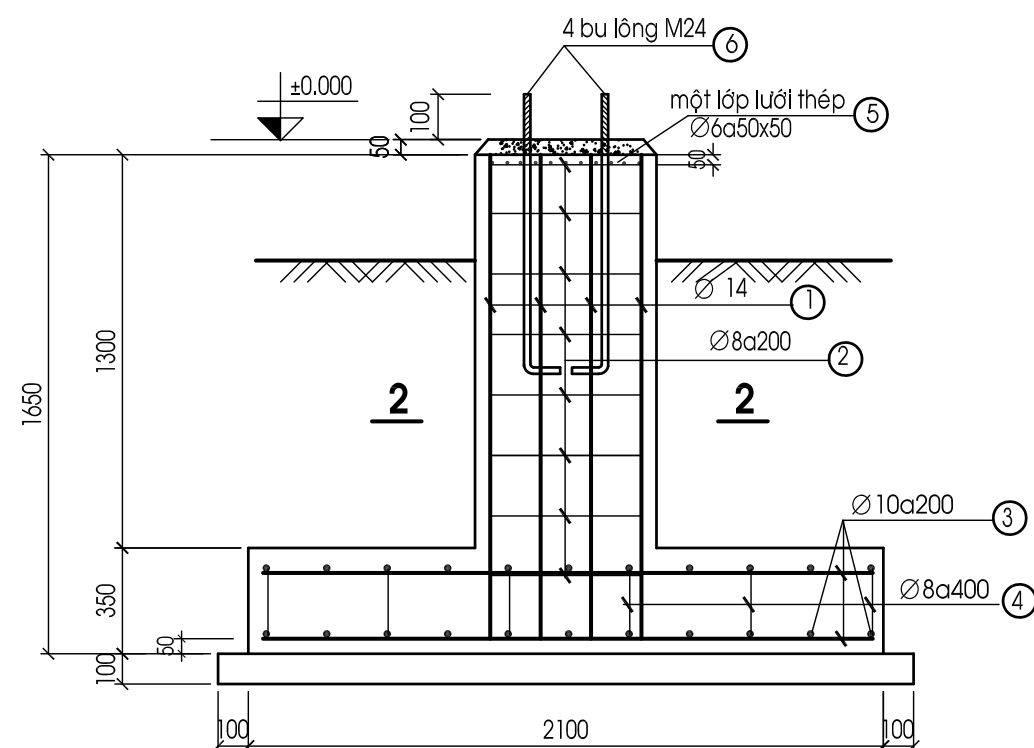
GHI CHÚ:

- Cốt ±0.000 là cốt mặt trên cổ móng trụ máy cắt ngăn hiện hữu liền kề.
- Móng được đúc bằng bê tông B15 (M200) đá 1x2, thể tích bê tông V=2.012m³.
- Bê tông lót B7.5 (M100) đá 4x6 dày 100mm, thể tích bê tông V=0.529m³.
- Vữa XM M100 phủ đầu trụ , V=0.018m³.
- Bu lông neo và đai ốc chế tạo theo TCVN 5575-2012, TCVN 1896-76, cấp bền 5.6.
Một bộ bu lông gồm: 1 bu lông, 3 đai ốc, 2 vòng đệm.
- Cốt thép: Ø<10 dùng CB240-T (AI); Ø≥10 dùng CB300-V (AII).

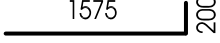
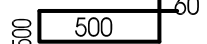
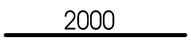
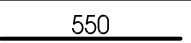


BU LÔNG M24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm	MÓNG TRỤ BIẾN ĐIỆN ÁP 110KV	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn		
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh	ĐD1-16-14D,TR-VC-XD-02/3	01



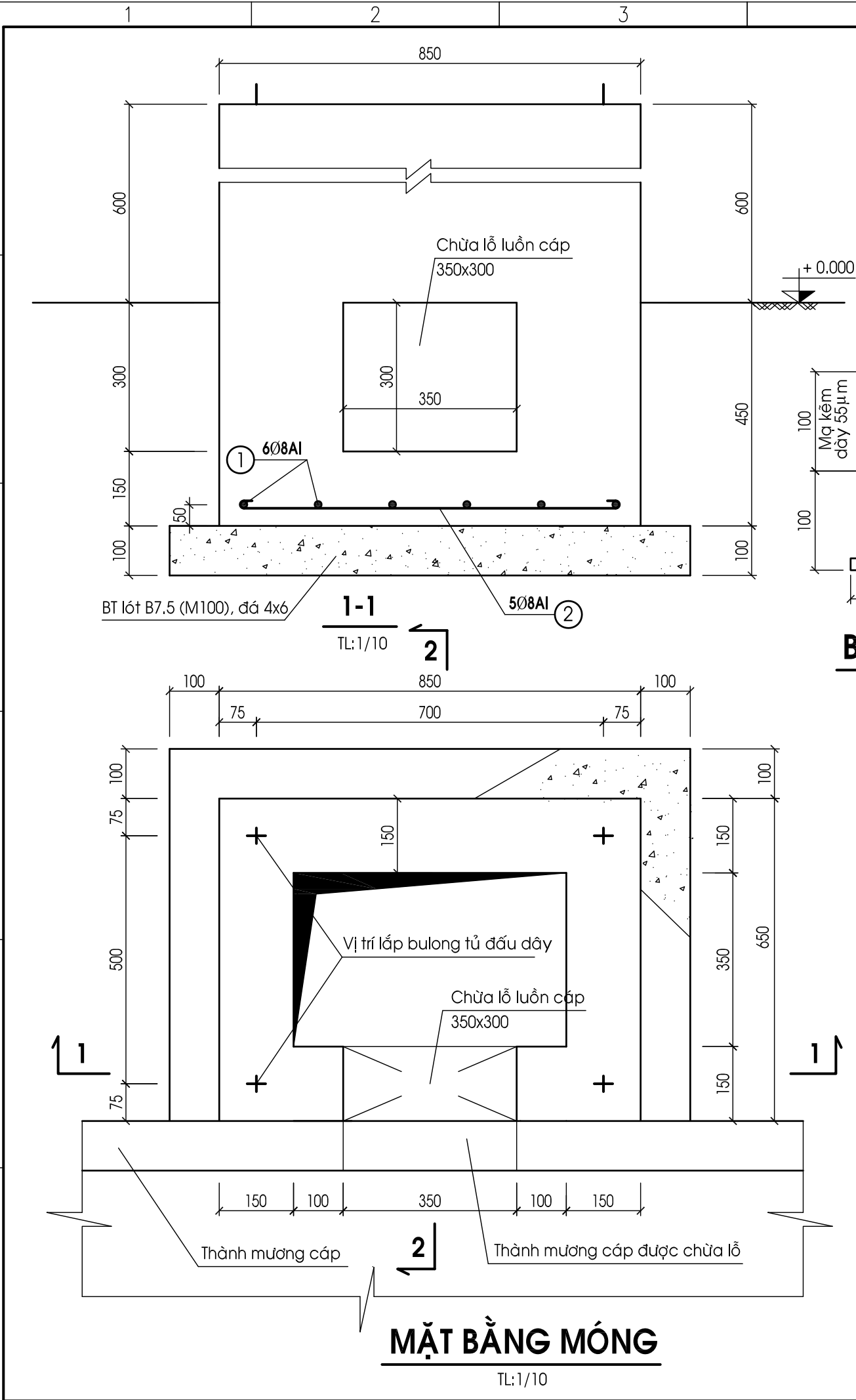
BẢNG KÊ THÉP

STT	Qui cách	Ø	Ch.dài 1 thanh(mm)	Số lượng	Ch.dài t.cộng(m)	Cho 1 cấu kiện			K.lượng T.cộng(kg)
						Ø	Ch.dài(m)	K.lg(kg)	
1		14	1775	12	21.30	14	21.30	25.73	115.52
2		8	2120	08	16.96	10	88.00	54.20	
3		10	2000	44	88.00	8	32.08	12.67	
4		8	420	36	15.12	6	12.10	2.69	
5		6	550	22	12.10	M24		20.23	
6	Bu lông M24	M24	1100	04					

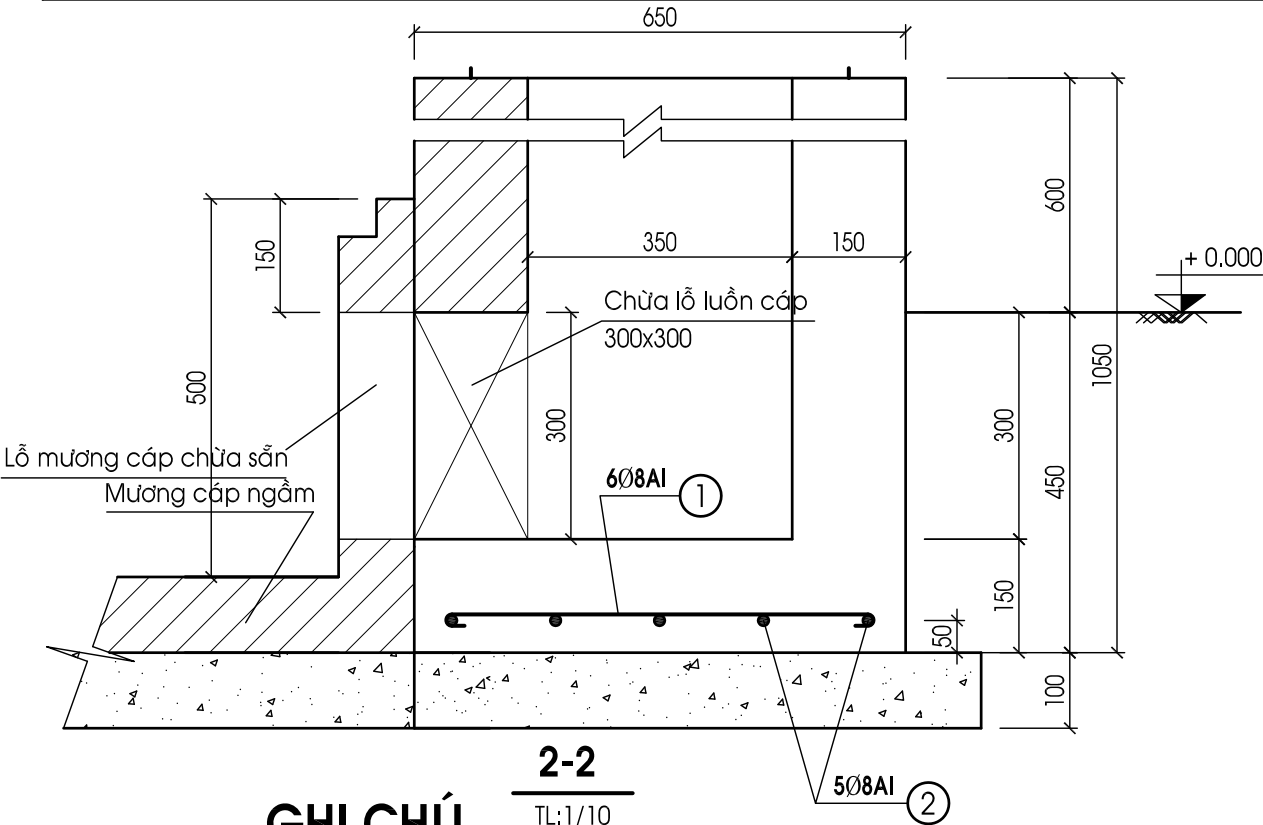
GHI CHÚ:

- Cốt ± 0.000 là cốt mặt trên cổ móng trụ máy cất ngăn hiện hữu liền kề.
 - Móng được đúc bằng bê tông B15 (M200) đá 1x2, thể tích bê tông $V=2.012\text{m}^3$.
 - Bê tông lót B7.5 (M100) đá 4x6 dày 100mm, thể tích bê tông $V=0.529\text{m}^3$.
 - Vữa XM M100 phủ đầu trụ , $V=0.018\text{m}^3$.
 - Bu lông neo và đai ốc chế tạo theo TCVN 5575-2012, TCVN 1896-76, cấp bền 5.6.
- Một bộ bu lông gồm: 1 bu lông, 3 đai ốc, 2 vòng đệm.
- Cốt thép: $\varnothing < 10$ dùng CB240-T (AI); $\varnothing \geq 10$ dùng CB300-V (AII).

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110kV TẠI TRẠM 110kV VĨNH CHÂU	
P.ĐD Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm	MÓNG TRỤ ĐỖ CHỐNG SÉT VAN 110kV	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn		
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh	ĐD1-16-14Đ,TR-VC-XD-02/4	01



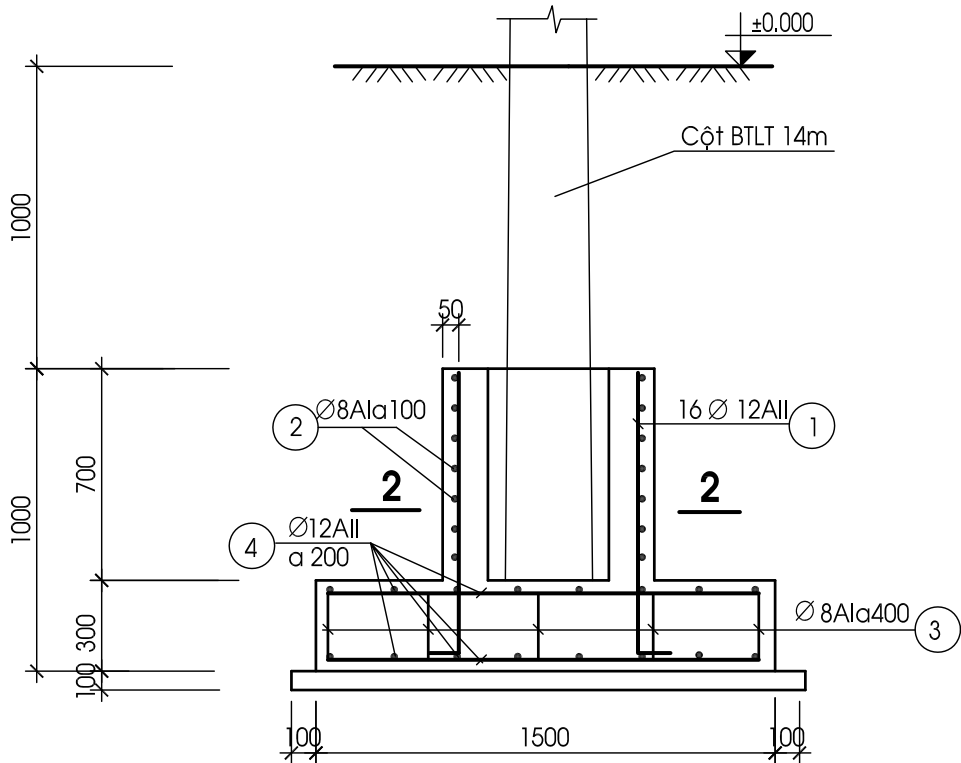
BẢNG KÊ THÉP									
STT	Qui cách	Ø	Ch.dài 1 thanh(mm)	Số lượng	Ch.dài t.cộng(m)	Cho 1 cấu kiện			K.lượng T.cộng(kg)
						Ø	Ch.dài(m)	K.lg(kg)	
1	60 550 60	8AI	670	06	4.02	8AI	8.37	3.31	3.31
2	60 750 60	8AI	870	05	4.35				
3	Bu lông M12	12AI	275	02		M16	-	-	04 bộ



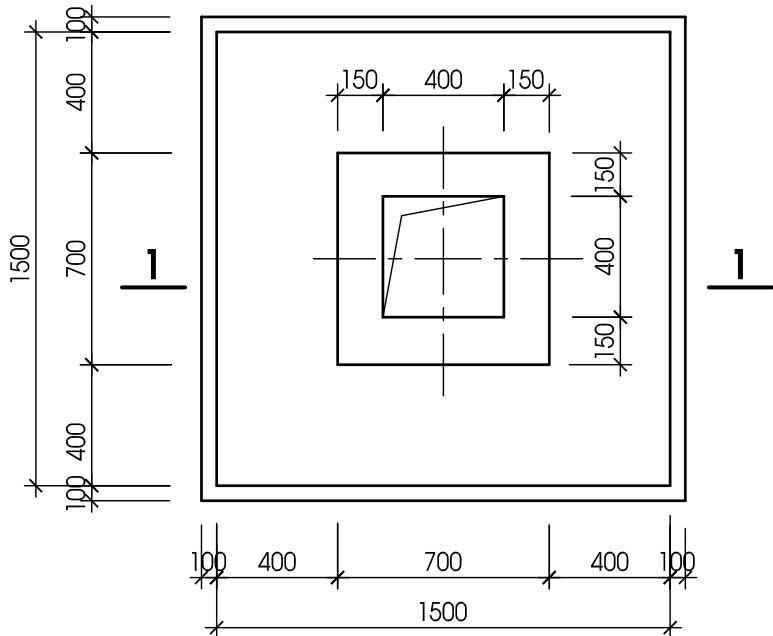
GHI CHÚ

- + 0.000 là cốt nền trạm chưa rải đá
- Bê tông đổ móng cấp bền B15 (M200), đá 1x2. Thể tích bê tông 1 móng: $V = 0.391m^3$
- Bê tông lót cấp bền B7.5 (M100), đá 4x6. Thể tích bê tông 1 móng: $V = 0.079m^3$
- Thành móng cáp ở tủ đầu dây được chứa lỗ sẵn để đầu dây.
- Bu lông liên kết tủ đầu dây với móng được chế tạo với đường kính ren 12mm.
Đai ốc chế tạo theo TCVN 1896-96. Một bộ bu lông gồm: 01 bu lông+02 đai ốc+01 vòng đệm.
Trong trường hợp bulông được cấp hàng theo thiết bị thì không sử dụng bộ bulông này.
- Vị trí bu lông liên kết tủ đầu dây sẽ được định vị tại hiện trường.
- Móng tủ phải được cập nhật và hiệu chỉnh khi có thiết bị final

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MÓNG TỦ ĐẦU DÂY NGOÀI TRỜI			
P.GĐ Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm				
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn				
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh				
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh				
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
		ĐD1-16-14D,TR-VC-XD-02/5		01	



1 - 1
TL: 1/25

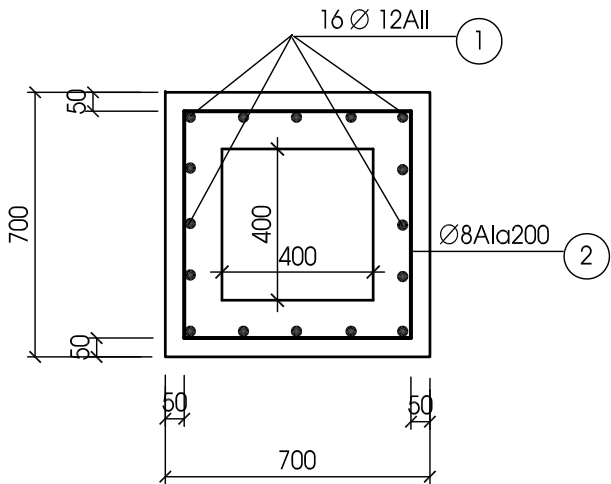


MẶT BẰNG MÓNG

TL: 1/25

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

SỐ TT	HÌNH DÁNG		CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)	CHO MỘT MÓNG		TỔNG TRỌNG, L (kg)
						CH, DÀI (m)	TRỌNG, L (kg)	
1		12AII	1100	16	17.6	12AII	62.40	55.41
2		8AI	2520	07	17.64	8AI	27.04	10.68
3		8AI	376	25	9.40			
4		12AII	1400	32	44.80			

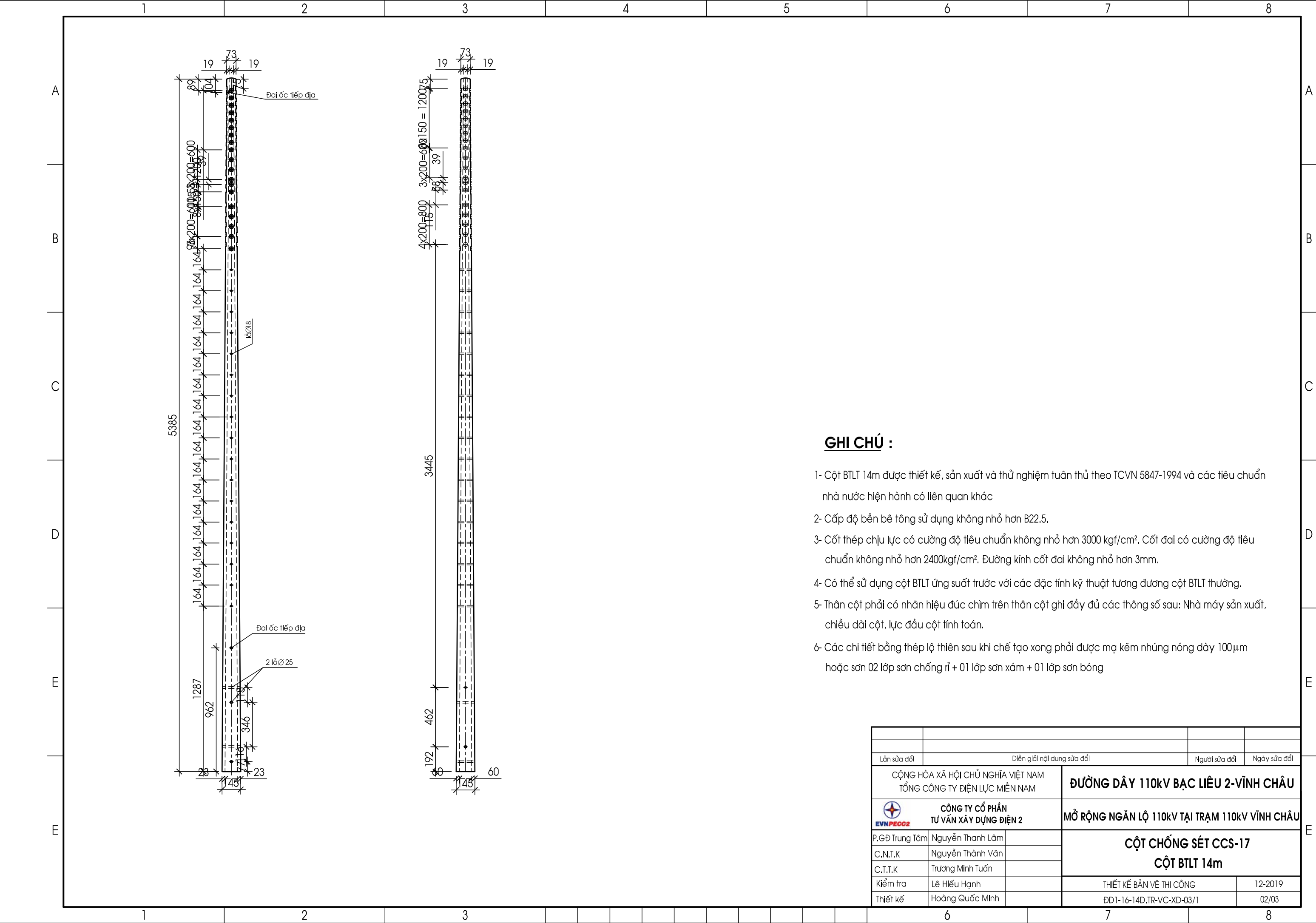


2 - 2
TL: 1/20

GHI CHÚ

- Bê tông đúc móng cấp bền B15 (M200), đá 1x2, thể tích V=0.906m³
- Bê tông lót B7.5 (M100), đá 4x6, thể tích V=0.289m³.
- Bê tông chèn B20 (M250), đá 1x2, thể tích V=0.036m³
- Cốt + 0.00 là cốt nền trạm chưa rải đá

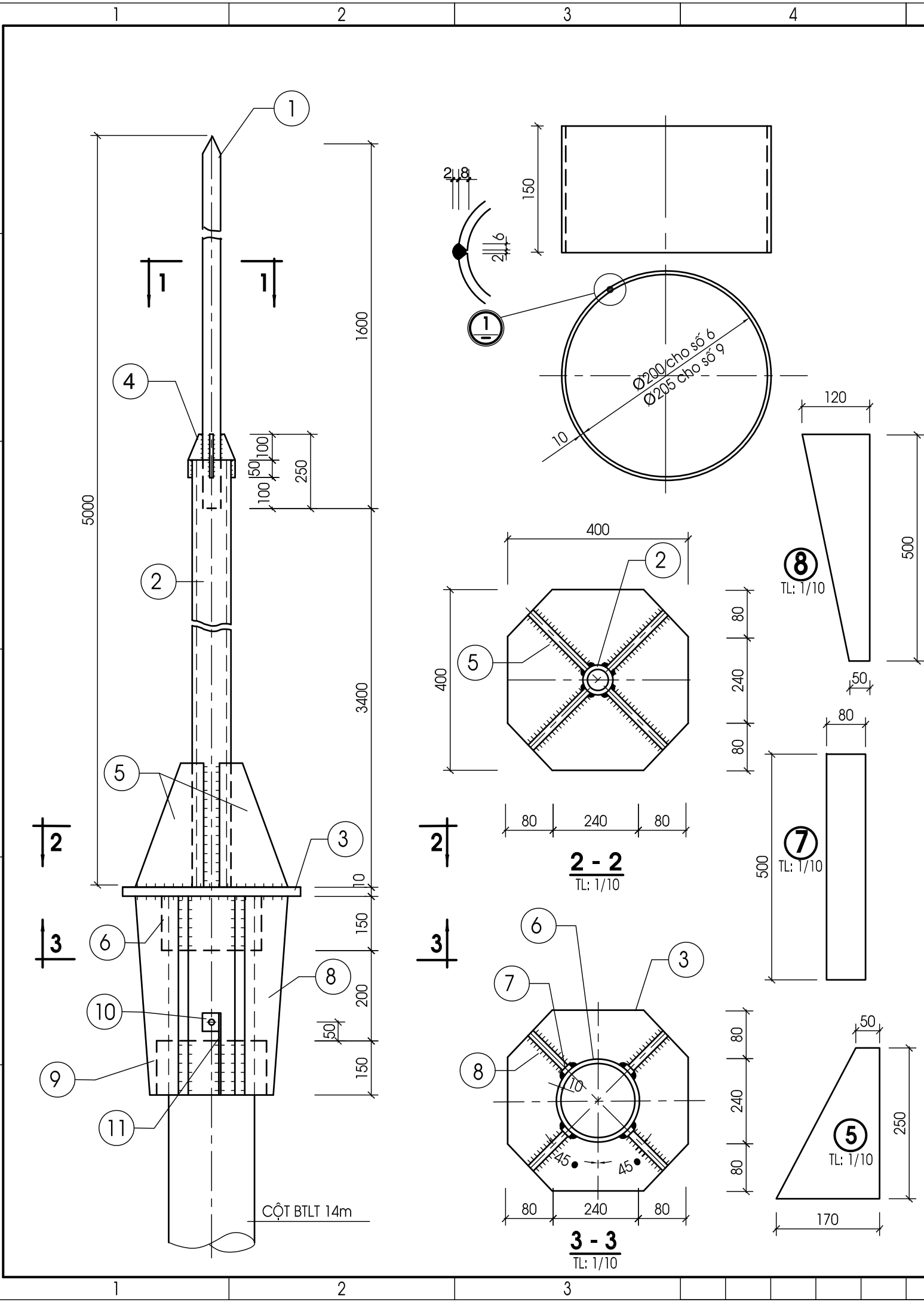
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT CHỐNG SÉT CCS-17 MÓNG CỘT BTLT 14m	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn		
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh	ĐD1-16-14D,TR-VC-XD-03	01/03



GHI CHÚ :

- 1- Cột BTLT 14m được thiết kế, sản xuất và thử nghiệm tuân thủ theo TCVN 5847-1994 và các tiêu chuẩn nhà nước hiện hành có liên quan khác
- 2- Cấp độ bền bê tông sử dụng không nhỏ hơn B22.5.
- 3- Cốt thép chịu lực có cường độ tiêu chuẩn không nhỏ hơn 3000 kgf/cm². Cốt đai có cường độ tiêu chuẩn không nhỏ hơn 2400kgf/cm². Đường kính cốt đai không nhỏ hơn 3mm.
- 4- Có thể sử dụng cột BTLT ứng suất trước với các đặc tính kỹ thuật tương đương cột BTLT thường.
- 5- Thân cột phải có nhãn hiệu đúc chìm trên thân cột ghi đầy đủ các thông số sau: Nhà máy sản xuất, chiều dài cột, lực đầu cột tính toán.
- 6- Các chi tiết bằng thép lộ thiên sau khi chế tạo xong phải được mạ kẽm nhúng nóng dày 100µm hoặc sơn 02 lớp sơn chống rỉ + 01 lớp sơn xám + 01 lớp sơn bóng

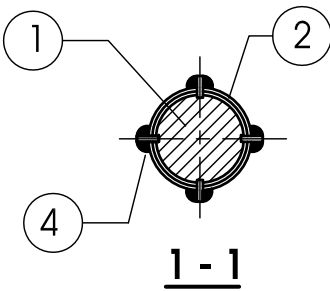
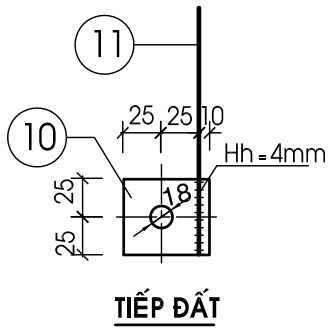
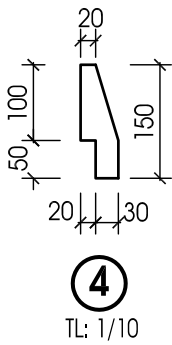
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi	
Người sửa đổi		Ngày sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT CHỐNG SÉT CCS-17 CỘT BTLT 14m	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn		
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh	ĐD1-16-14D,TR-VC-XD-03/1	02/03



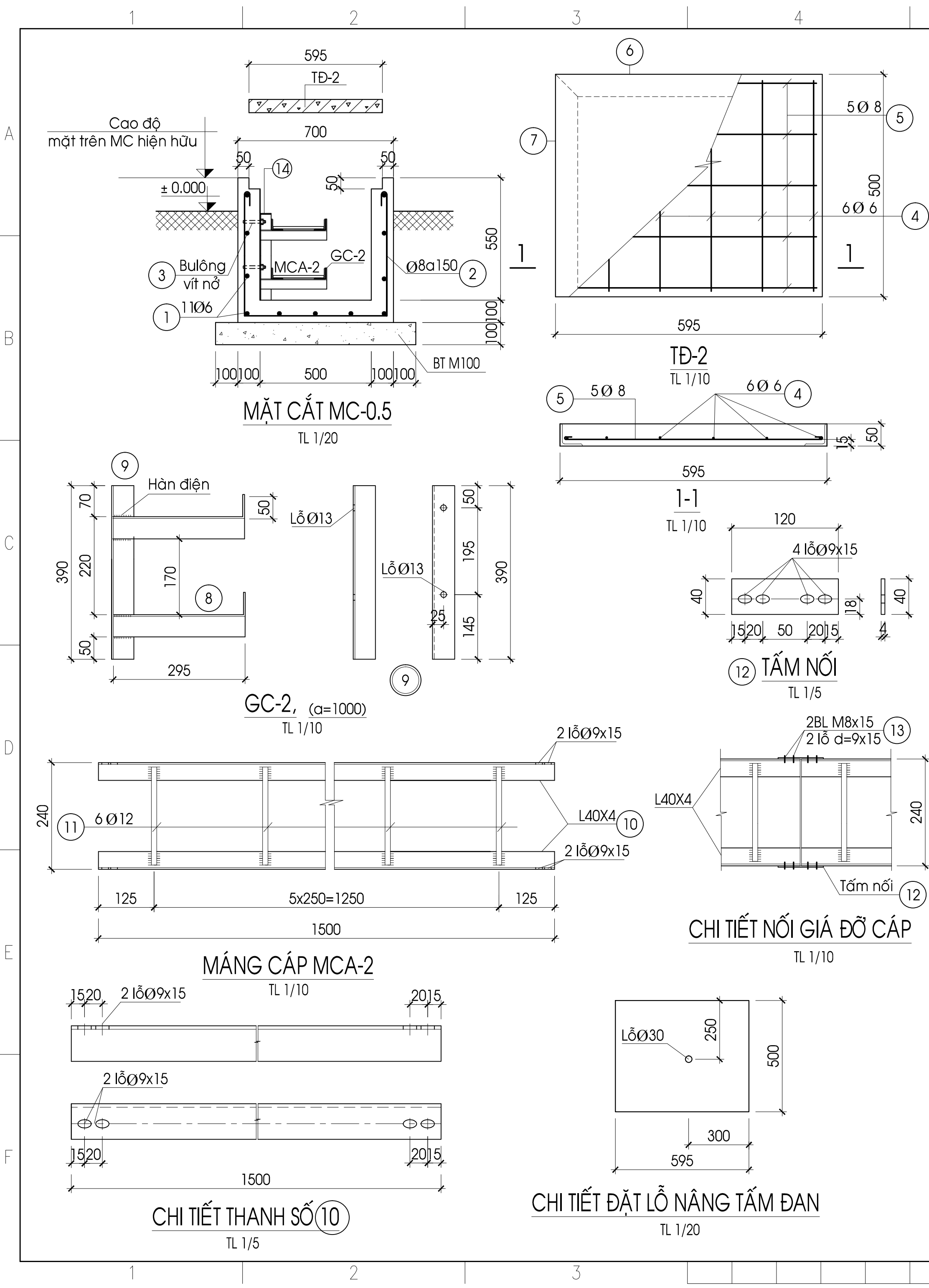
BẢNG KÊ THÉP							
Tên cấu kiện	Số hiệu	Quy cách	Chiều dài (mm)	Số lượng	Trọng lượng(kg)		Ghi chú
					Chi tiết	Toàn bộ	
K - 5	1	30Al	1600	1	8.9	8.9	
	2	Dy50x5	3550	1	19.5	19.5	
	3	-10x400	400	1	12.56	12.56	
	4	-6x50	150	4	0.35	1.40	
	5	-6x170	250	4	2.0	8.0	
	6	-10x150	628	1	7.4	7.4	
	7	-10x80	500	4	3.14	12.56	
	8	-10x120	500	4	4.71	18.84	
	9	-10x150	644	1	7.58	7.58	
Tiếp đất	10	-4x50	60	1	0.10	0.10	Không có đai ốc
		BLM16x40	40	1	0.08	0.08	
	11	10Al	300	1	0.2	0.2	
Trọng lượng tổng cộng (kể cả mạ kẽm) : 101 kg							

GHI CHÚ:

- 1- Thép sử dụng có : giới hạn chảy R= 2450 daN/cm²
giới hạn bền R= 4000 daN/cm²
- 2- Các chi tiết kim loại đều phải mạ kẽm nhúng nóng với:
Thép > 6mm chiều dày mạ kẽm 110 μm
Thép ≤ 6mm chiều dày mạ kẽm 100 μm
Bu lông chiều dày mạ kẽm 55 μm
- 3- Hàn theo TCVN 1691-75, que hàn E43 X(X=1-5) hoặc tương đương
- 4- Chi tiết 11 có 1 đầu hàn vào chi tiết số 9 với Hh=4mm



Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT CHỐNG SÉT CCS-17 KIM THU SÉT K-5	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
C.T.T.K	Trương Minh Tuấn		
Kiểm tra	Lê Hiếu Hạnh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Hoàng Quốc Minh	ĐD1-16-14D,TR-VC-XD-03/2	03/03



BẢNG KÊ THÉP MƯƠNG CÁP MC-0.5 (21M)									
Cấu kiện	STT	Hình dạng	Ø	Chiều dài 1 thanh(mm)	Số lượng	Chiều dài t.cộng(m)	Cho 1 cấu kiện		
							Ø	Ch.dài(m)	Kh.lg (kg)
MC-0.5 (L=21m)	1		6	21100	11	232.1	6	232.1	51.53
	2		8	1940	141	273.54	8	273.54	108.05
	3	Bulông vít	M12	100	44		M12	0.1	44 bộ
TĐ-2 (SL=42)	4		6	592	05	2.96	6	2.96	0.66
	5		8	712	05	3.56	8	3.56	1.41
	6	L50x4	L50	595	02	1.19	L50	2.19	6.68
	7	L50x4	L50	500	02	1.0			
GC-2 (SL=23)	8	L50x5	L50	345	02	0.69	L50	0.69	2.6
	9	L50x5	L50	390	0.1	0.39	L50	0.39	1.47
MCA-2 (SL=28)	10	L40x4	L40	1500	02	3.0	L40	3.0	7.26
	11		12	230	06	1.38	12	1.38	1.23
	12	-120x40x4	-40x4	120	02	0.24	-40x4	0.24	0.3
	13	Bu lông xi mạ M8X20	M8	20	224		M8	0.02	0.035
TĐĐ	14	-4x40	-4	21000	01	21.0	-4	21.0	
	15	Bulông M12	M12	35	04		M12	0.035	

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG				
	B7.5 (M100) m3	B15 (M200) m3	Bê tông nắp đan mương cáp, B15 (m3)	CHI CHÚ
MC-0.5	1.89	3.675	0.625	

- GHI CHÚ**
- Cốt ±0.000 là cốt nền trạm chưa rải đá.
 - Nắp mương cáp, mương cáp MC-0.5 được đúc bằng bê tông cấp bền B15, đá 1 x 2 (M200). Khoảng cách giá đỡ cáp α=1.0 mét, Máng cáp được đặt trực tiếp lên giá cáp.
 - Bê tông lót đáy mương cáp được đúc bằng bê tông cấp bền B7.5, đá 4x6, (M100)
 - Thanh số 6, 7; GC-2, MCA-2 và TĐĐ được mạ kẽm nhúng nóng, theo tiêu chuẩn 18TCN-04-92 với chiều dày lớp mạ 100 µm
 - Hàn theo TCVN 1691-75, que hàn E43 X (X=1-5) hoặc tương đương, chiều cao đường hàn h=5mm, kiểu hàn C2.
 - Thép dùng loại có giới hạn chảy=2450kG/cm2, giới hạn bền=4000kg/cm2.
 - Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN 1889-76 và TCVN 1897-76, cấp bền 4.6.
 - Một bộ bu lông gồm: 1 bu lông, 1 đai ốc, 2 vòng đệm.
 - Đầu thanh số 8 được cắt tại sống thanh (L) một đoạn bằng 5cm và bẻ gấp lại.
 - Tại đầu các nhánh mương cáp MC-0.5, các máng cáp tại mỗi tầng được hàn dính với giá cáp một điểm
 - Thép có đường kính D<=10 dùng loại CB-240T (Al)
 - Mỗi nhánh MC-0.5, Trên các thanh TĐĐ đục khoan 02 lỗ D13 (liên kết tiếp địa)

01			
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2-VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		MỞ RỘNG NGĂN LỘ 110KV TẠI TRẠM 110KV VĨNH CHÂU	
PGĐ.Trung Tâm	Nguyễn Thanh Lâm	MƯƠNG CÁP MC-0.5	
CNTK	Lê Anh Tuấn		
CTTK	Trương Minh Tuấn		
Kiểm tra	Nguyễn Thị Lê Hoa	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12/2019
Thiết kế	Trần Quang Đồng	ĐD1-16-14D.TR-VC-XD-04	01

